THÔNG THIÊN HỌC
Minh Triết Thường Lượng
Không Tôn Giáo Nào Cao Hơn Chân Lý

VÕ-TRỤ VÀ CON NGƯỜI

Tác-giả: NGUYỄN-VĂN HUẤN và NGUYỄN-THỊ-HAI

1957

Đánh máy: Điểm Dung

VÕ-TRỤ VÀ CON NGƯỜI

1957

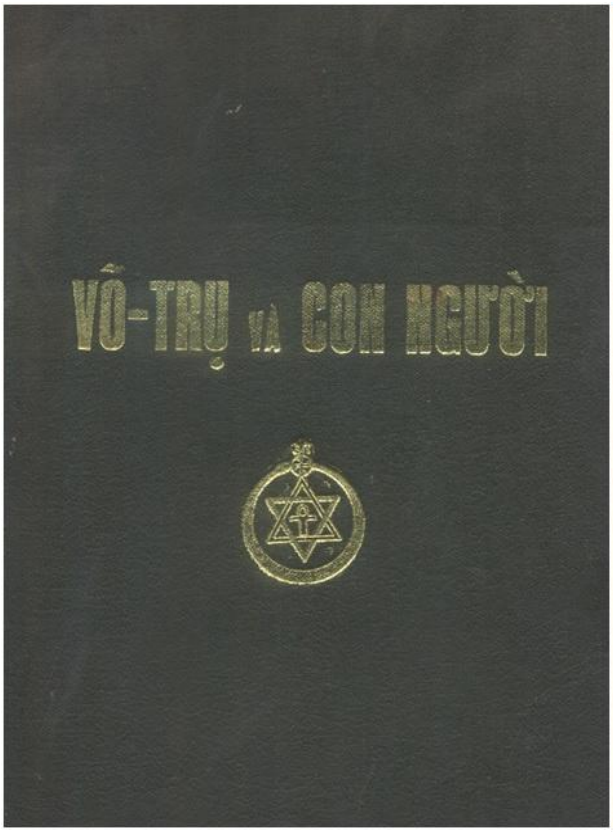

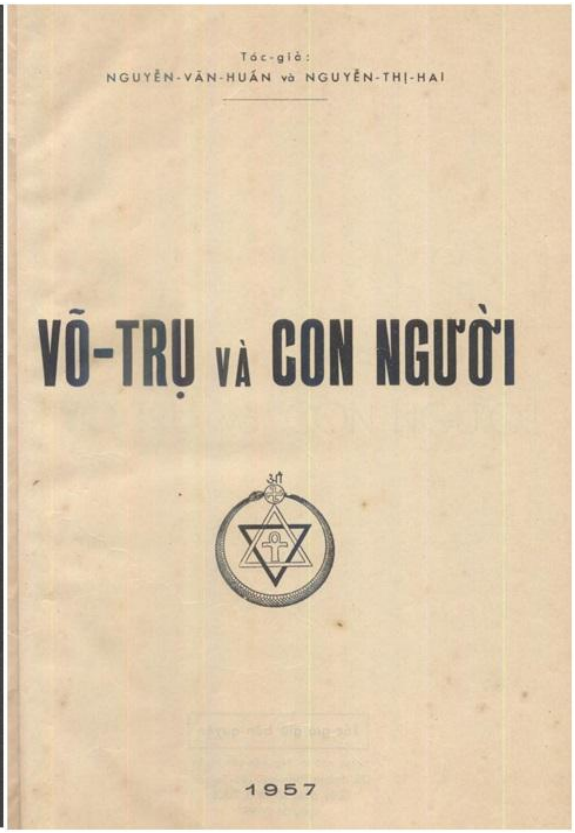

Bà H. P. BLAVATSKY

Kính tặng,

Bà HELEONA PETROVNA BLAVATSKY

Là bậc tiền-phong sáng-lập Hội Thông-Thiên-Học Thế-giới năm 1875

Với tấm lòng tôn-sùng và biết ơn.

Ông H. S. OLCOTT

Kính tặng,

Ông HENRY STEEL OLCOTT

Là bậc tiền phong; sáng lập Hội Thông-Thiên-Học Thế-giới năm 1875

Với tấm lòng tôn-sùng và biết ơn.

Bà Bác-sĩ ANNIE BESANT

Kính tặng,

Bà Bác-sĩ ANNIE BESANT

Là một bậc vĩ-nhân của Hội Thông-Thiên-Học đã giúp chúng tôi hiểu đặng một phần nào bộ Giáo-Lý Nhiệm-Mầu của Bà H. P. Blavatsky.

Với tấm lòng yêu kính và biết ơn.

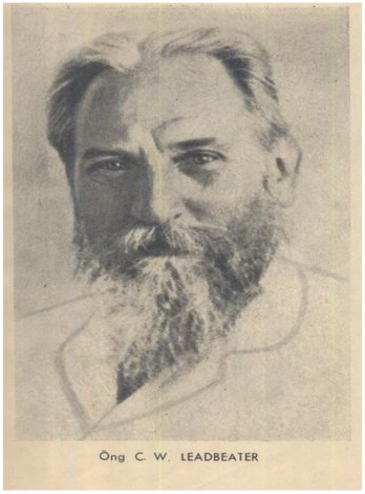

Ông C. W. LEADBEATER

Kính tặng,

Ông C.W. LEADBEATER

Là người đã làm cho chúng tôi cảm-biết đặng thế-giới vô-hình linh-diệu ở bên kia cõi-trần.

Với tấm lòng yêu kính và biết ơn

Ông C. JINARÂJADÂSA

Kính tặng,

Ông C. JINARÂJADÂSA

Là một vị Huynh-Trưởng của chúng tôi, đã đem đến cho chúng tôi một Tia Hy-Vọng tràn-trề ở tương-lai và một Nguồn Cảm-Hứng bất-diệt!

Với tấm lòng yêu mến và biết ơn.

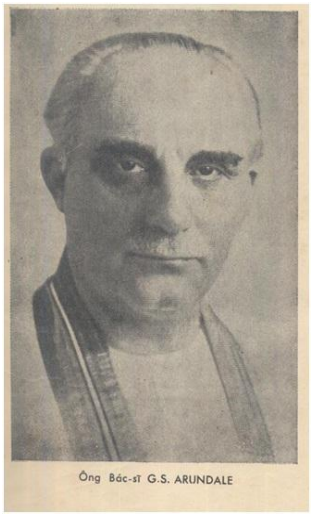

Ông Bác-sĩ G.S. ARUNDALE

Kính tặng,

Ông Bác-sĩ G.S. ARUNDALE

Là người đã giúp chúng tôi thấy đặng quyền năng của Tạo-Hóa và Con Người

Với tấm lòng yêu kính và biết ơn.

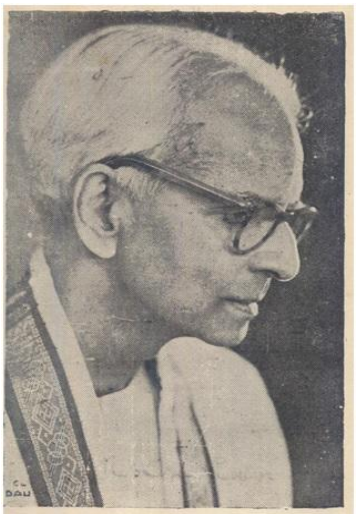

Ông N. SRI RAM

Kính tặng,

Ông N. SRI RAM

Là người đã đem đến cho chúng tôi một nguồn cảm-hứng thiêng-liêng giữa cõi đời đen tối nầy.

Với tấm lòng tôn-sùng và thương-mến.

Bà DEVI RUKMINI ARUNDALE

Kính tặng,

Bà DEVI RUKMINI ARUNDALE

Là người đã làm cho chúng tôi hiểu đặng Bác-ái là gì?

Với tấm lòng yêu kính và biết ơn.

ÔNG GABRIEL MONOD HERZEN

Kính tặng,

Ông GABRIEL MONOD HERZEN

Nguyên Khoa-trưởng Trường Đại-Học Khoa Học Saigon.

Là người đã thương yêu và dìu-dắt chúng tôi buổi đầu tiên trên đường Đạo.

Với tấm lòng yêu mến và biết ơn.

Ông GEOFFREY HODSON

Kính tặng,

Ông GEOFFREY HODSON

Giám-đốc Trường Minh-Triết ở Adyar (Ấn-độ) khóa 1955

Là người đã cho phép chúng tôi được tự-do dùng những hình ảnh do nhãn-quang của ông thấy và trình bày trong quyển: "The Kingdom of the Gods".

Với tấm lòng biết ơn.

Kính tặng,

Cha và Mẹ của chúng tôi, đã dày công dưỡng-dục và giáo-hóa chúng tôi trên đường Nghĩa-Vụ và Tinh-Thần.

Với tấm lòng thương yêu, tôn kính và biết ơn vô cùng!

VÀI LỜI NÓI ĐẦU

Quyển "Võ-Trụ và Con Người" nầy viết ra, một phần lớn do người bạn trăm năm của tôi là: Nguyễn-thị-Hai. Công tôi nghĩ ra cũng không gì đáng gọi mà phải phô trương tên tuổi. Tôi đã từ-khước, nhưng bạn tôi đã khước-từ và bảo rằng: "không có anh đề-xướng, không có anh tổ-chức giảng giáo giáo-lý T. T. H. cho một nhóm anh em đòi hỏi Chân-lý, không có anh thảo-luận, không có anh giản-dị hóa những tư-tưởng, những triết-lý khô-khan và khó hiểu nầy, không có anh cộng tác và nếu không có anh hy-sinh để đưa nó ra đời, thì quyển sách nầy cũng mai một đi!"

Đó là lời của bạn tôi; nhưng đúng ra, quyển nầy được chào đời trước tiên là nhờ các nhà Đại-đức Thông-Thiên-Học Thế-giới như Bà H.P.Blavatsky, ông Đại-tá Olcott, Bà Bác-sĩ Annie Besant, ông Giám-mục C. W. Leadbeater, ông Bác-sĩ G. Arundale, ông Jinarâjadâsa, ông Powell, ông N. Sri Ram, Bà Rukmini Devi đã giúp cho tôi nhiều Chơn-lý, kế đó là nhờ cha mẹ tôi, bạn tôi, các ông thầy dạy tôi học, các tầng lớp người trong xã-hội: Sĩ, Nông, Thương đã trực-tiếp hoặc gián-tiếp giúp đời tôi được đôi phần giác-ngộ, được thay đổi lớn lao, và được sống yên ổn làm công việc nầy.

Tôi tôn-kính và thành-tâm hiến dâng công-trình nầy để đền ơn công giác-ngộ, công nuôi-dưỡng, công khai sáng, công giúp đỡ.

Và tôi xin đưa giáo-lý nầy ra đời với sự tin-tưởng rằng: nó sẽ hữu-ích cho người khác cũng như nó đã thay đổi đời sống của tôi rất nhiều vậy.

Ngày 15 tháng giêng Đinh-Dậu

(13-2-57)

NGUYỄN-VĂN-HUẤN

LỜI NÓI ĐẦU 11

ĐẠI-THIÊN-ĐỊA hay là VÕ-TRỤ-HỌC 14

CHƯƠNG THỨ NHỨT: THÁI-DƯƠNG-HỆ 15

CHƯƠNG THỨ NHÌ: DÃY ĐỊA CẦU (chaine terrestre) 19

CHƯƠNG THỨ BA: BẢY CÕI CỦA NGÔI MẶT TRỜI 20

CHƯƠNG THỨ TƯ: Lập-thành Thái-Dương-Hệ 22

1- NGUYÊN-TỬ CỦA 7 CÕI 22

2 - NHỮNG TINH-VĂN HÓA-THÀNH TINH-CẦU 25

3 - HỘT NGUYÊN-TỬ CĂN BẢN HỒNG-TRẦN (Atome ultime physique) 25

4 - TOÁT-YẾU VỀ SỰ THÀNH-LẬP VÕ-TRỤ 27

CHƯƠNG THỨ NĂM: Ba Ngôi Thái-Cực Huyền-Không 28

CHƯƠNG THỨ SÁU: Những luồng sóng sinh-hoạt hay những luồng sanh-lực 32

CHƯƠNG THỨ BẢY: Bảy Loài - Những Ngươn 33

CHƯƠNG THỨ CHÍN: Luồng sóng Sanh-Hoạt thứ ba 38
CHƯƠNG THỨ MƯỜI: Lược đồ tiến hóa của các loài 40
CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT: Thành-lập dãy địa-cầu: Tổng quát 41
CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI: Dãy địa cầu: cuộc tuần-hườn thứ nhứt (Tạo ra hình thể buổi đầu)... 42
CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA: Dãy trái đất: cuộc tuần-hườn thứ nhì (Hình-thể tiếp-tục sửa đổi)..... 44
CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN: DÃY ĐỊA CẦU (Cuộc Tuần-hườn thứ ba)..... 46
CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM: Dãy Địa-cầu (Cuộc Tuần-hườn thứ tư)..... 48
PHẦN THỨ NHÌ: CÁC GIỐNG DÂN 50
CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU: Quả địa-cầu 50
Giống dân chánh thứ nhứt 50
CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY: Quả địa-cầu..... 51
Giống dân chánh thứ nhì..... 51
CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM: Quả địa-cầu 52
Giống dân chánh thứ ba ---Nhánh thứ I, II, III. 52
CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN: Nhánh thứ tư của giống dân chánh thứ ba..... 54
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI: Nhánh thứ năm thứ sáu và thứ bảy của giống dân chánh thứ ba 56
Nhánh thứ năm 56
Nhánh thứ sáu 56
Nhánh thứ bảy..... 56
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT: Giống dân chánh thứ tư hay là giống dân Ắt-lang (Atlande).. 57
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI: Ba nhánh đầu của giống dân chánh thứ tư..... 61
1. Nhánh thứ nhứt 61
2. Nhánh thứ nhì 62
3. Nhánh thứ ba..... 62
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA: Những cuộc Đại Hồng-Thủy..... 63
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN: Nền văn-minh của Pérou [[17]] Cổ-thời hay là Tàn-Tích của Dân Toltèques (Tôn-Téc) (12.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh) 64
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM: Nhánh thứ tư và nhánh thứ năm của giống dân chánh thứ tư: Dân Tu-ra-nhen (Touranien)..... 68
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU: Nhánh thứ năm của giống chánh thứ tư: Dân Sê-Mít (sémites) 69
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY: Nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ tư: Dân Ac-Ca-Diên (Akkadien) 69
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI TÁM: Nhánh thứ bảy của giống dân chánh thứ tư: Dân Mông-Cổ (Mongols) 70
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN: Giống-dân chánh thứ năm..... 70

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI: Thành-phố "Bông" (Ville du Pont) 72
QUYỂN HAI 75
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT: Nhánh thứ nhứt của giống dân chánh thứ năm: Dân A-ri-den (Aryen), Người Ấn-Độ 60.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh 75
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI HAI: Nhánh thứ hai Aryen: Người A-Rạp 40.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh 77
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BA: Nhánh thứ ba của giống dân chánh thứ năm Aryen 79
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BỐN: Nhánh thứ tư của giống dân chánh Aryen: Người Sen-tờ (Celtes) 20.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh 81
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI LĂM: Người Teutons 20.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh 85
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI SÁU: Nhánh thứ sáu Aryen 86
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BẢY: Nói về giống dân chánh thứ sáu và thứ bảy ở tương-lai (Lời tiên-tri của Ông C.W. Leadbeater - nhà có nhãn-quang) 87
PHẦN THỨ BA: VŨ-TRỤ VÀ CON NGƯỜI - TIỂU THIÊN ĐỊA 93
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI TÁM: TIỂU THIÊN ĐỊA: Chơn-thần giáng-lâm 93
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI CHÍN: Bảy Cung 95
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI: Đặc-tính của mỗi Cung 96
1. Đặc-tánh của Cung thứ Nhứt: Ý-CHÍ 96
2. Đặc-tánh của Cung thứ Nhì: BÁC-ÁI và MINH-TRIẾT 97
3. Đặc tính cung thứ Ba: Sự THÍCH-NGHI và khoa THIÊN-VĂN 97
4. Đặc-tánh Cung thứ Tư: Sự ĐIỀU-HÒA và THẨM-MỸ 98
5. Đặc tánh Cung thứ Năm: Sự ĐÚNG ĐẮN của KHOA HỌC 98
6. Đặc tánh của Cung thứ Sáu: Sự TÍN-NGƯỠNG và sự TÔN-THỜ 98
7. Đặc tánh Cung thứ Bảy: Sự CÚNG-TẾ có LỄ-NGHI và PHÙ-THỦY 98
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI MỐT: Những loài khác trong Vũ-Trụ: Tinh linh hay Ngũ hành (Esprit de la Nature) 102
CHƯƠNG THỨ BỐN HAI: Thiên-Thần (Dévas) 114
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BA: Trọng-trách của Thiên-Thần 123
QUYỂN BA 126
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BỐN: Phàm-Nhơn hay là Tam-thể-hạ 126
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI LĂM: Hồn-khóm: Tổng quát 129
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI SÁU: Hồn-khóm trong loài Kim-Thạch 133
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BẢY: Hồn-Khóm trong loài Thảo-Mộc 135
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI TÁM: Hồn-khóm trong loài Cầm Thú 137
CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI CHÍN: Thoát Kiếp Thú 141
CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI: Bảy giai-đoạn tiến-hóa của muôn loài vạn-vật 144

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI MỐT: Thoát Kiếp Thú (tiếp theo): Phương-pháp và Trình-độ..... 148
CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI HAI: Hột nguyên-tử trường-tồn: Sự liên-quan giữa nguyên-tử..... 151
CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI BA: Đường Kim-Quang-Tuyến với kẻ hấp-hối..... 153
CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI BỐN: Sự hữu-ích của những hột Nguyên-tử trường-tồn..... 154
CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI LĂM: Những hột nguyên-tử trường-tồn, và khi hết dùng đến chúng nó nữa 156
CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI SÁU: Sự cần ích của Luân-Hồi 158
CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI BẢY: Luân-Hồi là cần-kíp 160
CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI TÁM: Luân-Hồi (tiếp theo): GIẢI-THÍCH NHỮNG BÀI TOÁN-ĐỐ KHÓ-KHĂN Ở ĐỜI..... 166
CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI: I. Ý muốn Đầu Thai 180
CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI MỐT: II. Cách Đầu Thai..... 181
CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI HAI: III. Xác trẻ con với Luân-hồi 183
CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI BA: Luật Nhân-Quả 185
NHÂN-QUẢ VÀ LUẬT TỰ-NHIÊN 186
NHÂN-QUẢ VÀ KHÍ-LỰC 187
CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI BỐN: Luật Nhân-Quả (tiếp theo)..... 196
I. Karma không cưỡng-chế ta 196
II. Karma khởi đầu vào lúc nào?..... 197
III. Luật Karma hạn-chế ta đến chừng mực nào? 198
IV. Mỗi người chúng ta đều có gây trong quá-khứ một cái Karma riêng 198
CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI LĂM: Luật Nhân-quả đối với tư-tưởng, tình-cảm và việc làm (tiếp theo) 201
1. Tư-tưởng tạo ra tánh-tình..... 201
2. Dục-vọng đưa người đến vật sở-vọng 202
3. Cái hạnh-phúc hay cái khổ-nàn của bạn là do cái hạnh-phúc hay cái khổ-nàn mà bạn đã tạo cho kẻ khác 202
CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI SÁU: Con người tự định số mạng mình 203
CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI BẢY: Kết-luận Luân-Hồi và Quả-Báo CÓ ẢNH HƯỞNG GÌ ĐẾN ĐỜI SỐNG TA? 205

LỜI NÓI ĐẦU

“Connais-toi, toi-même, et tu connaitras l’univers”.

SOCRATE

“Ngươi hãy biết ngươi, rồi sẽ biết Võ-Trụ”.

SOCRATE

Trên đường đời gió bụi, lắm lúc ai cũng tự hỏi rằng: “Ta ở đâu đến đây? Ta đến đây để làm gì? Rồi Ta sẽ về đâu?” Cũng đôi khi, trong cơn lắm đau khổ, con người, tự-vấn như vầy: “Tất cả cuộc đời có phải chăng là một sự ngẫu-nhiên? Luật Công-Bình có thống-trị thế-gian không?”

Các tôn-giáo chánh-đại trên địa-cầu đều có trả lời những câu hỏi nầy, nhưng không làm cho tất cả mọi người đều được hài lòng: câu thì làm thỏa-mãn lý-trí, thường không làm thỏa-mãn tâm-tình; câu thì làm thỏa-mãn tâm-tình lại không làm cho lý-trí khuất-phục. Chỉ nên những nguyên-lý của các hiện-tượng xảy ra dưới trần, những nỗi bất công biểu-hiện vẫn còn ở trong vòng mờ tối, đối với đại đa số người đời.

Người ta tự-nhiên cố tìm-hiểu các Chơn-lý ẩn-tàng huyền-bí có thể làm thỏa-mãn đặng vấn-đề “Võ-trụ và Nhơn-Sanh”.

Trong sự tìm kiếm nầy, người thấy tất cả tôn-giáo đều lập một nền tảng chung - dù nghi-thức có khác - chúng chỉ là “Một” mà thôi. Người ta còn tìm nữa; người ta tìm những nguyên-lý cổ-thời, huyền bí của xứ Ấn-Độ, đã làm cho một số người trên địa-cầu được giác-ngộ và được giải-thoát.

Quyển “Võ-Trụ và Con Người” nầy cũng là một kết-quả sưu-tầm chơn-lý trên 25 năm trường tu-học, nghiên-cứu và kinh-nghiệm trong đời sống Đạo-lý của chúng tôi.

Nó giải-thích một cách hợp-lý những điều thắc-mắc xảy ra ở dưới trần và giúp cho con người hiểu đặng mình là một Điểm Linh-Quang làu làu sáng rõ, muôn kiếp vẫn còn, là một cái Tâm linh-động dưới các thể phách nặng nề, và đang tìm đường đi lên để Phản-Bổn-Hườn-Nguyên, hiệp-nhứt với Đấng Cha Lành toàn-tri, toàn-năng, toàn-lực ở cõi Đại-Niết-Bàn.

Một khi biết đặng nguồn gốc rồi, thì con người mới tự vạch đặng con đường tu-thân đúng đắn cho mình. Mà con đường ấy, muốn được hiệu lực, thì nó phải lập nền tảng trên sự hiểu-biết. Chính muốn giúp vào đấy một phần nào, nên quyển “Võ-trụ và Con người” mới ra mắt chào đời.

Sách nầy chia làm nhiều đoạn, nhưng đại khái có mấy khoản chánh sau nầy:

1) THÁI-DƯƠNG-HỆ là một sân-trường hoạt-động của bao triệu triệu sinh-linh, từ loài tinh-hoa các chất, đến kim-thạch, thảo-mộc, thú-cầm, loài người và các bậc siêu-nhân.

2) Võ-trụ không phải là một nơi mà Thiên-Lực biến-chuyển một cách ngẫu-nhiên. Từ ngàn xưa, mỗi một sự gì xảy ra đều phải tuân theo qui-luật, phải chịu dưới quyền điều-khiển của một Định-Luật chung. Định-Luật nầy là cách phát-biểu của cái “THỨC” ĐẠI-ĐỒNG, THIÊNG-LIÊNG, mà tất cả những cái gì, từ hột điện-tử đến đại-tinh-cầu, cũng đều có thấm-nhuần cái “Thức” ấy. Nhiều người gọi là cái “Thức” đó là “Thượng-Đế”, là “Trời”, là “Đạo”, là “Sự Tiến hóa” vậy.

3) MỖI SINH-LINH LÀ MỘT TIỂU-THIÊN-ĐỊA. Bản-chất thiêng-liêng của Đức Thượng-Đế đều ở trong tâm mỗi người, dù nam hay nữ. Ta không phải là phàm-nhơn với ba thể: xác thân, tình-cảm và tư-tưởng (xác, vía, trí), hữu-hoại nầy. Chúng nó là những y-phục của ta mặc vào một lúc, rồi bỏ ra. Ta là những sinh-linh bất-tử hàm-chứa sự Hoàn-Thiện của Thượng-Đế trong tâm của ta, cũng như Nó sống, "hoạt-động và tồn-tại" ở trong Lòng Ngài. Bao giờ ta chưa đánh-thức đặng Nó, thì Nó vẫn còn trong trạng-thái phôi-phai mà thôi.

4) Muốn cho những mầm thiêng-liêng ấy nảy-nở, con người phải LUÂN-HỒI kiếp nầy sang kiếp khác, để thu-thập những sự kinh-nghiệm xuyên qua các giống dân và các cõi trời. Ta sanh trưởng dưới thế-gian cũng như bước vào một công-xưởng, hoặc một phòng thí-nghiệm. Nơi đây, ta sanh-sản, tạo-tác, hoạt-động, làm xong nhiệm-vụ, rồi từ-giả cõi đời mà trở về Quê cũ.

5) Những tàn-tích cổ-thời xuyên qua CÁC GIỐNG DÂN đã làm cho ta thấy đặng dĩ vãng và tương-lai của nền văn-minh nhân-loại. Ta biết ta thuộc về GIỐNG DÂN PHỤ của GIỐNG DÂN CHÁNH nào, để hoạch-định cuộc đời ta cho thích-hợp.

6) Trong khi ta sống và hành-động, có lúc ta thành-công, có lúc ta thất-bại, vá tùy theo tính vị-tha hay vị-kỷ mà ta làm điều thiện hay điều ác. Khi ta làm điều ác, là ta làm mất sự điều-hòa, sự thăng-bằng của Tạo-Hóa, nên ta phải lập lại sự điều-hòa ấy, sự thăng-bằng ấy xuyên qua những bài học đớn-đau, ta phải tự xóa nó bằng một điều thiện. Còn điều thiện, ta phải cải-hóa ra bằng một điều thiện rộng lớn hơn. Luôn luôn ta phải chịu dưới quyền điều-khiển của một Định-Luật thích-hòa, chi-phối mỗi tư-tưởng, lời nói và hành-vi của ta. Ta gọi Định-Luật ấy là ĐỊNH-LUẬT NHÂN-QUẢ để cân-phán tội-phước một cách Công-Bằng.

TÓM LẠI, quyển "Võ-Trụ và Con Người" sẽ đem lại cho chư-vị học-giả nhiều hứng-thú. Hỏi có sự cảm-động nào bằng khi ta dò theo một linh-hồn trên đường tiến-bộ tuyệt-luân, từ buổi sơ-sinh lìa khỏi lòng Từ-Phụ trên cõi Tối-Đại-Niết-Bàn, để đi sâu vào vật-chất, thay hình đổi dạng biết mấy triệu triệu lần, trải bao cuộc thử lòng cay đắng, dị-kỳ, bao cảnh tang-thương, sầu khổ và chiến-đấu cho tới lúc trở về Quê Cũ, thắng cả mọi điều trở ngại, hai tay ôm đầy quả đẹp của sự kinh-nghiệm muôn đời? Biết bao nhiêu cảm-động và vui mừng, khi ta thấy đặng sự vinh-quang vô-tận của kiếp sống con người, sự tiến-hóa không bờ bến của linh-hồn bất-tử và cái uy-lực, thiêng-liêng, toàn-năng, toàn-thiện điều-khiển muôn loài vạn-vật?

Đọc quyển "Võ-Trụ và Con Người" rồi, chư-vị sẽ thấy trên đường hành-hương kỳ-diệu, muôn vạn sinh-linh đều tương-quan với nhau, kết thành một khối duy-nhứt, thường biến, hằng tiến. Các nguyên-tử cấu-tạo ra vạn-vật, tuy vốn rời-rạc nhau, nhưng vẫn liên-quan mật-thiết với nhau, nối-tiếp với nhau trong thế-giới vô-hình và hữu-hình, để đoàn kết thành một khối thiêng-liêng duy-nhứt trong bầu võ-trụ bao-la…

Xuất-bản quyển "Võ-Trụ và Con Người" nầy, chúng tôi không có kỳ vọng vén màn bí-mật của Thiên-Cơ; chúng tôi chỉ trình bày, tùy sức những chơn-lý chánh-đại ẩn tàng trong những tôn-giáo, những giáo-lý bí-truyền hay trong các hiện-tượng cổ-kim. Chúng tôi rất cám ơn những tác-giả đã giúp chúng tôi tài-liệu như: Ông E. POWELL do năm quyển: 1) Cái Phách (Le double éthérique) 2) Cái Vía (Le corps astral) 3) Cái Trí (Le corps mental) 4) Cái chân-thân (Le corps causal) 5) Thái-Dương-Hệ (le système solaire); Bà H.P. BLAVATSKY do bộ Giáo lý Nhiệm-Mầu (La Doctrine secrète) (6 quyển); Bà ANNIE BESANT do quyển "Nghiên-cứu về Tâm-Thức (Etude sur la conscience); Ông Jinarajadasa do quyển Evolution occulte de l'humanité v v… Chúng tôi rút đại-ý trong đó, và thêm vào sự hiểu-biết kinh-nghiệm riêng của chúng tôi, viết thành quyển "Võ-Trụ và Con Người" với văn-từ thông-thường dễ hiểu.

Chúng tôi cũng cảm tạ huynh Đinh-văn-Bách, sau khi ở sở về, đã nhọc nhằn, cố gắng, ngày nầy qua ngày nọ, vẽ hầu hết những đồ-hình trong sách.

Chúng tôi cũng cảm tạ ông Geoffrey Hodson (Giám-đốc Trường Minh-Triết của Hội Thông-Thiên-Học Thế-giới tại Adyar, Madras (Ấn-độ) khóa 1952—1953) có lòng tốt cho phép chúng tôi tự -do rút những hình Thiên-Thần đã đăng trong quyển sách của ông nhan-đề là "Thế-giới Thần-Tiên" "The kingdom of the God" (do nhãn-quang ông đã thấy).

Chúng tôi mong rằng: sự hiểu biết ban sơ về "Võ-Trụ và Con Người" sẽ giúp cho chư-vị học-giả đi sâu vào Đường Đạo dễ-dàng, cũng như những viên đá đầu-tiên, thô-kịch kia là nền-tảng cho cái lầu-đài tốt-đẹp ở tương-lai.

Mong thay!

Sàigòn, ngày 13 tháng 11 năm Bính-Thân

(14 tháng 12 năm 1956)

NGUYỄN-VĂN-HUẤN VÀ NGUYỄN-THỊ-HAI

ĐẠI-THIÊN-ĐỊA hay là VŨ-TRỤ-HỌC

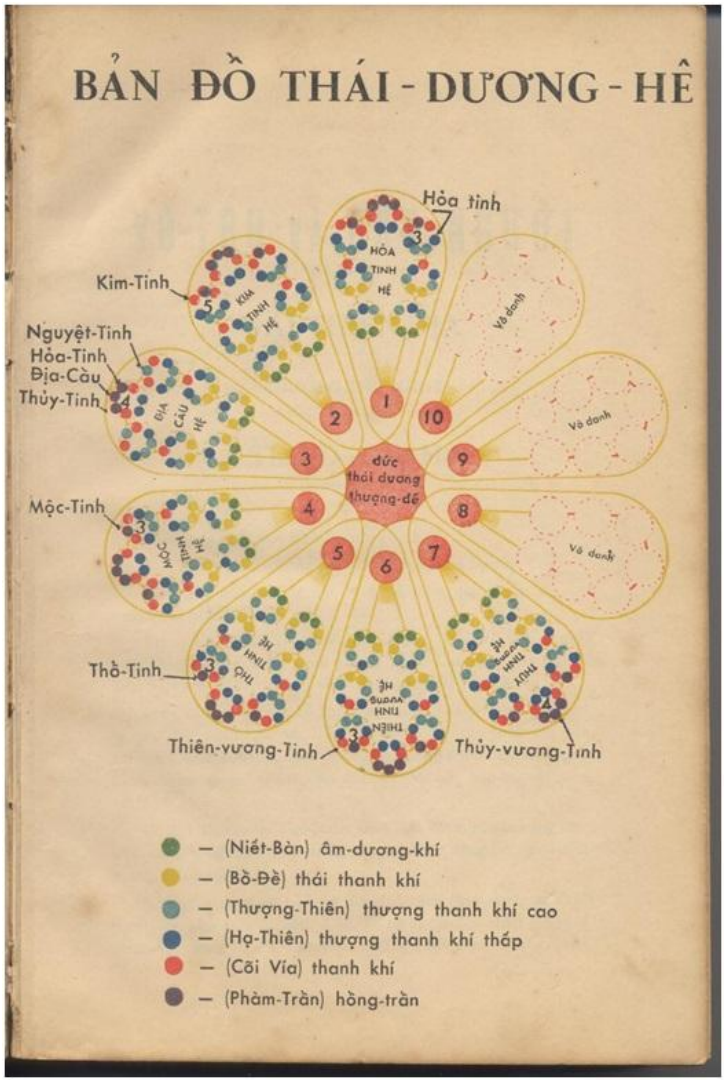

CHƯƠNG THỨ NHỨT: THÁI-DƯƠNG-HỆ

Tại sao ta phải học về võ-trụ trước? Vì võ-trụ là trường hoạt-động của Con Người. Võ-trụ ví như miếng đất dùng để gieo mạ. Muốn học về "mạ" thì phải biết qua miếng đất. Trong CÀN-KHÔN có biết bao nhiêu bầu VÕ-TRỤ lay chuyển trên không-trung, ngày đêm chẳng ngớt. Chúng ta đây đang ở trên một bầu võ-trụ thuộc về Thái-Dương-Hệ của chúng ta.

Giữa cảnh núi cao, bể rộng, bầu trời mênh-mông, bát-ngát, ta quay lại nhìn thân ta, thấy bé nhỏ, cỏn con, như cái sâu, cái kiến, như bọt nổi, như cánh bèo, mong-manh dật-dờ, giữa cảnh hùng tráng, vĩ-đại của đất trời đồ-sộ, bao-la, vô cùng, vô tận! Có đi khắp nước Việt-Nam, mới biết đất nước ta rộng lớn: núi cao, sông dài, đồi núi chập-chồng, đồng ruộng mênh-mông, bát-ngát. Nhưng nếu ta giở bản-đồ thế-giới, mới hay nước ta chỉ là một phần nhỏ của 5 châu, 4 bể. Ta có đi du-lịch khắp thế-giới: Sang Âu, sang Á, lên Bắc-Cực, xuống Nam-Cực, đi tàu biển, đi ô-tô, đi tàu bay, dùng mọi cách thông thường, thăm rừng sâu, núi thẳm, qua những đại dương, tàu đi hằng tháng không thấy bờ, mới biết quả đất ta ở là lớn. Nhưng trái đất ta đây, so với Thái-Dương-Hệ, lại chả thấm vào đâu!

Vậy Thái-Dương-Hệ là gì? (Đồ hình số 1) Thái-Dương-Hệ là một ngôi mặt trời có 10 Hệ Tiến-Hóa (système d'évolution) xây xung quanh. Mỗi Hệ Tiến-Hóa có 7 dãy Hành-Tinh (chaines planétaires). Mỗi dãy Hành-Tinh có 7 bầu (globes). [[1]] (xem đồ hình số 2)

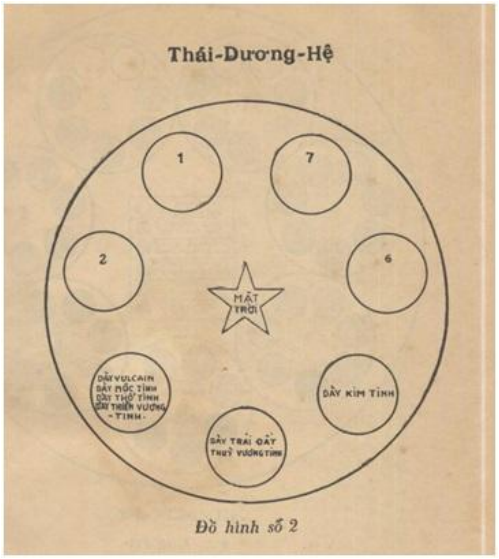

Đồ hình số 2

TOÁT YẾU: Trên đây là Thái Dương Hệ với 7 hệ tiến hóa, (3 hệ kia vô danh nên không vẽ). Một hệ tiến hóa có 7 dãy hành tinh. Một Dãy hành tinh có 7 bầu (globes). Hệ tiến hóa số 3 ít tiến hóa hơn hệ tiến hóa số 4. Hệ tiến hóa số 4 ít tiến hóa hơn hệ tiến hóa số 5.

Tuy rằng có 10 Hệ Tiến-Hóa chớ người ta chỉ kể có 7 mà thôi, vì ba Hệ kia không có địa-cầu (globe terrestre) nên không có tên. Bảy Hệ Tiến-Hóa ấy là:

1---Hỏa-Tinh-Hệ (système de Vulcain)
2---Kim-Tinh-Hệ (système de Vénus)
3---Địa-Cầu-Hệ (système de la Terre)
4---Mộc Tinh-Hệ (système de Jupiter)
5---Thổ-Tinh-Hệ (système de Saturne)
6---Thiên-Vương-Tinh-Hệ (système d'Uranus)
7---Thủy-Vương-Tinh-Hệ (système de Neptune)
(xem đồ hình số 1)

Mỗi một Thái-Dương-Hệ đều có một vị Chúa-Tể tức là Đức Thái-Dương-Thượng-Đế. Ngài sanh hóa một ngôi mặt trời và vạn-vật, tiếng Pháp gọi Ngài là Logos Solaire. Ngài có những vị phụ-trách và các Đấng Huyền-Thiên Thượng-Đế (logosplanétaires) để lo việc tiến-hóa cho võ-trụ của Ngài. Những vị Huyền-Thiên Thượng-Đế có thể nói là những Trung-Tâm Mãnh-Lực hay Huyệt Bí-yếu (chakras) của Ngài vậy. Mỗi vị Huyền-Thiên Thượng-Đế cai-quản một Hệ Tiến-Hóa. (Đồ hình số 3)

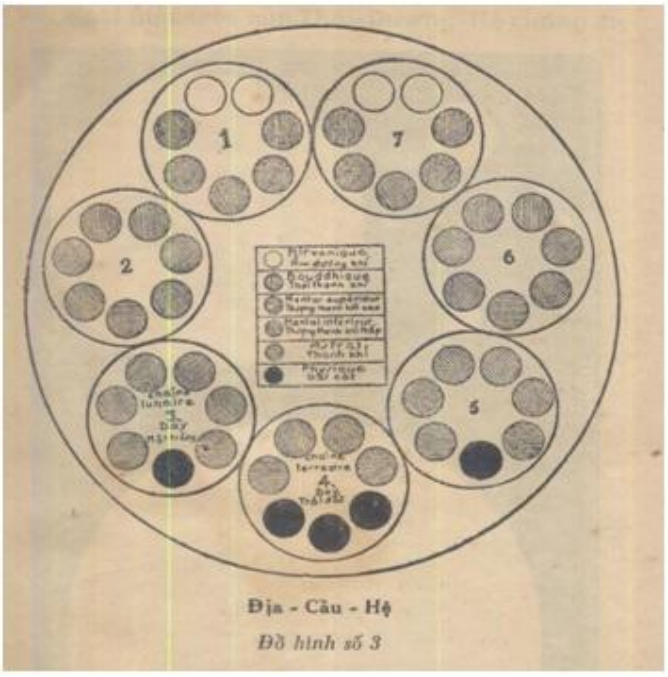

Đồ hình số 3

TOÁT YẾU: Mỗi Dãy hành tinh của một hệ tiến hóa có 7 bầu. Hình số 1 là dãy thứ nhứt. Hình số 2 là dãy thứ nhì. Hình số 3 là dãy thứ ba v.v… Muốn biết mỗi bầu hành tinh làm bằng chất khí nào thì xem hình ở chính giữa. Dãy thứ nhứt đồng chất với dãy thứ bảy. Dãy thứ nhì đồng chất với dãy thứ sáu. Dãy thứ ba đồng chất với dãy thứ năm. Dãy thứ tư làm đường vạch (trait d'union) có ba bầu làm bằng chất hồng trần.

Các nhơn-vật trên Thái-Dương-Hệ đồng tiến-hóa mãi mãi. Kim-thạch thành thảo-mộc, thảo-mộc thành thú-cầm, thú-cầm thành con người và con người thành Tiên, Phật; Tiên, Phật thành các vị Thái-Dương Thượng-Đế, sanh-hóa những ngôi mặt trời khác. Cứ thế sanh-sanh, hóa-hóa, không biết mấy muôn mấy triệu vị Thái-Dương Thượng-Đế, và mấy muôn mấy triệu ngôi mặt trời.

Mặt trời của ta, sớm mơi mọc phương Đông, chiều lặn phương Tây, cũng là một ngôi sao trong trăm triệu triệu ngôi sao khác. Có nhiều ngôi mặt trời lớn hơn ngôi mặt trời của ta đây cả muôn triệu lần, như hai ngôi mặt trời Cocher và Bégase. (Đồ hình số 4)

Những Ngôi mặt trời to lớn phi thường sánh với Ngôi mặt trời của Thái-Dương-Hệ chúng ta

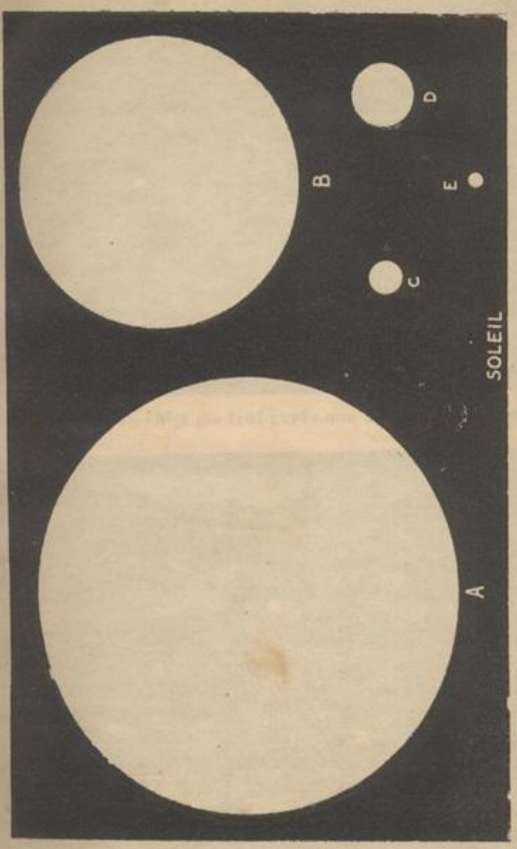

Đồ hình số 4.— A = là Ngôi một trời Cocher ; B = là ngôi mặt trời Pégase ; C = là Ngôi mặt trời Cocher ; D = là Ngôi mặt trời Bouvier ; E = là Ngôi mặt trời Cygne ; còn Soleil = là Ngôi mặt trời của Thái-Dương-Hệ của chúng ta hiện giờ (Astronomie par L. Rudaux, trang 333).

Càn-khôn rộng lớn bao la, muôn trùng tinh-tú. Ban đêm ta trông lên trời thấy ngôi sao nào nháy là ngôi mặt trời. Mà mỗi ngôi mặt trời là mỗi Thái-Dương-Hệ.

Thái-Dương-Hệ của ta (vì trong đó có quả địa-cầu của ta đang ở) chỉ là một phần-tử nhỏ trong Ngân-Hà (galaxie). Mà Ngân-Hà là một khối tinh-vân (nébuleuse) trùng-trùng điệp-điệp kết thành một vệt dài. Ngân Hà gồm những 100 nghìn triệu định-tinh hay ngôi sao. Nhưng Ngân-Hà lại là một phần-tử của Càn-khôn (theo khoa Thiên-văn hiện-đại). Một đêm tối ta nhìn xem dãy Ngân-Hà như một tấm lụa phất ngang lưng trời. Lấy thiên-văn-kính (téléscope) xem, ta có thể đếm hằng mấy triệu triệu ngôi sao tụ hợp từng nhóm, hoặc nằm theo hình khu ốc, hoặc chạy dọc theo đường dài. Nếu ta quay thiên-văn-kính khắp bầu trời, mọi nơi, ta sẽ thấy cả trăm triệu triệu ngôi sao đang nhấp nháy trên không trung. Nhưng chừng bỏ kính ra, ta không còn trông thấy các ngôi sao xa nữa, mà chỉ thấy những vài trăm ngôi sao gần nhứt, như cợt đùa sự bất lực của ta! (đồ hình số 5 và số 6).

Đồ hình số 5.— **Một góc trời xuyên qua mắt không** (*à l'œil nu*)

Đồ hình số 6.— **Cùng góc trời ấy xuyên qua ống thiên-văn-kính**
(Astronomie par L. Rudaux page 9)

Khoa thiên-văn cho ta biết rằng: Thái-Dương-Hệ của ta ở cách trung-tâm Ngân-Hà lối chừng 33.000 năm ánh sáng, và ngôi sao gần nhứt (trừ mặt trời) cũng phải cách là 500, 700 đến 1.000 năm ánh sáng.

Vậy một năm ánh sáng là gì? Khi đo dưới mặt đất, người ta dùng cây số ngàn làm đơn-vị. Khi nói hai ngôi sao xa nhau là bao nhiêu, thì các nhà khoa-học dùng "một năm ánh sáng" làm đơn vị. Thế thì "một năm ánh sáng" là một đơn-vị để đo khoảng không-gian, giữa hai ngôi sao hay hành-tinh mà ánh sáng phải vượt qua trong một năm, với tốc-lực 300.000 cây số mỗi giây đồng hồ. Một năm có bao nhiêu giây đồng hồ, thì bao nhiêu lần nhơn cho 300.000 cây số. Làm xong bài toán ấy, ta sẽ thấy một năm ánh sáng dài chừng 10 triệu triệu cây số (10.000.000.000.0000). Với ống Thiên-văn-kính, ta thấy hai ngôi sao gần nhau nhứt, thì cũng cách nhau 10 năm ánh sáng và những ngôi sao mà ta không thấy trong thiên-văn-kính cách ta đến một triệu năm ánh sáng!

CHƯƠNG THỨ NHÌ: DÃY ĐỊA CẦU (chaine terrestre)

Dãy Địa-Cầu có 7 bầu: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 (Đồ hình số 7), trong đó có bầu trái đất của chúng ta đang ở là bầu số 4. Bầu 1 và 6 làm bằng chất thượng-thanh-khí thấp. Bầu 2 và 7 làm bằng chất Thanh-khí. Bầu 3, 4, và 5 làm bằng chất Hồng-trần.

Dãy Địa-Cầu của chúng ta, nhứt là dãy thứ tư của Địa-Cầu-Hệ (Đồ hình số 2). Dãy thứ nhứt, thứ nhì và thứ ba của Địa-Cầu-Hệ đã tan rã từ lâu. Nhưng dãy thứ ba còn để di-tích lại là Nguyệt-Tinh (Mặt Trăng). Mặt Trăng nhỏ hơn quả Địa-Cầu 50 lần. Bầu Hỏa-Tinh (C) nhỏ hơn Địa-Cầu. Thể-tích nó chừng một phần bảy (1/7) của Địa-Cầu. Bầu Thủy-Tinh (1) cũng nhỏ hơn Địa-Cầu. Thể-tích nó chừng một phần sáu (1/6) của Địa-Cầu.

Khoa thiên-văn hiện-đại chỉ nói có ba bầu là: Hỏa-Tinh, Thủy-Tinh và Địa-Cầu, vì mấy bầu kia làm bằng chất khí khác với chất hồng-trần, nên mắt phàm thấy không đặng; chỉ trong khoa bí-truyền mới có nói mà thôi. Chúng nó cũng quây xung quanh mặt trời như các bầu thấy đặng.

Thiên-Thơ dạy rằng: "Nhơn vật ở dãy Kim-Tinh tấn-hóa hơn nhơn-vật ở dãy Địa-Cầu rất nhiều. Nên nửa phần thiên-hạ ở trên Kim-Tinh đều thành Tiên, Thánh, và đã qua dãy Địa-Cầu giúp nhơn-loại rồi. Còn nhơn-vật ở dãy Hỏa-Tinh lại thua nhơn-vật ở dãy Địa-Cầu. Khi nhơn-vật ở dãy Địa-Cầu tiến-hóa sẽ qua giúp-đỡ dãy Hỏa-Tinh."

Theo đồ hình số 7, ta thấy Địa-Cầu là một khối hồng-trần có ba lớp vỏ bên ngoài là: chất Thanh-khí, Thượng-Thanh-khí thấp và Thượng Thanh-khí cao. Tuy là nói lớp chớ thật ra các chất khí ấy đều đi thấu ngang qua được hết. Tỷ như lớp Thanh-khí đã túa ra khỏi mặt đất nhiều cây số mà chun thấu trái đất nữa. Còn chất Thượng Thanh-Khí cũng vậy, nó đã túa ra khỏi lớp thanh-khí mà còn đi thấu qua hai lớp kia nữa. Lớp Thanh-khí nầy là cái vía của Địa cầu: còn lớp Thượng-Thanh-khí ấy là cái trí của nó vậy. Trong đồ hình không có vẽ những lớp khí cõi Bồ-Đề, Niết-Bàn v.v… chớ tự nhiên quả Địa-Cầu chúng ta có đủ 7 chất khí của 7 cõi. Bầu Hỏa-Tinh và Thủy-Tinh cũng có 7 chất như thế. Nhưng đến bầu 2 và 6 thì lại không có chất hồng-trần, còn bầu 1 và 7 lại chỉ có chất Thượng-Thanh-khí mà thôi. Chất khí bầu nầy không thông-đồng đặng với bầu kia.

Đồ hình số 7

TOÁT-YẾU: Dãy Địa-cầu hiện-thời là dãy thứ tư của Địa-cầu-hệ (đồ hình số 3). Dãy thứ nhứt, dãy thứ nhì, dãy thứ ba đã tan rã từ lâu. Nhưng dãy thứ ba còn để lại một di-tích là mặt trăng, khô khan, chờ ngày tan rã. Trong dãy Địa-cầu có trái đất chúng ta đang ở. Bầu Hỏa-tinh, Địa-cầu và Thủy-tinh làm bằng chất hồng-trần.

XIN CHÚ Ý: Hễ nhơn-vật qua bầu hành-tinh nào, thì thể xác phải giống với chất của bầu hành-tinh ấy. Tỷ như nhơn-loại ở bầu trái Đất thì mới có xác thịt nầy. Nếu nhơn-loại sang qua bầu thứ 6 thì thân hình phải làm bằng chất thanh-khí (tức là cái vía).

CHƯƠNG THỨ BA: BẢY CÕI CỦA NGÔI MẶT TRỜI

Chất khí làm ra Thái-Dương-Hệ có 7 trạng-thái khác nhau, sắp trong 7 cõi theo thứ-tự thanh, trược.

Trên Hư-không cũng có 7 cõi gọi là cõi Huyền-không hay cõi Thái-Cực (7 plans cosmiques) trùng tên với 7 cõi Thái-Dương-Hệ mà ta kể sau đây:

1- Cõi thứ nhứt gọi là Tối-Đại-Niết-Bàn (Plan Adi ou Mahaparanirvâna). Chữ Adi là tiếng Phạn có nghĩa là: thứ nhứt.

2- Cõi thứ nhì gọi là cõi Đại-Niết-Bàn (Plan Anupadaka ou paranirvânique ou paranirvâna). Tiếng Phạn Anupadaka có nghĩa là: không mặc y-phục: bởi vì những điểm Linh-Quang hay Chơn-Thần (Monades) sanh ra không có thể (corps) nào bao bọc cả.

3- Cõi thứ ba gọi là cõi Niết-Bàn (Plan Atmique ou Nirvânique ou Nirvâna). Tiếng Phạn Atma có nghĩa là: Tinh-Thần hay là cõi Huệ.

4- Cõi thứ tư gọi là cõi Bồ-Đề (Plan boudhique ou intutionnel).

5- Cõi thứ năm gọi là cõi Thượng-giới hay cõi Trí (Plan mental).

Cõi nầy chia ra làm 2 cõi: cõi Thượng-Thiên (plan mental supérieur), và cõi Hạ-Thiên (plan mental inférieur). Cõi Thượng-Thiên là cõi Thượng-Trí hay cõi Vô-Sắc-Giới (Aroùpa) gồm có ba cảnh trên. Cõi Hạ-Thiên hay là cõi Hạ-Trí hay cõi Sắc-Giới (Roùpa) gồm bốn cảnh dưới. Cõi Hạ-Thiên, tuy là cõi thấp của Thượng-Giới, nhưng được các tôn-giáo gọi là Bồng-Lai.

6*- Cõi thứ sáu gọi là cõi Trung-giới (Plan Astral ou émotionnel).

7*- Cõi thứ bảy gọi là cõi Hạ-giới hay là cõi Phàm-trần (Plan physique).

Phần đông nhơn-loại chỉ hoạt-động trong ba cõi thấp là: cõi Hạ-giới, Trung-giới và Thượng-giới. Những vị đạo-đức cao [[2]] thì hoạt-động và tiến-hóa ở hai cõi trên kế đó. Hai cõi trên hết là cõi Tối-Đại-Niết-Bàn và Đại-Niết-Bàn là nơi hoạt-động của Đấng Thượng-Đế đem thần-lực bao trùm Thái-Dương-Hệ của mình.

Khoa Pháp môn dạy rằng: đúng 7 năm, thì Đức Thượng-Đế thêm thần-lực cho mặt trời đặng nuôi dưỡng loài vật ở trên mấy dãy Hành-Tinh. Thần-lực nầy ngưng tức là nguồn sống của vũ-trụ tan rã. Trí phàm không thể nào hiểu nổi hai cõi trên đây. Muốn dễ nhớ, ta có thể chia làm 3 giới theo bảng nầy:

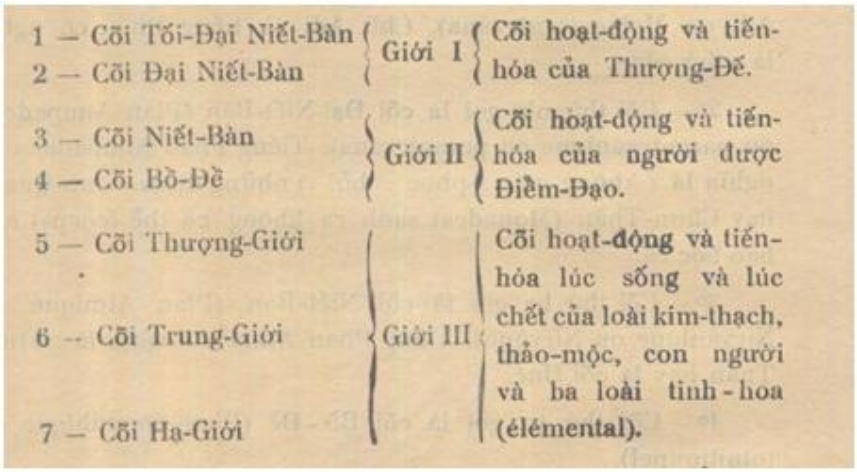

Mỗi cõi chia 7 từng hay 7 cảnh (sous-plans). Tất cả 7 cõi có 49 từng. Bảy cõi của Thái-Dương-Hệ thông-đồng với 7 cõi Huyền-Không. Cõi Tối-Đại Niết-Bàn Huyền-không thông đồng với cõi Tối-Đại Niết-Bàn của Thái-Dương-Hệ. Mấy cõi kia cũng vậy. Bảy cõi Thái-Dương-Hệ lại thông-đồng với nhau. Cõi Trung-Giới, Thượng-Giới, Bồ-Đề, Niết-Bàn v.v… đều ở chung quanh mình đây, song tại mình không thanh, nên không thấy đặng. Bao giờ mình mở đặng Huệ-nhãn, thì sẽ thấy rõ ràng. Mắt phàm chỉ xem vật phàm mà thôi; nhưng còn có khi thấy không đúng nữa. Tỷ như mắt không thấy vi-trùng mà vi-trùng vẫn có thật: mắt không thấy điển-khí, mà điển-khí vẫn có thật. Vậy nếu mỗi chuyện đều căn-cứ vào mắt phàm thì sẽ bị lầm lạc ngay.

Tại sao bảy cõi ở chung một chỗ được? Bởi vì chất khí của bảy cõi qua thấu nhau được. Tỷ như chất khí làm cõi Trung-giới thấu qua chất khí làm cõi trần. (Mấy người khuất mặt đi ngang qua xác thân mình như không). Chất khí làm cõi Thượng-giới thấu qua chất khí làm cõi Trung-giới. Chất khí làm cõi Bồ-Đề thấu qua chất khí làm cõi Thượng-giới v.v…

Chất khí của bảy cõi là:

1- Chất khí cõi Tối-Đại Niết-Bàn là Tiên-Thiên-Khí hay Hạo-Nhiên-Khí (Koilon).

2- Chất khí cõi Đại-Niết-Bàn là Thiên-Khí.

3- Chất khí cõi Niết-Bàn là Âm-Dương-Khí.

4- Chất khí cõi Bồ-Đề là Thái-Thanh-Khí.

5- Chất khí cõi Thượng-Giới là Thượng-Thanh-Khí,

6- Chất khí cõi Trung-Giới là Thanh-Khí.

7- Chất khí cõi Hạ-Giới là Hồng-Trần.

Cõi phàm có 7 chất: Chất đặc (solide), Chất lỏng (liquide), Chất hơi (gaz), Tinh-khí thứ tư (éther IV), Tinh-khí thứ ba (éther III), Tinh-khí thứ hai (éther II), Tinh-khí thứ nhứt (éther I). Tinh-khí nhẹ hơn ba chất: đặc, lỏng và hơi rất nhiều, nên nó chun thấu qua đặng. Mỗi chất khí đều rung-động mau lẹ khác nhau. Chất khí ở cảnh cao thì rung-động mau lẹ hơn chất khí ở cảnh thấp. Chất khí cũng có màu sắc nữa. Chất khí thanh có màu sắc đẹp hơn chất khí trược.

CHƯƠNG THỨ TƯ: Lập-thành Thái-Dương-Hệ

1- NGUYÊN-TỬ CỦA 7 CÕI

Thiên-Thơ dạy rằng: "Trong võ-trụ đời-đời kiếp hằng có một chất-khí gọi là Tiên-Thiên-Khí hay Nguyên-Khí, và một khối Tinh-Thần gọi là Đấng Tạo-Hóa hay Thái-Cực Thánh-Hoàng. Ngài là Chúa-Tể Càn-Khôn, chế-ngự vạn-vật, sanh ra các vị Thượng-Đế của Thái-Dương-Hệ mà ta gọi là Thái-Dương Thượng-Đế.

Muốn lập-thành Thái-Dương-Hệ, trước nhứt, Đức Thái Thái-Dương Thượng-Đế chọn chỗ trong Vô-Cực, rồi mới phân ranh giới võ-trụ của mình. (Đồ hình số 8). Hễ hào-quang của Ngài chiếu tới đâu dứt, thì chỗ là biên-cương nước Ngài. Đoạn Ngài mới rút trong cõi Hư-Không một số nguyên-liệu ấy là Tiên-Thiên-Khí, mờ-mờ, mịt-mịt để vào biên-giới Ngài, cũng như người thợ chọn vật-liệu đặng cất nhà vậy.

Đồ hình số 8

Tiếng Pháp gọi chất Tiên-Thiên-Khí là Koilon có nghĩa là trống ruột, do chữ Hy-Lạp Koilos mà ra. Mắt phàm không bao giờ thấy đặng chất Koilon mà chỉ thấy một khoảng trống không. Nhưng thật ra chất Koilon rất dày đặc mà ta không thể nào tưởng đặng. Khoa-học hiện-đại có nhìn nhận mật-độ của Koilon nhiều hơn mật-độ của nước 10 ngàn lần; mà sức ép của nó ít nhứt là bảy trăm năm chục ngàn tấn trong một tấc vuông xưa. Mỗi tấc vuông xưa là 27 ly.

Khi để vào biên-cương võ-trụ của Ngài một số Koilon, Đức Thái-Dương Thượng-Đế mới đem luồng năng-lực thứ nhứt của Ngài mà lay chuyển chất khí với một tốc-lực vô-cùng mãnh-lực, biến chất Tiên-Thiên-Khí (Koilon) thành hằng hà sa số những chấm ánh sáng gọi là những bọt Tiên-Thiên-Khí (bulles de Koilon). (Đồ hình số 9) Mỗi bọt là một lỗ trống không: nhưng thật ra nó là một trung-tâm mãnh-lực của đức Thượng-Đế. Chúng là những hột nguyên-tử căn-bản huyền-không (atome ultime cosmique). Nó là nền-tảng của võ-trụ. Toàn-thể của Thái-Dương-Hệ đều làm bằng chất ấy. Nó là chất khí cõi huyền-không thấp hơn hết.

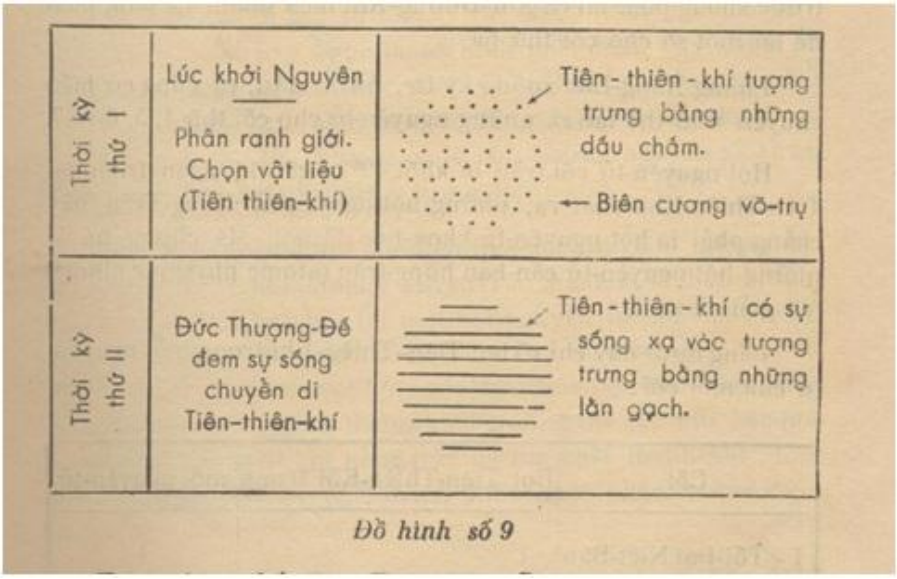

Đồ hình số 9

Trước kia, chất Tiên-Thiên-khí vẫn rời rạt với nhau, nay nhờ thần-lực (Fohat) thủy-nguyên nầy, nên biến thành nhiều luồng điễn quay tít mù. Mỗi luồng điễn rút 49 bọt Tiên-Thiên-Khí làm thành một khối. Mỗi khối (49 bọt) là một hột nguyên-tử Thiên-Khí của cõi Đại-Niết-Bàn là cõi thứ nhì. Còn những bọt Tiên-Thiên-Khí còn dư lại, không kếp hợp như vậy được, mới gom lại làm những hột nguyên-tử của cõi thứ nhứt là Tối-Đại Niết-Bàn.

Ta đã thấy cách chuyển bọt Tiên-Thiên-Khí rồi. Bây giờ đến lúc cấu-tạo nguyên-tử cho cõi thứ ba. Một luồng năng-lực thứ hai do đức Thượng-Đế xạ xuống Thiên-Khí là nguyên-tử cõi thứ nhì. Thiên-Khí mới chuyển-động rút nhau làm từng khối (49^2) hóa thành 2.401 bọt Thiên-Khí kết chặt với một hột nguyên tử cõi thứ ba mà ta gọi là Âm-Dương-Khí. Cũng như kỳ nhứt, Thiên-Khí không phải biến-thành tất cả ra Âm-Dương-Khí, vì phải để một số Thiên-Khí cho cõi thứ nhì.

Bây giờ đến lúc cấu-tạo nguyên-tử cõi thứ tư là cõi Bồ-Đề. Luồng Năng-Lực hạ xuống kỳ ba, làm chuyển-động Âm-Dương-Khí, rút những hột nguyên-tử 49^2 ấy làm thành từng khối 49^3 nghĩa là có 117.649 bọt Tiên-Thiên-Khí. Nhưng cũng như ở trước không phải tất cả Âm-Dương-Khí biến thành 49^3 đâu, phải để lại một số cho cõi thứ ba.

Luồng Năng-Lực xuống kỳ tư, năm, sáu và cũng cứ biến chuyển như thế tạo ra những nguyên-tử cho cõi thứ 4, 5, 6, và 7.

Hột nguyên-tử cõi trần là khối 49^6 có gần 14 ngàn triệu bọt Tiên-Thiên-Khí. Thật ra, những hột nguyên-tử Hồng-Trần nầy chẳng phải là hột nguyên-tử khoa-học đã nói. Mà chúng nó là những hột nguyên-tử căn-bản hồng-trần (atome physique ultime) (sẽ giải về sau).

Bảng dưới đây chỉ số bọt Tiên-Thiên-Khí trong mỗi nguyên-tử của mỗi cõi:

Cõi	Bọt Tiên-Thiên-Khí trong	mỗi nguyên-tử
1 - Tối-Đại Niết-Bàn	1	1
2 - Đại Niết-Bàn	49	1
3 - Niết-Bàn	49^2 hay là 2.401	1
4 - Bồ-Đề	49^3 hay là 117.649	1
5 - Thượng-Giới	49^4 hay là 5.764.801	1
6 - Trung-Giới	49^5 hay là 282.475.249	1
7 - Hạ-Giới	49^6 hay là 13.841.287.201	1

Trông vào bảng trên ta thấy từ cõi Tối-Đại Niết-Bàn đến cõi Hạ-giới, là cõi thấp hơn hết; đều do một chất-khí tức là Tiên-Thiên-Khí hay Koilon tạo-thành mà thôi. Chất khí ở cõi thứ nhứt rung-động lẹ làng và mạnh-mẽ phi-thường, hơn hột nguyên-tử hồng-trần gần 14 ngàn triệu lần. Bởi vì hễ hột nguyên-tử to chừng nào thì càng rung-động chậm chừng nấy. Vậy kim-thạch, thảo-mộc, thú-cầm con người cho chi Thánh, Thần, Tiên, Phật đều có bản-tánh như nhau: duy khác ở chỗ thanh và trược mà thôi.

Luồng Năng-Lực thứ bảy không hành-động giống như 6 luồng Năng-Lực kia. Nó kết hợp những bọt nguyên-tử Hồng-Trần thành những hợp-chất (agrégation) và tạo ra một số nguyên-tố khác. Những nguyên-tố nầy cũng bị hóa-hợp (thành hình khác nhau) mà khoa-học gọi là nguyên-tố hóa-học (éléments chimiques). Nhờ các mãnh-lực tự-nhiên, và nhiều thời-đại liên-tiếp, những nguyên-tố nầy được thành hình nhứt-định. Tuy nhiên sự hóa-hợp ấy chưa đi đến mức chót. Chất Uranium nặng hơn hết là chất hóa-hợp sau nhứt mà ta được biết và đã dùng nó làm bom nguyên-tử. Nhưng có lẽ còn những nguyên-tố khác, phức-tạp hơn, sẽ được biết ở tương-lai.

Cho rằng những hột âm-điện-tử (éléctrons) là những hột nguyên-tử thanh-khí (atomes astraux) có lẽ đúng, vì theo sự xác-định của nhà bác-học thì một hột nguyên-tử hóa-học khinh-khí có 700 đến 1.000 hột âm-điện-tử; còn theo hóa-học huyền-bí (chimie occulte) thì một hột nguyên-tử hóa-học khinh-khí chứa đặng 882 hột nguyên-tử thanh-khí! Dường thể các nhà bác học đang phân-tích chất khí hồng-trần để tìm chất thanh-khí; mặc dầu các vị nầy chỉ cho chất thanh-khí là một phần tư của chất hồng-trần.

Ông C.W. Leadbeater là một vị chơn-tu có huệ-nhãn. Ngài thấy đặng chất-khí thanh hơn chất khí hồng-trần. Ngài tự hỏi: "Không hiểu hột nguyên-tử hồng-trần căn-bản **(49[6])** đã bị phân-tích ra những hột nguyên-tử thanh-khí và thượng-thanh-khí, rồi nó có tự-nhiên trở về trạng-thái cũ chăng? Hay là một khi mình hết dùng ý-chí tưởng đến, thì những thành-phần thanh-khí và thượng thanh-khí ấy sẽ tự nhiên gom nhau lại mà hườn ra hột nguyên-tử hồng-trần căn-bản như trước? Chớ còn những hột nguyên-tử hóa-hợp, một khi đã bị phân-tách rồi, thì nó không hiện lại nguyên-hình".

Những vật-chất mà tồn-tại đặng là nhờ tư-tưởng của Đức-Thượng-Đế giữ gìn. Bên Ấn-Độ người ta tượng-trưng cái tư-tưởng nầy bằng Tammâtra và Tattva (Đồ hình số 10)

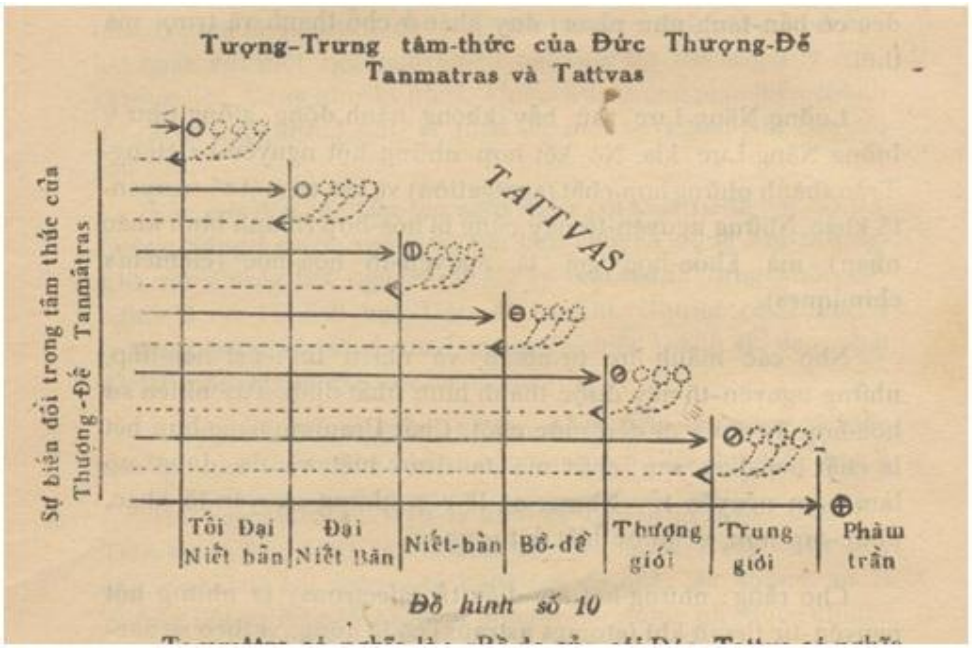

Đồ hình số 10

Tammâtra có nghĩa là: "Bề đo của cái Đó". Tattva có nghĩa là: "Trạng-thái của cái Đó".

Tammâtra là sự biến-đổi trong tâm-thức của Đức Thượng-Đế, còn Tattava là cái kết-quả của sự biến-đổi nầy. Ta có thể ví Tammâtra là ngọn sóng nhỏ leo lên bãi cát, rồi rút xuống, để lại một nét dấu. Vậy Tammâtra là những ngọn sóng lên cao nhứt; còn Tattva là những nét dấu của những ngọn sóng nầy để lại trên cát.

Danh-từ "Cái-Đó" chứa đầy sự tôn-kính để chỉ Đức Thượng-Đế. Mỗi hột nguyên-tử đều là phần-tử của "Cái-Đó".

Tammâtra là "Bề Đo" về sự rung-động của hột nguyên-tử tức là cái trục (axe) của hột nguyên-tử. Vậy mỗi hột nguyên-tử đều có Tâm-Thức của Đức Thượng-Đế, và tùy theo "Bề Đo" của Tâm-Thức mà hột nguyên-tử ở vào cõi nầy hay cõi khác.

Vậy sự sáng tạo vật-chất biểu-tượng bằng những ngọn sóng thủy-triều đưa đến và rút đi, liên-tiếp như những sự Hít Vô (inspir) và Thở Ra (expir) của Đức Thượng-Đế vậy.

Sự tồn-tại của vật-chất nhứt-định tùy theo tư-tưởng của Đức Thượng-Đế. Nếu Ngài không tưởng đến cõi phàm nữa, thì cõi nầy sẽ tan rã và biến mất trong nháy mắt!

2 - NHỮNG TINH-VĂN HÓA-THÀNH TINH-CẦU

Bây giờ đây, chúng ta đã đi đến một giai-đoạn mà bầu vũ-trụ xoay tít-mù, vì có Thần-Lực của Đức Thái-Dương Thượng-Đế xạ vào. Nhà thông-thái Laplace có nói về sự thành-lập Thái-Dương-Hệ như vầy: "Trong Vô-Cực, Thái-Dương-Hệ là một gia-đình có nhiều gia-đình mà mặt trời ở chính giữa. Chung quanh nó có những tinh-cầu xoay tròn rất điều-hòa. Những tinh-cầu nầy xưa kia là những tinh-vân (nébuleuse). Thuở ban sơ tinh-vân tối mờ mờ; chất nó rời-rạc với nhau. Nhưng về sau, nó đông đặc lại rồi nóng và sáng lên. Nó vẫn cuốn xoáy luôn không ngừng. Ruột nó đặc trước. Và khi sự cuốn xoáy ấy càng mau, thì hình nó hóa dẹp: trước kia nó tròn, nay nó lép như hột đậu. Hễ ruột càng đặc, thì những vòng thô-sơ bên ngoài rớt ra và cứ rớt ra mãi. Nhưng khi nó đông đặc đến một mức kia, thì những vòng ấy hết rớt ra nữa. Sau cùng, tinh-vân hóa ra quả tròn càng ngày càng đặc, càng nặng và càng sáng. Nó trở thành tinh-cầu. Còn những vòng ngoài của tinh-vân đã rớt ra, cứ mãi cuốn xoáy và dang lần ra xa. Rốt lại, hình nó hóa ra dài và đứt đoạn. Mỗi đoạn lại cũng cuốn xoáy luôn, rồi những vòng ngoài của nó cũng rớt ra như trước. Chúng nó sẽ là những tinh-cầu, làm thành dãy hành-tinh xoay chung quanh mặt trời. Đó là sự tham khảo theo khoa-học của ông Laplace. Về sau ông Plateau cũng nhìn-nhận là đúng như vậy. (Trích trong quyển "La Terre" par Auguste Robin).

Thế thì mỗi tinh-cầu là một vùng khí xoáy tròn sanh ra khí nóng và cháy lên. Nó lần lần nguội lại để cho muôn loài trú-ngụ đặng tiến-hóa.

3 - HỘT NGUYÊN-TỬ CĂN BẢN HỒNG-TRẦN (Atome ultime physique)

Ở trước chúng ta đã nói đến hột nguyên-tử căn-bản hồng-trần là khối 49^6. Vậy hột nguyên tử ấy thể nào? Nó chẳng phải hột nguyên-tử hóa-học; nó cũng chẳng hột nguyên-tử mà khoa-học hiện tại đã biết: vì mắt phàm thấy nó không được. Bà A. Besant và ông C. W. Leadbeater đã dùng huệ-nhãn mới tìm ra nó đặng mà thôi. Hai Ngài tả nó như vầy: "Một nguyên-tử căn-bản hồng-trần quây tít mù xung quanh đường trục (axe) như con vụ. Nhưng nó không đứng một chỗ. Nó vừa quây, vừa đi theo vòng tròn. Đồng thời, nó còn đi tới và rút lui lại như mạch nhảy. Nó giống như hình trái tim (đồ hình số 11): một đầu hủng, một đầu nhọn. Có 10 vòng nằm khít nhau, quấn tròn nó. Mỗi vòng quấn nó hai lần rưỡi, rồi lại rồi chui vào giữa ruột. Nơi đây 10 vòng ấy lại xoáy ốc, rồi trở lộn ra ngoài. Trong 10 vòng, có 3 vòng lớn dường như có luồng điện chạy vào; còn 7 vòng nhỏ rung động theo làn sóng thanh-khí, âm-thinh, ánh sáng và hơi nóng v.v… Chúng có 7 màu và 7 âm-thinh như sau đây: đô, mi, pha, sôn, la, si, (do, ré, mi, fa, sol, la, si.)

Nếu ta kéo 10 vòng nầy ra (mỗi vòng có 1.680 khâu "boucles") rồi nối lại thì ta sẽ thấy nó có gần 14 ngàn triệu bọt Tiên-Thiên-Khí, nằm khít nhau, nhưng không chạm nhau.

Người ta cho rằng: ba vòng lớn thông-đồng với 7 vị Huyền-Thiên Thượng-Đế cai-quản các dãy hành-tinh của Thái-Dương-Hệ.

Có hai thứ nguyên-tử căn-bản: thứ âm và thứ dương. Thứ dương thì những vòng quấn đi từ trái qua mặt, còn thứ âm thì những vòng quấn đi từ mặt qua trái. Nguyên-tử dương thì rút thần-lực từ cõi Trung-Giới (nơi đầu hủng) rồi xạ xuống cõi trần (nơi đầu nhọn). Còn nguyên-tử âm thì trái lại: nó rút thần-lực ở cõi trần rồi xạ vào cõi Trung-Giới.

Ta đã thấy: mỗi hột nguyên-tử căn-bản hồng-trần có ba sự rung-động đặc-biệt:

1- xoay tròn theo đường trục (sur son axe),

2- xoay theo vòng tròn,

3- rung-động theo mạch nhảy.

Ba sự rung-động nầy cứ tiếp-tục với nhau mãi, không có mãnh-lực gì bên ngoài làm cho nó ngưng đặng. Ánh sáng mặt trời là một cái mãnh-lực làm tăng-cường sự rung-động theo chiu đứng.

Một hòn đá trên bàn, ta thấy nó không lay động, rồi ta cho nó là bất-động-vật; chớ thật ra những nguyên-tử của nó rung-động ngày đêm không ngớt!

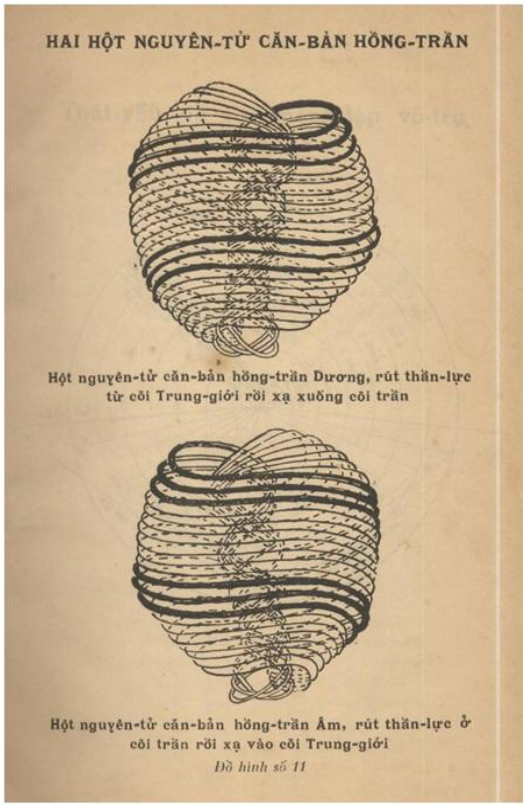

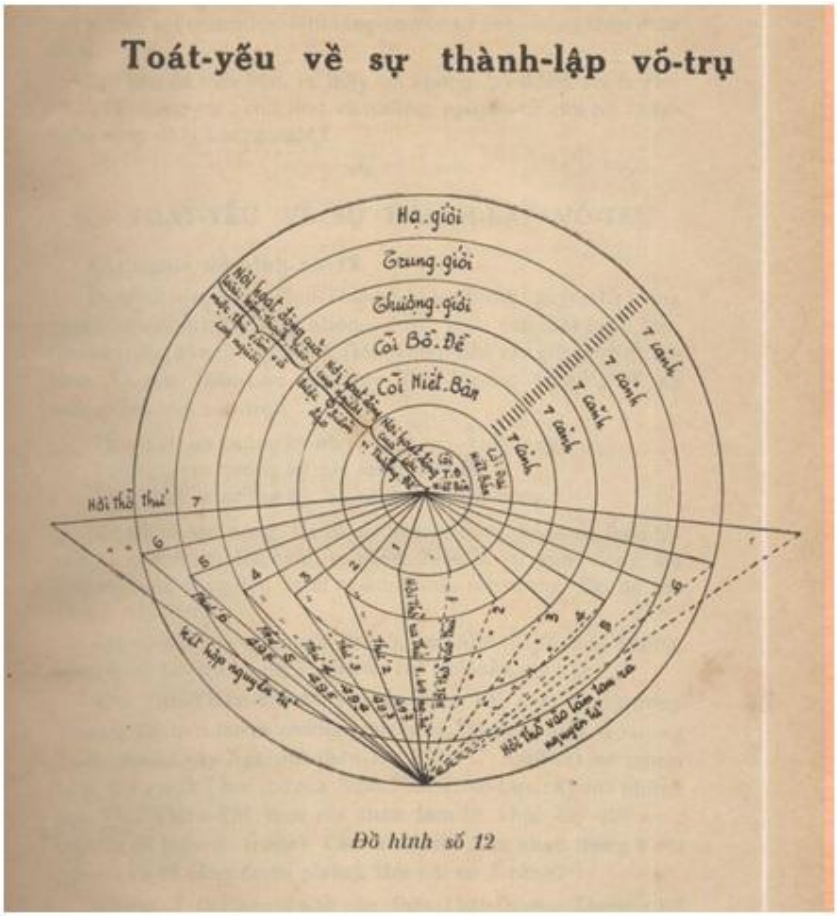

4 - TOÁT-YẾU VỀ SỰ THÀNH-LẬP VŨ-TRỤ

Cắt nghĩa đồ hình số 12

Buổi thủy-nguyên, Tiên-Thiên-Khí là những nguyên-tử trống-ruột (Koilon) ở tại cõi Hư-Không, được gom vào một ranh giới (tượng trưng bằng vòng tròn). Tiên-Thiên-Khí vẫn giữa mực quân-bình. Về sau Thần-Lực của Đức Thái-Dương Thượng-Đế xạ xuống làm cho xáo-trộn.

Thần-Lực xạ xuống kỳ thứ nhứt sanh ra: Ánh Sáng. Thần-Lực xạ xuống kỳ thứ nhì sanh ra: Lửa. Thần-Lực xạ xuống kỳ thứ ba sanh ra: Khí nóng. Mà tất cả khí nóng, tất cả sự hóa-học (combinaison chimique) đều sanh ra điễn. Điễn là sự rung-động. Mà mỗi sự rung-động đều sanh ra âm-thinh, sắc-tướng. Do đó mà võ-trụ nảy sanh.

Cái võ-trụ trước kia còn lờ-mờ, nay nhờ thần-lực xạ xuống, bỗng quây tít. Nó là mẹ sanh của các tinh-cầu nầy. Khi Tiên-Thiên-Khí đã chuyển-động rồi, Đức Thái-Dương Thượng-Đế mới tạo ra những nguyên-tử khác nhau để sắp trong 7 cõi; muốn vậy Ngài rải thần-lực 7 lần (7 souffles) mà người ta gọi có thể 7 hơi thở của Ngài. Nhờ Thần-Lực nầy mà những bọt Tiên-Thiên-Khí mới rút nhau làm từ khối 49, 49^2 v.v… (như ta đã thấy như trước). Các khối nầy chia nhau trong 7 cõi (plans) và 49 cảnh (sous plans). Mỗi cõi có 7 cảnh.

Khi có 7 thứ nguyên-tử rồi, Đức Thái-Dương Thượng-Đế mới tạo ra các dãy hành-tinh là những khối-khí xoáy tròn rất mãnh-liệt. Lần lần khối khí nầy sanh ra khí nóng và cháy lên, rồi rút đặc lại. Như đã nói ở trước, những vòng ngoài của nó kéo dài ra, rồi đứt đoạn, hóa ra nhiều tinh cầu khác. Chúng dần nguội lại để cho muôn loài ở đặng tấn-hóa.

CHƯƠNG THỨ NĂM: Ba Ngôi Thái-Cực Huyền-Không

Tại sao có ba Ngôi?

Bà Annie Besant nói: đó là bài toán-đố về siêu-hình-học, tả ra thì dài lắm. Nhưng bà rán cắt nghĩa rằng: "Nếu ta phân-tách một vật dưới trần thì ta thấy cái qui-luật duy-nhứt nầy: "Tinh-Thần" khác với "Vật-Chất". Cái "Ta" khác với cái "Không phải Ta". Mọi vật đều phân làm hai nhóm: 1) Cái Ta là Tinh-Thần, là Nguồn Sống, là Tâm vậy. 2) Cái "Không phải Ta" là Vật-Chất, là Hình-Thể, là sắc-tướng vậy.

Hiện giờ ta thấy hai khóm đang nghịch lẫn nhau, tranh đấu lẫn nhau. Nhưng cả hai dù khác bên ngoài, chớ không phải là không liên-lạc với nhau. Luôn luôn chúng liên-giao cùng nhau rất chặt-chẽ, chúng hấp-dẫn nhau không ngớt, rồi lại xua đuổi nhau. Có khi chúng cùng nhập-một với nhau, rồi lại đố-kỵ nhau. Bởi luôn luôn có sự hấp-dẫn và xô-đuổi ấy, nên mới có câu: "Võ-trụ bất thường" là thế.

Ấy vậy, ta thấy:

1- Cái "Ta"

2- Cái "Không phải Ta"

3- Sự "Liên-Giao" giữa cái "Ta" và cái "Không phải Ta".

Cả ba là biểu-hiệu của Ba Ngôi. Ba Ngôi chỉ là ba phương-diện dùng để hoạt-động trong võ-trụ (đồ hình số 13). Tuy rằng "Ba" nhưng vẫn "Một" mà thôi. Võ-trụ có thể thu vào Ba Ngôi ấy là:

1- Ngôi Thái-Cực (đồ hình số 14)

2- Ngôi Lưỡng-Nghi

3- Ngôi Tứ-Tượng

Ba ngôi là Tam-vị nhứt-thể (trinité) của Đức Thái-Dương Thượng-Đế.

Các Tôn-Giáo đều có đề-cập đến Ba-Ngôi ấy.

Đồ hình số 14

Cơ-Đốc-Giáo gọi là: Đức Chúa-Cha (Dieu le Père), Đức Chúa-Con (Dieu le Fils), Đức Chúa Thánh-Thần (Dieu le Saint Esprit)

Phật-Giáo gọi là: A-Di-Đà (Amitabha), Quan Thế-Âm (Avalokiteshvara), Đại-Thế-Chí (Manjushri)
Nho-Giáo gọi là: Ngôi Thái-Cực; Ngôi Lưỡng-Nghi; Ngôi Tứ-Tượng
Bà-La-Môn-Giáo gọi là: Brahma; Vishnou; Shiva
Hỏa-Giáo gọi là: Ahuramazda; Asha; Vohumano
Giáo-lý xứ Ai-Cập gọi là: Osiris; Isis; Horus
Thông-Thiên-Học gọi là: Đệ-nhứt Thượng-Đế (premier Logos); Đệ-nhị Thượng-Đế (deuxième Logos); Đệ-tam Thượng-Đế (troisième Logos)

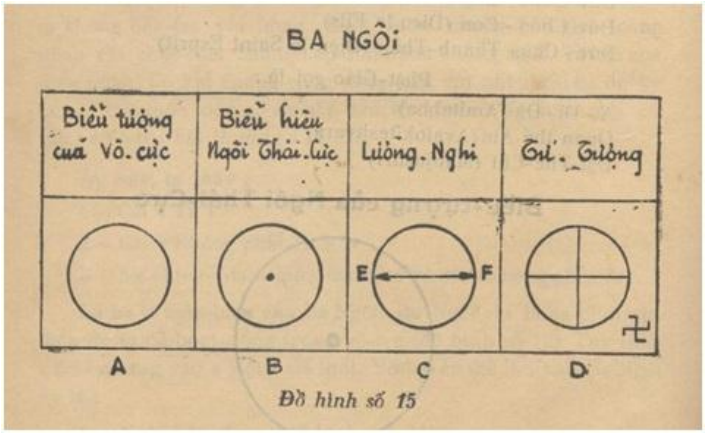

Đồ hình số 15

1. Cắt nghĩa đồ hình số 15

Hình A: Vòng tròn tượng trưng Vô-Cực nó tiêu-biểu Đức Thượng-Đế độc-nhứt, vô-nhị. Nó cũng chỉ biên-cương vũ-trụ của Ngài. Vả lại hình nó tròn nhắc lại ý-tưởng sanh sản không hạn-định, duy-nhứt và vĩnh-viễn.

Hình B: Biểu hiệu Ngôi Thái-Cực. Dấu chấm chính giữa là tượng-trưng nguồn sống của Tạo-Hóa ở trong vòng vật-chất. Cái vòng tròn bấy giờ đã có sự sống. Nó được xác định trong không-gian và trung-tâm nó chứa nguồn sống để tạo ra vũ-trụ. Nó cũng là biểu-hiệu của ngôi thứ nhứt trong ba ngôi Huyền-Không.

Hình C: Dấu chấm chính giữa vòng tròn rung chuyển từ trung tâm tới ranh giới chia hình tròn làm hai, bởi đường trung đạo EF. Đường trực kính nầy chỉ nghĩa phân âm dương. Nó tượng-trưng Ngôi thứ nhì là ngôi Lưỡng-nghi. Bên Trung-Hoa, đường trực-kính hóa ra đường cong (Đồ hình số 16) chia hình tròn làm hai phần: phần thì trắng, phần thì đen. Phần trắng là "Dương", choán một khoảng rộng lớn hơn phần đen là "Âm". Nhưng trong âm thì lại có dương (điểm trắng) mà trong dương thì lại có âm (điểm đen).

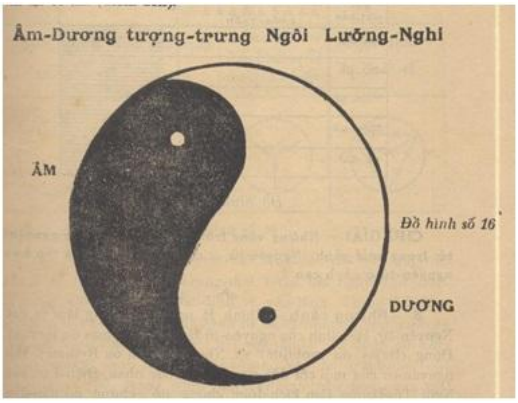

Đồ hình số 16

Hình D: Giống cây thập-tự-giá. Dấu chính giữa là "Cha". Còn đường EF là "Con" rung chuyển theo hình chánh-giác (à angle droit) nên mới thành ra hình chữ thập. Chữ Thập là tượng-trưng Ngôi Tứ-Tượng là Ngôi thứ ba. Bên Ai-Cập cũng tượng-trưng Ngôi nầy bằng chữ Tô (Tau).

Nếu đường trực-kính nằm ngang thì nó chỉ về sự phân chia; còn nếu có sổ đứng thì nó chỉ về sự mở mang, sự sanh nẩy vậy. Chữ "Thập-tự" nằm trong vòng ám-chỉ ba Ngôi Đức Thượng-Đế đang hoạt-động để sanh-hóa ra muôn loài vạn-vật. Ngôi Tứ-tượng có thể gọi là Chúa Thánh-Thần tức là Ngôi hoạt-động thiêng-liêng, tiêu-biểu dưới hình thức chữ Thập hay chữ Vạn (Svastika).

2. NGÔI TỨ-TƯỢNG LẬP NĂM CÕI DƯỚI [13]

Đồ hình số 17

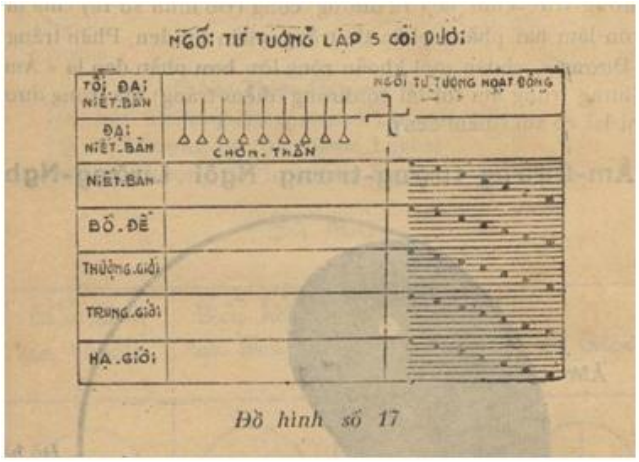

CHÚ-GIẢI: Những vòng tròn nhỏ là những nguyên-tử trong mỗi cảnh. Nguyên-tử ở cảnh thấp thì to và thô hơn nguyên-tử ở cảnh cao.

3. Những cảnh

Chính là ngôi Tứ-Tượng làm ra các Nguyên-tử. Đặc-tính của nguyên-tử là: Tịnh (Tamas ou Inertie), Động (Rajas ou mobilité) và Nhịp (Sattva ou Rythme). Mỗi nguyên-tử của mỗi cõi đều rung-động khác nhau. Điện-Lực của Ngôi Tứ-Tượng làm kích-động chúng: chúng hấp-dẫn nhau, xô-đuổi nhau. Nhờ sự hấp-dẫn mà nguyên-tử nầy rút nguyên-tử kia, và nhờ có xô-đuổi mà chúng xô-xác với nhau; thành ra

chúng khi tan, khi hiệp. Sự hấp-dẫn và sự xô-đuổi cứ luân-phiên với nhau mà biến-đổi nguyên-tử ra nhiều phần-tử đơn và kép. Những phần-tử nầy chia ra làm 7 lớp trong mỗi cõi.

Mỗi nguyên-tử của mỗi cõi đều có thể ứng-đối với Tâm-thức (conscience). Tỷ như nguyên-tử cõi-trí có thể ứng-đối với phần trí-thức của Linh-Hồn (hay Chơn-Nhơn, hay Tâm-Linh v.v…)

Nguyên-tử của cõi vía (thuộc về Trung-Giới) có thể ứng-đối với phần tình-cảm của Linh-Hồn. (Vậy mỗi nguyên-tử của mỗi cõi đều có thể ứng-đối với ba trạng-thái của Linh-Hồn là: Ý-chí, Minh-triết và Bác-Ái! (Đồ hình số 18-19)

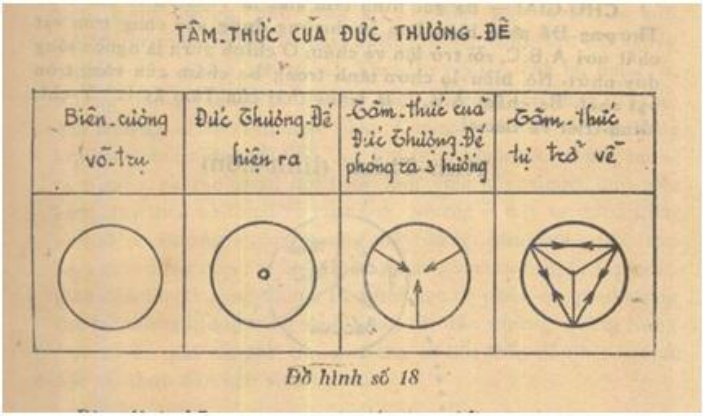

Đồ hình số 18

Bây giờ ta hãy xem nguyên-tử ứng-đối với ba trạng-thái của Linh-Hồn thế nào. Trạng-thái Ý-chí bắt nguyên-tử tịnh (Tamas) nên mới có sự ổn-định và yên-lặng. Trạng-thái Bác-Ái bắt nguyên-tử Hoạt-động sanh ra sự vận-hành (movement). Rốt lại, trạng-thái Minh-triết bắt nguyên-tử cử-động có Nhịp-nhàng (Sattva) sanh ra sự Điều-Hòa. Vậy ba trạng-thái của Linh-Hồn: Tịnh, Động, Nhịp thuộc về tinh-thần liên-quan mật thiết với ba trạng-thái của nguyên tử thuộc về vật-chất. Điều trên đây rất quan-trọng, nó làm cho ta biết Tinh-Thần và Vật-Chất là hai nhưng vốn **Một** (đồ hình số 20).

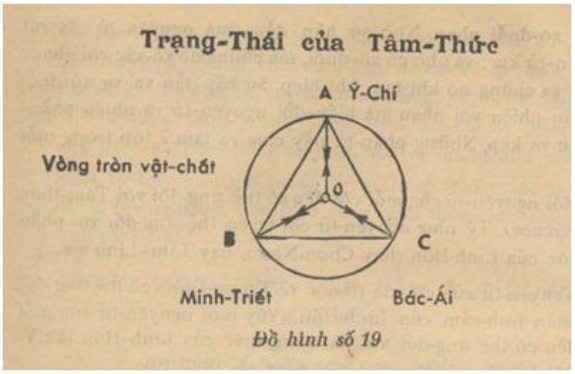

Đồ hình số 19

CHÚ-GIẢI: Ba góc hình tam giác là Tâm-Thức của Đức Thượng-Đế phát hiện làm ba hướng đụng với vòng tròn vật-chất nơi A, B, C rồi trở lộn về chấm 0 chính giữa là nguồn sống duy nhứt. Nó biểu lộ chơn tánh trong chấm của vòng tròn vật-chất. Ba chấm A, B, C là trạng-thái của Tâm ấy là: Ý-chí, Minh-triết và Bác-Ái.

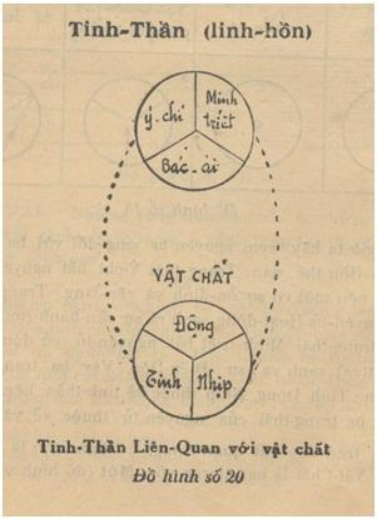

Tinh-Thần Liên-Quan với vật chất

CHƯƠNG THỨ SÁU: Những luồng sóng sinh-hoạt hay những luồng sanh-lực

Chúng ta đã vẽ sơ bản-đồ vũ-trụ là nơi hoạt-động và tiến-hóa của tinh-thần giống như ta miêu-tả các biệt-thự của một Đại-học-đường: nào là lớp học, nào là phòng thí-nghiệm, thơ-viện, giảng-đường, nhà chơi v.v... Bây giờ ta đi xa hơn một bước nữa nghĩa là học những luồng sanh-lực xạ xuống cái biệt-thự vĩ-đại nầy tức là Thái-Dương-Hệ của ta đang ở. Những luồng sanh-lực giống như những tốp học trò ào đến trường, đi vào lớp khác nhau. Chúng nó đi từ lớp nầy, sang lớp kia; mỗi năm mỗi tiến, và khi mãn khóa rồi, chúng nó sẽ ra trường, rải rác ngoài đời: kẻ làm việc nầy, người làm việc khác, tùy theo sở-thích và tài-năng. Nhưng ở đây ta dùng tiếng "Đại-Học-Đường" cũng không mấy đúng, phải nói "Đại-Học-Xá" mới đúng hơn; vì Đại-Học-Xá bao gồm các bậc, từ lớp mẫu-giáo đến lớp thượng-đẳng. Ta khởi học từ phần-tử quan-trọng, tức là những luồng sóng sinh-hoạt, rồi đến những luồng Năng-Lực xuyên qua các loài trong vũ-trụ, từ bậc thấp đến bậc cao, từ bậc vĩ-nhơn đến bậc siêu-nhơn.

Luồng sóng sanh-hoạt nầy có ba nghĩa:

1. **Một là** để chỉ ba luồng sóng sanh-hoạt do Ba Ngôi Thái-Cực đi xuống. Nhờ đó mới sanh ra Thái-Dương-Hệ và cũng nhờ đó mà vũ-trụ mới đặng bảo tồn.
2. **Hai là** để chỉ những luồng Năng-Lực thuộc về ngôi thứ hai là Ngôi Lưỡng-Nghi.
3. **Ba là** để chỉ sự sống đi từ bầu (globe) nầy sang bầu khác, trong dãy Hành-tinh.

Vậy luồng sóng sanh-hoạt là gì? Là sự phát-tiết đời sanh-hoạt của Đức Thượng-Đế.

1. LUỒNG SÓNG SANH-HOẠT THỨ NHỨT

Có ba luồng sóng sanh-hoạt: Luồng sóng sanh-hoạt thứ nhứt có thể gọi là Chơn-Thần sinh-sống (Monade de la Vie). Nó do Ngôi Tứ-Tượng mà xuống. Người ta cũng gọi nó là Chơn-Thần nguyên-tử (Monade de l'atome) vì nhờ sự động-tác của nó mà các nguyên-tử được thành-lập. Có thể nói nó làm ra vật-liệu để tạo ra vũ-trụ. Chính nó lập ra những cõi và những cảnh (les plans et les sous plans).

2. LUỒNG SÓNG SANH-HOẠT THỨ NHÌ

Luồng sóng sanh-hoạt thứ nhì có thể gọi là "Chơn-Thần Sắc-Tướng" (Monade de la Forme) vì một khi các cõi và các cảnh đã lập xong, thì Ngôi Lưỡng-Nghi mới đem thần-lực đến tạo ra hình vật. Thần-Lực nầy gọi là Luồng Sóng sanh-hoạt thứ nhì. Người ta có thể gọi nó là Ngôi Chúa Con, phối hợp nguyên-tử làm thành những hình-dạng xác-định với một phạm-vi rung-động đặc-biệt.

Luồng Sóng sanh-hoạt thứ nhứt tạo ra các nguyên-tử còn trong thời-kỳ hỗn-độn. Luồng sóng sanh-hoạt thứ nhì mới sắp-đặt sự rung-động của chúng nó cho có trật tự.

Luồng sóng sanh-hoạt thứ nhứt cũng như nhà hóa-học ở trong phòng thí-nghiệm, bào-chế vật-liệu và đồ dụng-cụ. Luồng sóng sanh-hoạt thứ nhì cũng như người thợ dệt trong xưởng, lo dệt ra vải lụa để may y-phục, nghĩa là tạo ra các thể cho linh-hồn. Luồng sóng ấy tạo ra hình vật mà cũng làm cho tiêu-diệt nữa; nếu nó rút đi, thì hình-vật sẽ tan-rã từ nguyên-tử. Nó cũng làm cho chơn-thần (monade) phân thân làm chơn-nhơn ở cõi dưới, để học hỏi (đoạn nầy sẽ nói về sau). Luồng sóng sanh-hoạt thứ nhì có 7 luồng năng-lực hay triều-lưu sanh-hóa (courant de vie) tạo ra 7 loài trong võ-trụ.

CHƯƠNG THỨ BẢY: Bảy Loài - Những Ngươn

Trong võ-trụ có 7 loài:

1. Loài Tinh-hoa thứ nhứt (1er Règne élémental)
2. Loài Tinh-hoa thứ nhì (2^{e} Règne élémental)
3. Loài Tinh-hoa thứ ba (3^{e} Règne élémental)
4. Loài Kim-Thạch (Règne minéral)
5. Loài Thảo Mộc (Règne végétal)
6. Loài Cầm-Thú (Règne animal)
7. Loài Người (Règne humain)

Tinh-hoa thứ nhứt ở cõi Thượng-Thiên, Tinh-hoa thứ nhì ở cõi Hạ-Thiên, Tinh-hoa thứ ba ở cõi Hạ-Giới. Loài kim-thạch, thảo-mộc, cầm-thú và loài người ở cõi trần.

Trên đường tiến-hóa, Tinh-hoa thứ nhứt sẽ thành Tinh-hoa thứ nhì. Tinh-hoa thứ nhì sẽ thành Tinh-hoa thứ ba. Tinh-hoa thứ ba sẽ thành Kim-thạch. Kim-thạch sẽ thành Thảo-mộc. Thảo-mộc sẽ thành thú-cầm. Thú-cầm sẽ thành loài người. Loài người sẽ thành Tiên-Thánh.

Trong 7 loài có 3 loài đi xuống, nghĩa là sự sống nhập vào chất nặng. Tuy nhiên, loài tinh-hoa thứ nhứt không xuống thấp hơn cõi Thượng-Thiên; loài tinh-hoa thứ nhì không xuống thấp hơn cõi Hạ-Thiên, loài tinh-hoa thứ ba không xuống thấp hơn cõi Trung-Giới.

Mỗi loài tinh-hoa đều chia làm 7 thứ. Đây là bản-đồ của hai loài tinh-hoa nhứt và nhì ở cõi Thượng-Giới.

Cõi	Cảnh	Tinh — Hoa: Các khi	Tinh — Hoa: loài
Thượng Thiên	1	1	thứ nhứt
	2	2 : 3 : 4 :	
	3	5 : 6 : 7 :	
Hạ thiên	4	1	Thứ nhì
	5	2 : 3 :	
	6	4 : 5 :	
	7	6 : 7 :	

Các loài tinh-hoa thứ ba choán trọn cả 7 cảnh trên Trung-Giới.

Loài Kim-Thạch chỉ giai-đoạn đi lên, tức một khi sự Sống nhập vào thì loài Kim-Thạch khởi trở lên.

Bảng dưới đây chỉ 7 loài theo thứ-tự:

Đi xuống (involution)			Trở lên (évolution)
1—Tinh-Hoa I	↓	↑	Loài Người
2—Tinh-Hoa II			Thú - Cầm
3 Tinh-Hoa III			Thảo - Mộc

Loài Kim Thạch

(Khúc-quanh)

Điểm Quân - bình

Loài Kim-Thạch tượng-trưng điểm quân-bình. Vào giai-đoạn nầy, sự Sống nhập vào cõi thấp hơn hết của vật-chất, nó khởi sự đi lên cõi tinh-thần, tức là khởi lên đường "Phản Bổn Huờn Nguyên"

Những Nguơn hay những cuộc Tuần-Huờn (les rondes)

Dẫu 7 bầu của một dãy đều tồn tại, nhưng không phải tất cả đều hoạt-động như nhau, nghĩa là đồng làm cho sinh-vật trên đây có đủ điều-kiện sinh tồn. Thật ra, trong một dãy chỉ có một bầu linh-động, còn 6 bầu kia đương hồi mơ ngủ. Các bầu lần lượt kế tiếp nhau mà hoạt-động. Ban đầu bầu A khởi hoạt-động trước, sau một thời gian rất lâu, sự sống nơi đó giảm lần cho đến khi tàn, mới sang qua bầu B kế đó. Bây giờ bầu A lịm ngủ, còn bầu B bắt đầu thức giấc để hoạt-động trở lại. Sau một thời gian, đến phiên bầu B ngủ, một số đông sinh-vật mới di-cư qua bầu C kế đó rồi cứ vậy mà liên-tiếp đủ 7 bầu.

Vậy một Nguơn là gì? Là sanh-lực (do ngôi thứ hai) đi từ bầu nầy sang bầu nọ, đúng 7 bầu của một Dãy hành-tinh. Bảy Nguơn gọi là một Đời (une période). (Đồ hình số 21)

Chúng ta đã nói ở trên: Ngôi Lưỡng-Nghi có 7 luồng Năng-Lực. Theo cơ-đồ tạo-hóa, thì mỗi luồng năng-lực đem sự sống cho mỗi loài trong một đời của một dãy (période d'une chaine). (Một đời của một dãy nghĩa là khi dãy hành-tinh tan rã).

Đến cuối nguơn thứ bảy nghĩa là hết một đời của một đời của một dãy hành-tinh, thì sanh-vật sẽ đầu thai qua dãy hành-tinh kế. Tỷ như nhơn-vật hiện giờ ở dãy Địa-Cầu (chaine terrestre) sau khi trải qua 7 nguơn, sẽ sang qua dãy Thủy-Tinh. Trên dãy Thủy-Tinh cũng như trên dãy Địa-Cầu, Sự Sống cũng lần lượt đi từ loài Tinh-hoa thứ 1 đến loài người; rồi ở trong loài người sự Sống trải qua đủ giống dân chánh và giống dân phụ. (Có 7 giống dân chánh và mỗi giống dân chánh chia 7 giống dân phụ) (sẽ nói về sau).

Khi sự sống đã làm xong thiên-mạng của mình tại dãy Địa-Cầy, thì mỗi loài đều tiến-hóa lên một bực. Tỷ như thú vật ở dãy thứ tư, sau 7 nguơn, sẽ đầu- thai qua dãy thứ năm làm con người, còn con người, thì làm bực siêu-nhơn. Vậy sau mỗi nguơn, tinh-thần nhơn-loại được tăng-trưởng; trí óc được mở-mang, tâm-tánh được cao-thượng. Chẳng phải tất cả nhơn-vật ở dãy Địa-Cầu đều được sang qua dãy Thủy-Tinh đâu, vì cũng còn một số chậm tiến-hóa, không theo kịp đồng-loại, nên phải đành ở lại chịu cảnh lẻ loi. Mỗi loài đều có một số đọng lại như vậy. Thế thì một nhóm nhơn-vật phải ở lại để tiến-hóa. Nhưng rủi thay, thường thường các phần-tử nầy dường như lừ-đừ, ngây ngủ [[4]], không biết mấy muôn mấy triệu ngàn năm, đợi đến chừng nào thần-lực xuống kỳ nữa, mới trở hoạt-động lại. Trong khi ấy, ở dãy khác lại có biết bao linh-hồn đang chớm nở tưng-bừng. Rồi những vị kỳ-cựu nầy sẽ là đàn anh của nhơn loại mới sanh hay từ đâu mới đến.

Vậy, mỗi một bầu của dãy hành-tinh đều có lúc thạnh, lúc suy. Lúc thạnh là lúc sanh-lực xuống dồi-dào (đồ hình số 22). Còn suy, thì sanh-lực lại ít. Hiện giờ, trái đất của ta là bầu D được tiếp nhiều sanh-lực của Đức Thượng-Đế. Ta thấy nhiều tia từ trung-tâm trái đất xẹt ra là biểu-tượng thần-lực dồi-dào. Nếu ta biết thừa cơ-hội tiến-hóa, thì ta tăng-trưởng mau lẹ vô cùng [[5]]. Lúc thần-lực ở bầu D rút qua bầu E thì bầu D phải chịu cảnh lu-lờ hay là lúc yên nghỉ (prâlaya). Lúc yên nghỉ, thì tư-tưởng của Đức Thượng-Đế để lại đó rất ít. Sở dĩ Ngài còn lưu lại chút ít tư-tưởng là vì một số nhơn-loại còn sống và tiến-hóa nơi đó; và cái bầu ấy một ngày kia sẽ được sống lại.

Chúng ta đã nói ở trước Ngôi Lưỡng-Nghi (thứ nhì) có 7 luồng năng-lực để nuôi sống 7 loài.

Tóm lại: Thần-lực sinh-hóa đi khắp 7 bầu làm một vòng gọi là một Nguơn hay là một cuộc tuần-huờn (1 Ronde). Thế thì một cuộc tuần-huờn gồm có 7 thời-kỳ của một bầu. Khi đã kết-thúc một cuộc tuần-huờn, thì sự sống sẽ bắt đầu trở lại: sự sống linh-động bầu A, sang bầu B rồi lần lượt đến bầu C, D, E, F, và G cho đến xong một cuộc tuần huờn thứ nhì. Lập đi, lập lại như vậy cho đủ 7 cuộc tuần-huờn. Vậy thì: 7 lần xạ sanh-lực cho 1 bầu gọi là một nguơn hay một cuộc tuần-huờn.

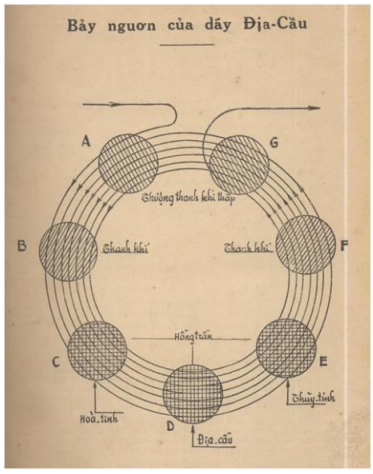

Đồ hình số 21

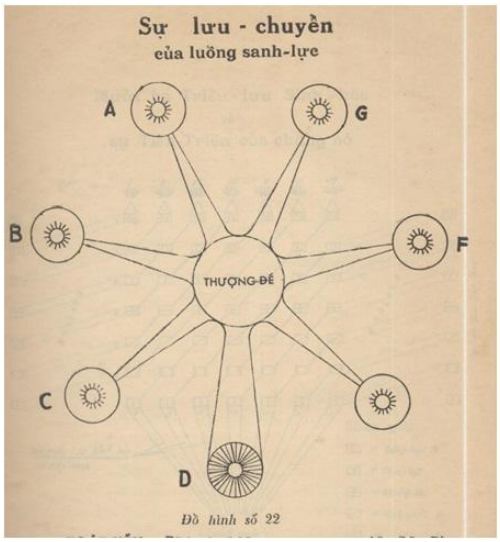

Đồ hình số 22

TOÁT YẾU: Đồ hình số 22 tượng-trưng một bầu (bầu D) đương hồi hưng thịnh, sáng chói: vì được Đức Thượng-Đế chú-ý, trong khi sáu bầu kia chỉ hưởng được một vài tia yến sáng mong manh của Ngài. Quá-trình nầy cứ lập lại mãi cho đến khi mỗi bầu của một dãy đều trải qua 7 thời-kỳ hoạt-động đầy đủ, và 7 thời-kỳ lu-lờ (gọi là Prâlaya).

Khi Đức Thượng-Đế chủ-ý đến bầu nào (hiện giờ Ngài đang chủ-ý đến trái đất ta là bầu D) thì nơi đó nguồn sanh-lực phát ra một cách mãnh-liệt, trong các giới; chi nên sự tiến-triển đều được mau lẹ; nhơn vật được hưởng một thời-kỳ cực-thịnh. 7 lần xạ sanh-lực cho 1 bầu gọi là một Nguơn hay một cuộc Tuần-Hườn. 49 lần xạ sanh-lực cho 1 bầu gọi là 7 Nguơn hay một Đời của một dãy.

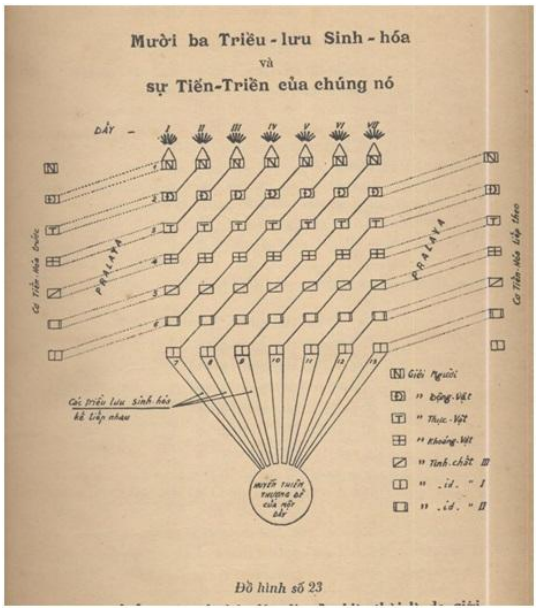

Đồ hình số 23

CHÚ Ý: Nhân-loại ở dãy địa-cầu hiện-thời là do giới động-vật ở dãy thứ ba (là dãy Mặt Trăng) cũng do giới thực-vật ở dãy thứ nhì và giới khoáng-vật ở dãy thứ nhứt.

49 lần xạ sanh-lực cho 1 bầu gọi là 7 nguơn hay 7 cuộc tuần-hườn hay là một đời của một dãy.

Cắc nghĩa đồ hình số 23

Trong đồ hình số 23 ta thấy có 13 luồng năng-lực hay là 13 triều-lưu sanh-hóa ra 7 loài; và 6 luồng khác xuống để làm ra 6 loài mới thế cho 6 loài cũ đã đi đầu- thai. Tỷ như loài tinh-hoa I, khi mãn 7 nguơn rồi, sẽ đi đầu-thai làm loài tinh-hoa II (loài nào muốn đầu-thai qua loài kế, thì thường lệ phải đi đủ 7 nguơn, nhưng đó không phải là điều bắt buộc, có loài đi trước thời-kỳ, có loài đọng lại như ta đã thấy). Chừng ấy sẽ có luồng sanh-lực mới xạ xuống làm thành loại tinh-hoa khác thế vào chỗ trống. Cứ chuyền như vậy 7 lần. Còn loài người, khi mãn 7 nguơn, rồi thì sang qua dãy hành-tinh khác kế đó.

Trong đồ hình số 23 ta thấy biểu-tượng của 7 loài như sau đây:

Hình chữ N tượng-trưng loài người

Hình chữ Đ tượng-trưng loài cầm-thú

Hình chữ T tượng-trưng loài thảo-mộc

Hình chữ + tượng-trưng loài kim-thạch

Hình / tượng-trưng loài tinh-hoa III

Hình II tượng-trưng loài tinh-hoa II

Hình I tượng-trưng loài tinh-hoa I

Còn 7 tia trên chữ H (H) chỉ là phàm-nhơn đã thành siêu-nhơn. Hình tam-giác chỉ Chơn-Thần (hay linh-hồn) tượng-trưng 3 ngôi hay tam-vị hợp-nhứt-thể (trinité).

Hiện giờ chúng ta là nhơn-loại của quả địa-cầu (thuộc về dãy hành-tinh thứ 4). Lúc ở dãy hành-tinh thứ 3 là (dãy Kim-tinh) thì chúng ta vốn là loài thú-vật và cũng vốn là loài thảo-mộc của dãy hành-tinh thứ 2 (xem đồ hình số 17). Và cũng là loài kim-thạch của dãy hành-tinh thứ nhứt (đó là sự tiến-triển thường lệ, nhưng cũng có sinh-linh tiến-hóa mau hơn định-luật).

Loài người của dãy hành-tinh thứ tư cũng đã đầu-thai trong 3 loài tinh-hoa I, II, III, rồi, nhưng ở mấy dãy hành-tinh của Thái-Dương-Hệ trước.

CHƯƠNG THỨ CHÍN: Luồng sóng Sanh-Hoạt thứ ba

Luồng sóng sanh-hoạt thứ ba do ngôi thứ nhứt là ngôi Thái-Cực xạ xuống. Nó khác với hai luồng sóng sanh-hoạt I và II vì nó chỉ hạ xuống Chơn-Thần mà thôi, chớ chẳng phải tất cả vạn-vật trong vũ-trụ như hai luồng trước. Nó làm cho mỗi linh-hồn biết mình là một cá-nhơn riêng-biệt, và có thể tự dùng nghị-lực để tiến tới. Nhơn đó mà người ta gọi là chơn-thần cá-tính (Monade de I'individualisation).

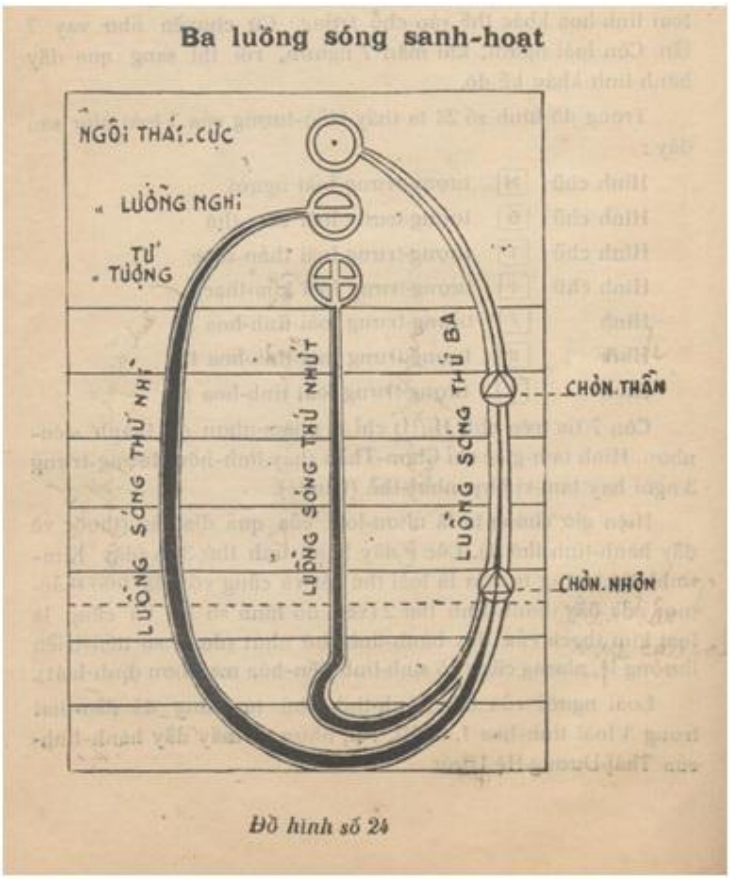

Đồ hình số 24

Cắt nghĩa đồ hình số 24

Hình tượng-trưng ba luồng sóng sinh-hoạt

1* **Ngôi thứ nhứt**: Chấm chính giữa là sự sống đầu-tiên.

2* **Ngôi thứ nhì**: Tượng-trương bằng đường trung-đạo, phân âm dương.

3* **Ngôi thứ ba**: Có chữ thập phân tứ-tượng làm ra 5 cõi thấp [[6]]. Ngôi thứ ba xuống thấp chừng nào thì trược chừng nấy, nên ta thấy đường vẽ càng xuống thấp càng đậm. Ngôi thứ ba xạ luồng sóng sanh-hoạt thứ nhứt biến ra các nguyên-tử và tinh-hoa phức-tạp, rung-động không ngừng. Trong vật-chất chuyển-động nầy lại có thêm một luồng sóng sanh-hoạt thứ nhì xạ xuống nữa. Nó tạo ra ba loài tinh-hoa I, II và III, và sau cùng nhập vào kim-thạch, rồi ngưng lại đó. Thần-lực ở trong kim-thạch một thời gian khá lâu, rồi mới trở lộn lên (con đường phản-bổn hườn-nguyên) nhập vào cây cỏ và thú-vật. Thần lực đọng lại trong mỗi loài một thời-gian bằng nhau. Ta có thể gọi thần-lực ấy là Điểm Linh-Quang của Đức Thượng-Đế, hay là linh-hồn [[7]]. Linh hồn ở trong loài thú-vật rồi mới sang qua loài người. Nơi đây sự trọng-hệ xảy ra là: Linh-hồn gặp sanh-lực thứ ba của ngôi thứ nhứt. Nhờ sanh-lực thứ ba nầy Linh-hồn mới thành người.

Xem kỹ trong hình, thì ta thấy luồng sóng thứ nhứt - do ngôi thứ ba - đi xuống cõi hồng-trần tột bực, rồi nó cũng trở lộn lên, người ta gọi nó là luồng hỏa-hậu (kundalini). Nó hiệp-nhứt với luồng sóng thứ nhì - (do ngôi thứ nhì) - làm cho Chơn-thần có thể trực-tiếp đặng luồng sóng thứ ba - (ngôi thứ nhứt) - thành con người có đủ hạ-thể.

Cho nên ta nói được rằng: "Con người sống nhờ sanh-lực rút dưới đất và sanh-lực rút lên trời; hoặc nói cách khác là: cha mẹ của nhơn-loại là Trời và Đất. Hai sanh-lực nầy gặp nhau trong lòng người và cùng nhau hoạt động để giúp người tiến-hóa. Ta không thể có sanh-lực nầy mà thiếu sanh-lực kia đặng: cả hai đồng hữu-ích. Nhưng nếu sanh-lực nầy quá mạnh, lấn áp sanh-lực kia, thì không tránh đặng sự nguy-hiểm. Bởi vậy, nếu con người chưa được trong sạch mà lo mở luồng hỏa-hậu, thì sẽ gặp tai-hại ngay. Ta nên để ý điều nầy.

Cả ba luồng nói trên đây đều là sự sống của Đức Thượng-Đế. Nhưng luồng sóng thứ I và thứ II khác với luồng sóng thứ III. Hai luồng sóng I và II ở trên đi xuống lần qua các cõi dưới rút những chất các cõi đó, nên nó bị nhiễm trược của cõi thấp bám vào làm che khuất chơn-tướng tốt đẹp của nó đi. Nhơn đó mà anh-linh toàn-năng, toàn-thiện của Đức Thượng-Đế, đang đi xuống phiêu-lưu, lại bị chôn chặt trong vật-chất từ đây! Trái lại, luồng sóng thứ III - do ngôi thứ nhứt - từ trên đi xuống không bị chất trược bám vào. Nó chói sáng lòa, tinh-anh, thanh-khiết.

Tới đây, chúng ta thấy hai giai-đoạn: sanh-lực đi xuống và đi lên. Sanh-lực I và II đi ngang các cõi, đem đặc-tính cho vật-chất, hầu dọn đường tiến-hóa ở trong tương-lai. Ta cho nó là con đường "Đi Xuống" hay con đường Nhập-Thế (involution). Khi nó xuống tột bực trong vật-chất, thì nó trở lộn lên. Đó là con đường "Phản Bổn Hườn Nguyên" hay là con đường Xuất-Thế (evolution).

Hai luồng sóng I và II còn khác với luồng sóng III ở chỗ trọng yếu nầy: hai luồng sóng I và II lo chung cho cả ức triệu chơn-thần (còn ở thời-kỳ hồn-khóm đoạn nầy sẽ nói sau) còn luồng sóng III chỉ lo riêng cho mỗi linh-hồn, lúc linh-hồn có đủ điều-kiện để trực-tiếp nó.

Luồng sóng III chỉ xuống tới cõi Bồ-Đề rồi ngừng lại, để đợi cho tới bao giờ linh-hồn thú vật được tiến-triển khá nhiều có thể vượt lên tới đó, rồi cả hai (hồn thú vật và luồng sóng III) đồng xông vào nhau khắn-khít, làm một khối duy-nhứt: ấy là lúc tạo-thành một hồn người riêng biệt có một cái thể mới là: chơn-thần (corps causal). Chơn-thần ví như một cái nhà để cho linh-hồn trú-ngụ (đoạn nầy sẽ giải ở sau). Lúc bấy giờ thú đã thành người, và tất cả cái gì thú học hỏi kinh-nghiệm đều gom về chơn-thân, để làm nền-tảng tiến-hóa của con người.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI: Lược đồ tiến hóa của các loài

Cắt nghĩa đồ hình số 25

Trong đồ hình nầy ta thấy: Luồng sóng thứ nhứt do ngôi thứ ba xạ xuống tạo ra chất khí các cõi. Luồng sóng thứ nhì lấy chất khí ấy ở từ cõi thượng-giới mà nắn đúc ra các tinh-hoa I, II, III, Kim-Thạch, Thảo-Mộc và Thú-Cầm. Ta còn thấy luồng sóng thứ III do ngôi thứ nhứt xạ xuống hiệp với hai luồng sóng kia làm ra con người, có đủ thượng-trí (mental supérieur), hạ trí (mental inférieur), vía, phách và xác-thịt.

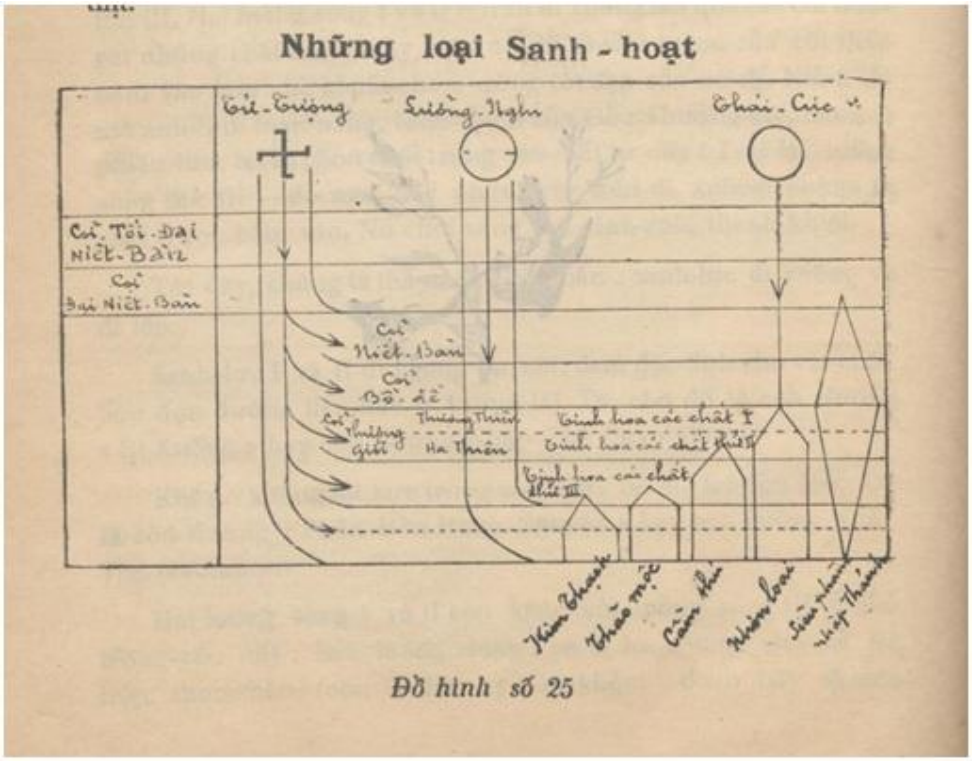

Đồ hình số 25

Trong hình ta thấy loài kim-thạch choán trọn phần trược của cõi trần. Cõi trần chia làm hai phần: phần nhẹ (thanh) và phần nặng (trược). Điều nầy chỉ rằng Kim Thạch có đủ uy-lực ở cõi trược vật-chất. Phía trên hình Kim Thạch, thì nhỏ lần lần, vì nó chưa được tiến trên cõi thanh vật-chất. Phần nhẹ của Kim Thạch làm bằng chất thanh-khí hồng-trần: ấy là cái phách nhỏ, mặc dầu còn thô sơ. Kim Thạch có một chút trí-thức về dục-vọng; nó mới khởi có cái vía (đoạn nầy sẽ giải rõ nơi đoạn Hồn-Khóm). Cái mầm dục-vọng nầy nhà Hóa-học gọi là ái-lực (affinité chimique) là cái sức khiến vật-chất hợp với nhau.

Về loài thảo-mộc, thì ta thấy nó choán trọn cõi phàm. Cái vía của nó lại nở lớn hơn cái vía của kim-thạch, bởi thế nên sự ham-muốn của nó mạnh hơn sự ham-muốn của kim-thạch. Những nhà khảo-cứu thảo-mộc có nhiều tài-liệu về sự khôn ngoan của nó dùng để đi đến mục-đích.

Còn loài cầm thú, thì ta thấy nó choán trọn cõi phàm và gần hết cõi trung-giới. Đó chỉ rằng: cầm-thú có cái-xác, phách đầy đủ, cái vía phần dưới hoàn-toàn, nghĩa là nó có đủ dục-vọng xấu xa. Phần trên cái vía của nó nhỏ hẹp hơn, chỉ tỏ: những đức-tánh cao-thượng như: sự tôn-sùng, thương mến, hy-sinh cũng có trong lòng nó, dù còn yếu ớt. Có vài con thú tiến-hóa, đôi khi cũng biết bộc-lộ những đức-tánh nầy đối với chủ nó. Cái vía của cầm thú lại ló lên cõi Thượng-giới một chút. Đó chỉ nghĩa rằng: nó cũng có ít nhiều khôn-ngoan. Tóm lại: mặc dầu cầm-thú không biết nói năng, nhưng chúng nó cũng có các thứ cảm-tình như: thương, ghét, giận, oán…và đôi chút trí khôn.

Hình vẽ đây chỉ thuộc về loài thú tiến-hóa bực trung, nên chót hình chỉ lên tới cõi hạ trí mà thôi. Đối với những con thú tiến-hóa cao, như: voi, ngựa, khỉ, thì cái chót nầy lại dài hơn, nhưng nó chẳng hề nở lớn và choán trọn cõi trí đặng.

Xem hình vẽ về loài người, ta thấy nó choán trọn ba cõi: hạ-giới, trung-giới và thượng-giới. Đó chỉ rằng: loài người có xác, vía, trí trọn đủ, và nhờ cái trí nở lớn, nên biết phân-biện, đoán xét, mặc dầu sự đoán xét nầy không được đúng lắm: vì chót hình không choán trọn cõi trí. Phần đông con người chưa đem tâm lên tận cảnh thứ ba của thượng-giới, là cõi thượng-trí mà chỉ hoạt động trong bốn cảnh thấp là cõi hạ trí. Nhưng nếu con người đi đến bực tiến-hóa khá cao, thì có thể đem tâm lên tận cõi thứ nhì và cõi thứ nhứt của thượng-giới đặng.

Hình vẽ bên mặt thuộc về bậc siêu-nhân. Tâm Ngài có thể lên tận cõi Bồ-Đề, và hoạt-động một cách dễ-dàng tại đó. Lại nữa, ở cõi Niết-Bàn tâm Ngài cũng khởi tỏ ngộ - nhứt là khi bỏ xác phàm, Thượng-trí và cái vía của bậc siêu-nhân nở lớn hơn là cái xác, nó chỉ tồn còn một chấm nhỏ. Đó chỉ rằng: các Ngài sở-dĩ còn lưu lại trần gian là vì phận-sự mà thôi - chớ lòng trần đã rủ sạch, nợ trần đã giải-thoát. Tâm trí các Ngài đều hoạt-động ở cõi cao. Chính các Ngài là Đấng Giáo chủ của nhơn-loại.

Lại nữa, trong hình vẽ con người thấy có thêm một luồng sanh-lực do ngôi thứ I xạ xuống (Xem đồ hình số 24).

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT: Thành-lập dãy địa-cầu: Tổng quát

Dãy Địa cầu có 7 bầu: 2 bầu làm bằng chất hạ trí, 2 bầu làm bằng chất thanh khí (chất cái vía) và 3 bầu làm bằng chất hồng-trần là: bầu Hỏa-Tinh, Địa-Cầu và Thủy-Tinh. Song ta nên nhớ rằng: những bầu Địa-cầu, trong cuộc tuần-huờn thứ nhứt, ở vào trình độ của những bầu Nguyệt-tinh trong cuộc tuần-huờn thứ 7. Theo luật trời, thì mỗi một dãy mới phải tạo thành trước khi dãy trước tắt hẳn. Tỷ như dãy Nguyệt-Tinh còn hoạt động, nhưng thần-lực đã suy, thì dãy Địa-cầu đã bắt đầu lập rồi.

Người ta cho rằng: mỗi bầu đều có một vị Đại-Thiên-Thần kiến-thiết để chủ-trị việc thành-lập của nó. Vị Đại-Thiên-Thần nầy làm trung-gian chuyển-di thần-lực xuống cho bầu.

Khi dãy Nguyệt-Tinh đã đi mút cuộc tuần-huờn thứ 7, thì vị Đại-Thiên-Thần ấy mới đem thần lực bầu A của dãy Nguyệt-tinh sang qua bầu A của dãy Địa cầu (xem đồ hình số 26). Những nhân vật tại Bầu A của dãy Nguyệt-Tinh phải chờ cho Bầu A của dãy Địa cầu làm xong mới dời đến ở.

Người ta biết rằng: trong cuộc tuần-huờn thứ 7, một nhóm La-Hán ở bầu A, B, C của dãy Nguyệt-Tinh đến giúp vào sự kiến-thiết của dãy Địa-cầu. Các vị La-Hán lấy quý danh là Barishads hay là Thần Nguyệt Tinh. Các Ngài không hoạt-động chánh-thức, dường thể đến dó để nhìn xem. Về sau có một nhóm Thần Barishads ở bầu G của Dãy Nguyệt-Tinh đến Dãy Địa-Cầu nữa. Chính các Ngài tạo ra hình-thể đầu-tiên cho bầu A của dãy Địa-cầu trong cuộc tuần huờn thứ nhứt. Khi những hình thể đã tạo xong, thì các linh-hồn ở Nguyệt-Tinh mới đến chiếm.

Các vị Thần Barishads ở bầu F đến tạo ra hình cái trí cho nhân vật trong cuộc tuần-huờn thứ hai. Các vị Thần Barishads bầu E tạo ra hình cái vía cho nhân vật trong cuộc tuần huờn thứ ba. Các vị Thần Barishads ở bầu D (là Nguyệt-Tinh) đến tạo ra cái phách cho nhân vật trong cuộc tuần-huờn thứ tư.

Khi Địa-Cầu đã thành lập xong, thì Nguyệt-Tinh khởi sự nghỉ hoạt-động. Khi Thần-Nguyệt-Tinh sang Địa-Cầu, thì Nguyệt-Tinh khởi chết. Một phần lớn chất của nó dùng làm ra Địa-cầu. Khi nhân vật ở Nguyệt-Tinh khởi chuyển-di, thì bầu A, B, và C của dãy Địa-cầu đã thành lập xong; trừ bầu D (là địa cầu) còn đợi thần Nguyệt-Tinh sang giúp mới xong.

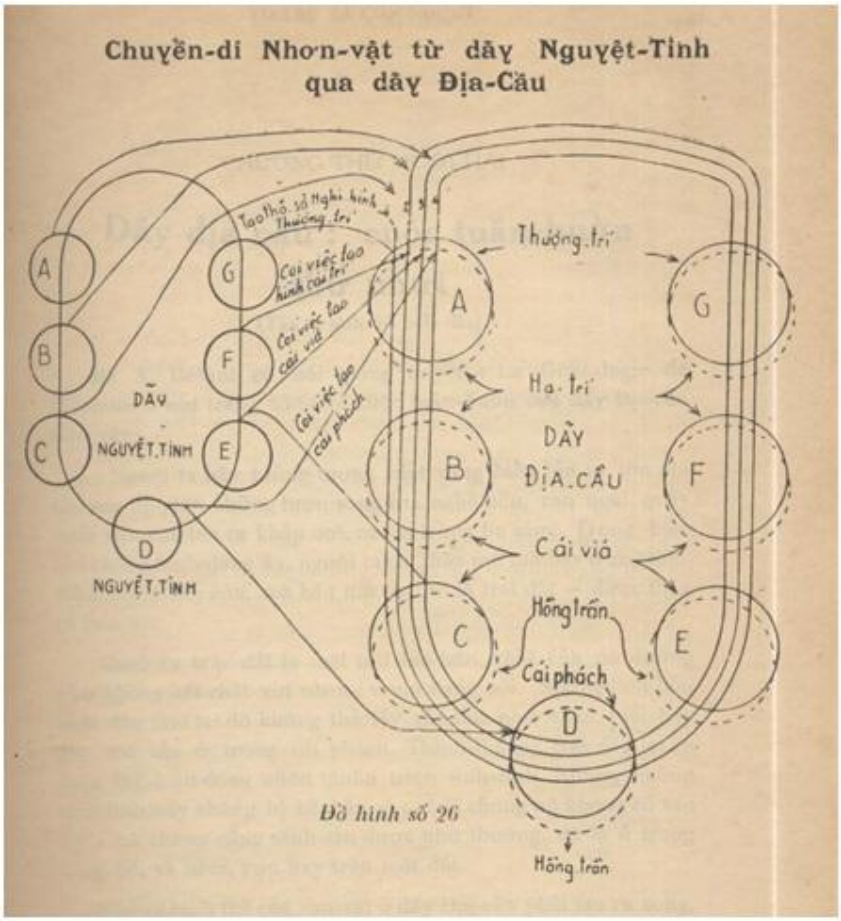

TOÁT-YẾU: **Trong đồ hình ta thấy: dãy Nguyệt-Tinh và dãy Địa-Cầu. Các vị thần Nguyệt-Tinh (Barishads) giúp vào sự kiến-thiết của dãy Địa-cầu. Những đường xuyên qua các bầu của dãy địa-cầu là chỉ những cuộc tuần-huờn. Hiện giờ nhơn-loại của dãy địa-cầu ở vào cuộc tuần-huờn thứ tư. Đến cuộc tuần-huờn thứ bảy, thì nhơn-loại nầy sẽ chuyển-di qua dãy hành-tinh kế đó. Sự chuyển-di các linh-hồn không phải là một lượt mà từng nhóm, đợi cho hình thể ở dãy địa cầu làm xong mới đến chiếm.**

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI: Dãy địa cầu: cuộc tuần-huờn thứ nhứt (Tạo ra hình thể buổi đầu)

Bà A. Besant có nói trong quyển "La Généalogie de L'Homme" nơi trang 63-64 về cuộc tuần-huờn của dãy Địa-cầu như vầy: "Người ta hãy tưởng-tượng một vùng biển lửa to lớn phi thường nhô lên những lượn sóng lửa ghê hồn, cao ngút, quay tròn vùn-vụt, túa ra khắp nơi, muôn trùng tia sáng. Trong biển lửa không hình dạng ấy, người ta chỉ thấp mờ mờ bảy trung-tâm-điểm, ấy là bảy bầu, mà bầu thứ tư là trái đất - được thấy rõ hơn".

Thuở ấy trái đất là một trái lửa bùn, chất của nó dường như không kết chặt với nhau vì nó đang sôi. Những linh hồn phải đầu thai tại đó không thể lấy xác thịt như nhân loại bây giờ, mà chỉ trong cái phách. Thỉnh-thoảng trái đất lại có một cuộc đại biến-động chôn muôn triệu sinh-linh. Nhưng những sinh-linh nầy không bị hề hấn gì: vì lẽ chúng nó không có xác thịt; mà chúng cũng sanh-sản được như thường, dù là ở trong hang, hố, và hầm, vực hay trên mặt đất.

Những hình thể của vạn-vật ở dãy Địa-cầu phải tạo ra xong, trong cuộc tuần-huờn thứ nhứt; chớ không bao giờ tạo ra sau. Bởi vì, cũng như ta đã nói ở trước, luôn luôn mỗi bầu (sau khi luồng sanh lực đã sang qua bầu khác) đều có đọng lại một số trong bảy loài, vì chúng tấn-hóa chậm-chập. Nhơn đó mà một số người ở dãy Nguyệt-Tinh thấp kém hơn mới sang qua dãy Địa-Cầu vừa thành-lập đặng đầu thai trong cuộc tuần-huờn thứ nhứt. Đức Bàn-Cổ mới tạo ra Nghi-Hình (modèle) cho trọn dãy. Mặc dầu các sinh-linh chỉ đạt đặng đích tấn-hóa vào cuộc tuần-huờn thứ bảy mà thôi, nhưng bấy giờ các mầm đã dọn sẵn. Mỗi một loài, Đức Bàn-Cổ [[8]] lựa một hình-thể phù-hạp với sự biến-đổi và sự tiến-triển về sau. Khi bản-đồ tiến-hóa về hình-thể các loài đã thành lập một cách rõ rệt rồi, thì Đức Bàn Cổ mới giao cho các vị Thần Nguyệt-Tinh Barishads coi theo mà nắn sửa hình dạng giống với kiểu mẫu nầy.

Các vị Barishads ở bầu G của dãy Nguyệt-Tinh có trách nhiệm lo về cuộc tuần-huờn thứ nhứt của dãy Địa-cầu. Các Ngài mới tạo ra hình-thể cho mỗi bầu. Hễ các Ngài vừa tạo xong, thì có các hồn thú sắp thành người ở dãy Nguyệt-Tinh đều được đưa đến chiếm liền. Thường thường những linh-hồn ít tấn-hóa nhứt mới đến đầu-thai tại dãy hành-tinh vừa thành lập. Chính những hồn Thú-người ở Nguyệt-Tinh, có Chơn-thân hình đường vạch [[9]] (corps causal en lignes) đến chiếm dãy Địa-cầu trước nhứt. Cùng một lượt với hồn thú-người ấy, lại có những thú vật ở bầu D của dãy Nguyệt-Tinh sang qua, tốp nầy đến lâu được 100.000 năm, thì kế tốp khác. Có một điều lạ nầy là những linh-hồn ấy không bắt đầu tiến-hóa từ bực chót của mình đã bỏ dở tại dãy Nguyệt-Tinh, mà ôn-lại tất cả điều mình đã kinh-nghiệm xưa. Bởi vì trong cuộc tuần-huờn thứ nhứt, trên mỗi bầu của Dãy Địa-cầu, chúng nó khởi lại sự tấn-hóa thủy nguyên (là khi chúng nó bắt đầu nhập vào vô loài tinh-hoa thứ I, thứ II, thứ III, rồi đến loài kim thạch, thảo mộc, thú cầm và loài người). Nhưng bởi vì chúng nó ôn-lại, nên không mất nhiều ngày giờ. Chúng nó đầu thai qua bầu thứ nhứt, đến bầu thứ bảy; hết cuộc tuần-huờn thứ nhứt, thì trở lại làm người. Phải nhớ rằng: "Vật chất của bầu nầy không sang qua bầu khác, chỉ có linh hồn tản-cư mà thôi." Trên bầu A của dãy Địa-cầu, con người cũng chưa đáng gọi là con người: con người chỉ là một lằn tư-tưởng nhuộm màu hạ trí. Trên bầu B con người khởi có cái vía. Trên bầu C (Hỏa –Tinh) cái vía được rõ rệt hơn, và con người khởi có cái phách - dẫu chưa thành hình (đồ hình số 27).

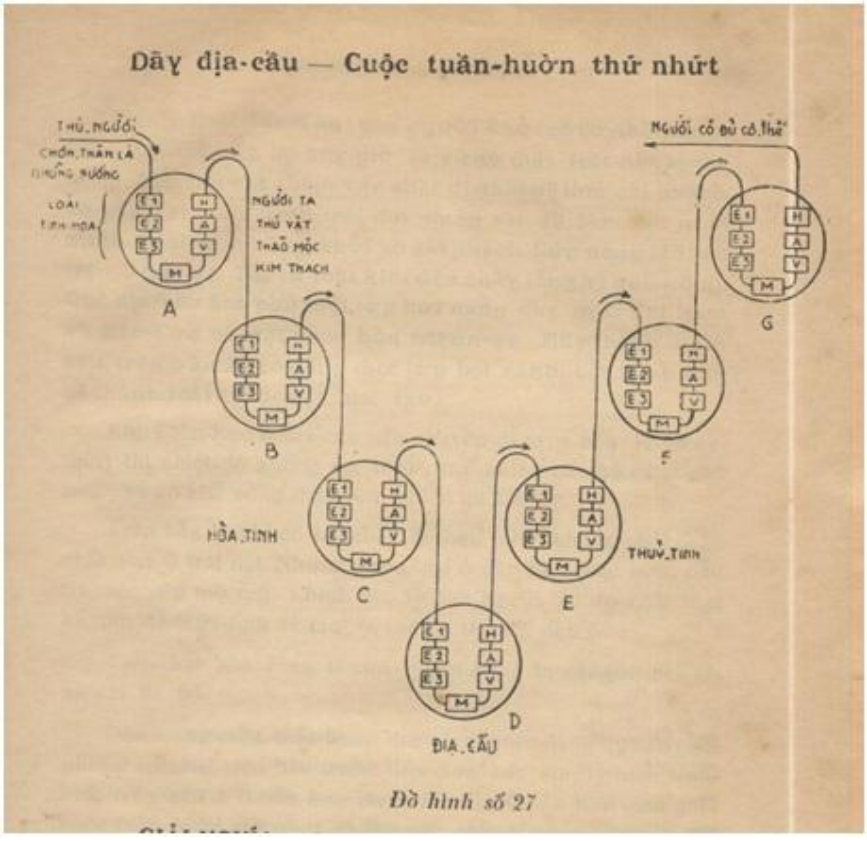

Đồ hình số 27

GIẢI NGHĨA - Những chữ trong đồ hình có nghĩa

E I là Tinh hoa I

E II - - - II

E III - - - III

M là Kim Thạch

V là Thảo Mộc

A là Thú Cầm

H là Con Người

Trên bầu D (Địa-Cầu) con người khởi có cơ-thể hồng-trần. Cơ-thể của họ bấy giờ là vừng mây trôi nổi bình-bồng, lần lần rút thêm vào chất dĩ-thái để làm cái phách và các chất khí trên mặt đất đang sôi để làm vật nuôi mình. Loại-kim cũng khởi có cái phách. Sức nóng lên cao trên 8.500 độ. Tất cả loại kim đều chảy lỏng vì quá nóng. Quả địa-cầu bao phủ một lớp hơi nóng dày mịt. Tại Nam và Bắc-Cực có một chút bùn sôi ùn-ục. Mấy ngàn năm sau, trên bùn ấy có đóng một lớp bọt xanh, bọt xanh nầy sẽ thành loài thảo-mộc mai sau.

Khi Thần-Lực ở địa-cầu gần chuyển-di qua bầu E (Thủy-tinh) thì nhiệt độ xuống độ 1000, tuy nhiên có chỗ cũng cao hơn; và có chỗ cũng thấp hơn nhiều lối 100 độ.

Trên Bầu E, chỉ có ba chất dĩ thái, chớ không phải bốn chất như ở trái đất. Nhưng nhơn-loại ở đấy linh-hoạt hơn, dẫu trí-thức còn mờ mịt. Chính lúc ấy con người lần dò như một kẻ mù, để thức-tỉnh và tạo ra các hạ thể tốt đẹp hơn.

Trên hai bầu F và G con người cũng lo củng-cố cái vía và cái hạ trí.

Dầu trong cuộc tuần-huờn thứ nhứt, hình dạng quá thô-sơ, nhưng sự sống trên bầu trước tiến hơn bầu sau, tỷ như sinh-linh trên bầu A ít tiến hơn lúc ở bầu B. Khoản thời gian giữa cuộc tuần-huờn thứ nhứt và thứ nhì, chất khí bảy bầu của dãy Địa-Cầu có thời-giờ đông đặc lại để cho các sinh-linh xuống chiếm trong cuộc tuần-huờn thứ hai.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA: Dãy trái đất: cuộc tuần-huờn thứ nhì (Hình-thể tiếp-tục sửa đổi)

Trong cuộc tuần huờn thứ nhì nhiệt độ ở bầu D (trái đất) hạ xuống rất thấp, nên chất đồng chảy kia đã đặc lại. Có một lớp mỏng như đất phủ lên mặt địa-cầu tại Nam và Bắc cực, nhưng nếu người ta khoét đất sâu xuống một chút, thì lửa sẽ bốc lên có ngọn.

Những hình-thể đã tạo xong cuộc tuần-huờn thứ nhứt, nên bây giờ khỏi tạo nữa. Con người chỉ linh-hoạt tại hai cảnh thấp của cõi hồng trần, và chẳng còn là đám mây đơn sơ trôi nổi như trong cuộc tuần-huờn thứ nhứt nữa. Đám mây nầy đông đặc lại giống như chất keo và biến-đổi dễ dàng. Bà Blavatsky gọi nó là ổ bánh nho vì nó có u nần; các cục u nầy thế cho tay chơn. Lúc đầu cuộc tuần huờn thứ nhì, thì ổ bánh ấy túa ra nhiều tia thòng ra, rồi rút vô, cũng như con vi-trùng a-míp (amibe) trườn tới đặng bò vậy. Nhưng nếu tia nầy mà cứ mãi đưa ra, thì lâu ngày nó cứng đi và không rút vô đặng.

Có nhiều chơn-linh ở trong lùm mây chưa đông đặc lại, chúng nó quá nhẹ nhàng, mỏng mảnh, nên bay luyện nhởn-nhơ trên không khí nóng bức của thời bấy giờ. Cũng có những chơn-linh ở trong lùm

mây đặc hơn, nên hạ xuống đất, bò lết, nhưng không một ai đứng đặng. Lùm mây ấy là xác thịt đầu-tiên của con người. Nếu vật gì đè lên xác ấy thì một lỗ hủng rất sâu, lâu lắm thịt mới nổi lên như cũ, y như ta đè trên thịt người bị thủng vậy. Phía trên thân mình có một miệng rộng hoạt để nút và hút vật-thực. Thường nó cứ bám vào mình đồng-chủng mà nút, như ta nút trứng gà luột còn sống vậy. Kẻ nào bị nút, thì chỉ còn là bộng nên chết liền. Tuy hình-thể chè-bè như cái chèo, mà khi nó muốn tỏ sự vui mừng, thì kêu oang-oang. Sinh-vật vui là khi xác-thân được khoái-lạc, và khổ là khi bị mệt nhọc, chớ chưa có tình-cảm gì rõ-rệt. Da của nó có răng cưa như vỏ cua và có nhiều màu. Về sau xác thân ấy bớt dị-hình, nó có dáng con người hơn, nhưng đi chưa được, chỉ bò như sâu. Về sau nữa, nhứt là ở gần miền Bắc-Cực, xác ấy có thêm tay chơn, nhưng cũng chưa đứng đặng. Sinh-vật có một vài trí khôn-ngoan.

Một vị Barishad của bầu F ở dãy Địa-cầu đem thần-lực ban vào một cái cù lao, rồi mới gom lại đó những sinh-vật nói trên. Chúng nó giống hình như hải-mã hay hải-trư, chưa có đầu rõ ràng. Nơi đây chúng được dạy ăn cây cỏ, chứ không được phép nút thịt đồng loại nữa. Nếu chúng có ăn thịt lẫn nhau, thì chúng lại lựa miếng thịt nầy, bỏ miếng thịt kia, dường thể vị-giác của chúng được mở mang it nhiều. Cái miệng của chúng sâu hơn, giống hình cái quặng, bao tử khởi nảy nở. Khi một vật gì không hạp với sự tiêu-hoá của chúng nó, mà rủi sa vào bao tử, thì tức khắc bao tử lộn ngược lại, tống đồ ấy ra một cách tự nhiên mà sanh-vật không đau đớn chi cả.

Mặt đất rất còn xao động, nên thỉnh thoảng sinh vật bị đốt hay bị nướng chín phân nữa. Chúng bị chết vì đó rất nhiều. Nhưng chúng sanh sản rất lẹ bằng cách nảy chồi; trong mình của chúng mọc một nhánh, ít lâu nhánh ấy rớt ra và sống độc-lập.

Các thể thanh của chúng nó chưa có hình dạng, trí-thức chưa mở, chúng chỉ có một chút trí gẫm mà thôi. Chúng hành-động theo bản-năng chớ chưa có lý-trí.

Sau một thời gian, chỗ chứa bao tử (hình cái quặng) teo lần lại, rồi nhô lên một cục bứu, bên trong có một điểm nhỏ; điểm nầy sau sẽ hóa ra khối óc. Khi con thú-người ấy trườn tới, thì đưa cục bứu với cái miệng ra trước. Bởi cái miệng chạm liền với mọi vật bên ngoài, nên quan-năng mở lẹ.

Trong cuộc tuần-huờn thứ hai, những thú người nầy (có chơn-thân bằng đường vạch) tiến-hóa lần lần, và khi đi mút bảy bầu (rốt cuộc tuần-huờn thứ hai) thì chúng nó mới thành người thiệt-thọ. [[10]]

Không khí lúc bấy giờ nóng bức và ngộp thở giúp một phần lớn cho sự phát-triển của thảo-mộc. Có nhiều thảo-mộc rất giống cỏ, nhưng là một thứ cỏ cao lối 12 thước và thân to. Cỏ nầy mọc dưới bùn ấm, sanh-sản mau lẹ và thành những khu rừng rậm. Chắc-chắn là nhờ những thứ thảo-mộc nầy, mà ngày nay chúng ta mới có những mỏ than.

Sau cuộc tuần-huờn thứ hai, một phần trái đất hoàn-toàn đông-đặc và ấm-áp. Người ta nghe nhiều tiếng kêu răng rắc, lớn phi thường, chắc chắn là do sự co rút của quả đất. Thuở ấy mỗi ngọn núi là mỗi hỏa diệm sơn đang cháy phừng phừng. Bầu Hỏa-tinh nhỏ hơn Địa-cầu, nên nguội mau hơn, và đông đặc trước; những sinh vật trên Hỏa-Tinh rất giống như trên Địa-cầu.

Các vị Thần Kiến-thiết hình sắc của dãy Địa-cầu trong cuộc Tuần-huờn thứ hai là những vị Thần Barishads của bầu F thuộc về dãy Nguyệt-Tinh.

Tóm lại trong cuộc tuần-huờn thứ nhứt những thú-người ở dãy Địa-cầu đã trải qua 7 loài một cách lẹ làng để ôn lại những bài học trước; chúng nó trở thành người thiệt thọ khi trở lộn về bầu A (của dảy Địa-cầu) trong cuộc tuần-huờn thứ nhì (Đồ hình số 27)

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN: DÃY ĐỊA CẦU (Cuộc Tuần-huờn thứ ba)

Hình-thể con người to lớn, giềnh-giàng, thô-kịch và dị-kỳ

Trong cuộc tuần-huờn thứ ba của dãy Địa-cầu thì con người có hình dáng giống người hơn, nhưng vẫn còn to lớn, giềnh-giàng, thô-kịch không rõ-rệt.

Trên bầu C (Hỏa-Tinh) (xem đồ hình số 28) bằng chất hồng trần, hình thể của thú-vật khởi tiến-triển - dù lúc đầu lấy hình cái gậy, sau dần đổi ra giống hình con khỉ, mà bò sát, nhưng bằng chất dĩ-thái (éther). Chất dĩ-thái đông đặc lần hóa ra chất keo hạ xuống mặt đất của bầu Hỏa-Tinh. Nếu nhận trên cơ thể nầy, tức thì có một lỗ hủng hiện ra, thật lâu mới nối liền lại. Thân hình không có xương cốt, chỉ có xương-sụm (cartilage) cho nên đứng không được, mà lại lăn, bò, lết và trầm mình trong bùn ấm dựa mé sông.

Hình trạng của bầu Hỏa-Tinh thuở ấy khác với lúc bây giờ rất nhiều. Hầu hết ba phần tư của bầu đều tràn ngập những nước, chỉ có 1 phần tư khô, không có kinh rạch như bây giờ. Ngoài đồng, thì có mọc cây cối dị-lạ khác thường. Không khí thật là khó thở cho chúng ta hiện giờ: vì có lộn chất lục-tố tới cực-độ.

Các vị Pitris Barishads (Thần Nguyệt-Tinh) mới đưa đến tại Hỏa-Tinh những hình kiểu-mẫu của thú-vật. Rồi các thiên-thần mới y theo hình kiểu-mẫu nầy mà sửa đổi hình thú-vật.

Trong cuộc tuần-huờn thứ ba, các hạng người ở bầu G, F, E của dãy Nguyệt-tinh mới đến bầu Hỏa-tinh mà đầu thai dưới sự chỉ-huy của Đấng Bàn-Cổ. Đức Bàn-Cổ dắt đến bầu Hỏa-tinh một nhóm người ở dãy Nguyệt-tinh. Sự nầy làm cho chúng ta nhớ tới chiếc tàu lớn của Noé đóng thời Đại -Hồng-Thủy để chở mấy người trong gia-tộc và nhiều cặp cầm-thú.

Nhóm người đến bầu Hỏa-Tinh là nhóm ít tấn-hóa nhứt của dãy Nguyệt-Tinh. Họ được Đức Bàn-Cổ dắt đến đầu thai trong gia-quyến thuộc về giống thứ ba (3è race martienne) lần lần họ tấn-hóa thêm. Đức Bàn-Cổ mới dắt họ đầu-thai trong giống dân thứ tư.

Nhóm người ấy hoạt-động theo một Ý-Chí Trung-Ương (điều-khiển một cách vô-hình) như những con ong trong tổ. Cái Ý-Chí Trung-Ương nầy là Ý-Chí của Đức Bàn-Cổ. Ngài phóng điển-lực ra dìu dắt cả đàn.

Trong cuộc di-cư kỳ nhì, một nhóm người ở bầu F của dãy Nguyệt-Tinh được Đức Bàn-Cổ dắt qua Hỏa-Tinh làm giống dân thứ tư. Trong cuộc di-cư kỳ ba, một nhóm người ở bầu E của dãy Nguyệt-Tinh cũng được Ngài dắt qua bầu Hỏa-Tinh để làm giống dân thứ năm.

Nhờ sự săn sóc tận-lực của Đức Bàn-Cổ, mà những người nầy mở tâm và mở trí mau lẹ. Ban đầu họ sống trong hang, sau lần tập cất nhà.

Tất cả đều là giống người "lại-cái"; nhưng trong bộ đôi sinh-dục nầy thường có một bộ phát-triển hơn; nên cần phải có hai người hiệp lại mới sinh-sản đặng. Tuy nhiên, bên cạnh họ cũng còn giống tiến-hóa chậm, sanh-sản bằng: 1) cách phân thân như vi-trùng a-míp, 2) cách đổ mồ hôi và 3) cách đẻ trứng.

Những hạng người sanh-sản ba cách đó không thuộc về ba "nhóm người" G, F, E đã nói trên. Họ rất còn thấp-thỏi.

Giống dân thứ năm của bầu Hỏa-Tinh sanh ra rồi, thì cách chỉ-huy theo tổ ong không còn có nữa, nhưng con người thuở ấy chưa có cá-tánh rõ rệt, nên thường làm chung, sống chung, và Đức Bàn-Cổ phải cực nhọc chăm-nom, như bầy trừu vậy.

Có một thứ người cũng thuộc về nhóm G, F, E lại có tánh tình hung tợn, sống riêng biệt với đồng loại, họ đi từ cặp vào rừng. Đầu họ phía sau có một cục xương nhọn lồi ra, trông rất xấu xa. Họ thường đánh lộn với nhau bằng cách cụng đầu vào nhau, giống như trâu bò chém lộn bằng sừng vậy. Trên đỉnh-đầu có cục xương rất cứng.

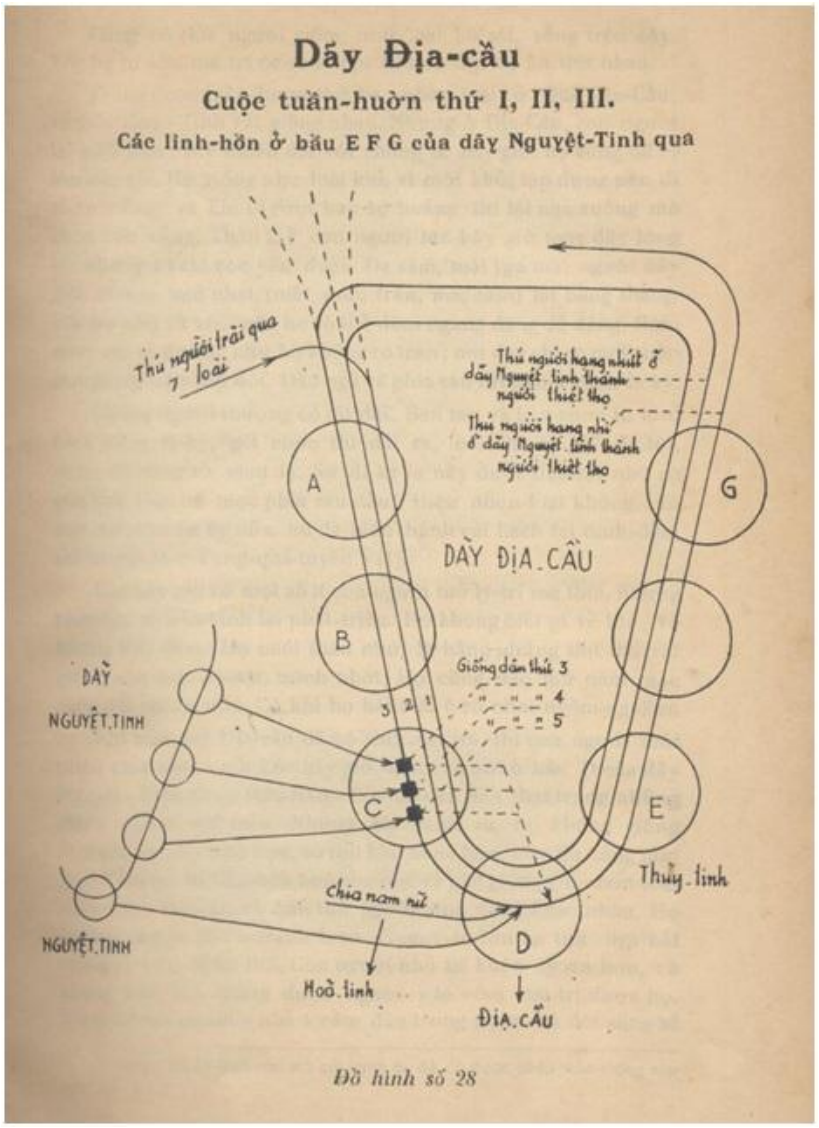

Đồ hình số 28

Cũng có thứ người giống như loại bò sát, sống trên cây. Vóc họ to lớn mà trí óc cạn hẹp. Khi có dịp họ ăn thịt nhau.

Trong cuộc tuần-huờn thứ ba, nhơn-loại ở Quả Địa-Cầu và bầu Hỏa-Tinh rất giống nhau. Nhưng ở Địa-Cầu, con người lại nhỏ hơn: tuy nhiên đối với chúng ta bây giờ, họ cũng đã to lớn lắm rồi. Họ giống như loài khỉ, vì mới tập đứng nên đi chưa vững, và khi bị rượt hay sợ hoảng, thì lại ngã xuống mà chạy bốn cẳng. Thân thể con người lúc bấy giờ mọc đầy lông lá, nhưng tứ chi còn yếu đuối. Da sậm, mặt tựa mặt người bấy giờ, nhưng ngũ nhạn (mắt, mũi, trán, má, cằm) lại bằng thẳng. Mắt họ nhỏ và xéo, nên họ có thể dòm ngang dễ dàng. Hàm dưới to, và dường như họ không có trán; nơi đây chỉ là một cuộc thịt giống như thịt dồi. Đầu ngã về phía sau lưng một cách lạ kỳ.

Tứ-chi người thượng cổ rất dài. Bàn tay và bàn chơn to lớn, hình dáng dị-kỳ, gót chơn thì dài ra, nên họ có thể đi tới, đi lui dễ dàng và mau lẹ. Sự đi kỳ lạ nầy được tiện lợi nhờ có con mắt thứ ba mọc phía

sau đầu. Hiện nhơn-loại không còn con mắt thứ ba ấy nữa, nó đã biến thành cái hạch tại đỉnh-đầu, mà ta gọi là "Tùng-quả-tuyến" [[11]].

Lúc bấy giờ có một số ít con người mở lý-trí mà thôi, nhưng tình-dục và bản-tánh lại phát-triển. Họ không biết gì về lửa; và không biết đếm. Họ nuôi thân nhứt là bằng thịt thú-vật giống như loài bò-sát, mình nhớt. Họ cũng đào thứ nấm mọc dưới đất mà ăn nữa. Có khi họ hái trái ô-rô nhai ngồm-ngoãm.

Khi nửa quả Địa-cầu đã có sinh-vật rồi, thì con người mới phân chia nam-nữ. Lúc bấy giờ nhóm người ở bầu D của dãy Nguyệt-Tinh được Đức Bàn-Cổ đưa đến đầu thai trong những giống người nói trên. Nhưng khi sanh ra, họ không giống như cha mẹ, họ nhỏ hơn, sớ thịt khít khao hơn, màu da trắng mịn hơn. Tóm lại họ tiến-hóa hơn cha mẹ, và gần giống với nhơn-loại ngày nay. Thế thì, có hai thứ hình dạng khác nhau. Họ thường gây ra chiến-tranh luôn. Người to lớn lại tìm dịp bắt người bé nhỏ để ăn thịt. Còn người nhỏ lại khôn ngoan hơn, và không bao lâu thắng được người "to" và chủ-trị được họ. Nhơn đó mà người "nhỏ" cầm đầu trong nước, và đời sống sẽ tùy theo lề-luật của họ, nếu ai bất-tuân, thì phải bị đào-thải nơi chốn xa-xăm, hiểm-trở, sanh sống khó khăn.

Thuở ấy, thú vật đều có vảy, cho chí loài chim cũng có vảy hơn là có lông. Chúng nó có hình-dạng không cân-đối, dường thể con nầy đem ráp với đầu con kia. Chúng nó giống nửa thú vật nhà, nửa chim, nửa loại bò-sát, coi dị-kỳ lắm.

Trong cuộc tuần-huờn thứ ba, địa-diện của Quả Địa-Cầu chưa ổn-định: có nhiều cuộc động đất, nhiều Hỏa-sơn phun lửa: đời sống vô cùng khó khăn. Địa-diện thuở ấy khác với bây giờ rất nhiều. Mấy ngọn núi dường như cao ngút mây xanh, hiện nay chưa thấy ngọn nào cao bằng; thác nước chảy ầm-ầm, lở núi, lở non, thấy rợn người; thường có nhiều luồng trốt quá mạnh, có thể hốt luôn cây cối, nhà cửa.

Về sau con người hiệp lại và tạo ra đô-thị.

Những vị Barishads, ở dãy Nguyệt-Tinh đến quả Địa-Cầu, chăm lo nhơn-loại giống như người chăm lo dạy một lớp thú-vật. Lần lần nhơn-loại tiến-hóa rõ-ràng. Con người mở lòng thương đồng loại, chia cho nhau những vật-thực, chớ không thường cấu-xé nhau như trước nữa.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM: Dãy Địa-cầu (Cuộc Tuần-huờn thứ tư)

Những bầu A. B. C.

Cuộc tuần-huờn thứ tư có thể gọi là cuộc tuần-huờn của nhơn-loại: bởi vì lúc đầu thì tất cả Hình Kiểu-Mẫu của mỗi giống dân chánh đều đưa đến bầu A. Chính theo hình kiểu-mẫu ấy, mà các vị Thiên-Thần nắn hình dạng nhơn loại ở tương-lai. Con người tương-lai sẽ có những thể mảnh mai, tốt đẹp hơn: bởi vì chúng nó phát-lộ được mãnh-lực của tinh-thần.

Học-giả nên nhớ rằng: trong cuộc tuần-huờn thứ tư, kim-thạch sẽ đi đến mức chót tiến-hóa của nó, nghĩa là trở nên cứng và nặng đến cực-độ.

Nếu xem qua một cách tổng-quát cuộc tuần-huờn thứ tư, thì ta sẽ thấy ba điểm đại-khái nầy khác với ba cuộc tuần-huờn trước. Ấy là:

1. Đổi thay tình-trạng của chất tinh-hoa.

2. Đóng cửa trước loài thú, nghĩa là: ngăn sự chuyển kiếp thú làm người trong một thời gian. Mở cửa lần đến Đạo, để cho nhơn-loại bước trên đường Tiên, Phật.

3. Ôn-lại trên bầu D (Địa-cầu) những cái gì đã học trong ba cuộc tuần-huờn I, II, III.

Ở đây ta học điểm thứ nhứt trước, còn hai điểm kia ta sẽ học về sau.

Trong cuộc tuần-huờn thứ tư; trên bầu A, trí con người khởi mở-mang rõ ràng, cho nên ta có thể nói rằng: lúc nầy nhơn-loại mới thật là khởi suy-nghĩ, nhưng ban đầu suy-nghĩ tầm-vơ, không đáng kể vào đâu bởi vì trong các cuộc tuần-huờn trước, trí con người chưa hoạt-động, chỉ nhờ các vị Thiên-Thần lấy tư-tưởng an-tịnh, và điều-hòa mà bao-bọc thôi. Nay trí con người mới nảy nở ít nhiều, và khởi đem vào nền tư-tưởng điều-hòa, an-tịnh ấy những ý nghĩ ích-kỷ, cộc-cằn và chiến-tranh. Nhơn đó mà các Thiên-Thần mới dang ra xa con người, cho chí thú-vật cũng sợ-hãi và oán ghét con người nữa.

Khi luồng sóng sanh-hoạt xạ xuống tới bầu C (là bầu Hỏa-Tinh) thì bầu nầy lại sanh ra một giống dân kỳ-lạ, thô-bĩ, mà bà Blavatsky cho rằng "người-thú hung-bạo và dữ-dằn". Đó là những linh-hồn thú-vật chuyển-kiếp làm người bằng sự oán giận và sợ hãi. Chúng là những linh-hồn "đọng lại" (nghĩa là tới thời-kỳ, mà không theo kịp chúng bạn của cuộc tuần-huờn trước) rồi trong khi đồng-chủng tiến-hóa theo đường phải, chúng nó lại tiến hóa theo đường ác. Chúng nó giống hình nửa khỉ, nửa loại bò sát, mình có vảy, và vui say giết hại.

Khi ấy, những người tiến-hóa cao mới lập thế ngừa chúng nó bằng cách cất đồn cao, và hiệp đoàn lại, tạo ra đô-thị để cùng che chở cho nhau. Ban sơ con người dùng cây cất nhà, mà cũng có khi dùng các tảng đá, không mài, không tiện.

Vài Đấng Thiêng-liêng ở bầu Nguyệt-Tinh qua Địa-cầu đầu thai làm người. Các Ngài tấn-hóa hơn nhơn-loại rất nhiều và truyền dạy cho người đời nhiều điều hay, lẽ phải. Các Ngài cũng dạy con người làm ra lửa và chi-dụng nó. Khi tạo ra lửa rồi, thì con người không dám để cho tắt, cứ thay phiên nhau mà giữ gìn ngày đêm, trong một đền thờ đặc-biệt. Thường thường người ta giao trách-nhiệm ấy cho các cô gái chưa biết làm việc và đánh giặc. Có lẽ vì cớ đó mới có sự thờ lửa, và phong chức Thần cho các cô trinh-nữ giữ lửa. Có khi, vì nước lụt hay bị chuyện rủi-ro nào mà tất cả một vùng đều không có lửa, thì một đoàn người tình-nguyện đi phương xa để mồi lửa đem về xứ. Lại có kẻ bạo gan hơn, men đến gần Hỏa-sơn đặng lấy lửa; nhưng thường họ bị chết thiêu.

Cũng chính các vị Thần Nguyệt-tinh (gọi là thần Barishads ở bầu E của dãy Nguyệt-tinh) bày cách đào kinh lấy nước ngọt để uống và trồng tỉa. Thuở ấy, những biển của bầu Hỏa-tinh không mặn.

Giống dân thứ năm thì da trắng và tiến-hóa nhiều. Họ tử-tế, hiền-lành, nhưng trí-hóa không mở rộng mấy. Họ có tình-cảm dồi-dào và biết hy-sinh. Ban-đầu họ đã khởi chia vật-thực cho nhau, chớ không giành ăn mà đánh, giết nữa. Sau, họ cất nhà với khối đá dũa, tiện, đẻo, nhưng không có hồ. Họ chỉ dùng cốt để tháp dính miếng nầy với miếng kia. Họ rất tự-đắc, nóng nảy, và ưa đánh giặc. Họ không có sáng-kiến, và tánh phân-biện. Tuy nhiên, nếu sánh người Hỏa-tinh với người Địa-cầu thì ta sẽ thấy nhiều giống nhau.

Người Hỏa-tinh thuộc về giống dân thứ sáu có nghị-lực dồi dào và biết quyết-định. Họ hơn người giống dân thứ năm đặc biệt. Họ văn-minh và tiến-hóa hơn nhiều. Họ cầm đầu Hỏa-tinh, và có sáng-kiến, trí mở rộng, nhưng họ chưa có tánh nhẫn-nại, làm đâu bỏ đó, chớ không chịu làm trọn-vẹn. Họ không chế-ngự bản-ngã đặng, nên làm nhiều điều sái, mặc dầu họ có đủ khả-năng.

Người Hỏa-tinh thuộc về giống dân thứ bảy thay phiên nhau mà nắm chánh-quyền; chẳng phải họ dùng sức-mạnh, mà bởi họ khôn-ngoan và xảo-trá hơn. Họ cũng ít ưa đánh giặc như người giống dân thứ sáu. Họ cũng ít đông hơn, nhưng họ hiểu biết trong kỷ-luật và hiền-lương. Họ biết sống theo một tôn-chỉ đã hoạch-định, và có một vài thiên-tài về mỹ-thuật, nhưng mỹ-thuật ấy khác với mỹ-thuật của người ở quả Địa-cầu.

PHẦN THỨ NHÌ: CÁC GIỐNG DÂN

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU: Quả địa-cầu

Giống dân chánh thứ nhứt

Giờ đây, chúng ta học về nhơn-loại ở quả Địa-cầu, trong cuộc tuần-huờn thứ tư. Trong chương nầy chúng ta học về giống dân chánh thứ nhứt.

Sự đặc-biệt của các giống dân đầu-tiên ở Quả Địa-cầu, trong cuộc tuần-huờn thứ tư, là phải học ôn-lại các điều kinh-nghiệm của cuộc tuần-huờn thứ I, thứ II, thứ III. Điều đó để giúp các linh-hồn chậm bước có dịp theo kịp đồng-chủng của mình.

Giống dân thứ I chưa có xác thịt, mà chỉ có cái phách là thể làm bằng chất hồng-trần (vì chất cái phách là dĩ-thái (ether) là chất hồng-trần). Giống dân ấy ôn lại sự kinh-nghiệm của cuộc tuần-huờn thứ I. Giống dân thứ II giống hình bánh ổ (nghĩa là cái phách dày đặc và nặng hơn, mới hạ xuống mặt đất, giống như ổ bánh). Giống dân thứ II lập lại sự kinh-nghiệm của cuộc tuần-huờn thứ II. Giống dân thứ III lập lại sự kinh-nghiệm của cuộc tuần-huờn thứ III. Người ta có thể xem giống dân thứ tư như hạp với cuộc tuần-huờn thứ tư. Chúng ta sẽ giải rành ở sau về mỗi giống dân.

Trong cuộc tuần-huờn thứ tư, lúc ban đầu, thì mặt trái đất hết sức xáo trộn: núi ngã, đất động, hỏa-sơn phun lửa, sóng biển to lớn phi-thường, cuốn theo những tảng đá to, bổ vào những bờ biển, tuyết-băng, đổ xuống như núi. Gần khắp mặt đất, đâu đâu cũng có lửa phun, nước lụt, bão tố, gió trốt và vòi rồng hút cả nhà cửa, cây cối. Thật là một cảnh tượng hỗn-độn tựa như lúc tuần-huờn thứ I.

Theo "Bộ Giáo-Lý Nhiệm-Mầu III, 281" thì bà Blavatsky cho rằng: sự hỗn-độn của Quả Địa-cầu cứ tiếp-diễn như vậy không ngừng trong 200 triệu năm! Sau thời gian đó mặt trái đất mới êm-dịu lại, và thời-tiết mới bình-hòa cho.

Trong khoản thời gian 300 triệu năm, các Thiên-Thần lo nắn hình-thể cho kim-thạch, thảo-mộc, thú cầm còn thấp. Các Ngài lấy những mảnh vụn của ba loài ấy trong cuộc tuần-huờn I, II, III, mà gom lại làm hình thể tốt đẹp hơn. Do đó, mới có những con thú nửa người, nửa thú, to lớn dị kỳ; và đủ thứ loại bò-sát, khổng-lồ. Người ta có thể cho rằng: chúng sanh ra do những bàn tay còn vụng về nắn đúc nên xem rất dị-thường [[12]]. Khi địa-diện được ổn-định khá rồi, thì vài vị Thần Nguyệt-Tinh (Barishads) đếm xem coi trái đất có thể làm chỗ cho sự sanh sống cho loài người chăng? Nếu các Ngài vừa ý, thì các Ngài mới dùa lại những thú-vật thấp kém ấy qua một bên, để chỗ trống cho các hồn người đến đầu thai… Rồi trên biển cả, không bờ, không bến, lại từ từ nhô lên một khoảnh đất: trên đó là chót núi Mérou. Chính Mérou là nơi thánh-địa trước nhứt; ngày nay nó là đồng cát Gobi. Người ta cũng gọi là nó là Đất-linh của các Thiên-Thần, là Shvetadvipa, là Cù-Lao Bạch, là Jambondvipa (xem bản đồ số 4 ở sau). Người Parsis gọi nó là Airyana Vaejo vì họ cho rằng nơi sanh đẻ của vị Tiên-tri của họ là Zarathoustra.

Tại Thánh-Địa có nổi lên bảy gò nhô ra biển. Mỗi giống dân đều sanh ra nơi Thánh-Địa trước hết, rồi sau mới đi nơi khác. Khí hậu của Thánh-Địa rất tốt và mát-mẽ dịu-dàng như lúc mùa Xuân.

Thánh-Địa đã tạo ra rồi, bây giờ mới lo tạo ra con người. Các vị Thần Barishad Pétris mới đến đó, và lấy ý-chí mà tách đôi cái phách của các Ngài. Cái phách thứ nhì nầy dang ra xa các Ngài, và nổi bình bồng trên không-khí và lờ đờ trên mặt biển. Ta thấy nó cũng như hình ma to lớn, tầm phỗng, lửng-thửng như gần, như xa, khi lấy hình nầy, khi lấy hình khác, màu trắng vàng ửng nhiều sắc-điệu giống như màu sáng trăng. Cái "hình ma" ấy tựa như cái phách của người đồng tử. Chẳng bao lâu nó bị các vong-linh chiếm lấy và hạ xuống cõi trần làm giống dân thứ nhứt. Người giống dân thứ nhứt sanh sản bằng cách phân-thân như ta đã nói trước. Họ mở nhĩ-quan trước nhất. Họ không sợ lửa, và vô-giác đối với nước.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY: Quả địa-cầu

Giống dân chánh thứ nhì

Trải qua nhiều triệu năm từ khi có giống dân thứ nhứt, trái đất được ổn-định nhiều. Những tai trời, ách nước cũng có, nhưng thu vào một khoản nhỏ chớ không lan rộng ra như trước. Bấy giờ ở nước biển mới nổi lên nhiều gò đất to. Hiện giờ gò ấy ta gọi là biển Bắc Châu Á-Tế-Á nối Groenland và Kamtchatka. Phía Nam miền đó giáp ranh với biển, sóng bủa ầm-ầm, mà hiện nay biển ấy đã hóa nên cồn tức là đồng cát Gobi. Trừ ra đồng Gobi, những xứ: Groenland, Islande miền Bắc Suède, và Norvège, và mũi biển miền Bắc của Sibérie đều là đất cũ nhất của quả Địa-cầu nầy. Trên đất ấy, cây cỏ mọc rậm ri, vì khí hậu nóng nực, chớ không phải lạnh như bây giờ.

Khi phong-thổ hạp được với giống dân thứ nhì, thì các Thiên-Thần mới làm ra một thể cứng hơn, bao bọc cái thể mềm của người giống dân thứ nhứt. Trong cuốn Giáo-lý Nhiệm-mầu III, 23) có nói rằng: "Cái bọc ngoài của người trước thành cái bọc trong của người sau" [[13]].

Trong khi ấy, giống dân thứ nhứt tự nhiên bị tiêu-diệt, và trở thành giống dân thứ nhì.

Giống dân thứ nhì có hai đặc-điểm: 1) Cảm thông một phần nhỏ tới trí-thức Bồ-Đề và 2) mở thêm quan-năng xúc-giác.

Giống dân gọi là Kimpouroushas, nghĩa là con của mặt Nhựt và mặt Nguyệt. Bà Blavatsky nói trong quyển Giáo-lý Nhiệm-Mầu là "Cha vàng, Mẹ trắng nghĩa là Lửa và Nước".

Màu sắc của giống dân thứ nhì vàng, như ánh-sáng mặt trời. Tuy nhiên xác thân của họ như chỉ kết có ửng nhiều màu. Họ giống nửa thú, nửa người, họ bò, trườn, leo, và kêu nhau bằng tiếng thanh dịu như tiếng sáo, đồng vọng từ rừng nầy sang rừng nọ.

Lá rừng xanh chói, dây rừng bông lục-giác, màu sặc-sỡ dưới ánh-sáng mặt trời… tạo nên cảnh vật đầy nhựa sống, có màu sắc và linh-hoạt vô cùng!

Thuở ấy, tất cả hình vật đều hóa ra chai cứng với thời-gian: tỷ như lớp bọc thể xác của người ban đầu mềm, sau trở thành chai cứng, nên cách phân-thân để sanh-sản không đặng nữa. Nơi lỗ chưn lông nhĩ ra những giọt mồ hôi nhớt lầy và trắng đục. Những giọt mồ hôi ấy mới cứng lần và lớn thêm. Mỗi cục rớt ra thành một người. Ngày tháng qua, những đứa trẻ mới sanh ra có 2 bộ phận sanh-dục mới tượng. Ta thấy nhiều băng cớ về sự sanh-sản theo cách ấy trong kinh pouranique. Lần lần về sau những giọt mồ hôi nầy có lóp dạng bộ sanh-dục. Ấy là giống dân thứ hai khởi sanh, nhưng họ thật là người bán nam bán nữ. Hiện nay, ta vẫn còn thấy dấu vết của người "lại cái". Đó chỉ cho ta biết rằng: các thiên-thần kiến-thiết đều theo một bản-đồ duy-nhứt và luôn luôn sửa nắn y theo hình kiểu mẫu. Với những phần-tử chính chúng nó có mầm: "lại cái" xác thịt của người giống dân chánh thứ hai bỏ ra, các vị thiên-thần mới nắn-đúc ra vô số hình thú-vật có vú khác nhau. Còn những thú-vật không có vú, thì chỉ sanh ra trong cuộc tuần-huờn thứ ba; các thiên-thần cũng nhờ những phần-tử xác thịt của con người vút ra mà nắn hình-thể chúng nó.

Khi giống dân chánh thứ nhì [[14]] đã sanh-sản ra và tiến-hóa trên Địa-cầu, thì nhân-vật ở bầu Hỏa-Tinh cũng còn đọng lại và đang đợi trái đất có đủ điều-kiện cho những linh-hồn tiến-hóa mới sang qua. Các linh-hồn nầy sẽ làm giống dân phụ [[15]] thứ nhứt của giống dân chánh thứ ba ở Địa-cầu. Hình-thể của giống dân nầy như cái trứng.

Khi giống dân chánh thứ I và thứ II sanh ra, thì số dân sự trái đất rất hạn chế; và các vị Thiên-Thần dường như thể có mục-đích hối-thúc cuộc tiến-hóa của thú-vật cho mau chuyển-kiếp làm người, trước khi bị chận đứng [[16]] lại ở giữa thời-gian sanh-hóa giống dân chánh thứ tư.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM: Quả địa-cầu

Giống dân chánh thứ ba ---Nhánh thứ I, II, III.

Dân Lê-Mu-Riêng (Lémurien)

Giống chánh thứ ba là dân Lémurien mà người Ấn gọi là Dânavas.

Trước khi học giống dân nầy, ta nên quan-sát về địa-diện của trái đất.

Biển ở miền Nam Plaksha tràn ngập bít đồng cát Gobi Thibet, và Mongolie. Đồng thời dãy núi Hy-mã lạp-sơn từ miền Nam cửa biển lại nổi lên, kế đất cũng nổi lên, nối liền Hy-mã-lạp-sơn, tới Ceylan, Sumatra, Australie, Tasmanie và Cù-lao Pâques, từ Miền Tây đến Madagascar, một phần Phi-Châu, Norvège, Suède, Sibérie và Kamtchatka cũng nổi lên. Các xứ ấy là châu thứ ba, gọi là Lémurie của giống dân Lê-mu-riêng (Lémurien). Châu thứ nhì cũng dính liền với châu thứ ba. Nhiều thế kỹ đã qua, cái châu khổng-lồ ấy bị cắt ra từ mảnh và làm thành nhiều cù-lao to lớn, mỗi cái lớn lắm, bằng một đại-lục bây giờ.

Mấy cù-lao đó cũng bị nhiều tang thương, biến đổi: Xứ Norvège bị chìm mất, và rốt lại bảy trăm ngàn năm, trước chỉ-tằng xưa nhứt của đệ-tam-kỷ (période Eocène du Tertiaire) châu Lémurie bị những trận địa-chấn do hỏa-diệm-sơn gây ra nhận chìm xuống biển, chỉ còn lại mấy cái cù-lao là Australie, Madagascar; còn cù-lao Pâques ban đầu bị chôn, sau nổi lên lại.

Châu thứ ba bị lửa mà tiêu-diệt. Người Lémurien (giống dân thứ ba) bị thiêu chết ngộp.

Từ khi nhánh thứ tư của giống dân chánh thứ ba sanh ra, thì khí hậu bổng nhiên biến đổi lạ thường: cốt trái đất nghiêng triền. Ở Bắc-cực khí-hậu nóng-nực lại đổi ra lạnh-lẽo vô cùng. Những nhánh nhóc của giống dân-chánh thứ hai còn sót lại và nhánh thứ nhứt, thứ nhì của giống dân chánh thứ ba đều chết sạch. Loài cây cối, thú-cầm và loài người hình thù to lớn xưa kia lại trở nên bé nhỏ.

Các nhà tự-nhiên-học nói rằng: "Trong Thời-đại Trung-Tân-Thế (Périodo Miocène) đảo Groenland và Spitzberg (vốn di-tích của châu thứ nhì) đều hưởng một khí hậu gần giống như miền ôn-đái. Tại Groenland thuộc về 70 bắc vĩ-tuyến dẫy đầy những cây: If, Erythroxyle, Séquoia, hêtre, chêne noyer, Mognolia và Zamia.

Bây giờ chúng ta nói qua giống dân-phụ và giống dân-chánh thứ ba, giống dân chánh thứ ba là tổ-tiên của giống da đen bây giờ. Giống Mọi Bích-Mê (Pydmée) ở Phi Châu hiện thời là nhánh nhóc của giống dân thứ ba còn sót lại. Sự sanh sản của giống dân thứ ba nầy chia ra ba thời kỳ.

Thời kỳ thứ nhất: Sự sanh-hóa cũng bằng cách nổi những cục u-nần, song lần lần trở nên tròn, hình trứng gà. Nhánh thứ nhứt sanh ra, thì hai bộ phận sanh-dục mới tượng. Nhánh thứ nhì sanh ra, thì giống hình người và thấy rõ-ràng lại cái: Đầu hình bầu-dục, trên chót lại có con mắt.

Thời kỳ thứ nhì: Nhánh thứ ba thành hình lại-cái ở trong trứng. Đứa nhỏ cũng như gà con, khảy mỏ ra ngoài đi và chạy được. Lần lần một bộ phận âm hay dương lớn hơn. Giống dân thứ ba có xác thân lớn hơn người bấy giờ rất nhiều. Nhãn-quan họ mở. Ban đầu họ chỉ có một con mắt tại chính giữa trán, (con mắt nầy sẽ rút vào đầu làm cục hạch gọi là tùng-quả-tuyến (glande pinéale). Bên khoa Pháp-môn cho nó là con mắt thứ ba). Sau họ có thêm hai con mắt nữa. Nhưng họ ít dùng đến hai con mắt nầy cho tới giống dân chánh thứ tư khởi sanh.

Con mắt thứ ba thông đồng với Chơn-Thần, nên có mãnh-lực nhiều hơn hai con kia, hoặc nói khác hơn là: chúng nó truyền sự rung-động cõi trần đến Chơn-Thần dễ-dàng hơn. Nhưng trước sự phát triển

của vật chất, Chơn-Thần phải tạm thời rút lui. Rồi hai nhãn-quan yếu đuối kia mà ta gọi là "cặp mắt" sẽ mở mang lần lần. Trong khi chúng nó là một trở lực cho sự thấy của Chơn-Thần, chúng nó lại có tài miêu-tả rõ-rệt những vật hữu hình hơn là con mắt thứ ba.

Con mắt thứ ba chỉ đưa đến cho tâm-linh những thị-giác một cách tổng-quát, chớ chẳng phải từ chi-tiết rõ rệt như hai con mắt kia. Nếu hiện giờ, con mắt thứ ba của con người đã thụt vô là để mở màn cho thần-nhãn mai sau.

Tuy con mắt thứ ba đã thụt vô, nhưng giống dân thứ ba vẫn còn tánh-linh. Giống dân chánh thứ nhứt và thứ nhì tỏ sự vui mừng, đau đớn, thương yêu và giận hờn bằng tiếng la. Giống dân thứ ba lại nói độc-âm. Người Tàu hiện giờ nói tiếng độc-âm, và họ là giòng dõi chánh gốc của giống dân chánh thứ ba (Lémuriens).

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN: Nhánh thứ tư của giống dân chánh thứ ba

Nhánh thứ tư của giống dân thứ ba cũng ở trong trứng sanh ra; nhưng chừng sanh ra, thì phân-biệt nam nữ liền. Từ ngày phân nam nữ đến nay đã được 6 triệu rưỡi năm rồi. Tới khi nhánh thứ tư gần tàn, thì đứa nhỏ trong trứng nở ra lại yếu đuối, đi đứng không được.

Dường như vài thế-kỷ trước khi phân-biệt nam nữ; có nhiều vị thần Nguyệt-Tinh (Barishads) xuống chiếm mấy thể đẹp của con người bấy giờ đặng kiến-thiết cõi hồng-trần. Những vị ở trong trứng sanh ra sau nầy (les derniers Nés-de-l'oeuf) rất tấn-hóa. Chắc-chắn họ ở bầu A và B của dãy Nguyệt-Tinh xuống đầu-thai tại Địa-cầu. Phần đông có Chơn-Thân (corps causal) toàn vẹn. Trong mấy người ở dãy Nguyệt-Tinh đến, có Chơn-Thân đầy đủ, thì ta thấy năm nhóm đầu-thai qua địa-cầu trong năm thời-kỳ khác nhau.

Thời kỳ thứ nhứt: Linh-hồn ở bầu G, F, và E của dãy Nguyệt-Tinh. Đa-số ở bầu G, là những linh-hồn ít tấn-hóa nhứt của 3 nhóm, sang qua.

Thời kỳ thứ nhì: Phần đông ở bầu G xuống; một số ít tấn-hóa ở bầu F và một số dã-man ở bầu E.

Thời kỳ thứ ba: Những linh-hồn tấn-hóa ở bầu G, vài linh-hồn tiến vừa vừa ở bầu F, và vài linh-hồn tiến-hóa thật cao của bầu E.

Thời kỳ thứ tư: Những linh-hồn giỏi ở bầu bầu F, và tất cả linh-hồn ở bầu E, chỉ trừ các linh-hồn thật tiến-hóa không đến mà thôi.

Thời kỳ thứ năm: Những linh-hồn giỏi ở bầu E, vài linh-hồn ở D (tức là Nguyệt-Tinh) của dãy Nguyệt-Tinh.

Chúng ta đã nói ở trên rằng: có một số ít Thần-Nguyệt-Tinh (Barishads) xuống đầu-thai tại Địa-cầu đặng giáo-hóa dân chúng. Ngươi ta gọi các Ngài là Thần Bán Nam Bán Nữ. Da các Ngài đỏ, ửng vàng, bóng ngời, và xinh đẹp không thể tả. Thân hình các Ngài rất oai-vệ, và sự oai-vệ nầy còn tăng thêm nhờ bởi con mắt chính giữa trán long lanh, sáng rỡ như ngọn đèn. Các Ngài đứng gần đồng-loại như người khôn với kẻ dốt. Tướng mạo oai phương, thân hình to lớn và đều-đặn, bộc lộ cái uy-lực vô cùng. Những người thường nhơn xung quanh các Ngài, thì trán-trợn, cặp mắt lờ-đờ, mũi xẹp, cằm to và vồ ra trước, trông rất dị-hình.

Thú vật như: bò, heo, ngựa, nai v.v…to lớn hơn thú-vật ngày nay rất nhiều.

Người ta lầm tưởng: tất cả các giống dân ban đầu, thì dã-man, về sau mới lần lần văn-minh tiến-bộ. Nhưng sự thật là mỗi khi giống dân mới sanh ra thì luôn luôn có một số thánh-nhơn xuống đầu-thai đặng dạy dỗ và mở mang trí-hóa dân chúng đủ phương diện. Như giống dân phụ thứ tư của dân chánh thứ ba, nhờ sự chỉ-huy của các vị Tiên-Thánh ra đời làm vua, nên xây-dựng nhiều thành-trì rộng lớn, cất được Đạo-viện Saviballah hùng-vĩ, lấy tên là Thiên-Cung. Những di-tích ấy người ta gọi là của giống Si-lốp (Cyclopes) hiện nay hãy còn, để chứng tỏ sự đại-hùng, đại-lực và sự khôn ngoan của người thuở nọ. Họ dùng những tấm đá khổng-lồ xây đường, mà tới nay chưa có vị kỹ-sư nào tìm thế nhúc-nhích nổi. Hiện giờ còn những tấm đá lớn, động tới thì lúc-lắc mãi, người ta gọi là Pierres Branlantes. Đó là một vấn-đề mà khoa-học tân-tiến chưa giải nổi. Có người cho rằng những tấm đá đó là những phương thế để giao-thông giữa hai cõi: trần và tiên của giống dân thứ ba; hễ tấm đá lắc mấy lần là dấu hiệu điều gì.

Cách đây đã 10 hay 12 triệu năm, sự phân chia nam nữ đã đành rành. Và các vị thần Nguyệt-Tinh mới hoạt-động để xoay chìu nhơn loại hướng về sự tiến-hóa tinh-thần. Các Ngài chỉ có 7 vị, chia làm 7 khu-vực. Mỗi khu-vực là mỗi sự giáo-hóa khác nhau, tùy theo bản-tánh đặc-biệt của Thần mà ta gọi là "Cung". Bấy giờ dân chúng sanh ra rất nhiều và rải-rác khắp nơi.

Có năm hạng người đổ xô nhau đến đầu-thai tại Địa-Cầu là:

1) Linh-hồn vừa thoát kiếp thú.

2) Linh-hồn có Chơn-Thần bằng lằn gạch và đã có đầu-thai rồi trên Địa-Cầu một thời gian.

3) Linh-hồn ở Hỏa-Tinh.

4) Linh-hồn tiến-hóa ở cõi Niết-Bàn giữa hai dãy hành-tinh.

5) Linh-hồn có hai chơn-thần toàn vẹn ở bầu G, F và E của dãy Nguyệt-Tinh đến.

Những hình-thể của các Thần Nguyệt-Tinh bỏ ra thì khá tốt đẹp, nhưng làm bằng chất dĩ-thái, nên dễ uốn nắn. Nhơn đó mà dễ biến ra xấu. Bởi vậy những sinh-linh sanh sau các Thần Nguyệt-Tinh, thì hình vóc xấu hơn cha mẹ nhiều. Khi hình-thể nầy được uốn sửa với thời-gian, thì các Thần Nguyệt-Tinh mới đưa "ba nhóm" linh-hồn của bầu A, và C ở dãy Nguyệt-Tinh đến chiếm.

Ba nhóm ấy là:

1) Hơn hai triệu linh-hồn màu cam ở bầu A.

2) Gần ba triệu linh-hồn màu vàng ở bầu B.

3) Hơn ba triệu linh-hồn màu hường ở bầu C.

Tất cả lối 9 triệu. Các Thần-Nguyệt-Tinh mới dẫn những linh-hồn ấy đầu-thai khắp Địa-cầu. Lại có một điều lạ nầy là: "một phần ba linh-hồn lại không đi đầu-thai, còn hai phần ba vâng lời nhập-thể". Chính nhóm linh-hồn màu vàng cam không tuân mạng lịnh, không phải vì hung dữ, mà vì phách-lối, chê các thể xác xấu xa. Nhưng nhóm linh-hồn màu vàng và hường lại dễ khiến, chịu đầu-thai và sửa lần lần hình dạng trở nên tốt đẹp hơn. Khi hình dạng trở nên khá đẹp rồi, thì nhánh thứ tư của giống dân thứ ba (Lémurien) mới tạo thành. Từ đây hình người mới bắt đầu giống người.

Còn những linh-hồn màu cam vì nghịch thiên-mạng nên phải chịu quả-báo; rốt cuộc ngày kia chúng nó cũng phải bị bắt buộc đầu-thai lại, lấy hình thể còn thô-kịch hơn trước: vì lúc sau nầy, các vị Thần Nguyệt-Tinh mắc bận việc khác, không có thời giờ lo đến chúng nó đặng. Nhơn đó mà chúng nó thành ra giống dân lạc-hậu, xảo-trá, xấu-xa, và phải trải qua nhiều cuộc thử-lòng đau đớn. Chúng nó luôn luôn bất trị, nên thường chiến đấu với nhau; chúng nó phải gặp nghiệp-báo nặng-nề, như búa bổ mới trở thành người lương-thiện đặng. Một vài người trong nhóm, tấn-hóa hơn, được cử lên làm chúa-tể với tấm lòng chai cứng như đá, lạnh như đồng. Họ thuộc về Tả-Đạo Bàn-Môn hay Hắc-Thần (ta sẽ nói rõ về sau). Hiện giờ có một vài người đầu-thai làm người da đỏ tại miền Bắc Mỹ-Châu: ta thấy nét mặt họ thanh đẹp nhưng phẳng lỳ như đá. Họ hung-hăn, mến tự-do, hay chia rẽ, hay giận hờn, ham thay đổi. Họ còn lẫn-lộn với nhơn-loại ngày nay; nhưng luật trời không tha họ và ngày kia họ sẽ bị tiêu-diệt.

Những kẻ nào thiếu lòng nhơn-ái, luôn luôn gây giặc giã, và đâu đâu cũng tìm phương chống báng thì rốt cuộc rồi, cũng phải tuân thiên-mạng, sau khi thọ bài học quả đau đớn!

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI: Nhánh thứ năm thứ sáu và thứ bảy của giống dân chánh thứ ba

Nhánh thứ năm

Những vị Thần-Nguyệt-Tinh của bầu A, B, và C ở dãy Nguyệt-Tinh mới đầu thai xuống địa-cầu đặng giúp Đức Bàn-Cổ lập ra giống dân phụ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy (của giống dân chánh thứ ba là Lémurien). Các vị Thần-Nguyệt-Tinh thường đầu-thai làm bậc vua chúa, và đã được Điểm-Đạo (nghĩa là được các Đấng Quần-Tiên-Hội ấn-chứng bề đạo-đức). Các vị minh-vương nầy thường có quần-thần chánh-trực, dạy dỗ dân chúng đi vào đường nghệ-thuật và văn-minh. Các Ngài giúp dân chúng, cất đền lầu, phố xá để tạo ra nhiều đô-thị - có đô-thị lớn hiện giờ còn roi dấu là đô-thị Madagascar, cùng nhiều đô-thị khác nữa cất theo kiểu Si-lớp, nghĩa là có tính cách hùng-vĩ phi thường. Với thời-gian hình-thể dân Lémurien thay đổi nhiều. Con mắt thứ ba ở chính giữa đỉnh-đầu không hoạt-động nữa, nên thụt mất vô trong đầu (con cháu họ sanh ra không còn có mắt ấy). Hai con mắt ở hai bên đầu trước kia không hoạt-động, nhưng nay lại phát-triển.

Họ tập nhiều con thú to lớn dị-kỳ đặng làm thú-vật nhà. Họ ăn thịt, bất cứ là thịt con gì, cho đến nỗi thịt người họ cũng không từ. Họ thích nhứt là những thú-vật giống như con bà-chằng, con ốc hương, con trùn, mà lớn hơn ngày nay nhiều. Đầu của họ hình bầu-dục, trên chót là con mắt thứ ba, hai bên là con mắt nhỏ. Họ không có trán, nơi đây thế một cục thịt lồi. Da họ sậm. Thân hình cao lớn cực-kỳ từ 3 thước 65 tới 4 thước 57. Cằm dưới họ to và dài, mặt thì bằng thẳng, mắt nhỏ, rất sáng, nhưng dang ra xa hai bên đầu. Nhơn đó họ trông bên tả và hữu dễ-dàng. Con mắt thứ ba giúp họ thấy phía sau.

Chơn họ như có nhánh phía sau gót, nên họ đi lui cũng dễ như khi đi tới trước. Họ mặc một tấm da có vãy, giống như da con tây (ngày nay người ta đã đào đất thấy đặng dấu vết).

Xung quanh đầu, họ vấn một miếng da; nơi đây họ treo lòng thòng những hột cây rừng bóng ngời màu đỏ, xanh, vàng, tím v.v… Nơi tay trái, họ cầm một cây gậy cao tới đầu và nhọn, có lẽ để hộ thân hay chiến-đấu. Nơi tay mặt, họ cầm một cuộn dây (thứ dây leo ở trong rừng) cột vào một con thú - loại bò sát to lớn và dị-kỳ. Họ tập những con thú thuộc về loại bò-sát để săn thịt.

Nhánh thứ sáu

Người thuộc về nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ ba được đặc-sắc là nhờ màu da. Họ không đen như người thuộc về nhánh thứ năm, mà lại xanh dợt. Đầu họ cũng hình bầu-dục, trán họ trợt lớt.

Trong lúc nhánh thứ sáu ra đời, thì có nhiều bực đệ-tử Tiên-gia đầu-thai xuống cõi trần, để giúp Đức Bàn-Cổ lập ra giống dân chánh thứ tư.

Nhánh thứ bảy

Da người thuộc về nhánh thứ bảy của giống dân chánh thứ ba không xanh dợt nữa, mà đổi ra xám; rồi xám đổi ra màu trắng chì. Mặt họ dài có lẽ giống với những hình-tượng của họ dựng tại cù-lao Pâques. Ban đầu, chót mũi nằm phần trên cái mặt. Khi nhánh thứ bảy gần tan, thì chót mũi nằm phần dưới cái mặt như nhơn-loại bây giờ. Trán luôn luôn giống hình khúc dồi, về sau, thì cao hơn một chút.

Nhánh thứ bảy càng tấn-hóa, thì vóc hình càng bé nhỏ, tựa như người mọi ngày nay.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT: Giống dân chánh thứ tư hay là giống dân Ắt-lang (Atlande)

Giống dân chánh thứ tư là Tổ-Tiên giống da vàng, da đỏ bây giờ. Giống nầy mới giống thiệt là giống hình người ta. Lịch sử của xứ Atlantide chia ra làm bốn đoạn có vẽ ra bằng bốn bản-đồ sau đây: (rút trong quyển "L'Histoire de L'Atlantide---W.S. Elliot).

1. Bản-đồ thứ nhứt: Châu Atlantide trên một triệu (1.000.000) năm nay. (Bản-đồ số 29).
2. Bản-đồ thứ nhì: Châu Atlantide hồi tám trăm ngàn (800.000) năm nay. (Bản-đồ số 30).
3. Bản-đồ thứ ba: Châu Atlantide hồi hai trăm ngàn (200.000) năm nay. (Bản-đồ số 31).
4. Bản-đồ thứ tư: Châu Atlantide trước trận Đại-Hồng-Thủy năm 9564 trước Chúa Giáng-Sinh. (Bản-đồ số 32)

Trong quyển Troano - dường như đã ra đời được 3.500 năm rồi, người ta có tả trận Đại-Hồng-Thủy như vầy: Năm "Kan" thứ 6, ngày II "Muluk, của tháng "Zac" trái đất bổng nhiên rung-động dữ-dội và liên-tiếp như vậy trong ba ngày. Xứ "Mu" là xứ của đồi đất sét, bị hại trước hết: sau khi rung-rinh dữ dội hai lần, nó lặng chìm giữa đêm tối trong biển lửa và chôn luôn 64 triệu sinh-linh! Sự này xảy ra 8.060 năm trước khi viết ra quyển nầy (L'Histoire de L'Atlantide W. Scott—Elliot 33).

Châu Atlantide đã bị biến-thiên bốn lần trọng-đại và vẽ thành bốn bản-đồ như ta đã thấy (số 1, 2, 3, 4). Trước khi xảy ra cuộc biến-thiên thì các vị vua đạo-đức, các nhà sư điểm-đạo, đều được biết trước, và có cho dân sự hay điều tiên-tri đó.

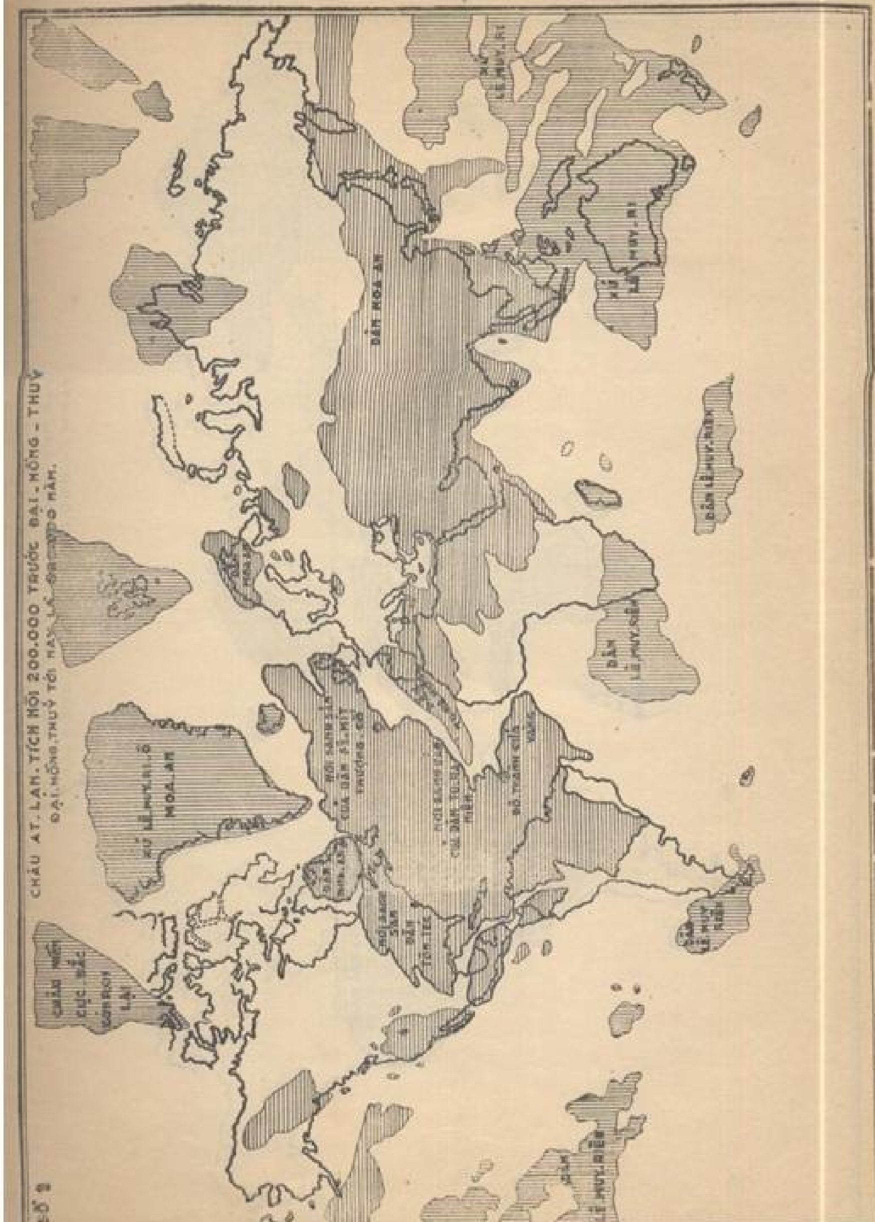

Bản-đồ số 29.— XIN CHÚ Ý : Chổ có lằn gạch là đất còn chổ trắng là nước.
Xứ Việt-Nam của mình thuở ấy dính liền với Úc-Châu.

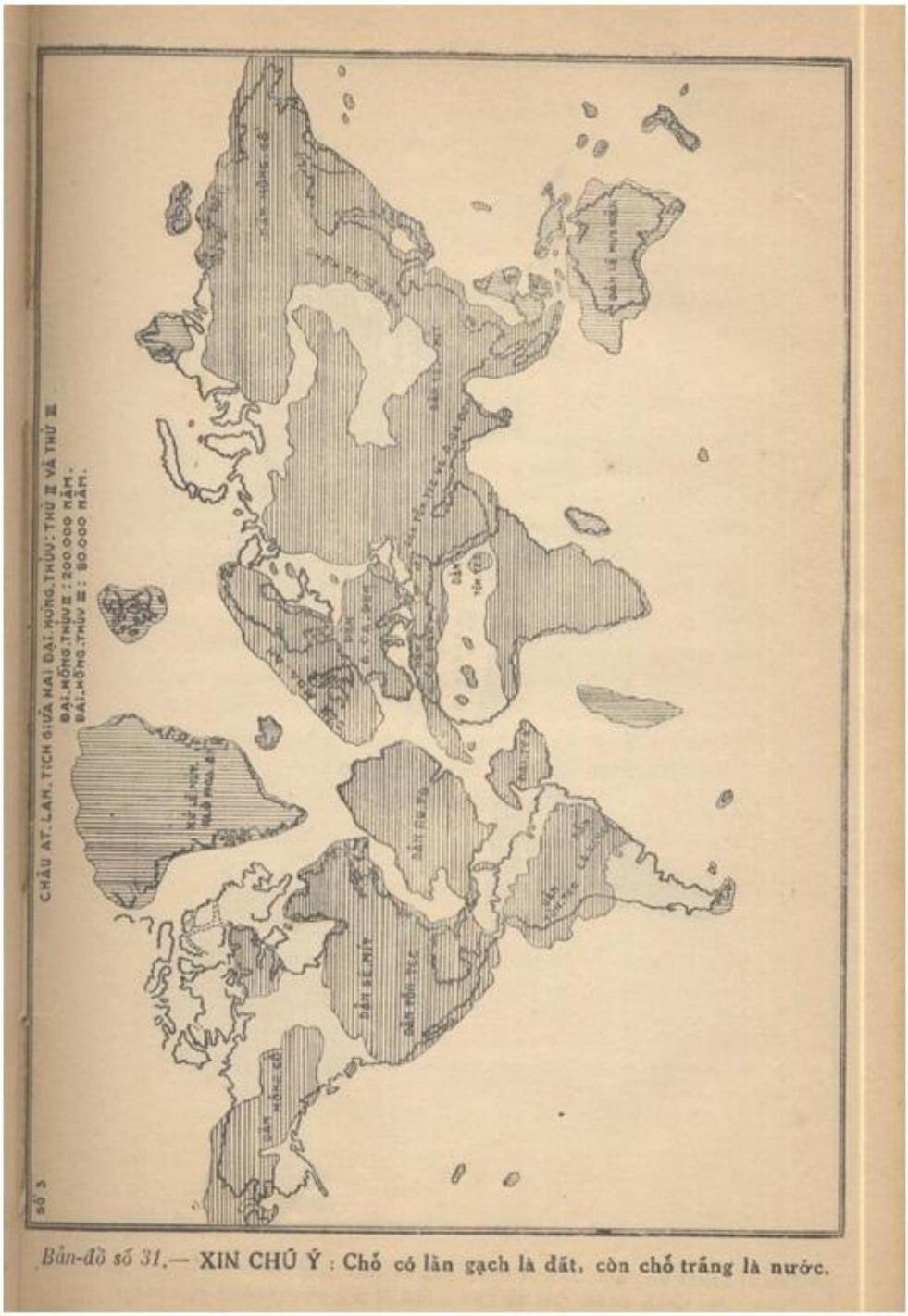

Bản-đồ số 31.— **XIN CHÚ Ý** : Chỗ có làn gạch là đất, còn chỗ trắng là nước.

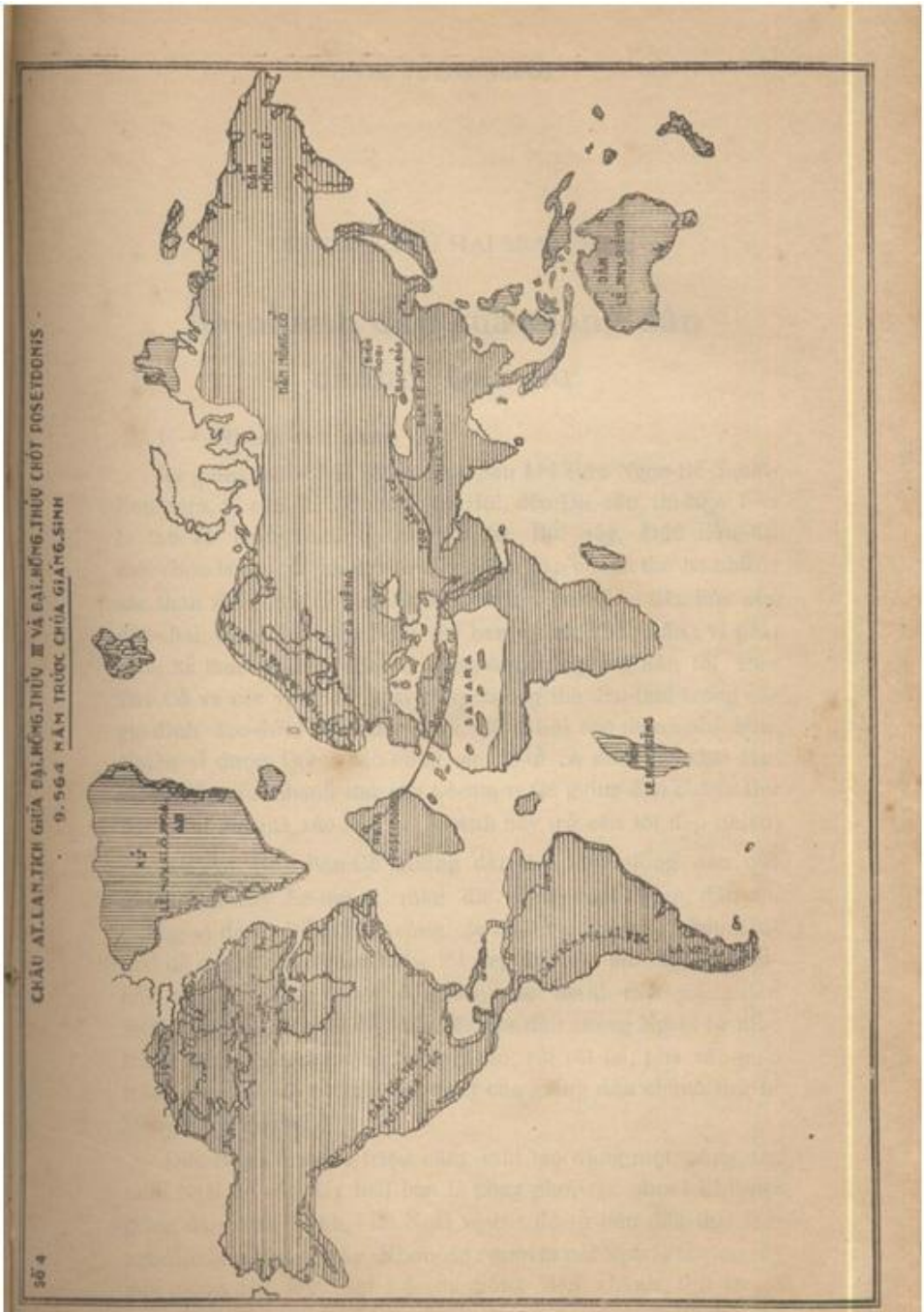

Bản-đồ số 32.— **XIN CHÚ Ý : Chỗ có làn gạch là đất, còn chỗ trắng là nước. Sahara và Gobi trước kia là biển, nay đã trở thành đồng cát.**

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI: Ba nhánh đầu của giống dân chánh thứ tư

1. Nhánh thứ nhứt

Là giống Rmoahal (Moa-An). Sau khi Đức Ngọc-Đế Sanatkoumâra, vị cầm đầu Quần-Tiên-Hội, đến Địa-cầu, thì Ngài liền lo tạo ra giống dân chánh thứ tư. Bởi vậy, Đức Bàn-Cổ mới chọn trong nhánh thứ tư của giống dân-chánh thứ ba những xác thân nhỏ, đẹp, để làm cơ-thể cho các linh-hồn tiến-hóa đến đầu-thai. Công việc của Ngài lúc ban sơ rất khó khăn: vì phải chọn kẻ làm cha, mẹ cho tốt đặng sanh ra giống dân tốt. Đức Bàn-Cổ và vị đệ-tử Ngài cũng xuống thế đầu-thai trong các gia-đình đại-đức, hầu sửa chữa giống nòi cho thanh-nhã hơn. Nhiều vị được Điểm-đạo cùng các đệ-tử có đến đầu-thai làm giống dân của nhánh thứ sáu Lê-mu-ri (là giống dân chánh thứ ba). Nhờ đó, mà xác thịt của nhánh nầy trở nên tốt đẹp nhiều.

Rốt lại, Đức Bàn-Cổ xuống đầu-thai làm giống dân của nhánh thứ bảy Lê-mu-ri, màu da trắng xanh. Ban, đầu chỉ những vị được Điểm-Đạo cùng các đệ-tử mới được phép đầu-thai để chiếm những xác thân tốt đẹp ấy, rồi lần lần các linh-hồn tấn-hóa khác, mới đến sau, tạo thành một giống dân mới. Đức Bàn-Cổ mới đổi màu da của dân chúng Ngài; từ màu trắng xanh đến màu hồng và màu đỏ, rồi rốt lại, pha vào màu trắng nhạt. Đó là nhánh thứ nhứt của giống dân chánh thứ tư Moa-An (Rmoahal).

Đức Bàn-Cổ tốn 1 triệu năm mới tạo đặng một giống dân mới. Ngài để vào đấy biết bao là công phu, cực nhọc! Khi một giống dân mới sanh, thì Ngài và các đệ-tử liền đầu-thai làm người của giống dân ấy. Nhơn đó người ta nói Ngài là tổ-tiên của mỗi giống dân. Đức Bàn-Cổ của giống dân chánh thứ tư là Đức Chơn-Tiên ở Bầu Kim-Tinh (Vénus) qua.

Theo lệ thường, thì giống dân chánh thứ tư sanh ra phải do nhánh thứ tư của giống dân chánh thứ ba, còn giống chánh thứ năm sanh ra phải do nhánh thứ năm của giống dân chánh thứ tư và giống dân chánh thứ sáu sanh ra phải do nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ năm. Bản-đồ sau sẽ chỉ rõ sự nầy.

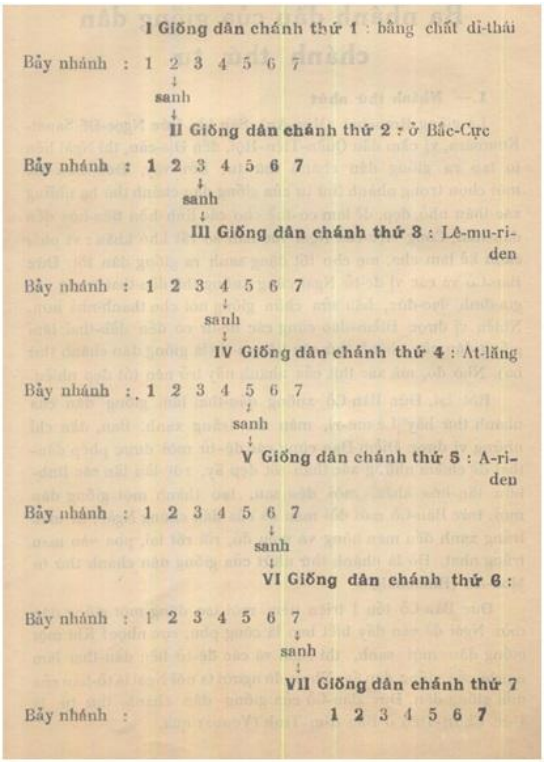

Nhánh thứ I của giống dân chánh thứ tư (Rmoahal) đã sanh ra được 4 hay 5 triệu năm. Buổi đầu, một phần lớn giống dân thứ ba choán nhiều châu, và dân Ắt-Lang (giống dân chánh thứ tư) mới sanh ra rất ít, và ở 7 độ bắc-vĩ và 5 độ tây-kinh, trong một xứ nóng-nực và ướt-át, có nhiều thú-vật (trước cuộc Đại-Hồng-Thủy) to lớn phi thường: chúng sống trong rừng, sình-lầy và núp dưới sậy của ao, đầm.

Màu da của nhánh Rmoahal thì sậm. Người cao hơn ba thước, nhưng về sau thấp lần. Rốt lại, dân sự di-trú nơi miền Nam của châu Atlantide. Tại đây, họ chống-cự với nhánh Lê-mu-ri thứ 6 và thứ 7. Đã 1 triệu năm rồi, màu da của họ bớt sậm hơn và có thể nói là gần như trắng.

Dân sự ở miền bắc, nhưng thỉnh-thoảng bị những núi đá đưa lần họ xuống miền Nam. Dân Rmoahal là giống dân mới, không biết làm thế nào mà cai-trị, nên bề tiến-hóa thua hai nhánh thứ 6 và thứ 7 của giống Lê-mu-ri (là giống dân chánh thứ ba). Họ có nhờ Đức Bàn-Cổ, các vị môn-đồ của Ngài và các đấng Chơn-Tiên chỉ-huy (các vị nầy xuống trần đầu-thai). Họ mở phần tâm-linh nên chịu thờ một tôn-giáo (với một triết lý không cao siêu gì). Về sau, cái tôn-giáo nầy biến-thành sự thờ phụng ông bà.

Về mỹ-thuật và khoa-học của người Rmoahal thì thô-kịch cực-độ.

2. Nhánh thứ nhì

Là giống dân Tlavatli (La-vát-li). Nhánh nầy sanh ra tại cù-lao dựa bờ biển miền Tây của Châu Atlantide. Nơi đây họ đi ra khắp châu và hướng lần về bờ biển miền bắc, đối-chiếu với Groenland.

Nhánh Tlavatli (La-vát-li) có màu da đỏ bầm, thân mình mạnh mẽ và bền dẻo, nhưng không to lớn bằng người Rmoahal bị đuổi dồn về miền Nam. Dân chúng ngụ tại miền núi nhiều nhứt. Họ choán một chỗ mà ngày nay là cù-lao Poséidonis. Họ đề-cử các vị thủ-lãnh trong nước hay các nhà vua bằng cách tung-hô, vì các người nầy là mạnh nhứt, hoặc anh hùng nhứt trong các cuộc chiến-tranh. Từ đây xứ họ mở rộng lớn ra và chỉ có một vị vua cầm đầu mà thôi. Nhiều tốp người di-trú các nơi, và tạo ra một thứ dân lai, ngụ tại các cù-lao miền Bắc, mà về sau những cù-lao ấy lại là thành-phần của Mỹ-Châu. Họ còn đi xuống miền Nam mà ngày nay ta gọi là Rio-de-Janiéro. Một tốp người đi xuống miền đông của cù-lao Scandinave, còn một tốp khác lại đến tận Ấn-độ, phối-hiệp với người Lê-mu-ri, mà tạo ra giống dân Dravidienne (dra-vi-den) (xin xem các bản-đồ).

Người Tlavatli kính trọng cổ phong và thờ phượng Đức Bàn-Cổ; nhưng các vị giáo-chủ họ dạy họ quay về một Đấng-thiêng-liêng cao nhứt; mặt trời là tượng trưng Ngài. Nhơn đó họ mới bày ra thờ mặt trời, họ dùng những ngọn núi để làm bàn thờ, họ mới đục nguyên một tảng núi để làm đền thờ và cũng để làm thiên-văn-đài nữa.

Người Tlavatli biết mỹ-thuật và khoa-học một cách thô sơ.

3. Nhánh thứ ba

Là giống Toltèque (Tôn-Téc). Họ sanh ra gần bờ biển miền Bắc của châu Atlantide vào 30 độ bắc-vĩ. Về sau họ tràn lan khắp châu, và hoàng-đế của họ là bá-chủ của thế-giới.

Trong 7 nhánh của giống dân thứ tư, thì chỉ có nhánh thứ ba là nhánh đáng chú ý hơn hết.

Hình thù vậm vở, cao lối 2 thước rưỡi là nhiều. Người Tôn-Téc về sau cũng có vóc vạc nhỏ như người hiện giờ. Nét mặt họ đều đặn hơn người hai nhánh trước, họ hơi giống với người Hy-lạp của thời xưa. Da thịt cứng rắn hơn đá. Nếu lấy một miếng sắt đập vào mình họ, thì sắt sẽ cong ngay hay gãy lìa; gươm đao của ta dùng bây giờ chém họ không thủng. Lại có một điều đặc biệt nầy là: mấy vết thương kéo da non lẹ làng. Nhờ Tiên-thánh dạy dỗ nên giống người Tôn-Téc cực điểm văn minh, mà thế kỷ hai mươi nầy chưa ai sánh kịp! Khoa-học, văn-chương, mỹ-thuật tấn-bộ lạ thường. Thuở đó người ta biết

dùng phi-thoàn (aéronef) bên đạo-đức gọi là Qui-ma-na (Vimâna) để tung-mây, lướt gió. Họ không dùng dầu xăng, song dùng một sức mạnh gọi là Vrill, lấy ở trong tinh-khí. Họ cũng tấn-công nhau bằng phi-thoàn. Họ gây ra nhiều cuộc chiến-tranh dữ dội. Khi ra trận, họ ngồi phi-thoàn, rồi trút hơi độc trên đầu kẻ nghịch làm cho cả ngàn quân lính chết ngộp và kinh tâm, tán đởm, hoặc họ thảy bom xuống nổ lên, văng ra tứ phía làm cho kẻ nghịch đứt đầu, cụt tay, lủng ruột chết vô số!

Họ biết chế một thứ nước sơn, sơn vỏ cây trở nên dẻo như da thuộc. Họ không cần đào mỏ tìm vàng như giờ, họ dùng khoa luyện-kim (Alchimie) biến đổi loại kim khác ra vàng. Họ không quý trọng vàng. Họ dùng vàng để làm cột hay làm đồ chưng diện trong nhà v.v… Họ dùng khoa-học để mở mang nghề canh nông, chăn nuôi súc vật. Họ biết lợi dụng màu sắc giúp sức cho cây cối và thú-vật mau lớn, hoặc trừ-khử các chứng bịnh do vi-trùng sanh ra. Ban đầu, công phu của họ rất tốt đẹp, nhưng về sau các vị đạo-sĩ ỷ mình phép tắc cao cường mới đuổi các vị đệ-tử Tiên-thánh, rồi tự cầm quyền trị dân. Họ dùng thần-thông làm những chuyện trái nghịch lòng trời, nên bị một trận Đại-Hồng-Thủy quét sạch sự văn-minh của họ, tức là giống dân Tôn-Téc.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA: Những cuộc Đại Hồng-Thủy

Hai triệu năm trước Chúa Giáng-Sinh, một trận địa chấn chia châu Atlantide ra hai đảo lớn là: Đảo Routa, phía bắc và đảo Daitya phía nam, dính với nhau bởi một eo đất. Trong cuộc đại Hồng-Thủy nầy các vị đạo-sĩ đều chết sạch. Nhưng chừng đầu-thai lại, họ còn dùng tà-thuật hãm-hại lương dân, nghịch với lòng trời. Họ có phép thần thông, biết biến hóa, hô phong, hoán võ. Họ biết cách làm cho thú nói tiếng người để giữ nhà và báo tin. Họ niệm thần-chú, tức thì kẻ nghịch hóa ra thú-vật.

Trong 100.000 năm sau khi châu Atlantide chia hai, thì dân-sự sống trong cảnh phồn-thạnh và văn-minh, cực điểm. Kinh đô là "Thành cửa vàng" (ville aux Portes d'or). Nhưng rũi thay! Trên đảo Routa lại nảy sanh ra một nhóm đạo-sĩ hùng-cường. Trong lúc Corana Bạch Hoàng-Đế bên chánh đạo trị-vì với Mars là tướng-soái cùng vợ Mars là Héraklès, thì có người Tả-Đạo Bàn-Môn là Oduarpa chỉ-huy một nhóm nửa thú, nửa người; cầm khí-giới đến xâm chiếm xứ của Bạch Hoàng-Đế Corana. Oduarpa dùng tà-thuật kéo dài sự sống của những linh-hồn thấp kém tại cõi trung-giới. Y tạo ra một số người nửa âm, nửa dương mà khí-giới đâm không thủng. Trong lúc xáp chiến với Bạch Hoàng-Đế Corana, đạo-sĩ hoá ra một đạo binh thú hai chơn, từ dưới đất chun lên, lông lá xồm-xàm, tay dài, cẳng có quấu nhọn, đầu nửa thú, nửa người làm cho binh sĩ của Bạch Hoàng-Đế hoảng kinh, té quị, chết giấc! Đạo-sĩ nghinh ngang thắng trận. Dân tình phải chịu ách hung-tàn khôn thể tả! Oduarpa lấy thần-thông gom những hình dạng của tư-tưởng và tình dục trên Trung-Giới tạo ra một đội binh thú vật. Khi ra trận đạo binh ấy cấu xé, cào quấu kẻ nghịch cho tới chết, rồi chúng ăn thây chớ không có một con nào bị giết.

Trong trận huyết chiến cuối cùng trong "Thành cửa vàng" Bạch Hoàng-Đế thua chạy. Mars bị Oduarpa giết, còn Héraklès bị bắt và bị cho thú dữ phân thây.

Oduarpa bèn tức vị Hoàng-Đế "Thánh cửa vàng". Nhưng Đức Bàn-Cổ Vaivasvata đem đại binh đến đánh thắng. Ngài làm cho đội binh thú-vật nhơn tạo ấy tan mất. Rốt cuộc Oduarpa bị Ngài giết.

Bạch Hoàng-Đế trở lại trị vì "Thành cửa vàng" nữa. Nhưng Oduarpa đầu-thai lại, rồi sự tàn ác cứ mãi tái-diễn. Họ ỷ tài, cậy phép, bất kể luật trời như vậy trong 50.000 năm, không lòng chừa cãi.

Đức Ngọc-Đế mới nhứt-định trừ họ lần nữa. Ngài ra lịnh cho các đệ-tử và các vương-hầu bỏ châu Atlantide đi qua miền Bắc và miền Đông. Khi tất cả người hiền lành, chơn chánh đi rồi, thì hai ngày sau, lúc nửa đêm, nước triều dâng lên cuồn cuộn, ngập cả thành thị, đồng-bái, mưa tuôn, gió lớn, cây cối ngã nghiêng, trốc gốc. Sóng bủa cao như núi, đất rung rung rồi nứt ra từng khúc, nhà cửa sụp

đổ, lửa cháy đỏ trời. Núi non văng lên trên không rồi rớt xuống nổ tan muôn mảnh! Tiếng người hốt hoảng khóc than, tiếng thú kêu la thảm-thiết, pha lẫn với tiếng sấm nổ vang vầy.

Lúc đó bọn đạo sĩ bị phép mầu Tiên-Thánh không thể làm gì đặng, đành bó tay chịu chết, không sót một người. Than ôi! Tất cả mấy triệu sanh-linh xu quyền, phụ thế thuộc về bè đảng bất chánh của các đạo-sĩ đều bị chôn thây trong nước lửa. Tuy vậy mà có vài tinh-chất nhơn tạo, chạy trốn khỏi, và sống tới ngày nay như Hắc-Thần Kali bên Ấn-Độ là một.

Trận Đại Hồng-Thủy nầy xảy ra năm 75.025 trước Chúa Giáng-sinh. Nó tẩy-uế địa-cầu và khiến cho những người ham luyện phép tắc mà không lo trau mình nên đức-hạnh, thọ một bài học đắng cay. Tới ngày nay, những vị tả-đạo, bị trận Đại Hồng-Thủy nầy, cất đầu lên không nổi: Nhưng họ cũng còn tìm thế khuấy rối bên chánh đạo, làm ngưng trệ công việc của Tiên-Thánh dưới trần, đặng cho nhơn loại chậm bước tiến-hóa.

Kết quả, sau trận Đại Hồng-Thủy nầy, hai đảo Routa và Daitya bị chìm xuống biển, còn để lại di tích là cù-lao Poséidonis hay Poséidon.

Nhưng trước năm 9.564 trước Chúa Giáng-sinh cù-lao Poséidonis lại bị trận Đại Hồng-Thủy nhận chìm xuống đáy biển Đại Tây-Dương bây giờ.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN: Nền văn-minh của Pérou [17] Cổ-thời hay là Tàn-Tích của Dân Toltèques (Tôn-Téc) (12.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh)

Văn-minh của Pérou vào năm 12.000 trước Chúa Giáng-Sinh rất giống với Đế-Quốc Totèques trong thời phồn-thạnh nhứt.

Trong quyển "L'homme d'où il vient, où il va" (con người ở đâu đến và đi đâu) của tác giả C.W. Leadbeater nơi trang 155-216 có nói như vầy: Nền chánh trị bây giờ là thuộc về quân-chủ; bởi vì người cầm đầu trong nước là Đức-Bàn-Cổ hay là một vị Chơn-Tiên, tiến-hóa cao tuyệt-vời. Ngài lo tất cả việc nước. Điều quan-trọng của sự cai trị là: chịu trách nhiệm. Tất cả hoạn-nạn trong nước, tất cả sự không hay xảy ra cho cá-nhơn (tỷ như không kiếm được việc phù-hạp với tài-mình, hoặc có một đứa trẻ đau vì thiếu sự săn-sóc) cũng gọi là một dấu bẩn trong sự trị-dân, một vết nhơ cho triều-đình, một sự xấu hổ cho nhà vua.

Đế-Quốc chia ra làm tỉnh, tỉnh chia ra làm quận, quận chia thôn, (với 100 gia đình) thôn chia làm khóm (với 10 gia đình). Những nhà hữu-trách phải làm thế nào cho kẻ dưới cai-trị của mình được hạnh-phúc và phương-tiện. Cái danh-dự các Ngài là ở chỗ đó. Chẳng phải luật nước bắt buộc các Ngài phải có bổn phận ấy, mà chính là tự-tâm các Ngài nảy sanh ra ý nghĩ anh-hùng của nhà lãnh-tụ: là làm bổn-phận với lương tâm. Kẻ nào không làm bổn-phận trong sự cao thượng, thì bị xem là kém văn-minh. Rồi người đời sẽ xa lánh họ một cách thương xót và ghê sợ, giống như người bị trục-xuất ra khỏi giáo-hội Thiên-Chúa vậy.

Bởi muốn người trong nước đều có ý-niệm đó, nên những luật nước gần như vô dụng, và người ta không cất khám đường. Mỗi một công-dân phải sống cho đế-quốc, mới được gọi là xứng đáng. Nếu một người nào xao lãng bổn-phận, thì vị hữu-trách phải làm việc thế cho y: Mỗi một sự xao-lãng bổn-phận đều bị một hình-phạt chung là: sự trục-xuất.

Những quan chức đều được gọi là "Phụ-mẫu chi dân". Các Ngài không cần phải bắt ai tuân luật nước. Nhưng khi có sự cãi-cọ, gây-gỗ, thì các Ngài là những quan tòa chánh-trực. Người ta đến gần các Ngài một cách dễ-dàng vì: Các Ngài thường đi tuần-du trong địa-hạt của các Ngài, hầu tự-mình kiểm-

soát coi mỗi người dân có đủ phương-tiện về vật-chất và tinh-thần không. Nhờ những cuộc tuần-du nầy, mà các Ngài gần-gũi với dân-tình, và dân-tình xem các Ngài như cha mẹ, nên vui-vẻ đến trò chuyện thân-mật.

Người ta ghi vào sổ hết sức đúng đắn, những ngày sanh, tử và hôn-phối, nhờ đó mà biết đặng số thống-kê chắc-chắn. Mỗi vị thủ-lãnh đều ghi trên tấm bảng bằng cây tên, họ, nghề-nghiệp và sự hoạt-động của mỗi người dân mà mình có bổn-phận chăm lo.

Chẳng những điền-thổ đều được coi sóc và được phân-phát một cách kỹ-lưỡng, mà người ta còn phải phân-tích đất đai để biết tánh chất, hầu bón phân cho được phì-nhiêu. Mỗi một quận hay một làng được nhà nước phân-phát cho một số đất tùy theo số dân-cư. Phân nửa huê-lợi, thì thuộc về nông-gia để nuôi gia-quyến; hễ nông-gia đông con, thì được giữ lại một phần huê-lợi nhiều hơn kẻ ít con; còn số huê-lợi còn dư, thì thuộc về nhà nước. Nhà nước luôn-luôn sẵn-sàng mua lúa mì, dự trữ trong chành, phòng-bị nạn đói hay những tai-nạn khác.

Các nhà sư cất đền thờ tốt đẹp phi-thường, trần gian chưa nơi nào có được. Sự giáo-dục và trí-dục hoàn-toàn vô-phí (không lấy tiền) cho tất cả thanh-niên trong xứ từ nhỏ đến 21 tuổi sắp lên. Các nhà sư còn lo nuôi dưỡng hoàn-toàn những người đau ốm mà người ta gọi là "khách quý của Mặt Trời". Nếu bịnh nhân là rường cột của gia đình, thì tất cả gia quyến y cũng trở thành "Khách quý của Mặt Trời" cho tới chừng nào hết bịnh mà thôi. Rốt lại, các nhà sư có bổn phận lo trọn bề phương-tiện cho tất cả mọi người từ 45 tuổi sắp lên để cho họ rảnh rang tu-hành, chỉ trừ các nhà lãnh-tụ và các nhà sư, cả hai không được hưu-trí lúc 45 tuổi, trừ khi bịnh-hoạn mới được nghỉ. Người ta quá yêu-chuộng sự Minh-Triết và sự kinh nghiệm của các Ngài, nên yêu cầu giữ các Ngài lại. Nhơn đó mà các Ngài thường làm việc cho tới chết.

Nhà nước chăm nhứt là trồng-tỉa, đào mỏ và khai kinh-rạch để lấy tiền nuôi người bịnh hoạn, già cả, hay mở trường hoặc giúp đỡ các nhà sư.

Cách cai-trị ấy đem đến kết-quả tốt đẹp phi-thường: người ta không còn thấy ai nghèo đói. Những tội sát-nhơn dường không có xảy ra.

Người Pérou như không hiểu rõ về Luân-hồi, nhưng họ tin chắc rằng: con người là sinh-linh bất-tử, và khi thác rồi con người sẽ trở về với "Thần Mặt Nhựt".

Tôn-giáo của họ lập nền-tảng trên sự vui, bởi vì sự buồn và sự khổ đều được xem là một triệu chứng hung-ác và vô ơn. Người ta cho sự tử là một dịp để tỏ sự vui đầy oai-nghi và tôn-kính. Trái lại sự tự-tử được xem như một điều ghê-tởm, một sự hành-động thô-bỉ và kiêu-mạn. Chi nên thời ấy, sự tự-tử dường không xảy ra.

Trong khi làm phận-sự mỗi ngày người ta xưng-tụng oai-nghi của "Thần Nhựt Tinh" và không bao giờ cầu xin điều chi cho mình. Người ta cúng hoa, quả, để tỏ sự tôn kính. Người ta dạy dân sự rằng: "Thần-Nhựt-Tinh giúp họ về tinh-thần và vật-chất. Chi nên tinh-thần và vật-chất phải đi đôi. Vậy con người cần phải có một tấm thân cường-tráng, một tinh-thần tốt đẹp, để trở thành một Thần Nhựt-Tinh nhỏ, chan rải sức mạnh, sự sống và hạnh-phúc."

Nơi trường người ta dạy học, dạy viết, dạy toán, để áp-dụng trong đời sống hằng ngày chung với đồng loại: nhơn đó mà trẻ con từ 10 tuổi hoặc 12 tuổi đều có ý-niệm rõ-rệt về cuộc đời sống chung. Rồi trong lòng chúng nó tự nhiên nảy sanh một tình thương đồng loại, và quý mến thầy.

Buổi học kéo dài, nhưng nhờ học nhiều môn khác nhau và xen lẫn sự giải-trí, nên học không biết mệt. Mỗi học-sinh tập nấu ăn, tập phân-biệt trái độc và trái hiền, tập từ tìm vật-thực và nơi trú trong

rừng, và tập áp-dụng những khí-cụ của thợ mộc, thợ nề, nhà nông, dóng hướng, xem mặt trời, tập bơi lội, trèo nhảy cho lẹ-làng, khéo-léo.

Người ta dạy chúng lấy cỏ làm thuốc cứu-cấp chờ đợi lương y hay lúc rủi-ro thình-lình. Tất cả môn học trong trường đều qui vào thực-tế; thành thử những sinh-viên đều trở nên khéo-léo và giỏi xoay-trở.

Họ chỉ nói có một thứ tiếng mẹ đẻ, nhưng dùng chữ đúng, nhờ thực-nghiệm hơn là mẹo-luật. Họ không biết tý gì về Đại-số-học, Hình-học, Hóa-học, hay là về Sử-học. Họ chỉ biết Địa-dư của nước nhà và khoa Vệ sinh thực-nghiệm mà thôi. Tới 12 tuổi, người ta chọn cho mỗi đứa trẻ một nghề nghiệp nhứt-định, rồi đem nó đến trường chuyên-khoa phù-hạp với nó. Nơi đây, nó học 9 hay 10 năm bằng sự thực-nghiệp hơn là bằng giáo-lý.

Đứa trẻ nào muốn dọn mình làm người quan-chức trong chánh-phủ thì cũng được trường rèn-luyện vậy; nhưng sự rèn luyện nầy rất nghiêm-khắc, và bắt buộc phải có nhiều đức-tánh cao-thượng, nên thí-sinh ít người được đắc-cử.

Ngành canh-nông, khoa-học là ngành hoạt-động chánh trong nước. Người ta cũng có tạo nhiều xưởng và nhà máy, để làm máy móc và những đồ kiến-trúc.

Nhà nước trọng thưởng tất cả sự sưu-tầm, và sẵn-sàng giúp tài-chánh cho tất cả cuộc thí-nghiệm để đi đến sự phát-minh. Cách tổ-chức, đặt cầu, cống, đều được hoàn-toàn tốt đẹp như hiện giờ. Những máy móc của người Pérou, thì thô-kịch hơn và không được đúng đắn như những máy móc ngày nay. Họ thường dùng sức nước để làm cho máy chạy. Họ biết nhiều về thảo-mộc-học, nhưng phương-diện thực-tế mà thôi. Họ cho khoa thiên-văn là một khoa thiêng-liêng, chớ chẳng phải là tà-mị. Họ biết hành-tinh khác với ngôi sao thể nào, họ biết trái đất tròn và toàn chuyển (rotation) nên sanh ra tứ mùa. Họ cho rằng: những sao chổi là những tay thừa-phái của Tiên-Thánh sai đến Thần Nhựt-Quang. Họ dùng câu thần chú gia-truyền để đoán trước rất đúng những ngày nhựt-thực hay nguyệt-thực. Họ nhìn bóng cây mà đoán trúng được giờ ngọ.

Kiến-trúc của họ thì vĩ-đại nhưng giản-tiện. Cột làm bằng nguyên miếng đá. Họ mài miếng đá nầy để chồng trên miếng đá kia vừa-vặn với những cốt khó thấy đặng. Trong kẽ đá họ còn đổ một chất xi-măng, chừng khô cứng hơn đá (giống như phế-tích Đế-Thiên, Đế-Thích). Nhiều nhà cất bằng đất sét có trộn một thứ thuốc, nên khi khô, cứng như đá.

Vách tường thì dày và cao, nhưng giản-dị và tiện-lợi. Nhà cửa thì gom xung quanh cái nhà chánh. Cửa làm bằng tảng đá chạm có thể kéo lên và hạ xuống đặng, nhưng về sau người ta làm cửa đồng mà thế cửa đá. Nhà cửa rộng thênh-thang, chạm trỗ khắp cùng và gắn nhiều tấm bảng đồng. Nhà cất rất chắc, có thể nói là khó đập ngã đặng. Nóc nhà thường làm bằng đá hay bằng những tấm kim-khí. Họ ít dùng cây vì cây nhạy lửa.

Thuở ấy, người ta cất nhà không có dùng giàn, nhưng người ta đắp mô đất cao tới vách tường, khi lợp nóc, trét xi-măng xong, thì người ta phá mô đất, chỉ còn lại một cái nhà vững chắc giống như một khối đá.

Hầu như nhà cửa đều có một từng lầu, hay nhiều từng cao vòi-vọi. Trước nhứt, họ làm một cái nền vuông lối 300 thước bề góc; rồi cất một từng hai từng, mà mỗi từng lại nhỏ lần lần cho chí từng chót chỉ còn vuông vức lối 30 thước bề góc. Trên từng chót hết người ta làm chỗ thờ thần Nhựt-Tinh. Nhà ấy giống như kim-tự-tháp ở Ai-Cập. Người ta đào hầm từng dưới để chứa lúa hay hột, hoặc các đồ vật-thực khác. Tất cả nhà cửa, dù là nghèo nhứt, vách bên trong cũng đều bọc bằng kim-khí, cũng như dán giấy trong phòng vậy. Vách của nhà vua hay các đền thờ đều bọc bằng vàng lá dày 5-6 ly.

Muốn giữ bờ cõi, chống xâm-lăng, thì người ta cất đồn to và chắc; cái nầy liên-tiếp cái kia, dưới to, trên nhỏ. Người ta đục vách tường để chứa đồ báu-vật và những vật-thực để phòng bị giặc-giả phải đánh nhiều ngày.

Đường xá thật nhiều, tráng nhựa và trồng cây hai bên lề.

Giặc-giả ít khi xảy ra. Người chiến-sĩ lấy câu tiêu-ngữ nầy làm gốc: "Chớ bao giờ hung-ác với địch-thủ mình, bởi vì mai đây y có thể trở thành bạn-thân với người".

Dân cư dùng sắt nhưng không biết cách nấu sắt và thép. Họ thích nhứt là đồng và đồng pha, mà họ rán làm cho cứng nhờ trộn với xi-măng tốt của họ. Nhờ chất đồng pha với xi-măng ấy, mà họ có một thứ kim-khí bén tốt, cũng như thép ngày nay vậy. Sắt không thể trọn với xi-măng nên ít dùng. Họ chạm trỗ trên đồng rất khéo. Có khi dòm vào miếng đồng người ta có cảm tưởng là một ổ nhền-nhện: vì những đường nổi rất mỏng-manh. Muốn chùi rửa, người ta phải dùng cọng sậy nhỏ, chớ nếu lấy bàn chải chà, thì sẽ làm hỏng đi.

Họ làm đồ gốm với thứ đất sét trộn với chất hóa-học, thành ra màu đất nên đỏ và chói. Họ biết cẩn vàng và bạc tinh-xảo vô cùng, đường chỉ mảnh-mai dường thể tay tiên có nhúng vào! Họ trộn đất sét với xi-măng hay với nhiều chất khác để làm đồ gốm. Họ có một chất gì trộn với đất, đất hóa ra trong suốt như chai và có màu sắc, nhưng không dòn như chai. Họ còn biết làm đồ bằng sành uốn cong mà không gãy.

Về nghề sơn, vẽ, họ rất tinh-xảo; khi vẽ xong họ trét lên một lớp dầu để trừ mưa nắng.

Sách vở viết hay khắc trên từ tấm kim-khí mỏng, bề ngang lối 15 phân, bề dài lối 45 phân xỏ xâu lại, rồi để trong hộp cùng bằng kim-khí trắng giống như bạch-kim (platine) chạm trỗ rất khéo. Dường như họ không có máy in; chép sách là một công- trình trọng-đại như thời trung-cổ.

Văn-hóa của họ không được mở-mang rộng. Chỉ vài quyển về luân-lý, tôn-giáo và thần-bí. Cũng có nhiều tập-luận vẽ. Các khoa chuyên môn và sưu-tập sử-ký thường nói về sự cai-trị của một vì vương, trong lúc khó-khăn hay thuở thời bình. Người ta không viết về chuyện tình. Thuở ấy chưa ai làm thi, thơ. Về chuyện hôn-nhơn, thì thanh-niên dưới 21 tuổi không được cưới vợ, gả chồng. Phong tục bắt buộc thanh-niên phải có lý lẽ đúng-đắn mới được phép lập gia-đình. Tất cả lễ cưới trong xứ đều cử-hành một ngày trong năm. Sau khi hỏi vài câu, và đọc kinh theo lệ, quan thủ-lãnh phối-hiệp cặp vợ-chồng.

Người ta không ăn thịt thú-vật, chỉ dùng khoai tây, khoai mì, đậu, bắp, gạo và sữa. Đồ ăn chánh của họ là một thứ bánh bằng bột bắp, trộn với vài chất hóa-học, đem hấp cho thật lâu làm cho nó biến thành một thứ bánh tổ cứng rắn, ăn nó với lê-hoát khác cho đủ chất bổ. Nhơn đó, người ta có thể đem đồ ăn theo gọn-gàng để ăn nhiều ngày. Có khi người ta để vanille, hoặc nướng cam; nước ổi, v.v. trong bánh tổ ấy cho có mùi thơm. Muốn ăn người ta gậm nó, hoặc là nấu cho mềm trộn với chất khác. Thứ bánh tổ này người ta làm rất nhiều để bán cho dân chúng với giá thật rẻ. Nhiều người chỉ ăn nó mà sống chớ không cần ăn những chất đồ khác.

Người Pérou thương thú-vật nhà như: chó, mèo và khỉ có nhiều sắc lông. Tỷ như họ có giống mèo lông xanh tươi và chói.

Những người mộ chim, nuôi chim nhiều màu, nhiều thứ trong lồng lớn, như ở sở thú. Có vài bà sang trọng, giàu có, nuôi chim trong cái lồng vàng rất to. Rồi cả ngày mãi vui dạy chúng nó mở tình thương và mở trí.

Kiểu áo bổn xứ không rườm-rà, mà đơn giản, có màu sắc chói và rộng, gió thổi bay phất-phơ. Phụ-nữ ưa mặc áo xanh, kiểu giống như áo của Đức Mẹ Maria mà người ta vẽ trong tranh vào đời Trung-Cổ. Y-phục thường làm bằng vải lộn chỉ lên (laine).

Muốn tính-toán người ta dùng bàn toán như người Tàu. Đời sống thuở ấy tổ-chức khéo léo hơn hiện giờ. Những người cầm đầu trong nước phải làm việc hết lòng và vô-tư-lợi. Người ta lấy bổn phận để trên nhứt. Nhưng ở đây, chúng ta không nên quên rằng: chúng ta đang học một nhánh dân trưởng thành, đã tiến cao hơn trình độ của nhân-loại hiện giờ còn đang ở thời kỳ trẻ trung.

Một ngày kia, khi thời giờ đến, ta sẽ tiến lên một bậc cao hơn là người At-lan-Tích nữa.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM: Nhánh thứ tư và nhánh thứ năm của giống dân chánh thứ tư: Dân Tu-ra-nhen (Touranien)

Nhánh thứ tư của giống dân chánh thứ tư là dân Touranien sanh tại miền đông châu At-lăn-Tích, và phía nam miền núi của dân Tlavatlis. Phần đông ở miền nam trung châu At-lăn-Tích, và phía tây nam xứ Tlavatlis. Họ sống chung với dân Toltèques. Họ không bao giờ thành một giống dân thế-lực thực-sự ở xứ họ, dù có nhiều chi, nhiều phái rất mạnh mẽ; vì họ ưa di-cư qua miền đông để chiếm thuộc-địa.

Giữa khoản 800.000 và 200.000 năm trước Giáng-sinh họ ở miền Nam nhiều hơn, và chiếm đô-thị của Maroc và Algérie hiện giờ. Họ còn chiếm bờ biển tây, đông của Địa-trung-hải nữa. Nhiều người di-cư qua miền Đông làm dân Trung-Hoa. Có một nhóm nhỏ thành dân mạn-di (A-téc). Atèques xâm chiếm đại-quốc của dân Toltèques mới lập sau nầy.

Dân Touranien lập ra hệ-thống phong-kiến. Mỗi người điền chủ có đặc quyền duy-nhứt trên lãnh thổ họ. Có lúc đình thần thí vua để đem dòng họ lên ngôi. Họ là người hung-bạo, không kỷ luật. Có khi đờn bà ra cầm binh đánh giặc.

Bởi luôn-luôn đánh không lại người Toltèques, di-cư thiểu số hơn, nên họ nhứt-định tăng sự sanh đẻ, bằng cách chánh-phủ-hóa gia-đình, nghĩa là chánh-phủ xem tất cả con nít như con quốc-gia, nên lo cho chúng nó đủ mọi phương-diện. Nhờ thế mà sự sanh-sản càng tăng-gia. Chánh-phủ còn bãi bỏ lễ hôn-phối, thành thử tình giữa cha mẹ, vợ chồng, con cái đều bị tiêu diệt. Nếu có ai rán duy-trì tình-nghĩa trong gia-đình thì đều bị thất bại. Họ cũng trù-tính để tăng-gia nền kinh-tế lý-tài.

Dân Touranien là giống dân đầu của 4 nhánh dân-phụ da vàng. Ban đầu họ dùng ngôn-ngữ của người Tlavatlis, nhưng về sau biến-cải ra làm một thứ tiếng riêng biệt.

Có lúc họ cổ-vỏ một cái chánh-phủ nhân-dân lập-hiến, nhưng quá bạo, nên cái kết-quả rất khốc-hại, khiến cho toàn thể dân chúng phải chìm trong hỗn-loạn. Nước Tàu đã nếm qua mùi tân-khổ ấy, và cái ảnh-hưởng còn di-tích đến ngày nay, nên có ý lập một nền chánh-trị quý-tộc.

Dân Touranien có nhiều tánh đam mê dữ-dội và thấp-hèn, nên họ là giống dân-tộc rất khó chịu.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU: Nhánh thứ năm của giống chánh thứ tư: Dân Sê-Mít (sémites)

Giống dân Sémites (Sê-Mít) cổ-thời tạo ra nhánh thứ năm của giống dân chánh thứ tư. Họ là tổ-tiên của giống Do-Thái và giống thứ năm Aryen bây giờ. Họ ở miền sơn-cước và những bãi-biển lân-cận. Dân Sémites ở vào vùng bất tiện lợi nhứt trong xứ; họ sanh-sản, tiến-hóa, và dành độc-lập với các vị vương miền Nam, cho tới chừng họ trở nên đông-đảo tủa ra ngoài lập thành đoàn. Họ nóng-nảy, luôn luôn bất-mãn, họ mãi khai-hấn với người lân-cận nhứt là với nhánh thứ sáu của giống dân thứ tư Atlantides là dân Akkadiens càng ngày càng có năng-lực. Dân Sémites chiếm một xứ dài và rộng, bao gồm tới Thành cửa vàng (Cité aux portes d'or). Nhưng sau rốt, họ phải phục tùng dân Akkadiens vì họ bị dân nầy tàn-sát tận gốc lối 100.000 năm nay. Trước kia dân Sémites tràn từ Tây qua Đông. Miền Tây là Hiệp-Chủng-Quốc (Huê-Kỳ) bây giờ. Miền Đông bọc dài những xứ mà ngày nay người ta gọi là Âu-Châu, Phi-Châu và Á-Châu.

Người Sémites da trắng hơn người Atlantides; họ lấy tiếng Toltèques làm căn-bản để tạo ra một thứ tiếng riêng biệt.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY: Nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ tư: Dân Ac-Ca-Diên (Akkadien)

Nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ tư là Dân Akkadien. Họ sanh ra sau Đại-Hồng-Thủy 800.000 năm tại miền đông At-Lan-Tích, dường như tại chỗ con sông Sardaigne bây giờ. Họ rải-rác trên xứ Atlantide.

Dân Akkadiens chiến-đấu trên bờ và dưới biển với dân Sémites. Hai bên đều có tàu bè nhiều. Nhưng 100.000 năm sau, dân Akkadien rốt cuộc thắng dân Sémites và tiêu-diệt họ, rồi lập triều-chính trong đô-thành Sémites. Họ trị nước rất khôn ngoan cả mấy trăm như vậy. Dân Akkadiens là những tay thương-gia, đi biển, và chiếm thuộc-địa tài-tình.

Họ biết tuân luật nước và sống từ đoàn, an-ổn dưới nền chánh-trị từng khóm. Cũng như xứ Sparte tân-thời, có hai vị vua cùng cai-trị một châu-thành. Họ học giỏi về khoa chiêm-tinh và tinh-văn.

Họ đem ánh sáng cho miền đông xuyên qua Perse, Arabie. Họ choán xứ Ai-Cập và sanh ra dân Etrusques, Phénicien, Carthaginios và Basques.

Trước khi sanh ra giống dân Akkadiens, lối 200.000 năm nay, có một nhóm người tấn-hóa được Điểm-Đạo ở miền Scandinave của Âu-Châu. Nhà sư và bè-bạn của người đều thuộc về nhánh cổ-thời của giống Akkadiens. Họ cao lớn, đầu hơi dài, tóc đỏ hoe.

Người Akkadiens dù là nhánh dân-phụ da vàng, thứ sáu nhưng da mặt họ hơi sáng như người Sémites.

Họ do theo tiếng Toltèques mà làm ra một thứ tiếng riêng-biệt.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI TÁM: Nhánh thứ bảy của giống dân chánh thứ tư: Dân Mông-Cổ (Mongols)

Nhánh thứ bảy của giống dân chánh thứ tư là dân Mông-Cổ. Dường như chỉ giống dân nầy không có liên-lạc với Châu đời thượng-cổ. Dân Mông-Cổ sanh trên Đồng Tartarie ở Sibérie miền Đông. Họ là con cháu chánh tông của giống dân Touranien (Tu-ra-Nhen) mà họ thay thế lần-lần, họ tràn lan gần khắp xứ A-Tế-Á (Asie). Nhánh nầy sanh sản mau lẹ và hầu hết con người trên thế-giới đều là họ-hàng với họ. Dân Mông-Cổ là giống dân rày đây, mai đó, và tấn-hóa thập-bội. Tổ-tiên của họ "là những người man-di Touraniens". Họ mộ-đạo và linh-thông hơn người Touraniens. Nền tảng chánh-trị của họ là đặt một vị đế-vương cầm đầu về vật-chất, lẫn tinh-thần trong xứ, nhưng ẩn sau quần-thần.

Dù đồng Tartarie rộng lớn mênh-mông dân Mông-Cỗ cũng băng qua cho được. Họ đi đường Bắc Á-Tế-Á đặng đến Mỹ Quốc, ngang qua eo biển Béring. Trong cuộc di-cư chót của người Kitans, cách đây lối 1.300 năm, đã để lại nhiều dấu vết mà nhà chuyên về chủng-học tìm gặp trong một vài đoàn dân miền Bắc Mỹ-Quốc. Họ là tổ tiên của dân Hongrois and Malais. Dân Hongrois nhờ lai với dân Aryen nên tánh tình tốt hơn. Bởi dân Malais lai với dân Lémuriens còn lạc-hậu nên không được tiến-hóa.

Dân Mông-Cổ thuộc về nhánh chót của giống dân chánh Atlantide hiện còn sung-túc. Chính họ là dân Nhựt-Bổn (thuộc về nhánh thứ bảy) của giống chánh thứ tư đang chuyển-mình tiến bước cực-độ, trước khi tàn tạ, để đầu-thai làm giống dân chánh kế, là giống dân chánh thứ năm. Dân Mông-Cổ, nước da vàng cũng như dân Touranien.

Tóm lại: Nhánh thứ bảy là giống Mông-Cổ sanh ra người Trung-Hoa (ở trung-tâm xứ Tàu chớ chẳng phải ở dựa mé biển) người Mã-Lai, người Tây-Tạng, người Hung-Gia-Lợi (Hongrois) người Phin-noa (Finnois) người Ếch-kí-mô (Esquimaux), người Nhựt-Bổn và người Việt-Nam.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN: Giống-dân chánh thứ năm

Đức Bàn-Cổ Vaivasvata chọn một nhóm linh-hồn để cho đầu-thai làm giống dân-chánh thứ năm, cách đây đã hơn một triệu năm rồi. Họ là tổ-tiên của người da trắng bây giờ.

Nhưng nói cho đúng, thì giống da trắng chỉ sanh lối 100.000 ngàn năm nay; tổ-tiên họ là nhánh thứ năm của giống chánh thứ tư tức là người Sê-Mít (Sémites) ở miền sơn-cước phía Bắc Routa (một cù-lao ở Đại-Tây-Dương, nhưng ngày nay đã chìm xuống biển).

Vào năm 79.797 năm trước Chúa Giáng-Sinh Đức Bàn-Cổ mới đem nhóm dân của Ngài mà di-cư sang xứ Á-Rạp trên 30 chiếc tàu buồm, băng qua Sahara [[18]]. Dáng tàu nặng-nề, người ta cũng dùng chèo như bây giờ. Có ba kỳ di-cư: mỗi kỳ 3.000 người và một số thú vật.

Trong 9.000 người di-cư ấy, có 1 phần 6 (1/6) người Sémites, một phần 12 (1/12) người Akkadiens và một phần 12 (1/12) người Toltèques, Đức Bàn-Cổ (Manou) lựa toàn là những người tốt.

Lúc đó, người Toltèques ở Ai-Cập tấn-hóa vô cùng. Khi những người di-cư đi ngang xứ họ, họ mới quyến-rũ ở lại. Có một nhóm người ham-mê lời đường mật, cãi lịnh Đức Bàn-Cổ, nên về sau trở thành tôi-mọi của người Toltèques. Còn bao nhiêu người khác thì đi theo Đức Bàn-Cổ, đến Cao-nguyên Á-Rạp theo con đường mà ngày nay là kinh Suez. Họ đến trũng-núi phì-nhiêu (có một ít người sơn-cước là dân mọi) ở rải-rác lập-nghiệp, an-cư. Họ đem hết tình tôn-thờ Đức Bàn-Cổ khiến cho dân Ai-Cập không bằng lòng, uất-tức, mới rượt đuổi họ đặng tiêu-diệt. Nhưng chúng bị Đức Bàn-Cổ Vaivasvata giải

tán. Sau tai nạn ấy, những người di-cư sống đặng một thời gian thái-bình. Họ trồng tỉa nơi sũng núi, với những hột giống của họ đem theo từ xứ họ.

Họ sung-sướng làm ăn và sanh-sản mau lẹ; nên hai ngàn năm sau, nhơn số của họ lên tới mấy triệu. Họ sống ở đây xa hẳn người thế giới, do một dải cát bao xung quanh, trừ phi có một ngã (hiện nay là thành La Mecque) để ra ngoài đặng kiếm nước và rau cỏ. Những người xấu trong nhóm đều bị Đức Bàn-Cổ cho đi di-cư miền Nam Palestine hay miền Nam Ai-Cập. Thường họ đi bằng ngựa. Muốn cho giống dân Aryen chọn lựa ấy được tiến lẹ, Đức Bàn-Cổ mới đầu thai trong chủng-tộc họ. Người Aryen chuyên-môn trồng-tỉa và nuôi thú-vật. Dân một ngày một đông, nên di-cư đến Phi-Châu, lập một thuộc-địa; nhưng về sau họ bị tiêu-diệt.

Vài năm trước Đại-Hồng-Thủy (75.025 trước Chúa Giáng Sinh) Đức Bàn-Cổ mới tuân-lịnh Quần-Tiên-Hội [[19]] chọn lựa 700 người con cháu của Ngài (xin xem bản đồ số 4) làm thành một nhóm tốt đẹp, hạnh-kiểm đàng-hoàng, sống có qui-tắc. Ngài mới dắt nhóm ấy lên miền Bắc, đi ngang qua Turquie d'Asie (Perse nay), và những xứ khác gần đó. Ở Turkestan, họ mới xin chánh-phủ liên-hiệp Touranien đi qua Tibet. Sau nhiều năm lữ-hành, đoàn di-cư đến mé biển Gobi [[20]] và miền núi Bắc, Đức Bàn-Cổ mới để một mớ ít dân trên nồng Đông-Bắc. Còn những người khác thì Ngài dắt đến triền núi phong-phú, phì-nhiêu. Còn Bạch-Đảo (Ile blanche) ở miền Nam, ban đầu họ chưa thấy, về sau họ chiếm và lập-nghiệp cho tới hồi Đại-Lục. Địa-thế nơi ấy tốt thế nào, mà khi động đất, thành thị nhà cửa cũng không hư hại gì. Cho nên trong cuộc động đất hãi-hùng nhứt thế-giới, nhóm người ở Gobi nhờ địa-thế che chở, nên không sao cả, dầu đã sợ hãi và dường như bị tê-liệt: vì lúc ấy mặt trời bị nhiều lớp mây đen dày mịt che khuất không biết bao nhiêu ngày. Dưới đất bụi và hơi bay lên đen nghịt cả trời. Cây cối không mọc được. Dân sự bị đói khát mà chết. Khi mới đến, họ được 700 người, sau họ sanh-sản thêm và cả thảy được 1.000. Nay vì chịu không nổi với nạn trời, ách nước, nên chết mòn chỉ còn 300 người bền-dẽo, lực-cường mà thôi. Năm năm về sau, họ lập-nghiệp lại. Nhờ khí hậu nóng họ trồng tỉa đặng.

Đức Bàn-Cổ lúc ấy đã già rồi, Ngài được lịnh trên Thiên-Đình phải dắt dân-sự của Ngài qua Bạch-Đảo. Nơi đây, công việc thiên-cơ mới được bành trướng trong thời-gian lối 10 ngàn năm. Dân sự phải sống trên mé biển Gobi, càng đông, càng mạnh. Nơi Bạch-Đảo, một giống dân mới sanh ra và một thành-phố hùng-vĩ cất dài theo mé sông.

Có một dãy núi chạy dài theo mé biển Gobi, cách thành-phố lối 30 cây số ngàn. Nhiều ngọn đồi thấp nổi lên từ dãy núi ấy ra biển. Có bốn sũng núi riêng-biệt với nhau, ở gần biển. Đức Bàn-Cổ mới được lịnh dắt những gia-quyến chọn lựa đến đó ở đặng sanh-sản ra bốn nhánh-dân khác nhau. Bốn nhánh nầy, về sau, sẽ được dắt đi nhiều chỗ trong thế-giới. Mỗi người phải cưới, gả với nhau trong gia-quyến của Đức Bàn-Cổ. Khi xác phàm của đức Bàn-Cổ già rồi, Ngài từ trần, nhưng đầu-thai lại liền trong nhóm người ấy, đặng tạo ra một giống dân mới đặc-biệt. Thế thì, Ngài tạo ra giống dân chánh thứ năm với năm nhánh phụ khác nhau.

Lối 70.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, Đức Bàn-Cổ mới ra lịnh cho dân sự Ngài lập làng xã trên đất liền. Nơi đây, dân sự sanh-sản trong nhiều ngàn năm như vậy. Đức Bàn-Cổ bấy giờ được toàn dân tôn lên Hoàng-Đế, Ngài mới lập đế-đô tại Shamballa. Vài năm sau, Đức Bàn-Cổ ra lịnh cho Jupiter và Corona (tiền kiếp của Jules César) cho Mars và Vajra (tiền kiếp của bà H.P Blavatsky) chọn những con nít tốt về vật-chất, lẫn tinh-thần đưa đến đế-đô Shamballa. Những đứa con nít nầy được nuôi nấng đàng-hoàng như Uranus, Neptune. Sùrya, Brihaspati, Saturne, Vulcain và Vénus; về sau tất cả đều được đắc-đạo Chơn-Tiên.

Đến sau, không bao lâu, những người Touranien đến xâm lấn và tàn-sát họ. Những đứa con nít được cứu khỏi chết, được nuôi dưỡng theo kỷ-luật, thành một nền văn-minh cao hơn bậc thường của quần chúng thập-bội. Phần đông là những người hiền giả và những người "tôi" trung-thành. Họ lập đồn, giữ ranh giới chắc-chắn, để ngừa sự xâm-lăng của người Touraniens man-di mà họ hằng ngày e-ngại. Nhưng cũng không khỏi: khi dân sự khá đông đủ lập thành một quốc-gia, thì họ lại bị dân Touraniens tàn-sát,

trừ phi vài đứa con nít với những người tôi tớ được trốn thoát. Họ được nuôi tại Shamballa. Nhờ đó mà giống dân Aryen được tồn-tại. Đức Bàn-Cổ và những cộng-tác-viên của Ngài mới đầu-thai trong những gia-đình sau nầy đặng sửa đổi giống dân trở nên tốt đẹp như ý muốn. Có một điều lạ là: những người Touraniens không dám đá động đến Bạch-Đảo mà họ rất tôn-thờ. Nếu chúng ta nhìn lại những người mà Đức Bàn-Cổ còn bỏ sót tại Arabie, khi Ngài dẫn 700 người hạnh tốt di-cư ở Asie centrale (Trung Á-Tế-Á), thì chúng ta sẽ thấy họ là tổ-tiên của người Do-Thái.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI: Thành-phố "Bông" (Ville du Pont)

Sau khi bị tàn-sát kỳ thứ nhì mà chúng ta vừa thấy ở trước, thì Đức Bàn-Cổ mới cho Mars đầu-thai trong một gia-đình trong sạch Toltèque tại Poséidonis (xin xem bản đồ số 4). Khi Mars được 25 tuổi, Đức Bàn-Cổ mới kêu gả con gái cho, để cho hai thứ máu hòa nhau, hầu sanh ra giống dân kiểu-mẫu.

Trong khi ấy, 60.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, giống dân chánh thứ năm (Race Racine Aryenne) mới chánh thức lập-chủng từ đây và không sợ bị tàn-sát nữa.

Những con cháu của Đức Bàn-Cổ tiếp-tục ở tại Bạch-Đảo cho tới 100 người, mới di-cư ra đất liền, và lập đô-thị, y theo kiểu-mẫu hạp với đặc-tánh của giống Aryen. Thành phố nầy cất dọc theo mé biển, hình cái quạt chạy dài lên dốc đồi lối 30 cây số ngàn. Đường sá rất rộng-rãi hướng về Bạch-Đảo. Bản-đồ Đô-thị nầy đã vẽ 1000 năm về trước. Những hòn núi nhỏ có nhiều mỏ kim-khí, có nhiều thứ đá đủ màu. Những vị kiến-thiết quốc-gia sống trong vòng huynh-đệ, và làm việc một cách vui tươi: vì biết rằng: mình phụng-sự cho một Đấng vừa là Minh-Quân, vừa là Tổ-phụ của mình.

Họ dùng máy quây đưa những tảng đá to lớn phi-thường lên Bạch-Đảo đặng cất nhà. Có nhiều tảng đá dài lối 50 thước họ dùng thần-lực vô-vi mới dời đi đặng. Nhà cất giống như Ai-Cập nhưng hình dáng nhẹ-nhàng hơn. Ở Bạch-Đảo, người ta rất ngợi khen những đền đài, dưới lớn trên nhỏ, giống như búp sen; người ta chạm giống như những tai sen xếp lại, khi chưa nở, trông rất khéo-léo. Phải tốn nhiều thế-kỷ mới làm xong. Nhờ các đền-đài ấy mà Bạch-Đảo trở thành một vật kỳ-quan trong thế-giới. Bạch-Đảo có rất nhiều đền thờ tốt đẹp phi-thường làm toàn bằng cẩm-thạch cẩn vàng, chi nên nó mới nổi tiếng là thành-phố tinh-thần duy-nhứt ở thế-gian. Chính giữa Bạch-Đảo có một đền thờ to lớn, cao vòi-vọi. Nơi đây các đấng thiêng-liêng thường hiện xuống.

Từ đền thờ chánh, đường sá túa rải ra làm 4 nhánh. Đứng chót ngỏ đường, cách đền thờ 16 cây số ngàn, người ta sẽ giựt mình kinh-ngạc thấy cảnh đẹp tuyệt trần, dường như lạc vào cõi Thiên-Thai, Bồng-Đảo. Bên trong cũng như bên ngoài, những đền thờ đều có chưng nhiều hình tượng; chúng nó là những dấu vết tượng-trưng sự mầu-nhiệm thiêng-liêng. Có hình tượng-trưng những hột nguyên-tử hồng-trần và hóa-học. Những hột sanh-lực (globules de vitalité) đều được chạm nổi lên.

Người ta dùng vàng, ngọc, đủ màu, đủ cở, để cẩn trên đá cẩm-thạch trắng. Thành phố cất trên đất liền; nhờ một cái cầu to lớn nặng-nề và tốt đẹp phi-thường nối liền nó với Bạch-Đảo: Trên cầu có cất nhà vòng xinh xắn, chạm trỗ và chưng nhiều quần-tượng khéo-léo. Nhơn đó người ta mới gọi là Thành-Phố-Bông [[21]].

Trước Chúa Giáng-Sinh, 45.000 năm. Thành phố được phồn-thịnh nhứt. Nó là kinh đô của một đế-quốc lớn, chạy dài từ Tibet tới mé biển và từ Manchourie tới Thái-Lan. Nó là Cù-Lao cường thạnh nhứt, hơn cả Cù-Lao Úc-Châu, và Nhựt-Bổn. Hiện nay phế-tích thành Shamballa là một kỳ-quan trong thế-giới. Cái "Cầu" ấy vẫn đứng vững với thời gian, nhưng dưới cầu thì bây giờ cạn khô, chỉ có những lượng sóng cát (của đồng cát) gió đưa ngày đêm không dứt. Thành Phố "Bông" là thành phố gương-mẫu của Đức Bàn-Cổ tạo ra mà trên đời không thành nào bì kịp, vì nơi đây, các Đấng-Thiêng-Liêng thường phóng điễn lành và ban ân-huệ cho khắp thế-gian.

[[1]] Bảy dãy Hành-Tinh và 7 bầu đều lấy tên trùng với 7 hệ tiến-hóa.

[[2]] là những bậc Điểm-Đạo kỳ nhứt sắp lên. (Được Điểm-Đạo là đã được Ân-Trên chứng-nhận bề đạo đức của mình.

[[3]] Đức Thái-Dương Thượng-Đế lập hai cõi trên là cõi Tối-Đại Niết-bàn trước khi sanh hóa ngôi mặt trời và ánh sáng. Ngôi Tứ-tượng mới lập 5 cõi thấp là: Niết-Bàn, Bồ-Đề, Thượng-Giới, Trung-Giới và Hạ-Giới

[[4]] lừ-đừ cũng phải: vì thần-lực của Đức Thượng-Đế đã rút đi qua dãy khác rất nhiều, chỉ chừa lại một số ít mà thôi. Đó là những phần-tử trễ cuộc Long-hoa, như người Việt thường nói.

[[5]] Sự tiến-bộ không phải theo tỷ-lệ: 2, 4, 6, 8 (toán-học cấp-số) cũng không phải theo tỷ-lệ 2, 4, 8, 16, v.v… (kỷ-hà cấp-số) mà theo tỷ-lệ 2, 4, 16, 256, 65.536, 4.294.967.296, v.v…. Như thế, một sự tiến bộ mau lẹ không thể tưởng-tượng nổi. Vậy, ta có thể ức đoán một cách hợp-lý rằng: sự tiến-bộ thực-hiện trong dãy thứ 5 thứ 6 và thứ 7 sẽ vô cùng vĩ-đại hơn sự tiến-bộ thực hiện trong 4 dãy đầu. Dĩ nhiên phải như thế ấy mới được.

[[6]] Hai cõi trên là: Tối Đại Niết-Bàn và Đại Niết-bàn có trước khi lập-thành Thái-Dương-Hệ.

Cõi Tối Đại Niết-Bàn tượng trưng bằng những chấm (là sự sống đầu tiên).

Cõi Đại Niết-Bàn tượng trưng bằng những lằn gạch (là sự chia âm dương)

[[7]] Điểm Linh-Quang của đức Thượng-Đế phát-sinh tại cõi thứ nhứt và ngự tại cõi thứ nhì lấy hiệu là Chơn-Thần (Monade). Chơn-Thần xuống thấp không được vì nó quá thanh, nên mới phân thân xuống cõi dưới, lấy danh hiệu là chơn-nhơn (égo). Chơn-nhơn cũng thanh, nên xuống cõi dưới không được, mới cho tia sáng đi xuống trần, lấy danh-hiệu là phàm-nhơn (đoạn nầy sẽ giải về sau).

[[8]] Là vị sáng lập và giáo-hóa các loài.

[[9]] Chơn-Thân chưa tiến-triển nên lấy hình bằng đường vạch.

[[10]] Chúng thành người thiệt thọ nghĩa là không đầu thai làm thú nữa, chớ hình thể của chúng chưa giống hình người.

[[11]] Người luyện Đạo rán mở cái hạch ấy để có được phép thần-thông như huệ nhãn v v…

[[12]] Chẳng phải các Ngài nắn hình-thể vụng-về; nhưng ban đầu phải nắn thô-kịch như vậy để cho hạp sự tiến-hóa của những loài ấy còn chưa tiến- hóa.

[[13]] Người giống dân thứ nhứt chưa có xác thịt, cơ thể họ chỉ là cái phách. Người giống dân thứ nhì có một thể cứng hơn bao bọc chất mềm ấy.

[[14]] Còn lấy hình ổ bánh, chớ không phải có tứ chi như người bây giờ.

[[15]] Mỗi giống dân-chánh có bảy giống dân-phụ.

[[16]] Nghĩa là ở giữa khoản thời-gian sanh-hóa giống dân thứ tư thì Luật-Trời ngừng cuộc chuyển-kiếp thú làm người, để đợi cuộc tuần-huờn khác. Con thú nào còn chậm bước, thì phải đọng lại một chỗ. Tỷ như học trò bị đọng lớp vậy.

[[17]] Pérou (Pé-ru) ở miền Nam Mỹ Quốc nằm dài theo bờ biển, có nhiều núi cao lối 6.000 thước, nhiều hồ và cao-nguyên. Ngoài ra thảo-mộc sung-túc. Pérou còn có nhiều mỏ như mỏ vàng, bạc, đồng, chì, thủy-ngân, than đá và dầu lửa v.v… chi nên Pérou nổi tiếng là một xứ rất giàu.

Trước khi người Bồ-Đào-Nha sang chiếm hồi thế-kỷ XVI thì xứ Pérou là một nước có một nền chánh-trị hẳn-hòi, do các người thủ-lãnh Incas rất văn-minh tấn-hóa. Đến năm 1532 ông Pizarre người Bồ-Đào-Nha đổ bộ đến đánh bại rất lẹ. Người Bồ-Đào-Nha khai mỏ và lập thành-phố vĩ-đại. Riêng biệt với Bồ-Đào-Nha năm 1821 sau cuộc chiến thắng ở Ayacucho, xứ Pérou năm 1876 lại khởi chiến với Chili. Cuộc huyết-chiến nầy làm cho Pérou mất một phần Nam dài theo bờ biển, nhưng về sau năm 1929 một phần tại Tacna đã trở về Pérou.

[[18]] Sahara trước kia là biển, bây giờ là đồng cát.

[[19]] Các vị Quần-Tiên-Hội là các Đấng Thiêng-Liêng cai quản tinh-thần của võ-trụ (gouvernement intérieur).

[[20]] Mà nay trở thành đồng cát.

[[21]] Bông do chữ Pont của Pháp nghĩa là cái cầu.

VŨ-TRỤ VÀ CON NGƯỜI

Tác-giả: NGUYỄN-VĂN HUẤN và NGUYỄN-THỊ-HAI

1957

Đánh máy: Điểm Dung

QUYỂN HAI

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT: Nhánh thứ nhứt của giống dân chánh thứ năm: Dân A-ri-den (Aryen), Người Ấn-Độ 60.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh

Một thiểu số di-cư, 60.000 năm (trước Chúa Giáng-Sinh) sanh ra một dân-tộc đông-đảo bao quanh biển Gobi. Dân tộc nầy xâm chiếm các nước lân-cận. Trong số đó, có xứ của người Touranien đã sát-hại tổ-tiên họ xưa kia. Dân ấy là tổ-tiên của giống dân da trắng Aryen.

Nhánh đầu-tiên là Indo-Aryen để ám-chỉ những người sang qua Ấn-Độ để xâm chiếm. Họ là người Ấn-Độ da trắng. Những dân chánh Aryen còn lại nơi mé biển Gobi lần lượt cũng bỏ quê hương mà theo mấy người Indo-Aryen đến Ấn-Độ lập nghiệp ít lâu trước trận Đại-Hồng-Thủy nhận chìm xứ Poséidonis xuống đáy biển (9.564 năm trước Chúa-Giáng-Sinh), họ di-cư đến đó cũng là do sự dắt-dẫn của Đức-Bàn-Cổ để tránh tai nạn.

Từ 60.000 tới 40.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, giống dân chánh Aryen tiến-triển phi-thường cho tới cực-độ vào 45.000 năm trước chúa Giáng-Sinh. Dân Aryen xâm chiếm Trung-Hoa và Nhựt-Bổn nhứt là Mông-Cổ, (là nhánh thứ bảy của giống dân chánh thứ tư) và tiến lên miền Bắc và Đông. Tới đây, vì lạnh quá nên dừng lại. Họ cũng chiếm luôn Formose và Siam là xứ của nhánh thứ tư và nhánh thứ nhì của giống dân chánh thứ tư là người Touranien và Tlavatlis (La-hoát-li). Xong rồi, người Aryen còn chiếm thuộc địa ở Sumatra, Java, và những Cù-Lao kế-cận. Thường thường giống dân Aryen tới đâu, thì thổ-dân tiếp rước vui-vẻ, vì họ xem những người da trắng nầy như những thần-thánh, tự nhiên họ yêu quý, chớ không đánh đuổi như kẻ địch-thù.

Tàn-tích thuộc-địa nầy còn roi dấu đến ngày nay, tại cù-lao Célèbes ở miền Đông Bornéo.

Dân Aryen còn lan-tràn đến bán-đảo Malaisie, đảo Philippines, Liou-kiou, Papouasie, Úc-châu và những đảo kế-cận mà dân Lémuriens còn chiếm đóng. Các đế-quốc to lớn phi-thường ấy được Đức Bàn-Cổ hay các vị ủy-viên của Ngài cai-trị dưới danh hiệu Đế-Vương.

Sự tiến-hóa của giống dân nầy đáng cho ta tìm học. Một dân-tộc đã trải qua mấy trăm ngàn năm tiến-hóa ở Atlantide (At-lăn-tích) và mấy ngàn năm văn-hiến, dưới sự điều-khiển của Đức Bàn-Cổ tại Á-Rạp và Á Tế-Á miền Bắc, thì quả thật là không phải một giống người dã-man, hoặc hủ-lậu của đời thượng-cổ.

Toàn dân đều biết đọc và biết viết, Đức Bàn-Cổ rán dạy cho họ sống tình huynh-đệ với nhau, và đối-đãi với nhau thật nhã-nhặn và lịch-sự. Nhơn đó mà họ tự biết mình, và nhìn nhận sự cao-thượng của vài kẻ khác. Đối với người đã làm ơn cho họ, họ hằng ghi nhớ. Họ không đem bản-ngã của mình mà cưỡng-chế người. Họ tìm hiểu giá-trị của người, nên ít gây-gỗ. Nền văn-minh của dân Aryen nhơn đó khác hẳn với nền văn minh của dân Atlantide rất phức-tạp và loè-loẹt, mà mỗi người tìm phương-tiện cho đời sống riêng; họ nghi-ngờ lẫn nhau, nên không-khí không hòa-bình và huynh-đệ chút nào. Thời bấy giờ dân Aryen rất trọng lời nói của mình. Bằng ai không trọng lời mình, thì bị xem là người Aryen không xứng đáng. Mỗi người Aryen dường phải tìm hiểu một số đông người, điều nầy hữu-ích cho sự tuyển-chọn quan-chức.

Tuy nhiên, người Aryen không thực-hành tình huynh-đệ lan rộng ra với tất cả mọi người khác giống mà họ khinh, tỷ như họ không chịu tình huynh-đệ với người Touraniens là người khác giống, lại gian-xảo, mà luôn luôn họ phải đề phòng. Còn đối với những người không đồng chủng, nhưng tiến-hóa cao, thì họ vui mừng mà kết bạn và hợp-tác.

Họ tạo sẵn nơi cư-trú, có rào riêng biệt, cho người ngoại-quốc đến viếng xứ họ. Họ ngờ vực người ngoại-quốc, nên có khi họ đối-đãi rất nghiêm-khắc.

Người Aryen tự cho mình là quý-phái, nên có lập một qui-luật riêng. Trẻ con của họ được xem là quý-tộc, sẵn-sàng hành theo qui-luật của nhà quý-tộc.

Nền văn minh Aryen thấm-nhuần ánh sáng và vui tươi. Người ta đánh nhạc, khiêu-vũ, còn tôn-giáo, thì đầy lời ca tụng và ân-đức. Những tín-đồ luôn luôn đọc kinh, xưng tụng công đức thiêng-liêng và nhìn-nhận sự hiện-diện của Thiên-thần ẩn sau mãnh-lực thiên-nhiên. Mặt trời là mối tôn thờ thứ nhứt của họ.

Một vài người Aryen học tận-tường khoa huyền-bí và được đoạt thành chí nguyện; họ mở đặng Thần nhãn, thấy hình tư-tưởng. Họ biết phép hiện-hình hoặc muốn bỏ xác chừng nào cũng được.

Nhớ lại những tai-hại của châu Atlantide khi xưa, mà các nhà giáo-chủ, lấy làm thận trọng khi chọn đệ-tử: Đức Bàn-Cổ phái một ủy-viên lo-lắng sự nầy, để tuyển chọn người xứng đáng trong từng lớp dân chúng ở xã-hội.

Thời ấy không có báo chí, nhưng mấy vị có Thần-nhãn biết đặng tất cả sự xảy ra khắp nước, cũng như ngày nay ta dùng dây-thép hay vô-tuyến-điện mà biết biết vậy.

Có khi gấp rút, khó cho Đức Bàn -Cổ truyền lịnh nơi xa. Ngài mới sai một vị đệ-tử biết xuất vía cho ra khỏi xác đến tận nơi, rồi hiện-hình để truyền tin của Ngài cho vị thủ-lãnh nọ. Nhơn đó mà Đức Bàn-Cổ quả thật là một vị Đế-Vương khắp cõi, không nơi nào mà Ngài không thấu và không biết.

Người ta khắc chữ với vật nhọn trên cây, trên lá, trên loại kim, rồi người ta đổ lên làn khắc ấy chất nước, hễ khô thì đặc lại. Máy móc đơn sơ hơn đời Atlantide và phần nhiều đồ vật đều làm bằng tay: vì Đức Manou muốn cho dân sự tránh sự xa-hoa, quá lố như đời Atlantide. Đến năm 40.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, đế quốc khởi sụp đổ. Những cù-lao và tỉnh ở xa khởi sự giành độc-lập một cách dã-man. Đức Bàn-Cổ thỉnh-thoảng đầu-thai xuống thế, nhưng thường chỉ-huy những việc cõi trên. Dù vậy Trung-tâm đế-quốc vẫn giữ nền văn-minh huy-hoàng ấy hơn 25.000 năm sau; trong khi đó những giống dân phụ chót rải-rác khắp nơi.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI HAI: Nhánh thứ hai Aryen: Người A-Rạp 40.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh

Bấy giờ Đức Bàn-Cổ mới tạo ra bốn nhánh của giống dân chánh thứ năm (là giống dân Aryen) trong bốn trũng núi dọc theo mé biển Gobi, mà ta đã nói ở trước. Ngài chọn người tiến hoá Aryen, vài gia-đình bằng lòng hợp-tác với các nhà hướng-đạo, từ giã Thành-Bông (Ville du Pont) [[1]] để đến đồng cát đặng di-cư lập nghiệp. Phần đông mấy người nầy ngày nay là các hướng-đạo Thông-Thiên-Học. Họ làm công việc nhọc-nhằn và cũng là bạc-bẽo nữa, nhưng họ cho là cần-yếu.

Vào thời-đại thứ ba Mars và Mercure cùng vài vị tiến-hóa cao sanh vào gia-quyến nầy để làm kiểu-mẫu cho giống dân mới. Khi có linh-hồn tiến-hóa đầu-thai thì dân kiểu-mẫu sau nầy nên hết sức tốt đẹp: Thời ấy gọi là thời vàng. Xung quanh mấy người kiểu-mẫu, lại có nhiều linh-hồn đến đầu-thai đặng cộng-tác, nhưng tự nhiên là họ chưa đủ khả-năng.

Những người còn ở lại "Thành Bông" thì cho những kẻ di-cư, nơi bốn trũng núi ấy, là vô trí-thức. Họ chế-nhạo rằng "Ai bỏ cảnh văn-minh tốt đẹp như vầy để đến đồng cát hoang-vu mà khai-khẩn?" Nhưng những người nơi trũng núi cứ việc tiếp-tục nhiệm-vụ là tạo giống dân mới, tốt đẹp hơn. Họ sanh-sản và càng ngày dân càng đẹp, càng thanh, cho đến 40.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, Đức Bàn-Cổ mới nhứt-định đem họ di-cư khắp thế-giới. Dưới sự điều-khiển của Mars, họ trở lại đường cũ, mà xưa kia tổ-tiên họ đã đi đặng đến xứ Arabie, tạo ra giống dân lai với người A-Rạp, mà họ cho là có nhiều tánh quí nhất.

Về sau Đức Bàn-Cổ tự mình cầm đầu đoàn di-cư. Ngài mới điều-đình thân-ái với một dân-tộc tử-tế và mạnh-mẽ của xứ phì-nhiêu mà ngày nay ta gọi là Xứ Perse (Ba-Tư) và Mésopotamie để đi ngang qua được đến Arabie. Đoàn dân di-cư nầy đếm lối 150.000 tráng-sĩ và 100.000 đàn bà và con nít. Trước khi lên đường, Đức Bàn-Cổ có cho người sứ-giả đến Arabie đặng xin phép di-dân tại đó. Vị thủ-lãnh Á-Rạp ban đầu không bằng lòng, nhưng rốt cuộc, ông cho phép đoàn di-cư đến cư-trú, trong một cái trũng núi lớn hoang-vu, trên biên-giới nước ông.

Không bao lâu, trũng núi được khai-phá, người ta đào sông, rạch; rồi nơi chốn hoang-vu ấy người ta thấy một con sông đem mạch sống cho đất được phì-nhiêu. Không đầy một năm, trọn biên-giới đều trồng-tỉa sung-túc. Trong ba năm khai-phá, dân-cư trở nên phong-phú, và tự-túc đặng.

Nhưng vị thủ-lãnh Á-Rạp phát lên ganh-tỵ. Ông mới rán đưa Đức Bàn-Cổ vào cuộc tranh-đấu giữa ông với kẻ nghịch-thù láng-giềng. Đức Bàn-Cổ không chịu giúp; vị thủ-lãnh Á-rạp bèn thương-thuyết ký hòa-bình với kẻ nghịch; và xong rồi ông mới tìm thế đuổi người di-cư ra khỏi lãnh-thổ. Nhưng Đức Bàn-Cổ chống-lại và giết người thủ-tướng của giặc. Đoạn Ngài bành-trướng lãnh thổ. Dân Á-Rạp phải chịu dưới quyền cai-trị của Đức Bàn-Cổ. Chẳng bao lâu, họ thấy mình được sung-sướng và cường-thạnh nhờ sự cai-trị khôn-khéo, nên qui-phục và phối-hiệp với đoàn di-cư, tạo ra giống dân Aryen.

Thời bấy giờ đế-quốc Arabie rất thạnh-hành và oai-thế. Đức Bàn-Cổ mới chiếm lần lần khóm nầy đến khóm khác, bằng cách hòa-bình và không đổ máu. Bốn mươi năm sau, trước khi Đức Bàn-Cổ từ trần, thì hơn phân nửa miền Bắc Á-Rạp đều đặt dưới sự cai-trị của Ngài, chỉ còn phần miền Nam chống lại mà thôi. Trong lúc chiến-tranh kéo dài, Đức Mahâgourou (tiền kiếp của Phật Thích- Ca) đầu-thai trong giống dân phụ thứ hai của giống dân chánh Aryen đặng truyền một tôn-giáo mới, mà Ngài đã dạy ở Ai-Cập.

Trong lúc đó, lối 40.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, đế-quốc Atlantide đã sáng lập ở Ai-Cập. Dân sự văn-minh tuyệt-vời. Họ cất đền thờ đồ-sộ, nghi-lễ huy-hoàng. Các nhà sư có một giáo-lý cao-thâm.

Dân Ai-Cập là dân rất mộ-đạo và có linh-tánh. Khi ông Osiris từ-trần, tất cả quần chúng đều khóc ông nức-nở và cầu-nguyện cho ông đầu-thai lại trần ở với họ. Đức Mahâgourou đầu-thai lấy tên là Tehouti hay Thoth, rồi sau người Hy-Lạp gọi là Hermès.

Đức Mahâgourou dạy giáo-lý chánh-đại về "Ánh sáng Tâm-hồn". Ánh sáng ấy là điểm linh-quang ẩn trong muôn loài vạn-vật. Nó là sự sống thiêng-liêng. Nó ở tận đáy lòng con người. Muốn thấy nó, thì con người phải trở lại bên trong, dòm lại lòng mình. Nơi đây Ánh sáng không xa vậy. Tất cả nghi-lễ đều hướng về đó. Bởi vậy nghi-lễ không đặng bãi bỏ. Khi con người đã hiểu biết rồi, thì nghi-lễ không còn cần ích nữa. Con người sẽ đến Osiris, đến Ánh-sáng tức là Amoun-Ra. Tại đền thờ Pharaon, nhà vua viết câu tiêu-ngư nầy: "Người hãy tìm Ánh-sáng." Và chỉ khi nào một nhà vua thấy đặng ánh sáng ẩn trong lòng mỗi người, thì chừng ấy sự cai-trị của Ngài mới được tốt đẹp cho. Nhà vua còn tặng cho dân chúng câu tiêu-ngữ nầy: "Người là ánh sáng vậy. Cầu xin ánh sáng nầy tỏ-rạng!". Nhà vua khắc câu ấy trên cột đền thờ và trên cửa của nhà dân-dã. Còn câu tiêu-ngữ rất được người ưa-thích nữa là "Người hãy theo ánh sáng". Về sau người ta đổi nó ra câu nầy: "Người hãy theo Vua." Hiện nay hội bàn tròn (Table Ronde) lấy nó làm tiêu-ngữ. Dân chúng tập nói với người khuất mặt như vầy: "Người tử về với Ánh-sáng".

Sau nhiều thế-kỷ, có một vị vua tham-tàn lên ngôi, dẫn binh-sĩ tới Océan và tự xưng là Hoàng-Đế Arabie. Một số dân Á-Rạp miền Nam thấy bổn phận chống cự lại, nhưng nể lời của một vị tiên-tri, họ bỏ xứ đến ngự tại bãi biển Somalis, trước Arabie. Họ sanh đẻ và sống như vậy nhiều thế-kỷ cho đến khi vị tiên-tri đang trị nước lúc bấy giờ lại yêu một người mọi. Điều nầy làm phản-động lòng dân, và trái luật nước: vì người bổn xứ không thể cưới vợ hay gã chồng với người ngoại-quốc. Nhưng vị thủ-hiến nói rằng: người mọi cái nầy đã bị đem bán, thì được xem như một món hàng, chớ chẳng phải coi là người ngoại-quốc được. Tuy trước lý-luận ấy, dân-tình cũng phản-động. Họ mới vầy đoàn đi xứ khác. Họ đi dài theo vịnh Aden, đi qua biển Mer-Rouge và vô lãnh-thổ Ai-Cập. Vua Ai-Cập biết nguyên nhân của sự di-cư nầy mới bằng lòng giúp họ và cho họ sống trên lãnh thổ xa thủ-đô. Về sau vì nhà vua Ai-Cập khác lên ngôi mới buộc họ đóng thuế và phù-dịch; họ xem như mình bị uy-hiếp, bị xâm phạm quyền lợi, nên nhứt-định cùng nhau di-cư nữa. Và lần nầy họ đến xứ Palestine, chính họ là dân Do-Thái (Juifs) còn đến ngày nay.

Do nhân-quả mà người Do-Thái thuộc về giống dân luôn luôn chia rẽ với giống dân khác; và những linh-hồn người Do-Thái cứ đầu-thai lên xuống trong nhóm của mình. Họ thường không trụ một chỗ, và cho mình cao hơn tất cả. Về sau họ bị giam tại Babylone là nơi rất văn-minh. Họ nghe thuyết về Đấng-Thiêng-Liêng duy-nhứt và rán hợp-nhứt vị Thần-Minh của họ với Đấng ấy, nhưng không kết quả. Đức Giáo-chủ Gia-tô là Đức Jésus đầu-thai lấy xác thịt của người Do-Thái. Một số đông người còn ở lại tại bờ biển Somalis, thì bị người ruồng bắt để đem bán mọi, nên họ phải bỏ nhà cửa mà di-cư, sau khi đồng-bào của họ bị mất cả muôn người. Họ lại di-cư vào Arabie nữa. Họ được người Á-Rạp tiếp rước thân-tình.

Nhánh thứ hai của giống dân chánh thứ năm đã sanh ra trong nhiều thế-kỷ và tràn-lan gần khắp Phi-Châu, trừ một khoảng đất thuộc về Ai-Cập. Về sau họ chiếm và cai-trị một thời gian dưới danh-từ Vua Hyksos. Thần "Mars" lại đầu-thai làm vua Phi-Châu miền Nam. Người ta cất nhà và lầu đài đồ-sộ, cao lớn. Nền văn-minh của họ được tốt đẹp và xứng đáng. Những hố chia rẽ giữa những thổ-dân Phi-Châu với người Á-Rạp xâm chiếm đã quá sâu rộng, nên không thể lấp hẳn được. Về sau người Á-Rạp bị dân Phi-Châu đuổi ra khỏi xứ. Họ mới sang chiếm Madagascar. Khi đế-quốc Perse, Mésopotamie và Turkestan bị chia rẽ làm nhiều khóm hung-tợn, thì một vị vua Á-Rạp, sau 20 năm chiến đấu, thành công làm chủ tất cả xứ Perse. Triều-đình Perse lập lối 200 năm, luôn luôn bị nạn chiến-tranh. Một vị vua Á-Rạp ham-mộ sự giàu có của Ấn-Độ mới truyền một hạm đội sang chiếm. Nhưng hạm đội bị tiêu-diệt và những chiến-sĩ lớp thì bị giết, lớp thì bị cầm tù. Sau khi Đế-quốc Á-Rạp, Perse và Chaldée bị sụp đổ thì cả trăm năm ly-loạn làm khổ sở dân tình khôn xiết. Muốn cứu vãn tình-thế, Đức Bàn-Cổ mới nhứt-định giúp họ bằng cách đem đến giữa họ một giống dân phụ thứ ba đầu-thai, để lập lại thái-bình. Giống dân nầy sáng lập đế-quốc Persans lai Iraniens.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BA: Nhánh thứ ba của giống dân chánh thứ năm Aryen

Sau khi sanh nhánh thứ nhì và trước khi nhánh thứ ba ra đời, thì 10.000 năm đã trôi qua. Lúc bấy giờ là 30.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh Thành Bông (Ville du Pont) luôn luôn lộng-lẫy, dù lần lần kém vẻ huy-hoàng hơn trước.

Những người có trách nhiệm tạo ra nhánh thứ ba đều được huấn-luyện trong nhiều thế-kỷ, Đức Bàn-Cổ để họ ở riêng nơi một trong bốn cái trũng núi, cho tới chừng nào xác thân họ trở nên tốt đẹp đặc-biệt mới cho họ di-cư. Lúc ở Atlantide, trong khi lựa chọn giống người, Đức Bàn-Cổ có đưa đến một số người tốt của nhánh thứ sáu Atlantide, tức là người Akkadiens. Bấy giờ Ngài chọn những gia-quyến có máu Akkadien và đưa những linh-hồn hướng-đạo đến đầu-thai. Một hay hai gia-quyến có máu Akkadien được Ngài đưa qua Phương-Tây.

Nhân dân thuộc về nhánh non-nớt thứ ba của giống dân chánh Aryen đều là người mục-súc, chớ chẳng phải là kẻ nông-gia. Họ có nhiều bầy trừu, bò và ngựa.

Lúc ấy, Đức Bàn-Cổ, đổi sắc-diện rất nhiều. Qua đời thứ năm Ngài đầu-thai trong nhánh thứ ba và để dân sự tăng thêm trong vài ngàn năm, cho tới khi có một đạo binh với 30.000 chiến sĩ. Ngài mới sai Mars, Corona và những người tấn-hóa cao xuống đầu-thai cầm đầu đạo binh ấy; còn Ngài giữ quyền kiểm-soát tất cả. Trong khi đạo-binh đi chinh-phục, thì đàn bà và con nít đều ở lại trũng núi.

Đạo binh oai-dũng nầy, dùng chĩa, gươm, búa và ná. Họ phải trải qua nhiều dặm xuyên-sơn hiểm-trở. Trong lúc đi đường tại Kashgar Đức Bàn-Cổ đánh đuổi dễ-dàng đám du-mục, phục-kích. Nhiều làng xã đã bao năm bị áp chế, tàn-sát và cướp giựt, nay rất vui mừng đón tiếp những người hùng-dũng, đem lại sự hòa-bình cho họ.

Đức Bàn-Cổ chiếm xứ Perse trong vòng hai năm không khó-khăn gì. Ngài cũng chiếm luôn Mésopotamie, rồi mới lập đồn liên-tiếp và chia xứ ra giao các quan thủ-lãnh cai-trị. Nhiều đồn vững chắc được cất lên; ban đầu làm bằng đất, sau bằng đá. Những đồn nầy biến thành một tấm tường kiên-cố để ngăn-ngừa người sơn-giả xâm-lăng. Nhờ sự bảo-hộ của đội binh mạnh-mẽ, mà dân sự đặng an-cư lạc-nghiệp; chừng ấy Đức Bàn-Cổ mới gọi những người đàn bà con nít còn ở đọng lại trũng núi đến với Ngài. Ngài đặt để những gia-quyến của Ngài lên làm quan thủ-hiến. Thần Mars kế-vị Ngài, còn Thần Corona, thì làm vua độc-lập đối với xứ Perse.

Bây giờ nhánh thứ ba nẩy nở mau lẹ. Vài thế-kỷ sau, nó tràn qua miền Tây Á-Tế-Á. Từ biển Méditerranée tới Pamir; và từ vịnh Persique tới biển Aral.

Nhánh thứ ba có lối một triệu người khi lan qua Perse và Mésopotamie.

Đế-Quốc của Đức Bàn-Cổ kéo dài tới 28.000 năm. Xứ Perse và Mésopotamie phần nhiều đều do những vị thủ-lãnh khác nhau cai-trị. Có lúc hai xứ nầy chia ra từ lãnh-thổ nhỏ; mỗi lãnh-thổ có vị thủ-hiến riêng. Những xứ đó đều bị nạn xâm-lăng của những người man-di miền Sơn-cước. Dân sự tránh chiến-tranh với Ấn-Độ. Họ không sợ Arabie vì có đồng cát lớn cách xa hai xứ. Họ là người buôn bán, làm đồ xưởng. Họ an-tĩnh và rõ đạo lý hơn nhánh thứ hai Aryen. Người Parsis tấn-hóa bấy giờ là kiểu-mẫu dân-tộc của nhánh thứ ba Aryen. Người Parsis có máu giống của dân ấy nhiều, dù họ là người lai Á-Rập. Người Kourdes, Afghans và Baluchis phần đông là con cháu của nhánh thứ ba Aryen.

Lối 27.900 năm trước Chúa Giáng-Sinh, Đức Mahâgourou (tiền kiếp của Phật Thích-Ca) đầu-thai trong nhánh thứ ba Aryen dưới danh hiệu là Đức ZARATHOUSTRA (tức là Đức Giáo chủ của Hỏa-giáo). Con trai thứ nhì của Mars là vua thứ 10 của triều Corona được chọn làm trung-gian tinh-thần giữa nhơn-loại và Bồ-Tát Sourya (tiền kiếp Đức Di-Lạc Maitreya) lúc bấy giờ là một nhà sư có tiếng trong

nước. Uy-thế của Ngài vô-biên, một là do tài đức của Ngài hay là dòng máu hoàng-tộc của Ngài. Thần Mercure đầu-thai để dọn đường vinh-diệu cho Ngài.

Đức Mahâgourou từ thành Shamballa, đến bằng thể-thanh (mắt người không thấy được) mới nhập vào xác Mercure là thái-tử.

Trong một cuộc lễ huy-hoàng, người ta thấy, bên mặt, nhà vua dưới cây Long-Đỉnh bằng vàng, bên trái, nhà sư đại-đức Sourya, dưới cây Long-Đỉnh khác cẩn ngọc chói lòa. Chính giữa hai Ngài là Thái-tử Mercure ngồi trên kiệu bằng vàng. Đám người rước lễ ngừng trước đền thờ. Ba nhà chánh khách bước vào. Sourya bèn tuyên-bố rằng: "Vị ngồi giữa trên ngai chẳng phải là Hoàng-tử mà là tướng trời sai xuống, là con của Hỏa-Thần ở từ Phương Đông đến. Với danh hiệu vị mục-sư, tôi khiêm-nhượng vái chào."

Đức Mahâgourou [[2]] mới nói về sứ mạng của Ngài do các Đấng-Thiêng-Liêng Ánh-Sáng (tức là Thần Lửa) đã phó cho Ngài. Ngài có bổn phận đem thiên-cơ bộc-lộ để đánh thức tâm-phàm. Ngài mới giải ý-nghĩa của "Lửa" và cho rằng: Lửa dùng để tẩy trược, và để lọc cho trong, cho nên nó là tượng trưng bằng sự Cao-cả ẩn trong lòng người, cũng như trong vạn-vật. Lửa là Hơi Nóng, là Ánh-sáng, là Sức-Mạnh. Nhờ lửa mà vạn-vật mới sống và hoạt-động. Ngài khuyên tất cả mọi người nên thấy Lửa ẩn trong muôn loài. Đoạn Ngài, cầm cây phát-lịnh bên tay hữu đưa lên, Lửa trong cây pháp-lịnh xẹt ra sáng ngời. Ngài đưa cây pháp-lịnh qua bên phía Đông, đọc thần chú, thì liền đó trên trời hiện ra một đám lửa hồng và một ngôi sao sáng rỡ trên đầu Ngài. Tức thì nhà sư và dân chúng quì lạy. Sourya và nhà vua cũng quì gối, cúi đầu dưới chơn Ngài.

Cuộc nghinh lễ trở về đền vua. Hai bên lề đường, dân sự đua nhau hứng những chiếc hoa từ trên bàn thờ rải xuống như mưa. Họ đem bông về, cất kỹ-lưỡng, và xem như một gia-tài quý báu để lưu-truyền cho con cháu.

Đức Mahâgourou mỗi ngày đi đến đền thờ đặng dạy-dỗ các nhà sư, và các vị đệ-tử Tiên-Thánh. Ngài dạy dân sự phải chăm lo học-hành để mở tâm-trí. Ngài căn-dặn tất cả thảy nên theo Sourya, sau khi Ngài thăng-hà: bởi Sourya sẽ là Đấng Giáo chủ thế cho Ngài.

Sau khi Đức Mahâgourou từ giả cõi trần, thì dân sự đều tiếp-tục thờ Lửa và lập đạo Hỏa-Giáo tới ngày nay.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BỐN: Nhánh thứ tư của giống dân chánh Aryen: Người Sen-tờ (Celtes) 20.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh

Lúc bấy giờ, giống dân chánh ở miền trung châu Á-Tế-Á gần đến tàn tạ, nhưng Đức Bàn-Cổ rán duy-trì sự mạnh mẽ, sự cao thượng của nhánh thứ tư và thứ năm. Ngài mới gom vài gia quyến có giáo-dục nhứt của thành phố cho di-cư tại một trong bốn trũng núi (đã nói ở trước) riêng biệt với người đời. Nhơn đó mới có một giống người tốt đẹp sanh ra. Đức Bàn Cổ rèn-luyện cho họ những đức tánh mới mẻ mà họ chưa có như: mỹ-thuật, nghệ-thuật, âm-nhạc, văn-chương, thi-phú.

Những người chuyên về mỹ-thuật, thì không làm việc nông-gia, cày sàu cuốc bẩm nhọc-nhằn đặng. Những ai có thiên-tư về nghệ-thuật, thì được ở riêng đặng luyện-tập thêm. Đức Bàn-Cổ rán mở tánh hăng-hái của dân chúng, và tập họ hy-sinh cho vị lãnh-đạo của họ. Nhờ sự cố-gắng của Ngài mà những đức-tánh nầy trở thành đặc-tánh của người Celtes ngày nay.

Nơi trũng núi ấy, dân-sự phần đông chuyên về tất cả môn mỹ-thuật. Mỹ-thuật thấm-nhuần tâm trí họ nên họ rất thanh nhã và tốt đẹp. Họ lấy làm tự-đắc. Mười ngàn năm sau, sự di-cư của nhánh thứ ba, nghĩa là 20.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, nhánh thứ tư Aryen mới được lịnh trở lên biên-giới miền bắc xứ Ba-Tư (Perse) và chiếm núi Caucase, là nơi trú-ngụ của người man-di và lũ lu-la.

Đức Bàn-Cổ chẳng những được vua Ba-Tư cho phép đoàn di cư của Ngài đi ngang qua xứ, mà còn được giúp vật-thực và một quân-đội hùng mạnh để trừ người sơn-cước cường-khấu. Dù nhờ binh sĩ và lương-thực của nhà vua, Đức Bàn-Cổ cũng phải trải qua nỗi khó-khăn vì nhóm người sơn-cước và lu-la mặc dầu dễ mà đánh lui được với binh gia hùng tráng, nhưng khó mà chống lại với sự du-kích của họ, trong các đám giặc chòm. Nhưng rốt cuộc cường-khấu phải lui gót.

Đoàn di-cư lập nghiệp trước hết tại khu Erivan, trên mé hồ Sévanga, nhưng về sau, một ngày một đông, họ lan chiếm trọn cả xứ Géorgie và Mingrélie. Hai ngàn năm sau, họ chiếm Arménie, Koudistan, Phrygie rồi tất cả Asie-Mineure và Caucase. Bấy giờ đoàn di-cư trở nên một quốc-gia cường-thạnh.

Nước họ chia từ khu, khó mà lưu-thông với nhau, nên họ lập ra một liên-bang hơn là một quốc-gia. Về sau, dù họ khởi chiếm mé biển Méditerranée, họ xem Caucase là nơi chôn nhau cắt rún của họ.

Đến 10.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, họ khởi đi từng đoàn về miền tây. Rốt lại, họ lần đến Âu-Châu là xứ thiệt-thọ của họ sau nầy. Họ để lại sau họ nhiều đồng-bào đang tiếp-tục nghề canh-nông. Những người đồng-bào nầy phối hiệp với người Sémites sanh ra người Géorgien còn lưu giống đến ngày nay. Đoàn di-cư thứ nhứt từ giã Asie-Mineure sang qua Âu-Châu làm người Hy-Lạp thượng-cổ. Người Hy-Lạp đầu-tiên làm chúa đảo Chypre và Crête. Họ có thương-thuyền vĩ-đại đi khắp toàn-cầu. Nhơn đó đảo Crète ngày nay còn nổi tiếng văn-minh rực-rỡ. Sự văn-minh ấy kéo dài nhiều ngàn năm như vậy cho đến 2.800 năm trước Chúa Giáng-Sinh, thời oanh-liệt của họ cũng còn chưa phai-nhạt!

Nếu người Hy-Lạp (Grecs) thượng-cổ có sang lập-nghiệp tại Âu-Châu là do sự tấn công của vua Poséidonis.

Số là trong nhiều thế-kỷ, bờ biển và đảo Méditerranée thuộc về tay các tiểu-quốc. Hoàng-Đế Poséidonis muốn xâm-chiếm. Nhờ có nhiều chiến-thuyền và binh-sĩ đông, nên hoàng-đế Poséidonis chiếm đảo lớn Algérie, đánh phá bờ biển Espagne, Portugal, Italie và bắt dân-tình hàng phục, Ai-Cập ít binh-sĩ, nên cũng sắp sửa đầu hàng.

Những người lính thủy Hy-Lạp miền đông lại căm-tức trước khi hăm-dọa chung, dù chiến-thuyền họ nhỏ hơn và không được nhiều bằng chiến-thuyền Hy-Lạp, nhưng chạy nhanh không thua gì thuyền khổng-lồ của Hoàng-Đế Poséidonis. Nhờ sự can-đảm và nhờ thời tiết thuận-tiện, nên người Hy-Lạp phá đặng nửa tàu chiến của kẻ nghịch. Hoàng-Đế Poséidonis trốn thoát qua Sicile. Cái tin đồn thất-thủ của

Hoàng-Đế Poséidonis khiến cho các nước bại trận đứng lên phản-công, Hoàng-Đế Poséidonis phải vạch con đường máu, xuyên qua trọn Ý-Quốc (Ilalie) mới về thành đặng. Rồi từ đó, Ngài giả thường dân sang miền Nam Pháp-Quốc; sau cùng Ngài trở về xứ bằng chiếc thương-thuyền.

Hoàng-Đế Poséidonis vô cùng tức giận, thề quyết trả thù dân Hy-Lạp, nhưng không thành công.

Nhờ thắng Hoàng-Đế Poséidonis mà người Hy-Lạp được nổi tiếng; và địa-thế của họ nơi biển Méditerranée được muôn phần thắng lợi. Và không đầy 50 năm họ chiếm nhiều trung-điểm trên bờ biển ấy.

Lúc 9.546 năm trước Chúa Giáng-Sinh, có xảy ra trận địa chấn, Cù-Lao Poséidonis bị chìm xuống đáy biển, nhiều thành-phố Hy-Lạp cũng xụp đổ tan-tành; biển Gobi và biển Sahara lại trở thành đồng cát. Thế mới thật là tang thương biến đổi!

Tiếng kêu cứu lan thấu tới miền Caucase là nơi ít bị ảnh-hưởng của Địa-Chấn. Tức thì người Caucase tổ-chức cứu-tế một cách đắc-lực.

Khi biển Sahara nổi cát lên, thì cù-lao lớn Algérie lại dính với đất liền, làm thành ranh-giới miền bắc của Phi-Châu (Afrique). Hầu hết đường thủy đều không đi được. Người Hy-Lạp bị trận Địa-Chấn nầy chết hết; chỉ trừ vài nhóm nhỏ còn sót lại bị bắt làm tôi mọi. Dân Asie Mineure (Caucase) mới rán mở đường thủy đến cứu những người đồng chủng (hiện nay là người Hy-Lạp) đang bị cầm-cố dưới ách ngoại bang.

Người Hy-Lạp được giải-thoát hiệp với người Asie-Mineure làm thành một nhóm dân Hy-Lạp hùng-cường. Họ chiếm lại những địa-thế trọng-đại trên bờ-biển Méditerranée, và hầu hết sự buôn bán nơi mé biển thuộc về tay họ trong nhiều thế-kỷ. Người Hy-Lạp lần mò tràn qua miền đông đến Java và lập một thuộc-địa để được liên-lạc trong nhiều năm. Về sau người Phéniciens và Carthaginois chia với người Hy-Lạp mối lợi ở biển Méditerranée. Người Phéniciens thuộc về nhánh thứ tư và thứ năm Atlantide. Còn người Cartaginois vốn người Akkadiens có máu Á-Rạp và mọi.

Đoàn di-cư cứ tiếp-tục đi qua Âu-Châu không dứt. Người ta có thể nói rằng: "đoàn Hy-Lạp di-cư lần thứ nhứt, đoàn Albanis di-cư lần thứ nhì; đoàn Italie di-cư lần thứ ba. Về sau đoàn thứ tư di-cư là Celtes; họ choán một ít miền bắc Ý-Quốc (Italie) trọn cả xứ Pháp-Quốc, Thụy-Sĩ miền tây, Anh-Quốc và Đức-Quốc chi phía tây sông Rhin. Đoàn di-cư thứ năm miền bắc Phi-Châu.

Đoàn di-cư thứ sáu choán xứ Irelande. Đoàn nầy lai với nhánh thứ năm Aryen nên hình vóc rất đẹp. Sử chép rằng: họ rất lịch sự, nên được gọi là Tuatha-de-Danaan và cho là thần thánh lâm phàm, chớ chẳng phải là người thế-gian. Người Tuatha de Danaan mặt trái xoan, da trắng, mắt xanh, hay tím, tóc đen, có khi đỏ lợt, có người mắt xám mà ngày nay là ta còn thấy ở người Irelande. Người Tuatha-de-Danaan nổi tiếng là người khôn ngoan và đạo-đức hơn người bổn-xứ nhiều. Thời kỳ của họ đô-hộ là thời-kỳ vàng: Xứ Irelande bấy giờ văn minh hơn cả xứ Âu-Châu, trong khi Anh-Quốc bị những rừng hoang-vu bao phủ. Nhưng về sau người Tuatha-de-Danaan bị người Milésiens ở Espagne đến đánh và đô-hộ; dù những người sau nầy ít tấn-hóa hơn nhưng lực lưỡng hơn và tà-thuật hơn. Người Milésiens hình dáng xấu xa: đầu tròn như viên đạn, bộ-tịch cộc-cằn, thô-lỗ, tóc đỏ hoe. Hiện nay người ta còn thấy dòng dõi họ sanh sản trong gia đình người Irelande ở rẫy bái.

Người Anh-Quốc kịch cợm và thực-tế hơn người Irelande. Mấy người nầy giàu tình-cảm có nhiều trí tưởng-tượng và có vẻ thi-thơ, nho-nhã. Người nhà-quê Anh-Quốc bực-trung sống hoàn-toàn theo vật-chất, Người nhà quê Irelande bực-trung, miền Nam và miền Tây, thì sống mơ-mộng. Họ mơ tưởng những chuyện trên cõi Thiên-Đàng có Tiên-Đồng và Ngọc-Nữ v.v…

Nhánh thứ tư Aryen thường thường tóc đen, mắt đen, đầu tròn, nhỏ thó. Họ có trí tưởng-tượng dồi-dào, ngôn-ngữ lưu-loát, ưa làm thi-phú và chơi âm-nhạc. Họ có tánh cam-đảm cực-kỳ, nhưng hay ngã-lòng rũn chí. Họ thiếu thực-tế.

Sau địa-chấn, 9564 năm trước Chúa Giáng-Sinh, vài người Hy-Lạp cổ-thời đến lập-nghiệp tại Hellade. Thành phố Athènes thứ nhứt cất 8.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh. Về sau người ta cất Athènes cũng tại chỗ đó 1.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh và cất Panthénon 480 năm trước Chúa Giáng-Sinh. Chính tại Panthénon mà đức Mahâgourou đầu thai lấy xác Orphée sáng lập khoa huyền-bí tuyệt-diệu. Trước Chúa Giáng-Sinh 7.000 năm, với tư cách một danh ca, Ngài gom đệ-tử trong rừng, thích sống với vạn-vật thiên-nhiên, xa lánh bụi trần phàm-tục.

Ngài dạy người bằng giọng ca và tiếng đờn của cây đờn năm dây, có lẽ đờn ấy là tổ-mẫu của cây đờn thất huyền. Nhờ nhạc điệu của cây đờn mà Ngài sửa đổi vía, trí của người đệ tử và làm cho họ trở nên thanh khiết. Sự rung động huyền-bí của âm-thinh làm cho Ngài có thể hấp dẫn cái vía lìa khỏi xác, để thả nó cảm-thông với những cõi cao. Ông Orphée dùng nhạc-điệu làm mấy trung-tâm điểm của các luân-xa cái phách trở nên linh-hoạt. Ngài trải ra trước mắt đồ-đệ những quang-cảnh linh-động do âm-thinh tạo thành. Ngài cho rằng: "Vạn vật đều có âm-điệu. Nếu con người là nguồn Điều-Hòa thiêng-liêng thì nó sẽ biểu lộ ngay qua con người rồi tràn-lan tứ phía và tạo ra nền hạnh-phúc cho muôn loài vạn-vật".

Xung quanh Orphée người ta dệt ra biết bao nhiêu chuyện thần-thoại hoang-đàng cũng có, mà hữu-lý cũng có. Chuyện thần-thoại có nói rằng: Ngày xưa, vào thời Thượng-Cổ có một nhạc-sĩ siêu-việt tên là Orphée. Chàng là con của Thần Apollon và Clio. Lần nọ vào rừng, thú dữ bao quanh, chàng đã dùng tiếng đàn du-dương thanh-nhã, xoa dịu thú tánh và hàng-phục được bọn chúng. Một lần khác, chàng xuống tuyền-đài, dùng tiếng hát siêu-linh cám-dỗ được quỉ sứ và cứu vợ ra khỏi tay Tử-thần. Giọng đàn, tiếng hát của Orphée là tượng trương cho đài minh-triết thiêng-liêng, cho làn sóng nhả từ một tấm lòng nghệ-sĩ mênh-mang tỏa ra khắp bốn phương, để cảm-hóa chúng-sanh. Và đó là tiếng đàn linh-diệu, vì nó phản-ảnh một Chơn-lý muôn đời, và Chơn-lý của muôn loài trong vũ-trụ: "lấy ác đối ác, thì sẽ không bao giờ thành-công; lấy từ-bi đối ác thì mới mong thành-đạt được".

Cây đàn linh-diệu của Orphée

Rừng u-tịch, cây rừng cao vòi-vọi,
Lá cành xao, nặng trĩu một mùi tanh…
Thú rừng đang khát máu chạy loanh-quanh
Chực vồ xé, mồi tan thành mảnh nhỏ.

Đây thần-hổ lượn mình qua sắc đỏ
Gầm vang lên chuyển-động gió tưng-bừng,
Gầm vang lên khủng-khiếp cả khu rừng
Trong sát-khí, máu hồng lai láng chảy

Kìa sư-tử vung nanh lồng lộng nhảy….
Mỗi bước chân giết hại một đàn hươu!
Mỗi bước chân gieo rắc vạn căm thù!
Lấy thịt sống, máu tươi làm bản-thú [3]

Rừng xào-xạc, đàn voi về cả lũ
Cùng gấm beo, heo gấu nặc mùi hôi…
Chúng lùa qua, lượn lại bắt hơi mồi…
Gầm hét lớn, bẻ cành xao-động lá…

Cảnh hỗn-độn muôn tràng rơi rộn rã…
Rừng âm-u thành tử-địa vô-hình!
Rừng hoang-vu chưa lọt điệu đàn linh
Nên ác-thú vô-tình xâu-xé mãi!

Rồi một sớm, Ô-phe dừng bước lại…
Tưởng rằng đây suối mộng chốn Đào-Nguyên,
Tưởng rằng đây cung-điện của muôn tiên,
Đang mơ đẹp, thú rừng san-sát dội!

Chàng bình-tĩnh, không vội-vàng bối-rối,
Không dùng gươm, dùng súng diệt phe thù,
Chỉ dùng đàn linh-diệu tận thiên-thu,
Đàn minh-triết, khoan-dung và bác-ái.

Thú gầm dữ, chàng không buồn sợ-hãi,
Thong-thả đưa ngón ngọc vuốt đàn linh,
Nhìn trời mây, vui hát với bình-minh,
Nghêu-ngao dạo tiếng đàn trong gió sớm.

Đàn theo gió lan vào vòng ghê-tởm!
Xé tan dần hắc-khí chốn rừng u…
Dịu nguôi dần sát-khí của phe thù,
Và ngân nhẹ trong tàn hương tuyệt-diệu.

Đây là tiếng của cây đàn muôn điệu…
Có âm-thanh cao-vút diệu-huyền say…
Có dư-hương ngào-ngạt suốt đêm ngày,
Dâng đến tận ngàn muôn vạn thuở.

Bỗng những tiếng hét gầm tan-tác vỡ,
Loài thú cầm lũ-lượt đến bên chàng…
Loài thú cầm im-lặng lắng nghe đàn…
Phục quỳ xuống, ngất say mùi hương lạ.

Đàn đồng-vọng xa-xăm xuyên khóm lá…
Chàng Ô-phê lửng-thửng nhẹ lâng-lâng…
Muôn thú rừng chen-chúc bước theo chân,
Tìm ánh sáng trên đồi, xa hắc-ám.

Giờ đã hết cảnh tranh hung thê-thảm!
Không còn nghe tiếng rú, tiếng đau thương
Không còn đâu mắt đỏ đứng bên đường
Lườm khách lạ chực xông vào xé xác!

Loài hổ báo chưa hẳn là độc-ác…
Chỉ vì chưa nghe được giọng siêu-linh…
Chỉ vì chưa nghe được tiếng vô-thinh,
Và thưởng được huyền-âm đàn linh-diệu.

Nên mới phải sống cuộc đời nặng trĩu,
Mãi quay-cuồng trong lớp sóng đau thương!

Mãi tương-tàn, tương sát bến thê-lương!
Nay mới được đàn Ô-Phê cải-hoán.

Đàn nương gió bốn phương tìm vạn bạn…
Vuốt-ve êm như gió thoảng cung tiên
Gật-gù say, dã-thú bước hồn-nhiên…
Theo song nhã của cung đàn linh-diệu.
FONG-HẢI

Đức Mahâgourou đầu-thai trong nhiều nhánh dân, khi thì lấy xác thân Vyâsa, Hermès, khi lấy xác thân Zarathoustral và Orphée. Ngài dạy về Ánh sáng, Lửa và Âm-Thinh. Tất cả đều tượng-trưng cho sự sống Duy Nhứt, cho tình Bác-Ái tuyệt đối. Từ Hy-Lạp, các đệ-tử Ngài đi qua Ai-Cập, và làm bạn với những nhà sư Ánh Sáng. Có vài người lại còn đến Java lập nghiệp nữa. Gần 7.000 năm sau, Đức Mahâgourou đầu-thai tại Ấn-Độ lần chót, trong dòng vua chúa, lấy xác thân của Thái-Tử Sĩ-Đạt-Ta, tu đắc quả Phật (tức là Phật Thích-Ca).

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI LĂM: Người Teutons 20.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh

Trở lại 20.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh, ta thấy rằng: nhánh thứ năm sanh ra đồng thời với nhánh thứ tư, nhưng cách khác hơn. Đức Bàn-Cổ chọn một ít người tốt đẹp, da trắng, vóc cao, cho ở riêng biệt nơi trũng núi, xa với Thành Bông "Ville du Pont". Ngài bèn đầu-thai làm con cháu mấy người ấy. Nhưng mỗi lần Ngài đầu-thai, thì Ngài đổi hình dạng tốt đẹp hơn, cho tới chừng nào giống với hình kiểu-mẫu của Ngài phóng ra mới thôi.

Cho nên người thuộc về giống dân nhánh thứ năm Aryen, thì rất mạnh mẽ, rất bền dẻo, và lớn hơn người nhánh thứ tư. Vóc cao, da trắng, đầu hơi dài, tóc vàng, mắt xanh. Nhánh thứ năm Aryen rất khác với người Celtes (thuộc về nhánh thứ tư). Người Teutons cứng đầu, nhẫn-nại, thực-tế hơn là mơ-mộng.

Nhánh thứ tư và thứ năm Aryen từ giã trũng núi một lượt lúc 20.000 năm trước Chúa Giáng-Sinh. Họ đồng đi qua xứ Ba-Tư (Perse).

Nhánh thứ năm, ít hơn, đi dài theo mé biển Caspienne, rồi lập nghiệp tại Daghestân, trong mấy ngàn năm. Họ sanh sản thêm rồi tràn qua triền bắc núi Caucase chiếm khu Terek và Pouban. Nhánh nầy một ngày một mạnh, nên 1.000 năm sau Địa-Chấn 9.564 trước Chúa Giáng-Sinh họ xâm chiếm thế-giới. Nơi miền trung Âu-châu bấy giờ có nhiều đầm-đìa ở không đặng nữa. Người ta mới di-cư lên tây bắc đến Cracovie tại xứ Bồ Đào-Nha (Pologne). Họ ở đó nhiều thế-kỷ, chính tại Cracovie (Pologne) mà nhánh thứ năm mới chia nhiều tốp di-cư. Tốp Slavons đi qua Nga. Tốp Croates, Serbes và Bosniaques đi xuống phía nam. Tốp Lettons đi không xa. Tốp Germains đi qua Đức-Quốc: người miền Nam gọi là Goths và Scandinaves.

Lịch-sử hiện-đại chỉ cho ta thấy người Scandinaves đi xuống Normandie, còn người Goths lại sang miền Nam Âu-Châu. Nhánh thứ năm Aryen cũng tràn lan qua Úc Châu, Bắc Mỹ-Châu. Nam Phi-Châu và Ấn-Độ là gốc của giống dân chánh thứ năm Aryen.

Chữ "Bí Mật" của giống dân chánh thứ năm Aryen là "OM" và chữ "Bí Mật" của giống chánh thứ tư Atlantide là "Tau". Người ta cho biết rằng: mỗi giống dân chánh đều có một chữ bí-mật riêng, nhưng nếu hiệp lại thì thành lời "Sấm-Thiêng-Liêng". Mỗi giống dân chánh phải tập mở một đức-tánh đặc-biệt. Đức tánh đặc-biệt của giống dân chánh thứ năm Aryen là "Manas" nghĩa là "Trí-tuệ" mà người Ấn-Độ gọi là "Chit ".

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI SÁU: Nhánh thứ sáu Aryen

Nhánh thứ sáu của giống dân chánh thứ năm Aryen đã khởi sanh tại Úc-châu và Californie (ở Mỹ-Châu) nhưng chỉ một thiểu số thôi. Nhiều vị nhơn-viên Hội-Thông-Học đầu thai trong nhánh thứ sáu nầy, mặc dầu có những vị bằng lòng ở trong nhánh thứ năm, để giúp đồng-loại tiến-hóa.

Tự nhiên, một nhánh dân-phụ, mới sanh ra, cần phải sửa đổi hình-thể cho thanh đẹp hơn. Đức Bàn-Cổ rán sức sửa đổi xác thịt trẻ em. Có nhiều vị đệ-tử Tiên lâm-phàm, đầu thai trong gia đình đạo-đức để lo về đức-dục và trí-dục của họ cho hạp cơ tiến-hóa. Cái trách-nhiệm của các Ngài thật là lớn lao! Các Ngài rán làm sao cho các giống dân của các Ngài thực-hiện đặng tình Huynh-đệ Đại-đồng và lòng Bác-Ái để đi đến "Trực-Giác". Sự làm việc nầy tiến-triển rất chậm-chạp, nhưng trong vài thế-kỷ tới, nhánh thứ sáu sẽ tỏ rạng, đáng làm Đàn-Anh của Nhơn-loại. Hình vóc họ càng ngày, càng đẹp-đẽ, điều-hòa, dù nam-nhi hay phụ-nữ. Tóc họ đen hay vàng, mắt xanh hay đen, tay chơn tuyệt đẹp, mũi cao đều-đặn, nét mặt thanh-kỳ, da trắng hồng-hào. Trẻ con của nhánh thứ sáu Aryen có dồi-dào thiện-cảm, và lòng từ-bi trước sự hoạn-nạn của kẻ khác. Chúng sẵn-sàng giúp đỡ và hy-sinh. Chúng ưa sự thật và hiểu một cách mau lẹ không sai chơn-lý. Chúng rất công-bình, chánh-trực. Nhánh thứ sáu Aryen tỏ dấu ghê-tởm trước đồ ăn bằng thịt máu.

Đặc-tính của giống dân nhánh thứ sáu là sẵn-sàng hiệp-nhứt với người trong vòng huynh-đệ. Mà muốn thực-hiện tình huynh-đệ, thì phải có hai đức-tánh cần-kíp là; lòng nhơn-ái và tình hy-sinh. Nhánh thứ sáu Aryen đang đổi hạ-trí ra thượng-trí: bởi vì chỗ nào có hạ-trí, thì chỗ ấy chia rẽ; còn thượng-trí luôn-luôn hướng về hiệp-nhứt. Tất cả cái gì hẹp-hòi, nhỏ mọn, hay quá lố, tất cả cái gì chia rẽ người nầy với người kia, đều là sái với đặc-tính của nhánh thứ sáu.

Giống dân nầy có bộ óc rất mảnh-mai, nên dễ cảm-xúc, dễ bị đụng-chạm do hoàn-cảnh bên ngoài. Một đứa trẻ sẽ đau-đớn nhiều, nếu xung quanh nó có những lằn rung-động xấu-xa. Cho nên người giống dân mới, cần phải có một hoàn-cảnh an-lành, thanh-nhã và vui tươi. Những cuộc đấu-tranh, những đẳng-cấp xã-hội, những sự cạnh-tranh thương-mãi, đều hại cho sự phát-triển của bộ óc thanh-bai của giống dân mới tiến-hóa. Vậy người cha mẹ nào hiểu Đạo, nên đào-tạo hoàn-cảnh điều-hòa, an-ninh cho sự phát-triển tinh-thần của con cái mình.

Ngành hoạt-động của người nhánh thứ sáu là quay về sự HIỆP-NHỨT, để đem lại sự hòa-khí cho một số đông người, chớ chẳng phải để cai-trị và cưỡng-chế, bắt kẻ khác phải tuân-lịnh mình. Những nhà lãnh-tụ của họ dắt-dẫn quần chúng, chẳng phải bằng ý-chí, mà bằng tình thương, tính thiện-cảm và lý hiểu-biết. Tình thương là biểu-hiệu sức mạnh. Nó chỉ hòa với người, và làm việc chung với người, chớ không phải để chống lại. Nhánh thứ sáu có tính tổng-quát, và có biệt-tài gom tất cả cái gì dị-đẳng, để hòa-hiệp lại một đơn-vị bất khả chia ly.

Sự nóng nảy của người nhánh thứ năm sẽ trở thành tính yêu-đương, và lòng bảo-bọc của người nhánh thứ sáu. Sự thương xót ngoài đầu môi chót lưỡi không đem lại điều tốt đẹp, mà nó là tấm màn giả-dối; nó chẳng phải là sự thương-xót thật-sự, vì sự thương xót thật-sự xui con người giúp-đỡ và hy-sinh một cách sáng-suốt và hiểu-biết.

Nhánh thứ sáu Aryen còn có vài phép linh nhờ hạch giữa hai mắt của họ nở lớn, khiến cho họ tri-thức đặng tánh cái vía của người khác. Tóm lại, họ sẽ đi đến trực-giác và sự Minh-triết một cách dễ dàng. Chúng ta nói ở trước rằng: nhiều người Hội-viên Thông-Thiên-Học thuộc về nhánh thứ sáu Aryen, bởi vì hội Thông-Thiên-Học phù-hạp với sự tiến-hóa của họ. Mục-đích Thông-Thiên-Học chẳng phải lo mở hạ-trí con người, mà nó lo mở thượng-trí để đi đến Bác-Ái. Nếu có tình thương thực-sự thì mới đi đến Huynh đệ Đại-Đồng đặng.

Hiện nay nhơn-loại đã tiến đến nhánh thứ sáu Aryen là tột-bực, nhánh thứ bảy Aryen chưa ra đời.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BẢY: Nói về giống dân chánh thứ sáu và thứ bảy ở tương-lai (Lời tiên-tri của Ông C.W. Leadbeater - nhà có nhãn-quang)

Theo bản-đồ khái-quát, đã vẽ ở trước, hễ nhánh thứ sáu của giống chánh thứ năm ra đời, thì Đức Bàn-Cổ khởi sanh ra giống dân chánh thứ sáu.

Giống dân chánh thứ sáu nầy sẽ chiếm một Châu riêng biệt, sẽ ở từ Thái-Bình-Dương nổi lần lên. Trong nhiều ngàn năm sau nầy, Bắc Mỹ-Quốc sẽ chia ra từ khoảnh. Miếng đất miền Tây (Californie) (mà giống dân thứ sáu sẽ cư ngụ) ở ném về miền đông của Châu mới nổi lên. Đó là tương-lai.

Trong khi giống dân thứ sáu đang sanh, thì giống dân chánh thứ năm sẽ tiến-hóa tuyệt-đích; nhơn-loại sẽ biết đặng thời-kỳ vinh-quang và tất cả thế-giới đều lưu-tâm đến giống dân ấy. Thần "Mars", mà ta nói ở trước, hiện nay là Đức Đế-Quân Morya sẽ trở nên Đức Bàn-Cổ của giống dân chánh thứ sáu, và Thần "Mercure" hiện nay là Đức Đế-Quân Kout-Houmi, và Ngài sẽ là Đấng Bồ-Tát sau nầy.

Hội Thông-Thiên-Học, ngoài ra tôn chỉ chánh-đại của nó là sưu-tầm những chơn-lý của khoa Pháp-Môn huyền-bí, sẽ có nhiệm-vụ gom vào lòng nó những người thiện-tâm, thiện-chí (có ít nhiều đặc-tánh cần-kíp) để giúp đỡ Đức Bàn-Cổ Morya sau nầy lập ra giống dân-chánh thứ sáu. Vậy ai là người Thông-Thiên-Học ngay bây giờ phải cần đào-luyện mình, một cách kỹ-lưỡng và nghiêm-khắc. Muốn vậy, trước nhứt phải biết hy-sinh và tin-cậy nơi sự Minh-Triết của các nhà lãnh-tụ.

Những học-giả khoa Pháp-Môn cho rằng: người ta có thể dùng nhãn-quang biết đặng tương-lai một cách rõ-rệt và có khi với nhiều chi tiết. Ông Giám-Mục C.W. Leadbeater có nhãn-quang quả quyết rằng: "Với nhãn-quang, ông có thể thấy rõ cách sanh sản đại-khái của giống dân chánh thứ sáu sau nầy. Trong quyển "L'homme d'où il vient, où il va" (Con người ở đâu đến và đi đâu?) ông có miêu-tả một cách lý-thú và đầy đủ. Chúng ta xin toát-yếu lại sau đây: [[4]]

Giống dân chánh thứ sáu sẽ tràn lan tại Californie trong 700 năm nữa. Nước ấy trở nên to lớn hơn và tốt đẹp hơn. Đức Bàn-Cổ và những vị đệ-tử Ngài sẽ đầu-thai làm người lãnh-tụ. Các Ngài sẽ cất nhà cửa lầu đài, lộng-lẫy và mỹ-lệ hơn bây giờ. Chính giữa thành sẽ có một đền thờ, xung quanh có lối 400 biệt-thự rộng-rãi để làm nơi nhóm họp, làm thơ-viện và bảo-tàng viện. Người ta sẽ để nhiều máy móc phức-tạp và tập làm những vật nhu-cầu, chớ không cần phải mua ở ngoại-quốc. Những đoàn người tân-hóa nầy sẽ liên-lạc với hoàn-cầu và tìm biết những sự phát-minh mới-mẻ của thế-giới.

Đức Bàn-Cổ sẽ tự mình xuống đầu-thai trong giống dân ấy đặng sửa chữa cho thêm tốt đẹp về vật-chất, lẫn tinh-thần, y theo hình kiểu-mẫu của Ngài đã vẽ sẵn trong trí. Lối 500 năm về sau, giống dân chánh thứ sáu sẽ được 100.000 người mà hầu hết đều là con cháu chánh-thức của Đức Bàn-Cổ. Đức Bàn-Cổ sẽ có 12 người con, mỗi người sanh vào một trong 12 cung Hoàng-Đạo. Con đông là luật chung của giống dân ấy và không có trẻ em nào chết cả.

Khu nộp thuế cho chánh-phủ, rồi chánh-phủ để 'khu' tự quyền hoạt-động. Dân sự ngoài đời thấy thái-độ của nhóm dân kiểu-mẫu ấy rất kính-trọng: vì họ cho là tốt đẹp, mặc dầu có vài phần-tử lánh trần kỳ-dị. Người trong "khu" được phép viếng thăm bạn ngoài xã-hội, nhưng không được phép cưới hỏi người ngoài "khu", cốt yếu để chọn giống nòi.

Những người trong "khu" là một giống người được tuyển chọn hết sức kỹ. Họ hiểu thật rõ những ý-niệm của nhà lãnh-tụ của họ là Đức Bàn-Cổ, nên hy-sinh phụng-sự Ngài trong việc tạo một giống dân mới. Họ tin-cậy Đức Bàn-Cổ hoàn-toàn và sẵn-sàng bỏ những gì thuộc về cá-nhơn để làm theo ý Ngài.

Quyền lực của Ngài tuyệt-đối. Dưới tay Ngài có 12 đệ-tử cao-cấp, mà một vài vị đắc-quả Chơn-Tiên. Tất cả các Ngài đều lo cho giống dân mới được tốt đẹp.

Không có lính cảnh sát, tòa án, ngục-tù vì không có một ai phạm tội sát nhơn, hay cướp bóc, hoặc hung dữ. Chỉ có một cách trừng phạt, nếu ai có phạm lỗi, là trục xuất họ ra khỏi "khu". Nhưng không một ai phải lâm vào cảnh đó. Mỗi người đều mở đặng ít nhiều thần-thông, nên nhận-định đặng vai tuồng trọng-hệ của mình trong bàn cờ Tạo-Hóa, dưới sự chỉ-huy sáng suốt của các nhà lãnh-tụ thiêng-liêng.

Người ta sẽ dùng Thông-Thiên-Học làm vấn-đề luận-bàn đạo-lý. Có nhiều điểm Thông-Thiên-Học mà ngày nay ta không hiểu, sẽ hóa ra dễ-dàng cho giống dân chánh thứ sáu như: bên kia cửa tử, và những cõi hư-không, đều là sự thực-nghiệm của hầu hết mỗi người. Một vài người lo học triết-lý cao siêu hay là khoa siêu-hình-học; nhưng phần đông tỏ lòng mộ đạo trong các đền thờ (sẽ tả về sau). Họ rất thực-tế; đối với họ thì tôn-giáo và khoa-học đều thích-hợp với nhau, chớ không đối-chọi lẫn nhau; cả hai đồng đi đến mục-đích chung là: **Phụng-Sự**. Nhiều người, mỗi buổi sáng, đều làm lễ "Mặt Trời" họ cho mặt trời là tượng-trưng Đức Chí-Tôn, chớ chẳng phải vì họ sợ.

Nhiều vị Thiên-Thần ở xung quanh họ, và ưa cộng-tác với họ. Nhờ điễn-lực và lời cảm-dụ của Thiên-Thần, mà họ tấn-hóa mau lẹ. Đức Đế-Quân Kout-Houmi sẽ lãnh nhiệm-vụ làm nhà sư kiểm-soát về Tôn-Giáo và Giáo-dục. Có 4 đền thờ chánh thuộc về Tứ-Đạo là: Bác-Ái, Hy-Sinh, Thiện-Cảm và Trí-Tuệ, với mục đích là mở nơi người cái đức đồng-tính dễ cảm-thông đến Thượng-Đế. Mỗi đền thờ đều có trách-nhiệm đặc-biệt. Tỷ như đền thờ Bác Ái, thì tất cả nghi lễ đều có mục-đích mở tình Bác Ái của tín đồ: người ta dùng những vật-dụng có màu Bác Ái là màu hồng sậm (Cramoisi). Sự rung-động của màu khiêu gợi một cách vô-hình tình thương vô-tư của những người xung quanh.

Đền thờ Bác Ái cất kiểu vòng nguyệt, có một phần nóc không lợp ngói. Những tín đồ ngồi dưới đất nhắm mắt lại, tưởng trong trí những màu sắc thuộc về Bái Ái. Mỗi người tưởng theo thứ tự những màu đã định trước. Điều nầy thế cho sự đọc kinh cầu-nguyện buổi sáng, hầu cho tâm-trí yên-tịnh điều-hòa với hoàn-cảnh bác-ái. Trong lúc ấy, luôn luôn có Thiên-Thần hiện ra chói ngời, mặc y-phục màu đỏ sậm, đứng chính giữa thánh-điện. Thiên-Thần hóa ra một dải màu chói trên đầu mình để tượng-trưng tư-tưởng Bác-Ái.

Mỗi tín-đồ nhớ kỹ dải màu tốt đẹp ấy, và rán dùng tư-tưởng tạo ra trước mặt mình một dải màu khác nhỏ hơn, nhưng giống hệt; Thiên-Thần mới đem thần-lực mình mà tăng-cường đức-tánh của tín-đồ. Một khi vị Thiên-Thần hữu-trách hiện ra, và đem thần-lực mình ban rải cho toàn-thể, thì tự nhiên các Thiên-Thần khác ở cõi cao cũng hiệp lại phóng một luồng từ-điễn, từ cõi Thượng-thiên xuống phàm-trần, hóa thành một vầng hào-quang bao trọn đền thờ và nhơn-vật, khiến cho ai nấy đều có Tình-thương vô-tư dồi-dào. Vị Thiên-Thần hữu-trách bèn gom tất cả làn sóng yêu-thương trong sạch ấy làm thành một luồng Bác-Ái vô cùng vĩ-đại, hòa-nhịp với Trạng-Thái Bác-Ái của ngôi Thái-Cực. Tức thì ngôi Thái-Cực hạ thần-lực xuống cho những vị cầm-đầu để tung rải ra khắp nơi, khắp chốn. Đó là cách hành lễ hằng ngày trong đền thờ của giống dân-chánh thứ sáu. Cái ảnh-hưởng quý báu và thiêng-liêng chẳng những cảm đặng mấy vị tín-đồ mà còn lan ra vùng lân-cận. Trong lúc làm lễ người ta đốt trầm, hương bảy thứ khác nhau, mục-đích để kích-thích cái-phách của tín-đồ.

Trong đền thờ màu xanh dợt thuộc về sự hy-sinh người ta dùng âm-thinh để cảm-hóa chớ không dùng màu sắc. Mỗi tín-đồ đem theo cây đờn của mình đã được nhà sư ban điễn lành. Cây đờn ấy giống như cây phong-cầm tròn, dây làm bằng chỉ bạc hay bằng thứ kim-khí chói. Người ta đờn để rút thần-lực cõi trên. Hoàn-cảnh đều thấm-nhuần từ-điễn của thần Âm-nhạc. Mỗi mọi tiếng đờn trỗi lên là một tâm-linh rung-động hòa-nhịp với Mỹ-Lệ và Điều-Hòa của Trời Đất. Nghi-lễ của đền thờ xanh dợt là làm cho kích-thích cái-vía và thể bồ-đề của tín-đồ.

Đền thờ vàng thuộc về trí-tuệ. Những nghi-lễ cốt nhất là tạo ra hình Tư-Tưởng để sửa đổi hạ-trí và kích-thích chân thân (corps causal). Thượng-trí của tín-đồ được kích-thích cực-độ, khiến cho họ mở trực-giác mau lẹ. Có nhiều người trong lúc hành lễ, hồn xuất ra khỏi xác, có người lại bước liền qua đại-định. Trong đền thờ ấy người ta cốt nhất là lo mở ý-chí của tín-đồ; vì ý-chí có mãnh-lực to-tát đối với óc của xác thịt.

Đền thờ xanh lá cây thuộc về tình thiện-cảm. Tín đồ thực hành phép Karma-Yoga (nghĩa là đi đường thiêng-liêng bằng sự làm vô-tư). Còn đền thờ xanh dợt và đỏ sậm chỉ con đường Bhakti-Yoga (là con đường đi đến Trời bằng sự tôn-thờ, kính-tin). Đền thờ vàng chỉ con đường Jnana-Yoga (là con đường mở trí-tuệ).

Những tín-đồ trong đền thờ xanh sậm (lá cây) hành-lễ có tư-cách liên-quan với thực-tế. Người trên đường đó có ý-niệm giúp-đỡ kẻ trần bằng nhiều cách khác nhau. Lại nữa tín-đồ đền thờ nầy có thể viếng đền thờ kia, không chút gì ganh tỵ. Một vài người không đến đền thờ nào cả; nhưng không vì lẽ đó mà họ bị cho là không đạo-đức hay thấp-kém. Mỗi người đều hoàn-toàn tự-do hành-động.

Ta biết rằng Đức Đế-Quân Kout-Houmi [[5]] lo một lượt về tôn-giáo và giáo-dục. Ngài đi viếng các đền thờ và thường thay thế cho vị Thiên-Thần hữu-trách.

Trong "khu" người ta cho vấn-đề giáo-dục là trọng-hệ nhất. Muốn đạt mục-đích, người ta dùng tất cả vật phụ thuộc: như màu sắc, ánh sáng, mùi hương, âm-thinh, hình thể và điện-khí. Thiên-Thần hữu-trách về giáo-dục dùng những đội binh tinh-linh (esprits de la nature) tấn-hóa trong vũ-trụ. Những giáo-sư nam, nữ đều có nhãn-quang. Những vị Thiên-Thần thường hiện hình đặng dạy học.

Người trong "khu" thác rồi, thì đầu-thai lại liền. Nhiều người nhớ lại kiếp xưa, chi nên trẻ em tuổi còn thơ mà đã nhận-định đặng tôn-chỉ và trách-nhiệm của "khu". Người ta thường dùng bửu-bối đặng giúp trẻ nhớ lại dĩ-vãng.

Trong đền-thờ người ta có dành riêng một cuộc hành-lễ cho trẻ con. Trong lúc ấy, chúng nó ca hát, đờn và múa. Chúng nó có khi cũng đóng trò làm dãy hành-tinh cử-động xung quanh mặt trời. Chúng nó thích chơi như vậy lắm và cũng không quên rằng: mình đang hành-lễ theo tôn-giáo. Trẻ con còn tập một điệu múa lạ lùng, khiến khi dòm vào, người sẽ thấy sự sống của Bầu Nhựt-Tinh truyền sang qua dãy Địa-Cầu. Người ta dạy trẻ con về Đạo-lý bằng những cuộc chơi tôn-giáo. Trẻ con ăn mặc đồ dịu và chói, để múa hát những điệu nghê-thường tuyệt-diệu và rất khó tập. Đức Bàn-Cổ làm thế nào mà giáo-dục và tôn-giáo hòa-hợp, khắn-chặt với nhau. Người thuộc về giống dân chánh thứ sáu sẽ không bịnh-hoạn. Hầu hết đều chết già. Nhiều người sống trên trăm tuổi và trước 80 chưa thấy vẻ già nua. Thường thường người ta chết là tự ý muốn bỏ xác, khi thấy xác mình hết hữu-ích nữa, chớ không phải tự-nhiên mà chết như người bây giờ. Khi một người trong "khu" thấy xác mình già yếu và vô-dụng, mới đi tìm một người cha và một người mẹ tương lai (thuộc về kiếp tới). Nếu hai người nầy ưng-thuận, thì kẻ sắp chết giao cho họ một cái bửu-bối thấm-nhuần từ-điển của y, thường là một món nữ-trang, và quần áo mà y muốn có lại trong kiếp sau. Đoạn y dọn mình bước qua âm-cảnh. Y nhắm mắt lại, tỏ ý muốn chết, thì trong giấc ngủ y lìa khỏi xác một cách êm-ái, an-lành không chút gì đau đớn. Thường y đến nhà cha mẹ tương lai của y đã chọn đặng chết.

Người ta không cử-hành đám táng; cho chí thân bằng, quyến thuộc cũng không đến dự vì người ta cho sự chết là thường, tỷ như chiếc áo mặc vào, cởi ra, có chi là lạ? Xác chết nhờ chất toan-thủy và một thứ điễn-lực, giống như điễn-khí, làm tiêu tan ra tro bụi. Giống dân chánh thứ sáu tự ý chọn lựa hoàn-cảnh đầu-thai của mình. Rất ít khi Đức Bàn-Cổ xen vào.

Kẻ làm cha mẹ thường lập thế có 10 hay 12 đứa con mà phần nhiều số nam bằng số nữ. Có khi hai năm sanh sản một lần và sanh đôi, sanh ba không ít. Không có đứa nào bị tàn-tật cả. Người sản-phụ dường như không đau-đớn gì.

Đời nay, người ta vì ái-tình mà cưới nhau, chớ giống dân chánh thứ sáu lại để bổn phận đối với "khu" trên hết. Các thú-tính dâm-dục không hề có. Người ta cốt-yếu có vợ chồng để tạo ra con cái, chính đó là điều Đạo-Lý phải làm. Người ta chỉ được cưới hỏi nhau là khi nào Đức Bàn-Cổ bằng lòng. Rất lắm khi một cặp vợ chồng chưa cưới hỏi nhau mà đã có vài ba linh-hồn chực-hờ đầu-thai. Không bao giờ có sự để bỏ giữa vợ chồng. Sự ngoại-tình và đa-thê chẳng hề có.

Điều hạnh-phúc nhất là được sanh trong gia-đình Đức Bàn-Cổ mà chính tự tay Ngài chọn lựa con cháu Ngài.

Người thuộc về giống dân chánh thứ sáu thì da trắng, tóc sậm, mắt sậm, vóc cao lớn lối 1 thước tám, đờn bà cũng cao bằng đàn ông, thân hình đều-đặn, dịu-dàng xinh đẹp. Mỗi tiểu "khu" có đền thờ, trường học, công đường riêng: Nhà cửa thường cất trong vườn rộng-rãi, tối không đóng cửa vì chẳng trộm cướp. Mái nhà thường tròn, đủ kiểu, và đủ cỡ. Nhà không có góc vì phòng tròn hay có hình bầu-dục. Trong nhà đâu đâu cũng chưng bông và hình-tượng. Tối lại trên mái nhà tròn thấp đèn sáng trưng, đổi màu xanh, đỏ tự ý.

Nhà có rất ít bàn ghế. Người ta ngồi hay nằm trên gối để dưới đất có lót gạch bông hay cẩm-thạch; áo quần giản-dị mà đẹp-đẽ giống với y-phục của người Ấn-Độ hay người Hy-Lạp.

Giống dân chánh thứ sáu ăn chay ròng. Họ thường ăn trong nhà hàng nóc trần. Người ta ăn trái rất nhiều. Người ta lọc nước biển một số khổng-lồ để làm nước uống mát rất giải khát.

Trọn cả đời sống đều thấm-nhuần mỹ-thuật: mỗi một vật-dụng nhỏ mọn nào cũng đều được tạo-tác với mỹ-thuật. Không có hát xướng, vì hát xướng được xem như đồ chơi của trẻ con. Còn những điệu múa, thì chỉ để hành-lễ trong đền thờ, chớ chẳng phải là một trò giải-trí.

Nam nữ đều thích tập thể thao. Những vị tinh-linh giúp giống dân nầy rất nhiều. Chính các vị nầy đem thiên-lịnh truyền xuống, mà thường thường truyền cho con nít tiếp dễ hơn người lớn.

Người trong "khu" làm đủ vật nhu-cầu để tự sống. Một hai khi muốn mua đồ nước ngoài, thì họ dùng phép kim-đơn mà tạo ra tiền bạc và nữ-trang để trả hàng ngoại quốc như sách vở, đồ mỹ-nghệ v.v. bởi vì trong xứ họ không dùng tiền đổi chác. Mỗi người tự-do chọn lựa việc làm của mình trong sự ích lợi chung. Sau ngày làm việc, người ta lãnh những tấm bông (bọn) dùng để đổi đồ vật-thực v.v… Máy móc làm rất tinh-vi, không nghe tiếng động. Thường thường mấy cô gái dệt hàng vải với máy dệt chạy êm ru. Nhà máy sạch-sẽ tinh-khiết như nhà ở. Tất cả máy đều tự động khỏi cần người điều-khiển, cho đến sự nấu ăn cũng khỏi cần người: cứ bấm nút là có đồ ăn nấu chín đưa ra vừa ý mình.

Không có việc làm nào dơ-bẩn và thô-bỉ cả. Người ta không làm nghề mỏ: vì có thể lấy phép kim-đơn mà tạo ra kim-khí. Với kim-khí nhân-tạo người ta trộn thành nhiều chất khác nhau. Tất cả nghề canh-nông nhờ máy tự-động làm cả, khỏi ai điều-khiển, cho đến nỗi máy móc tự tạo ra máy móc, không cần người. Khỏi cần đổ rác, vì mỗi nhà có "máy biến chất" bằng hóa-học đổi đồ dơ ra tro. Không có ai ở mướn và cũng không ai cần có người ở mướn nữa: Vì không có chi phải nhờ họ làm. Nếu cần, người nầy nhờ lẫn người kia.

Không có ai có tài sản riêng cho mình, bởi vì luật của "khu" là phát bông (bon) cho những người làm việc để đổi vật dụng. Đường sá rất rộng-rãi, lót đá tốt, nghè láng như cẩm-thạch. Có nhiều đường đổ đá hường, đá xanh lá cây dợt. Mỗi bữa sáng người ta đổ nước ngoài lộ tràn-trề, thành thử đường không có chút bụi. Bởi đâu đâu cũng sạch-sẽ, lót đá và trồng cỏ xanh mềm, nên dân sự đều đi chơn không. Luôn luôn trước cửa ngõ mỗi nhà đều có một bồn nước để rửa chơn cho mát trước khi vào nhà.

Mỗi nhà đều có thứ xe nhẹ-nhàng làm bằng kim-khí giống như xe của bịnh-nhân dùng; bánh bằng cao-su nhỏ chạy rất mau và êm. Máy thì là một bình hơi do nhà máy "xạt" (charge) đầy. Không có xe hàng to, người ta dùng máy bay chở đồ. Người ta không cần đi máy bay để du-lịch: vì mỗi người có thể tự xuất vía, đi đây, đi đó dễ-dàng, trong nhà trường có dành một lớp để dạy xuất vía.

Khí hậu của xứ thật tốt, dường như trọn năm không có mùa đông. Bông đủ màu, đủ thứ, trồng khắp nơi nhiều thứ cây có trái. Tất cả xứ đều đào mương, xẻ rạch cho nước lưu-thông. Người ta trồng nhiều thứ cây có trái; cây hạp với miền nhiệt-đới cũng trồng đặng nữa: vì người ta xịt hơi nóng vào.

Lúc giống dân chánh thứ sáu ra đời phồn-thạnh, thì toàn cả thế-giới đều tiến-hóa nhiều. Đức Giáo-chủ sẽ ra đời và các Tôn-giáo hiệp lại làm một Tôn-giáo duy-nhứt. Trên địa cầu sẽ có một nền chánh-trị chung và không còn ai nghèo nàn hay bị áp-chế. Cảnh giặc-giả sẽ không có nữa. Có một thứ tiếng Quốc-tế là tiếng Anh, nhưng viết bằng nét mau lẹ như chữ tốc-ký. Nền văn-minh thực-sự thấm-nhuần thế-giới, thành thử không còn ai được xem là kẻ man-di. Mỗi nước đều giữ nước mình với vẻ đẹp của nó, không còn tính xâm-lấn ai. Họ hoàn-toàn tin-cậy lẫn nhau, do đó mà tình huynh-đệ đại-đồng được thực-hiện rõ-ràng.

Tôn-giáo duy-nhứt sẽ phát-triển rất mạnh-mẽ. Tôn-giáo và khoa-học tương trợ lẫn nhau và bắt tay nhau cùng đi tới một mục-đích chung là giúp nhơn loại tiến-hóa.

Bởi không còn kẻ nghèo, nên các cơ-quan phước-thiện trở nên vô-dụng. Chừng ấy xứ Ấn-Độ sẽ không cò nạn đói nữa. Sự phân chia giai-cấp sẽ dứt hẳn. Xứ Thibet được lưu-thông dễ-dàng. Hội Thông-Thiên-Học sẽ phát triển mạnh-mẽ. Hội sẽ chỉ lo thực hiện hai mục-đích chót mà thôi, vì mục-đích thứ nhứt đã gần đạt đặng. Hội sẽ có một cái Đại học học-đường tại trung-ương với nhiều chi-nhánh rải-rác khắp hoàn cầu. Tổng bản-dinh của Hội Thánh Thông-Thiên-Học tại Adyar sẽ thay thế bằng một dinh-thự lớn, với nóc tròn to. Trong dinh sẽ có một phòng để luyện kim-đơn, Quyển "Giáo-Lý Nhiệm-Mầu" (La "doctrine secrete) sẽ còn tồn-tại và người ta sẽ dịch nó ra bằng một thứ tiếng quốc-tế. Hội sẽ sản-xuất nhiều sách vở về Đạo-Lý nghìn xưa. Adyar sẽ còn là nơi thánh-địa và khách viễn-phương cũng tiếp-tục lui tới viếng thăm, ông Olcott sẽ đầu-thai tại Californie (Mỹ-quốc) làm việc dưới sự chỉ-huy của Đức Bàn-Cổ; ông sẽ là Chánh Hội-Trưởng danh dự của Hội Thông-Thiên-Học sau nầy. Ít nhứt hai năm ông đến viếng Adyar một lần.

Giống dân chánh thứ sáu đầu-thai liền sau khi tử, để làm nhiệm-vụ cho mau rồi. Mỗi lần đầu-thai lại là mỗi lần gần giống với hình kiểu-mẫu mà Manou đã vẽ sẵn trong trí Ngài. Đó là một công trình cực nhọc để đúc-nắn nhơn-loại tương-tợ với Trời.

Mỗi người chúng ta đều có khả-năng góp vào công việc đó. Điều chúng ta nói ở trước chỉ là buổi đầu của giống dân chánh thứ sáu mới ra đời. Chúng ta không biết còn bao lâu nữa xứ Mỹ sẽ bị địa-chấn chia ra từ mảnh và nơi Thái-Bình-Dương một Châu mới nổi lên, để làm nơi trú-ngụ của giống dân chánh thứ sáu. Châu mới nầy sẽ nổi ngay chỗ Châu Lémurie sụp xuống biển từ ngàn xưa như ta đã nói trước.

Tự nhiên là giống dân chánh thứ sáu sẽ có bảy nhánh. Khi nhánh thứ bảy của nó ra đời thì giống chánh thứ bảy mới bắt đầu sanh ra. Giống dân chánh thứ bảy sẽ lo mở về "Sat" nghĩa là Trạng-Thái Thượng-Đế.

Khi giống dân chánh thứ bảy đã sanh ra đủ bảy nhánh và đã làm tròn phận-sự, thì trái đất chúng ta sẽ bắt đầu ngơi nghỉ như mặt trăng bây giờ, và tất cả sinh-linh trên mặt đất đều chuyển sang qua bầu Thủy-Tinh (Mercure). Đời sống trên bầu Thủy-Tinh sẽ ít vật-chất hơn ở bầu Trái Đất và nhơn-loại tự nhiên sẽ có thần-nhãn.

Khi bầu Mercure ngơi nghỉ, thì tất cả sinh-linh đều sang qua bầu F. và G. (như đã nói ở trước). Hễ nhơn-loại đầu-thai qua bầu Mercure rồi, thì cuộc tuần-hườn thứ năm sẽ bắt đầu, rồi kế cuộc tuần-huờn thứ sáu và thứ bảy. Khi hết cuộc tuần-huờn thứ bảy, thì dãy địa-cầu chúng ta sẽ bị tiêu-diệt. Sinh-linh sẽ chuyển qua dãy hành-tinh kế đó.

BẢNG CHỈ CÁC GIỐNG DÂN PHỤ CỦA NĂM GIỐNG DÂN CHÁNH TRÊN QUẢ ĐỊA-CẦU HIỆN-TẠI.

GIỐNG DÂN CHÁNH	GIỐNG DÂN PHỤ	ĐẶC-SẮC	
I (Phách linh-động)	**Có 7 giống dân phụ** (nhưng chưa phân-chia rõ-ràng)	Có bảy bực tiến-hóa của 7 giống dân-phụ, nhưng những giống dân phụ này chưa phân-chia rõ ràng. Xác thân làm bằng chất dĩ-thái (chất cái phách) hình-dạng dị-kỳ, có tổng, có tụi, giống dân ấy chưa có xác thịt. Sanh sản bằng cách phân-thân như vi-trùng a-mi-bơ (amibe) hay bằng cách đổ mồ hôi. Giọt mồ-hôi là con người thứ hai mới sanh.	
II (Xác-thân linh-động)	**Có 7 giống dân phụ** (nhưng chưa phân-chia rõ-ràng)	Khởi có xác thịt và cái vía. Cách sanh sản tiến-hơn và cải cách từ từ. Ngoài da nổi những cục u-nần như giọt mồ hôi trắng đục, rồi rớt ra, thành một người. Nhưng giọt mồ hôi này lộ vài dấu của cơ-quan sinh-dục tương-lai. Con người trở thành « lại cái ».	
III Giống dân Lê-mu-ri-dien (Vía linh-động)	**Có 7 giống dânphụ** (nhưng chưa phân-chia rõ-ràng)	Xác thân bằng cái phách trước kia trở nên lần lần nặng nề, đông đặc và cụ-thể, nghĩa là bằng : « xương, máu, thịt » như ta ngày nay. Hình dạng to lớn, không-lồ, dục-tính nổi dậy dáng sợ. Giữa trán có một con mắt. Có hai bộ sinh-dục. Sanh-sản bằng sự giao-hợp. Những người mọi Arborigènes ở Úc-châu và người Tasmaniens thuộc về giống dân phụ thứ bảy của giống dân chánh Lê-mu-ri-dien. Người Mã-lai (Malais) người Papous và người Hottentots là con lai của người Lê-mu-ri-dien và Ác-lăn (giống dân chánh IV). Người mọi (nègre) da đen trại cũng là con cháu của giống dân Lê-mu-ri-dien.	
IV Giống dân Ắc-Lăn (Hạ-trí linh-động)	1') Mô-ha (Rmohals) 2') La-hoát-Li (Tlaxatlis) 3') Tôn-Téc (Tolteca)	Nước da ít đen hơn mọi Nước da vàng đỏ Giống dân đẹp đẽ, nét mặt thanh-tú, hình vóc to lớn. Nước da sâm, cũng có người da đỏ sậm. Sức mạnh phi thường. Người cầm đầu đưa giống dân ấy tiến đến nền văn-minh tuyệt-diệu, rồi kẻ bị tiêu-diệt vì những kẻ tà-đạo luyện phù phép giết, hại. Rốt cuộc họ bị người Artèques thống-trị.	Con mắt chính giữa trán thụt vô (thành hạch-mũi) để thay thế bằng hai con mắt. Tâm-linh họ rất mở.
	4') Tu-ra-nien (Touraniens) 5') Sê-mít (Sémites) 6') A-ca-dien - (Akkadiens) 7') Mông-cổ (Mongols)	Nước da vàng— Tổ-tiên xa của dân Do-Thái. Thời ấy là thời Eocène nghĩa là đời Hạ-Tăng của Đệ-Tam-Kỷ. Nước da vàng. Khởi mở thượng-trí. Có mầm giống của giống dân chánh thứ năm. Nước da vàng. Người Pelasges, Etrusques và Scythes là con cháu của giống dân phụ thứ sáu và thứ bảy. Con cháu của người Tu-ra-nien. Người giống dân phụ thứ 7 là : Người Trung-Hoa (Mông-cổ) miền trung, người Mã-lai, Thibétains, Hongrois. Fianois, Esquimaux (ở Bắc-cực) Nhựt-bổn, Việt-Nam, Thái-lan, mọi da đỏ ở Bắc Mỹ-Quốc là con cháu của dân Mông-cổ và Tôn-téc. Một số người thuộc về giống dân phụ thứ 7 di-cư đến Asie-Mineure và Hy-lạp : họ phối-hợp với giống dân phụ thứ 2 của giống dân chánh thứ 5 để tạo ra người dân Hy-lạp cổ thời, và người Phéniciens.	
V Giống dân A-ri-dien (Thượng-trí linh-động)	1') A-riô-hanh-du (Aryo-Hindous) 2') A-riô-Sê-mít (Aryo-Sémitiques) 3') I-ra-nien (Iraniens) 4') Sen-Tơ (Celtes) 5') Tơ-Tông (Teutons) 6') Khởi sanh 7') Sê sanh	Con cháu của dân Sê-mít di-cư và lập nghiệp tại miền bắc Ấn-độ. Trước kia Ấn-độ lấy tên là Aryâvarta. Chỉ nên giống dân chánh thứ năm mới có tên là Aryen. Người Aryen nói tiếng Sanzar. Chữ Phạn (Sanscrit) cũng do tiếng Sanzar đó mà ra. Nước da đen, họ là thỉ-tổ của người da trắng. Dân này di-cư qua miền Tây rồi lập nghiệp ở Afghanistan, Á-rạp và Syrie, con cháu họ là những người lai Tu-ra-nien và A-ca-dien. Họ tạo lập ra kinh-đô Assyrien và Babylonien. Những người Trung-Hoa ở miền biển cũng là con cháu họ. Đức giáo-chủ Hỏa-giáo Zoroastre dẫn giống dân phụ này đi qua miền Đông và Bắc. Họ di-cư lập nghiệp tại Afghanistan và Ba-tư. Ông Orphée dẫn giống dân phụ này đi qua miền Tây — xa hơn các giống dân phụ ở trước. Mấy người này lập-nghiệp tại Hy-Lạp, Ý-quốc, Pháp-quốc, Irlande, Ecosse và Anh-quốc. Giống dân phụ thứ năm này chiếm trọn Trung Âu-Châu, hiện nay rải-rác khắp cả hoàn-cầu. Họ có bổn-phận dắc dẫn giống dân chánh thứ năm đến mức tiến-hóa cực-điểm. Giống dân phụ thứ 6, của giống dân chánh thứ năm, hiện nay đã khởi sanh một vài chỗ như Úc-châu và Californie (Mỹ-quốc).	

PHẦN THỨ BA: VŨ-TRỤ VÀ CON NGƯỜI - TIỂU THIÊN ĐỊA

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI TÁM: TIỂU THIÊN ĐỊA: Chơn-thần giáng-lâm

Ở trước đã nói phớt qua về Chơn-Thần; bây giờ ta hãy đi sâu vào vấn-đề. Chơn-Thần có thể gọi là: "đơn-vị tinh-thần" (unité de conscience) hay là "Điểm Linh-Quang" của Thượng-Đế phát sanh tại cõi Tối-Đại Niết-Bàn, mà trú tại cõi Đại Niết-Bàn. Trước khi ngôi thứ ba tạo ra 5 cõi dưới, thì ngôi thứ nhứt đã sanh ra Chơn-Thần rồi. Thế thì Chơn-Thần là linh-hồn vạn-vật, đã được Đức Thái-Dương Thượng-Đế sanh ra trước khi lập-thành Thái-Dương-Hệ (đồ hình số 33). Nó phải tiến-triển ở tương-lai.

Ấy vậy muôn triệu vạn ức linh-hồn vốn do Đấng Duy-Nhứt mà ra.

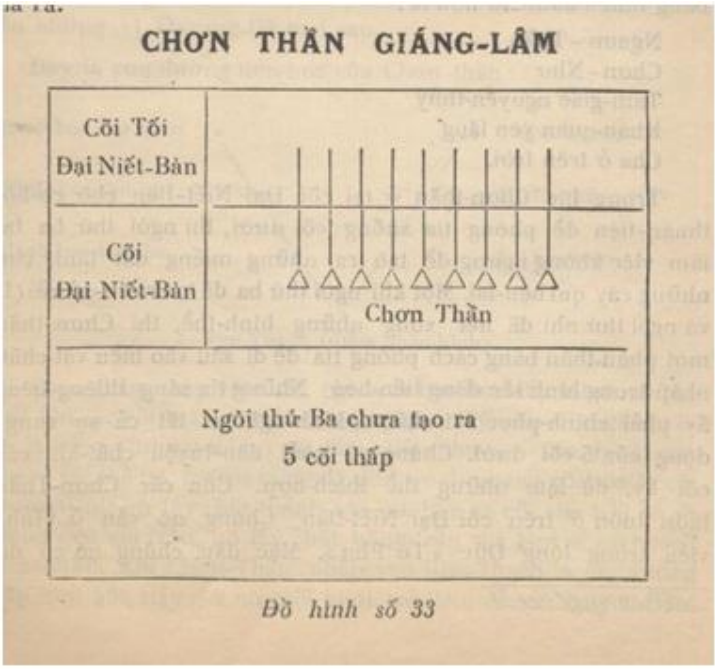

Đồ hình số 33

Quyển Giáo-Lý Nhiệm-mầu có chép một đoạn sách Phần Pháp-Môn về những điểm Linh-Quang như vầy: "Hỡi Đệ-Tử, hãy ngước mặt lên, con sẽ thấy trên đầu con một hay vô số yến sáng chói lòa trên gầm trời đen tối, giữa đêm trường tịch-mịch chăng?" "Bạch Sư-Phụ" Đệ-Tử trả lời "con cảm thấy một ngọn lửa với vô số tia sáng từ trong túa ra, cả hai vẫn không lìa nhau".

Ngọn lửa ấy là Đức Thượng-Đế. Còn những tia sáng là: những Chơn-Thần. Nên lưu-ý đến chữ *không lìa* vì nó chỉ rằng: "Chơn-Thần vốn là Thượng-Đế vậy".

Người ta có thể gọi Chơn-Thần là hiện-thân của Đức Thượng-Đế tại cõi thấp. Mặc dầu Chơn-Thần được tự-do hoạt-động như một cá-nhơn riêng biệt chớ Nó vẫn liên-kết với Đức Thượng-Đế bằng một đường quang-tuyến phi-thường.

Thông-Thiên-Học gọi là Chơn-Thần là Jivàtmà, Kinh Samkya gọi là Purusha, kinh Phệ-Đà (Védànta) gọi là Chơn-ngã đặc-biệt. Phật-giáo gọi là Tâm-Phật. Người ta còn gọi Chơn-thần bằng nhiều danh-từ nữa là: Nguơn-Thần; Chơn-Như; Tam-giác nguyên-thủy; Khán-quan yên lặng; Cha ở trên trời.

Trong lúc Chơn-Thần ở tại cõi Đại Niết-Bàn chờ cơ-hội thuận-tiện để phóng tia xuống cõi dưới, thì ngôi thứ ba lại làm việc không ngừng để tạo ra những miếng đất lành cho những cây quí hậu-lai. Một khi ngôi thứ ba đã tạo ra cơ-sở rồi [[6]] và ngôi thứ nhì đã dệt xong những hình-thể, thì Chơn-Thần mới phân-thân bằng cách phóng tia để đi sâu vào biển vật-chất, nhập trong hình sắc đặng tiến-hóa. Những

tia sáng thiêng-liêng ấy phải chinh-phục vật-chất và kinh-nghiệm tất cả sự rung-động của 5 cõi dưới. Chúng nó phải đào-luyện chất khí các cõi ấy, để làm những hình thể thích-hợp. Còn Chơn-Thần luôn luôn ở trên cõi Đại Niết-Bàn, chúng vẫn ở vĩnh-viễn trong lòng Đức "Từ Phụ". Mặc dầu chúng có đủ đức-tánh của Thượng-Đế nhưng chỉ trong thời-kỳ phôi-thai thôi; chúng cần phải trải qua "sự khổ để trở nên toàn-thiện như Đức Từ-Phụ vậy".

Kinh Corinthieu có nói rằng: "Mỗi Chơn-Thần phải đi sâu vào vật-chất, đặng làm chủ vật-chất. Lúc giáng-lâm thì yếu, mà lúc trở về lại mạnh".

Toàn tri, toàn-lực ở cõi Đại Niết-Bàn, chớ ở mấy cõi dưới Chơn-Thần lại vô-tri, vô-giác. Bởi muốn được toàn-tri, toàn-lực đủ các cõi, nghĩa là có thể đáp lại những sự rung-động những cõi ấy, mà chơn-thần phải phân thân học hỏi. Phải tự khoác trên tia sáng trong sạch của mình những chiếc áo thô-kịch của vật-chất. Một khi tia sáng ấy đã hoàn-toàn minh-triết, thì nó sẽ trở về nhập một với Chơn-Thần trường-tồn, thanh-tịnh đời đời. Ấy là lúc con người đã đắc quả Toàn-Giác.

Có hai hạng Chơn-Thần:

A. Một hạng không chịu chế-phục vật-chất ở cõi thấp, cứ ở tại cõi Đại Niết-Bàn, cộng tác với Đức Thượng-Đế mà thôi.
B. Một hạng tình nguyện xuống mấy cõi dưới để học hỏi và kinh-nghiệm hầu chinh-phục vật-chất các giới, và trở nên những vị Thượng-Đế mai sau.

Đây là con đường tiến-hóa của Chơn-Thần:

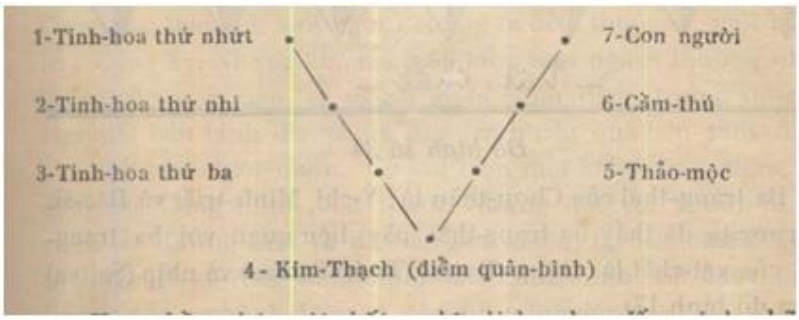

Chơn-Thần nhập vật-chất, nghĩa là bao bọc lấy mình những chất khí các cõi mà nó phải đi ngang qua. Tỷ như đi ngang cõi trí là cõi (Thượng-thiên) nó lấy chất Thượng Thanh-khí mà làm ra cái thể trí (corps mental). Khi nó đi ngang cõi vía (là cõi Trung-Giới) nó lấy chất thanh-khí mà làm ra cõi vía. Khi nó đi ngang qua cõi trần, nó lấy chất hồng-trần mà làm ra cái phách và xác-thịt. Khi Chơn-Thần nhập vào Kim-Thạch là nó xuống thấp hơn hết. Bấy giờ nó mới khởi trở lên, để về Nguyên-Bổn.

CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI CHÍN: Bảy Cung

Trong Thái-Dương-Hệ có biết bao nhiêu Chơn-thần, song chỉ có 7 hạng (hay 7 cung) khác nhau mà thôi; cũng như những chất kết thành võ-trụ có 7 thứ vậy (đồ hình số 34).

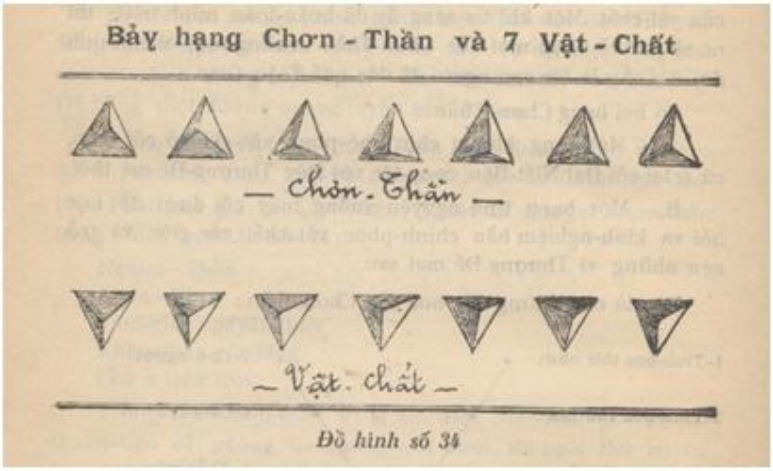

Đồ hình số 34

Ba trạng-thái của Chơn-thần là Ý-chí, Bác-ái, và Minh-triết. Ở trước ta đã thấy ba trạng-thái nầy liên-quan với ba trạng-thái của vật-chất là: Động (Rajas), Tịnh (Tamas) và Nhịp (Sattva) (xem đồ hình 17).

Chúng ta đã nói rằng: mỗi Chơn-Thần đều thuộc về một cung, nhưng thật ra mỗi Chơn-Thần đều có 7 tánh của bảy cung mà trong đó có 1 cung chói rạng hơn các cung khác. Không có một Chơn-Thần mà không liên-kết với một trong bảy vị Huyền-Thiên Thượng-Đế (7 logois planétaires) là 7 đường Kinh chuyển sang thần-lực của Đức Thái-Dương Thượng-Đế là "Cha chung" vạn-vật nơi Thái-Dương Hệ của Ngài. Bởi vậy, mỗi sự vận-động nhỏ nhứt của một Đấng ấy, đều có ảnh-hưởng đến những Chơn-thần, vì chúng nó là sớ-thịt của sớ-thịt của Ngài, là tia sáng của Ngọn Lửa Ngài. Do đó, mà các nhà chiêm-tinh mới đoán số đặng.

Lại nữa, Chơn-Thần nào do một Đấng Huyền-Thiên Thượng-Đế sanh ra [[7]] thì luôn luôn trên đường tiến-hóa rán thực-hiện đặng nhiều đức tánh của Đấng Tạo-hóa mình hơn là các Đấng khác. Chi nên ta mới dễ phân-biệt đặng người thuộc cung nào.

Thường thường thì mỗi chơn-thần đều cứ mãi ở tại Cung của mình, cho tới khi mình đi mút đường tiến-hóa, hiệp-nhứt với Đấng Huyền-Thiên Thượng-Đế đã sanh ra mình. Tuy vậy, Chơn-thần cũng có thể thay đổi Cung, nhờ sự trung-gian của một trong bảy vị Huyền-Thiên Thượng-Đế.

Ta đã nói tất cả chơn-thần đều thuộc về bảy cung. Bảy cung ấy là: Cung thứ nhứt coi về Chánh-trị. Cung thứ nhì coi về Tôn-giáo. Cung thứ ba coi về Thiên-văn. Cung thứ tư coi về Mỹ-thuật. Cung thứ năm coi về Khoa-học. Cung thứ sáu coi về Tín-ngưỡng. Cung thứ bảy coi về Pháp-môn và Phù-thủy.

Mỗi Cung chia ra làm 7 "Chi". Không có Cung nào cao hay Cung nào thấp cả. Mỗi người chúng ta đều thuộc về một trong bảy Cung ấy. Nhưng khó mà biết được một người thường nhơn thuộc về Cung nào, vì người ấy bị chìm đắm trong vật-chất làm mất bản tánh đi, và đã gây ra nhiều quả-báo làm lu-lờ đặc-tính của chơn-nhơn. Có khi trọn kiếp cũng chưa tìm đặng cái Cung chính của mình. Nhưng đối với người đã để chơn lên đường Đạo và đã tiến-hóa nhiều, thì tức nhiên biểu-lộ một cách rõ-ràng cái đặc-tính của Cung mình; cái đặc-tính ấy hướng dẫn sự hành-động và dắc-dìu mình đến thọ giáo với một Chơn-sư thuộc về Cung đó.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI: Đặc-tính của mỗi Cung

Người thuộc về Cung thứ nhứt sẽ đoạt đặng mục-đích là nhờ Nghị-lực mạnh-mẽ của mình, chớ không cần tìm hiểu phải dùng phương pháp nào.

Người thuộc về Cung thứ nhì cũng dùng Nghị-lực vậy, nhưng nhờ sự Minh-triết nên biết trước rất rõ-ràng những phương-pháp tốt đẹp hơn hết để đoạt thành ý-nguyện.

Người thuộc về Cung thứ ba thì dùng mãnh-lực của Cõi Thượng-Giới và rán chọn lựa kỹ-lưỡng ngày giờ tốt (nghĩa là để ý đến khoa Thiên-văn) có ảnh-hưởng thuận-tiện cho mục-đích của mình.

Người thuộc về Cung thứ tư thì dùng mãnh-lực cũa cõi Hồng-trần tức là mãnh-lực của Tinh-khí (ether).

Người thuộc về Cung thứ năm thì dùng mãnh-lực của cõi Trung-giới tức là làm ánh-sáng gọi là thanh-khí quang-tuyến.

Người thuộc về Cung thứ sáu thì dùng mãnh-lực của đức-tin đối với Đấng Thiêng-Liêng và lòng mộ đạo của mình để đoạt ý-nguyện.

Người thuộc về Cung thứ bảy thì dùng những câu thần-chú và nhờ sự giúp đỡ của các vị ấy.

Nếu ta xem phương-pháp chữa bệnh thì sẽ biết người thuộc về Cung nào rất dễ.

Người thuộc về Cung thứ nhứt thì rút sức mạnh của trời đất đặng trị bệnh.

Người thuộc về Cung thứ nhì thì biết rõ căn-bản của tật bệnh, và biết dùng ý-chí để đoạt thành mục-đích.

Người thuộc về Cung thứ ba thì chọn lúc nào điển-lực của hành-tinh thuận lợi mới cho uống thuốc, hoặc làm thuốc.

Người thuộc về Cung thứ tư lại công dụng phương pháp ngoại khoa (thuộc về thể-chất) để chữa bệnh như đấm, bóp, chà, cạo gió v.v…

Người thuộc về Cung thứ năm lại ưa dùng thuốc luôn.

Người thuộc về Cung thứ sáu lại trị bệnh bằng đức-tin.

Người thuộc về Cung thứ bảy, thì dùng thần-chú và cách cầu-đảo Thánh Thần để nhờ giúp sức.

Người chữa bệnh có thể dùng một lượt hai ba phương-pháp đã kể trên, nhưng người ấy tự thấy cái phương-pháp hạp với Cung của mình là hiệu-lực.

1. Đặc-tánh của Cung thứ Nhứt: Ý-CHÍ

Đức Đế-Quân Morya đứng đầu Cung thứ nhứt. Tiền kiếp Ngài là một vị vua nước Radiputana (Bắc Ấn-Độ). Ngài có một bộ râu đen rẽ làm hai, tóc màu nâu, lòng thòng hai bên vai, đôi mắt đen và sắc sảo đầy vẻ oai hùng. Ngài cao sáu thước (6 thước mộc). Ngài nói năng gọn-gàng nghiêm-trang và vắn-tắt, khiến ai cũng phải phục tùng và vâng lời tức khắc. Ngài tượng-trưng sự uy-lực vô cùng mãnh-liệt và sức mạnh tinh-thần. Đức Morya sẽ kế vị Đức Bàn-cổ Vaivasvata để làm Đức Bàn-cổ cho giống dân chánh thứ sáu; giống dân nầy sẽ sanh ra trong 700 năm nữa. Hiện giờ Ngài còn giữ xác phàm ở xứ Tây-Tạng.

Ngài tạo-lập các quốc-gia, rèn-đúc những bực anh-hùng liệt-sĩ, khuyến-khích các nhà lãnh-đạo lập nền chánh-quốc cho hợp với thời-thế duy-tân. Ngài hướng-dẫn loài người. Trong bao nhiêu thế-kỷ, ngài nuôi dưỡng những đức-tánh của một giống dân và đợi đúng thời-kỳ, ngài giúp chúng nó nảy nở trong giống dân phụ.

Các vị vua chúa, các thủ-tướng, các nhà ngoại-giao, các quân-nhơn đều thuộc về Cung thứ nhứt.

2. Đặc-tánh của Cung thứ Nhì: BÁC-ÁI và MINH-TRIẾT

Đức Đế-Quân Koot-Hoomi (hay Đức Kout-Thoumi) chưởng-quản cung thứ nhì. Tiền kiếp Ngài là Đức Pythagore. Ngài đầu-thai lần chót lấy xác người Bà-la-môn ở xứ Cachemire. Mặc dầu đã đắc quả làm một vị Đế-quân (trên Chơn-Tiên một bực), Ngài vẫn giữ xác phàm tại cõi trần nơi triền núi Himalaya [[8]] . Xác Ngài vẫn như thế mãi không già, tuổi Ngài độ 45, mặt Ngài sáng rỡ như phần đông người Anh-Cát-Lợi. Tướng mạo hiền-từ và đức-hạnh. Đôi mắt Ngài màu xanh chứa-chan tình Bác-ái và sự Phúc-lạc. Tóc râu Ngài đen dợt, lấp lánh ánh vàng, khi có mặt trời chiếu vào. Gương mặt của Ngài khó tả ra cho đúng: vì nét nó thay đổi liền liền, nhứt là lúc Ngài nở nụ cười. Sống mũi tuyệt đẹp như chạm, và đôi mắt to, màu trong xanh lạ thường!

Trong nhiều tiền kiếp: khi Ngài làm vị Mục-sư ở Ai-cập tên Sarthou, khi làm đại Mục-sư tại đền thờ Agadé ở Tiểu-Á-Tế-Á (Asie Mineure). Nơi đây, sau một cuộc binh đao, khói lửa, Ngài bị giết, nhưng Ngài lập-tức nhập vào xác của người chài lưới Hy-Lạp, đang trầm mình tự-tử, rồi Ngài qua xứ Ba-tư giúp đỡ Đức Zoroastre trong việc lập Hỏa-Giáo. Kế đó Ngài là Mục-sư tại đền Jupiter ở La-mã. Sau cùng, Ngài là vị Đại-Đức Nagarjuna bên Phật-giáo.

Ngày sau, Đức Koot Hoomi sẽ kế vị Đức-Di-Lặc Bồ-tát, cầm cây Pháp-lịnh chưởng-giáo thế-gian.

Ngài chăm nom nền Đạo-Đức. Những người thuộc về Cung Ngài đều có lòng Bác-ái, lo dìu dắt sinh-linh vào đường Đạo-hạnh như các vị tu-sĩ, hòa-thượng, linh-mục, mấy vị hiền-triết, chơn-sư v.v…

3. Đặc tính cung thứ Ba: Sự THÍCH-NGHI và khoa THIÊN-VĂN

Vị Chưởng-quản Cung nầy là Đức Đế-Quân Vénitien. Ngài sanh tại thành Vénise thuộc về nước Ý (Italie). Có lẽ Ngài là đẹp hơn hết trong Quần-Tiên-Hội. Mạnh dạn và to lớn. Ngài có hàm râu dợn sóng, một mớ tóc phấp-phơ. Đôi mắt trong xanh, tuyệt đẹp.

Ngài coi về khoa Thiên-văn, là một môn-học nghiên-cứu về năm, tháng, ngày, giờ nào thuận-tiện để rút thần-lực thiêng-liêng của võ-trụ, hầu giúp đỡ nhơn-loại hơn là tránh những điều khó-khăn xảy đến.

Những người thuộc về Cung thứ Ba thì có biệt-tài thích hợp. Nhờ vậy mà họ hiểu người, mà có hiểu mới có thể giúp đắc lực đặng. Biểu-hiệu của họ là: "mỗi người, mỗi chuyện", họ luôn luôn hành-động một cách khéo léo; họ có tài ngoại-giao cùng thích-ứng mau lẹ với mọi hoàn-cảnh. Họ ưa học Thiên-văn, Địa-lý và Bói-khoa.

4. Đặc-tánh Cung thứ Tư: Sự ĐIỀU-HÒA và THẨM-MỸ

Vị chưởng-quản Cung thứ Tư là Đức Đế-Quân Sérapis. Ngài sanh tại Hy-lạp tuy rằng công-nghiệp của Ngài đều lập ở xứ Ai-cập. Ngài lớn người, tóc vàng dợt. Ngài như một thầy tu tịnh-giới. Tánh tình rất hiền lành và thanh nhã. Ngài hơi giống như Đức Hồng-y Newman.

Buổi sơ-khai của Hội Thông-Thiên-Học, chúng ta thường nghe đến Ngài vì Ngài tạm giáo-hóa ông Olcott [9] trong khi Sư-phụ của Ông là Đức Morya mắc việc.

Các Đấng Tiên-trưởng thường thay đổi học trò để dạy.

Người thuộc về Cung nầy thích sự điều-hòa và đẹp đẽ. Họ phải ở chỗ hòa-khí mới thuận-tiện cho sự tấn-hóa của họ. Đời họ là đời mỹ-thuật. Mấy vị tài-tử, họa-sĩ, mỹ-nghệ đều thuộc về Cung thứ Tư.

5. Đặc tánh Cung thứ Năm: Sự ĐÚNG ĐẮN của KHOA HỌC

Vị chưởng-quản Cung nầy là Đức Đế-Quân Hilarion. Ngài là người nước Hy-Lạp. Sóng mũi hơi cong quấp, trán thấp và rộng. Ngài cũng đẹp lộng lẫy và dường như còn trẻ. Ngài có cái tính đúng-đắn của khoa học. Ngài lão thông những khoa bí-truyền. Thuở xưa Ngài là nhà hiền triết Jamblique của trường Tân-Bờ La-Tông (École-platonicienne) rất giỏi về khoa thi phú văn-chương. Ngài đem thần-lực giúp bà Mabel-Collins viết quyển "La lumière sur le Sentier" và "L'Idylle du Lotus Blanc". Theo bà Annie Besant thì lời Ngài rất thanh-nhã và thi-vị. Ngài giúp các vị thông-thái rất nhiều. Ngài làm cho họ thấy khoa-học một cách đúng đắn, không sai một ly nào. Ngài còn áp-dụng thần-lực của võ-trụ ẩn trong con người nữa. Ngài biết rằng: tình-cảm và tư-tưởng của con người đều có tiếng-dội trong võ-trụ: nếu một người vui vẻ và an-lạc ở giữa đám đông, thì mọi người nơi đây sẽ được nhờ lây, và lại các vị Thiên-Thần sẽ theo phò-trợ để tăng thêm hạnh-phúc.

Nhưng người tấn-hóa về Cung nầy có biệt-tài quan-sát mọi việc một cách đúng-đắn lạ-lùng. Họ là những nhà bác-học, những vị chuyên-môn về khoa-học.

6. Đặc tánh của Cung thứ Sáu: Sự TÍN-NGƯỠNG và sự TÔN-THỜ

Vị chưởng-quản Cung thứ Sáu là Đức Đế-Quân Jésus. Ngài sanh trưởng tại Palestine và đã lập nên Cơ-Đốc-Giáo. Trước kia Ngài là Apollonices de Tyane, sau là Sri Râmanujacharya cải-cách tôn-giáo ở miền Nam Ấn-độ.

Những người thuộc về Cung thứ Sáu thì ưa thờ phượng, có lòng mộ đạo dồi-dào. Nếu họ tấn-hóa cao, thì họ là những nhà thần-bí học của tất cả tôn-giáo.

7. Đặc tánh Cung thứ Bảy: Sự CÚNG-TẾ có LỄ-NGHI và PHÙ-THỦY

Vị chưởng-quản Cung nầy là Đức Đế-Quân Comte de Saint Germain mà ta gọi là Đức Thầy Rakoczi. Tiền kiếp của Ngài thuộc về vua chúa. Về thế kỷ 17, thì Ngài đầu-thai lấy tên là Francis Bacon và Lord Vérulam. Hồi thế kỷ thứ 16 thì Ngài là Thầy tu Robertus; và ở thế-kỷ thứ 15, Ngài là Hungadi. Ngài cũng là Christian Rosencreuz lúc thế kỷ thứ 14; và lúc thế kỷ 13, Ngài là Roger Bacon tức là Adepta Hongrois của khoa Thần-bí. Ngài cũng là nhà Triết-học Proclus của phái Tân-Bờ La-Tông và Saint Alban (vị tuẩn-giáo) ở nước Anh hồi thế kỷ 4.

Đức Saint Germain có vẻ huy-hoàng của một nhà vua hồi thế-kỷ thứ 18 và cốt-cách của một vị võ-tướng. Tướng mạo vương giả và hiền lành của Ngài thâu-phục nhơn-tâm. Đôi mắt to lớn và nâu sậm của Ngài đầy vẻ từ-bi, bác-ái. Sắc mặt của Ngài trắng dợt, với mớ tóc màu sậm hớt ngắn, rẽ ngay giữa đầu và chải từ trán ra sau ót.

Ngài thường ngự trong cái đền đài ở nước Hung-gia-lợi là gia-sản của tổ phụ để lại, cách đây nhiều thế-kỷ. Trong lúc Ngài hành-lễ, thì thường mặc y-phục nhiều màu sắc và mang nhiều nữ-trang quí-giá và tốt đẹp vô cùng. Ngài có một bộ đồ dệt bằng chỉ vàng, trước kia thuộc về Hoàng-đế La-mã. Trên choàng lại có một cái kẹp nhận hột xoàn hình ngôi sao 7 nhánh. Có khi Ngài mặc áo màu tím thật đẹp.

Công việc của Đức Saint Germain là làm theo lễ giáo của Thần-quyền và Thần-bí vì Ngài coi về khoa Pháp-môn và Phù-thủy. Ngài thường sai khiến các vị Thiên-Thần, và những vị nầy vui lòng tận tụy thi-hành mạng-lịnh của Ngài. Ngài là Chúa-tể của những nghi-lễ và cúng kiến. Ngài lo về sự văn-chương cho các nước Âu-Châu và chấn-hưng nền khoa-học siêu-hình. Ngài cũng lo lắng về chánh-trị quốc-tế và sự khai-hóa các quốc-gia trên thế-giới.

*

Bởi mỗi người thuộc về mỗi Cung trên đây nên phải tìm coi mình hạp với Cung nào rồi rán mở đức-tánh cung ấy. Đây là những tư-tưởng kiểu-mẫu của mỗi Cung do ông C.W. Leadbeater viết ra cho những người có chí-nguyện trau mình để giúp đời.

Tư-tưởng về:

1. Cung thứ nhứt là: **MÃNH-LỰC.** "Tôi sẽ mạnh-mẽ, gan dạ và bền chí trong việc phụng-sự."
2. Cung thứ nhì là: **MINH-TRIẾT. "**Tôi sẽ đoạt đặng sự Minh-Triết bằng cách mở rộng lòng bác-ái, từ-bi".
3. Cung thứ ba là: **THÍCH-NGHI** hay **NHÃ-NHẶN.** "Tôi rán mở năng-lực hành-động và nói năng tùy theo cơ-hội thích-nghi và thuận-tiện. Tôi rán đến với mọi người trên con đường riêng của họ, hầu giúp đỡ họ một cách đắc-lực hơn".
4. Cung thứ tư là: Sự **ĐẸP-ĐẼ** và sự **ĐIỀU-HÒA**. "Tôi rán hết sức mình đem sự Đẹp-Đẽ và sự Điều-Hòa để vào cuộc sống của tôi và của người xung quanh tôi. Tôi tập quan-sát sự đẹp-đẽ của vạn-vật, hầu phụng-sự đắc-lực hơn".
5. Cung thứ năm là: **KHOA-HỌC.** "Tôi mở rộng sự hiểu-biết của tôi và tập tánh đúng-đắn, phân-minh, để giúp đời".
6. Cung thứ Sáu là: Lòng **SÙNG-ĐẠO**. "Tôi mở mang lòng Sùng-Đạo để dìu-dắc kẻ khác".
7. Cung thứ Bảy là: Sự **CÚNG-TẾ** có **LỄ-NGHI.** "Tôi sẽ lấy lễ nghi mà cúng-tế Trời Đất, hầu cầu được ơn lành để ban cho sanh chủng".

Mỗi người nên mở đức-tánh của Cung mình trước, rồi sau sẽ lần lượt mở đức tánh của Cung khác. Vì lẽ chúng ta cần phải rán sức làm cho điều-hòa những đức tánh khác nhau.

Những vị trong Quần-Tiên-Hội đều chia ra 7 cung rất rõ-ràng, và màu sắc hào-quang các Ngài đều phân-minh lắm. Đặc tánh của các Ngài hướng dẫn Công Việc của các Ngài.

Vậy Quần-Tiên-Hội là gì? Là một Cơ-Quan để phụng-sự Đức Thái-Dương Thượng-Đế đặng thi-hành Thiên-ý. Ấy là "Bộ Tổng Tham-Mưu" của Đức Thượng Đế vậy. Nhơn viên của bộ Tổng Tham-mưu thiêng-liêng nầy gồm các Tiên-Thánh, từ bực La-Hán (4 lần điểm-đạo) sắp lên. Trong ấy có những vị đã bỏ xác phàm và còn giữ xác phàm (như những vị Đế-quân mà ta vừa kể trên [[10]]). Các Ngài thuộc về hoàn-cầu chớ chẳng phải thuộc về xứ Tây-tạng hay đỉnh núi Hy-Mã Lạp-Sơn ở Ấn-Độ như nhiều người lầm tưởng. Các Ngài nhờ những vị đệ-tử giao-thông với Trần.

Đây là bản-đồ để chỉ ngôi thứ của các Đấng Thiêng-liêng trong Quần-Tiên-Hội:

Điểm Đạo	QUẦN TIÊN HỘI						
9 lần	Ngọc-đế						
8 —	Độc Giác Phật	Phật					
7 —	Bàn-Cổ	Bồ-Tát	Văn - Minh Đại - Đế				
6 —	Đế-Quân	Đế-Quân	Đế-Quân	Đế-Quân	Đế-Quân	Đế-Quân	Đế-Quân
5 —	Chơn T	C Tiên	Chơn T	C Tiên	Chơn T	C Tiên	Chơn T
4 —	Cung thứ I	Cung thứ II	Cung thứ III	Cung thứ IV	Cung thứ V	Cung thứ VI	Cung thứ VII
3 —							
2 —							
1 —							

Đây là những thứ ngọc-thạch hạp với mỗi Cung :

Cung	Các thứ Ngọc - Thạch
1	Diamant Thủy xoàng
2	Saphir Ngọc xanh hay lam-xanh
3	Emeraude Ngọc-bích (màu lục tươi)
4	Jaspe Vân thạch
5	Topaze Hoàng-ngọc (màu vàng)
6	Rubis Hồng-ngọc (màu đỏ chói)
7	Améthyste Tử-thạch-anh (màu tía)

Đây là bản-đồ của 7 Cung

7 Cung	Đấng Đế-Quân cai quản mỗi Cung	Đức tánh mỗi Cung	Lời phụ
I	Đức Morya	Mãnh-lực	Đức Jupiter cũng thuộc về cung thứ nhứt. Chính Ngài che-chở cho xứ Ấn-Độ.
II	Đức Kouthoumi tiền-kiếp là Pythagore (Thế-kỷ thứ 6 trước Đức Chúa giáng-sinh)	Minh-triết	Cung nầy đem lại cho đời nhiều vị giáo-chủ.
III	Đức Vénitien	Thích-nghi và Nhã-nhặn	Cung nầy thiên về Khoa Thiên-Văn.
IV	Đức Sérapis	Đẹp-đẽ và Điều-hòa	Cung nầy là của các nhà Mỹ-thuật.
V	Đức Hilarion, tiền-kiếp là Jamblique (Thế-kỷ thứ tư trước Chúa giáng-sinh)	Khoa-học	
VI	Đức Jésus tiền-kiếp là Apollonius de Tyane thế-kỷ thứ 1 và cũng là Ramanûjachârya (thế-kỷ thứ XI)	Sùng-Đạo	Cung của thầy-tu Huyền-bí.
VII	Đức Rakoczi, tiền-kiếp là Comte de St. Germain thế-kỷ thứ 18. Cũng là Francis Bacon thế-kỷ thứ 17. Thầy tu Robertus thế-kỷ thứ 16. Hunyadi Janos, thế-kỷ thứ 15. Christian Rosenkreuz thế-kỷ thứ 14. Roger Bacon thế-kỷ thứ 13. Proclus thế-kỷ thứ 5, và Alban thế-kỷ thứ 3.	Pháp-môn Phù-thủy	Cung của những người học Pháp-môn và Phù-Thủy, có những vị Thiên Thần theo phụng-sự.

BẢY CUNG

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI MỐT: Những loài khác trong Võ-Trụ: Tinh linh hay Ngũ hành (Esprit de la Nature)

Những tinh-linh có đường tiến-hóa khác xa với đường tiến-hóa của nhơn-loại [[11]]. Chúng cũng do Đức Thượng-Đế sanh ra, nó cũng sanh, cũng tử, mặc dầu chúng chẳng có xác phàm: bởi vì chúng chẳng hề đầu-thai vào hàng nhơn-loại. Đến ngày cuối cùng, các tinh-linh cũng sẽ trở về Hiệp-nhứt với Đấng "Từ-Phụ" như chúng ta vậy. Trông vào đồ hình số 35, ta thấy sự sống tiến-triển trên thang tiến-hóa, trải qua các hình dạng, bằng chất đặc, chất lỏng, chất hơi, chất tinh-khí (matière étherique), thanh-khí (matière astrale) và chất thượng thanh-khí (matière mentale). Trong đồ hình, ta thấy có 6 đường tiến-hóa khác nhau; nhưng chỉ có một đường tiến-hóa về nhơn-loại (đường thứ 6) còn 5 đường kia (đường thứ 1, 2, 3, 4, 5,) về hàng Thiên-Thần (Dévas). Song tất cả 6 đường đều qui về hoặc nơi Tiên Thánh, hoặc nơi Thiên-Thần ở cõi Vô Sắc-Giới.

Tiên-Thánh và Thiên-Thần đều nhập vào hàng Đại Thiên-Thần (Dhyan-Chohans). Loài tinh-linh tấn-hóa khác với chúng ta rất nhiều. Chúng ta có liên-lạc với các loài ấy: vì chúng ta tạm thời ở chung với chúng nó trong một bầu hành-tinh, thì chúng nó như kẻ láng-giềng tạm của chúng ta vậy.

Loài tinh-linh có thể gọi là loài tinh-hoa cũng được, chúng ví như loại cầm-thú trên đường tấn-hóa của nhơn-loại.

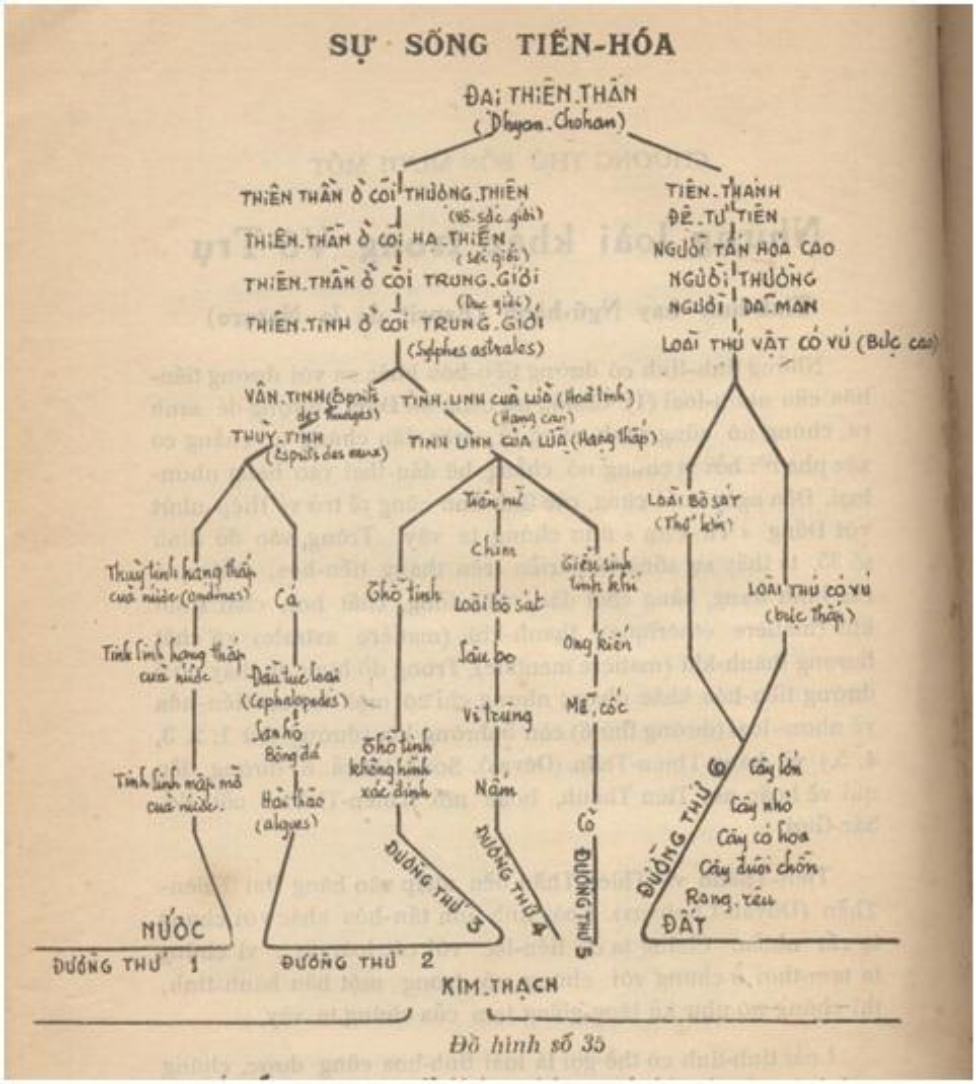

Đồ hình số 35

TOÁT-YẾU: Dòm vào đồ hình ta thấy sự tiến-hóa chia ra là 6 đường khác nhau: đường thứ 1, 2, 3, 4, 5 thì thuộc về hàng Thiên-Thần, còn đường thứ 6 thì thuộc về nhơn-loại.

Tuy là con đường tiến-hóa khác nhau nhưng tất cả đều gom về một mối là trở thành các bậc Đại-Thiên-Thần (Dhyan-Chohans) và cao nữa.

XIN LƯU-Ý: Nhơn-loại chỉ choán một phần nhỏ của Địa-Cầu, chớ những loài tinh-linh thì đông hơn vô số, lan-tràn khắp sông, núi, nước, lửa, đất, khí, trùng-trùng, điệp-điệp, chung ngang qua tất cả các chất hồng-trần.

Đồ hình số 36

Tinh-linh thổ-địa thường sống trong cái phách của quả địa-cầu. Hình dáng ốm nhom, coi dị-kỳ, giống như thây ma. Tinh-linh có vẻ mặt già khằn, tay chơn dài quá độ, da mặt nhăn, mắt nhỏ và đen hơi xéo hai bên. Vị tinh-linh nầy (Hình số 36) dường như tượng-trưng giống người Lê-mu-rien[12]. Tinh-linh thổ-địa không phải thuộc về loại dễ chịu. (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson).

Ta nên nhớ rằng: nhơn-loại chỉ choán một phần nhỏ của địa-cầu, chớ những loài tinh-linh đông hơn vô số: lớp thì ở trên mặt và dưới đất, trên sông, trên đồng ruộng, trong không khí, đá, lửa, trùng-trùng, điệp-điệp. Bởi thế chúng nó làm bằng chất thanh-khí, chun ngang qua tất cả các chất hồng-trần, nước, lửa, sắt, đá, v.v. không làm trở ngại sự lưu-thông của chúng nó được. Trong hình vẽ số 35 ta thấy có nhiều thứ tinh-linh như: hỏa-tinh, thủy-tinh, vân-tinh, thiên-tinh, v.v… Các tinh-linh cao ta gọi là các vị Thần. Tinh-linh có vài đặc-tánh giống như đặc-tánh của loài tinh-hoa các chất, nhưng phần đông tấn-hóa cao hơn. Chúng chia làm 7 hạng chánh trong 7 chất hồng-trần. Ấy là 1) Hai hạng tinh-linh của đất hay là thổ-tinh hoặc thổ-thần (Hình số 36 và 37); 2) Hai hạng tinh-linh của nước hay thủy-tinh (Hình số 38). Tinh-linh tấn-hóa gọi là Thủy-thần. Ông G. Hodson, nhà có nhãn quang, thấy đặng một vị Thủy-Thần miền Nam-Hải. Vị Thủy-Thần nầy ngự-trị trọn vùng Nam-Hải từ bờ biển Java đến Úc-Châu. Ngài rút thần-lực từ trên không trung vào mình rồi ban rải khắp nơi trên mặt biển, để ban bố tinh-lực cấu-tạo mọi hình-thức sanh-hoạt dưới nước như cá, ốc, sò, hến và các thứ cây mọc dưới biển, cùng là kích-động

tâm-thức của mỗi nguyên-tử, tế-bào các sinh vật li-ti, nhỏ bé treo lơ lửng trong giòng nước mặn. Vị Thủy-Thần nầy hoạt-động dưới sự chỉ huy của một vị Thần lớn hơn, cai quản tất cả mặt biển Thái-Bình-Dương. Ở trên còn một vị lớn hơn nữa, tức là Thủy Long-Vương chỉ-huy tất cả bốn biển đại dương trên địa-cầu; 3) Một hạng tinh-linh của không-khí hay là Vân-tinh hoặc Thiên-tinh (hình số 39); 4) Mấy hạng tinh-linh của lửa hay hỏa-tinh (đồ hình số 40). Mấy hạng tinh-linh nầy là những sinh-vật thanh-khí (entités astrales).

Hình số 37

Vị tinh-linh Thổ-địa nầy dường như lấy hình người Lê-mu-rien là người thuộc về giống dân chánh thứ ba. (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson).

Hình số 38

Vị Thủy-Tinh nầy ngụ tại hồ Thirlmere cao lối 2 thước 13. Thần thường bay luyện trên mặt nước, có khi Thần cũng bay chơi trên mặt đất nữa. Trông Thần giống như con đại điều bay thật mau. Mặt mũi Thần thấy không rõ, chỉ thấy vùng hào-quang sáng rực mà thôi. (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson).

Vị Thiên-tinh nầy ở tại Lancashire lấy hình người. Thiên-tinh hay bay từng-đoàn rất mau trên không khí, kêu gọi nhau giống như tiếng gió reo. Thiên-Tinh có cặp cánh to, dài và đẹp đi từ vai tới chơn.

Ông Hodson nói rằng: "Tôi có nhìn xem một đoàn thiên-linh bay thật mau trên vòm trời xanh thẫm, màu sắc chói ngời, biến đổi luôn luôn, nhưng hầu hết đều có những màu đại khái như sau: xanh dợt, hường, xám, vàng… Tôi có trông thấy tại triền núi Helvellyn một đoàn thiên-tinh bay trước một vầng mây đen kịch, triệu-chứng bão tố. Nhiều Thiên-tinh đổi màu đen, vẻ mặt khó nhìn dường như họ đem đến cho ta cái cảm-tưởng sấm sét, dữ dằn." (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson)

Đồ hình số 40

Thần lửa không có hình dáng nhứt định, luôn luôn thay đổi, biến hóa, nên rất khó mô-tả cho rõ ràng. Tuy nhiên gương mặt có thể thấy rõ. Mặt Thần lửa giống như mặt người, khi nào không bị hào-quang của ngọn lửa che lấp. Vì lửa là một yếu tố phá-hoại, nên gương mặt Hỏa-Thần đôi khi hiện ra sát khí, và đôi mắt long-lanh một tia sáng độc ác. Tuy hình dáng giống người, nhưng toàn thân của Thần Lửa sáng rực như một cái hỏa lò, và mỗi tế bào trong châu thân dường như làm bằng chất lửa, với những ngọn lửa hồng luôn luôn bao phủ quanh mình. (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson)

Một đôi khi người ta miêu-tả loài tinh-linh trong hang đá, nhứt là ở thời-kỳ thượng-cổ. Thể-chất chúng nó là thanh-khí, mắt phàm thấy không đặng, trừ khi hai trường-hợp nầy: Một là khi chúng hiện-hình bằng cách rút chất khí hồng-trần: Hai là khi người xem chúng nó có đôi chút uy-lực thần-bí thấy đặng chất thanh-khí. Vả lại loài tinh-linh hiện-hình rất dễ: vì lẽ chúng ở cận tầm con mắt con người. Bởi vậy người ta thường thấy chúng. Tinh-linh ở hang đá tiến-hóa cao, coi sóc một dãy núi, người ta gọi là Sơn-thần.

Tinh-linh có nhiều hình dạng khác nhau thường hay lấy hình người, nhưng cơ-thể nhỏ hơn. Chúng cũng như tất cả nhơn-vật và sanh-vật ở cõi Trung-giới, có thể biến hình theo ý muốn. Mỗi hạng tinh-linh đều đặt dưới quyền cai-quản một vị Đại-Thiên-Thần mà người Ấn-Độ gọi là: Indra, Agni, Pavana, Vanura, hay Kisshiti. Ta đã nói ở trên, loài tinh-linh không tiến-hóa theo đường của nhơn-loại, nghĩa là: không đầu-thai làm cây cỏ, thú-cầm, v.v… Tuy nhiên, cũng có vài trường hợp bất-thường là có một vài thứ nhập vào thảo-mộc và thú-cầm trước khi tách qua đường khác. Tỷ như dưới biển, có loài tinh-linh vừa thoát kiếp Kim-Thạch lại nhập vào Hải-thảo (algues) rồi sang qua san-hô, bông đá và Đầu-Túc-Loại (céphalopodes) mới đến loài cá lớn, để tẻ qua đường tiến-hóa của Thủy-tinh (Đồ hình số 35). Có loài tinh-linh của đất tức là Thổ-tinh, trước cũng đầu-thai trong thảo-mộc (nấm nhỏ) đến vi-trùng, các loại

sâu bọ, loài bò-sát thứ nhỏ, rồi mới đến chim chóc xinh đẹp để tẻ qua đường tiến-hóa của Tiên-nữ vui tươi (Hình số 41). Có loài tinh-linh mà cơ-thể làm bằng chất tinh-khí (gọi là Tiểu-sanh-vật Tinh-khí) trước cũng đầu-thai làm mễ cốc (loại thảo mộc), làm ong, kiến (loài thú-vật) rồi mới tẻ qua đường tiến-hóa của Tiểu sanh-vật Tinh-khí sống trên mặt trái đất. Chúng giống như hình chim-sâu, bay liệng trên bông hoa, cây cỏ (Hình số 42) để giúp cho loại thảo mộc nầy sanh sản và tiến-hóa. Những Tiểu-sanh-vật ngộ nghĩnh nầy không bao giờ đầu-thai làm người. Về sau chúng lần lần tiến-hóa mới lấy hình các Tiên-nữ xinh tươi, rồi mới chuyển-di làm Thiên-Tinh nghĩa là cơ-thể của chúng không bằng chất tinh-khí nữa (matière éthérique) mà lại làm bằng chất thanh-khí (matière astral). Từ đây Thiên-tinh sẽ lần bước lên nấc thang Thiên-Thần vậy.

Hình số 41

Thần vui cao lối 1 thước 22. Hình dáng mảnh mai, dịu-dàng. Thần dòm chúng ta với cặp mắt vừa mơn-trớn, vừa vuốt-ve, đượm vẻ vui mừng trong nụ cười khả ái. Hào-quang của Thần sáng lòa rực rỡ, màu sắc pha lẫn nhau xem rất đẹp. Người ta thấy có màu xanh da trời lộn với màu hường dợt, xám tro. Hễ thần ở gần ai thì, tự-nhiên chuyền điễn vui cho họ (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson)

Trên đồng cỏ có biết bao nhiêu là tinh-linh bay liệng vẩn vơ, khả-ái như trẻ con. Thần cỏ thường bay từng đoàn, mặc y-phục thướt tha, hường dợt hay trắng tinh. Cả thảy đều vui vẻ xinh tươi. (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson).

Ở đây ta nên phân-biệt hai loài tinh-linh lo giúp thảo-mộc:

1. Một loài là Tiểu-sanh-vật Tinh-khí giống loài ong hay chim sâu như ta thấy đó. Chúng nó có nhiều thứ khác nhau, rập rờn trên những chiếc hoa đẹp.
2. Một loài là: những bóng hình tư-tưởng của các Thiên-Thần có bổn-phận săn-sóc thảo-mộc. Mặc dầu loài tinh-linh bằng tư-tưởng nầy xinh đẹp, nhưng không thể gọi là sinh-vật vì chúng không phải là vật sống; và chúng hoạt-động trong một thời-gian rồi phải tan rã trong không-khí, chớ đầu-thai chẳng đặng.

Mỗi khi sự sống đi từ loại nầy sang loại khác, tỷ như lúc cây cỏ thành thú-vật, thú-vật thành loài người, v.v… thì ta thấy có nhiều loại nhảy cấp, cũng như học trò giỏi nhảy lớp vậy; đáng lẽ sự sống ở cây cỏ đầu-thai làm thú-vật, bắt đầu từ loài nhỏ đến loài to, nhưng không phải thế: chơn-thần (tức là sự sống) ở trong loài cây to không bao giờ đầu-thai làm thú-vật nhỏ, mà làm thú-vật nhà hoặc loại bò-sát lớn. Cũng như chơn-thần của cây da hoặc cây bồ-đề không bao giờ đầu-thai làm ruồi, muỗi hoặc chuột cùng các loài thú nhỏ khác bao giờ. Chính là những đóa hoa cúc và hoa bồ-công-anh (Pissenlit) sẽ thành mấy loài ấy? Những tiểu-sanh-vật như loại bò-sát, không bao giờ bước sang qua loài người liền. Còn thú vật nhà mà tấn-hóa cao, được thoát kiếp thú đầu-thai làm người lần thứ nhứt, thì không cần phải bắt buộc lấy xác người dã-man. Tuy lược đồ tiến-hóa số 35 đã chỉ thế nhưng sự tiến-hoá chia ra biết bao nhiêu đường phụ-thuộc, chẳng bao giờ tả cho đủ đặng. Song ta đã thấy tất cả con đường tiến-hóa đều gom về một mối, để đi đến bậc Đại Thiên-Thần (Dhyan-Chohan).

Tiên Thánh có trước mặt 7 đường tiến-hóa, nhưng một trong 7 đường là con đường Đại Thiên-Thần [[13]]. Tất cả 7 con đường ấy đều qui về Đức Thượng-Đế.

Tinh-linh mà thành được thiên-thần là khi nào nó tiếp đặng luồng sóng sanh-hoạt thứ ba của ngôi thứ nhứt; cũng giống như thú-vật muốn thành người thì phải tiếp luồng sóng ấy mới có thể làm một cá-nhơn riêng biệt (xem đồ hình "Ba luồng sóng sinh-hoạt" số 24). Thú vật muốn thành người thì phải ở gần người, còn tinh-linh, muốn thành Thiên-thần, thì cũng phải phụng-sự Thiên-thần để biết nhiệm-vụ các Ngài.

Tinh-linh tiến-hóa cao nhứt cũng không hơn đặng con người sống trong cái phách, hoặc trong cái vía, mặc dầu có khi nó hơn bậc thường nhơn nhiều điểm: vì lẽ tinh-linh chưa phải là một chơn-thần riêng biệt; (nó ở vào trạng-thái giống như trạng-thái của thú-vật trong hồn-khóm), nó cần phải tiếp luồng

sóng sanh-hoạt thứ ba, như đã nói ở trên, mới rứt ra khỏi khóm mà thành chơn-thần riêng-biệt đặng. Vậy tinh-linh có thể hơn một con thú sống trong cái phách hay cái vía mà thôi. Có thứ tinh-linh chưa tấn-hóa, trí khôn của chúng nó chỉ bằng trí khôn của chim sâu hoặc ong, bướm mà chúng thường lấy hình giống hệt. Một vài con tinh-linh hình-trạng mập-mờ kỳ-quái giống như một vật lù-lù, miệng hả tàng-hoạc, đỏ lòm trông thấy rợn người! Chúng nó bu xung-quanh các hàng thịt, nhứt là chỗ nào có máu chảy, thịt hôi vì chúng chỉ sống là nhờ hưởng hơi những vật ghê tởm ấy. Trên những dĩa cá, tô thịt chúng bay liệng chập-chờn không ngớt, như bầy ruồi xanh trên thây chết! Ông C. W. Leadbeater có huệ-nhãn thấy đặng chúng nó, mà Ngài gọi là bầy quỉ-trùng. Ngài có tả chúng nó trong "Le côté caché des choses" (quyển I trương 84).

Trong quyển II trang 12, Ngài còn nói rằng: "Cái tập-quán ăn thịt cá thu hút một số tinh-trùng ghê-tởm, miệng đỏ lòm, hả tàng hoạc, dường như để hút máu. Thật là cảnh tượng não lòng, đau thương cho ai có thần-nhãn trông vào một phụ-nữ xinh đẹp, diễm-lệ (mà cho là tử-tế và đức-hạnh) đi vào một lò thịt để chọn lựa, rờ rẫm, vuốt ve những thây ma, máu nhượm đỏ lòm! Chúng là những nạn-nhơn của con người vì miếng ăn mà trở thành hung-tợn, đang tâm hành-quyết các chơn-linh ẩn-trú trong hình-hài thú-vật. Người phụ-nữ kiều-diễm nầy vô tình không biết mình đang bị vây bởi vô số tinh-linh hình-thù quỉ quái và ghê gớm ấy! Chúng nó bay liệng xung quanh nàng dường như những con lằn xanh đu theo miếng thịt thúi! Nàng có ngờ đâu một ngày kia, những ai đã nhúng tay vào sự sát hại các linh-hồn thú-vật sẽ đứng trước mặt Đấng Chí-Tôn muôn đời, và sẽ kinh khủng mà nghe lời Sấm của Ngài như vầy: "Các ngươi đã hại một đứa con Ta, thì quả là các ngươi làm hại Ta vậy!"

Những tinh-linh nầy cũng ưa đến những quán rượu, và tẩm mình trong hào-quang (aura) của kẻ say rượu, hoặc hung-tợn, dâm-đãng, tục-tằn, giận dữ, ganh-ghét, v.v… Chúng nó nhảy múa, vui mừng, thỏa thích trong chất phách, vía của những người bạc phước nầy! Nếu ai có nhãn-quang trông vào cái cảnh-tượng ấy sẽ ghê gớm vô-cùng! Người vô-tình không biết rằng: mình đã bị bọn quỉ-trùng phủ vây tứ phía, và chúng đang rán sức khêu gợi sự xúc-cảm hèn của nạn-nhơn, để được một cơn thỏa-thích.

Dòm vào bọn quỉ-trùng nầy, chúng ta khó mà tưởng-tượng rằng chúng nó cũng cùng một loại với những tinh-linh đẹp-đẽ, thanh-nhã mà ta sẽ nói đến: ấy là các vị Tiên-nữ (les fées).

Tiên-nữ là những tinh-linh thường ở trên mặt đất, mặc dầu có thể tự-ý đi ngang qua ruột trái đất đặng vì cơ-thể làm bằng chất tinh-khí (matière éthérique) là chất dễ nắn. Tiên-nữ có thể dùng tư-tưởng mà thay hình, đổi dạng rất dễ dàng. Hình-thể tiên-nữ giống hình thể con người, nhưng nhỏ hơn và thật xinh đẹp, hoặc có khi lớn thái quá. Tiên-nữ lấy màu sắc và hình thể tùy theo đặc-tính riêng; cũng như khi ta trông vào lông cánh, vóc giạc và màu sắc của chim, thì ta biết nó thuộc về loài gì.

Tiên nữ có biết bao nhiêu hạng, (Hình số 43) từ bực thấp tới bực cao giống như loài người và tùy theo tánh-nết và trí-hóa mà sống chung với nhau, cũng như một dân-tộc của một nước. Tiên-nữ cũng như các loài tinh-linh khác đều có sanh và có tử: có hạng sống lâu hơn loài người, có hạng sống chừng vài chục năm. Nhưng sự luân-hồi của tinh-linh không giống với sự luân-hồi của loài người. Một tinh-linh sanh ra với một cơ thể hoàn-toàn mở mang, y như loại côn trùng; dù đời của nó vắn hay dài, nó cũng không lộ vẻ gì mệt nhọc, dù khi gần lâm-chung nó cũng chẳng hề già. Nhưng đến giờ phút cuối cùng, thì thần-lực của nó dường như rút lần ra khỏi cơ thể, xác nó càng thêm trong trẻo, phai-mờ trong khí của cõi Trung-giới. Chừng ấy, nó sống chung với loài tinh-linh thanh-khí một ít lâu, rồi nhập vô hồn-khóm nếu nó chưa đủ điều kiện để làm một cá-nhơn riêng-biệt. Ở với hồn-khóm một thời gian, tinh-linh lại muốn đầu-thai. Chừng ấy ý-muốn đầu-thai của nó kích-thích tinh-chất (matière éthérique) và thanh-chất (matière astral) để làm ra cơ-thể của nó.

Tiên-nữ với vẻ đẹp tuyệt vời (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson)

Ta đã thấy, sự sanh và sự tử của tinh-linh thật hết sức giản-dị và không hề đau đớn. Loại tinh-linh không có nam nữ, không bịnh hoạn, không chiến-đấu để mưu-cầu sự sống, cho nên chúng nó thoát đặng sự khổ của người đời. Một hại khi, chúng nó cũng giận hờn, ghen ghét nữa, nhưng chỉ trong chốc lát mà thôi. Chúng rất vui mừng thấy ánh sáng mặt trời, và ưa nhảy múa dưới trăng thanh (xem hình Thần vui số 41). Chúng rất sung sướng khi giọt mưa thấm nhuần cây cỏ, sau cơn nắng gắt. Chúng cũng sung sướng, khi tuyết phất-phơ sa và ưa ngã mình trên làn gió nhẹ thổi hiu-hiu. Loài tinh-linh thích xem hoa nở, ngắm cây lên và ưa nhìn cầm-thú nô-đùa. Nhơn đó mà chúng có thiên-trách điểm-tô màu sắc và giống nòi của thảo-mộc, và thú-cầm như Thần Cỏ (Hình số 42), Thần Hoa (Hình số 44).

Hình số 44

Thần hoa hường có hào quang hường pha vàng. Thần hoa có nhiều huyệt bí-yếu tập trung nơi đầu, mũi, ngực chói lòa ánh sáng. Vùng ánh sáng nầy tỏa ra giống như nhụy hoa. Vị Thần hoa hường nầy cao độ 3 thước 65 tượng-trưng tình bác-ái thiêng-liêng. (Theo nhãn-quang của ông G. Hodson).

Mặc dầu loài tinh-linh không ăn uống nhưng chúng nó cũng ưa hưởng hơi của hoa thơm và hít tinh-khí vào mình như người ăn vật-thực vậy. Mùi hương thấm từ nguyên-tử của cơ-thể chúng chớ chẳng phải chỉ kích-thích khứu-giác mà thôi. Không có cái chi làm cho thân thể của chúng bị thương tích đặng, và sự nóng, lạnh không làm cho chúng nó khổ cực được. Có loài hỏa-tinh còn ưa-thích ngọn lửa là khác, chúng nó nhảy múa sung sướng trong lửa như người tắm ở hồ tắm. (Hình số 40). Phần đông tinh-linh không ưa con người, và tìm cách trốn tránh luôn, vì con người thường phóng trên không những luồng sóng dục-tình xấu-xa làm kích-động chúng nó mãi. Con người đối với chúng nó là một vị quỉ-vương phá-hại: bởi con người đi tới đâu là giết, là chặt, là gieo sự đau khổ đến đó: nào là đốn cây, ngắt hoa vò nát, nào là bắt thú-cầm, banh da xẻ thịt để ăn, nào là hủy-hoại cảnh vật thiên-nhiên, để trám vào những xưởng kêu rầm rầm ngày đêm không ngớt, cùng với những nhả máy khói mịt trời, làm cho không khí hóa ra khó thở. Cái gì của loài tinh-linh quí trọng, nâng niu, đều bị con người vày-đạp, thảo nào chúng không ghê sợ mà lánh xa. Như vậy chẳng phải nói loài tinh-linh tiến-hóa hơn loài người: chúng chỉ như các trẻ con sung sướng, giản-dị, vui vẻ và vô trách-nhiệm; và có khi sự khôn ngoan chúng nó còn thua thú-vật nhà của ta nữa; nhưng chúng có nhiều đức-tánh thanh-cao mà người phàm chưa có. Nhờ năng-lực quyến rũ, tinh-linh thực-hiện nhiều trò chơi tinh-quái đối với con người rất dễ-dàng. Nạn nhơn chỉ thấy và nghe những điều chúng nó muốn, cũng như người bị thôi-miên, chỉ cảm, thấy và nghe những điều ám-thị của nhà truyền-thần vậy. Loài tinh-linh không đủ năng-lực chế-ngự ý-chí của con người, ngoại trừ ý-chí của kẻ yếu đuối hoặc bị tê-liệt, bởi sợ-hãi. Chúng nó có thể ám-thị giác-quan của một số đông người. Nhiều trò ảo-thuật của các nhà đạo-sĩ Fakir Ấn-Độ được thực-hiện là nhờ sự giúp đỡ của những tinh-linh mà mắt mấy người xung-quanh. Các vị Bàn-Môn Tả-Đạo thường sai khiến chúng bằng bùa chú để thi-hành công việc; các vị Tiên-Thánh dùng chúng nó trong việc giúp đời. Một khi chế-phục đặng chúng rồi thì chúng làm tròn phận-sự một cách trung-tín và chắc-chắn.

Trong vài rừng núi vắng vẻ, chúng nó "mà mắt" những lữ-khách đi về trễ, làm cho các người nầy thấy nhà cửa, nhơn-vật bằng ảo-ảnh, rồi cứ đi tới. Thời-hạn ảo-ảnh ấy không phải chỉ trong chốc lát, nó

thường kéo dài rất lâu. Đến khi hết bị ám-thị, người lữ-khách cô-đơn, bỗng-nhiên kinh-ngạc thấy mình đang ở giữa cảnh mồ hoang, cỏ loáng, hoặc giữa một cánh đồng xa lạ tứ bề vắng-vẻ quạnh-hiu!

Tuy chúng tinh-quái và ưa giỡn cợt nhưng ít khi có tánh hung ác, trừ khi nào bị khiêu-khích. Chúng nó thường tạo ra những hình dạng ghê gớm đặng nhát những người vừa mới thức-tỉnh trên Trung-giới. Nhưng nếu con người có đạo tâm vững chắc mà mạnh mẽ không kinh sợ, thì chúng nó sẽ rút lui ngay.

Một đôi khi tinh-linh muốn kinh-nghiệm sự sống của người đời nên ám-ảnh một người đang sống ở cõi trần. Vì thế mới có những câu chuyện hồ-ly, yêu quái v.v… Nhưng trường-hợp nầy ít khi xảy ra lắm vì trình-độ con người càng ngày càng cao, tinh-linh không thể chế-ngự hoặc ám-ảnh đặng.

Đôi khi chúng nó cũng kết bạn thân-mật với con người, và giúp đỡ con người tùy theo tài sức. Tình thân-thiện như thế ít xảy ra. Chúng nó ưa chơi giỡn với linh-hồn trẻ con vừa bỏ xác phàm. Có hạng tinh-linh trang-nghiêm hơn hết, được người đời thờ phượng, như thần rừng, thần đình, thần làng, thần gió, thần mưa, thần nông v.v… Các tinh-linh nầy ưa sự tôn-sùng của con người, nên sẵn sàng giúp ích tùy theo tài sức.

Hạng tinh-linh tấn-hóa cao hơn hết là những thiên-tinh (sylphes) ở trong không-khí. Cái thể thấp của chúng nó chẳng phải làm bằng tinh-chất (chất tinh-khí éther thuộc về cõi phàm để làm ra cái phách) mà bằng chất thanh-chất tức là cái vía. Trí-hóa của nó cao hơn hạng tinh-linh khác, và ngang hàng với trí-hóa của con người, nhưng chúng nó chưa có linh-hồn cá-tính; chúng nó còn thuộc về hồn-khóm. Bởi chúng nó tấn-hóa khá cao, nên rán sức đoạt cho kỳ được một cái linh-hồn riêng-biệt vĩnh-viễn, có thể luân-hồi được, hầu trở nên một vị Thiên-Thần.

Mỗi vị Thiên-Thần ở cõi Trung-giới đều có một nhóm tinh-linh theo hầu và chịu huấn-lịnh.

Thiên-Thần mỏ vàng tại Nam Phi-Châu

Vị Thiên-Thần mỏ vàng nầy có dáng người phụ-nữ, màu sắc tốt đẹp phi-thường. Những lằn sáng là những đường thần-lực. Hào-quang của Thiên-Thần hẹp bề ngang, mà nở lớn bề đứng. Hình-dạng Thiên-Thần (nơi trung-tâm) xem rất nhỏ đối với hào-quang to lớn. Song kỳ thật, Thiên-Thần mỏ vàng có một cái thân vĩ-đại. Geoffrey Hodson (The kingdom of the Gods)

Một vị Thiên-Thần tại núi Catle Rock Cape Province

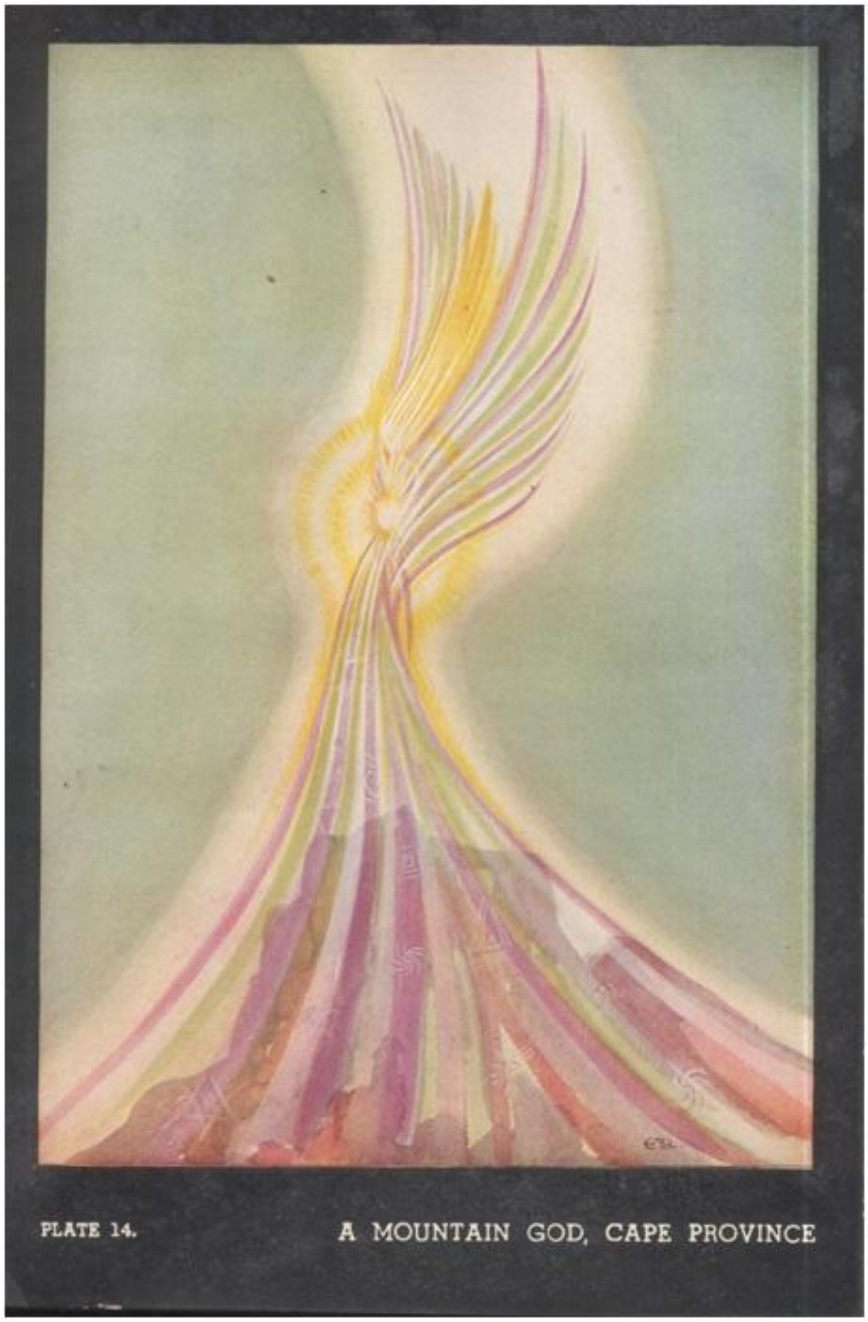

Tôi thấy vị Thiên-Thần nầy ngự trị tại dãy núi Catle Rock thuộc vùng bán đảo Le Cape ở Nam Phi-Châu. Ngài có phận-sự chỉ-huy sự tiến-hóa của loài kim-thạch ở dãy núi ấy. Tinh-lực sáng-tạo của vũ-trụ do hào-quang của Ngài phóng ra, cấu-tạo những hình thể theo qui-mô phép-tắc kỷ-hà-học, để cho loài khoáng-vật và cả loài thảo-mộc trên dãy núi nương theo đó mà sanh-hoạt và biểu-lộ tánh-chất của chúng. Geoffrey Hodson (The kingdom of the Gods)

CHƯƠNG THỨ BỐN HAI: Thiên-Thần (Dévas)

Người Ấn-Độ gọi Thiên-Thần là Dévas, hoặc Suras, hay là "quang-thần" (êtres lumineux). Bên Gia-Tô Giáo gọi các Ngài Thiên-Thần (Anges) và Đại Thiên-Thần (Archanges). Hỏa-Giáo cũng gọi các Ngài là Péristhas. Tiền-kiếp các Ngài là tinh-linh, nên đường tiến-hóa khác hẳn với đường tiến-hóa của nhơn-loại. Các Ngài không bắt buộc ở mãi một dãy hành-tinh nào. Con đường tiến-hóa của các Ngài là phải vượt qua một hệ-thống vĩ-đại gồm bảy dãy hành-tinh.

Có nhiều hạng Thiên-Thần:

a) Thiên-Thần ở cõi trung-giới (dévas de l'astral) tấn-hóa cao hơn người dã-man, nhưng kém hơn nhơn-loại bực thường.

b) Thiên-Thần ở Hạ-Thiên (dévas du mental inférieur) tấn-hóa ngang hàng với nhơn-loại bực cao.

c) Thiên-Thần ở cõi Thượng-Thiên (dévas du mental supérieur) tấn-hóa ngang hàng với những đệ-tử Chơn-Tiên được hai hoặc ba lần điểm-đạo.

Hai cõi trên: Niết-Bàn và Bồ-Đề cũng có Thiên-Thần vậy. Song các Ngài tiến-hóa hơn các Thiên-Thần ở cõi dưới nhiều.

Các Ngài ở cõi nào dùng chất-khí cõi ấy mà làm một cái thể để hoạt-động, nhưng luôn luôn có năng-lực tạo ra một cái thể ở cõi thấp tạm-thời. Tỷ như Thiên-Thần ở cõi Thượng-Thiên có thể lấy chất cõi Hạ-Thiên để làm một cái thể tại cõi ấy. Cho nên Thiên-Thần có vô số hình-dạng.

Một phần rất ít nhơn-loại trí-hóa cao, có năng-lực nhập vào hạng Thiên-Thần.

Có 330 triệu Thiên-Thần chia ra làm ba hạng:

1. Thiên-Thần cõi Dục-giới (Kamadévas) và cõi Trung-giới.

2. Thiên-Thần cõi Sắc-giới (Rupadévas).

3. Thiên-Thần cõi Vô-Sắc-Giới (Arupadévas) hoạt-động ở các cõi Thượng-Thiên, Bồ-Đề và Niết-Bàn.

Ấn-Độ cũng chia Thiên-Thần làm ba hạng chánh, mỗi hạng chánh gồm ba hạng nhỏ. Cả thảy là chín hạng. Cơ-Đốc Giáo chia Thiên-Thần làm chín PhẩmThiên-Sứ. Đạo-Giáo gọi là Cửu Phẩm Thần-Tiên. Phật-Giáo gọi là Cửu Phẩm Liên-Đài.

Thiên-Thần có 5 đường tiến-hóa mục-đích cuối cùng là hiệp nhứt với Đức Thượng-Đế, cũng như loài người khi đắc quả rồi cũng được Phản Bổn Hườn Nguyên hiệp nhứt với Ngài vậy.

Bởi thân thể Thiên-Thần làm bằng tinh-chất của cõi các Ngài đang hoạt-động, nên sáng lòa và rực rỡ muôn màu. Thiên-Thần có thể dùng ý-chí mà đổi màu sắc và hình-thể rất dễ dàng. Nếu thể nầy không đẹp, thì các Ngài bỏ tức thì, và rút tinh-chất khác thanh đẹp hơn để làm ra thể mới tinh-xảo và chói sáng hơn.

Ở cõi Thượng-Thiên, Thiên-Thần làm ra tinh-chất hạp với những tư-tưởng trừu-tượng, những quan-niệm cao-thượng. Ở cõi Hạ-Thiên, các Ngài tạo ra tinh-chất hạp với những tư-tưởng cụ-thể. Ở cõi Trung-Giới, các Ngài tạo ra tinh-chất hạp với dục-vọng.

Đại Thiên-Thần là những Đấng cao-siêu hơn hết. Các Ngài ở Thái-Dương-Hệ khác qua giúp Thái-Dương-Hệ của ta. Các Ngài cai-quản tất cả Thiên-Thần khác từ những Thiên-Thần của Ngũ-Hành cho tới Thiên-Tinh, tinh-linh và các loài tinh-hoa.

Có 7 vị Đại-Thiên-Thần nhưng chỉ có 5 vị hoạt-động trong Thái-Dương-Hệ mà thôi. Năm vị ấy là:

1. Indra, Đại-Thiên-Thần của tinh-khí.
2. Agni, Đại-Thiên-Thần của Lửa,
3. Vayau hay Pavana, Đại-Thiên-Thần của không-khí.
4. Vanura, Đại-Thiên-Thần của Nước,
5. Kishiti hay Kubira, Đại-Thiên-Thần của Đất.

Toàn-thể Thái-Dương-Hệ là trường tiến-hóa của các Ngài, mà các Ngài có bổn-phận dìu dắt.

Kế Đại-Thiên-Thần là Thiên-Thần kiến-trúc ở ba cõi Thượng-Thiên (Vô-Sắc-Giới), Hạ-Thiên (Sắc-Giới) và Trung-Giới (Dục-Giới). Thiên-Thần cõi Vô-Sắc-Giới có nhiệm-vụ cai-quản những thế-giới, những giống dân hay những quốc-gia. Thiên-Thần cõi Sắc-Giới lo lắng về sự cấu-tạo hạ-trí. Trong hạng Thiên-Thần cõi Sắc-Giới có những nhạc-sư, và vũ-sư thiêng-liêng, để điều-khiển sự điều-hòa và tiết điệu. Thiên-Thần ở cõi Dục-Giới lo lắng về sự cấu-tạo của loài kim-thạch, thảo-mộc, thú-cầm và loài người. Các Ngài tiến-hóa cao hơn nhơn-loại rất nhiều. Những người cao-siêu có thể tiến-hóa cao hơn một vài Thiên-Thần ở cõi Dục-Giới. Kế Thiên-Thần Kiến-Trúc là Thiên-Thần coi về Nhơn-Quả. Các Ngài lo lắng về sự tiến-hóa của quốc-gia và của con người. Người ta gọi các Ngài là Seigneurs Lipikas hay là những vị Nam-Tào Bắc-Đẩu. Dưới quyền chỉ-huy các Ngài có bốn vị Đại Thiên-Vương (thật ra có 7 vị) ấy là:

a) Đại Thiên-Thần coi về Phương Đông (Dhritarashtra).

b) Đại Thiên-Thần coi về Phương Nam (Virudhaka).

c) Đại Thiên-Thần coi về Phương Tây (Virupaksha).

d) Đại Thiên-Thần coi về Phương Bắc (Vaishravana).

Các Ngài coi về vận mạng con người, ban cho con người những cơ-hội tiến-hóa mau lẹ trên đường Đạo.

Thân thể của Thiên-Thần thâu vô, giản ra rất dễ dàng. Hào-Quang các Ngài phóng ra ngoài - từ đường trực-kính 300 thước đến 3.000 thước. (Hình số 45-46) Hào-Quang của con người giống như đám mây nhẹ nhàng và chói sáng, còn Hào-Quang của Thiên-Thần, thì rực-rỡ như ngọn lửa hồng, có muôn ngàn màu sắc khác nhau và biến đổi mãi giống như cái mống xinh đẹp vô cùng (Hình số 47). Ở trung-tâm Hào-quang của Thiên-Thần có hình dạng người ta. (Hình số 48)

Có khi Thiên-Thần hiện ra hình người cao lớn phi-thường. (Hình số 49). Các Ngài làm việc với một sự cẩn-thận, một sự tinh xảo đúng theo qui tắc, trong khi tạo một hình ảnh bé nhỏ như chơn con bò chét hay một bầu hành tinh. Các Ngài điều khiển vạn-vật, và lo thực-hiện những hiện-tượng thiên-nhiên một cách đều đặn và đúng đắn không thể tưởng-tượng đặng. Các Ngài có phận sự dìu dắt sự tiến-hóa cho phù-hạp với Thiên-cơ và và giúp đỡ những người đi khá xa trên đường Đạo. Các Ngài lo nắn những hình dạng cần-thiết cho sự biểu-lộ của đời sanh-hoạt.

Thiên-Thần giúp các linh-hồn đầu-thai bằng cách làm ra xác thân, vía, trí cho con người. Người Việt-Nam gọi các Ngài là "Mụ-Bà" (Hình số 50). Các Ngài đưa đến cho linh-hồn những vật-liệu cần-ích để làm ra xác-thân, rồi giúp cho linh-hồn biết cách chi-dụng. Linh-hồn tấn-hóa nhiều chừng nào, thì Thiên-Thần ít cực chừng nấy. Đối với loài cầm-thú, thì Thiên-Thần làm gần hết các việc. Còn đối với loài kim-thạch và thảo-mộc, thì mọi việc đều tự mình làm cả.

Thế thì, Thiên-Thần là "Tôi đắc lực" của Đức Thượng-Đế thi-hành Thiên-lịnh từ chi-tiết, giúp muôn triệu sinh-linh trên đường tiến-hóa, bằng cách chỉ vật-liệu cho linh-hồn để làm cơ-thể mình.

Thiên-thần của Cape Province Tại Nam Phi-Châu

Vị Thiên-Thần nầy có hào-quang to lớn phi thường, có thể bao trùm nhiều ngàn dặm thước vuông. Ngài ngự tại vùng cận-bắc với bãi Sa-mạc Karoo. Cái ảnh-hưởng của Ngài to tác vô cùng. Ngài làm trung-gian cho luồng thần-lực từ Nam-cực đến Nam Phi-Châu. Thiên-Thần nầy có hai trọng-trách. Ngài trợ giúp sự nảy nở hình-hài, và tâm-thức của loài kim-thạch tại sa-mạc, đồng nội, và núi non. Đồng thời, Ngài bảo-tồn và đưa thần-lực từ Nam-Cực đến các sinh-linh dưới quyền bảo-trợ của Ngài. Tôi thấy bề cao của Thiên-Thần nầy ít nhứt là 30 thước 48 phân, trong khi hào-quang của Ngài có thể nới dãn ra xa muôn dặm. Geoffrey Hodson (The Kingdom of the Gods)

Thiên-Thần miền Nam Thái-Bình-Dương

Vị Thiên Thần Đại-Hải nầy được trông thấy tại bờ biển Java. Hào-Quang của Ngài bao trùm Đại-Hải Thái-Bình-Dương từ Java đến Úc-Châu. Vị Thiên Thần nầy rất cao lớn. Những lằn sáng trong hào-quang là những luồng thần-lực thiêng-liêng xạ xuống Ngài, rồi xuyên qua Ngài, mà chuyền xuống đại-hải, để sanh dưỡng các loài thủy-tộc. Dưới nhiều đáy biển, tôi thấy có nhiều vị tinh-linh to lớn phi-thường, giống như con cá voi. Thủy-quốc thật là mênh mông; tất nhiên nó phải có một vị Thủy-Vương cai-quản mới đặng. Geoffrey Hodson (The Kingdom of the Gods)

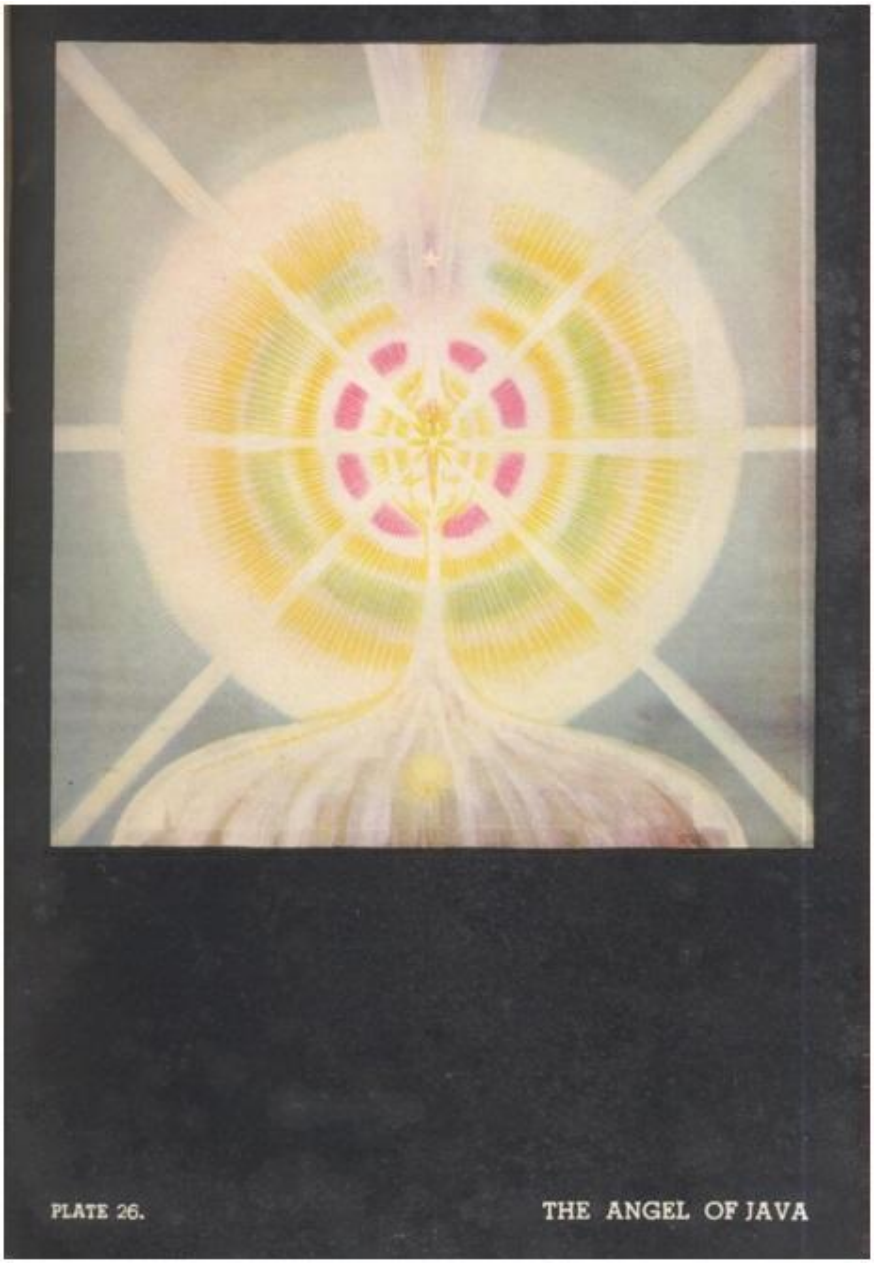

Thiên-Thần ở Java

Tại cù-lao Java có một cái Chùa linh-diệu phi-thường, gọi là Borobudor. Chùa ấy đã cất hơn 1800 năm. Nó là một tảng đá khổng-lồ, người khoét làm nhiều gian phòng tốt đẹp. Hai bên vách của bốn hành-lang rộng lớn. Người ta có chạm trỗ trên đá nhiều hình nổi tuyệt đẹp, để tả lại những khoản đời sống của Đức Phật Thích-Ca. Cái chùa nầy đã biến thành một thánh-địa cho những vị hành-hương. Nhiều người xem nó là trung-tâm uy-lực siêu-linh.

Theo sự tham-cứu của tôi, thì tôi thấy có một vị tối-đại Thiên-Thần đem hào-quang rực-rỡ của Ngài để bao trùm cái chùa ấy. Ngài có trách-nhiệm bảo-tồn và phân-phát thần-lực cho chùa. Ngài cũng là nguồn Thiên-lực phóng tỏa từ chùa lan ra khắp đảo Java và bao trùm các biển xung quanh. Geoffrey Hudson (The Kingdom of the Gods)

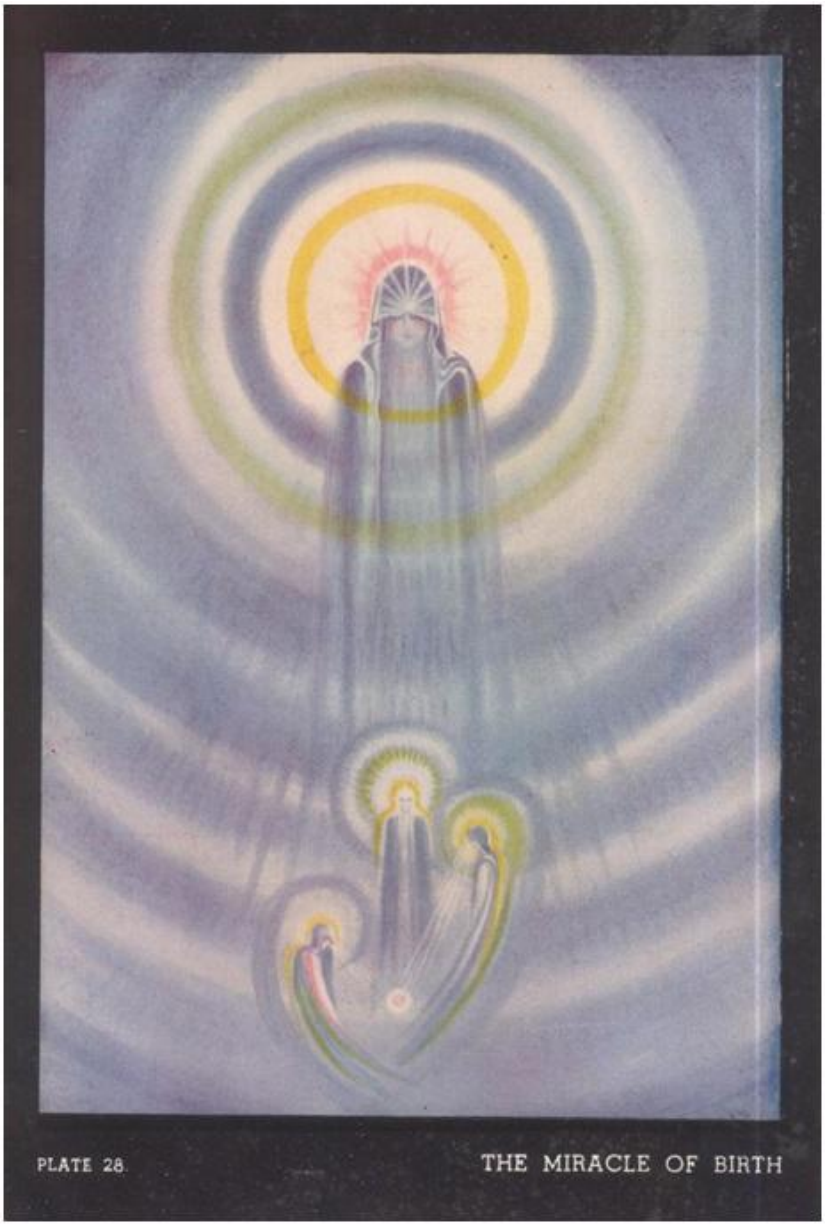

Thiên-Thần với sự sanh-sản

Mỗi khi tôi thâm-cứu về sự sanh-sản thì luôn luôn tôi thấy có một nhóm Thiên-Thần (mà người Việt gọi là Mụ-Bà) đảm-nhiệm hai trọng-trách: 1) Các Ngài làm các thể mới: phách. xác, vía, trí cho thai-nhi; 2) Các Ngài đưa linh-hồn đến nhập xác.

Dù tôi không thể theo dõi đặng linh-hồn từ lúc mới phát-sinh cho đến lúc đi đầu-thai, lấy thể xác, nhưng tôi tưởng các vị Thiên-Thần nầy có hữu-trách đối với sự tiến-triển của giống dân.

Dù xét kỹ về sự hoạt-động của các Ngài, tôi nhận thấy các Ngài là Thiên-Thần để lo việc sanh-sản của Tạo-Vật. Theo Triết-lý bí-truyền, thì các Ngài là những vị phụ-trách cho Đức Mẹ Thế-Giới. GeoffreyHodson (The Kingdom of the Gods)

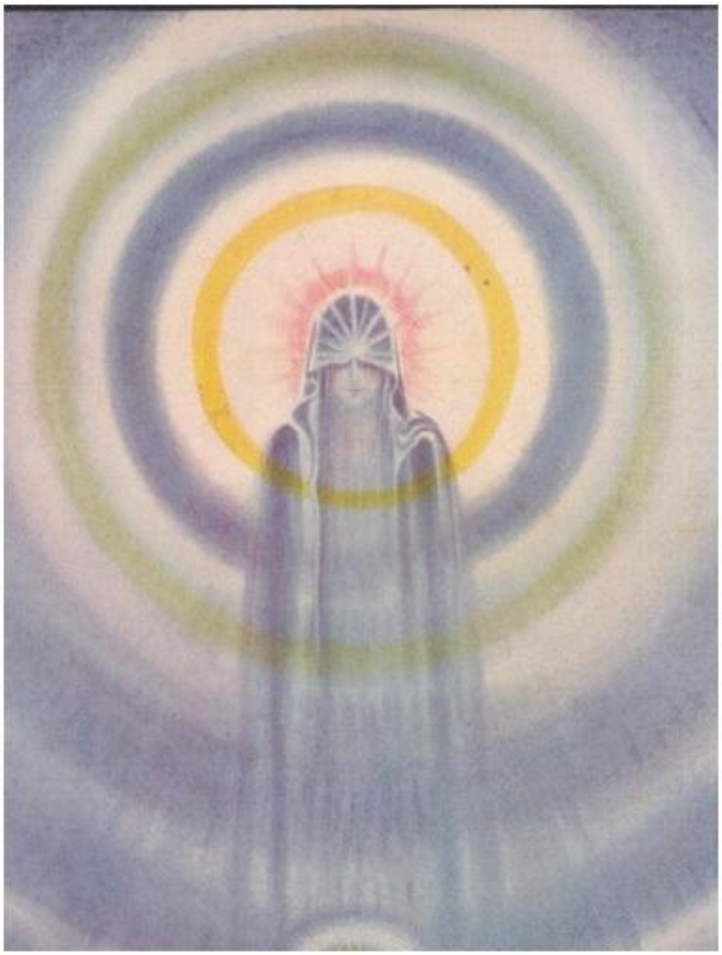

ĐỨC MẸ THẾ GIỚI (LA MÈRE DU MONDE)

Đức Mẹ Thế-giới (Hình số 51) là một trạng-thái của Ngôi thứ hai của Đức Thượng-Đế. Ngài có nhiều danh hiệu khác nhau. Bên phương Tây, người ta kính Ngài là Đức Mẹ Đồng Trinh Maria. Trong kinh Devi Bhagavata (Ấn-Độ) người ta xưng tụng Ngài là Đức Devi Bhagava, hay Javadambâ hay Avalokiteshvara. Bên phương Đông Ngài được tôn là Đức Quan-Thế-Âm Bồ-Tát. Bên Cao-Đài giáo tôn Ngài là Đức Diêu-Trì Thánh-Mẫu. Ngài thường liên-lạc chặt chẽ với Đức Phật và Đức Di-Lạc. Đối với người Ấn-Độ Đức Mẹ Thế-giới chẳng những hiện thân chí thượng của lòng đậm-đà nhứt và kỳ-diệu nhứt, mà cũng là Đấng Quyền Lực vô song và Uy-Nghiêm cực kỳ. Ngài luôn luôn đầy ân-huệ, chứa-chan niềm Bác-Ái, Từ-Bi để đáp lại liền những tiếng kêu la cầu cứu của chư Thiên và Nhơn-loại.

Đức Mẹ Thế-Giới là Chúa tể các vị Thiên-Thần. Ngài ngự trong thâm-tâm của các môn-hạ Ngài. Trong mỗi tầng đẳng cấp cõi trời và cõi phàm, Ngài đều có đại-diện. Hình số 52 chỉ cho ta thấy một vị Thiên-Thần đang thọ lịnh Ngài để ban ân-huệ cho một đứa trẻ yếu-đuối. Sự hoạt-động của Ngài rất đỗi bao la, trí phàm không tưởng tượng nổi. Dù nhiệm vụ của Ngài là giúp-đỡ tất cả sinh-linh, nhưng Ngài rất chú-tâm đến thiếu-nhi và phụ-nữ, nhứt là lúc sanh sản, vì hai hạng nầy yếu-đuối cần phải bảo bọc và thương yêu nhiều. Đức Mẹ Thế-Giới luôn luôn ôm ấp họ và ban cho họ sự che chở, sự nương nhờ cần kíp, để xô đuổi những nét nguy nan, sầu khổ đang lãng vãng quanh mình họ.

Hễ biết ai đau khổi thì, khi tham-thiền xong, hãy nguyện cầu Ngài giúp đỡ người đó. Muốn biết thêm về Đức Mẹ Thế-Giới, nên đọc quyển "Le feu créateur" của Vander-Leuw.

Bài Cầu Nguyện

Khẩn đầu quỳ dưới bệ tiền,
Tâm thành kính lạy Mẹ hiền tối cao.
Hào quang muôn trượng làu làu,
Cung Tiên Mẹ rải xiết bao lòng từ.
Độ người khuya sớm sầu tư,
Độ người thoát khổ, diệt trừ nghiệp căn.
Ví như bóng nguyệt đêm rằm,
Vàng gieo khắp chốn, đâu rằng trược thanh.
Miễn sao sung sướng mạnh lành,
Là lòng Mẹ được thỏa tình mến yêu.
Mẹ ơi: thương Mẹ trăm chiều,
Làm sao giúp Mẹ dắt dìu trẻ thơ?
Phải chăng lòng chẳng chần chờ,
Trước cơn đau khổ, mắt mờ lệ-châu.
Ra tay đập ngã, thành sầu,
Cho đời đau khổ nhuộm màu vui tươi?
Như hoa muôn nét xuân cười,
Trong nghìn tia sáng, dưới trời quang-minh.
Con xin hiến trọn thân mình,
Làm "Tôi" cho Mẹ oai-linh đời đời.
Nguyện cầu Đức-Mẹ chứng lời:
Điễn linh ban xuống tăng thời chí con.
Dù cho biển cạn, non mòn
Chông gai há-nệ, lòng son một bề.
Nguyện cầu già trẻ đề-huề,
Làm lành, lánh dữ hướng về cảnh Tiên.
Trần ai dũ sạch bụi phiền;
Tiêu-diêu theo Mẹ, nghiệp duyên dứt rồi.
Nguyện cầu thế-giới nơi nơi,
An-cư lạc-nghiệp Đạo Trời lần phăng.
Hiệp-hòa huynh-đệ lòng hằng,
Năng-niu, dạy-dỗ, trăm phần xót thương.
Nguyện cầu bịnh khổ tai ương,
Nhành Dương Mẹ rưới khỏi vương họa-sầu.
Mạnh lành, tiến bước đạo mầu,
Đường tu mở lối, hoàn-cầu chuyển lây.
Nguyện cầu dạ đói được đầy,
Lộc trời no ấm, thân gầy nở nang.
Cung tiên, cảnh Phật một đàng.
Thái-bình, lạc-thú, an-nhàn thiên-thu.
Nguyện cầu người ở ngục tù,
Tự-do sớm được, ngúc mù tỏ lên.
Ví như đêm tối có đèn,
Quang-minh sáng tỏ, lòng liền ăn năn.
Nguyện cầu những kẻ cô-thân,
Có người đùm-bọc, đỡ nâng bước đường.
Có Thần Tiên giúp qua truông,
Đặng sau có dịp tìm đường về Ngôi.
Mẹ ơi lạy mẹ cung trời,
Xót thương trần thế chơi vơi bể sầu.

Hướng về đức Mẹ vọng-cầu,
Mong chừa lỗi trước, đạo-mầu lần đi.
Mẹ lành bác-ái, từ-bi,
Cam lồ nước Nhược giải nguy người đời.
Làm cho thấy đặng cơ trời,
Lý chơn sáng tỏ, tan thời ngúc mây.
Cầu xin nguyện giúp một tay,
Gánh trần nhẹ đỡ một vài đôi phân.
Đường xa vui bước rán lần,
Trong hào quang mẹ muôn phần đẹp thanh…

THI RẰNG:

Ngọc khiết, băng thanh, đẹp tuyệt vời,
Mẹ lành chói rạng khắp nơi nơi.
Từ-bi vô lượng gồm non nước,
Bác-ái bao la chứa đất trời.
Vạn-vật gội nhuần ơn cứu thế,
Sinh-linh bái phục đức thương đời,
Diêu-Cung Mẹ mãi chờ con trẻ,
Thoát gánh trần-ai sớm phản-hồi.

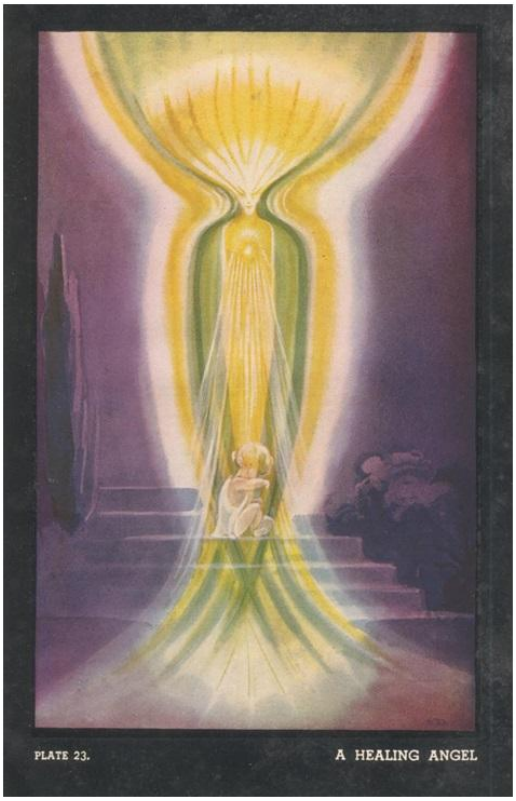

Ta thấy một vị Thiên-Thần đang ban sức khỏe cho đứa trẻ yếu-đuối ngồi chơi dưới đất. Phương-pháp thông thường của Ngài là trước nhất đem thần-lực xạ ngay vào hào-quang của đứa bé đau yếu ấy, làm cho tản mất những vết ứ-động xấu xa trong phách và cái vía của nó, Ngài đuổi ra ngoài những chất hại cho sức khỏe và làm cho cái xác và các thanh-thể đặng điều-hòa. (Việc làm của Ngài tựa như các nhà thôi-miên-thuật truyền-thần). Việc nầy được hiệu-quả nhiều là khi con người hữu-ý hợp sức với Ngài hầu trợ-lực Ngài. Geoffrey Hodson (The Kingdom of the Gods)

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BA: Trọng-trách của Thiên-Thần

Thiên-Thần có trọng-trách đối với Chơn-Thần tại cõi Đại-Niết-Bàn.

Như ta thấy ở trước, Chơn-Thần có ba trạng-thái: Ý-chí, Minh-triết, và Hoạt-động [[14]] . Nhưng theo ý tôi tưởng thì: Minh-Triết và Bác-Ái là một trạng thái mà thôi: vì biểu-tượng của Minh-Triết là Bác-Ái; Bác-Ái có cái uy lực gom các sự phân-ly đặng đem về nơi Hiệp-Nhứt (rút trong quyển "Etude sur la Conscience" của bà A. Besant nơi trang 7).

Tóm lại, người ta có thể gọi ba trạng thái cao là: "Ý-Chí, Minh-Triết và Hoạt-Động" hay là "Ý-Chí, Minh-Triết và Bác-Ái" tùy theo ý nghĩa người ta hiểu mỗi trạng thái. Khi thì-giờ tiến-hóa đã đến, Chơn-Thần mới phân-thân bằng cách phóng tia xuống cõi dưới làm rung-động những nguyên-tử trong ba cõi kế là: Niết-Bàn, Bồ-Đề và Thượng-giới (Atmâ, Buddhi, Manas).

Thiên-Thần có trách-nhiệm lo về sự phân-thân. Các Ngài đã kinh-nghiệm sự nầy rồi, từ khi còn ở dãy hành-tinh khác: các Ngài mới đưa làn điễn thuộc về trạng-thái thứ nhứt của Chơn-Thần là Ý-Chí, hiệp với Nguyên-tử Atmâ của cõi Niết-Bàn. Nguyên-tử Atma mới dính liền với Chơn-thần, mà hóa ra hột nguyên-tử trường-tồn Atmâ; (nó trường-tồn là vì nó chẳng bao giờ bị tiêu-diệt, mặc-dầu trải muôn triệu kiếp luân-hồi).

Khi hột nguyên-tử Atmâ đã làm xong, Thiên-Thần mới đưa làn điễn thuộc về trạng-thái thứ nhì của Chơn-Thần là Minh-triết hiệp với nguyên-tử Buddhi của cõi Bồ-Đề. Nguyên-tử Buddhi mới dính liền với Chơn-Thần mà hóa ra hột nguyên-tử trường-tồn Buddhi.

Khi hột nguyên-tử Buddhi đã làm xong, Thiên-Thần mới đưa làn điễn thuộc về trạng-thái thứ ba của chơn-thần là Hoạt-Động hiệp với nguyên-tử Manas của cõi Thượng-Giới, Nguyên-tử Manas mới dính liền với Chơn-Thần mà hóa ra hột nguyên-tử trường-tồn Manas (thuộc về thượng-trí).

Nhơn đó mà người ta gọi là "Atmâ, Buddhi, Manas" là "tia sáng của Chơn-Thần" xẹt xuống ba cõi dưới là: Niết-Bàn, Bồ-Đề và Thượng-Giới (đồ hình số 53).

Tia sáng "Atmâ, Buddhi, Manas" được gọi bằng nhiều danh-từ là: Ba ngôi cao của Chơn-thần; Tam-thể Thượng; Ba ngôi Trí-Huệ; Atmâ-Buddhi-Manas; Jivâtmâ; Chơn-tâm; Chơn-ngã; Chơn-thần; Thiên-tánh; Anh-hồn; Chơn-nhơn.

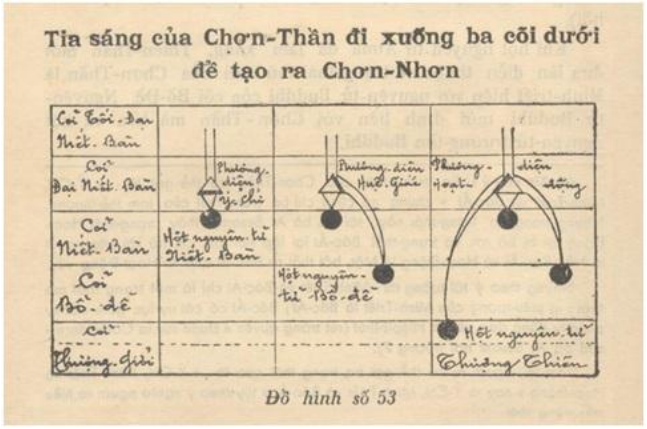

Đồ hình số 53

Chơn-Thần cứ ở mãi trên cõi Đại-Niết-Bàn và sanh sống ở các cõi dưới nhờ tia sáng "Atmâ-Buddhi-Manas". Tại sao Chơn-Thần không tự mình xuống ba cõi dưới lại phóng tia xuống mà thôi? Vì bản-thể Chơn-Thần quá tinh-anh, xuống mấy cõi thấp không chịu nổi với những sự rung-động không được thanh.

Tia sáng "Atmâ-Buddhi-Manas" hay là Chơn-Nhơn có tánh-chất giống hệt với Chơn-Thần, nhưng kém mãnh-lực hơn (đồ hình số 54).

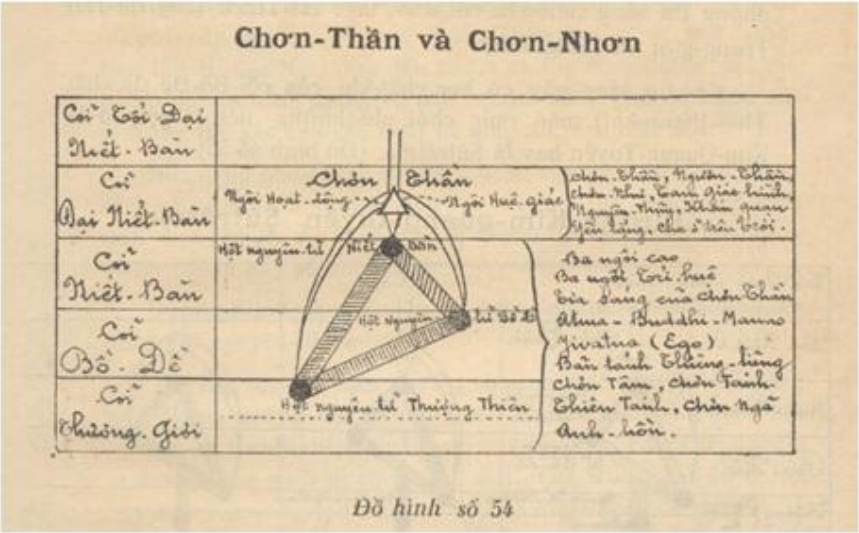

Trên cõi Đại Niết-Bàn, Chơn-Thần đủ thần-lực, ý-thức và linh hoạt; nhưng ở ba cõi dưới, nó chỉ là một hột giống, một bào thai vô tri giác, bị bỏ rơi và bất lực. Nó chỉ sống và hành động bằng ba hột nguyên-tử trường tồn "Atmâ—Buddhi—Manas" đã chiếm được.

Ấy vậy Chơn-Thần toàn-trí toàn-năng ở cõi Đại Niết-Bàn, nhưng khi xuống ba cõi dưới thì chỉ là một hột giống yếu ớt, vụng-về. Bị chất cõi dưới áp-phục, nó phải tự vùng-vẫy, hoạt-động, uốn-nắn lần lần đặng xuất hiện nguyên hình, có thể tạo ra một bầu Võ-Trụ khác như Đức Thượng-Đế vậy.

[[1]] Xin xem bản đồ số 4.

[[2]] lấy xác Thái-Tử Mercure.

[[3]] Bản-thú: là thú vui riêng của chính mình

[[4]] Ông C.W. Leadbeater có nhãn-quang nên thấy đặng bản-đồ thiêng-liêng đã vẽ sẵn trên thiên-đình.

[[5]] Tiền kiếp của Đức Đề-Quân Kout-Houmi là ông Pythagore.

[[6]] là 5 cõi thấp

[[7]] Ta đã nói ở trước: mỗi linh-hồn (tức là chơn-thần) đều do Đấng Duy-Nhứt của Thái-Dương-Hệ là Thái-Dương Thượng-Đế sanh ra. Đó là Nguyên-lý căn-bản. Nhưng ta cũng có thêm rằng: dưới tay Ngài có 7 vị Huyền-Thiên Thượng-Đế hay Hành-Tinh Thượng-Đế phụ-trách, có nhiệm-vụ thay Ngài trong sự sanh-hóa, bằng cách rút thần-lực ở nguồn Thần-lực Duy-Nhứt của Ngài. Vậy ta lấy làm lạ sao ở đây lại nói chơn-thần nhờ 1 Đức Huyền-Thiên Thượng-Đế sanh ra.

[[8]] Bà Blavastky vị sáng-lập hội Thông-Thiên-Học, đã đến tận triền núi ấy và đã gặp Ngài trong xác-thịt.

[[9]] Ông Olcott là vị Chánh-Hội-Trưởng đầu-tiên của Hội Thông-Thiên-Học.

[[10]] Ông Leadbeater, trong quyển "Les Maitres et le Sentier" có nói về các vị Đế-quân còn giữ xác phàm mà chúng tôi đã phỏng dịch đoạn trên đây. (Lời tác-giả).

[[11]] Đường tiến-hóa nhân-loại: đi từ ba loài tinh-hoa của ba cõi: Thượng-Thiên, Hạ-Thiên và Trung-giới đến loài Kim-Thạch tại Hạ-giới; rồi trở lên làm cây, cỏ, thú, cầm, mới đến loài người. Loài người bước từ bước một trên nấc thang tiến-hóa, và lần lần đi đến địa-vị Thánh, Tiên, Phật… vinh-diệu phi-thường.

[[12]] Muốn biết giống dân Lê-mu-rien xin đọc đoạn "mấy giống dân" ở trước. (Lémurien cổ-thời).

[[13]] Bảy đường tiến-hóa của Chơn-Tiên:

Đường thứ nhứt: Các Ngài nhập vào cõi Niết-Bàn hầu có thể trở nên, trong một bầu thế-giới vị-lai, một sự hóa-thân của Đức Thượng-Đế. Tiếng Phạn gọi các Ngài là Dharmakayas.

Đường thứ nhì: Các Ngài nhập vào cõi Niết-Bàn đặng tiến-hóa thêm nữa. Tiếng Phạn gọi các Ngài Sambhogakàyas.

Đường thứ ba: Các Ngài không chịu nhập vào cõi Niết-Bàn, vẫn ở cõi thấp, không giữ chức trên Thiên-đình các Ngài lấy xác phàm, chỉ ban rải thần-lực cho nhơn-loại. Tiếng Phạn gọi các Ngài là: Nirmanakàyas.

Đường thứ tư: Các Ngài giữ xác phàm, ở cõi trần, giúp nhơn-loại và lãnh chức trong Quần-Tiên-Hội.

Đường thứ năm: Các Ngài hiệp sức với Thiên-Thần lo tạo dãy hành-tinh mới, khi một dãy hành-tinh kia sắp bị tan rã.

Đường thứ sáu: Các Ngài nhập vào đường tiến-hóa của các vị Đại-Thiên-thần.

Đường thứ bảy: Các Ngài phụng-sự Đức Thái-Dương Thượng-Đế, đem chỉ-dụ Đức Chí-Tôn trong khắp mười dãy hành-tinh.

[[14]] Xin chú ý: Ba trạng thái của Chơn-Thần có thể gọi là: "Ý-Chí, Minh-Triết và Bác-Ái", chúng cũng chỉ ba trạng-thái của tam thể-thượng. Nhưng trong ba trạng-thái nầy, tôi (là bà A. Besant) thấy trạng-thái Hoạt-Động bị bỏ rơi, và trạng-thái Bác-Ái lại lập hai lần, chỉ trừ khi nào người ta hiểu Bác-Ái và Hoạt-Động là Một, bởi thật ra Bác-Ái quả là Hoạt-Động vậy.

Nhưng theo ý tôi tưởng thì: Minh-Triết và Bác-Ái là một trạng thái mà thôi: vì biểu-tượng của Minh-Triết là Bác-Ái; Bác-Ái có cái uy lực gom các sự phân-ly đặng đem về nơi Hiệp-Nhứt (rút trong quyển "Etude sur la Conscience" của bà A. Besant nơi trang 7). Tóm lại, người ta có thể gọi ba trạng thái cao là: "Ý-Chí, Minh-Triết và Hoạt-Động" hay là "Ý-Chí, Minh-Triết và Bác-Ái" tùy theo ý nghĩa người ta hiểu mỗi trạng thái.

THÔNG THIÊN HỌC
Minh Triết Thường Lượng
Không Tôn Giáo Nào Cao Hơn Chân Lý

VÕ-TRỤ VÀ CON NGƯỜI

Tác-giả: NGUYỄN-VĂN HUẤN và NGUYỄN-THỊ-HAI

1957

Đánh máy: Điểm Dung

QUYỂN BA

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BỐN: Phàm-Nhơn hay là Tam-thể-hạ

Một khi Tam-thể-Thượng (hay là Chơn-nhơn) đã thành hình xong rồi, thì nó khởi sự rung-chuyển dưới khí nóng của Hư-vô. Sau khi vận-chuyển một thời-gian khá lâu, Chơn-Nhơn mới phóng tia sáng xuống ba cõi dưới là: Hạ-Thiên (hay Hạ-Trí) Trung-giới và Hồng-trần. Các tia sáng nầy có bọc chất-khí của cõi Bồ-Đề (là chất Thái-thanh-khí) màu vàng chói phi-thường, nên ta gọi nó là Kim-Quang-Tuyến hay là Sutrâtma. (Đồ hình số 55).

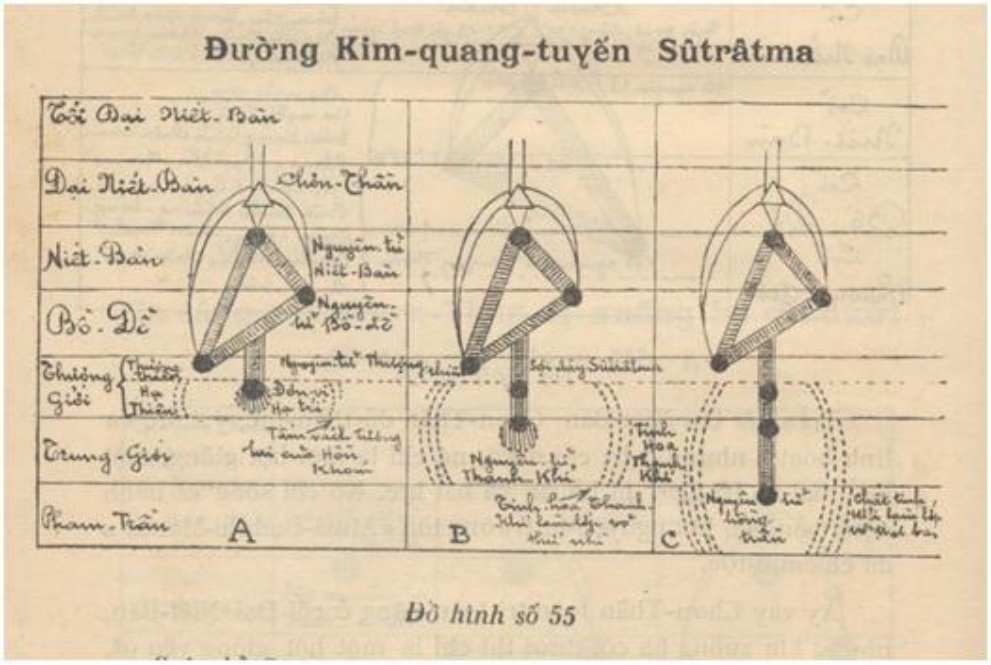

Đồ hình số 55

Sợi chỉ Sutrâtma xâu các hột nguyên-tử trường-tồn (hay là lưu-tánh nguyên-tử) như dây chuỗi, ban đầu nó phất-phơ trong bảy luồng sanh-lực, chưa bám đặng vào đâu. Các vị Thiên-Thần mới ra tay giúp đỡ, cũng như trường-hợp của Ba-Thể-Thượng. Các Ngài mới gom chất khí cõi hạ-trí (từ cõi thứ tư) cho nhập vào đường kim-quang-tuyến Manas (Thượng-trí) làm ra hột nguyên tử trường tồn hạ trí (manas) [[1]] .

Xung-quanh hột nguyên-tử hạ-trí ấy mới gom lại những tính-chất của loài tinh-hoa thứ nhì: tinh-chất nầy gom lại rồi rã đi, cứ luân-phiên như thế mãi. Nhờ sự chuyển-động đó mà hột nguyên-tử hạ-trí mới rung chuyển, trí thức mới lần khai, hầu đem những tư-tưởng của hạ-trí lên Thượng-trí (Manas). Với bao nhiêu nhọc nhằn, trong một thời-gian vô-lượng, hạ-trí mới có thể rung-động theo Thượng-trí đặng. Muốn thực-hiện sự nầy, thì phải cần sự giúp đỡ của Thiên-Thần thuộc về loài Tinh-Hoa thứ II. Các Ngài đưa đến hạ-trí những rung-động nào mà nó có thể thọ-cảm được, và bao bọc nó bằng chất tinh-hoa rút ở trong thể xác của các Ngài để giúp nó mau tiến-hóa.

Mỗi hạng hồn-khóm (trong 7 hạng chánh) đều được phân cách nhau bởi một tấm vách rất mỏng-mảnh làm bằng chất tinh-hoa thứ II. Ấy là tấm vách tương-lai thứ nhứt của hồn-khóm (đoạn nầy sẽ nói sau).

Đường Kim-Quang-Tuyến do ngôi Buddhi (Bồ-Đề) đi xuống nhập với nguyên-tử hạ-trí.

Thế thì, sợi dây Kim khí ấy, có dính theo nguyên-tử hạ-trí, mới thòng xuống cõi Trung-giới. Thiên-Thần bèn đem hột nguyên-tử thanh-khí mà gắn vào sợi dây ấy, để làm trung-tâm vĩnh-viễn của nó trên cõi Trung-giới. Cái trung-tâm đó là hột nguyên-tử trường-tồn của cái vía. Cũng như hột nguyên-tử trường-tồn hạ-trí, hột nguyên-tử nầy nhờ Thiên-Thần đem tinh-chất của loài tinh-hoa thứ ba gom xung quanh. Tinh-chất nầy, khi tan khi hợp, vận-chuyển không ngừng; và nhờ đó mà cái thức tâm của hột nguyên-tử trường-tồn cái vía mới khởi rung-chuyển, và thức tỉnh lần lần những cảm-giác mập mờ, hầu vượt lên đến hột giống Bồ-Đề. Trải qua một thời-gian vô-lượng, hột nguyên-tử trường-tồn cái vía tập rung-động đồng nhịp với sự cảm-giác của Bồ-Đề và sau cùng thực-hiện đặng sự cảm-giác nầy.

Mỗi hạng hồn khóm trong 7 hạng chánh đều được phân cách nhau bởi một tấm vách rất mỏng mảnh làm bằng chất tinh-hoa thứ III. Ấy là tấm vách tương-lai thứ nhì của hồn-khóm.

Phương-pháp nầy còn diễn lại một lần nữa, khi lượng sóng sinh-hoạt xuống tới cõi trần.

Bấy giờ đường kim-quang tuyến ở tại cõi Trung-giới có hai hột nguyên-tử trường-tồn cái vía và hạ-trí, lại thòng xuống cõi trần để chiếm thêm hột nguyên-tử trường-tồn hồng-trần để làm trung-tâm vĩnh-viễn cũa nó ở cõi phàm. (Đồ hình số 56). Chung quanh hột nguyên-tử nầy, chất tinh-khí cũng kết-hợp như trước. Nhưng chất hồng-trần nặng-nề và kết-hợp chặt-chẽ với nhau hơn chất khí mảnh-mai ở cõi Trung-giới và Thượng-giới, nên cái xác thịt con người sống lâu hơn cái vía và cái trí. Bấy giờ tại cõi hồng-trần, lại có thêm tấm màn thứ ba nhập vô tấm vách ngăn Hồn-Khóm.

Rồi trong khi cái phách của các thứ kim-thuộc khoáng-thạch, những nguyên-tố không thuộc loại-kim, đã tạo thành, các vị Thiên-Thần, ở cõi tinh-khí hồng-trần, mới nhận những hột nguyên-tử trường tồn hồng-trần vào trong 7 hạng Kim-thạch phù-hạp với chúng nó.

Đến đây, hột lưu-tánh nguyên-tử hồng-trần khởi đầu tiến-hóa.

Tóm lại, tam-thể-hạ hay là phàm-nhơn được sanh ra với ba hột lưu-tánh nguyên-tử là: “Manas-Kâma-Sthula” (đồ hình số 57)

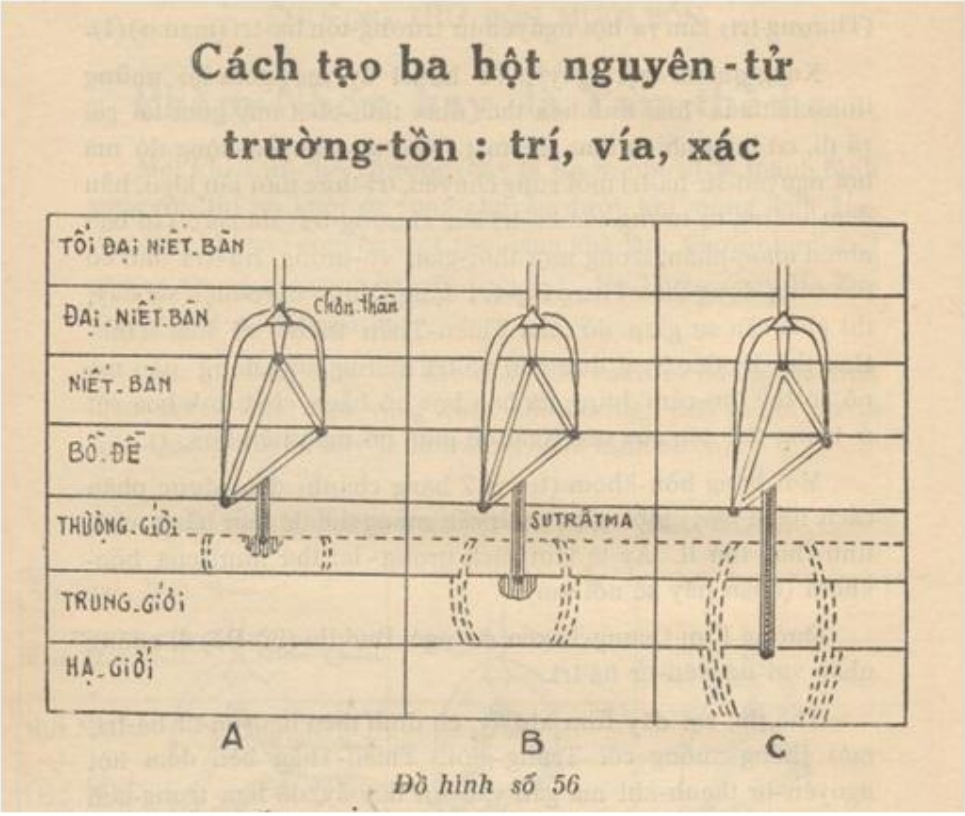

Đồ hình số 56

TOÁT-YẾU: Sợi chỉ màu vàng chói bằng chất Bồ-Đề là sợi Sutrâtma hay là đường Kim-Quang-Tuyến. Nó xâu 3 hột nguyên-tử trường-tồn. Ban đầu sợi Kim-Quang-Tuyến bay phất-phơi chưa bám vào đâu. Nhờ Thiên-Thần gom chất khí cõi Hạ-Thiên đưa nhập vào đường Kim-Quang-Tuyến để tạo ra hột nguyên-tử trường-tồn hạ-trí (manas). Sợi Kim-Quang-Tuyến mới thòng xuống cõi Trung-giới, Thiên-Thần bèn đem chất thanh-khí gắn vào sợi dây ấy để làm hột nguyên-tử trường của cái vía. Thế rồi sợi Kim-Quang-Tuyến cứ mãi thòng xuống đến cõi trần. Thiên-Thần mới đem chất tinh-khí (thuộc về cái phách) gắn vào sợi Kim-Quang-Tuyến để làm hột nguyên-tử trường-tồn của các xác.

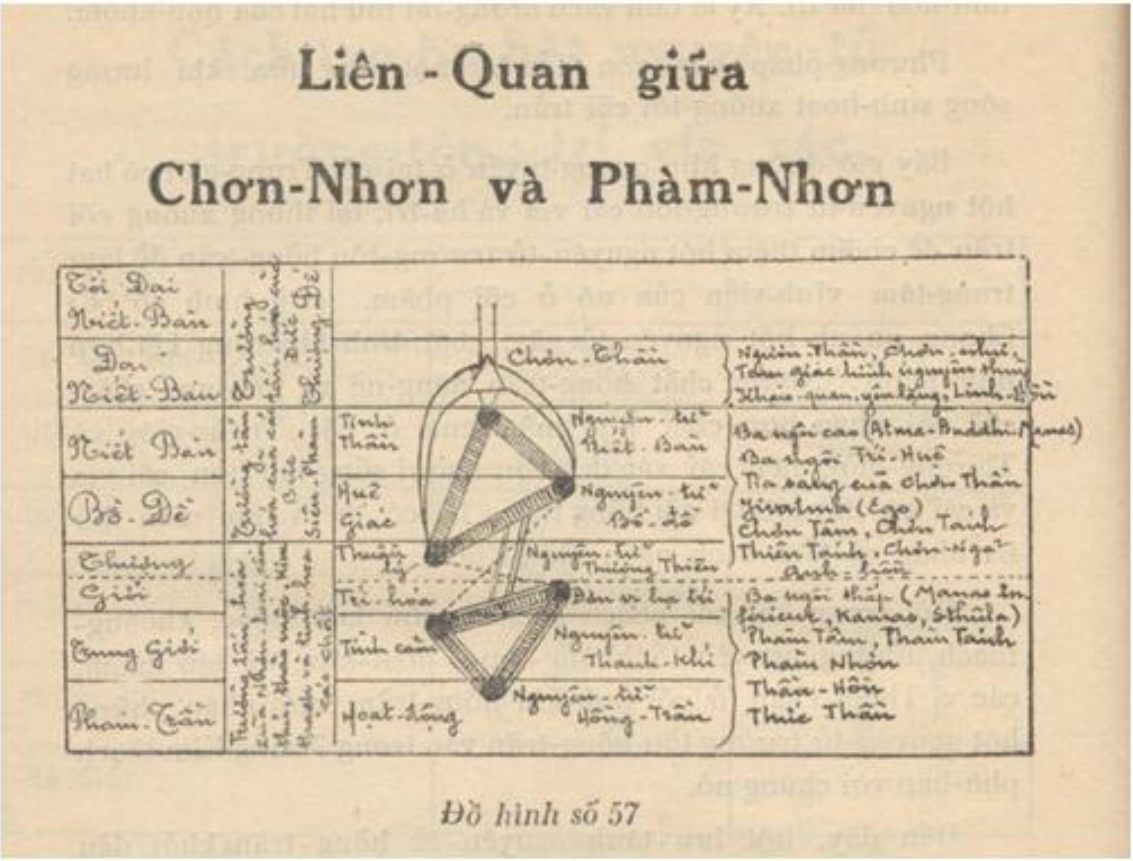

TOÁT YẾU: Trong đồ hình ta thấy 7 cõi chia làm 3 giới tiến-hóa: a) Giới tiến-hóa của các đấng Thượng-Đế; b) Giới tiến-hóa của các đấng Siêu-phàm; c) Giới tiến-hóa của Nhơn-loại, Cầm-thú, Thảo-mộc, Kim-thạch và Tinh-hoa các chất. Chơn-Thần ở tại cõi Đại-Niết-Bàn phân thân xuống ba cõi dưới (là Niết-Bàn, Bồ-Đề và Thượng-giới). Nơi đây Chơn-Thần lấy tên là Chơn-Nhơn hay là Chơn-Ngã v.v… Chơn-Nhơn xuống cõi thấp nữa không được, mới phân thân xuống 3 cõi dưới kế đó là: Hạ-Thiên (tức là 4 cõi thấp của Thượng-giới) Trung-giới và Hồng-Trần. Nơi đây Chơn-Nhơn lấy hiệu là Phàm-Nhơn. Phàm-Nhơn và Chơn-Nhơn nối liền bằng một sợi dây từ-điển, màu vàng, chói lòa; ấy là đường kim-quang-tuyến (Sutrâtma).

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI LĂM: Hồn-khóm: Tổng quát

Trong mấy bài trước, ta đã thấy mỗi Chơn-thần đều có Tam-Thể Thượng (Triade supérieure) hay là Ba-Ngôi-Cao nghĩa là có ba hột nguyên-tử trường-tồn hay là ba hột lưu-tánh nguyên-tử ở cõi Niết-bàn (Atma), Bồ-Đề (Buddi) và Thượng-thiên hay Thượng-trí (Manas supérieur) và Tam-Thể-Hạ (Traide inférieure) hay là Hồn-thơ, hay là Ba-Ngôi-Thấp gồm có ba hột lưu-tánh nguyên-tử của cõi Hạ-thiên (Hạ-trí), Trung-giới và Hồng-trần. Những hột lưu-tánh nguyên-tử nầy giúp Chơn-thần liên-lạc với các cõi dưới bằng "tia sáng" của nó, và nhờ sự liên-lạc nầy Chơn-thần mới làm ra các thể hầu kinh-nghiệm và hoạt-động được ở các cõi thấp. Muốn hiểu rõ điều nầy, ta cần phải học về "Hồn-Khóm". Vậy hồn-khóm là gì?

Hồn-khóm là một nhóm hồn thơ, còn chưa tấn-hóa (Hồn thơ cũng có thể gọi là Tam-Thể-Hạ) ở trong một cái bọc làm bằng ba tấm màn mỏng do chất tinh-hoa kết thành (xin xem đồ hình số 56).

Ta thấy rằng: Tam-Thể-Thượng nối liền với Tam-Thể-Hạ bằng một đường kim-tuyến chất Bồ-Đề gọi là Sutrâtma. Khi đường Sutrâtma thòng xuống ba cõi dưới, thì có nhiều chất kết thành ba lớp bọc để chia ra từ khóm. Ba lớp bọc ấy làm bằng chất tinh-hoa thượng-thanh-khí, tinh-hoa thanh-khí và chất tinh khí Hồng-trần. Chúng nó là những tấm vách ngăn đặc-biệt của hồn-khóm. Cả thảy hồn-khóm chỉ tồn có 7 hạng, hay 7 khóm chánh thuộc về 7 cung của Chơn-thần. Bảy Khóm chánh nầy chia ra vô số khóm nhỏ khác, và phải trải qua nhiều cảnh kinh-nghiệm đặng tiến-hóa, nhưng chúng nó vẫn sống riêng-biệt và khác hẳn nhau.

Bảy hạng hồn khóm chánh có những hình dạng mập-mờ, trôi nổi bình-bồng trong chất khí như những cái bong bóng nổi trên mặt biển. Người có thần-nhản thấy chúng nó trên cõi Thượng-Thiên nhưng không mấy rõ-rệt, chúng nó lại rõ hơn ở cõi Trung-giới, và càng rõ hơn nữa khi chúng nó xuống tới cõi phàm trong chất đĩ-thái (éther).

Mỗi khóm chánh trôi nổi trong một sanh-lực của Lượng Sóng Sanh-Hoạt thứ nhì.

Nếu ta xem kỹ trong mỗi khóm, thì ta sẽ thấy vô số Tam-Thể-Hạ. Mỗi Tam-Thể-Hạ nối với Tam-Thể-Thượng bằng một sợi dây Bồ-Đề (Sutrâtma) và tất cả Tam-Thể-Thượng đều chịu mạng lịnh của Chơn-thần nào có quyền thống-trị chúng nó. Khi hồn-khóm chưa đầu thai làm loài Kim-thạch thì ta không thấy cái bọc vàng mỏng xung quanh Tam-Thể-Hạ; nhưng khi hồn-khóm nhập vào loài kim-thạch, thì cái bọc mỏng vánh ấy mới bắt đầu hiện ra.

Ta đã nói hồn khóm có ba bọc, mà bọc trong hết làm bằng tính-chất cõi phàm, nghĩa là làm bằng nguyên-tử Hồng-trần có sinh-lực của Ngôi thứ nhì đem sự sống nuôi dưỡng. Bọc thứ nhì làm bằng tinh-chất cõi vía (Trung-giới) còn bọc thứ ba làm bằng tinh-chất cõi trí (Thượng-giới). Ba bọc nầy đem sanh-lực nuôi dưỡng và che chở các hồn ở trong, tỷ như cái kén che chở con nhộng vậy. (Đồ hình số 58).

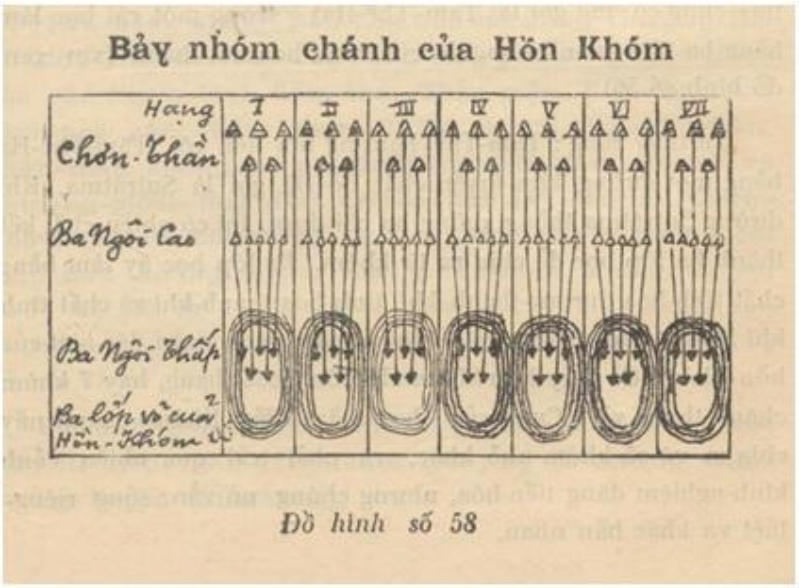

Đồ hình số 58

Trong hình nầy vì thiếu chỗ nên chỉ vẽ có 5 hồn thơ (Tam-Thể-Hạ) trong một khóm mà thôi, chớ thật ra còn biết bao là hồn-thơ trong ấy. Mỗi khóm chánh chia ra nhiều khóm phụ, những nhóm phụ cũng đồng một tánh với khóm chánh. Tỷ như hồn-khóm chánh Kim-Thạch của mỏ vàng ở Úc-châu cần phải chia ra khóm nhỏ để nhập vào mỏ vàng ở Mỹ-châu, xa Úc-châu tít mù. Bởi thế, trong một cục đá, một ngọn cây hay là một con thú chưa tấn-hóa, ta không thấy một hồn thơ duy-nhứt, mà một khối hồn thơ.

Cả thảy hồn thơ hay Tam-thể-hạ đều phải nhập vào loài Kim-Thạch là chất nặng hơn hết tại cõi trần. Nơi đây hồn-thơ mới tập mở lần lần "trí-thức" nhờ bởi sự rung-động bên ngoài và sự đụng chạm với mọi vật xung quanh.

Người ta ví hồn-khóm như nước trong thùng. Nếu lấy ly múc một miếng nước, thì nước trong ly là một cái hồn hoặc nhiều cái hồn, hoặc một phần cái hồn. Nước ở trong ly riêng-biệt hẳn với nước trong thùng, mà nó lấy hình cái ly. Theo cách đó mà một phần hồn-khóm có thể nhập vào một khối đá, một thảo-mộc hay một con thú.

Trong lúc sống dưới trần, và một thời-gian trên cõi Trung-giới, con thú có cái hồn riêng-biệt như loài người, nhưng sau khi mãn kỳ sống trên Trung-giới, hồn thú không còn riêng-biệt nữa, lại nhập vào hồn-khóm nghĩa là trong cái bọc chung.

Con thú chết rồi, cũng tỷ như đổ ly nước trong thùng: nước trong ly sẽ tan rã và hoàn-toàn hòa với nước trong thùng; hồn thú cũng vậy, khi nó nhập vào hồn-khóm, nó sẽ hoàn-toàn hỗn-hợp và tan-hòa đều với các phần-tử của khóm. Lại nữa, tỷ như ly nước múc trong thùng ra, rồi ta bỏ màu vào; nếu ta đổ nó lại thùng, tự nhiên nước trong sẽ bị đổi màu. Cái màu ấy có thể ví với sự kinh-nghiệm của con thú đã đoạt được. Khi hồn của con thú nhập về hồn-khóm, thì sự kinh-nghiệm nầy sẽ phân phát đồng đều cho mỗi phần-tử của khóm. Thành thử mỗi phần-tử đều thọ sự kinh-nghiệm nói trên đây, nhưng với một mãnh-lực thấp kém hơn, vì đã bị chia ra nhiều phần nhỏ. Bởi vậy một con chó có tính trung-tín, khi thác rồi, nó nhập vào hồn-khóm, và cái trung-tính của nó sẽ biến-thành tính trung-tín chung; nhưng đức-tính ấy kém hiệu-lực hơn lúc còn ở nơi một con thú. Do đó mới có sự di-truyền của bản-năng động-vật.

Cái bọc hồn-khóm nuôi những hồn-thơ (Tam-Thể-Hạ) như cái tử-cung nuôi bào-thai vậy. Cũng như hồn-khóm chia sự kinh-nghiệm của mỗi phần-tử đã thâu-thập cho toàn-thể, thì sinh-khí của người mẹ thấm-nhuần tất cả tế-bào của thai-nhi vậy.

Con thú còn nhỏ, con người còn bé chưa tự sống được, phải nhờ ơn cúc dục của mẹ cha, cho tới chừng nào trở nên cứng-cát, biết tự-động, tự-túc một mình mới thôi. Vì vậy những hồn thơ của loài Kim-Thạch, thảo-mộc và cầm-thú đều nhờ sự bảo-dưỡng của lớp vỏ (bọc) bằng chất tinh-hoa rung-chuyển, làm trung-gian tiếp-dẫn thần-lực của Đức Thượng-Đế xạ xuống.

Sự tiến-hóa buổi đầu của hồn-khóm phải tùy thuộc ba yếu-tố nầy:

a) Trước hết, sự sống của Đức Thượng-Đế bao phủ và nuôi nấng.

b) Sự hợp-tác của những Thiên-Thần.

c) Sự kháng-cự vô-ý-thức của những hồn-khóm đối với cái bọc bên ngoài.

Nhờ ba yếu-tố nầy mà những nguyên-tử của hồn-thơ mới rung-chuyển. Luồng sóng sinh-hoạt thứ nhì của Ngôi thứ nhì nuôi sống cái bọc hồn-khóm và làm cho những hột nguyên-tử tinh-khí thuộc về cái phách được mạnh mẽ hơn. Các vị Thiên-Thần sẽ đem những hột nguyên-tử cái phách nhận trong loài kim-thạch; và nơi đây mỗi hột nguyên-tử cái phách rút vào mình nhiều hột nguyên-tử kim-thạch. Những cảm-giác về sự nóng, lạnh, sự đụng chạm, sự đè-ép, sự rung-chuyển làm cho hột lưu-tánh nguyên-tử ở trong kim-thạch bị kích-thích, và chúng nó sẽ rung-chuyển y theo làn rung-chuyển bên ngoài. Nhờ đó mà cái "tâm-thức" của kim-thạch mở lần lần.

Khi những hột lưu-tánh nguyên-tử nầy đã thâu-thập đặng một mớ cảm-giác mới mẻ về sự rung-động rồi, hoặc là khi kim-thạch đã tan rã từ nguyên-tử, thì hồn-khóm lập tức rút vào lòng hột lưu-tánh nguyên-tử tinh-khí (thuộc về cõi Hồng-trần).

Sự kinh-nghiệm của hột lưu-tánh nguyên-tử rọi lại bằng cách rung-động. Hễ kim-thạch tiến-hóa nhiều, thì cảm-biết đặng nhiều rung-động bên ngoài. Có một hơi gió thoảng cũng có thể làm cho nó biết là mùa đông hay là mùa hạ sắp đến.

Ta đã nói: khi lìa khỏi Kim-Thạch thì hột lưu-tánh nguyên-tử rút về hồn-khóm của nó; nơi đây nó lập lại cách rung-động của nó đã kinh-nghiệm được. Những luồng rung-động nầy xuyên qua lớp vỏ của hồn khóm và chạm đến những hột lưu-tánh nguyên-tử khác cùng ở trong một bọc. Vì vậy mà hột nguyên-tử nầy cảm-kích và tương-trợ những hột nguyên-tử kế-cận; ở đây lại xảy ra một hiện tượng quan-trọng khác: những hột lưu-tánh nguyên-tử đã đoạt được một sự kinh-nghiệm đồng-tánh với nhau lại thích lẫn nhau nhiều hơn là đối với những hột lưu-tánh nguyên-tử không đồng một kinh-nghiệm. Cho nên, nhiều nhóm nhỏ đồng-tánh, mới thành-lập và chia-biệt nhau bằng một tấm màn mỏng do cái bọc của hồn-khóm chánh thòng xuống. Nhưng ta hãy nhớ rằng: những nhóm hồn-khóm nhỏ, hay hồn-khóm phụ nầy, vẫn cùng ở chung một bọc.

Sau một thời gian tiến-hóa, những nhóm hồn-khóm phụ sẽ có nhiều ý thức riêng-biệt, nhưng vẫn giữ vài đặc-tánh của hồn-khóm chánh. (Đồ hình số 59)

Bấy giờ ta hãy xem qua sự biến-chuyển trong bọc, một khi mà các phần-tử đã tiến-hóa lần lần. Trong lúc hồn-khóm nhập vào Kim-Thạch, thì nó có cái bọc hồng-trần bằng chất tinh-khí hay dĩ-thái (éther) nặng nề và thô-kịch nhứt. Nhưng chính tại cõi trần, hồn-khóm mới hoạt-động nhiều hơn hết. Khi những phần-tử trong bọc hồn-khóm phải nhập vào thảo-mộc để nối bước trên đường tiến-hóa, thì tấm màn bằng tinh-chất ấy sẽ dần dần tan mất, dường thể nó bị các phần-tử trong bọc hút vào trong đặng nuôi cái phách. Bấy giờ những phần-tử còn trong bọc phải sống trên cõi Trung-giới, chúng nó được hồn-khóm tận-tâm nuôi dưỡng. Khi các phần-tử nầy tới thời-kỳ đầu-thai vào loài cầm-thú, thì tấm màn bằng chất thanh-khí cũng bị tan mất, giống như trước. Bây giờ năng-lực hoạt-động của hồn-khóm liền dồn về cõi Thượng-giới đặng nuôi cái trí của hồn-thơ còn mập mờ, bằng cách làm cho hình-thức cái trí được rõ rệt hơn. Khi nào trong bọc hồn-khóm chỉ còn có một phần-tử, tức là một hồn thơ, đang sửa-soạn tiếp luồng sóng Sanh-hoạt thứ III của Ngôi thứ I đặng thành hồn người, thì cái bọc sẽ rã ra từ nguyên-tử nơi cảnh thứ III cõi Thượng-giới để tạo thành cái chơn-thân (corps causal) cho hồn người.

Chúng ta đã học đại-khái về hồn-khóm, và cách sanh-hoạt của nó rồi. Vậy bây giờ chúng ta hãy học tỉ-mỉ hơn. Ban đầu chúng ta học hồn-khóm ở trong loài kim-thạch, kế hồn-khóm ở trong loài thảo-mộc rồi đến hồn-khóm ở trong loài cầm-thú.

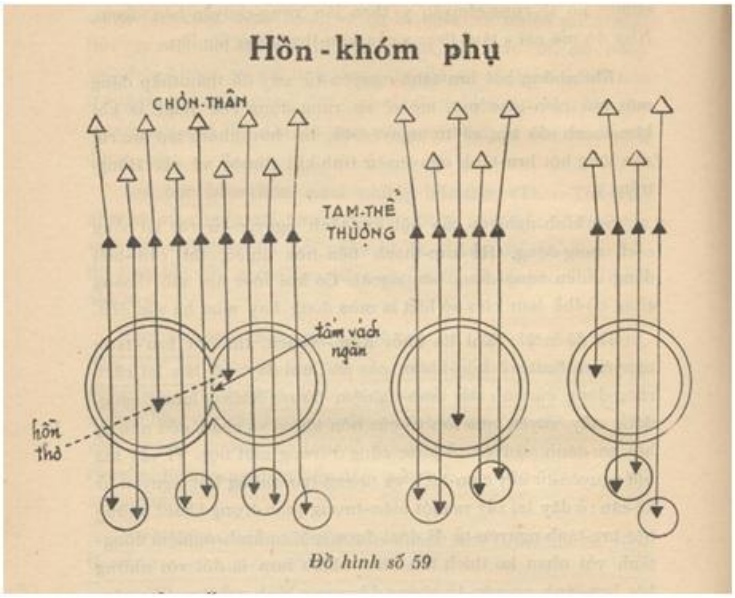

Đồ hình số 59

TOÁT-YẾU: Khi một con thú thác rồi, nó đem sự kinh-nghiệm riêng của nó về bọc hồn-khóm, để chia đều cho đồng-chủng. Nhưng có phần-tử thì thích-hợp với sự kinh-nghiệm ấy, có phần-tử lại không, nên chúng nó mới thành-lập những nhóm nhỏ "bất đồng-tánh" do tấm màn mỏng của khối (hay là hồn-khóm chánh) thòng xuống. Trong đồ hình số 59, ta thấy tấm vách ngăn đó rõ ràng. Những khóm nhỏ ấy gọi là những hồn-khóm phụ. Điều đáng lưu-ý là những hồn-khóm phụ tuy rằng có nhiều ý-thức riêng-biệt, nhưng vẫn còn ở trong một bọc chánh, và vẫn giữ vài đặc-tánh của hồn-khóm chánh. Sau lần lần, hai bọc nhỏ nầy xa hẳn nhau. Trong đồ hình, ta thấy hồn-khóm chánh chia ra hai hồn-khóm phụ riêng-biệt. Hồn-khóm phụ thứ nhứt có 5 hồn thơ: 4 hồn thơ đã đầu thai, 1 hồn thơ còn trong bọc. Hồn-khóm phụ thứ nhì có 4 hồn thơ: 3 hồn đã đầu-thai, 1 hồn còn trong bọc.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI SÁU: Hồn-khóm trong loài Kim-Thạch

Trong đồ hình số 60 ta thấy hồn-khóm ở loài Kim-Thạch, và ba lớp vách ngăn nó: a) lớp ngoài làm bằng chất nguyên-tử cõi phàm; b) lớp giữa làm bằng chất tinh-hoa chơn-thần thanh-khí (cõi Trung-giới); c) lớp trong làm bằng chất tinh-hoa Thượng-Thanh-Khí của cảnh thứ tư (cõi Thượng-giới).

Vậy hồn-khóm trong Kim-Thạch tức là một nhóm hồn thơ ở trong cái bọc có 3 lớp. Trong bọc ta thấy mỗi hồn thơ đều dính liền với Tam-Thể-Thượng. Còn Tam-Thể-Thượng lại dính liền với Chơn-Thần. Những hồn thơ còn ở trong bọc là những hồn chưa nhập vào loài Kim-Thạch.

Dưới cái bọc hồn-khóm, ta thấy vài hình dạng không đều đặn, tượng-trưng những khối Kim-Thạch khác nhau. Trong vài khối ấy có nhiều hồn thơ.

Bên phải cái hình, ta thấy một khối đá bị tan vỡ từng mảnh: vì hồn thơ đã nhập vào đó, sắp trở về hồn-khóm.

Mỗi hồn thơ phải khởi đầu nhập vào Kim-Thạch tại cõi phàm trong một thời gian. Chất cõi phàm là thô-kịch nhứt, và cõi phàm cũng là nơi Sanh-Dục của Đức Thượng-Đế. Luồng Sóng Sanh-Hoạt của Ngôi Lưỡng-Nghi xuống thấp hơn hết, rồi lần hồi trở lên.

Cái Tâm-thức hồng-trần của loài kim-thạch phải được mở mang và được đánh-thức trước nhứt. Chính tại cõi trần cái tâm-thức phải tỉnh dậy để tiếp-xúc với những sự rung-động bên ngoài. Nó cần phải nhận-định những mối cảm-xúc do ngoại-giới đem đến. Lần lần tâm-thức của loài Kim-Thạch mới hiểu đặng rằng: chính nơi mình mới có những sự biến-chuyển của các mối cảm-xúc. Hay là nói cách khác, lần đầu-tiên, tại cõi phàm, Tâm-thức mới biết đặng là Có Mình.

Nhờ sự kinh-nghiệm nhiều lần, Tâm-thức có thể do những mối khích-động ở ngoài mà cảm-giác được sự vui và sự khổ; đồng thời nó khởi biết những điều rung-động bên ngoài là không phải "MÌNH". Đó là sự phân-biện đầu-tiên của loài Kim-Thạch về "MÌNH" với "cái không phải là Mình" hay là về "Cái Ta" với "cái không phải là Ta" [[2]] . Lần lần, càng kinh-nghiệm, Tâm-thức càng biết phân-biệt rõ-ràng hơn, và tự nhiên nó đem "Cái Ta" vào trong và xô đẩy "cái không phải là Ta" ra ngoài.

Tóm lại, Tâm-thức đã bắt đầu nảy nở từ cõi phàm. Sự kinh-nghiệm thu vào hột lưu-tánh nguyên-tử. Chính trong hột lưu-tánh nguyên-tử ấy, cái Tâm-thức sơ-khai kia đang "mơ-màng giấc điệp" - nếu ta có thể nói như vậy đặng - Nó cần có sự biến-đổi bên ngoài đặng đánh-thức nó dậy, cho nó sốt-sắng tỉnh-táo lên một chút, để bước qua giai-đoạn khác: là nhập vào loài thảo-mộc. Người ta còn ví cái "Tâm-thức" trong Kim-Thạch là cái trạng-thái của người "ngủ không chiêm bao" và cái Tâm-thức trong thảo-mộc là cái trạng-thái của người "ngủ có chiêm bao".

Tâm-thức của loài Kim-Thạch phản-ứng rõ-rệt với những mối xúc-động bên ngoài, mà người ta thường không để ý. Như những nguyên-tố hóa-học tự phản-ứng với nhau rõ-ràng và chúng nó thường bị tan rã, khi có một nguyên-tố thứ ba xen vào. Tỷ như hai nguyên-tố khác nhau, hóa-hợp rất khắn-khít, làm thành chất ngân-diêm. Nếu người ta chế vào đó chất thứ ba là lục-thủy-toan thì cái gia-đình đầm-ấm ấy sẽ bị tan rã: hai nguyên-tố sẽ phân-ly lập-tức. Chất Ngân sẽ hóa-hợp với chất Lục-tố mà nó thích, để lập cái gia-đình khác là Lục-Tố-Ngân; nó để lại chất Khinh-Khí bơ-vơ! Túng thế, Khinh-Khí phải hóa-hợp với chất còn dư lại, để lập cái gia-đình thứ hai.

Ở trước ta đã nói: hồn-khóm chánh có thể chia ra nhiều hồn-khóm phụ do nhiều sự kinh-nghiệm khác nhau. Mà hễ bị kích-thích nhiều chừng nào, thì được kinh-nghiệm nhiều chừng nấy. Tỷ như đá ở trong núi bị phun lên trên không: lớp thì trở thành phún-thạch, lớp thì văng ra xa rồi nguội lần, lớp thì nát biến hợp với loại Kim chảy (vì lửa trong hỏa-diệm-sơn làm chảy) rồi trở lộn vào ruột trái đất mà sôi lên, lớp thì rớt vào biển bị sóng đánh ngày đêm và bị đùa ra mé. Biết bao là sự kích-thích bên ngoài: khi bị đập, bị đốt, bị nghiền, khi bị làm lạnh buốt khiến cho cái Tâm-thức còn say ngủ kia phải tỉnh dần và tập rung-động theo bên ngoài.

Khi xảy ra sự biến-chuyển và sự hợp-tan đột-ngột, thì hột lưu-tánh nguyên-tử cái vía bị lay động chút ít. Nếu sự biến-chuyển ấy xảy ra thường, thì hột lưu-tánh, nguyên-tử thanh-khí (thuộc về cái vía) càng mau thức-tỉnh và nó khởi sự rung-động. Nhơn đó tình-cảm của nó được đánh-thức chút ít. Sự rung-động của hột lưu-tánh nguyên-tử cái vía hấp-dẫn những hột thanh-khí xung quanh làm thành đám mây mờ bao phủ, châu vi không rõ-ràng, khí-chất mảnh-mai và bở lắm. Vậy loài Kim-Thạch có vía mới sanh, và chưa có cái trí.

Sau một thời-gian dài đăng đẳng ở trong loài Kim-Thạch, hồn khóm đã thâu-nhặt đặng bao nhiêu kinh-nghiệm về cách cảm-ứng với sự rung-động tại cõi trần, bấy giờ hồn-khóm mới nhờ Thiên-Thần dắt nhập vào loài thảo-mộc.

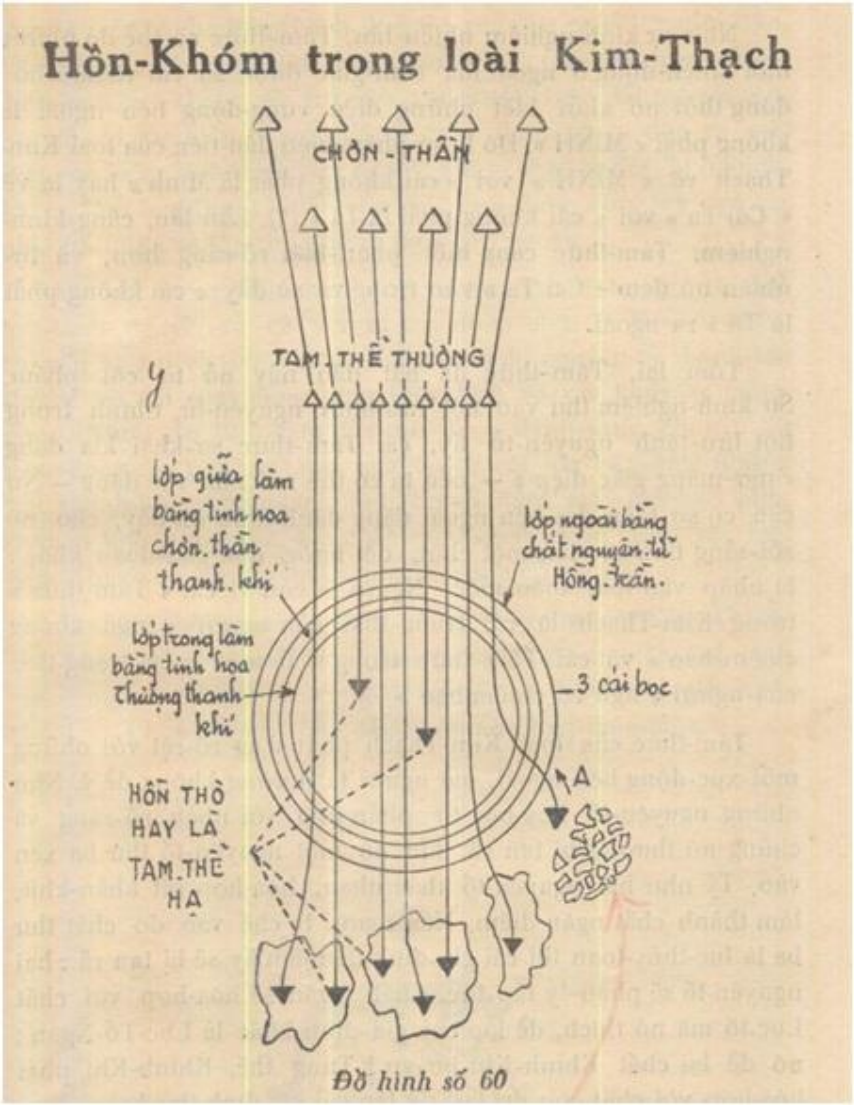

TOÁT-YẾU: Trong đồ hình nơi A, ta thấy khối đá tan vỡ. Hồn thơ kim-thạch đi theo mũi tên sắp trở về bọc hồn-khóm với sự thâu-thập của nó do ngoại-giới đưa đến. Nhờ những sự cảm-giác và những sự kích-thích bên ngoài mà cái Tâm-Thức kim-thạch, còn say ngủ kia, lần lần tỉnh dậy và tập rung-động theo bên ngoài. Kim-thạch chưa có thể trí: cái vía nó mới vừa sanh. Khi đã có đủ sự kinh-nghiệm trong loài kim-thạch rồi, hồn thơ mới nhập vào loài thảo-mộc.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI BẢY: Hồn-Khóm trong loài Thảo-Mộc

Đồ hình số 61 chỉ hồn-khóm trong loài thảo-mộc. Ta thấy cái bọc của nó có hai lớp.

1- Lớp ngoài làm bằng chất tinh-hoa chơn-thần thanh-khí nghĩa là tinh-chất cái vía.

2- Lớp trong làm bằng chất tinh-hoa Thượng-thanh-khí hay là chất cái trí ở cảnh thứ tư.

Còn lớp thứ ba làm bằng chất Hồng-trần của Kim-Thạch lại bị rút vô hồn-khóm để bổ túc cái phách của những phần-tử nó.

Ở trong hồn-khóm, ta thấy những Tam-thể-hạ (hay hồn thơ) dính vào Tam-thể-thượng và tất cả đều liên-lạc với Chơn-thần thống-trị chúng nó. Trong bọc có hai hồn thơ chưa nhập vào thảo-mộc. Dưới cái bọc có nhiều hình-dạng khác nhau tượng-trưng những khóm thảo-mộc. Trong mấy khóm thảo-mộc ta thấy có những hồn thơ nối liền với hồn-khóm. Bên phải cái hình, nơi A, ta thấy một thân cây đã chết, hồn thơ ẩn nơi đó được tự-do trở về hồn-khóm theo đường mũi tên.

Bấy giờ hồn-khóm lo bồi đắp cái vía của hồn thơ.

Cũng như đối với hồn-khóm kim-thạch, hồn-khóm thảo-mộc là trường tiến-hóa của những hột lưu-tánh nguyên-tử. Thiên-thần dìu dắt những hồn thơ ấy từ hình dạng thảo-mộc nầy, đến hình dạng thảo-mộc khác, để bắt buộc chúng nó cảm-giác những sự rung-động khác nhau trong giới thảo-mộc. Hễ chúng nó cảm-giác được nhiều sự rung-động khác nhau chừng nào, là chúng nó tấn-hóa nhiều chừng nấy.

Cũng như đối với loài Kim-Thạch, sự phân-chia hồn thơ trong thảo-mộc không đồng. Điều nầy ta chẳng rõ vì lý do nào? Người ta có thể thấy một hột lưu-tánh nguyên-tử trong một hột trân-châu, hay một hột bích-ngọc, hay một hột thủy-xoàn, nhưng người ta cũng thấy thật nhiều hột lưu-tánh nguyên-tử trong mỏ Kim-Thạch; còn trái lại, trong nhiều loại Kim khác, thì lại không có một hột lưu-tánh nguyên-tử nào.

Đối với loài thảo-mộc cũng thế ấy: tỷ như những thảo-mộc mau chết, thì lại không có một hồn thơ nào. Mà loại cây to sống lâu, lại có nhiều.

Lúc sanh sống trong loài thảo-mộc, những hột lưu-tánh nguyên-tử hay là hồn thơ hoạt-động mãnh-liệt hơn lúc còn ở trong loài Kim-Thạch. Thừa dịp khi chúng nó hoạt-động rất hăng-hái, các vị Thiên-thần mới đưa lại gần chúng nó chất thanh-khí; chúng nó bèn rút chất-khí ấy để bồi-bổ cái hồn-khóm. Hễ cây càng sum-sê cành lá và gốc càng to, thì cái vía càng lớn. Cái vía nầy rung-động theo sự rung-động bên ngoài: vì nó bị kích-thích bởi ánh sáng mặt trời, hay giông-gió, bão-tố, hay sự đè ép cực-lực của sự nóng lạnh bên ngoài. Những cảm-xúc ấy được chuyển di một phần đến hột lưu-tánh nguyên-tử thanh-khí của hồn thơ ẩn trong cây. Nhưng khi cây chết, hồn thơ rút về hồn khóm, đem theo những sự kinh-nghiệm đã thâu thập trong kiếp nầy mà chia cho các hồn thơ của nhóm mình.

Bao giờ cái vía của cây rung-chuyển mạnh-mẽ, thì cái tâm-thức của hồn-thơ truyền sự rung động xuống cõi trần, biến ra nhiều cảm-giác. Người ta tưởng lầm rằng: cõi trần tạo ra cảm-giác, chớ vốn thật cõi Trung-giới (cõi vía) sanh nó ra vậy.

Sau khi ở trong thân cây một thời-gian khá lâu, hột lưu-tánh nguyên-tử cái trí khởi hoạt-động chút ít, và rút chất thượng-thanh-khí (mà Thiên-thần đã sắp sẵn xung quanh nó) làm thành một đám mây u-ám bao-phủ nó. Đám mây ấy là chất cái trí sau nầy của loài thảo-mộc vậy. Bốn mùa thời tiết đáo đi, đáo lại có chừng, in trong trí nhớ của cây, nên cây có thể biết trước mùa nào sắp đến.

Người ta thường cho rằng: mỗi hồn thơ của thảo-mộc - trong kiếp chót - phải nhập vào cây đại-thọ đặng sống lâu dưới trần, hầu kinh-nghiệm cho thật nhiều, để dọn đường cho kiếp thú bò bay máy cựa ở tương-lai. Nhưng đó không phải là một định-luật.

Chơn-thần nhập vào vật-chất từ loài tinh-hoa đến loài Kim-Thạch, là giai-đoạn cuối cùng của con đường đi xuống, hay là Nhập-Thế (involution). Từ đây, hồn-khóm khởi sự bỏ vật-chất đặng trở về tinh-thần (évolution) để trở lộn lên.

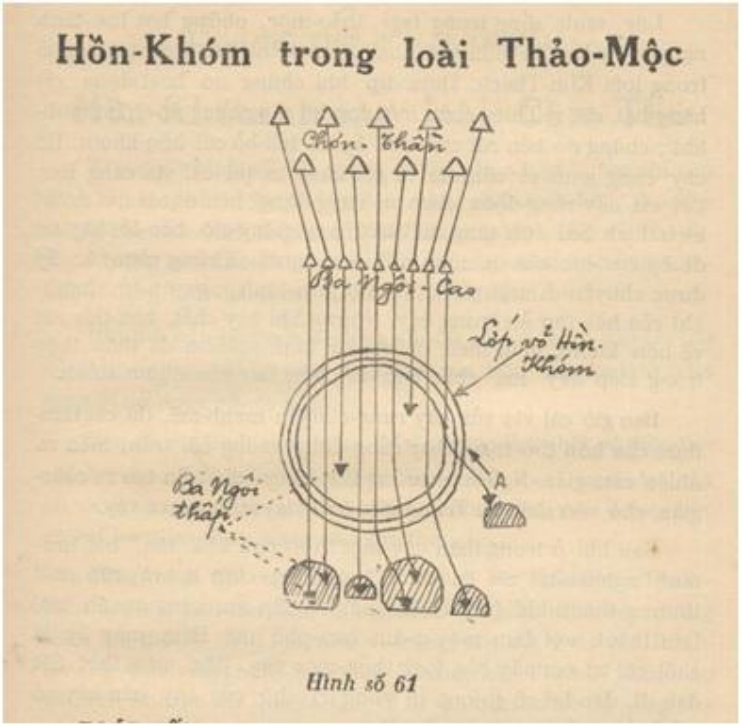

Hình số 61

TOÁT YẾU: Trong đồ hình số 61, cái bọc của hồn-khóm trong loài Thảo-Mộc chỉ còn có hai lớp (lớp bằng chất cái vía, lớp bằng chất cái trí) lớp thứ ba, bằng chất hồng-trần lại bị rút vô hồn-khóm. Nơi A, ta thấy một khúc cây rã, hồn thơ theo đường mũi tên rút vô hồn-khóm, sau khi đã được cảm-giác những sự rung-động bên ngoài. Hễ thảo-mộc có những cảm-giác khác nhau nhiều chừng nào, thì tấn-hóa nhiều chừng ấy. Trong đồ hình, ta thấy hồn thơ thảo-mộc nhập trong nhiều thứ cây khác nhau. Thứ thảo-mộc mau chết, thì thường không có hồn thơ; còn những cây đại-thọ lại có rất nhiều.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI TÁM: Hồn-khóm trong loài Cầm Thú

Trong đồ số 62, người ta thấy bọc hồn-khóm chỉ còn có 1 lớp mà thôi: ấy là lớp làm bằng chất tinh-hoa thượng-thanh-khí của cảnh thứ tư của cõi Thượng-giới. Lớp vỏ Thanh-khí ở trong hồn khóm thảo-mộc đã tan mất, vì nó rút vào hồn-khóm đặng làm thành cái vía của loài cầm-thú. Bấy giờ hồn-khóm hoạt-động nhứt ở cõi Hạ-thiên (cõi Hạ-trí) để tăng-cường cái trí còn mập-mờ của hồn thơ và làm cho châu-vi nó được rõ-rệt hơn.

Bên tả cái hình nơi A, ta thấy cái xác thú chết và hồn thơ của nó sắp rút vào hồn khóm theo lằn tên ở dưới bọc, ta thấy có vài hình dạng tượng-trưng những khóm cầm-thú. Trong bọc có hai hồn thơ chưa nhập vào xác thú.

Cũng như đối với loài Kim-Thạch và Thảo-Mộc, Thiên-thần dìu-dắt hồn-thơ đến những hình-thể cầm-thú; và những hình thú thô-sơ, thấp thỏi như vi-trùng, sâu bọ, v.v… chỉ thỉnh-thoảng thâu nhận một hồn thơ. Nhưng hồn thơ nầy nhập vào xác thú như khách qua đàng: vì sự phát triển và sự sống của những loài ấy không có quan-hệ gì với những hột lưu-tánh nguyên-tử của hồn thơ. Lại nữa, nếu hột nguyên-tử nầy có rút đi mất, thì hình-thể của chúng nó cũng không vì đó mà tan rã được. Vậy xác thú chỉ như quán-trọ để cho những hột lưu-tánh nguyên-tử là khách qua đường nghỉ chơn vậy thôi.

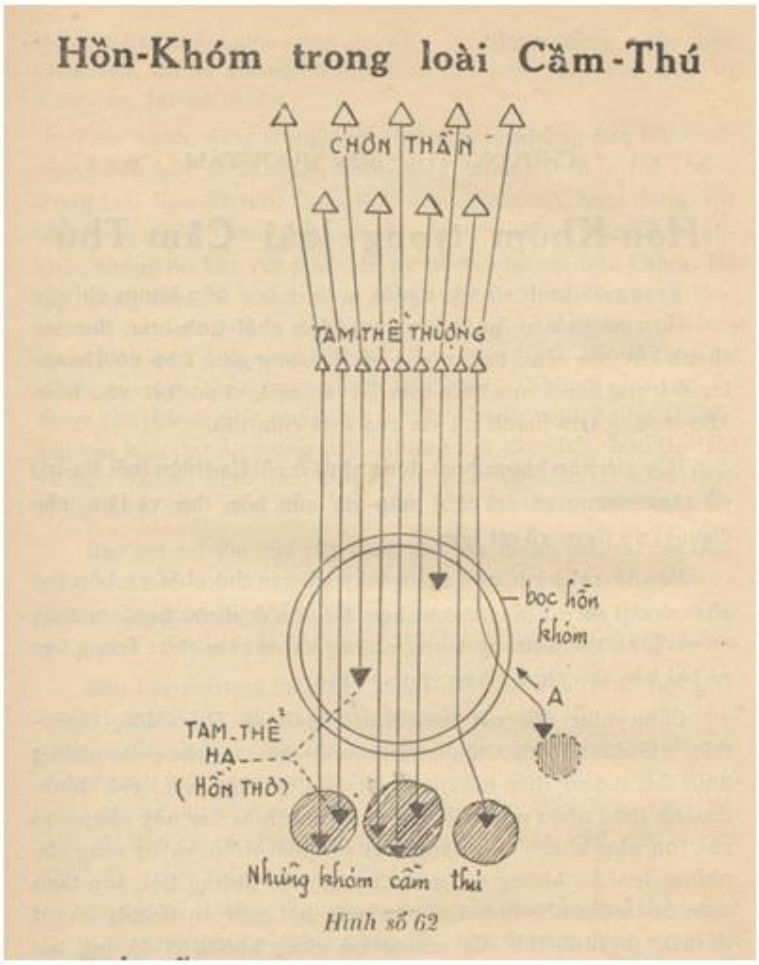

Hình số 62

TOÁT YẾU: Trong đồ hình, cái bọc của hồn-khóm chỉ còn có một lớp, hai lớp kia đã rút vào trong. Ở giai đoạn nầy hồn thơ cố lo mở trí.

Nơi A, thú-vật chết, hồn thơ đang trở về hồn-khóm. Hồn thơ nhập vào hay rút ra khỏi xác thú cũng không quan-hệ gì đến sự sống của con thú.

Bây giờ bọc hồn-khóm chỉ có một hồn thơ, thì con thú sắp đầu-thai làm người. Tới kỳ thoát kiếp thú, cái bọc bị xé rách và biến thành chất khí của cảnh thứ ba cõi Thượng-Thiên. (3è sous-plan du plan mental).

Chúng ta nên nhớ rằng: trong loài cầm-thú hồn thơ thâu-nhận nhiều thứ rung-động hơn là những lúc ở trong loài trước, nên chúng nó tự phân-chia rất mau lẹ. Hồn-khóm phân-tách ra mãi-mãi, và số hồn-khóm phụ tăng lên càng ngày càng nhiều; còn trái lại, hồn thơ cứ bớt đi lần lần trong mỗi hồn-khóm phụ, cho tới chừng nào chỉ tồn lại một hồn thơ ở trong một cái bọc riêng bằng chất tinh-hoa Thượng-thanh-khí. Lúc bấy giờ hồn-khóm gần đầu-thai làm người và danh-từ "hồn-khóm" không còn thích-ứng cho nó nữa bởi vì hồn thơ không còn là hồn của một nhóm: vì nó đã lìa khỏi "khóm" của nó mà trở thành một hồn duy-nhứt. (Đồ hình số 63).

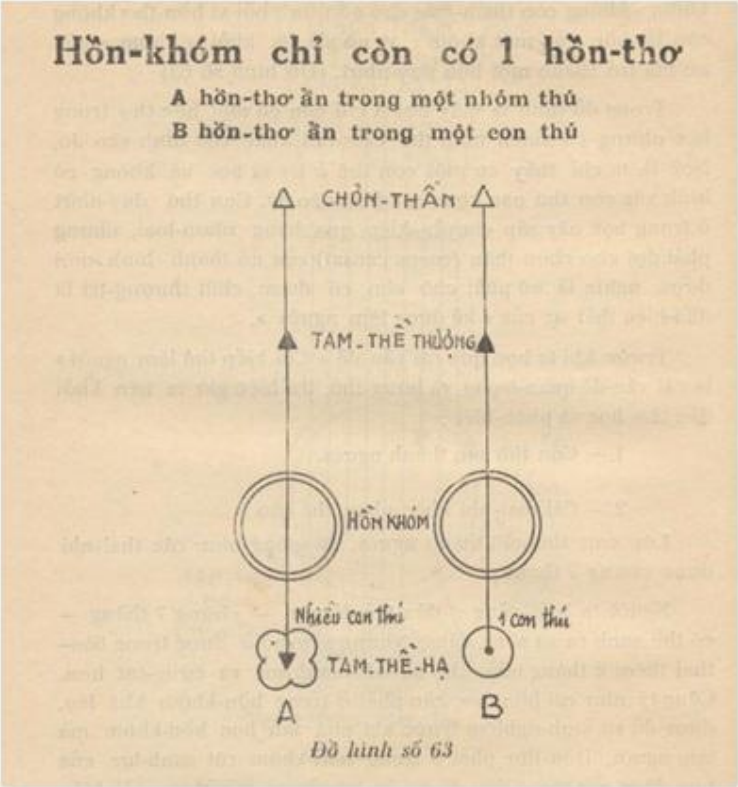

Đồ hình số 63

TOÁT-YẾU: Hồn-khóm chánh cứ mãi phân chia ra nhiều hồn-khóm phụ. Hễ số hồn-khóm phụ càng tăng, thì số hồn thơ trong bọc càng giảm. Đến một lúc, trong bọc chỉ còn có một hồn thơ, như đồ hình số 63 đã chỉ. Hồn thơ nầy đã già dặn kinh-nghiệm nên sắp sửa thoát-kiếp thú làm người. Muốn làm người, nó phải tiếp luồng sóng Sanh-Hoạt thứ III của Ngôi Thái-Cực (I) như đã giải ở trước (xin xem đồ hình số 24 trang 56). Khi nó tiếp đặng luồng sóng Sanh-Hoạt ấy, thì chơn-thần (Corps causal) của nó, tức là Thượng-trí, mới thành hình được.

Trong đồ hình ta thấy nơi A chỉ có một hồn-thơ trong bọc nhưng có nhiều hình thể cầm-thú khác cột dính vào đó. Nơi B, ta chỉ thấy một con thú ở trong bọc và không có hình xác con thú nào khác cột dính vào ấy. Con thú duy-nhứt ở trong bọc nầy sắp chuyển-kiếp qua hàng nhơn-loại, nhưng phải đợi cho chơn-thân (Corps causal) của nó thành hình mới được, nghĩa là nó phải chờ cho có được chút thượng-trí là dấu-hiệu thật sự của "kẻ được làm người".

Trước khi ta học qua vấn-đề "Cởi kiếp thú làm người" là cái vấn-đề quan-trọng và hứng-thú, thì hiện giờ ta nên khởi đầu tầm học và phân-biệt: Con thú gần thành người và Cái thai-nhi khác nhau thế nào? Lúc con thú gần thành người, thì giống như các thai-nhi được chừng 7 tháng.

Người ta biết rằng: đứa trẻ đẻ non - chừng 7 tháng - có thể sanh ra và sống đặng. Nhưng nếu nó ở được trong bào-thai thêm 2 tháng nữa thì nó sẽ mạnh-mẽ và cứng-cát hơn. Cũng tỷ như cái hồn-thơ, cần phải ở trong hồn-khóm khá lâu, được đủ sự kinh-nghiệm trước khi phá tan bọc hồn-khóm mà làm người. Hồn-thơ phải ở trong hồn-khóm rút sanh lực của bọc đặng mở mang đầy đủ cái hạ-trí của nó mới được cởi kiếp thú làm người.

Những người bạn thân của thú-vật nên để ý điều nầy. Nếu đem lòng thương nó quá đỗi, khiến cho nó cảm-động cực-điểm, rồi phá tan cái bọc hồn-khóm mà đầu-thai trước thời-kỳ, như đứa bé đẻ non. Trái lại, người hiểu-biết phải tìm hiểu và giúp đỡ thú-vật cho phải cách, nghĩa làm cho nó biết hiểu, biết thương yêu, làm cho nó trở nên khôn ngoan hơn, chớ không phải thúc-dục nó - mặc dầu là vô-tình - một

cách sái quấy như vậy, tức là làm hại nó nhiều hơn là giúp ích nó. Biết rằng: sự Tiến-hóa của Tạo-vật cũng phải nhờ sức phụ-trách bên ngoài mới mau thực-hiện, nhưng cũng phải cho Tuần-tự và Minh-triết.

Hiện giờ chúng ta đã đi được nửa cuộc tuần-hườn thứ tư (4è ronde) của dãy hành-tinh thứ tư, tức là Dãy Trái Đất, nghĩa là nhơn-loại đã đi đặng phân nửa đường tiến-hóa rồi; và sau cuộc tuần-hườn thứ bảy, nghĩa là mút đường tiến-hóa của Dãy Địa-cầu, loài cầm-thú mới được chuyển kiếp làm người. Tuy nhiên, cũng có một vài con thú tiến-hóa hơn đồng-loại rất nhiều, nên được đầu-thai làm người trước thời-kỳ. Nhưng đó là phần ít. Muốn giúp con thú tiến-hóa mau, thì nên do hai định-luật nầy:

1) Tình-cảm, tư-tưởng của con người luôn luôn có ảnh hưởng đến con thú và có thể nâng cao tình-cảm và trí khôn của nó.

2) Nếu con thú được người săn-sóc một cách tử-tế và thương yêu. tức nhiên nó sẽ thương yêu lại người, mà nó xem như bạn thân của nó. Và nó rán lấy trí khôn suy nghĩ để tìm hiểu phải làm cách nào cho vừa ý người của nó thương yêu và tôn-thờ. Nhờ sự gắng sức nầy mà hạ-trí của nó sẽ mở-mang và thượng-trí nó mới phát khởi.

Hễ con thú nào thuộc về Cung nào thì lúc làm người nó cũng thuộc về Cung đó. Thật ra sự chuyển-kiếp làm người thường chỉ xảy ra ở một vài loài thú-vật nhà mà thôi. Trong nhóm thú-vật hữu phước, ta thấy chó, mèo, ngựa, và vài con thú rừng như: khỉ, voi. Những thú-vật rừng liên-kết vào mỗi hạng chánh, tỷ như chó sói, chồn, chó rừng thì thuộc về "loài chó"; còn sư-tử, cọp, beo, mèo rừng thì thuộc về "loại mèo".

Loài ong, kiến và lúa mì nhờ các Đại-Thiên-Thần ở bầu Kim-tinh đem qua bầu Trái Đất, chúng không sanh-hoạt giống hệt như những loài vật tại Địa-Cầu nầy bởi vì một hồn-khóm có thể làm hoạt-động cả muôn ngàn triệu kiến hay ong, bởi một ý-chí duy-nhứt. Mỗi con kiến hay con ong là một bộ-phận của một cơ-thể duy-nhứt, cũng như tay chơn là bộ-phận của thân-thể con người vậy. Ta có thể nói rằng: chúng nó chẳng những có một hồn-khóm chung mà còn có một hình-thể chung nữa.

Ông Macterlinck, nhà khoa-học trong quyển "Vie des Termites" cũng công-nhận như thế. Ông nói rằng: "Loài ong hay loài kiến trong ổ giống như có chung một cơ thể. Mỗi một con như là một bộ-phận của thân. Toàn thân hay toàn thể chúng nó đều qui-phục một mạng-lệnh chung. Cũng tỷ như cả trăm, cả ngàn con ong hay con kiến chết một lượt cũng không làm giảm đặng sự động-tác và uy-lực của vị cầm-đầu duy-nhứt, những tế-bào của thân-thể con người dẫu có chết hằng muôn hằng vạn đi nữa, sự sống con người cũng không vì đó mà giảm đi (bởi vì tế-bào nầy mòn thì có tế-bào khác hóa-sanh). Loại ong hay kiến giống như một người bất tử, chúng nó mãi sống với thời-gian, tuân theo ý-chí duy-nhứt: nhơn đó mà không có một sự kinh-nghiệm nào mất, một sự hoạt-động nào bị ngưng-trệ bởi vì cái ký-ức chung vẫn còn và vẫn gom lại những điều hay của hồn-chung (tức là hồn-khóm). Và cái hồn-chung ấy có lẽ là dính liền với hồn-chung của loài ong hay kiến ở thế-gian, và cũng chắc-chắn là dính liền với Một Tâm-Thức Đại-Đồng của vũ-trụ".

Vậy thì một hồn-khóm cai-quản được chừng bao nhiêu hồn thú? Một hồn-khóm làm hoạt-động cả muôn ngàn triệu ruồi và muỗi, cả trăm ngàn thú-vật như sư-tử, cọp, beo, nai, chó sói và heo rừng. Con đối với thú-vật nhà như: trừu và bò thì một hồn-khóm làm hoạt-động một số thú ít hơn nhiều. Một hồn-khóm có thể làm hoạt-động một ngàn con chó rừng, nhưng đối với con chó nhà khôn ngoan, thì nó chỉ làm hoạt-động chừng mười hay 12 con. Hễ thú càng trở nên khôn-ngoan, thì cái bọc hồn-khóm càng có ít phần-tử chừng nấy.

CHƯƠNG THỨ BỐN MƯƠI CHÍN: Thoát Kiếp Thú

Nay ta đi đến giai-đoạn trọng-yếu trong đời vô-tận của ta là: lúc thoát kiếp thú làm người hay là lúc khởi-sanh Chơn-Thân. Muốn biết rõ-ràng cái hiện-tượng nầy, ta nên ôn lại những điều đã học trước.

Trước nhất, ta thấy ngôi Thái-cực sanh-hóa các Chơn-thần tại cõi Tối-đại-Niết-bàn và Chơn-thần xuống ngụ tại cõi Đại-Niết-bàn muôn kiếp, nghìn đời. Nhờ Thiên-thần đưa đến cho mỗi Chơn-thần 3 hột Lưu-tánh nguyên-tử ở 3 cõi Niết-bàn, Bồ-đề và Thượng-thiên để làm ra 3 "Ba Ngôi Cao" hay là Atma-Buddhi-Manas. Lại nữa, Ba Ngôi Cao lại sanh ra Ba Ngôi Thấp (mà ta đã gọi là Hồn-Thơ). Ba Ngôi Thấp cũng có một hột lưu-tánh nguyên-tử thượng thanh-khí cõi thấp (hay là chất Hạ-trí), một hột lưu-tánh nguyên-tử thanh-khí (chất vía) và một hột lưu-tánh nguyên-tử tinh-khí (chất phàm-trần).

Hồn-thơ luân-chuyển trong ba loài: Kim-Thạch, Thảo-mộc và Thú-Cầm; nó nhờ bọc Hồn-khóm che chở và nuôi dưỡng cho tới chừng nào nó đủ điều-kiện tách ra sống riêng một mình, cũng như thai nhi ở trong bào-thai, phải nhờ khí-huyết của cha mẹ nuôi dưỡng cho tới chừng nào cứng cát, mạnh-mẽ, mới đúng kỳ tách ra khỏi mình mẹ để sống riêng-biệt trong cõi phàm trần và tiếp-tục tiến-hóa.

Khi đúng thời-kỳ thoát kiếp thú để làm người, thì luồng sóng Sanh-Hoạt của Ngôi thứ II mới tạo ra những cơ thể cho hồn-thơ, nhờ đó mà nó sống như một sanh-vật riêng-biệt trong cõi đời. Muốn vậy, hồn thơ phải chiếm mấy cái thể nầy, để bắt đầu tấn-hóa theo hàng nhơn-loại. Trước kia, Chơn-thần giao-thông với cõi dưới nhờ sợi dây làm bằng chất-khí cõi Bồ-đề (Sutratma) hay là đường Kim-quang-tuyến, mà các hột lưu-tánh nguyên-tử xỏ xâu như chuỗi (xem lại đồ hình số 64). Nhưng bây giờ, sự giao-thông giữa Chơn-thần và mấy cõi thấp được đầy đủ hơn. Đường Kim-quang-tuyến mở rộng cho Sanh-lực của Chơn-thần xuống dồi-dào (đồ hình số 65 B). Đồng thời tia sáng Chơn-thần chói sáng hơn và lấy hình cái quặn "Sợi chỉ nối liền Chơn-thần với hình bóng nó càng thêm mạnh-mẽ và sáng ngời" [[3]]

Năng-lực của Chơn-thần càng tuôn xuống các hột lưu-tánh nguyên-tử. Hột lưu-tánh nguyên-tử Thượng-thiên (Thượng-trí) thức-tỉnh và tăng-trưởng; nó phát ra cùng khắp những luồng rung-chuyển và kết hợp lại xung-quanh nó những hột nguyên-tử cõi Thượng-Thiên (đồ hình số 65 D) làm thành một vầng mây vòng tròn. Đó là cái Thượng-trí rung-chuyển. Mà hễ Thượng-trí rung chuyển thì nó kéo luôn hột nguyên-tử hạ-trí cũng rung-chuyển như nó vậy. Chi nên trong (đồ hình 65 D) ta thấy 2 luồng xoay vần; luồng trên của thượng-trí, luồng dưới của hạ-trí đang bao-bọc hột lưu-tánh nguyên-tử hạ-trí. Nên nhớ rằng: hột nguyên-tử hạ-trí nầy còn nằm trong bọc hồn-khóm.

Khi ấy cái bọc chót của hồn-khóm bị xét rách và bị lôi cuốn trong luồng xoay vần của Thượng-trí (tức là giới Thượng-thiên) (đồ hình số 66A). Nơi Thượng-trí cái bọc hồn-khóm bị tan rã và biến thành chất-khí cảnh thứ ba của cõi Thượng-thiên.

Khi luồng xoay vần ấy không chuyển-động mau nữa và quây từ từ lại, thì nó biến thành một lớp vỏ mảnh-mai tức là cái thể Thượng-trí hay là Chơn-thân (đồ hình số 66 B).

Thoát Kiếp Thú

Sanh-lực xạ xuống ba hột lưu-tánh nguyên-tử dồi-dào

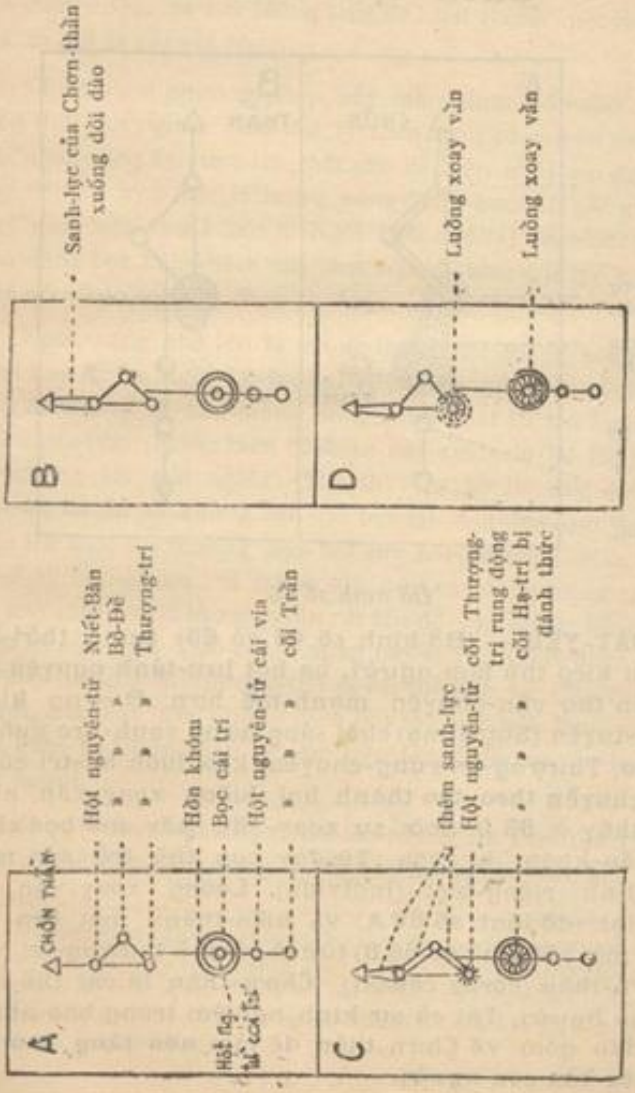

Đồ hình số 65

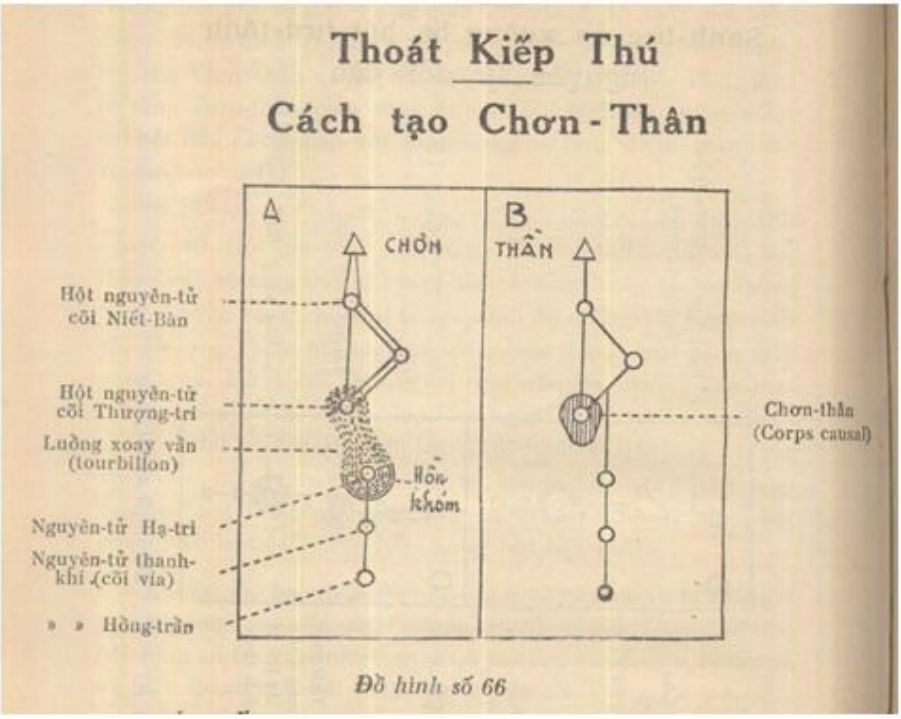

TOÁT-YẾU: (Đồ hình số 65 và 66). Đúng thời-kỳ chuyển kiếp thú làm người, ba hột lưu-tánh nguyên-tử của hồn thơ vận-chuyển mạnh-mẽ hơn. Đường Kim-quang-tuyến (Sutrâtma) chói sáng hơn: sanh-lực xuống dồi-dào. Thượng-trí rung-chuyển, kéo luôn hạ-trí cũng rung-chuyển theo, tạo thành hai luồng xoay-vần như ta đã thấy ở 65D nhờ sự xoay-vần nầy mà bọc chót của hồn-khóm bị rách. Từ đây con thú trở nên một chơn-linh riêng-biệt (individu). Luồng xoay-vần ấy chậm lại (đồ hình số 66A) và biến-thành một lớp vỏ mảnh mai (đồ hình 66B) tức là cái thể thượng-trí hay là chơn-thân (corps causal). Chơn-thân là cái thể của kẻ Làm Người. Tất cả sự kinh-nghiệm trong bao nhiêu kiếp đều gom lại về Chơn-thân, để làm nền tảng cho sự tiến-hóa của con người.

Muốn hiểu rõ điều nầy, người Á-đông lấy tỷ-dụ một cái vòi rồng (trompe d'eau) như vầy: Một đám mây to lớn bay trên mặt biển; nơi đây, những ngọn sóng chuyển động không ngừng. Thình lình ở trên đàm mây thòng xuống một luồng gió hình cái quặng, đầu nhọn ở dưới (V) quây cuồn-cuồn như con trốt: Trong khi ấy, trên mặt nước lại nổi sóng, ban đầu nhỏ, sau to; một luồng trốt từ đâu đưa lại xoay vần trên mặt biển. Ngọn sóng lại từ từ nổi lên khỏi mặt nước cao hơn, giống như cái quặng, mà chót nhọn ở trên (**A**), lần lần 2 cái luồng trốt: (luồng trên mây và luồng dưới nước) xáp lại gần nhau. Hay nói cách khác nữa là chót cái quặng trên mây thòng xuống đụng cái chót cái quặng ở dưới nước đưa lên. Tức thì, sức xoay-chuyển của luồng trốt trên mây quá mạnh, hút nước dưới biển lên, làm thành một ống nước to lớn vô cùng; ở xa, ta trông thấy nước lên cuồn cuộn, và hai luồng trốt đã biến thành một cây nước mà ta gọi là cái vòi rồng.

Chính theo phương-pháp nầy mà những hồn thơ chuyển-kiếp thú làm người. Hồn thơ tỷ như ngọn sóng trên mặt biển. Khi ngọn sóng ấy vượt lên thật cao để hiệp nhứt với đám mây bay liệng ở trên (tức là luồng sóng Sanh-hoạt III) (3è vague vie) của ngôi thứ I hay là Ngôi Thái-cực [[4]] thì hồn thơ mới phá đặng bọc hồn-khóm mà làm người, như con gà con phải phá vỡ trứng mới chun ra được.

Ngọn sóng nhô lên là tượng-trưng hai luồng sóng Sanh-hoạt I và II của Ngôi Tứ-tượng và Lưỡng-nghi; còn luồng trốt trên đám mây là như luồng sóng Sanh-hoạt III do Ngôi Thái-cực xạ xuống. (Muốn hiểu rõ đoạn nầy xin xem lại Hình số 18 và những lời giải nghĩa). Thế thì hồn thơ từ đây đã thành người và nó sẽ không bao giờ trở lại đầu-thai làm thú nữa. (chỉ trừ một vài trường hợp hết sức bất-thường). Hồn thơ đã thoát-ly hồn-khóm: vì trước kia nó hoạt-động trong chất hạ-trí, nay chất hạ-trí bị xoay-vần

rút lên để gặp luồng sóng Sanh-hoạt III của Ngôi Thái-cực. Luồng nầy tạo ra Chơn-thân (corps causal) (bằng chất Thượng-trí) là cái thể của kẻ đã được làm người. Lúc bây giờ những điều của thú học hỏi, kinh-nghiệm, đều gom về Chơn-thân để làm nền tảng cho sự tấn-hóa của con người.

Khi cái Chơn-thân đã được tạo ra rồi thì Tam-thể Thượng mới có thể điều-khiển và giúp-đỡ các Hạ-thể đắc-lực hơn trước nhiều. Con người bấy giờ có cái "Tinh-thần vượt lên" khác hẳn với thú, bởi vì sau khi thác rồi, con thú nhập trở về hồn-khóm, còn con người lại được siêu-thăng mãi mãi, càng ngày càng cao, đến một ngày kia, trở về hiệp-nhứt với Đấng-Từ-Phụ đã hóa-sanh mình.

Ta đã thấy luồng sóng Sanh-hoạt III không thể xuống thấp hơn cõi Bồ-đề đặng. Nó bay liệng ở cõi ấy như một đám mây to lớn, đợi đến ngày hiệp-nhứt với luồng Sanh-hoạt thứ II [[5]] ở dưới nhô lên, giống như ngọn thủy triều vượt lên mặt biển, đặng hiệp-nhứt với luồng trốt của đám mây vận-chuyển ở trên, để hóa ra cái vòi rồng vậy.

Theo ta đã thấy về cái vòi rồng, thì dường thể tất cả đều nhờ luồng trốt của đám mây; nhưng ở đây lại khác: con thú thành người là nhờ sự cố gắng của nó, cũng như luồng Sanh-hoạt thứ II muốn hiệp-nhứt với luồng sóng Sanh-hoạt thứ III thì nó phải nỗ lực nhô lên, chớ lượng sóng Sanh-hoạt thứ ba không thể xuống thấp để tiếp nó. Khi cái Chơn-thân đã tạo ra rồi, thì Chơn-nhơn xuống chiếm lấy, để tiếp-tục tiến-hóa.

Những người học về khoa Pháp-môn có giải-nghĩa "Con người" là một sinh-linh trong vũ-trụ có một phần tinh-thần quá ư tuyệt-diệu và một phần vật-chất hết sức trọng trược: cả hai phải hiệp-nhất lại, để làm một Tiểu-Thiên-Địa dõi bước trên đường tiến-hóa mênh-mông, vô bờ bến! Tương lai con người thật là vinh-diệu vô cùng!

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI: Bảy giai-đoạn tiến-hóa của muôn loài vạn-vật

Muôn loài vạn-vật đều phải trải qua bảy giai-đoạn tiến-hóa. Người Ấn-độ gọi là ba giai-đoạn đầu I, II, III là Pravritti Mârga: lúc khởi-điểm, tinh-thần nhập vào vật-chất (Nhập Thế) và ban cho vật-chất đức-tánh và năng-lực. Giai-đoạn thứ IV là giai-đoạn tinh-thần đi sâu vào vật-chất thấp hơn hết: tức là nhập vào loài kim-thạch. Đó là thời-kỳ xung-đột giữa tinh-thần và vật-chất; ấy là trận Đại-chiến của Vũ-trụ. Chính trong thời-kỳ chiến-đấu nầy mới nảy sanh ra điểm quân-bình giữa vật-chất và Tinh-thần. Tinh-thần, vì quá đi sâu vào vật-chất, nên đầu-tiên bị vật-chất chế-ngự. Rốt lại, sau cơn chiến-đấu mãnh-liệt, hai bên không bên nào thắng, bên nào bại; rồi cả hai mới ổn-định và đi đến mực quân-bình, nhưng về sau, tinh-thần lần lần chiến thắng vật-chất để khởi-sự Qui-Nguyên tức là đi trên con đường Nivritti Mârga. Ba giai-đoạn sau V, VI, VII là ba giai-đoạn phản-bổn hườn nguyên (Xuất-thế). Tinh-thần càng trở nên thanh-cao và thoát-ly sự ràng buộc của vật-chất. (đồ hình số 66).

Bảng-đồ dưới đây chỉ 7 giai-đoạn tiến-hóa :

I II III	Đi xuống	Tinh-thần cho vật-chất đức-tánh và năng-lực	Bị vật-chất-hóa	Nhập-thế
IV	Điểm ổn-định	Tạo những mối liên-quan	Chiến-đấu	Nhập-thế khởi thành xuất-thế
V VI VII	Đi lên	Tạo những cơ-thể	Được Tinh Thần-hóa	Xuất-thế

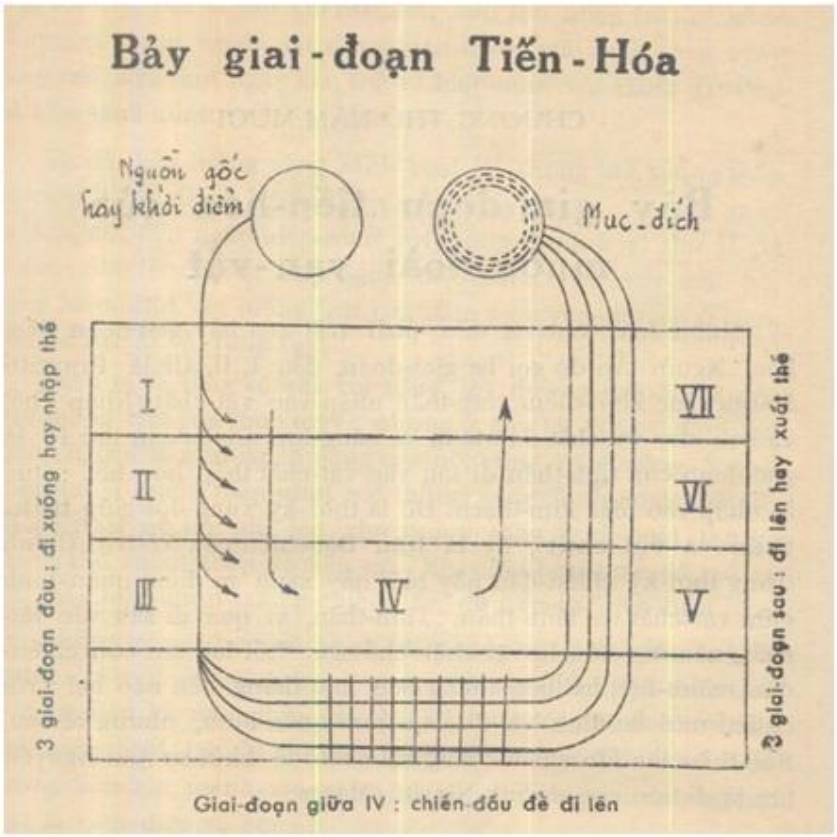

TOÁT-YẾU: Trong đồ hình 66, ta thấy 7 giai-đoạn tiến-hóa. Ba giai-đoạn đầu I, II, III chơn-linh nhập-thế nghĩa là nhập vào vật-chất. Đến giai-đoạn thứ tư (IV) thì sinh-linh đi sâu vào vật-chất thấp hơn hết: tức là nhập vào kim-thạch. Nơi đây, xảy ra cuộc chiến-đấu giữa tinh-thần và vật-chất. Tinh-thần thì muốn vượt lên cao, vật-chất lại muôn trở xuống thấp. Sau cơn chiến-đấu mãnh-liệt, đôi bên mới ổn-định lại và đi đến mực quân-bình. Nhưng cuối cùng, Tinh-thần thắng vật-chất, rồi bắt đầu đi lên để phản-bổn hườn-nguyên, tức là lúc xuất-thế. Đến giai-đoạn thứ bảy (VII) con người đã đoạt dược Mục-Đích là thành bậc siêu-nhân, sắp sang qua hàng Chơn-Tiên.

Khi con người đi đến giai-đoạn thứ VII thì ví như người thợ gặt đã gặt hái xong, quay trở về với mấy bó lúa vàng là biểu-hiện của bao nhiêu sự kinh-nghiệm đã thâu-thập trong muôn-kiếp. Bấy giờ, Tâm-Thức được mở mang trọn vẹn, và con người sẽ thành một bậc siêu-nhân trong thiên-hạ, có đủ năng-lực giúp đời. Đó là giai-đoạn chót của kiếp làm người để sang qua hàng Chơn-Tiên.

Trong thời-gian tiến-hóa đầu-tiên của con người, hạ-trí lấn lướt thượng-trí, hay nói rõ hơn nữa là phàm-nhơn lấn lướt Chơn-Nhơn. Chơn-Nhơn phải nhượng-bộ cho phàm-nhơn hay là hạ-trí cầm quyền điều-khiển Tinh-thần. Tinh-thần tuy tự nhượng-bộ chớ vẫn nom-nom nhắc nhở hạ-trí một cách lặng lẽ êm đềm, và gián-tiếp điều-khiển nó. Còn hạ-trí lúc ban-đầu lại bị vía và xác chế-ngự, nhưng kết cuộc cũng thống-trị đặng chúng nó.

Trong lúc hạ-trí tranh-đấu với các thể thấp: vía và xác, thì tinh-thần tức là Chơn-nhơn lặng-lẽ đợi chờ và tiếp-tục học hỏi và kinh-nghiệm. Rồi một ngày kia, là ngày vinh-quang vô-lượng, thượng-trí thắng hạ-trí; và hạ-trí thống-trị đặng vía, xác; phàm-nhơn sẽ dâng cho chơn-nhơn những đóa hoa tuyệt đẹp của nó đã hái tại cõi trần. Chừng đó con người sẽ nhập vào hàng Chơn-Tiên, chủ-trị đặng ba cõi thấp là: cõi Thượng-giới, Trung-giới và Hạ-giới. Hay nói cách khác là Chơn-Tiên đã chủ-trị đặng phàm-nhơn mà phản-hồi nguyên-bổn được toàn-năng, toàn-trí, toàn-lực.

Cái hạ-trí là mầm chia rẽ. Nó chia-ly giữa "Ta" với "Người". Nó tự cho là trọng-đại, còn Người là không đáng kể và không liên-quan gì đến nó. Hạ-trí là nguyên-lý chiến-đấu, tranh-giành. Nó xem vạn-vật đều là "Phi Ngã".

Sự hiệp-nhứt "người" và "ta" thực-hiện được là khi nào con người đã thức-tỉnh trên cõi Bồ-Đề vì nơi đây không còn sự chia-rẽ nữa. Người nào đã mở Tâm Bồ-Đề rồi thì sẽ biết một cách xác-thực rằng vạn-vật là mình, mình là vạn-vật, và mình là một phần-tử thật-sự trong Toàn-thể Vĩ-đại. Và chỉ tại cõi Bồ-đề con người mới thực-hiện đặng "Tình Huynh-Đệ Đại-Đồng" thực-sự mà thôi.

Ta chớ lầm tưởng rằng con người chỉ là trí-hóa linh-động trong chơn-thân, mà thật ra con người là một Điểm Linh-quang của Đức Thượng-đế, nghĩa là một Chơn-thần với ba trạng-thái như ta đã biết là: Atma-Buddhi-Manas tức là Tinh-thần ở cõi Niết-bàn (Atma ou Nirvana), Huệ-giác ở cõi Bồ-đề (Buddhi) và Thượng-trí ở cõi Thượng-giới (Manas). Ba Ngôi Cao Atma-Buddhi-Manas hiệp lại là Chơn-nhơn (Ego) ngụ trong Chơn-thần.

Chơn-nhơn là phần-tử của Chơn-thần (monade) tức là con người Thật trong thời-kỳ tiến-hóa của Nhơn-loại. Chơn-nhơn được trường-sanh bất-tử trong thời-gian tiến-hóa của nhơn-loại, từ khi thoát kiếp thú làm người cho đến ngày nó khởi hiệp-nhứt với Chơn-Thần tại cõi Đại-Niết-Bàn. Trong thời gian đó, chơn-nhơn chẳng hề bị ảnh-hưởng của sự luân-hồi. Sự sanh và sự tử đối với nó là những sự thay đổi không trọng-hệ gì. Mỗi lần đầu-thai là mỗi lần chơn-nhơn có một phàm-nhơn mới. Mà phàm-nhơn có ba hạ thể là: trí, vía, xác (đoạn nầy sẽ nói về sau). Chơn-nhơn chỉ ở cõi Thượng-thiên (tức là cõi Thượng-trí) chớ không xuống thấp hơn nữa; nó mới phân thân xuống ba cõi dưới là Hạ-thiên (tức là Hạ-trí), Trung-giới và phàm-trần để hoạt-động đặng tấn-hóa. Ba hạ-thể: trí, vía, xác - tức là phàm-nhơn là những lớp y-phục của chơn-nhơn; lúc mặc vào là lúc đầu-thai, còn lúc cởi bỏ là lúc thác. Những phàm-nhơn sanh ra rồi chết để lần lượt học hỏi và kinh-nghiệm trong ba hạ-giới.

Thế thì, con người là Chơn-nhơn bất-tử, có một phàm-nhơn hữu-hoại.

Trên con đường tiến-hóa của nhơn-loại, có ba giai-đoạn quan-trọng hơn hết:

1. Thời kỳ thứ nhứt, khi cầm-thú được chuyển-kiếp qua nhơn-loại. Vào hàng nhơn-loại, Linh hồn hết ở trong hồn-khóm, và sống riêng-biệt trong chơn-thân. Đó là thời-kỳ khởi sống theo Chơn-Nhơn.

2. Thời kỳ thứ nhì, lúc con người được Điểm-Đạo [[6]]

3. Thời kỳ thứ ba, là lúc con người thành một bực Chơn-Tiên muôn thuở thoát được kiếp luân-hồi và thấu đặng cơ tiến-hóa của Dãy Địa-cầu.

Mục-đích sự tiến-hóa của loài người là được thoát kiếp người làm vị Chơn-Tiên, nghĩa là được 5 lần Điểm-Đạo (Aseka).

Trước khi con người khởi bước vào hàng Tiên Thánh thì chỉ là một Chơn-nhơn tuổi trẻ, yếu đuối và do dự. Muốn được nhiều nghị-lực và cương-quyết thì con người phải tạm dùng tánh ích-kỷ, hung-bạo. Tấm màn ích-kỷ, hung-bạo nầy quá ư dày đặc trong nhiều kiếp luân-hồi, và con người nhờ sự ích-kỷ ấy kích-thích mà đời sanh-hoạt của tâm-thức được nảy nở.

Tánh ích-kỷ như cái giàn-trò cần-kíp cho sự cất nhà, và khi nhà đã cất xong thì phải phá nó đi. Nếu cứ mãi duy-trì cái giàn-trò ấy, thì nhà không đẹp và không thể ở được, nhưng nếu không có nó thì không kiến-trúc được.

Sở dĩ con người được sanh ra là do thiên-ý muốn tạo ra một trung-tâm-điểm thành một vận-hà, một ống dẫn-lực để thâu thần lực của Đức Thượng-đế ban rải khắp hồng-trần. Nhưng nếu cái Trung-tâm-điểm ấy bị lớp màn ích-kỷ bao vây thì không thể rút Thiên-lực đặng hầu bước trên đường tiến-bộ cho mau lẹ. Cái tánh ích-kỷ chỉ hữu-ích lúc ban đầu vì nó đem lại cho thần-hồn cái nghị-lực và chí cương quyết.

Vì lẽ trên đây, ta thấy rằng: tánh xấu hay tốt đều có sự hữu-ích trên đường tiến-hóa của con người. Cho nên ta chớ quá nghiêm-khắc đối với những ai còn mắc trong vòng ích-kỷ và hung-tàn, vì đó là dấu vết của sự tiến-hóa còn thấp kém của linh-hồn trẻ-trung. Cho nên người hiểu Đạo Trời rồi thì tự nhiên khoan-dung và từ-ái. Ngày nay con người tiến-bộ khá nhiều, thì phải dẹp bỏ những tánh xấu ấy, nghĩa là rán trau dồi cho chúng nó được trong sạch và cao-thượng và chúng nó sẽ hóa thành tánh hy-sanh và lòng bác-ái.

Đồ hình dưới đây (số 67) là tiêu-biểu những điều ta đã học về sự tiến-hóa từ kim-thạch đến loài người có được cái chơn-thân (corps causal).

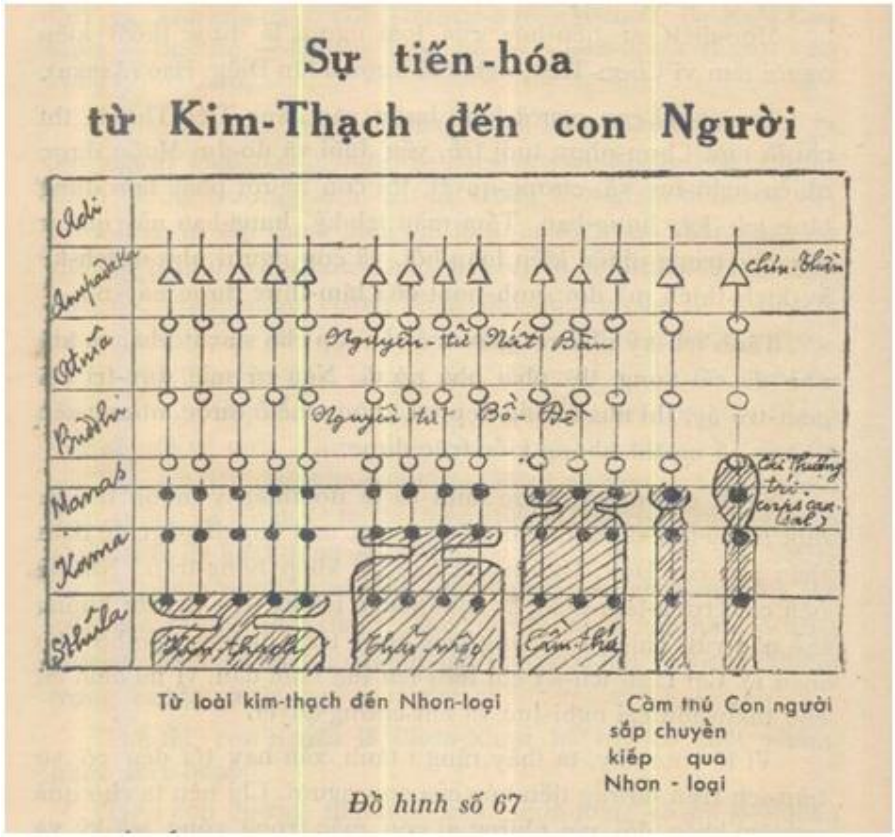

Đồ hình số 67

TOÁT-YẾU: Trong đồ hình số 67, ta thấy Chơn-Linh sanh tại cõi Adi (là Tối Đại Niết-Bàn) ngự tại cõi thứ nhì là Anupadaka hay Đại-Niết-Bàn. Rồi từ cõi ấy phân-thân xuống 3 cõi dưới (Niết-Bàn, Bồ-Đề và Thượng-Trí) với danh hiệu là Chơn-Nhơn. Nhưng chơn-nhơn dù có đủ đức-tánh thiêng-liêng song còn phôi-thai - cần phải xuống thấp hơn để tập rung-động theo sự rung-động của các cõi dưới (Hạ-Thiên hay hạ-trí, Trung-giới và Phàm-trần). Nó lại phải phân-thân xuống thấp nữa, vì bản-tánh quá tinh-vi của nó không thể chịu nổi với sự ô-trược cảnh dưới. Phần-tử của nó trong ba cảnh ấy, ban đầu là gọi là hồn-thơ. Hồn thơ nhập vào hồn-khóm kim-thạch, thảo-mộc, cầm-thú. Khi hồn thơ được thành người, ta mới gọi là Phàm-Nhơn.

Trong đồ hình ta thấy kim-thạch có cái phách làm bằng lớp tinh-khí hồng-trần. Thảo-mộc có đặng cái vía tại cõi Kamas là Trung-giới, thú-cầm có thêm hạ-trí (do đường gạch tại cõi manas là cõi hạ-trí). Lúc sắp làm người, thú-vật có hạ-trí đầy đủ. Khi Thượng-Trí của nó (thuộc về ba cảnh trên của Thượng-giới) đã mở, thì nó thành một cá-nhơn riêng-biệt, tức là một người ta vậy!

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI MỐT: Thoát Kiếp Thú (tiếp theo): Phương-pháp và Trình-độ

Ở trước ta đã thấy sự chuyển kiếp thú làm người là đi từ ở dưới lên trên, hay nói một cách khác hơn, là con thú phải tự mình bước qua hàng nhơn-loại, chớ chẳng phải nhờ sức ở ngoài. Có 3 phương-pháp thoát kiếp thú. Mỗi phương-pháp đều có ảnh-hưởng lớn lao cho trọn cả kiếp tương-lai con người. Con thú sẽ đầu-thai làm người trong 3 trường hợp nầy: 1) bằng trí-hóa; 2) bằng tình-cảm; 3) bằng ý-chí.

Bây giờ ta hãy xem qua từ trường-hợp trên đây.

1. Chuyển kiếp làm người bằng trí-hóa

Nếu con thú liên-kết thân-mật với một người chủ ưa hoạt-động về trí-hóa, thì cái hạ-trí sơ sanh của nó sẽ bị kích-thích, và vì sự cố gắng của nó để tìm hiểu ý người chủ thì chắc chắn nó sẽ chuyển kiếp làm người bằng trí-hóa.

2. Chuyển kiếp làm người bằng tình-cảm

Còn trái lại, nếu người chủ của nó là người đa-cảm có những tình thương bồng-bột, thì chắc chắn cái vía nó (là cái thể tình-cảm) sẽ được mở-mang nhiều hơn hết. Nếu nó thương mãnh-liệt chủ nó, hoặc nó có dịp bộc-lộ tình cảm-mến một cách thình-lình đối với một người nào, thì mãnh-lực của tình thương sẽ chạm đến trạng-thái Bồ-đề của thú mà làm ra cái chơn-thân. Khi chơn-thân được thành lập rồi, thì con thú mới chuyển kiếp tách khỏi hồn-khóm mà làm người.

3. Chuyển kiếp làm người bằng ý-chí

Nếu người chủ là người đạo hạnh cao-siêu hay có một ý-chí quyết-liệt, con thú sẽ hết lòng thương yêu và kính phục, ý-chí nó sẽ bị ý-chí của người chủ kích-thích nhiều hơn hết. Cho nên xác-thân con thú sẽ hoạt-động mãnh-liệt với một ý-chí bất-chuyển, hướng vào một mục-đích duy-nhứt là phụng-sự chủ nó. Thế thì tánh nết đặc-biệt của người chủ sẽ có ảnh hưởng lớn lao cho tất cả kiếp vị-lai của con thú. Sự rung-động về tình-cảm và trí-hóa của con người rất mạnh-mẽ và phức-tạp hơn con thú nhiều, cái ảnh-hưởng ấy dồn mãi vào con thú như một áp-lực.

Ta chớ lầm rằng: mối liên-quan giữa Atma [7] và xác-thân không chặt-chẽ bằng giữa hạ-trí và thượng-trí. Mối liên-quan chặt-chẽ cũng không chẳng phải do sự xa gần, mà do sự rung-động phù-hợp với nhau.

Nếu con thú có ý muốn vượt lên cao, thì cái ý muốn nầy sanh ra một áp-lực liên-tiếp từ dưới đưa lên và phá tan mọi điều trở ngại để liên-kết Phàm-nhơn với Chơn-thần. Sự liên-kết ấy xác-định những đặc-tánh của Chơn-nhơn sau nầy.

Mối liên-quan giữa chơn-thần và phàm-nhơn được thành lập tức khắc trong trường hợp chuyển kiếp bằng ý-chí hay tình-cảm, nhưng nếu con thú chuyển kiếp bằng trí hóa, thì sự liên-kết nầy sẽ chậm hơn. Cách liên-kết khác nhau buổi đầu giữa Chơn-thần và Phàm-nhơn đánh dấu sự phân-biệt quan-trọng trên đường tiến-hóa của con người mai sau.

Trong số cầm-thú ở dãy Nguyệt-Tinh được chuyển kiếp làm người bằng ý-chí và tình-cảm, thì tiến-hóa mau lắm. Còn những cầm-thú tại Nguyệt-Tinh được chuyển-kiếp làm người bằng trí-hóa, thì tiến bước rất chậm. Mặc dầu chúng nó đầu-thai trước cả bảy trăm ngàn năm, mà trình-độ tiến-hóa hiện giờ của hai nhóm cũng gần bằng nhau!

Sự chuyển kiếp qua nhơn-loại đã khác nhau về phương-pháp mà lại còn khác nhau về trình-độ tiến-hóa của con thú nữa. Tỷ như con chó rừng được thoát kiếp thú làm người, thì thuộc về hàng nhơn loại rất thấp kém, cái thượng-trí chưa đủ hình-dạng; nó giống như một cái sườn hình bầu-dục chờ cho chất Thượng-Thanh-khí (là chất thượng-trí) đến choán, khi linh-hồn đã thâu-nhập nhiều kinh-nghiệm. Còn con chó nhà hay con mèo khôn-ngoan được chủ dưỡng nuôi săn-sóc và mến thương như người bạn thân, thì khi thành người, nó sẽ có một cái thượng-trí tốt đẹp và mở-mang nhiều. Con thú nào đã đi đến một trình-độ tối-cao trong loài cầm-thú, thì khỏi bị bắt buộc đầu thai làm người dã-man của nhơn-loại. Nó có thể chuyển kiếp làm người thường-nhơn. Do đó mà một vị Chơn-Sư mới nói về sự độc ác của phần đông nhơn-loại trong câu này: "Chúng nó chuyển kiếp quá sớm, nên chưa đáng mang hình-thể con người". Ba phương-pháp chuyển kiếp bằng trí-hóa, ý-chí và tình-cảm là ba phương-pháp chính-qui. Ngoài ra, còn có nhiều phương-pháp bất thường khác nữa.

PHƯƠNG-PHÁP CHUYỂN KIẾP BẤT THƯỜNG:

a) Chuyển kiếp bằng tánh kiêu-căng, phách-lối

Trong buổi đầu cuộc tuần-hườn thứ bảy của dãy Nguyệt-Tinh, một nhóm thú-vật được hữu-phước ở gần với vài bực tu-hành, đức-hạnh cao thâm. Chúng nhờ ảnh-hưởng của chủ mà được mở-mang trí-hóa và tình-cảm một cách đặc-biệt hơn chúng bạn. Nhưng rủi thay, chúng nó tiến-hóa đến một mức, rồi lại ngưng, vì chúng nó sanh tánh kiêu-căng phách-lối. Chúng nó hành-động là để chủ ngợi khen chớ chẳng phải vì lòng thương chủ; chúng muốn trổ tài trí hơn đồng loại, và kích-thích sự thèm muốn của những con thú gần bên chúng. Lý do ấy thúc-dục chúng rán sức cần kíp để mau được làm người. Cái thượng-trí của chúng nó có màu sắc đặc-biệt là màu da cam. Chúng nó được phép chuyển kiếp qua hàng nhơn-loại có lẽ vì nếu chúng nó ở trong kiếp thú bao lâu nữa cũng không tiến thêm một bước nào! Nhóm nầy gồm lối hai triệu linh-hồn, chúng được đầu-thai làm người bằng tánh phách-lối; và ngoài trí hóa khôn-ngoan, chúng nó không có đức-tánh gì tốt đẹp nữa.

Nhóm chơn-nhơn nầy có hào-quang màu da cam, nên người ta gọi là chơn-nhơn màu cam.

Khi các hình-thể ở dãy Địa-cầu đã thành-lập xong rồi, thì các vị Đại Thiên-Thần của Nguyệt-Tinh (Barishads Pitris) dắt-dẫn các chơn-linh được chuyển kiếp thú làm người đến các xứ của Địa-cầu hầu chiếm lấy những xác-thân vừa được các Ngài cấu-tạo ra.

Có ba nhóm chơn-nhơn ở dãy Nguyệt-Tinh: a) Hơn hai triệu chơn-nhơn màu cam ở bầu A; b) Gần ba triệu chơn-nhơn của nhóm màu vàng ở bầu B; c) Hơn ba triệu chơn-nhơn của nhóm màu hường ở bầu C.

Trong các nhóm chơn-linh nầy có một phần ba từ chối, không chịu chiếm lấy những thể-xác đã tạo sẵn vì chúng nó chê là xấu-xa, ô trược bởi tánh tự-ái kiêu-căng.

Trái lại với nhóm màu da cam, hai nhóm màu hường và màu vàng tuân thiên-lịnh xuống trần để thành-lập những bộ-lạc. Các chơn-linh nầy vui vẻ chiếm những thể-xác đã có sẵn, và lần lần cải-thiện và tinh-luyện chúng nó.

Còn những chơn-linh màu cam, bất tuân thiên-lịnh, phải bị nghiệp-báo, mà rốt cuộc rồi cũng phải thọ lãnh những thể còn thô-trược hơn các thể đã dành sẵn cho chúng nó buổi đầu. Nhóm ấy trở nên quỉ-quyệt, hung-bạo và tiến-hóa chậm trễ. Các chơn-linh nào khôn nhứt thì thành những vị Hắc-Thần của châu Atlantide thuở xưa. Các vị Hắc-Thần phá hoại Địa-Cầu không phải ít, và không màng đến sự sinh-tồn của muôn triệu sinh-linh khốn nàn, đói khát, miễn thỏa lòng cao vọng thì thôi. Hiện giờ có một số rất ít Hắc-Thần thuộc về châu Atlantide còn tồn tại đến ngày nay. Các vị nầy rán sức phân chia nhơn-loại, thích cuộc binh đao, tàn sát, chớ không hề nghĩ đến cái tương-lai đen tối đang chờ đợi mình!

b) Chuyển kiếp bằng sự thù-oán và sợ-hãi

Còn một cách chuyển kiếp bất-thường nữa là cách chuyển kiếp bằng sự sợ-hãi và oán-thù. Trong vài trường hợp, nhiều con thú bị người hành-hà tàn-nhẫn nên vì sợ-hãi mà tập mở tánh gian-xảo, quỉ-quyệt để tìm hiểu và tránh sự độc-ác của người, cho nên chúng rút ra khỏi hồn-khóm và đầu-thai làm người với trí-hóa thấp kém.

Còn một nhóm chơn-linh nữa, trước sự hung-bạo của người đời, lại sanh ra oán-thù chớ không sợ-hãi. Khi sự oán-thù tăng lên cực điểm, chơn-linh có đủ sức mạnh tách ra khỏi hồn-khóm với mục-đích trả thù kẻ đã áp-bức mình. Nhơn đó mới có tại thế-gian một hạng hung-tợn, khát máu, và lấy sự hành-khổ kẻ yếu đuối làm vui cho mình.

c) Chuyển kiếp bằng ý muốn thống-trị

Có một nhóm chơn-linh thoát kiếp thú làm người bằng ý muốn thống-trị mãnh-liệt; người chuyển kiếp bằng cách ấy thì ác-độc vô-cùng, ưa-thích đánh đập, tra-khảo đồng-loại một cách tàn-nhẫn, để tỏ cái uy-quyền của mình.

d) Chuyển kiếp bằng tình-thương thuộc về trình-độ thấp kém

Con thú còn ở vào trình-độ tiến-hóa thấp kém chưa đáng bước qua hàng nhơn-loại, nhưng nhờ tình thương mến mà đầu-thai, nên thành người rừng-rú, song có tánh vui-vẻ, hiền-lành và nhơn-đạo.

*

Biết đặng điều trên đây, ta thấy có bổn-phận phải lo cho cầm-thú: che chở, thương yêu, mơn-trớn, cho chúng nó nhờ điễn lành của mình mà mau tấn-hóa. Ta chớ vì tánh ích-kỷ mà làm cho chúng nó phải đau-đớn và oán-thù. Ta đã hại cho kiếp tương-lai làm người của chúng nó; nếu chúng nó vì nguyên-nhân độc-ác đầu-tiên của ta mà chuyển kiếp, thì làm sao chúng nó trở nên người lương-thiện? Có phải là tại vô-tình, mà ta mang nghiệp chăng? Chúng nó sanh ra với tánh sợ-hãi và thù-hận rùng-rợn để sau nầy gây những tai-hại đáng khiếp. Vậy cái nguyên-nhân của gánh quả-nghiệp nầy có phải là do ta chăng? Rồi ai vào chia quả-báo với chúng nó? Cho nên các bậc Thánh-nhơn chẳng bao giờ ăn thịt cầm-thú. Các Ngài cho chúng nó là đàn em dại, cần phải săn sóc, thương yêu và giúp đỡ.

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI HAI: Hột nguyên-tử trường-tồn: Sự liên-quan giữa nguyên-tử

Ở trước, ta đã thấy cách tạo ra ba hột nguyên-tử trường-tồn cái trí, cái vía và cái xác của Tam-Thể-Hạ hay phàm-nhơn. Bây giờ hãy học qua sự liên-quan giữa chúng nó và các nguyên-tử khác.

Khi ba Hột Nguyên-tử trường-tồn của Tam-Thể-Thượng Atma-Buddhi-Manas hay của chơn-nhơn đã tạo xong rồi, thì cái mầm thiêng-liêng trong ấy nhờ Thần-lực của Đức Hóa-công xạ xuống mới bắt đầu chuyển-động. Sự chuyển-động bên trong đưa lần đến sự chuyển-động bên ngoài. Trong khoảng thời-gian vận chuyển ấy lại sanh ra một sợi chỉ vàng nhỏ chói sáng bằng chất khí cõi Bồ-đề. Ấy là đường Kim-quang tuyến (Sutrâtmâ). Mỗi Tam-Thể-Thượng thòng xuống một sợi chỉ vàng như thế, bay phất-phơ trong bảy luồng sanh-lực thiêng-liêng, chưa bám đặng vào đâu. Nó chờ cho tới chừng nào các vị Thiên-Thần đưa đến nó chất khí cõi Hạ-Trí, (từ cõi thứ tư) cột dính lại làm ra hột nguyên-tử trường-tồn cái trí, nó mới trụ lại một chỗ đặng (đồ hình số 65).

Hạ-trí lần khai

Xung quanh hột nguyên-tử trường-tồn cái trí mới gom lại những tinh-chất của loài tinh-hoa thứ nhì. Tinh-chất nầy gom lại, rồi rã đi, cứ mãi như vậy nhưng vẫn giữ nguyên cái đơn-vị trung-tâm là hột nguyên-tử trường-tồn cái trí. Cái trung-tâm-điểm nầy là căn-cứ của vô số hình-thể phức-tạp và thay đổi mãi. Nó bị sự luân-chuyển của những hình-thể nầy mà lần lần thức-tỉnh và tập hiểu ý nghĩa của mọi sự rung-động quanh mình. Sự hiểu-biết ấy mới tạo ra những sự rung-động khác - mặc dầu còn yếu ớt - khiến cho trí-thức lần khai, tâm-linh chuyển-động. Với một thời gian vô lượng, hạ-trí mới có thể rung-động thanh cao theo thượng-trí đặng. Những vị Thiên-Thần của Tinh-hoa thứ nhì cũng rán giúp đỡ cho hột nguyên-tử trường-tồn cái trí sớm thức-tỉnh, bằng cách rút chất Tinh-hoa trong thể-xác các Ngài mà bao bọc nó.

Chất tinh-hoa thứ hai nầy là lớp bọc thứ nhứt của hồn khóm.

Tình-cảm lần mở

Khi hột nguyên-tử trường-tồn cái trí đã tạo xong, thì sợi Kim quang-tuyến lại thòng xuống cõi Trung-giới để tạo ra hột nguyên-tử trường-tồn cái vía.

Xung-quanh hột nguyên-tử trường-tồn cái vía ấy mới gom lại những tinh-chất của loài tinh-hoa thứ ba; tinh-chất nầy gom lại rồi rã đi, cứ luân-phiên như thế mãi. Bao nhiêu hình thể của chất tinh-hoa thứ ba, khi tan, khi hợp, tạo ra nhiều sự rung-động; và nhờ đó mà hột nguyên-tử trường-tồn cái vía mới thức-tỉnh lần lần, và thu-thập nhiều đức-tánh của tình-cảm. Cũng như ở trước, Thiên-Thần giúp đỡ hột nguyên-tử trường-tồn mau hiểu-biết, bằng cách rút ở trong thể xác của các Ngài chất tinh-hoa thứ ba đặng bao bọc nó.

Chất Tinh-hoa thứ ba nầy là lớp bọc thứ nhì của hồn khóm.

Xác thân khởi tiến

Khi một hột nguyên-tử trường-tồn cái vía đã tạo xong, thì đường Kim-quang-tuyến lại thòng xuống cõi trần đặng chiếm thêm hột nguyên-tử hồng-trần nữa. Xung quanh hột nguyên-tử nầy, chất tinh-khí hồng-trần cũng kết-hợp như trước. Các vị Thiên-Thần mới rút trong thể xác các Ngài chất tinh-khí đặng bọc nó.

Chất tinh-khí cõi hồng-trần là lớp bọc thứ ba của hồn-khóm.

Khi những hột nguyên-tử trường-tồn hồng-trần đã trải qua các hạng tinh-khí của kim-thuộc, khoáng-thạch, và những nguyên-tố không thuộc loại kim, các vị Thiên-Thần ở cõi Tinh-khí hồng-trần, mới nhận chúng nó vào trong bảy hạng tinh-khí, tùy theo đặc-tánh của chúng nó. Từ đây, hột nguyên-tử trường-tồn hồng-trần khởi đầu tiến-hóa.

Những hột nguyên-tử trường-tồn của Ba-Ngôi-Cao hay Tam-Thể-Thượng (Atma-Buddhi-Manas) và ba ngôi thấp hay Tam-Thể-Hạ đều liên-quan mật-thiết với nhau. Nhưng ở cõi trên, Chơn-Thần không thể trực-tiếp ảnh-hưởng đến những hột nguyên-tử trường-tồn của Ba-Ngôi-Cao - chỉ trừ khi nào đoạt đến một giai-đoạn tiến-hóa cao siêu. (đoạn nầy sẽ giải sau)

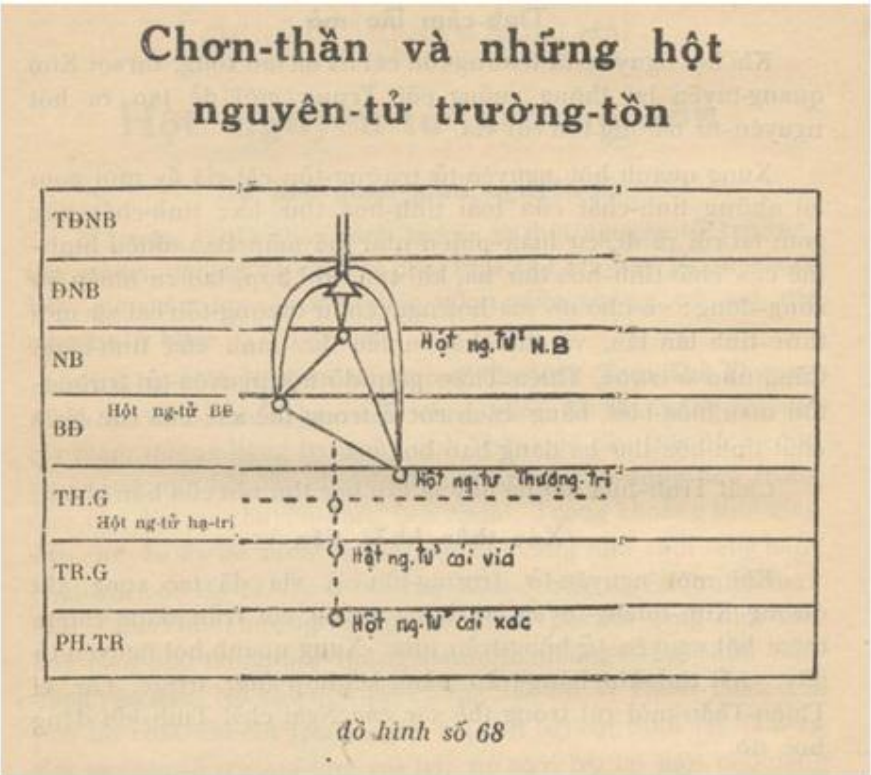

đồ hình số 68

TOÁT-YẾU: Trong đồ hình số 68 ta thấy Chơn-Thần (tượng-trưng bằng hình tam-giác) xạ sanh lực xuống ba hột nguyên-tử trường-tồn (Niết-Bàn, Bồ-Đề và Thượng-trí) của hình tam-giác dưới, tượng-trưng Chơn-Nhơn (égo) hay Tam-thể-Thượng. Chơn-Nhơn phân-thân xuống ba cõi dưới bằng đường Kim-quang-Tuyến. Đường Kim-quang-Tuyến phất phơ chưa bám vào đâu. Nó nhờ các vị Thiên-Thần đưa nó trước nhất vào cõi hạ-trí, cho nó bám vào chất khí cõi ấy, để làm ra hột nguyên-tử trường-tồn hạ-trí. Xong rồi, các vị Thiên-Thần mới cho nó bám vào chất thanh-khí cõi Trung-giới đặng để tạo ra hột nguyên-tử trường-tồn cái vía. Khi xong rồi thì Thiên-Thần mới đưa đường Kim-quang-Tuyến đến chất tinh-khí (éther) hồng-trần đặng kết-hợp hột nguyên-tử trường-tồn cái xác.

Ba hột nguyên-tử trường-tồn (hạ-trí, vía và xác) là trung-tâm-điểm của phàm-nhơn. Chơn-nhơn và phàm-nhơn liên-hệ với nhau bằng đường Kim-quang-Tuyến.

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI BA: Đường Kim-Quang-Tuyến với kẻ hấp-hối

Ta đã nói trước, Tam-Thể-Thượng (chơn-nhơn) nối với Tam-Thể-Hạ (phàm-nhơn) do đường Kim-quang-tuyến (Sutrâtmâ) làm bằng chất Kim-khí cõi Bồ-Đề. Trong hình số 68 đường Kim-quang-tuyến là những dấu chấm để nối ba hột nguyên-tử trường-tồn với góc A B của hình tam-giác tại cõi Bồ-Đề.

Đó chỉ cho ta thấy rằng: đường Kim-quang-tuyến phi-thường đẹp đẽ nầy dệt ra đời sống của ta, vốn làm bằng chất kim-khí tại cõi Bồ-Đề.

Nếu ta lấy huệ-nhãn dòm vào ba hạ-thể của ta là: trí, vía, xác, thì ta sẽ không còn thấy chúng nó nữa, mà là ba cái khuôn [[8]] dệt bằng những sợi Kim-quang-tuyến sáng rỡ, tốt đẹp vô cùng. Đường Kim-quang-tuyến nầy dệt qua dệt lại với nhau, làm thành tấm lưới vàng, bọc ba hột nguyên-tử trường-tồn; hột nguyên-tử nào thô hơn hết thì ở trong nhất.

Tấm lưới vàng nầy bên trong dệt bằng những đường tơ thô-kịch, bên ngoài dệt bằng những đường tơ thanh mịn và đẹp sánh hơn.

Nếu dùng huệ-nhãn xem kỹ tấm lưới vàng lại lần nữa, thì ta thấy nó chỉ có một mối mà thôi, hay nói cách khác là đường Kim-quang-tuyến chỉ có một sợi mà dệt thành tấm lưới. Lúc linh-hồn luân-hồi, thì đường Kim-quang-tuyến dài ra khỏi hột nguyên-tử trường-tồn hồng-trần (mà ta gọi là hột nguyên-tử trường-tồn cái xác) rồi túa khắp nơi, bao trùm thai-nhi [[9]] . Bao giờ cái xác đứa nhỏ đã kết thành xong, thì đường Kim-quang-tuyến mới hết túa ra nữa. Sanh-lực (prâna) do theo các chi nhánh của đường Kim-quang-tuyến xuống nuôi xác thịt. Tới chừng cái xác chết, đường Kim-quang-tuyến mới rút thun lại. Chỗ nào không có đường Kim-quang-tuyến, thì tế-bào sẽ chết và tan rã. Lấy huệ-nhãn dòm vào người hấp-hối, thì ta sẽ thấy như vầy: đường Kim-quang-tuyến dang lần xa khỏi xác-thịt, cuốn sanh lực theo, rồi nó thun lại đặng bọc hột nguyên-tử trường-tồn cái xác; đoạn nó rút vào trái tim. Hễ đường Kim-quang-tuyến bỏ chỗ nào thì chỗ đó lạnh như đồng. Dòm vào trái tim, thì ta thấy một cái ánh sáng-chói chói lòa, màu vàng tím - tức là sự sống của xác-thân. Trong khi ấy, tuy trái tim còn hô-hấp chớ tứ-chi đã lạnh ngắt - cái thứ lạnh của thây ma. Rồi cái ánh sáng ấy, với đường Kim-quang-tuyến và hột nguyên-tử trường-tồn cái xác mới trút lên đầu theo đường chính giữa xương sống gọi là sushumna-nâdi. Đường sushumana-nâdi nầy là đường đi từ tim-thất thứ ba tới não-thất thứ ba. Bấy giờ cặp mắt người sắp chết sẽ lộn tròng; đường Kim-quanh-tuyến bọc chặt hột nguyên-tử trường-tồn cái xác rút lên đỉnh-đầu theo chỗ khớp xương lư-đỉnh-cốt (pariétal) và hậu-chẩm-cốt (occipital) mà bay ra khỏi xác. Chừng ấy, xác mới thật là chết. Những tia sáng của đường Kim-quang-tuyến mới siết chặt hột nguyên-tử trường-tồn cái xác. Hột nguyên-tử nầy giống như con nhộng nằm trong ổ kén; nó nằm yên như vậy cho tới chừng nào con người đầu-thai nữa, nó mới khởi hoạt-động lại.

Cái xác tan rã rồi, thì đến lượt cái vía và cái trí. Khi ba hạ-thể: trí, vía, xác của phàm-nhơn đã tan rã rồi, thì Tam-thể-Hạ làm thành một khối với ba hột nguyên-tử trường-tồn, trở nên sáng lòa, chiếu diệu trong chơn-thân (corps causal).

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI BỐN: Sự hữu-ích của những hột Nguyên-tử trường-tồn

Bây giờ ta hãy trở lại vấn-đề: lúc Chơn-thần chiếm những hột nguyên-tử trường-tồn ở ba cõi cao là: Niết-bàn, Bồ-Đề, Thượng-giới, và tìm hiểu sự ích-lợi của những hột nguyên-tử ấy.

Trước nhứt ta nên nhớ rằng: chất-khí làm ra mỗi cõi đều có 7 hạng khác nhau. Chúng nó khác nhau là do sự có nhiều hay có ít đặc-tính của vật-chất là: "Tịnh, Động và Nhịp", hay nói cách khác, chúng nó khác nhau là do chúng nó đồng-tính nhiều hay ít với ba trạng-thái của Đức Thượng-Đế là: Ý Chí, Minh-Triết và Bác Ái.

Ba trạng thái chánh nầy mới chia ra 7 trạng thái phụ gọi là 7 "Cung". Mỗi "Cung" đều có một vị "Chúa Tể" gọi là "Đức Hành-Tinh Thượng-Đế". Đức Hành-Tinh Thượng-Đế mới nhuộm màu sắc đặc-biệt cho "Cung" của mình. Cho nên dầu có muôn triệu Chơn-thần đi nữa cũng tùy màu sắc mình mà chia làm 7 "Nhóm" hay 7 "Cung". Mỗi người chúng ta đều có một đặc-tánh riêng, một chất-khí đặc-biệt của mỗi nhóm đó. Mỗi Chơn-Thần tự chọn "Cung" mình hầu tăng-cường cái đặc-tánh của mình. Khi chọn rồi, các Đấng Thiêng-liêng mới đem tia sáng của Chơn-Thần thòng xuống cõi dưới cho nhập vào hột nguyên-tử đồng tánh, đồng màu.

Những hột nguyên-tử trường-tồn của Tam-Thể-Thượng cũng đồng khí chất với ba hột nguyên-tử trường-tồn của Tam-Thể-Hạ, cho nên chúng nó mới liên-quan mật-thiết với nhau đặng.

Ở cõi trên một khi các thể của chơn-nhơn đã lập thành, thì có thể nói chúng nó là vĩnh-viễn tương-đối với ba hạ-thể của phàm-nhơn. Chúng nó có thể giữ màu sắc nguyên-thỉ riêng. Chớ ở ba cõi dưới (Hạ-Thiên, Trung-giới và phàm-trần) chất-khí và màu sắc của ba hạ-thể khó theo ý-định và đặc-tính của chơn-nhơn; đó là luật Nhân-Quả (sẽ nói sau).

Những điều nói trên đây có thể tóm tắt như vầy:

Những nguyên-tử trường-tồn có nhiệm-vụ lưu lại đời đời những sự kinh-nghiệm đã trải qua. Bây giờ ta hãy lấy thí-dụ về hột nguyên-tử cái xác có lẽ dễ hơn là nói về những hột nguyên-tử khác.

Theo khoa-học, thì mỗi sự chấn-động nào chạm phải một vật gì, đều sanh ra một sự rung-động đồng tánh với nó. Sự rung-động nầy có thể cục-bộ (ở tại chỗ) hay là khái-quát (lan rộng khắp nơi) tùy theo tánh-chất và sức mạnh của sự chấn-động. Nhưng mặc dầu cục-bộ hay khái-quát đều nhờ đường Kim-quang-tuyến chuyển sự rung-động đến hột nguyên-tử trường-tồn cái xác. Sự rung-động đi từ bên ngoài thấu đến bên trong, trở thành một mãnh-lực rung-động tại hột nguyên-tử trường-tồn; tự nhiên hột nguyên-tử nầy cũng phải rung-động y như vậy.

Trong đời sống vật-chất hằng ngày, xác thân ta thọ không biết bao nhiêu là sự rung-động; mà mỗi sự rung-động đều để di-tích lại cho hột nguyên-tử trường-tồn. Khiến cho hột nguyên-tử trường-tồn nầy lập lại những sự rung-động đã qua. Thế thì, tất cả sự kinh-nghiệm về xác thân đều ghi vào hột nguyên-tử trường-tồn cái xác bằng những cơ-năng rung-động. Khi cái xác tới thời kỳ tan rã, hột nguyên-tử trường-tồn hồng-trần rút về chơn-thân với bao sự rung-động đã kinh-nghiệm ở cõi trần; và nó có thể lập lại những sự rung-động đã kinh-nghiệm vừa qua một cách dễ dàng.

Ta đã nói ở trước: khi tế-bào cái xác đã chết rồi, thì hột nguyên-tử trường-tồn nằm trong bọc Kim-quang-tuyến siết chặt lại như con nhộng trong kén. Nó ngủ như vậy cho đến chừng nào linh-hồn đầu-thai xuống trần, nó mới khởi hoạt-động lại. Trong khi nó ngủ, chơn-nhơn cứ mãi học hỏi và hoạt-động nơi mấy cõi khác. Khi đến thời-kỳ đầu-thai, thì hột nguyên-tử hồng-trần rung chuyển lại, và phải nhờ có nó, cái thai mới đậu.

Khi cái thai đậu rồi, thì những màu sắc và đặc-tánh của hột nguyên-tử trường-tồn mới phát-lộ ra. Rồi Thiên-Thần mới nương theo đó mà chọn vật-liệu cho cái xác thân mới sau nầy được phù-hạp với tánh chất riêng của hột nguyên-tử trường-tồn cái xác. Nhưng các Ngài cũng chọn lựa cách nào cho xác thân mới ấy có thể rung-động hòa-nhịp với nguyên-tử trường-tồn đó, hoặc giả không quá trái nghịch. Bởi thế nên các Ngài mới chọn giờ sanh của nó hạp với thần-lực của Ngôi sao chiếu mạng. Khoa Chiêm-Tinh dựa theo đó mà đoán số. Thật ra, chẳng phải "ngôi sao chiếu mạng" làm cho mình có đặc-tính nầy hay đặc-tính khác, mà chính bản-tính mình khiến cho mình sanh đúng ngày giờ chiếu mạng của một ngôi sao nầy, hay một ngôi sao khác.

Người ta sẽ lấy làm lạ và không thể tưởng-tượng nổi điều nầy: một hột nguyên-tử trường-tồn cái xác - nhỏ bé như thế ấy, lại là một trường hoạt-động cho bao nhiêu điều phức-tạp ở cõi-trần sao? Nhưng sự thật là thế! Ta nên nhớ rằng: Khoa-học cũng kinh-nghiệm như vậy. Con sinh-trùng Weissmann tạo ra đứa nhỏ với tất cả tính nết di-truyền của tổ-tiên. Hột nguyên-tử Weissmann nầy đem cho đứa nhỏ cái đặc-tính xác thịt của ông, cha; còn hột nguyên-tử trường-tồn đem cho nó những đặc-tính kiếp trước của nó. Các nhà thông-thái cổ kim đều chứng thật sự kinh-nghiệm của nhà khoa-học Weissmann. Theo sự kinh-nghiệm nầy, ta sẽ lấy làm kinh ngạc mà thấy cháu mấy đời còn giống hệt ông tổ mình đã từ-trần qua nhiều thế-kỷ. Có hai vợ chồng kia, người nước da trắng lại sanh ra đứa con đen thui như người Ấn. Chừng truy ra tông tích, thì thấy ông cố của người mẹ là người Ấn-độ. Tại sao có sự kỳ lạ thế? Nhưng sự đó không lạ gì! Cái không-gian không làm giảm đặng quan-năng của nguyên-tử. Nó không ngăn đặng làn tư-tưởng, thì làm sao ngăn đặng sự biểu-lộ của tư-tưởng trong hình-thể vật-chất? Thường thường hột nguyên-tử trường tồn cái-xác tiến-hóa, thì tự-nhiên nó gặp trường-hợp phù-hạp với nó, chỉ trừ quả-báo nặng nề của nó làm cho nó lạc bước mà thôi. Bây giờ ta nên xem ảnh-hưởng của hoàn-cảnh đối với nó. Trong lúc ở thời-kỳ thai-dựng, hột nguyên-tử trường-tồn cái xác rút xung quang nó những nguyên-tử hồng-trần phù-hạp và đồng-tính với nó: thường là những nguyên-tử của cha mẹ đứa nhỏ và của người lân-cận.

Sau khi sanh ra rồi, và trọn đời như vậy, cái xác thân mới nầy cứ tiếp tục rút những nguyên-tử đồng-tính xung quanh nó. Nếu cái xác thân ấy ở gần những người tiến-hóa cao, thì nó sẽ rút nhiều hột nguyên-tử tốt đẹp của họ mà tiến rất mau về vật-chất, tình-cảm và trí-hóa. Cho nên bên Nho-Giáo, Ông Khương-Tiết-Thiện tiên-sanh có nói rằng "Thân hiền như tựu chi lan, tị ác như úy xà yết" nghĩa là "tới lui với người hiền như gần cỏ chi lan, lánh xa kẻ dữ như sợ loài rắn rết". Người Langsa có nói "Qui s'assemble, ressemble" nghĩa là "gần ai thì giống nấy". Câu "gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" là lời ngạn-ngữ xưa nay rất có lý vậy.

Hột nguyên-tử trường-tồn cái vía cũng liên-quan chặt-chẽ với cái vía như hột nguyên-tử cái xác liên-quan chặt-chẽ với cái xác vậy. Lúc chết rồi, con người bỏ xác và ở trong cái vía tại cõi Trung-giới một thời gian, đường Kim-quang-tuyến mới rút ra khỏi cái vía —như đã rút ra khỏi cái xác trước kia) và bọc theo hột nguyên-tử trường-tồn cái vía. Bây giờ cái vía mới bắt đầu tan rã ra từ nguyên-tử thanh-khí. Hột nguyên-tử trường-tồn cái vía mới ngủ êm trong bọc Kim-quang-tuyến, đợi chừng nào con người đi đầu-thai, cần có cái vía, nó mới thức dậy.

Đối với hột nguyên-tử trường-tồn cái trí cũng y thế. Khi cái xác và cái vía lần lượt tan rã, thì con người lên cõi Hạ-Thiên ở trong hạ-trí, tức là cõi Trời hay cõi Thiên-đàng (Devakhan). Nơi đây, nếu con người ít tiến-hóa thì không học hỏi gì nhiều, vì lẽ thời-gian trên Thiên-đàng rất ngắn ngủi, mà nhứt là do tư-tưởng còn yếu-ớt, không đem lại kết-quả gì trọng-đại cho hột nguyên-tử trường-tồn. Nhưng nếu con người tiến-hóa cao thì đời sống tại cõi Thiên-đàng là nguồn học hỏi bao-la: cái thời gian ở cõi ấy đem lại sự phát-triển vô-biên của kiếp sống vô-tận của con người. Học hỏi được một thời-gian, lâu mau tùy theo trình-độ, con người phải bỏ cái trí, như đã bỏ cái xác và cái vía. Đường Kim-quang-tuyến sẽ rút ra khỏi cái trí. Chừng ấy cái trí mới bắt đầu tan rã ra từ nguyên-tử thượng thanh-khí. Thế thì phàm-nhơn chỉ còn lại có ba hột nguyên-tử trường-tồn - tượng-trưng ba hạ-thể vừa tan rã. Như ta đã nói, ở trước, những hột nguyên-tử trường-tồn nầy chói sáng làu làu, giống như khối linh-quang, rút vào Chơn-Thần đợi đến kỳ đầu-thai mới tỉnh dậy.

Khi giờ đầu-thai đã đến, chơn-nhơn bắt hột nguyên-tử trường-tồn cái trí vận-chuyển. Bấy giờ, cái bọc vàng Kim-quang-tuyến mới khởi chuyển-động. Cách chuyển-động nầy giống như đá nam-châm rút vào từ-giới (champ magnétique) những hột nguyên-tử cái trí đồng-nhịp với nó. Chính nhờ những vị Thiên-Thần giúp tay trong ấy: các Ngài đưa đến gần hột nguyên-tử trường-tồn cái trí những nguyên-tử thượng-thanh-khí phù hạp. Nếu linh-hồn bắt đầu tiến-hóa, thì các Ngài làm cái trí không được mảnh dẻ giống như một lùm mây bao xung quanh hột nguyên-tử trường-tồn cái trí. Nhưng về sau, khi linh-hồn tiến-hóa cao, thì các Ngài làm cái trí dày khít hơn và tốt đẹp hơn.

Khi cái trí đã làm xong rồi, thì đến lượt cái vía và cái xác (như đã nói ở trước). Người ta thường hỏi rằng: "Làm sao ba hột nguyên-tử trường-tồn của ba-thể (trí, vía, xác) ở mấy cõi thấp lại nhập vào chơn-thần ở cõi cao đặng? Lại nữa, khi chúng nó nhập vào chơn-thần, hỏi chúng nó có mất đặc-tính chăng?" Nhưng người nào hỏi câu đó đều quên sự trọng-đại nầy: các cõi đều đi thấu ngang qua được và chơn-thần có thể chứa tất cả nguyên-tử của ba cõi: trí, vía và xác vậy. Mỗi phần chơn-thần đều liên-quan với mỗi phần của phàm-nhơn. Tuy chúng ta ở dưới trần, chớ chúng ta choán trọn bảy cõi trong vũ-trụ. Nhơn đó, mà hột nguyên-tử trường-tồn hồng-trần làm sao mất đặng đặc-tính, khi ngụ trong chơn-thần?"

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI LĂM: Những hột nguyên-tử trường-tồn, và khi hết dùng đến chúng nó nữa

Ở chương trước, chúng ta đã thấy, khi xác thịt chết rồi, thì đường Kim-quang-tuyến bọc hột nguyên-tử cái xác rút theo đường sushumna-nâdi là đường nối trái tim với óc, rồi mới xuất ra tại khớp xương lư-đỉnh cốt và hậu-chẩm cốt. Đó là sự xuất hồn ra khỏi xác. Bấy giờ cái xác mới thật là chết.

Ba hột nguyên-tử trường-tồn: lần lượt ra khỏi ba hạ-thể xác, vía, trí, mới rút lên chơn-thân nằm yên như trong giấc ngủ. Ba hột nguyên-tử quý báu nầy nằm trong bọc kim-quang-tuyến làm bằng chất bồ-đề màu vàng sáng rỡ, chúng nó là cái kết quả sự học hỏi của phàm-nhơn trong những kiếp đã qua, và chính chúng nó cũng là mầm tiến-hóa của kiếp sẽ tới. (đồ hình số 43).

Cắt nghĩa: Trong đồ hình số 69 ta thấy: tại cõi phàm, lúc con người còn sống, thì hột nguyên-tử trường-tồn của cái xác ở ngoài hết, kế trong, thì hột nguyên-tử trường-tồn cái vía, rồi mới đến hột nguyên-tử trường cái trí. Khi con người bỏ xác rồi, thì nguyên-tử trường-tồn cái xác rút vào trong hết. Khi bỏ cái vía rồi, hột nguyên-tử trường-tồn cái vía cũng rút vô nằm gần bên hột nguyên-tử cái xác. Bây giờ chỉ còn có hột nguyên-tử cái trí. Khi cái trí chết rồi, thì hột nguyên-tử của nó rút vào nằm gần bên hai hột nguyên-tử kia trong chơn-thân.

*

Chúng ta đã thấy rằng: lúc con người bỏ xác phàm, vía và trí rồi, thì ba hột nguyên-tử trường-tồn rút vào chơn-thân. Điều nầy rất cần ích: bởi vì người tiến-hóa phải làm chủ các cõi, và chỉ có ba hột nguyên-tử nầy nối cõi của chơn-nhơn với mấy cõi thấp. Nếu chơn-thân mà tiến-hóa không cần có ba hột nguyên-tử nầy làm môi-giới, thì là một chuyện tuyệt-diệu lắm rồi! Nhưng như thế, chơn-thân chỉ có mạnh-mẽ ở cõi trên chớ bất lực ở cõi dưới, vì không thể cảm-xúc và suy-gẫm được. Bởi thế mà chúng ta cần phải có ba hột nguyên-tử nầy, và còn phải điêu-luyện chúng nó trở nên tinh-khiết và mở mang mới đặng.

Nên chú ý rằng: hột lưu-tánh nguyên-tử tiến-hóa trỗi hơn những hột nguyên-tử khác đồng thứ với nó. Tỷ như hột lưu-tánh nguyên-tử cái xác tiến-hóa hơn những hột nguyên-tử làm ra cái xác, v.v…

Khi con người tiến đến bực Chơn-Tiên rồi (nghĩa là đã hoàn-toàn chủ-trị ba cõi thượng-giới, trung-giới, và hạ-giới) thì không cần phải đầu thai nữa; chừng ấy những hột lưu-tánh nguyên-tử sẽ không còn

bổ dụng nữa. Chơn-Tiên sẽ bỏ chúng nó lại. Nhưng khi Đức Phật (như Đức Thích Ca) [[10]] muốn hoạt-động nơi mấy cõi dưới, thì ngài góp nhặt những hột nguyên-tử trường-tồn của các vị Chơn-Tiên vứt ra, dùng làm cơ thể tạm cho Ngài. Nếu những hột nguyên-tử trường-tồn không đủ cho Ngài dùng, thì Ngài rút những hột nguyên-tử khác xung quanh, thanh hơn hết mà thêm vào. Nếu có một vị nào mới đắc quả Chơn-Tiên mà bỏ hột nguyên-tử trường-tồn ra, thì Ngài lấy thay vào những hột nguyên-tử nầy. Cái thể của Đức Phật làm bằng những hột nguyên-tử trường-tồn của các vị Chơn-Tiên bỏ ra, là cái thể độc nhứt của quả địa cầu, nghĩa là nếu có một vị Thiêng-Liêng nào muốn làm kim-thể như Đức Phật cũng không làm đặng: vì thiếu những hột nguyên-tử trường-tồn. Cái kim-thể nầy giữ gìn kỹ lưỡng và đã có lần Đức Phật cho Đức Chúa và Đức Di-Lạc mượn.

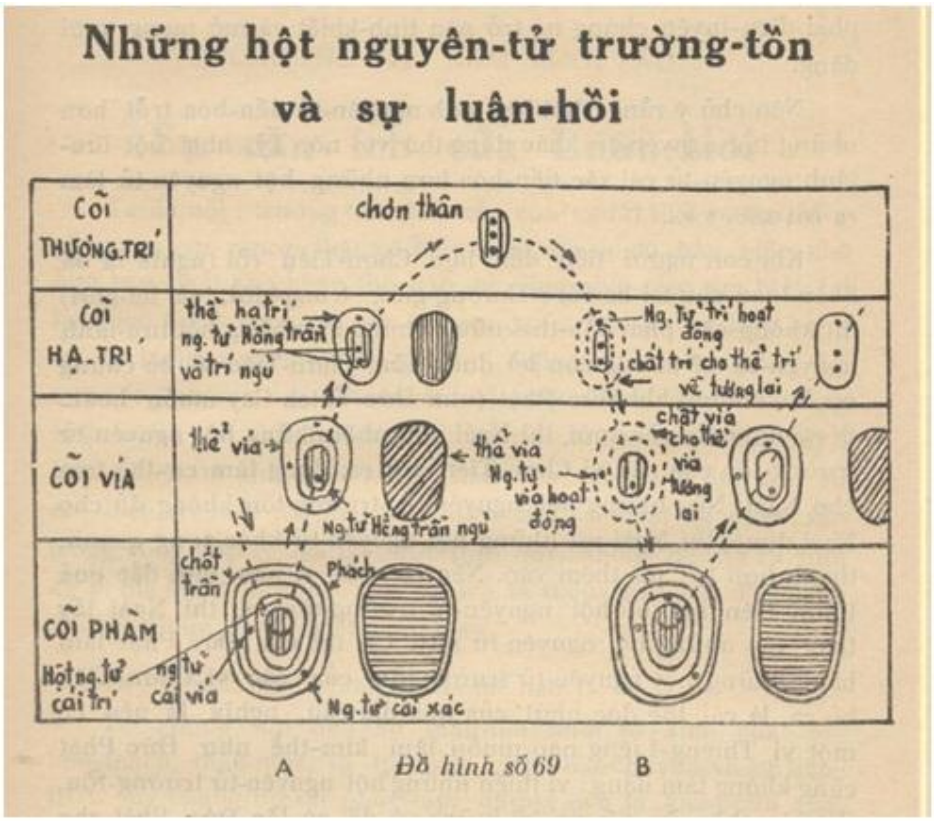

TOÁT-YẾU: Trong đồ hình số 69 nơi A ta thấy hình tròn tượng-trưng con người còn sống, có đủ xác, phách, vía và trí với ba hột nguyên-tủ trường-tồn. Khi con người chết, sanh lực bọc hột nguyên-tử trường-tồn cái xác rút vào tim, theo đường Sushumna-nâdi (là đường nối trái tim với óc-thất thứ ba) mà lên đỉnh đầu, rồi xuất ra khỏi xác. Lằn kim-quang-tuyến (Sutrâma) bọc theo hột nguyên-tử trường-tồn cái xác mà lên cõi vía. Khi cái vía rã rồi, đường Kim-quang-tuyến mới bọc hột nguyên-tử trường-tồn cái vía mà lên cõi trí. Khi cái trí tan rã rồi, thì đường kim-quang-tuyến bọc hột nguyên-tử cái trí, cùng hai hột nguyên-tử xác, vía, kia mà rút vào cái thể thanh đẹp hơn là Chơn-Thân (corps causal). Trong Chơn-Thân, hột nguyên-tử cái xác nằm trong hết kế bên hột nguyên-tử cái vía rồi mới đến hột nguyên-tử cái trí. Khi con người đầu-thai (nơi B) Hột nguyên-tử trường-tồn cái trí mới khởi hoạt-động để tạo ra cái trí, có đặc tánh của hột nguyên-tử ấy. Rồi kế hột nguyên-tử cái vía và cái phách khởi hoạt-động để làm ra cái vía và cái phách cho xác thân sau nầy.

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI SÁU: Sự cần ích của Luân-Hồi

Ta đã nói: trường tiến-hóa của con người thật vô-tận, kiếp sống của con người thật vô biên; thì dù ta có bận việc cho lắm hay phải khó khăn thế nào, ta cũng phải rán tìm hiểu tại làm sao thế? Thực ra, nếu ta xem con người trong kiếp hiện-tại, từ buổi sơ sanh tới lúc thở hơi cuối cùng, thì ta không thể nào công nhận rằng con người với mấy mươi sanh sống ngắn ngủi có thể thực-hiện được nền tiến-hóa vĩ-đại nầy? Hẳn-nhiên, ta phải nghĩ rằng: nếu con người mà đạt đến sự chí-thiện, chí-mỹ thì phải tuân theo một cái Luật đã định sẵn trong vòng hợp lý. Vả lại dưới trần nầy, không hề xảy ra một sự gì mà không hợp lý, vì lẽ võ-trụ là Biểu-Hiệu của Trời, mà Trời là Đấng Minh-Triết hoàn-toàn.

Vậy ta giải nghĩa luân-hồi là thế nào?

Ta không nói đến sự luân-hồi buổi sơ-khai của loài kim-thạch, thảo-mộc, và thú-cầm; sự biến-chuyển và sự tiến-triển của chúng nó rất phức-tạp, nhưng nếu ta khảo-cứu đến thì ta sẽ có được nhiều hứng-thú và nhiều tia sáng, giúp ta am-hiểu điều mà ta đang học đây. Ta chỉ nói vắn tắt rằng: các loài ấy là hột giống để thành người (xin xem lại đoạn Hồn-khóm). Sự Luân-Hồi mà ta nói đây là thuộc về nhơn-loại.

Thông-Thiên-Học dạy ta rằng: một khi linh-hồn đã chuyển kiếp làm người, thì không còn trở lại làm thú-cầm hoặc cây cỏ, kim-thạch nữa. Nhưng trước khi đi sâu vào vấn-đề ta nên tự hỏi linh-hồn là gì? [[11]].

Linh-hồn là điểm linh-quang của Đức Thượng-Đế, ông C. Jinarajadasa có giải về linh-hồn như vầy: Linh-hồn là một Trí-Thức trường-tồn, lấy chơn-thân làm thể xác[[12]]. Linh-hồn không phân nam nữ, xung quanh có một chất khí hình bầu dục bao bọc sáng lòa, thanh dịu như ánh mặt trời chiều. Cái thể hình bầu-dục nầy là cái nhà vĩnh-viễn dùng để che chở linh-hồn, mà ta gọi là Chơn-nhơn. Đối với linh-hồn, thì không có sanh, lão, bịnh, tử. Nó trường-sanh bất-tử, luôn luôn tinh-tấn với thời-gian. Mỗi phút qua, là mỗi phút nó nẩy nở đến gần Đấng Chí-Tôn đã sanh ra nó. Mục-đích của nó là hành theo cơ Trời.

Linh hồn là một điểm Tinh-thần ngụ trong thể xác. Con người vốn là một điểm linh-quang của Đức Thượng-Đế, nhập vào hạ thể; và hạ thể ví như y-phục mặc bên ngoài, có thể vứt ra. Quý bạn mặc y-phục vào; có bao giờ quý bạn cho chúng nó là quý bạn chăng? Thì đối với hạ thể cũng vậy; chúng chẳng phải là con người thật, là Chơn-nhơn. Nhưng muốn mở quyền-năng ở mấy cõi thấp, Chơn-nhơn phải nhập vào hạ thể do chất-khí của các cõi thấp làm ra. Tỷ như xác thân là do chất hồng-trần tạo ra. Chơn-nhơn nhập vào hạ thể để kinh-nghiệm học hỏi, được lần lần đến chỗ chí-thiện, chí-mỹ. Hạ thể là vô-thường: vì nó luôn luôn thay đổi. Còn Chơn-nhơn vốn trường-tồn. Những cõi cao là quê hương thực-sự của các bạn. Bên Gia-Tô giáo có nói như vầy: "Quê hương của con vốn ở trên Trời". Cho nên, người hiểu Đạo rồi, thì dẫu ở nước nào cũng vậy, không lòng khinh hay trọng: vì cõi thế-gian không phải thật quê nhà. Ví như chim kia tung cánh dưới trời, nhẹ nhàng lướt gió, đầy vẻ hân-hoan, thỉnh-thoảng lại xạ xuống biển trần, phớt trên làn nước biếc để gắp mồi ngon, rồi lại cất cánh bay lên giữa đám mây hồng, linh-động, bên trời xa thẳm! Linh-hồn bất-tử của con người, từ cõi thượng-thiên hạ sang trần-tục, để thu-thập cái gì ích-lợi cho sự tiến-triển của mình, và khi xong rồi, hai tay ôm đầy quả đẹp, mới cất cánh bay về chốn cũ, hầu đồng-hóa những điều của mình đã góp nhặp. Xong rồi, linh-hồn lại xuống trần, đầu-thai một lần nữa, và khi gặt hái xong, lại trở về. Cái ý nghĩa nầy là nền tảng của sự Luân-Hồi. Con người đầu-thai xuống trần, chiếm lấy một xác thân. Ban sơ con người không bộc-lộ đặng thiên-tánh của mình.

Mục-đích của con người dưới thế-gian là tập làm chủ cõi vật-chất; và cứ tập như vậy trong nhiều kiếp mới thu-thập được những bài học hay và những điều kinh-nghiệm giỏi. Trước nhứt linh-hồn lấy xác thân của người dã-man. Với cái xác thân không thanh đẹp ấy, linh-hồn chỉ kinh-nghiệm những điều thô-kệch, và có khi cũng bạo-tàn nữa. Đó là những bài học đầu-tiên trên đường tiến-hóa của nhơn-loại. Người dã-man nầy, một ngày kia cũng sẽ bỏ xác thân, chừng ấy linh-hồn mới thấy sự lầm lẫn của mình, sự tàn ác của mình ở dưới thế gian mà bây giờ mình phải chịu đau khổ; tuy nhiên nó cũng được nếm một vài hạnh phúc lúc nó tưởng đến sự công bình của Trời Đất. Một khi linh-hồn đã đồng-hóa đặng tất

cả sự kinh nghiệm của kiếp vừa qua, và đổi chúng nó ra năng-lực trí-hóa và đạo-đức, thì chừng ấy, linh-hồn mới đầu-thai xuống thế lần nữa, lấy cái xác thân tốt đẹp và thanh-bai hơn trước, cho phù hạp với tiến-triển tinh-thần của nó. Nhờ cái xác thân mới và tốt nầy, nó có thể trong một kiếp dưới trần, gặt hái đặng nhiều quả đẹp. Rồi một lần nữa, sau khi bỏ xác, nó sẽ đổi những quả nầy ra năng-lực tinh-thần, và thời gian ở trên trời [[13]] dài hơn lần trước (thời gian ở trên trời lâu mau tùy theo sự tiến-hóa của linh-hồn nhiều hay ít). Vậy con người thác đi rồi sống lại như vậy, không biết bao nhiêu kiếp, cho tới chừng nào đi hết đường tiến-hóa mới thôi: nghĩa là linh-hồn khởi từ bực dã-man để tiến lần tới bực toàn-năng toàn-thiện. Ấy vậy linh-hồn có một đời sống dài vô tận, mà mọi kiếp là mỗi phút của đời sống ấy. Hỏi con người có thể thay đổi tánh tình trong một vài ngày chăng? Thật không, muốn được toàn-thiện phải trải qua nhiều kiếp luân-hồi. Mỗi kiếp là mỗi giai-đoạn hành-hương thiên-diễn. Hễ mang nợ thì phải trả: ai gieo quả nào, thì gặt quả nấy; bởi Trời có một Luật bất-di, bất-dịch cai trị càn khôn vũ-trụ là: Luật Công-Bình. Trên đường tiến-hóa diệu-viễn, tâm thức và tánh tình sẽ lần hồi được thanh cao và con người sẽ trở nên Trọn Lành. Đến giai-đoạn nầy, con người đã thoát kiếp luân-hồi; bởi có ích gì trở lại trần nữa, một khi không còn điều chi để học? Khi ta học hết tiểu-học, thì ta lên ban trung-học. Con người đầu thai xuống, thì cũng giống như đứa học trò đến trường. Học trò học hết ban cao-đẳng rồi, thì ra trường Đại-Học; còn con người hễ thoát kiếp đầu-thai rồi, thì thành một vị Aseka, tức là Chơn-Tiên vậy. Đấng Chơn-Tiên hết làm một học sinh ở trường đời nữa. Ngài lên cõi Thượng-Thiên để tiếp-tục tiến lên mãi, hầu có thể hiệp nhứt cùng Đức Thượng-Đế.

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI BẢY: Luân-Hồi là cần-kíp

Ta đã giải nghĩa thế nào là sự Luân-Hồi. Bây giờ ta hãy chỉ tại làm sao Luân-Hồi là cần-kíp? Luân-Hồi cần-kíp do ba nguyên-nhân nầy:

1. Luân-Hồi là hợp-lý. Cái thuyết Luân-hồi làm thỏa lý-trí. Nếu không nhìn-nhận nó thì cuộc Đời là một bài toán không thể giải đặng. Hỏi sự đau đớn nào bằng, sự lo sợ nào bằng, khi ta thấy xung quanh ta những điều mà trí khôn ta không thể hiểu nổi! Trái lại, nếu ta hiểu đặng, thì ta sẽ có can-đảm và bình-tĩnh mà kéo dài đời sống dưới trần. Không phải những tai nạn dập dồn, những điều đau đớn về xác thịt và tinh-thần là điều thảm-khổ thực-sự của người đời đâu, mà chính là khi cái trí khôn của con người phải lâm vào cảnh đen tối của đêm khuya, ở giữa muôn vàn hiện-tượng không giải nổi, và cứ mãi ngờ-ngờ, vực-vực! Đó mới thật là sự đau khổ vô cùng! Cả đời cứ mãi lo sợ, không biết: đâu là chơn-lý, đâu là ánh sáng, trong khi quanh mình chỉ thấy sự hỗn-loạn và nỗi bất công! Mà hy-vọng có thể nẩy nở ở chỗ hỗn-loạn và ngờ-vực bao giờ? Chỉ có cái lý-thuyết luân-hồi mới đem lại ánh sáng cho đời sống mà thôi.
2. Khoa-học hiện-đại đành bất-lực trước nhiều câu hỏi của cuộc đời. Trước đây mấy mươi năm, khoa học xem dường giải nổi những bài toán-đố khó khăn ở đời. Nhà thông thái Darwin nghĩ mình sẽ được hài lòng trong tất cả phương-diện. Nhưng ngày nay, không nhà khoa học nào giải nổi câu hỏi về sự tiến-triển của loài người, nếu bài trừ thuyết luân-hồi ra.
3. Về mặt đạo-đức, thuyết luân-hồi sẽ không giúp ích cho một số người quanh năm chỉ sống về lý-trí một cách ích kỷ, không có chút tình-cảm, thương yêu kẻ khác. Những người nầy chẳng khỏi thắc-mắc về nhơn sinh, và cho rằng: thiên địa bất công, thế gian tàn ác! Nếu họ hiểu rõ luật luân-hồi, thì họ sẽ thấy cơ trời là Điều-Hòa, Nhơn-Ái, và Minh-Triết vậy. Tóm lại, về phương-diện lý-trí, khoa-học và đạo-đức, thuyết luân-hồi rất cần kíp. Vậy chúng ta hãy lần lượt giải-bày một cách rõ rành hơn.

I. VỀ MẶT LÝ TRÍ

Ta hãy để ý đến một người còn dã-man đời thượng-cổ như mọi Aborigènes ở Australie, mọi Veddhas ở Ceylan, hay mọi ở Bornéo mình mẩy đầy lông lá. Những mọi ấy là những sinh-linh kém hơn nhơn-loại ngày nay tuyệt mù! Chúng chỉ tỏ tâm-sự bằng dấu-hiệu hay bằng tiếng-động, chứ không biết dùng ngôn-ngữ. Chúng chỉ hơn loài khỉ một chút ít thôi. Bây giờ ta xem người mọi ấy về hai phương-diện: vật-chất và tinh-thần. Y không có trí khôn-ngoan, không có lòng đạo-đức, hai đức tánh ấy chỉ còn trong thời-kỳ phôi-thai mà thôi! Nếu quý bạn đã đọc qua những quyển du-ký nơi xứ mọi, ắt quý bạn sẽ thấy người mọi chỉ đếm 1, 2, 3, thôi. Con mèo cũng có thể làm y như vậy được, khi nó đếm con nó.

Bà A. Besant có thuật câu chuyện về mọi Aborigènes ở Australie như vầy: "Chánh phủ Australie thấy mọi Aborigènes phải chịu lạnh lẽo mới đem mền phát cho họ; nhưng khi nắng lên, họ lại lật đật đem mền đổi lấy vật khác, mặc dầu vật ấy không đáng giá. Họ không ngờ rằng đêm khuya trời sẽ lạnh. Đó chỉ cho ta thấy rõ trí não của họ thật là thấp kém! Đối với với tình-cảm của họ cũng vậy. Nếu bạn họ mập béo, họ nhắm ăn ngon miệng thì họ không ngại gì mà bắt làm thịt để ăn. Ông Darwin có kể một người mọi đói bụng cứ bắt vợ mổ ruột ăn tươi. Một ông cha bên Thiên-Chúa-Giáo rán cắt nghĩa cho y hiểu rằng: làm như vậy là quấy lắm; nhưng y vừa lấy tay vỗ bao tử, vỗ bụng bạch bạch vừa trả lời như vầy: "Tôi quả quyết với ông rằng: thịt nó ngon lắm!" Ông cha hỡi ơi, mới rán cắt nghĩa cho y hiểu rằng: đồ ăn ngon với tánh hiền là hai thứ khác nhau xa. Nhưng nói với người mọi về sự lành, sự dữ cũng như nước đổ lá môn! Họ ăn cha mẹ họ khi mấy người nầy trở nên già yếu và vô dụng. Họ ăn con họ, lúc nó còn nhỏ chưa giúp họ được việc gì. Họ giết, cướp bóc, và say sưa vất vả. Nhưng tất cả tôn-giáo đều nói rằng: "Họ là công-trình tạo-tác của Đức Thượng-Đế toàn-năng toàn-thiện". Vậy người còn dã-man như thế, khi chết rồi sẽ về đâu? Có phải cảnh trời chắc-chắn là không dành cho họ sao?" Vậy người ta có thể dìm họ xuống địa-ngục chăng? Không thể đặng vì điều họ làm không phải là tự-ý họ muốn. Nguyên-nhân là sự vô-minh. Đời sống của họ dưới thế-gian dường như đời sống của loài thú. Hỏi có phải đời đã tạo họ ra như vậy chăng? Thật không, bởi vì bên cạnh người dã-man, còn nhiều nhơn-vật phi-thường,

cao-siêu, hơn phần đông nhơn-loại tuyệt mù! Có phải số phận người mọi phải thừa-hưởng cái gia-tài vô-minh của Đấng Cha Chung, bên cạnh anh em mình đang nảy nở, xinh tươi như hoa buổi sáng, mà nhơn-loại kính thờ như bậc thánh hiền chăng? Mấy câu hỏi nầy khiến cho ta để ý đến lý-thuyết Luân-Hồi. Vậy ta nên lấy ánh-sáng Thông-Thiên-Học mà tìm-hiểu chơn-lý trong sự Luân-Hồi.

Bây giờ ta hãy trở lại vấn-đề người mọi giết vợ mà ăn, có lẽ y còn giết nhiều người khác nữa; y cứ giết, cứ cướp, trong lúc y còn khỏe mạnh. Nhưng trước sự hung-tợn và tàn-sát ấy, ta có thể khép tội y vào án sát-nhơn chăng? Y chỉ là người không hiểu đạo-lý mà thôi! Ví dụ y bị người mạnh hơn giết chết, nhưng thật ra y có chết đâu? Chỉ có cái xác chết mà thôi. Y sẽ qua thế-giới khác, và sẽ phát-giác rằng: "những người bị y giết, vẫn còn sống, và chắc-chắn là họ không tử-tế gì với y, mà lại còn thù-nghịch và cọc-cằn đối với y nữa".

Bài học tuy dễ và ngắn, cũng có thể làm cho họ suy-nghĩ và biết rằng: "nếu mình giết một người bữa nay, ngày mai mình sẽ gặp lại; thì chắc-chắn vợ mình không để mình yên thân đâu". Người mọi trên Trung-giới khởi sự học bài học hiền-lương. Nhưng không phải học một lần mà thuộc hết, họ phải trở lại trần nhiều lần như vậy, cho tới bao giờ bài học đầu-tiên đã ghi vào tâm-khảm, và làm cho họ hiểu rằng "Giết là quấy, cướp là quấy." Nhưng chẳng phải họ chỉ kinh-nghiệm điều ấy sau khi từ-trần mà thôi. Có thể họ có chút tình thương vợ, trước khi có ý-nghĩ hạ-sát để ăn thịt. Nhưng khi thèm thịt, thì lại quên tình thương ấy đi! Song dẫu tình-thương có mảnh-mai cách mấy cũng không bao giờ mất: bởi trong võ-trụ không có vật chi là mất cả. Cái tình-thương đối với vợ, dù hết sức mảnh-mai cũng là cái mầm lương-thiện, nó sẽ nẩy-nở trong lòng và đem lại một vài hạnh-phúc. Về sau, khi chết rồi, họ đem lên cõi trung-giới một vài kinh-nghiệm tốt; sự kinh-nghiệm nầy sẽ hóa-thành một đức-hạnh. Và khi tái-sanh lại cõi trần, họ sẽ đem theo cái đức-hạnh ấy. Mỗi kiếp luân-hồi, trước sự chém giết, người mọi sẽ biết ghê-tởm hơn trước, và khi người ta nói với y rằng "Giết là quấy" thì y lại công-nhận ngay. Khi trải qua nhiều kiếp luân-hồi, người mọi sẽ văn-minh lần lần và có thể sống với đoàn-thể, biết tuân kỷ-luật chung của nhóm, mà y cho là đúng: vì nó hạn-chế và kính-nể quyền cá-nhơn. Y cứ mãi kinh-nghiệm kiếp nầy sang kiếp khác, mãi xây gạch, đắp nền, mà trên đây, y cất đền lầu kiếp sống của y, cho đến khi trở thành một nhơn-vật phi-thường, kỳ-diệu dưới thế-gian.

Ta thử xem đứa con ta với người mọi, ta sẽ thấy hai người khác nhau bực nào [[14]] .

Bà A. BESANT có thuật điều bà đã mục-kích về sự nầy: Một làng mọi kia bị tiêu-diệt, tất cả dân-sự ở trong làng đều tàn-sát lẫn nhau nên chết hết, chỉ còn sót lại một em bé mọi. Đứa trẻ nầy được một bà phước nhặt đem về Anh-Quốc, nuôi dưỡng, dạy dỗ đàng-hoàng. Nhưng trước sự giáo-hóa tận-tình, giữa cảnh văn-minh, đứa trẻ mọi vẫn ngơ-ngáo và không hiểu nổi một tí gì về luân-lý, mặc dầu là sơ-giản nhứt! Tấm lòng của nó không rung-động chút nào trước sự giáo-hóa của bà phước. Thật ra, cũng có một số mọi tấn-hóa hơn, linh-hồn già-dặn hơn, có thể thông-cảm đặng, nhưng đó là phần ít.

Ta hãy xem đứa con ta. Nếu ta nói với nó rằng: dành giựt đồ chơi của em nó - yếu đuối hơn nó - là quấy, thì nó hiểu ngay. Tại sao vậy? Có gì lạ đâu: vì đứa con ta tri-thức đặng việc nó làm. Những sự tri-thức nầy, chẳng phải của Trời cho: nó vốn là kết-quả của sự kinh-nghiệm. Con của ta sanh ra với những sản-nghiệp đã thu-hoạch từ bao nhiêu kiếp, nên ngày nay thâm-hiểu một cách tự-nhiên những điều phải và điều quấy. Nếu nó không để ý liền, thì chỉ vài lời nhắc nhở cũng đủ làm cho nó hồi nhớ lại. Ta nên nhơn dịp nầy mà dạy dỗ nó. Trước mắt ta chẳng phải là một linh-hồn còn thuần-khiết vừa mới được hóa-sanh, mà một linh-hồn đã chịu biết bao lần sanh-tử, đã giàu kinh-nghiệm cuộc đời. Trẻ con của dân-tộc văn-minh, mới sanh ra, đều có một đặc-tánh riêng của nó; ai học về giáo-dục nhi-đồng đều biết sự nầy.

Mỗi kiếp sống dưới trần đều đem lại nhiều kinh-nghiệm hơn, khiến cho con người càng thêm hiểu-biết.

Khi từ trần, ta lên cõi trung-giới với những món quà đã thu đặng trong kiếp sống đã qua. Nơi đây, ta sẽ thấy những lỗi lầm đã phạm, ta sẽ phải khổ vì chúng nó. Bao giờ ta đã xác-định những tội-ác của ta rồi, thì ta sẽ bỏ cõi Trung-giới mà sang qua Thượng-giới. Những sự lành, sự phải của ta đã làm, sẽ trở thành những phần thưởng quí giá cho ta tại cõi nầy. Chúng kết-thành cái mão vinh-quang, sáng lạng để trên đầu ta. Những hy vọng cao-thượng, những tình-cảm thanh bai, trong sạch, đã có tại cõi trần, sẽ phát-lộ rõ ràng tại cõi Thượng-giới và sẽ được tăng cường.

Một hình-tượng được chạm-trỗ khéo léo, một là do tài người nghệ-sĩ, hai là do tánh-chất của đá cẩm-thạch. Những đức-tánh về trí-thức, tình-cảm và cảm-giác cũng thế, chúng được tốt đẹp là do Chơn-Nhơn hoạt-động tại cõi trần. Đồ chạm-trỗ bằng cẩm-thạch là kết-quả công-trình của ta ở thế, còn người thợ chạm là linh-hồn. Nếu không có cõi trần đem vật-liệu cho ta, làm sao ta chạm-trỗ đặng? Nếu linh-hồn tiến-hóa là nó biết chọn vật-liệu tốt đẹp, hay nói cách khác là: "cái quả đi theo cái nhân".

Ấy vậy, để cho ta thấy rằng: nhờ luật luân-hồi mà con người có cơ-hội tạo ra số mạng mình. Và nhờ luật ấy mà những điều kinh-nghiệm mấy kiếp trước được góp nhặt lại, và đổi thành đặt-tánh; cho nên, mỗi lần xuống thế và lúc trở về, con người tấn-hóa hơn trước. Sở dĩ ngày nay ta có đặng đức-tánh nào là do lúc ta chưa đầu-thai, còn ở trên Thượng-giới, ta đã rèn đúc nó với những kinh-nghiệm mà ta đã thâu-thập ở cõi trần. Mỗi tật xấu của ta là triệu-chứng sự thiếu đức-tánh đối-chiếu. Dẫu đối với người chậm-chạp nhứt dưới thời-gian, luân-hồi cũng làm cho họ tiến bước và đem lại cho họ một ngày sẽ tới, cái tương lai vinh-diệu phi-thường! Thế thì, tất cả chúng-sanh không sớm thì muộn, cũng đi trên đường sáng lạng và sẽ đạt đến mức cuối cùng là: sự Minh-Triết.

Tất cả chúng ta là chủ-nhân của số mạng: ta muốn tiến mau hay chậm là do ở ta. Nhưng luật-trời bắt buộc ta phải tiến, ta có thể biếng nhác dừng chơn một lát rồi cũng phải đi nữa. Mà nếu ta càng kéo dài con đường sanh-tử thì ta phải chịu trăm cay, ngàn đắng, trong khi các bạn đồng-hành với ta đã nhẹ bước thang mây, đắc quả Bồ-Đề, sang qua miền Cực-Lạc. Theo giáo-lý Thông-Thiên-Học, thì người còn dã-man, một ngày kia, cũng sẽ thành một vị thánh-nhơn, rồi một vị Thượng-Đế.

Nếu ta cho rằng không có thuyết luân-hồi, thì một đứa trẻ kia vừa mới sanh ra lại chết, hỏi có ích lợi gì cho nó chăng? Rồi làm thế nào giải đặng sự bí-ẩn nầy? Hỏi đời sống người lành hay dữ có ảnh-hưởng gì đến sau lúc chết chăng? Nếu công nhận rằng: có, thì đời sống ngắn-ngủi của đứa hài-nhi ấy có phải là một điều thiếu-sót khốc-hại cho sự tiến-hóa của nó chăng? Mà sự thiếu-sót nầy không thể lấp bằng đặng! Tại sao mới sanh nó ra vài giờ, hoặc vài ngày, để cho nó đủ nhìn thấy ánh-sáng mặt trời, rồi bắt nó an giấc ngàn-thu… không cho nó tái sanh, được có cơ-hội để tiến-hóa, có phải là một sự bất-công chăng? Nếu ta không công-nhận đứa bé ấy sẽ đầu-thai xuống trần nữa, thì tức nhiên ta xâm-chiếm quyền tiến-hóa của nó; ta không cho nó nếm cái giá-trị quí báu của cuộc đời, để học hỏi và kinh-nghiệm, hầu một ngày kia được xứng đáng ở cõi Trời. Như thế, ta truất của nó một phần gia-tài thiêng-liêng, đời đời, kiếp kiếp, trong khi nó chưa làm gì nên tội!

Có người lại trả lời như vầy: "Đứa hài-nhi chết đi không hại gì cho tương-lai của nó, còn như chúng ta đây đã trưởng-thành, chúng ta có thể sống một cuộc đời may rủi, và gây nhiều nghiệp chướng đau thương. Cố nhiên chết non như thế là có phước chớ?" Câu trả lời ấy không làm hài lòng đặng và còn gây ra lắm điều ngờ-vực. Làm sao nhìn-nhận được rằng: con người không có quyền thực-hiện cái quan-niệm của mình, trong khi trời đã phú cho mình một cái mãnh-lực của tư-tưởng?

Mà thôi, chúng ta hãy để một bên cái ví dụ về người mọi và đứa hài nhi, chúng ta hãy quan-sát đến sự khó khăn khác nữa. Nếu sống một kiếp là hết, thì có ích gì thực-hiện những đức-hạnh mà ta phải chịu tốn bao nhiêu công-phu, bao nhiêu đau khổ mới đạt đặng? Thường thường các bậc lão-thành có nhiều kinh-nghiệm và khôn ngoan hơn đàn hậu tấn, và một khi ta thắc-mắc điều gì có phải là ta đến cầu cứu với người chăng? Nhưng trong lúc mà sự minh-triết của các ngài đã nẩy nở, đáng làm ngọn đuốc cho đời soi chung, các ngài lại từ giả cõi trần mà an giấc ngàn thu! Các ngài, một là lên thiên-đàng, hai là, xuống địa-ngục như tôn-giáo đã nói; thì sự học hỏi của các ngài có giúp ích cho ai đâu?

Chính tại trần-gian, nhơn-loại mới cần có những bậc cao-minh như thế. Theo thuyết không luân-hồi, thì đời sống của nhơn-loại ở thế-gian hóa ra vô-vị, và tất cả sự kinh-nghiệm tốn bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, sẽ hóa ra bọt nước ở đầu gành; mây bay trong gió!

Chúng ta càng suy nghiệm, để giải cho hợp-lý những bài toán-đố nầy, thì chúng ta càng thấy cái thuyết luân-hồi là cần-kíp.

II. VỀ MẶT KHOA-HỌC

Đối với khoa học, thuyết luân-hồi cũng cần nữa. Vào đời Ông DARWIN có nhiều sách viết ra về sự tiến-hóa của loài người. Theo thuyết Darwin thì sự tiến-hóa nầy đều do sự di-truyền. Nhơn đó người ta mới mở nhiều trường để dạy kẻ làm cha mẹ phải ăn ở thế nào đặng sanh con quí. Đối với nhà thông-thái DARWIN, thì ở đời phải tranh-đấu để đi đến chỗ hay giỏi và chỉ có tranh-đấu, nhơn-loại mới mong tiến-bộ đặng. Nhưng theo thuyết truyết tranh-đấu nầy, thì chung-qui, chỉ có kẻ mạnh là thắng, là bậc đàn anh của nhơn-loại ở tương-lai sao? Lúc bà Annie Besant đang học về luật sanh-sản của dân-tộc, thì bà có viết thơ cho nhà bác học DARWIN để phản-đối cái thuyết của ông. Nhà bác-học trả lời với bà như vầy: "Người ta đừng tìm thế làm cho dịu bớt sự tranh-đấu ở đời nếu ta không muốn cho dân-tộc tương-lai được tốt đẹp". Bà A. Besant kết-luận và cho đó chẳng phải là ý-kiến của nhà khoa-học tân-tiến, vì những vị nầy không hề quả quyết rằng: cha mẹ di-truyền cho con tánh-hạnh và trí-hóa của mình; mà trái lại, hễ trí-hóa của cha mẹ càng cao thượng chừng nào, thì càng khó di-truyền chừng nấy. Tỷ như thiên-tư về âm-nhạc: cha mẹ là nhạc-sĩ có thể sanh con ra có xác thân hạp về âm-nhạc: thinh-giác dễ thọ những nhạc-điệu thanh-nhẹ, ngón tay và thần-kinh miêu-tả đặng những tiếng cầm, tiếng sắt. Nhưng với xác thân thuận-lợi cho âm nhạc, một linh-hồn có thể không nhạc-sĩ chút nào! Nếu may ra một chơn-linh của nhạc-sĩ đến đầu-thai trong xác thân ấy, thì thiên-tài sẽ nẩy nở mau lẹ, và tài-ba xuất-chúng khiến cho danh tiếng bay khắp năm châu thế-giới. Những nhạc-sĩ, nếu có con, thì chúng nó thường không có tài-ba gì và danh tiếng của ông cha khi xưa sẽ bay dần theo gió! Ấy ta thử xem những gia-quyến của bậc tài-hoa về âm-nhạc như Beethoven, Mozart hay những nhạc-sĩ khác ra thế nào? Khoa-học hiện-đại công-bố rằng: "Có sự di-truyền về thể-xác, chớ không có di-truyền về trí-hóa và đạo-đức, bởi vì thiên-tài không thể lưu-truyền cho con cháu đặng". Như thế thì cõi trần sẽ đi đến chỗ lụng-bại sao hay? Nhưng may thay, cái thuyết luân-hồi đến giải rõ các điều thắc-mắc nầy!

*

Còn một bài toán-đố về khoa-học cần phải giải-quyết là: những đức-tánh chung của xã-hội tiến-triển thế nào? Có phải là do sự tranh-đấu về mặt sinh-tồn chăng? Sự thật là: trong khi tranh-đấu, những người không có tánh-cách xã-hội lại là những người thành-công nhứt! Bà A. Besant nói rằng: "Trong thương-trường tân-tiến, thường thường chẳng phải là người ngay thẳng nhứt mà được thành-công; những người quỉ-quyệt, lanh-lợi nhất lại chiếm được địa-vị khả-quan. Trên thế-giới hiện giờ; những kẻ chiếm địa-vị giàu sang nhất trong xã hội thường là những người có óc khôn-quỉ nhất và có một lương-tâm ít thương xót nhất".

Tại Oxfort, Ông Dr. Huxley có nhấn mạnh điều trên đây. Ông cho rằng: "Con người tấn-hóa chẳng phải là chà đạp kẻ yếu, mà là người biết thương họ, và biết giúp họ cùng tiến như mình. Những đức-tánh cần-yếu cho sự tiến-hóa là: Đức hy-sinh, lòng nhơn-ái và dạ từ-bi, biết bênh-vực và che-chở kẻ khốn-nàn, yếu đuối".

Nếu một người kia hy-sinh để cứu kẻ khác mà phải bỏ mạng, thì có phải nhơn-loại mất một vị anh-hùng chăng? Trừ phi người ấy trở lại trần lần nữa; những vị tuẩn-tiết vì Đạo; nếu một khi chết là biệt dạng đời đời, thì làm sao nhơn-loại có đặng người quý giá? Nếu thuyết luân-hồi là đúng, thì người nầy sẽ trở lại trần với một tâm-thức thanh-cao hơn, mạnh-mẽ hơn và lòng yêu-thương nhân-loại lại tăng-gia thập bội: vì trên cõi thượng-thiên những đức-tánh cao-quý, đã có tại cõi trần, sẽ đặng vun quến thêm: lòng hy-sinh và tình bác-ái sẽ được mạnh-mẽ hơn trước nhiều.

Nhưng thuyết luân-hồi là điều chánh đáng, thì dưới trần nầy không có chi là mất cả; nó chỉ rõ rằng; tinh-thần và xác-thịt đồng chung tiến bước.

III. VỀ MẶT ĐẠO-ĐỨC

Bà A. Besant nói rằng: "Đối với tôi, thì trong vũ-trụ không thể có sự bác-ái và công-bình, nếu không nhận thuyết luân-hồi". Chỉ có hai giả-thuyết nầy: một là con người do Trời hữu-ý sanh ra, hai là: con người do cha mẹ sanh ra với những tánh di-truyền. Cả hai giả-thuyết đều xô con người vào chỗ bí-lối, không thể ra được, và bắt buộc con người phải chịu cảnh tê-bại, cứ cúi đầu tuân theo mạng-số của mình và mất cả chí tiến-thủ để sửa đổi thời thế và tánh-tình.

Khi đứa trẻ mới sanh, ta chớ ví hồn nó như tờ giấy trắng mà trên đó ta muốn viết chi thì viết. Ai học về khoa giáo-dục nhi-đồng đều biết rằng mỗi đứa bé mới sanh ra với tài-năng, đức-hạnh hay với tật xấu hèn đặc-biệt của nó. Người Hồi-giáo nói với chúng ta rằng: "Con người sanh ra mang số mạng mình trên cổ". Điều nầy trúng một phần lớn, bởi vì mỗi người dưới thế-gian đều có đặc-tính rõ-ràng.

Người ta có thể tùy sức mình sửa đổi cái đặc-tính nầy; nhưng cũng chẳng được là bao. Cho nên ông LUDWIG BUCHER nói rất trúng rằng: "Sự giáo-dục khó thắng đặng tánh nết tự nhiên". Nếu trời sanh một cách hữu-ý, thì làm sao giải đặng tánh từ-bi, bác-ái và sự công-bình vô lượng của Ngài? Tại sao, một người sanh ra lại nằm trêng giường ngà, chiếu ngọc, sống trong nhung lụa nuông chìu; còn kẻ khác lại nằm trong chòi tranh, vách đất? Tại sao trẻ nầy khôn ngoan, với tương-lai đầy hứa-hẹn, còn đứa kia lại đần-độn, ngu-mê? Mà chúng lại khác nhau ngay từ lúc lọt lòng! Tại sao thế? Trẻ con làm gì nên tội mà phải chịu điều bạc-phước, đớn đau?

Tôi xin trao lời cho bà A. Besant vì bà đã để tâm đến hoàn cảnh của các em bé tại Londres. Bà nói: "Tôi biết rõ thành Londres (Luân-Đôn) từ hang cùng đến ngõ hẻm: bởi vì tôi là nhơn-viên của hội School-board ở tại East-End là một vùng nghèo nhất. Nơi đây, tôi có trách-nhiệm phải lo cho chín mươi sáu ngàn đứa con nít. Ngoài ra, tôi còn phải gần-gũi với dân nghèo khổ. Người nào biết vùng East-End, thì phải biết cái cảnh nghèo khổ của nhơn-loại là thể nào! Lại nữa có nhiều em bé, mắc phải bịnh độc di-truyền của cha mẹ, sanh ra với thân-hình kỳ-quái, với trí ngu-mê hay độc-ác. Chúng nó có nhiều triệu-chứng trở thành sát-nhơn. Tại sao những đứa bé như vậy lại đến cho chúng ta? Các Ngài hãy đi theo tôi vào những nóc-nhà lụp-xụp, bẩn-thỉu, những nhà tối om, gần bên đống rác thúi-tha, mà cả năm không có ánh-sáng mặt trời rọi vào! Các Ngài hãy đi theo tôi đến ngõ hẻm sinh lầy, hôi hám! Bây giờ, các Ngài hãy dừng bước trước cái sân ẩm-thấp đầy rác-rến, ruồi, lằn. Các Ngài cứ tiến theo tôi; chúng ta hãy bước trên thang lắc-lẻo, xuống cái hầm mà cả năm không có ánh sáng mặt trời rọi vào! Không khí thật là khó thở! Nhưng đó là nơi những kẻ khốn nàn sống năm nầy, tháng nọ! Trong góc hầm, trên đống giẻ vụn, một người đàn-bà ốm-nhom, nằm úm một đứa bé trai mới sanh. Ta hãy lại gần xem em bé: trán nó trợt lớt cho đến đỗi xem dường như không có, mặt mày hung-tợn; từ mũi, miệng, gò má, lỗ tai và vóc vạc tay chơn đều chứng tỏ nó là đứa sát-nhơn sau nầy. Với trí óc cạn-hẹp, với dục-tình mạnh mẽ, đời nó sẽ là đời khốn-khổ và bị tội tù! Đó là đứa trẻ khốn-nàn được Trời ban cho một cái linh-hồn! Mẹ nó là ai? – Là phu đập đá! Cha nó là ai? Chắc chắn là người say rượu; là phu bến tàu! Từ lúc mở mắt chào đời, nó đã nghe những tiếng chửi thề thô-tục; tới chừng biết nói - mặc dầu không hiểu - chớ nó cũng bập-bẹ những lời ấy rồi! Lớn lên chắc-chắn là nó bị đánh-đập, và bị xúi đi móc túi. Tối lại, nó đụng đâu ngủ đó; dưới gầm cầu, nơi mái hiên: vì ở nhà nó cũng khổ cực như vậy. Ngày nầy qua ngày nọ, nó sống nhờ ăn cắp vật. Một ngày kia, nó sa vào tay cò bót. Rồi lại được thả ra, rồi lại bị bắt nữa! Cứ mãi như thế. Một hôm, án nó càng chồng chất, nó bị đày, một thời-gian khá lâu, chung với tù-nhơn trọng tội. Nơi đây nó gần gũi với đám người bất-lương, luôn luôn xúi giục nó làm ác. Chừng được thả ra nữa, thì nó còn xấu hơn trước muôn phần. Đối với nó, thì luật-pháp là thù-địch. Không một ai nhớ tới sự giáo-dục của nó, không ai buồn nhìn vào người nó, vì nó là tên tù mới ra khỏi khám! Mà nó cũng chẳng cần ai biết đến nó: nó cứ phá, cứ hại. Ngục tù đối với nó như quán-trọ. Rồi một ngày kia, trong lúc giận dữ, nó lại giết người! Người ta bắt nó. Trước toà-án, nó nghe lời buộc tội một cách thản-nhiên, nó cúi đầu lẳng-lặng, chưa biết mình phải hay quấy? Người ta kết án tử-hình nó. Rồi trong đêm lạnh lẽo, người ta đem

nó ra hành-hình! Xác nó chôn vùi chung với các tội-nhơn khác, dưới vòm trời âm-u, đầy thảm-đạm! Vậy ta thử hỏi, chết rồi hồn nó về đâu? Lên thiên-đàng ư? Chắc-chắn là không! Xuống địa-ngục đời đời ư? Có thể, nhưng không công-bình: vì tên sát-nhơn khốn-nàn nầy, trọn đời, không có dịp nào thuận-tiện để làm phải! Nó chưa biết chi là tội, chi là phước!"

Cái trường-hợp của bà A. Besant vừa kể trên, chẳng phải là cái trường-hợp đặc-biệt cho một cá-nhơn nào mà cho đa-số nhơn-loại của các nước văn-minh trên địa-cầu. Nếu nói trời tạo ra một sinh-linh xấu-xa như thế, thì hỏi ai tin đặng?

Bây giờ ta hãy xem cảnh-tượng khác lạc-quan hơn. Một đứa trai mới lọt lòng mẹ đã được bao nhiêu người nưng-đỡ, vuốt-ve, âu-yếm. Ta hãy lại gần xem nó. Mặt mày mở-mang, ngũ-nhạc phân-minh, nó có nhiều triệu-chứng sẽ trở nên một bậc thiên-tài tột bực. Nét mặt thanh-kỳ chỉ nghĩa tình-cảm nó cao-thượng, quan-niệm nó siêu-quần; xung-quanh nó có bao nhiêu người tiến-hóa đỡ nâng, dạy dỗ. Không bao giờ nó nghe tiếng chửi-thề, thô-tục. Cha mẹ nó trông-nom từ chút. Lớn lên, nó được giáo-hóa đàng-hoàng. Từ trường mẫu-giáo đến đại học-đường, nó luôn luôn được ban thưởng, tặng-khen; vì nó có nhiều đức-tánh mà trẻ khác không có. Dường thể sự hạnh-phúc và sự vinh-quang cứ mãi liên-tiếp nhau mà dệt ra cuộc đời nó. Dường thể Trời dành sẵn cho nó muôn ngàn hạnh-phúc; còn đứa bé khốn nàn kia sanh trong hầm tối, để rồi bị án tử hình, bỏ thây trong đêm lạnh, không kẻ đoái, người hoài! Ôi, thử hỏi hai đứa ấy đã làm gì? Chúng nó chỉ mở mắt chào đời, có thế thôi! Đứng trước bài toán-đố như thế, nếu không lấy thuyết luân-hồi mà giải, thì ta phải vô cùng thắc-mắc. Tin rằng: đứa bé xấu số kia là do ý-định của trời phải sanh ra người vầy, người khác, thì là một sự phạm Công-Bình Thiêng-liêng, mà tất cả nhơn-loại đều đặt hy-vọng vào. Ta không nói đến lòng Bác-ái của Đức Thương-Đế. Ta chỉ kêu nài đến sự Công-Bình mà thôi. Tên sát-nhơn trên kia, khi thác rồi, có thể đứng trước tòa-án thiêng-liêng mà la lên rằng "Tại sao Trời sanh tôi như thế?" Ôi! Ta hãy lấy câu chơn-ngôn của người La-Mã, mà trả lời hai câu hỏi nầy, thì càng thêm vô-lý.

"Người lò gốm không thể nắn đồ-vật y như nhau được: phải có cái tròn, cái méo". Không thể giải-nghĩa như vậy đặng! Trời không có thể tạo ra con người để hành khổ trọn đời! Người sẽ trách rằng: hai trường-hợp vừa kể trên là quá lố: nhưng trên đời, ta thường thấy đó là sự có thật, chớ chẳng phải là điều bịa đặt. Bà A. Besant sở-dĩ nêu ra hai gương nầy, quá tương-phản nhau, để cho ta thấy rõ-ràng hai trạng-thái của con người, và để cho ta tự hỏi: "Có phải Đức Thượng-Đế, vì sự dị-chủng của muôn loài trên địa-cầu, mà sanh ra kẻ vầy người khác chăng?"

Nhưng nếu hai trường-hợp nầy, mà để dưới ánh-sáng Luân-Hồi, thì không còn làm cho ta phải thắc-mắc nữa: người sát-nhơn kia là một linh-hồn trẻ tuổi, mới khởi vào trường tiến-hóa, còn bậc siêu-nhơn ấy là một linh-hồn giàu kinh-nghiệm, sắp ra Đại-Học-Đường với cấp-bằng tấn-sĩ. Cả hai đều tạo ra số mạng mình, và một ngày kia cả hai đều đạt chung một mục-đích.

Thế thì: người sát-nhơn kia mà xã-hội ruồng bỏ và ghê-tởm vốn là anh em với ta, y cần phải đi một bước dài mới đến kịp ta. Còn bậc siêu-nhơn cũng là anh em với ta, nhưng đã bước xa trên đường tiến-hóa hơn ta nhiều.

Cái thuyết luân-hồi đem đến cho ta một sự hy-vọng, làm cho ta tin chắc sự thành-công cuối cùng của nhơn-loại. Luân-hồi đưa ta đi từ nấc thang nầy, đến nấc thang khác, từ lúc ta còn ở trong loài kim-thạch, thảo-mộc, thú-cầm, đến lúc ta làm người. Bao giờ ta đến chót thang, thì ta thành bậc Chơn-Tiên, thoát kiếp luân-hồi. Một khi ta hiểu thấu đặng thuyết luân-hồi, thì ta cộng-tác với nó; nhơn đó, ta tiến-hóa lẹ. Chẳng những ta tiến-hóa về phần ta, mà ta còn làm người khác tiến nữa, như thế, ta cộng-tác với Thiên-Cơ. Ví dù ta nhận có thuyết luân-hồi cùng không, ta cũng không thể tránh nó đặng.

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI TÁM: Luân-Hồi (tiếp theo): GIẢI-THÍCH NHỮNG BÀI TOÁN-ĐỐ KHÓ-KHĂN Ở ĐỜI

(viết theo lời giải-thích của bà A. Besant) (La Réincarnation page 95.)

Câu hỏi thứ nhứt: Trong Võ-trụ phải có một số nhơn-vật nhứt-định, hay là khi tăng, khi giảm?

Khi loài thú ở dãy Nguyệt-tinh (dãy hành-tinh thứ 3) đã đến thời-kỳ đầu-thai làm người, thì nó sang qua dãy Dãy Địa-Cầu (dãy hành-tinh thứ 4). Tại đây nó nhập với một số người chậm bước tiến-hóa còn đọng lại, (trong khi đồng loại của mình đã sang qua dãy dãy hành-tinh thứ năm là dãy Kim-tinh). Thế là nhơn-loại tại dãy Địa-Cầu đã có số nhứt-định.

Câu hỏi thứ nhì: Nếu số nhơn-loại đã nhứt-định như thế, thì làm sao cắt-nghĩa sự tăng-gia chủng-tộc cho đặng?

Câu trả lời nầy rất dễ: "Đối với những chơn-linh đang sắp luân-hồi, số người đầu-thai chỉ là một phần ít thôi. Cũng tỷ như số dân-sự của một đô-thị, như đô-thị Ba-lê, có thể gọi là nhứt-định. Nhưng nếu ta đi đến chỗ diễn-đàn, ta có thể thấy phòng-giảng lơ-thơ ít người hay chật nức, thì đó đâu có phải là triệu-chứng rằng: dân-sự Ba-lê đa số hay thiểu-số đâu. Đối với nhơn-loại ở thế-giới cũng thế. Có lúc nơi Châu nầy, tùy theo phương-tiện tiến-hóa, thì dân-sự đông; nhưng đó không phải bằng-cớ rằng: dân-sự thế-giới tăng-gia. Tóm lại những sinh-linh đã đầu-thai khi đa, khi thiểu, không làm tăng, giảm đặng số sinh-linh của dãy Địa-Cầu. Những chơn-linh tấn-hóa cao, thì lâu đầu-thai hơn những chơn-linh tấn-hóa thấp. Nhưng nên để ý điều nầy: một khi dân-sự trên thế-giới tăng, thì chơn-linh trên cõi Dévakhan (là cõi Trời) giảm [[15]]

Câu hỏi thứ ba: Tại sao người dã-man và bậc siêu-nhân đồng là con Trời lại khác nhau xa thế?

Mỗi người chúng ta là một điểm linh-quang của Đức Thượng-Đế phát-triển kiếp nầy sang kiếp khác, cũng như hột giống gieo xuống đất, tháng nầy qua tháng kia, sẽ thành một cây to. Người dã-man chỉ là một linh-hồn còn bé, đầu-thai xuống thế sau người văn-minh rất nhiều. Tuy cả hai vốn là Tiểu-thiên-địa, nhưng khác nhau chỉ vì thời gian: kẻ làm người trước với kẻ làm người sau. Tỷ như cây da kia mới mọc rễ với cây da nọ đã gần ngàn năm, cành lá xum-xê, tốt đẹp.

Sự tiến-triển của linh-hồn không hề bị hạn-chế vì vật-chất, và mục-đích chung-qui của loài người là đồng đến Đảnh Núi Thiêng-liêng cao cả tuyệt vời. Sự khác nhau giữa hai cá-nhân là nguyên-nhân do thời-gian, chớ chẳng phải do sự bất-công của trời đất. Một người, thì mới khởi đi hành-hương [[16]] , còn một người thì đi đã gần mút đường. Ta đã nhìn-nhận sự phát-triển của thể-xác mà tại sao ta lại không nhìn-nhận sự phát-triển của linh-hồn?

Câu hỏi thứ tư: Cha mẹ còn thấp kém có sanh con thấp kém chăng? Còn cha mẹ tiến-hóa có sanh con tiến-hóa chăng?

Thường hễ cha mẹ còn thấp kém, thì có nhơn-quả với chơn-linh còn thấp kém, còn hễ cha mẹ tiến-hóa, thì có nhơn-quả với chơn-linh tiến-hóa. Rồi cái nhơn-quả ấy gom họ vào một gia-quyến để cùng trả quả với nhau. Nhưng đó chẳng phải là điều nhứt-định. Có nhiều "Cha mẹ cú mà đẻ con tiên và cha mẹ hiền sanh con dữ" như lời xưa hằng nói. Bà A. Besant có thuật chuyện tên mọi ở Mỹ-Quốc tên là Booker Washington, mà thế-giới đều biết tiếng. Tâm trí của y tiến-triển hơn đa số thường-nhơn cho đến đỗi người ta có cảm tưởng rằng "Cái xác-thân mọi của y không xứng đáng cho y chút nào!" Y rất thông-minh, với tinh-thần rất cao-thượng đối với đồng-bào; y dám hy-sinh tất cả để đưa họ lên đường tiến-bộ, xứng đáng cho loài người. Y lên diễn-đàn, dùng cam-ngôn, mỹ-từ để cảm-hóa đồng-bào, cho họ mau tiền bước. Y là một gương-mẫu tiến-hóa của dân mọi, mà tất cả người mọi, một ngày kia, phải đạt cho được. Thật ra, tên mọi Booker Washington thuộc về một chơn-nhơn tiến-hóa; mà vì lòng từ-bi, bác-ái,

chịu hy-sinh nhập vào tấm thân thô-kịch kia, để chung lộn với hạng người dã-man, hầu tìm phương giúp đỡ và đưa họ lần lần đến một địa-vị xứng đáng của nhơn-loại.

Xem qua lịch-sử người đời, ta thấy thỉnh-thoảng một vài chơn-linh tiến-hóa hy-sinh nhập vào một xác-thân thô-kịch để giúp cho đồng-bào mình tiến thêm một bước nữa, và để cho người ta thấy rằng: cái xác-thân và đẳng-cấp xã-hội không thay đổi đặng linh-hồn. Bên Ấn-độ miền Nam có nhiều bực đại thánh sanh trong những gia-đình ba-ria (paria) là những gia-đình hạ-đẳng trong xã-hội. Nhưng các Ngài được mọi người tôn-sùng và quý mến như bậc vương-giả. Cái trường-hộp nầy chẳng phải hiếm có. Người ta thường thấy trong chốn nhà-quê hay những nơi bỉ-ổi của xã-hội, nhiều người đàn-ông, đàn-bà, con nít nẩy-nở một cách thanh cao và trong sạch; giống như hoa sen thơm ngát trên vũng bùn! Trái lại có nhà quí-phái có giáo-dục đàng-hoàng, mà sanh đứa con bất trị, đủ tánh xấu-xa mà người ta gọi là "con chiên ghẻ của gia-đình"; cha mẹ và giáo-sư đành thúc-thủ. Ánh sáng Thông-Thiên-Học cắt nghĩa điều trên đây như vầy: "con chiên ghẻ ấy" có thể trong kiếp trước đã làm một vài điều thiện, khiến nó có liên-quan mật-thiết với một linh-hồn cao-thượng, nay nó sinh cùng một gia-quyến, để cho người nầy có dịp đền ơn nó, bằng cách tạo ra cho nó một hoàn-cảnh hết sức thuận-tiện để nó tiến-hóa mau lẹ".

Câu hỏi thứ năm: Tại sao đứa trẻ mới mở mắt chào đời lại chết đi? Vậy sự sanh nó trong thời-gian ngắn-ngủi ấy có lợi ích gì?

Bà A. Besant nói rằng: đứa nhỏ nầy (mà bà mở huệ-nhãn xem) có nhơn-quả phải trả bằng cách chết yểu, bởi kiếp trước nó có làm chết một người; nhưng không phải là ác-ý. Kiếp trước nó là một người đàn ông quẹt diêm hút thuốc, lại vô-tình quăng dựa đống rơm, trước khi giục tắt. Người đàn-ông đi xa một đỗi, thì rơm bắt cháy, rồi lan ra nhà kế cận, làm chết một người. Trong trường-hợp nầy; người ta không thể nói đó là một sự sát-nhơn, và người gây hỏa-hoạn kia, cũng không phải là kẻ giết người: y chỉ vô-tình làm sái luật Trời mà thôi. Bởi tội y không trọng mấy, nên phải chết yểu để trả quả. Khi trả quả xong, y lại trở xuống trần liền trong vài tháng kế đó, và lắm lúc cũng trở lại với gia-đình trước ấy, nếu y có nhơn-quả với kẻ làm cha mẹ.

Nhưng thường, chính quả báo của cha mẹ mới khiến cho đứa con có số chết yểu sanh vào nhà mình, đặng mình chịu đau khổ mà trả quả. Đứa con chết, cha mẹ khổ nhiều nhứt: vì đứa con là hy-vọng thiết-tha, trông chờ từ bấy lâu! Còn đứa trẻ nầy không có thiệt hại gì, bởi vì nó sẽ đầu-thai lại trong vài tháng sau đó, nó chỉ mất một ít thời giờ mà thôi. Thường thường quả-báo của cha mẹ và đứa con giống nhau, nên mới cùng chung chịu.

Nếu vợ chồng người kia hành-hạ, đánh đập con mình; sự thiếu tình thương ấy, sự độc ác ấy khiến cho họ kiếp nầy phải đền tội. Cái nghiệp báo đó ẩn dưới lớp hình đứa con yêu mến vô ngằn, nhưng nó phải chết yểu! Sự chết yểu của con sẽ làm cho họ lần lần biết dịu dàng, thương mến mấy trẻ khác; mà chừa tánh nham-hiểm ác-độc kiếp xưa. Bà A. Besant có thuật một câu chuyện nầy: "Tôi biết một chị đàn-bà nọ sanh bao nhiêu lần đều không nuôi đặng đứa con nào! Đó là cách chị đền tội! Chị có nói với tôi rằng: "Tôi đem tình mẫu-tử thiêng-liêng của tôi mà thương tất cả trẻ con tôi gặp trên đường đời. Con tôi mất rồi, thì tôi coi các em bé đó như con của tôi vậy". Khi mà chị ấy nói đặng mấy lời nầy, chị đã thọ đặng bài học, và quả xưa của chị đã trả rồi. Chị hiểu luật trời nên không rên siết, không thở than, không phiền muộn, chị lấy sự đau khổ của chị đổi ra cái ân-lành cho các trẻ con bạc phước; chị làm cho chúng nó không còn thấy mình trơ trọi nữa. Tôi nghĩ đó là cách Đấng-Chí-Tôn dạy chúng-sanh mở lòng bác-ái và từ-bi vậy".

Câu hỏi thứ sáu: Thuyết luân-hồi có thể giải tại sao một Quốc-gia thành bại hay suy-vong chăng?

Trước hết tôi xin nói Quốc-gia là gì? Là những dân một nước. Quốc-gia thành hay bại là do dân trong nước tấn-hóa nhiều hay ít. Thường thường, linh-hồn còn trẻ trung lại đầu-thai nơi xứ còn dã-man; và khi linh-hồn thọ nhiều kinh-nghiệm thì đầu-thai nơi nước văn-minh. Mà một nước văn-minh là nhờ đâu? Ấy là nhờ nhiều linh-hồn tiến-hóa đến đầu-thai. Những linh-hồn nầy sẽ đem lại cho xứ sở các điều

tốt đẹp, cao quý. Những ai có lòng mến nước, nên để ý trình-độ chung của dân-tộc, và làm thế nào cho dân-tộc được mở-tâm, mở trí, hầu trở nên sáng suốt, thông-hiểu luật trời. Nếu xứ ta dân còn mê-muội, thì bổn phận của ta phải rán cầu-nguyện cho những linh-hồn tấn-hóa xuống đầu-thai để dắt-dìu họ. Đồng thời ta rán tạo xung quanh ta một hoàn-cảnh thuận-tiện cho họ có dịp làm nẩy nở tinh-thần của họ. Ta rán giúp xung-quanh ta những linh-hồn chưa tấn-hóa bằng gương tốt, lời nói, sách báo và tư-tưởng của ta. Ta chỉ cho họ biết cách nào để mở tâm, mở trí, nếu ta dạy họ tại sao phải ở sạch sẽ, phải hiền-lương, tử-tế, siêng năng, ngay thật và thanh-liêm; tại sao phải ăn uống có tiết-độ, đừng rượu chè, đừng đổ-bát. Những điều nầy giúp ích họ rất nhiều. Nếu phần đông giới thấp kém của một xứ mà khởi tiến-hóa lần lần, thì những chơn-linh tốt đẹp sẽ vui lòng đầu-thai xuống xứ ấy để giúp họ bước thêm một bước nữa. Ấy vậy, sự thạnh, vong của một nước là tùy ở dân-tộc. Nếu bỏ mặc cho dân sống sao cũng được, không thương-yêu giúp-đỡ họ, tức là dìm Quốc-gia xuống vực sâu!

Câu hỏi thứ bảy: Vì lẽ kẻ sát-nhơn vốn là anh em với ta, ta có nên trả tự-do cho họ không?

Người sát-nhơn là một linh-hồn còn bé ta cần phải giúp đỡ. Nếu ta bắt y cầm tù một thời-gian, lại thả y ra, để rồi bắt y lại nữa, thì cũng như ta đem người bịnh đến nhà thương trong một tuần, rồi cho về, hai tuần sau lại đem vô nữa. Nếu cứ thế mãi, thì bịnh đã không giảm mà lại còn tăng. Trái lại, ta phải để cho bịnh-nhơn thật lành rồi sẽ cho về. Đối với kẻ bịnh về tâm-trí - là những kẻ đã gây ra tội ác - ta cũng phải trị như những kẻ bịnh về xác-thịt mới được. Ta phải dạy dỗ họ; ta phải rèn tập họ. Ta chớ hành phạt họ một cách tàn-nhẫn và dã-man; bởi vì làm cho họ đau đớn về thể-xác có ảnh-hưởng gì nhiều đến tâm-trí họ đâu? Nhưng thật ra, cũng không phải thả họ tự-do, để họ làm chi thì làm, cũng như ta không thể thả một con thú dữ cắn hại công chúng đặng. Họ cũng như con thú-dữ: vì họ là những kẻ sát-nhơn, mặc dầu cầm nhốt họ, nhưng phải tìm cách sửa trị họ, cho tới chừng nào tánh-nết họ được thuần lại, họ có thể thành người lương-thiện, mới thả họ ra. Người ta đã nói nhiều về sự tự-do; nhưng tự-do như thế đã không ích gì, mà còn nguy-hiểm, một khi nó không đi đôi với tính tri-thức nhiệm-vụ. Điều người ta phải ghi vào trí-não tội-nhơn là: luật-lệ và giáo-dục. Tội-nhơn có quyền đòi hỏi, chẳng phải sự tự-do, mà một nền giáo-dục đàng-hoàng. Tội-nhơn không cần biết luật tòa án trừng-trị mấy năm, do một tội ác nào, mà phải hiểu luật công-dân lao-động, chủ-trị dục-vọng, để trở nên người lương-thiện. Nếu được vậy, thì ngục-thất là chốn học-đường, là nơi người ta thương yêu, dạy dỗ, cải-thiện đời sống của kẻ lạc-lầm.

Câu hỏi thứ tám: Tại sao có người mới sanh ra lại mang tật què, hay có thân hình dị-tướng?

Tại kiếp trước họ độc-ác với kẻ khác, nên bây giờ họ phải trả quả bằng những dị-tướng. Bà A. Besant nói rằng: "Kiếp trước làm cho kẻ khác đau khổ, thì kiếp nầy phải mang một thân hình dị-tướng. Những kẻ hành-hạ thú-vật, những người ỷ-thế hiếp cô, những nhà giáo-học nóng nảy đánh đập học-trò, để thỏa lòng tức giận, chớ không chịu dịu dàng dạy dỗ chúng nó, đều là những người phải mang một xác-thân dị-tướng". Những kẻ yếu đuối hơn mình là những trách-nhiệm đến cho mình phải che chở bảo bọc, chớ chẳng phải là những cơ-hội cho mình bóc-lột, áp-chế, hành-hà. Nếu tư-cách mình như thế, thì chắc-chắn kiếp sau của mình sẽ thảm-khổ. Người xưa thường nói: "Kiếp sống hiện-tại là phản-ảnh của dĩ-vãng". Thật là đúng vậy.

Câu hỏi thứ chín: Tại sao có sự đồng-cảm và sự bất đồng-cảm?

Tại sự liên-giao kiếp trước giữa mình và người mình thương hay ghét kiếp nầy. Người ta tưởng sự luân-hồi làm cho người thân mình xa-cách mình, chớ sự thật không phải thế. Trước nhất, khi ta bỏ cái xác và cái vía rồi, ta ở trong cái trí, lên cõi trời (tức là cõi Hạ-thiên: Dévakhan) ta sống ở đó nhiều năm (có khi cả ngàn năm) chung với những người thân-yêu của ta lúc sanh-tiền. Khi luân-hồi, trở xuống thế-gian, ta có khuynh-hướng đầu-thai chung với mấy người ấy. Nếu vì lẽ riêng, người thương của ta phải đầu-thai bên kia trời, xa ta muôn dặm tuyệt mù, nhưng dầu vậy đi nữa, tình thương của ta và nhơn-quả chung thường khiến ta đến xứ đó để gặp gỡ người ấy với danh-từ ân-nhân, bằng-hữu hay vợ chồng. Dù ở trên trời hay dưới đất, tình thương không bao giờ tan rã. Chỗ nào có tình thương chơn-thật là chỗ đó

có sự liên-quan mật-thiết giữa linh-hồn; sự liên-quan nầy không bao giờ bị bàn tay giá-lạnh của tử-thần hay sự tái-sanh làm cho dứt được.

Có bao giờ ta cảm thấy một người nào lần thứ nhứt mà dường như đã quen biết lâu rồi chăng? Chỉ vài giờ đàm-thoại, cũng đủ thấy ta và người đồng-thinh, đồng-khí hơn anh em ruột một nhà. Có bao giờ ta cảm thấy người nào lần thứ nhứt, mà ta ghê tởm không dám lại gần chăng? Đó là người nghịch của ta kiếp trước. Tốt hơn là ta nên tránh chung đụng với y, đồng thời nên đem tư-tưởng hiền-lành, tử-tế và nhơn-ái mà ban rải cho y và cầu chúc cho y được tốt đẹp hơn. Như vậy ta có thể trả quả của ta đối với người kiếp xưa. Rồi vài năm sau, khi ta gặp lại người, ta sẽ không còn thấy như là kẻ nghịch mà có thể là người thân. Đó là cách ta đổi quả xấu ra quả tốt.

Có khi ta vừa thấy người nào lần thứ nhứt, mà tấm lòng ta bỗng nhiên sôi nổi một niềm cảm mến nồng nàn: đó là tiếng gọi của chơn-linh nầy đối với chơn-linh khác. Sắc-tướng không thế nào cản đặng tiếng gọi của tâm-hồn. Luân-hồi đặt để ta ở xứ nầy, hoặc xứ khác, với thân-hình nam-nhi hay phụ-nữ; nhưng linh-hồn vẫn không lầm nhau và tự-nhiên gọi nhau bằng tiếng vô-thinh.

Tiếng gọi của linh-hồn là một bằng-cớ vững-chắc nhứt của tình thân-ái mà ta có thể hoàn-toàn tin-cậy. Nhưng ta cũng đừng lầm tình thân-ái bạo-phát, do bên trong, chớ chẳng phải do bên ngoài, mà người ta thường cho là "Tình chớp nhoáng". Thật ra, cũng có tiếng gọi của linh-hồn, mà cũng có tiếng gọi của xác-thịt giữa nam và nữ. Một tình thương như vậy sẽ tan rã với thời-gian, và sẽ hoá ra sự chán-nhàm, buồn tẻ!

Luân-hồi làm cho tình-thương được mãi bền vững; nhờ đó mà ta chắc chắn rằng: chẳng bao giờ ta mất đặng người thương của ta. Lại nữa, luân-hồi đem lại cho ta hy-vọng và an-ủi khi tình thương của ta không đặng bồi đáp. Ta sẽ tự nói rằng "Tình thương của ta ăn sâu trong dĩ-vãng; nếu bây giờ bạn không thương ta lại, là tại xưa kia ta có làm điều chi bất tường cho bạn ta. Vậy ta còn phải thương nhiều hơn nữa đặng trả cho rồi mối nợ tiền-khiên; và nhơn đó, một ngày kia, tình thương chơn-thật và đậm-đà của ta sẽ hiệp ta với bạn ta một lần nữa, tại cõi trần."

Thuyết luân-hồi làm cho ta trở nên mạnh mẽ, có thể đảm-đương tất cả nhiệm-vụ khó khăn ở đời và chịu nổi tất cả những điều sầu khổ.

Câu hỏi thứ mười: Nếu có luân-hồi, tại sao ta không nhớ kiếp trước của ta đặng?

Có biết bao nhiêu chuyện dưới trần mà ta còn không nhớ hết thay, lựa là những kiếp đã qua! Lúc thiếu-thời của ta có xảy ra chuyện gì, hỏi ta nhớ đủ hết không? Ta chỉ nhớ vài chuyện hiển-minh mà thôi: như con ngựa gỗ của ta cởi, cuốn vần đầu-tiên, cuộc đi du-lịch trên tàu thủy hay trên xe lửa lần thứ nhứt. Ngoài các điều ấy ra, ta không còn nhớ chi về đời ấu-trĩ của ta hết. Ta không nhớ chẳng phải có nghĩa là ký-ức hoàn-toàn tiêu-mất trong trí ta đâu. Không phải thế. Nếu ai thôi miên ta, và bảo ta tả lại tất cả thời-kỳ ấu-trĩ của ta, thì ta sẽ tả không sót một mảy! Bởi vì những kỷ-niệm xưa chỉ khuất dưới lớp màn hiện-tại thôi. Nhưng khi xuất-thần (lúc bị thôi-miên) thì sự hiện-tại không lấp đặng cảnh dĩ-vãng. Người xuất-thần có thể nói lại những kỷ-niệm xưa với thứ tiếng thông-thường, mà chính mình cũng không hiểu được. Như thế, thì cái thuyết truyền-thần không đứng đặng ở chỗ nầy. Người ta cũng có thể nhớ rõ ràng những điều gì đã quên từ lâu, trong khi bịnh nặng, hay trong cơn mê sảng. Tại sao cái óc lại hồi-nhớ dễ dàng trong lúc xuất-thần đặng? Bởi vì những kỷ niệm xưa không xóa-nhòa đặng trong ký-ức. Những người tự-tử, trước khi chết, thấy rõ đời họ trải ra trước mắt như tấm phim. Sức rung-động của nguyên-tử cái óc - làm ra trí nhớ - đã giảm-bớt nên khiến cho quên; lại nữa những nguyên-tử nầy rung-động từng nhóm, nên mới có sự liên-tưởng. Tỷ như một mùi thơm thoảng qua làm cho nhớ đến mùi thơm mà ta ngửi khi xưa trong trường-hợp nào, cùng với người nào. Một nguyên-tử trí-não bị kích-động, thì nó lôi cuốn các nguyên-tử của toàn nhóm, chi nên những kỷ-niệm xưa mới diễn lại đặng.

Chính cái thuyết nầy giúp ta giải nghĩa tại làm sao ta không nhớ lại kiếp trước, mà ta có thể nhớ lại tất cả chi tiết xảy ra ở kiếp nầy? Kiếp nầy ta là một linh-hồn ở trong một xác-thân mới; cái óc ta, cái thể tình-cảm và tư-tưởng của ta không có ghi chép những điều xảy ra ở kiếp trước, làm sao hồi nhớ đặng. Chỉ có "linh-hồn" ta là trường-tồn, không bị thay đổi nên giữ đặng tất cả kỷ-niệm của thời dĩ-vãng mà thôi. Nó không bao giờ quên.

Nếu nói như thế, thì tất cả người dưới thế gian không thể nhớ lại kiếp trước sao?

Cũng có người nhớ đặng [[17]], nếu biết tập luyện theo phương-pháp. Cái phương-pháp nầy bà A. Besant đã chỉ rõ dưới đây. "Tất cả lực-lượng của quý ngài đều gom ở ngoại-giới; nó quan-hệ đến quyền-lợi, dục-vọng và tư-tưởng của quý ngài hiện giờ. Tất cả lực-lượng của chơn-nhơn trường-tồn đều luôn luôn quay về hạ-thể: trí, vía, xác để tiếp-xúc với ngoại-giới. Đó là điều làm hầu hết của mọi người ở thế-gian. Nếu muốn nhớ kiếp trước, thì quý ngài phải làm trái ngược lại: quý ngài phải quay cả lực-lượng tinh-thần về bên trong, về chơn-nhơn bất-tử, nó ghi chép tất cả kỷ-niệm cổ-kim của quý ngài. Ngày nào mà quý ngài hiệp-nhứt với chơn-nhơn đặng, thì trí nhớ của chơn-nhơn tức là trí nhớ của quý ngài. Tự nhiên quý ngài nhớ lại tất cả kiếp trước. Chơn-nhơn đã trải qua cảnh dĩ-vãng tiền-khiên. Khi phàm nhơn tan rã, những sự kinh-nghiệm đã thâu-thập dưới trần sẽ đổi-thành đức-tánh tại cõi trời, rồi cái kết-quả của sự kinh-nghiệm (mà ta gọi là đức-tánh) sẽ gắn vào thân, vía và trí của con người mới, khi trở lại đầu-thai tại cõi trần. Tỷ như người thương-gia làm sổ kế-toán, biên số thâu-nhập và số chi-xuất của năm vừa qua, để làm căn-bản cho năm sẽ tới, chớ không có biên những tế-khoản: thì chơn-nhơn cũng vậy. Trên cõi trên, chơn-nhơn làm kế-toán rồi, thì khóa sổ lại; nhưng vẫn nhớ trong trí cái quả vừa qua. Cái kết-quả nầy sẽ ghi vào trí-thức chơn-linh. Cái kết-quả của sự sát-nhơn ở trần sẽ biến-thành cái xu-hướng sát-nhơn ở cõi trời. Quý ngài chớ quên rằng: nó chỉ là cái xu-hướng thôi. Cái xu-hướng nầy sẽ ghi vào trí-não của người mới đầu thai, nó sẽ chịu ảnh-hưởng xấu hay tốt của nền giáo-dục gia-đình và xã-hội. Nếu giáo-dục đàng-hoàng thì cái xu-hướng sát-nhơn kia sẽ phải mất dần. Còn trái lại, con người gặp phải hoàn-cảnh xấu-xa, hung-tợn, thì cái mầm sát-nhơn kia sẽ nảy chồi, mọc lá, và con người dễ phạm vào tội chém giết như kiếp trước. Đó là điều giải-thích tại làm sao ta không nhớ đặng kiếp trước. Nhưng tôi (bà A. Besant) đã nói với quý ngài rằng: Ta có thể tìm lại trí nhớ của chơn-nhơn và nhớ đặng tiền-kiếp bằng cách tham-thiền đem cả tâm-lực chú vào cõi trên, chớ không phải hạn-chế tâm mình nơi mấy cõi thấp, mãi quay-quần nơi hạ-trí, tình-cảm và nhục-dục của trí, vía và thân. Quý ngài hãy sống với tinh-thần, nghĩa là rán trau dồi ba thể cho được tinh-khiết, cao-thượng mới có thể đem phàm-nhơn nhập với một chơn-nhơn. Hễ phàm-nhơn nhập một với chơn-nhơn rồi, thì tự-nhiên các tiền-kiếp sẽ trải ra mắt ta một cách rõ ràng. Tôi biết có nhiều người nhớ đặng mấy kiếp trước, họ có thể dò từ kiếp một để ghi lại những bài học đã qua nhiều thế-kỷ. Nhưng theo ý tôi thì người nào chưa thoát tục được, mà nhớ đặng kiếp trước, thì có hại hơn là lợi. Tỷ như ta ở trong một gia-đình, rủi người cha là kẻ thù của ta xưa kia, nếu ta biết đặng quá-khứ chi cho khỏi sanh ra sự đau đớn trong lòng? Biết bao nhiêu người lầm lỗi, có thể trở nên tử-tế, nếu họ quên được cái kỷ-niệm tội-lỗi ám-ảnh sự tiến-hóa của họ rất nhiều. Trong đời cũng có vài chuyện ta phải quên. Người ta nói ông Shri Ramachandra, chiều lại, rán quên tất cả tội lỗi của ông đã làm trong ngày, dù tội lỗi ấy đến số 20, nhưng đồng-thời, ông không hề quên làm một điều thiện. Người học Đạo cũng thế, chỉ nên nhớ điều thiện đã làm và quên điều ác của người đối với mình và của mình đã gây. Quên điều ác của mình chẳng phải để tránh sự cắn-rứt của lương-tâm, mà bởi sự cắn-rứt lương-tâm đã không đem đến kết-quả, mà còn thêm hại. Điều cần yếu là khi ta phạm lỗi, ta chớ buồn rầu, mà phải lập tâm, lập chí cho có can-đảm đừng tái-phạm lần thứ nhì. Nếu quý ngài không có đủ nghị-lực để lập chí không giận-hờn, không buồn rầu, không phiền-trách những điều khó-khăn, rắc rối tại kiếp nầy, thì quý ngài chớ mong gì thêm vào kiếp hiện-tại, cái gánh nặng của muôn kiếp đã qua!"

CHƯƠNG THỨ NĂM MƯƠI CHÍN: Luật Luân-Hồi: Những thể của Linh-Hồn

Thông-Thiên-Học dạy rằng: Con người là Chơn-Thần, là Điểm-Linh-Quang của Đức Thượng-Đế sanh tại cõi Tối-Đại-Niết-Bàn và ngụ tại cõi Đại-Niết-Bàn. Chơn-thần quá trong sạch không thể ở cõi thấp đặng, mới phân-thân xuống ba cõi dưới (Niết-Bàn, Bồ-Đề và Thượng-Thiên) lấy tên là Linh-Hồn hay Chơn-Nhơn. Chơn-nhơn cũng quá tinh-anh không thể ở cõi thấp đặng mới phân-thân xuống ba cõi dưới nữa (là Hạ-Thiên, Trung-giới và phàm-trần) lấy tên là Phàm-nhơn.

Ta đã nói: Linh-Hồn luôn luôn bất-diệt, luôn luôn tinh-tấn với thời gian, và không bao giờ bị nạn tứ-khổ: sanh, lão, bịnh, tử. Mỗi phút qua là mỗi phút linh-hồn vươn mình bước tới, hầu đến kề Đức-Từ-Phụ toàn-tri, toàn-năng và toàn-diện. Mục-đích của Linh-Hồn là làm theo Thiên-Cơ.

Đây là các thể của Linh-Hồn (égo) :

NHỮNG THỂ CỦA LINH-HỒN				
Cõi Thượng-Giới	Thượng-Thiên	Chơn Thần	Để Tấn Hóa	Quan-niệm
				Tư-Tưởng — Trừu-tượng
	Hạ-Thiên	Hạ-trí	Để Suy nghĩ	Ý-Niệm
				Tư-Tưởng Cụ-thể
Cõi Trung-Giới		CÁI VÍA	Để Cảm-kích	Tình-Cảm
				Dục-vọng
Cõi Trần		XÁC THÂN	Để Hoạt-động	Giác-quan — kích-thích
				Động-tác

Sự tiến-triển mà Linh-Hồn khởi-diễn từ loài thấp nhứt ở cõi trần, như loài kim-thạch; và cứ mãi đầu-thai để tấn-hóa, được phản-bổn hườn-nguyên.

Linh-hồn đi đầu-thai, có nghĩa là lấy ba hạ-thể: trí, vía, và xác. Ban đầu Linh-Hồn gom chất khí cõi Hạ-thiên, làm ra hạ-trí dùng để suy-nghĩ; đoạn gom chất khí cõi Trung-giới làm ra cái vía dùng để cảm-kích. Sau rốt, Linh-Hồn mới nhập vào thai-nhi để hoạt-động trong giới vật-chất.

Thông-Thiên-Học dạy rằng: một khi Linh-Hồn đã lấy xác con người rồi, thì không còn đầu thai lại làm thú-vật, cây-cỏ và sắt-đá nữa, trừ khi vài trường-hợp bất-thường, nhưng ít khi xảy ra lắm.

Khi con người từ-trần, bỏ xác-phàm, thì còn lại hai thể vía và trí. Cái vía sẽ lần lần tan rã, Linh-Hồn chỉ còn có hạ-trí. Sau cùng hạ-trí cũng tan rã. Linh-Hồn mới nhập vào chơn-thân hay là Thượng-trí (corps causal). Ở trong chơn-thân, con người mới thật quy-hồi quê cũ.

Dưới đây là bảng chỉ rõ các hạng linh-hồn đang đầu-thai:

CÁC HẠNG LINH HỒN ĐANG ĐẦU-THAI

1. Các Đấng Chơn Tiên: Các Ngài đã thoát kiếp Luân-hồi, nhưng vui lòng đầu-thai để hy-sinh giúp đời.

2. Linh-Hồn đang đi trên đường Đạo: Đầu-thai lại liền sau khi thác, dưới sự chỉ-huy của Đức-Thầy hay là các Đấng Chơn-Tiên. Hy-sinh cảnh Trời huyền-diệu để trở lại trần.

3. Linh-Hồn Trí-Thức, tần-hóa khá: a) Đầu-thai hai lần trong mỗi giống dân-phụ, Ở tại cõi Trời trung-bình 1200 năm; b) Đầu-thai hơn hai lần trong mỗi giống dân phụ, Ở tại cõi Trời trung bình 700 năm.

4. Linh-Hồn kém thấp: Đầu-thai nhiều lần trong mỗi giống dân-phụ, trước khi sang qua giống dân-phụ khác.

5. Linh-Hồn chưa mở mang:

Có hai hạng linh-hồn: Linh-hồn trẻ và Linh-hồn già. Linh-hồn trẻ là Linh-hồn chưa đủ nghị-lực chủ-trị dục-vọng đang bồng bột, nổi sôi, cái trí cũng chưa mở-mang, khó suy-tính đặng điều cao-thượng. Hiện giờ những Linh-hồn ấy sanh trong những nước chưa văn-minh, hay vừa mới văn-minh. Còn Linh-hồn già là những Linh-hồn tiến-hóa cao, không lấy gia-đình hay tổ-quốc làm biên-cương, tâm-hồn bao gồm bốn biển, lấy hạnh-phúc nhơn-sanh làm nền-tảng và rán thực-hành theo Thiên-Cơ. Cái Linh-hồn ấy ví như Bông-Hoa của Nhơn-Loại, đã bước gần mức tột thang tiến-hóa, và đang hướng về chúng-sanh để tìm phương phổ-độ.

Trên bảng đây ta thấy:

1. Đấng Chơn-Tiên: Chơn-Tiên đã thoát kiếp luân-hồi. Tất cả sự văn-minh trên đời Ngài đều rõ cả. Ngài không còn điều chi học hỏi tại trần nữa. Ngài trở thành cột trụ muôn đời của Đức Thượng-Đế vậy. Tuy nhiên, có nhiều vị Chơn-Tiên đầu-thai xuống thế để đem người đến Đức Thượng-Đế. Khi một vị Chơn-Tiên đầu-thai, thì Ngài tự chọn nơi và giờ sanh, vì Ngài cầm vận mạng Ngài trong tay.

2. Linh-Hồn trên đường Đạo: Là những vị đệ-tử Tiên. Thường sau khi bỏ xác chừng vài tháng hoặc vài năm chớ chưa bỏ cái vía và trí như thường lệ, cũng trở lại trần. Theo luật tự-nhiên, thì khi bỏ xác-phàm rồi, linh-hồn ở trên cõi Trung-giới một thời-gian ngắn; đến khi bỏ cái vía rồi, thì linh-hồn qua cõi Hạ-thiên ở trong cõi Hạ-trí nhiều trăm năm. Cõi Hạ-Thiên gọi là Thiên-Đàng hay Dévakhan (theo văn-từ Thông-Thiên-Học). Nơi đây, linh-hồn hưởng đủ mọi điều hạnh-phúc đã khao-khát lúc ở trần. Trải qua nhiều thế-kỷ, Linh-Hồn sống trong cảnh phúc-lạc miên trường, cho chí ngày nhàm-chán mới bỏ cái hạ-trí, mà sống trong chơn-thân. Tại chơn-thân, tất cả sự kinh-nghiệm đã thu-thập trong ba cõi dưới sẽ hóa-thành đặc-tài và quan-niệm. Nhưng muốn đạt sự chí-thiện chí-mỹ, linh-hồn phải hoạt-động, tập rèn nhiều hơn nữa, bằng cách đi xuống cõi dưới, lấy ba hạ-thể mới: trí, vía, xác.

Những vị đệ-tử cao-cấp không bị bắt buộc phải tuân theo luật chung: Họ hy-sinh mấy trăm năm hạnh-phúc hưởng tại cõi Trời, bương bả xuống trần để phụng-sự Đức Thầy trên đường độ chúng. Đức Thầy chọn cách nào cho ngày giờ và chỗ đầu-thai của họ phù-hợp với công-việc giúp đời. Họ vẫn giữ y hai thể vía và trí của họ, mà chỉ lấy xác mới thôi.

Bà A. Besant và ông C. W. Leadbeater lấy huệ-nhãn xem mấy kiếp trước của 4 người A, B, C, D [[18]] thuộc về hạng linh-hồn tấn-hóa. Theo chi-tiết của của sự luân-hồi, người ta có thể lấy trung-bình mà kết-luật theo bảng dưới đây:

Trông vào bốn bảng trên đây ta thấy:

I. Thứ nhứt: Linh-hồn trí-thức chia ra làm hai nhóm:

1) Nhóm A, B, và D thời-gian trung-bình, giữa hai kiếp lối 1200 năm và

2) Nhóm C thời-gian trung-bình, giữa hai kiếp, lối 700 năm.

Khoảng thời-gian nầy (phần nhiều ở tại cõi Hạ-thiên) lâu hay mau tùy theo sức và lượng của nhiệt-vọng con người lúc còn sống tại cõi trần. Đối với linh-hồn không tấn-hóa, đời sống dưới trần lối 60 tuổi, có thể ở cõi trời từ 2 đến 3 thế-kỷ. Nếu đời sống dưới trần mà ngắn-ngủi như trường-hợp của kẻ chết yểu, thì thời-gian trên Trời sẽ rút ngắn lại.

Đối với phần đông linh-hồn trí-thức, đời sống dưới trần lối 60 năm, có thể ở tại cõi Trời từ 1000 tới 2000 năm. Tại sao mấy người nầy lại ở lâu trên trời? Vì đời sống dưới thế-gian đem lại cho họ nhiều kinh-nghiệm, mà những sự kinh-nghiệm nầy phải đổi ra tài-đức tại cõi trời. Nếu kinh-nghiệm nhiều, thì phải kéo dài thời-gian. Ta thấy nhóm linh-hồn trí-thức như nhóm C (Bảng thứ Tư ba trang 318) chỉ ở trên Trời có 700 năm mặc dầu họ có nhiều kinh-nghiệm bằng nhóm A, B, D, (mấy nhóm nầy ở trên trời lối 12 thế-kỷ).

Do Huệ-Nhãn của bà A.B. và ông C.W.L.

BẢNG THỨ NHỨT

Người tên A

Người tên A.— (20 kiếp qua)
Kiếp sống trung-bình dưới trần : — 60 tuổi ruởi.
Thời-gian trung-bình giữa hai kiếp : — 1.208 năm và 1/4 năm

Năm đầu-thai	Xứ đầu-thai	DÂN-TỘC		Nam Nữ	Tuổi lúc chết	Thời-gian giữa 2 kiếp
		Dân chánh	Dân phụ			
Trước 23.650	Bắc Mỹ-châu	IV	— 1	Nam	56	929 năm
Chúa 22.665	— id —	»	— 2	»	64	1.135 —
giáng- 21.466	Poséidonis	»	— 3	»	84	1.826 —
sinh 19.556	Bactriane	»	— 4	»	71	1.276 —
18.209	Bắc Phi-châu	»	— 5	»	69	1.266 —
16.874	Poséidonis	»	— 6	Nữ	51	1.041 —
15.782	Tartarie	»	— 7	»	85	1.167 —
14.530	Canada	»	— 1	»	57	819 —
13.654	Poséidonis	»	— 2	Nam	54	1.505 —
12.695	Pérou	»	— 3	»	82	1.266 —
9.775	Chine (Tàu)	»	— 4	»	19	143 —
9.618	Poséidonis	»	— 5	Nữ	54	1.262 —
8.302	Etrurie	»	— 6	»	44	1.241 —
7.017	Egypte (Aicap)	V	— 1	Nam	68	619 —
6.330	Indes (Ấn-độ)	»	— 1	»	90	605 —
4.637	Egypte	»	— 1	»	70	1.143 —
2.824	Crète	»	— 4	»	37	830 —
1.907	Arabie	»	— 2	»	45	1.138 —
524	Grèce (Hylap)	»	— 4	»	70	2.301 —
Năm Chúa giáng-sinh 1.847	Angleterre (Anh-Quốc)	»	— 5	»	87	

Do Huệ-Nhãn của bà A.B. và ông C.W.L.

BẢNG THỨ NHÌ

Người tên B

Người tên B.— (24 kiếp qua)
Kiếp sống trung-bình dưới trần : — 53 tuổi rưỡi.
Thời - gian trung - bình giữa 2 kiếp : 1.017 tuổi và 3/4 năm.

Năm đầu thai	Xứ đầu-thai	DÂN-TỘC		Nam Nữ	Tuổi lúc chết	Thời gian giữa 2 kiếp
		Dân chánh	Dân phụ			
Trước 23.875	Haiwai	IV	2	Nam	60	837 năm
Chúa- 22.978	Madagascar	»	2	Nữ	57	713 —
giáng- 22.208	Malaca	»	7	»	56	612 —
sinh 21.540	Nam Ấn-độ	»	1	»	36	0 —
21.504	— id —	»	2	»	48	0 —
21.456	— id —	»	2	»	64	1.775 —
19.617	Bactriane	»	4	Nam	71	1.245 —
18.301	Maroc	»	5	»	67	1.006 —
17.228	Poséidonis	»	6	»	91	1.447 —
15.690	Tartarie	»	7	»	58	1.125 —
14.507	Canada	»	1	»	56	780 —
13.671	Poséidonis	»	2	Nữ	38	1.543 —
12.090	Pérou	»	3	»	85	2.319 —
9.686	Tàu	»	4	»	13	70 —
9.603	Poséidonis	»	5	»	39	1 239 —
8.325	Etrurie	»	6	»	65	1.502 —
6.758	Tartarie	»	7	»	52	1.007 —
5.629	Ấn-Độ	V	1	»	62	1.552 —
4.015	Ai-cập	»	1	Nam	71	1.208 —
2.735	Trung Phi-châu	»	2	»	48	809 —
1.879	Perse (Ba-Tư)	»	3	»	17	341 —
1.521	Asie — Mineure	»	4	»	31	991 —
499	Hy-Lạp	»	4	»	76	2.020 —
Năm Chúa giáng-sinh						
1.597	Venise	»	4	»	23	276 —
1.896	Huê-Kỳ	»	5	»		

Do Huệ Nhãn của bà A.B. và ông C.W.L.

BẢNG THỨ BA

Người tên C

Người tên C — (30, kiếp qua) —
Kiếp sống trung-bình dưới trần : 72, tuổi 2/3
Thời-gian trung-bình giữa hai kiếp : 706 năm.

Năm đầu-thai	Xứ đầu-thai	DÂN-TỘC		Nam Nữ	Tuổi lúc chết	Thời-gian giữa 2 kiếp
		Dân chánh	Dân phụ			
Trước 22.662	Bắc Mỹ-Châu	IV — 2		Nữ	84	819 năm
Chúa - 21.759	Ấn-Độ	« — 6		»	17	275 —
giáng - 21.467	Ấn-Độ	« — 2		Nam	85	808 —
sinh. 20.574	Ấn-Độ	« — 3		»	109	911 —
19.554	Tàu	« — 4		»	69	600 —
18.885	Trung-Á-Tế-Á	V — 1		»	79	597 —
18.209	Bắc Phi-Châu	IV — 5		»	71	674 —
17.464	Trung-Á-Tế-Á	V — 1		»	60	528 —
16.876	Poséidonis	IV — 6		»	84	297 —
15.995	Trung-Á-Tế-Á	V — 1		Nữ	58	535 —
15.402	Ấn-Độ	« — 1		»	79	772 —
14.551	Ấn-Độ	« — 1		»	91	809 —
13.651	Poséidonis	IV — 4		»	82	692 —
12.877	Ấn-Độ	V — 1		Nam	82	702 —
12.093	Pérou	IV — 3		»	90	821 —
11.182	Ấn-Độ	V — 1		»	71	682 —
10.429	« id »	« — 1		»	73	684 —
9.672	Poséidonis	IV — 5		»	86	811 —
8.775	Ấn-Độ	V — 1		»	83	840 —
7.852	Ấn-Độ	V — 1		»	78	788 —
6.986	Ai-Cập	« — 1		Nữ	77	945 —
5.964	Ấn-Độ	« — 1		»	17	312 —
5.635	« id »	« — 1		»	47	618 —
4.970	« id »	« — 1		»	69	866 —
4.035	Ai-Cập	« — 1		»	75	901 —
3.059	Ấn-Độ	« — 1		Nam	81	798 —
2.180	« id »	« — 1		»	56	596 —
1.528	Ba-Tư	« — 3		»	87	811 —
Năm Chúa giáng-sinh 630	Ấn-Độ	« — 1		»	71	1.183 —
624	« id »	« — 1		»	70	802 —
1.895	« id »					1.201 —

Do Huệ-Nhãn của bà A.B. và ông C.W.L

BẢNG THỨ TƯ

Người tên D

Người tên D.— (17, kiếp qua)
Kiếp sống trung-bình dưới trần : 55, tuổi.
Thời-gian trung-bình giữa hai kiếp : 1.221, năm.

Năm đầu thai	Xứ đầu-thai	DÂN-TỘC: Dân chánh	DÂN-TỘC: Dân phụ	Nam Nữ	Tuổi lúc chết	Thời-gian giữa 2 kiếp
Trước 19.245	Chaldée	IV	6	Nam	76	2.022 năm
Chúa 17.147	Egypte	»	5	»	72	1.787 —
giáng 15.288	Poscidonis	»	3	»	44	498 —
sinh 14.746	Laponie	»	1	Nữ	55	653 —
14.038	Bắc Mỹ-Châu	»	2	»	62	1.187 —
12.089	Pérou	»	3	»	85	2.367 —
9.637	Tàu	»	4	»	12	22 —
9.603	Bắc Atlantide	»	5	»	39	995 —
8.569	Etrurie	»	6	»	59	1.053 —
7.457	Nhựt-Bổn	»	7	»	65	1.513 —
5.879	Ai-Cập	V	1	Nam	75	1.772 —
4.032	Ấn-Độ	»	1	»	45	1.829 —
2.158	Á-Rạp	»	2	»	68	1.517 —
573	Ba-tư	»	3	»	12	21 —
520	Hy-Lạp	»	4	»	71	1.952 —
Năm Chúa giáng-sinh						
1.503	Đức-Quốc (All)	»	5	»	19	332 —
1.854	Anh-Quốc	»	5	»	79	

II. Thứ Nhì: Những linh-hồn trí-thức thường đầu-thai ít nhứt hai lần trong mỗi giống dân phụ, của một giống dân chánh (xin xem lại đoạn giống dân). Ta hãy xem nhóm người A, thì ta thấy linh-hồn đầu-thai năm 23.650 trước Chúa giáng-sinh trong giống dân phụ thứ nhứt của giống chánh Atlante (nghĩa là giống dân chánh IV). Mấy kiếp sau, linh-hồn ấy cứ đầu-thai trong các giống phụ của giống dân chánh ấy tùy theo số thứ tự (từ giống dân phụ thứ 1 tới giống dân phụ thứ 7). Sau khi đầu-thai trong giống dân phụ thứ 7; linh-hồn trở lại giống dân phụ thứ nhứt; nhưng thường đổi xác nam hay nữ. Rồi cũng cứ tuần-tự luân-chuyển mãi như vậy. Có khi linh-hồn không tuân theo thứ-tự của giống dân phụ. Tỷ như đầu-thai trong giống dân phụ thứ 6, bỏ nhóm dân phụ thứ 7, lại trở đầu-thai trong nhóm dân thứ nhứt. Đó chỉ nghĩa là linh-hồn đã học-hỏi tất cả điều cần kíp trong nhóm dân phụ thứ 7 rồi.

III. Thứ Ba: Về vấn-đề nam và nữ, thì ta thấy trong bốn người A, B, C, D, khác nhau xa. Lấy thân đàn-ông hay đàn-bà để tiến-hóa tại cõi trần là tùy sự kinh-nghiệm khác nhau, chớ không có luật buộc phải mấy kiếp làm nam hay nữ hoặc giả người nữ bị đọa hơn người nam. Thường chẳng bao giờ linh-hồn lấy xác-thân nam hay nữ liên-tiếp trong bảy kiếp, hoặc ít hơn ba kiếp. Tuy nhiên cũng có lệ-ngoại, cũng như ta thấy tên A, sau ba kiếp liên-tiếp làm đàn ông, đầu-thai hai lần làm đàn-bà rồi trở lại làm đàn ông.

IV. Thứ Tư: Linh-hồn đầu-thai là khi chấm-dứt đời sống trên Trời; ngày giờ sanh và tử đều do Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu [[19]] đã định trước. Kiếp sống của mình dưới trần có thể bị rủi ro hay bịnh-hoạn thâu-ngắn lại, khi các Ngài cho là cần. Trái lại nếu các Ngài thấy linh-hồn cần phải sống lâu đặng thu-thập một vài kinh-nghiệm trọng-yếu, thì các Ngài cho kéo dài đời sống. Tuy các Đấng-Nam-Tào Bắc-Đẩu định-đạt số-mạng mình như thế, chớ chẳng phải là cái luật phải tuân theo, vì mình có thể sửa đổi số-mạng mình. Tỷ như sự rủi ro gây thiệt-mạng, đó chẳng phải luôn luôn là do số-mạng: vì lắm khi sức mạnh bên ngoài cũng có thể làm sái chương-trình của Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu. Nhưng trong đời chẳng có cái chi mất cả. Kiếp nầy rủi thu ngắn vì tai nạn; nhưng kiếp tới sẽ được đền bù.

Trong chương-trình luân-hồi chẳng có khoản nào nói về sự tự-tử. Con người chịu trách-nhậm hoàn-toàn của sự tự-tử. Có nhiều trường-hợp: người ta tự-tử để tránh tội-lỗi, người ta tự-tử vì loạn óc hoặc vì nguyên-nhân cao-thượng.

Đối với linh-hồn chưa tấn-hóa và còn thấp-kém, thì luật luân-hồi có thể sửa đổi một đôi phần, cho nên họ sanh đi, sanh lại trong một giống-dân phụ rất nhiều lần, trước khi đầu-thai qua giống-dân phụ khác. Thời-gian giữa hai kiếp của họ rất ngắn ngủi chỉ vài năm. Họ thua sút những linh-hồn trí-thức cả triệu năm. Đó chẳng phải có nghĩa là bản-tánh của họ xấu-xa. Những đức tánh khôn ngoan, nhơn-từ của người trí-thức hiện giờ sẽ là gia-tài sẽ tới của người còn thấp-kém, chưa tấn-hóa, bởi vì luật trời bắt buộc tất cả mọi người đều phải đạt cho được sự chí-thiện, chí-mỹ.

Tại sao biết đặng người đàn-ông ở Đông-Phương sẽ đầu-thai làm người ở Tây-Phương? Câu hỏi nầy cũng chẳng khó trả lời. Vì lẽ, hiện giờ các vị thông-thái đã có làm; tỷ như muốn biết chỗ sanh đứa nhỏ, thì người ta xem tứ cận, coi địa-thế có gần biển; núi, hồ, sông chăng? Rồi trông vào bảng địa-đồ, thì biết đặng rõ ràng. Nếu đứa nhỏ sanh vào đời thượng-cổ, địa-diện bị đổi thay, thì nhà sưu-tầm của khoa pháp-môn huyền-bí lấy thần-nhãn xem đúng chỗ nào, rồi dò lại bảng địa-đồ, thì biết trúng đặng xứ ấy.

Muốn biết về giống-dân, thì phải có học nhiều về nhân-tính-học. Người nào đã từng đi du-lịch, thì sẽ biết phân biệt người Tàu với người Nhật, người Anh với người Pháp, người Đức với người Nga. Cũng như xem đặc-tính của mỗi giống dân. Người ta có thể biết giống dân nào phụ, giống dân nào chánh. Biết rõ ngày giờ là một chuyện khó. Người có huệ-nhãn, có thể thấy đặng bao giờ trái đất đổi thay, và giờ nào, ngày nào quả địa-cầu xảy ra điều gì, trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Tỷ như nhà Pháp-môn muốn xem lại một đoạn đời xưa bên xứ Ai-Cập và tìm biết ngày tháng, thì phải lấy huệ-nhãn quan-sát triều-đình, coi vị vua nào trị-vì thuở ấy, rồi lật lịch-sử coi nhằm năm nào hoặc trước hay sau Chúa Giáng-sinh. Cũng như người ta có thể biết đặng châu Atlantide sụp hồi năm 9565 trước Chúa Giáng-sinh vậy.

Về sự biết một linh-hồn khi lấy xác nam hay nữ, thì không thể lầm đặng. Thật ra, cái xác-thân thay đổi mỗi kiếp luân-hồi, nhưng cái chơn-thân (hay cái kiếp) chẳng hề thay đổi. Một khi nhà sưu-tầm, lấy nhãn-quang dòm vào chơn-thân trường-cửu ấy, thì sẽ biết từng kiếp một của linh-hồn. Mặc dầu xác-thân là đàn ông hay con nít, linh-hồn không vì đó mà già hay trẻ.

Bây giờ ta hãy trông vào hai bảng dưới đây của các nhà có nhãn-quang như bà A. Besant và ông C.W. Leadbeater sưu-tầm để biết qua cái dây liên-ái chặt chẽ giữa ba linh-hồn A, B, C. Nhờ tình-thương kết chặt, ba linh-hồn nầy cầm tay tiến bước đến Đài Minh-Triết Thiêng-Liêng, không hề rời nhau. Tình thương thực-sự không bao giờ mất, mặc dầu cái xác bị bao lần thay đổi, đổi thay. Tình thương thực-sự mặc dầu trong gia-quyến hay ngoài đời cứ mãi tỏ-hiện bằng cách giúp đỡ và hy-sinh.

Ở trước ta đã thấy Linh-hồn A và B là những linh hồn tấn-hóa khá, bởi đã sống 1200 năm tại cõi Trời, còn C thì chỉ có 700 năm mà thôi.

Trông vào bảng thứ I ta thấy C gặp A 12 lần, còn gặp B và A cùng một lượt có 8 lần. Nhơn đó mối tương-quan giữa A và C rất đậm-đà. Mặc dầu hoàn-cảnh và nhơn-quả của đôi bên không gom họ vào một gia-đình đặng, chớ tâm-hồn họ vẫn tìm nhau, mà kết bạn thân với nhau.

Trông vào bảng thứ II ta thấy hai linh-hồn E và F gặp nhau nhiều kiếp, và thần tình-ái đã buộc chặt hai người trong nhiều trường-hợp. Khi linh-hồn E đổi xác nam đầu-thai làm người nữ hai lần, thì người thương của y lại cũng theo y với tư-cách con trai, và chồng. Đến chừng E làm đàn ông thì F lại cũng làm đàn ông. Cả hai đồng kết bạn thân yêu không rời. Đến sau, E làm một nhà-sư, thì người ta lại đem đến cho một em gái mồ-côi, ở tại đền-thờ. Sau hai tháng, nhà sư và em bé trở thành đôi bạn thân; nhà-sư đối với em bé như bực cha và sư-phụ. Rồi một kiếp sau, hai người làm vợ chồng với nhau. Có một kiếp F không gặp người yêu, nhưng kiếp sau tại (Rome) thành La-Mã F và E lại làm vợ chồng.

TÌNH - THƯƠNG NỐI CHẶT CÁC LINH - HỒN

BẢNG THỨ I

Người tên B	Người tên A	Người tên A	Người tên C
. . . . .	. . . . .	Chồng	Vợ
Vợ	Chồng	Anh rể	Anh rể
Ông cố	Cháu trai	Anh	Anh
. . . . .	. . . . .	Em (2) trai	Anh (2)
. . . . .	. . . . .	Vợ	Chồng
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . . . .
Con trai	Mẹ	. . . . .	. . . . .
Mẹ	Con trai	Chồng	Vợ
Bạn gái	Bạn trai	Anh	Anh
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . . . .
Bạn gái	Bạn gái	Con gái	Cha
Mẹ	Con gái	. . . . .	. . . . .
. . . . .	. . . . .	Cha	Con gái
Vợ	Chồng	Anh	Chị
Bạn gái	Bạn trai	Hôn-phu	Hôn phu
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . . . .
Con trai (1)	Cha	. . . . .	. . . . .
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . . . .
Con trai	Cha	. . . . .	. . . . .
Bạn trai	Bạn trai	Bạn trai	Bạn trai

(1) con trai ; (2) anh em song thai ;

BẢNG THỨ II

Người tên E và F		
Xứ đầu-thai	Người tên E	Người tên F
Atlantide	Anh một cha khác mẹ	Em gái 1 cha khác mẹ
Ấn-Độ	Chồng	Vợ
Scandinavie	Chồng	Vợ
Pérou	Cha	Con gái
—	Mẹ	Con trai
Ba-tư	Vợ	Chồng
Bắc Mỹ-châu	Bạn trai	Bạn trai
Assyrie	Nhà-sư	Nữ mồ-côi ở đền-thờ
Ấn-Độ	Chồng	Vợ
Ai-Cập (Egypte)	Hôn-phu	Hôn-phụ
Arabie	Hôn-phu	Hôn-phụ
Thuộc-địa Hy-Lạp	II	
La-Mã	Chồng	Vợ
	Đàn-ông (tu)	Đàn-bà

CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI: I. Ý muốn Đầu Thai

Ở trước ta đã thấy: Luân-hồi là cần kíp, bây giờ ta thử học qua cái ý-muốn đầu-thai.

Ta đã biết rằng: Đầu-thai nghĩa là Chơn-nhơn từ cõi Thượng-Thiên cho tia sáng xuống ba cõi dưới: hạ-trí, trung-giới và hạ-giới để làm ra ba thể: trí, vía và xác mà ta gọi là phàm-nhơn. Vậy thử hỏi đầu-thai diễn ra lúc nào?

Khi chơn-nhơn muốn kinh-nghiệm thêm điều mới lạ, mới phân-thân ra đặng đi xuống cõi thấp; sự ham muốn nầy là do ý-chí của Đức Thượng-Đế giục-giã [[20]] . Chơn-nhơn nẩy sanh cái ý muốn đầu-thai. Theo phạn-ngữ thì cái ý muốn đầu-thai đây gọi là Trishnâ. Tức là sự khát-vọng để biểu-lộ sự "**SỐNG THẬT**". Chữ sống đây không phải theo nghĩa thường mà có nghĩa là làm cách nào để biểu-lộ hoàn-toàn, cái tâm linh-động tại cõi dưới để cùng rung-động theo muôn điệu. Không có cái luật nào hay một sứ-mạng nào bên ngoài bắt-buộc chơn-nhơn phải đi đầu-thai cả: chơn-nhơn đi đầu-thai là tự ý mình muốn. Nếu Chơn-Nhơn không chịu, thì cũng được tự-do vậy. Nhưng bao giờ Chơn-Nhơn thấy những cõi dưới còn hữu-ích cho sự tiến-hóa mình, thì lại muốn đi đầu-thai.

Thế thì, Chơn-Nhơn không bị áp-chế bắt buộc đi đầu-thai dưới cõi trần phiền não nầy. Chơn-nhơn muốn đi đầu-thai là tự mình khao-khát. Ta hãy ví dụ một cách hữu-hình như vầy: khi ta ăn, đồ ăn sẽ bổ-dưỡng ta; rồi ta lại đói nữa, ta cần bổ-dưỡng nữa, ta cần ăn nữa. Không ai bắt buộc ta phải ăn, ta tự kiếm lấy mà ăn vì ta đói. Cũng y như thế, người đi đầu-thai vì thấy mình cần dùng cảnh dưới để tiến-hóa, còn chưa hưởng tận những cái gì hay, quý ở cõi ấy, nên mới bỏ ngôi vị trên thiên-đàng (dévakhan) mà chịu cảnh luân-hồi. Bao giờ chưa thực-hiện được thiên-tánh cho hoàn-toàn, thì cái ý-muốn đi đầu-thai (Trishnâ) vẫn có luôn luôn. Một khi con người đã tiêu-hóa các chất bổ rồi, thì Trishnâ lại hiện đến để tìm những chất bổ khác. Có hai thứ Trishnâ: thứ thì "ngoại-giới" thứ thì "nội-giới". Trishnâ ngoại-giới là sự khát vọng thâu-thập những vật bên ngoài: tỷ như tìm rung-động theo sự rung-động của cõi dưới. Trishnâ nội-giới là cái khát vọng ấy lại quay về bên trong; nó tỏ ra bằng câu nầy: "Hồn tôi khát vọng một vị Thần linh sống thật (Mon âm a soif de Dieu, oui, du Dieu vivant". Đó là sự khát vọng của nhành muốn về cội, của phần-tử muốn về cốt-tử. Tuy nhành xa cội chớ không thể chia ly. Linh-hồn cũng thế, bao giờ còn xa Đức Từ-Phụ (Đức Thượng-Đế) thì còn khao khát và chẳng hề được diễm-phúc. Chính đó mới nảy sanh ý-muốn đầu-thai; và Trishnâ giục người bỏ cõi Thiên-Đàng để đi vào hạ-giới đầy chông-gai thảm-khổ.

Tuy nhiên, cũng có người thấp-kém mà thoát đặng luân-hồi trong một thời-gian rất lâu. Đó là trường-hợp những nhà Đạo-sĩ bên Ấn-độ còn thấp-kém. Họ rán dùng nghị-lực của ý-chí để dập-tắt lòng ham-muốn sống ở cõi trần. Họ tự cho rằng: trần là giả-tạm, là khổ-não, có đáng gì mà ham-muốn trở lại nữa (nhứt là khi họ đã bị đau khổ, hay thất chí). Họ tự mình tạo ra tư-tưởng dứt bỏ, lãnh-đạm đối với ngoại-giới. Cái trạng-thái ấy tiếng-phạn gọi là Vairâgya. Kinh Upanishads nói rằng: người ta sanh dưới trần và do trần mới có dục-vọng. Vậy nếu đàn-áp đặng dục-vọng trần-gian thì sẽ không còn trở lại trần-gian nữa. Sau khi thác rồi, người sẽ lên cảnh riêng (loka). Dẫu cõi nầy không trường-tồn; chớ nó cũng tồn-tại đặng một thời-gian thật lâu. Cái cảnh Loka nầy có rất nhiều; nơi đây Linh-hồn tôn-thờ một vị Thần-linh và tập tham-thiền theo một lối riêng. Linh-hồn có thể ở cõi đó lâu vô ngằn. Tuy những vong-linh nầy khỏi phải đầu-thai (nghĩa là khỏi bị khổ-trần ràng buộc trong một thời gian khá lâu) chớ về sau họ cũng sẽ trở lại trần nữa, nếu quả địa-cầu của dãy hành-tinh nầy chưa tan rã, hay là họ sẽ qua địa-cầu của dãy hành-tinh khác; và họ phải trở lại mức xưa để tiến-hóa tiếp. Luật trời chỉ có một mà thôi; nếu muốn đi ngược, thì chỉ cũng một thời-gian! Cho nên, ta áp-dụng cách nầy rất tai hại về sau: vì ta làm mất thời-giờ rất nhiều và phải trở lại giai-đoạn tiến-hóa cũ mà ta đã bỏ lỡ.

CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI MỐT: II. Cách Đầu Thai

Ta đã nói ở trước, ba hột lưu-tánh nguyên-tử rút vào chơn-thân đợi chờ đầu-thai. Bao giờ cái ý-muốn đầu-thai đã có chắc rồi, thì chơn-nhơn mới gom ý vào ngoại-cảnh, kích-thích hột lưu-tánh nguyên-tử cái trí trước nhứt. Một khi bị kích-thích, đường kim-quang-tuyến [[21]] mới cử-động; nó bắt đầu túa ra; rồi thần-lực trước kia yếu-ớt, nay lại tăng-cường, mạnh-mẽ, tưng-bừng. Bấy giờ hột nguyên-tử trường-tồn cái trí giống như cục đá nam-châm, nó rút về nó những nguyên-tử cõi trí rung-động đồng một nhịp với nó. Nghĩa là nếu nó thanh, thì nó rút chất thanh, nếu nó trược, thì nó rút chất trược.

Các vị Thiên-Thần mới đem những hột nguyên-tử nầy gần với hột lưu-tánh nguyên-tử cái trí cho nó rút dễ-dàng. Các Ngài gom chúng nó lại làm một lùm mây bao xung quanh hột lưu-tánh nguyên-tử. Đó là đối với người mới tiến-hóa. Còn đối với người tiến-hóa cao thì tự chơn-nhơn làm lấy cái lùm mây ấy. Cái lùm mây này là cái trí mới tạo. Khi cái trí vừa tạo, thì chơn-nhơn chuyển-động đến hột nguyên-tử trường-tồn cái vía. Cũng như làm cái trí, đường kim-quang-tuyến, bọc hột lưu-tánh nguyên-tử cái vía, lại rung-chuyển, rồi túa ra để rút sanh-lực thêm vào. Những nguyên-tử cõi vía (trung-giới) gom lại xung-quanh hột lưu-tánh nguyên-tử cái vía, làm thành một lùm mây; ấy là cái vía mới tạo.

Bây giờ đến cái phách. Cái phách chẳng phải tạo giống như cái trí và cái vía. Hai thể này tạo ra là do chơn-nhơn kích-động hai hột lưu-tánh nguyên-tử cái trí và cái vía, như đã nói trên. Còn cái phách tạo ra là ngoài ý-muốn của chơn-nhơn; nó đã có sẵn trước khi chơn-nhơn nhập vào xác. Vậy ai tạo ra nó? Chính là những vị Thiên-Thần Dévarâjas[[22]] coi sóc cảnh thứ tư sấp xuống của cõi tinh-khí hồng-trần (sous-plan éthérique de la matière physique). Đầu-tiên Thiên-Thần Dévarâjas làm một cái khuôn bằng tinh-khí (mà ta gọi là cái phách) cho cái xác-thịt mới của đứa nhỏ. Cái khuôn nầy tốt hay xấu là tùy theo hoàn-cảnh và sự tiến-hóa của đứa trẻ sau nầy. Người có thần-nhãn dòm vào người đàn-bà có nghén thấy một hình bé nhỏ như con búp-bê, ban đầu vẫn vơ xung-quanh bụng, sau rút vào trong, rồi vội cho nó là linh-hồn của đứa bé: nhưng sự thật, đó chỉ là cái khuôn xác thịt của nó mà thôi. Khi cái thai đã đủ hình-hài và choán trọn cái khuôn thì bổn-phận của Thiên-Thần Dévarâjas đã viên-mãn. Ngài mới lo tạo cái khuôn khác cho người mẹ khác. Bấy giờ, chơn-nhơn của bào-thai ấy mới xuống coi sóc cái nhà mới của mình sắp ở.

Ở trước, ta đã nói cái phách của đứa nhỏ tốt hay xấu là tùy theo hoàn-cảnh và nhơn-quả của nó. Còn màu sắc cái phách là tùy theo cung của nó. Thiên-Thần thay thế cho Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu để làm việc này một cách công-bình. Do hột lưu-tánh nguyên-tử cái xác, Thiên-Thần biết dĩ-vãng của nó mới lựa khuôn mẫu phù-hạp với nó. Nhưng sự di-truyền rất có ảnh-hưởng lớn trong sự chọn-lựa này. Thiên-Thần lấy hột giống của cha và mẹ làm căn-bản để chọn vật-liệu cho cái phách đứa nhỏ. Đó mới có câu "Hổ phụ sanh hổ tử" là vậy. Chất cái phách của đứa nhỏ là chất cái phách của người mẹ rút ra. Cho nên người mẹ cần phải ăn uống những vật trong sạch, cho cái phách con mình được tốt đẹp. Mặc dầu Thiên-Thần khởi làm cái nhà mới cho chơn-nhơn đã lâu rồi, nhưng chơn-nhơn chỉ đến làm chủ ít ngày trước khi đứa nhỏ chào đời. Nếu Thiên-Thần định đứa nhỏ cần phải theo đặc-tính nhứt-định nào, thì Thiên-Thần không lìa nó sớm, Thiên-Thần có thể ở với nó cho tới khi nó được 7 tuổi. Trái lại, nếu không cần, thì Thiên-Thần lìa đứa nhỏ sớm hơn, để nó trọn quyền làm chủ cái xác mới của nó.

Khi cái xác làm xong, thì cái trí và vía sẽ thông-đồng với cái phách và cái xác ấy. Nhưng chúng ta nên thêm rằng: lúc phôi-thai, thì đường Kim-quang-tuyến (Sutrâtma) túa ra giống hình cái lưới, mảnh-mai, thanh đẹp vô-song. Cái lưới này cứ to lần mãi cho tới chừng nào cái xác đứa nhỏ hiện nguyên-hình mới thôi. Sanh-lực xuống nuôi xác thịt, do những sợi lưới nhỏ nầy.

Thường người ta cho rằng: Nhờ hột nguyên-tử trường-tồn cái xác, người mẹ mới thọ-thai đặng. Tuy-nhiên nhiều cái thai mới sanh ra lại chết, thì đâu có hột nguyên-tử trường-tồn cái-xác? Biết rằng: có rất nhiều chơn-nhơn muốn đi đầu-thai, mà phần đông chưa tấn-hóa, nên hễ gặp cái xác đứa nhỏ nào còn trong bào thai, đã đủ hình dạng rồi, thì cứ nhập vào, bất luận hoàn cảnh nào. Cũng có trường-hợp chơn-

nhơn tìm không có cái bào-thai nào phù-hạp với mình nên không chịu nhập vô. Cái xác không có chơn-nhơn, thì mặc dầu đủ hình-dạng, cũng phải chết liền khi sanh ra.

Thường thường, chơn-nhơn chưa tấn-hóa, không thể tự mình chọn xác-thịt và hoàn-cảnh cho mình đặng. Sự chọn này phải tùy ba điều-kiện: 1) do theo sự tiến-hóa của chơn-nhơn bắt buộc phải vào hoàn-cảnh nào để dễ bề tiến-hóa; 2) do luật quả-báo, có lẽ chơn-nhơn không được đặc-ân ở vào một địa vị thuận-tiện, mà phải ở vào một địa-vị kém sút, hoặc-giả chơn-nhơn vì quả-báo nên lâm vào một cảnh khắt-khe, tiến tới chậm chạp, 3) do theo sức-mạnh của tình-thương, hay của sự ghen-ghét.

Người tiến-hóa cao và đã để chơn trên đường Đạo rồi thì có thể tự-mình chọn lấy xứ-sở và gia-quyến của mình sắp đầu-thai. Những người ấy phải bỏ ra ngoài những cái gì lợi-kỷ, cứ tự-tin vào cơ-trời: vì chắc-chắn rằng: cơ-trời chỉ mưu-cầu sự hạnh-phúc chung cho nhơn-loại mà thôi. Ta đã nói chơn-nhơn có thể chọn cha mẹ của mình tại dương-thế, chớ cha mẹ không có thể chọn linh-hồn kẻ là con mình đặng. Nhưng nếu ăn ở ngay chánh, đem tất cả bình-sinh, chí-lực để phụng-sự cơ-trời, thì như vậy có thể hấp-dẫn những linh-hồn quí-báu (những vị chơn-nhơn tiến-hóa) đầu-thai làm con mình.

Chúng ta thấy rằng: khi một Chơn-nhơn nào xuống đầu-thai, thì cũng đều có đem theo mình một cái gánh nghiệp kiếp xưa, ghi trong hột lưu-tánh nguyên-tử bằng sự rung-động. Cái gánh nghiệp nầy ở bên nhà Phật gọi là Uẩn (Skandhas). Uẩn là những tánh thuộc về xác thịt, cảm-giác, ý-tưởng, trừu-tượng, xu-hướng, trí-thức và những quan-năng của trí-tuệ. Những cái tinh-hoa của Uẩn, thì rút vào Chơn-thân, còn thừa lại bao nhiêu, thì dồn vào những hột nguyên-tử trường-tồn. Còn cái gì thô-kịch, xấu xa, thì rút cục lại. tựa hồ chìm trong giấc ngủ thôi-miên. Bà Blavatsky có nói về người đi đầu-thai như vầy "Quả-báo là đạo binh Ngũ-Uẩn đang đứng trước cửa Thiên-Đàng để chờ linh-hồn đi đầu-thai, sau khi ngơi nghỉ trong hạnh-phúc hoàn-toàn tại Dévankhan (hay Thượng-giới). Linh-hồn, một lần nữa, phải rơi vào cõi hồng-trần, để đền tội của mình đã gây ra dưới luật Công-Bình".

Muốn đền tội, con người không cần phải rơi vào Địa-ngục - như nhiều người lầm tưởng - với khói lửa mịt trời, với quỉ-sứ nhăn nanh, cầm dao lóc thịt, với chảo dầu sôi ùn-ục, với hầm rắn độc - mà chính tại cõi trần mà con người dọn mình, sửa tánh, và có dịp tội đền, ơn trả. Nơi đây, linh-hồn sẽ gặt cái gì mà mình đã gieo. Trong cảnh luân-hồi, linh-hồn sẽ tái-hiệp với những linh-hồn khác đã vì nó mà phải đau khổ một cách trực-tiếp, hay gián-tiếp (Clé de la Théosophie).

Tại cõi Thiên-Đàng, trước khi đầu-thai, mọi linh-hồn đều sẵn-sàng ưng chịu, một cách hiểu-biết, tất cả điều-kiện của luân-hồi sắp đến, mặc dầu những điều-kiện nầy trái-nghịch hẳn với bản-tánh của phàm-nhơn: bởi trường đời, bao giờ cũng cam go, gây khổ cho tất cả mọi người, không chừa một ai; và mỗi sự kinh-nghiệm thường đem đến cho phàm-nhơn chưa tiến-hóa một cảnh đau lòng. Tuy nhiên, trước khi luân-hồi, linh-hồn đã thấy qua tất cả cảnh bất công, sự đau khổ mà mình sẽ phải chịu. Nhưng với sự sáng-suốt, linh-hồn thấy, dù trong đau khổ, mình sẽ gặt được cái Chơn-Hạnh-Phúc ở tương-lai. Mỗi lần đầu-thai là mỗi lần tăng thêm sức mạnh, là mỗi lần bỏ cõi thấp mà lên cõi cao, để tạo sự vinh-quang, đẹp-đẽ cho Thần-hồn.

Bà A. Besant có nói một cách lý-thú như vầy: "Với cái tương-lai sáng-lạng ấy thì sự đau khổ tạm-thời, sự đen tối của đời bạc phước, há có ra gì?" Vậy, tại cõi Thượng-Thiên, Chơn-Nhơn đã có can-đảm tự-nguyện đặt mình vào hoàn cảnh éo-le, rắc-rối, để hối cuộc tiến-hóa của mình tại cõi trần, bằng cách mở nền đạo-đức, và cơ-năng tinh-thần. Nhưng vì cái óc xác thân không nhớ đặng ý-nguyện của mình thuở trước, lại rên-siết, khóc than, trách trời, trách đất, và trách người; chớ có dè đâu mình cố-ý tự đặt mình vào cảnh huống!

CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI HAI: III. Xác trẻ con với Luân-hồi

Ở trước ta có nói rằng: cái xác của anh-nhi (lúc trong bào-thai) giống y theo cái khuôn của cái phách làm bằng chất tinh-khí. Nhờ bốn vị Thiên-Thần Devarâjas tạo ra cái khuôn nầy. Trước khi sanh đứa nhỏ một ít lâu thì Chơn-nhơn mới xuống ở cái nhà mới của mình. Thiên-Thần, khi ấy, vẫn còn ở gần đứa nhỏ, có khi chờ nó đến 7 tuổi mới chịu lìa.

Trong thời kỳ ấu-trĩ, lúc Thiên-Thần còn ở với đứa nhỏ, thì Chơn-Nhơn không có hoạt-động chi được nhiều; thật ra Chơn-Nhơn vẫn liên-kết với xác thịt, nhưng vì xác thịt còn non nên nó ít quan-tâm đến. Nó đợi cái xác trưởng-thành, có thể lý-hội đặng với nó, nó mới giúp được nhiều. Trong lúc thai-dựng, xác thịt anh-nhi nhờ máu thịt của mẹ tạo ra. Chơn-nhơn đứa bé cũng chăm-nom đến người mẹ nó, nhưng nó không thể sửa đổi hình-dạng cái xác tương-lai của nó đặng. Tỷ như nó thấy cái xác của nó xấu-xa, tàn-tật, nó cũng cam chịu. Chơn-Nhơn của bào-thai biết rõ vị-trí, chớ bào-thai không biết đặng cảnh huống của nó, nó chỉ cảm đặng sự sống của nó và của người mẹ nó mà thôi. Nó giao-cảm đặng một cách trực-tiếp những nỗi vui mừng, lo sợ, hay ham-muốn của mẹ nó. Chơn-Nhơn thấy nó đang nhiễm những tật xấu của mẹ nó một cách vô-tình, nhưng không thể ngăn cản gì đặng: bởi nó không thể tiếp được ý thanh-cao của Chơn-Nhơn.

Trải qua nhiều năm kinh-nghiệm, phàm-nhơn mới trực-tiếp lần lần với Chơn-Nhơn. Bằng cớ là khi Chơn-Nhơn trực-tiếp với cái xác thì óc trở nên linh-động nhiều hơn. Có Chơn-Nhơn lại lo lắng cho xác thịt rất nhiều. Có Chơn-Nhơn lại lơ-đãng.

Còn trường hợp của các vị tấn-hóa cao (như các đệ-tử Tiên-gia, các vị Thánh-nhơn, hiền triết, các bậc địa-tiên) thì lại khác: bởi quả-báo ở trần không còn nặng nữa, nên không đem lại cái ảnh-hưởng xấu-xa, làm trở ngại sự cấu-tạo cái xác. Vì vậy mà xác thịt được tốt đẹp, mảnh-mai vô cùng, chỉ trừ một vài ảnh-hưởng di-truyền mà thôi.

Cái xác thịt của ta, vì già yếu, bịnh-hoạn, suy-nhược; ăn uống vô-độ, hay gặp phải tai-nạn mà yếu-mòn đi, rồi chết. Chớ còn xác thịt địa-tiên thì khác: nó giỏi chịu-đựng, và có khả-năng làm việc nhiều. Nếu địa-tiên bỏ nó trong kiếp nầy thì kiếp sau lại làm cái khác cũng giống như vậy mặc dầu đầu-thai làm người của một giống dân khác. Sở dĩ, cái xác ta, kiếp nầy khác với kiếp trước, là tại ta bị ảnh-hưởng của quả-báo. Nếu nhơn loại tiến-hóa cao thì sẽ đầu-thai làm giống dân thứ bảy của giống dân chánh thứ năm. Chừng ấy, cái xác thịt sẽ tốt đẹp vô cùng (xin xem lại đoạn giống dân).

Người ta thường nói "phải đợi con nít được bảy tuổi, nó mới mở trí khôn, hay là Chơn-nhơn phải đợi bảy năm mới chi-dụng xác thịt". Cái lẽ nầy chỉ thuộc về sinh-lý mà thôi. Trên đầu đứa trẻ như có nhiều tế-bào tựu lại, nhưng không chia nhỏ ra như các tế-bào khác. Chúng nó rời-rạc với nhau như vậy rất lâu. Một ngày kia, tức là đứa nhỏ được 7 tuổi, chúng nó sẽ chia nhỏ hơn và túa ra, rồi nối liền lại thành nhánh, làm ra một đường vận-hà vô cùng tinh-tế; chừng đó đứa nhỏ sẽ biết suy-nghĩ ít nhiều.

Những nhà tâm-lý học và sinh-lý học đều lưu-ý đến điều nầy và cho rằng: bao giờ con đường vận-hà ấy chưa thành, thì đứa nhỏ không thế nào xét-luận đặng, vậy không nên ép nó học sớm quá, hoặc bắt nó suy-nghĩ sớm quá. Nhà khoa-học lại chứng chắc rằng "Trí khôn và đường vận-hà nầy đồng mở một lượt". Còn nhà Bí-Học lại cho rằng "Hễ khí-cụ đàng-hoàng thì trí khôn sẽ tỏ hiện, bất kỳ là mấy tuổi: vì trí khôn đã sẵn có. Chơn-Nhơn phải chờ có cái óc có đủ cơ-năng, mới biểu-lộ đặng sự quang-minh của nó tại cõi trần".

Ở trên, ta thấy lúc Chơn-Nhơn xuống đầu-thai, thì rút xung quanh hột lưu-tánh nguyên-tử cái trí và vía những chất-khí cõi Thượng giới và Trung-giới để làm ra cái vía và cái trí mới cho đứa nhỏ. Nếu đứa nhỏ không nhờ sự giáo-dục của gia-đình, thì cái trí và vía của nó kiếp nầy cũng giống như kiếp trước. Nếu trái lại, đứa nhỏ nhờ cha mẹ khôn ngoan, đạo-đức, biết dìu-dắt nó vào đường lành, thì những tánh xấu của nó kiếp xưa sẽ yếu lần và tánh tốt của nó sẽ phát-triển. Nhơn đó mà những nước văn-minh,

người ta lấy sự giáo-hóa trẻ con làm vấn-đề trọng-đại: người ta lo từ trong bụng mẹ, đến lúc sanh ra, biết ăn, biết nói, biết suy-gẫm. Người ta lo tạo nền đức-hạnh cho nó từ lúc bé thơ. Người ta viết nhiều sách vở, người ta hô-hào trên diễn-đàn cũng không ngoài vấn-đề giáo-dục nhi-đồng! Người ta khuyến-khích kẻ làm cha mẹ và những nhà giáo-dục nên giúp trẻ-thơ mở-mang tánh cao-thượng, bằng cách chỉ dạy những điều đúng với sự thật, tập nó phân-biện, luôn luôn đối với nó bằng một tấm lòng tử-tế, hiền-lành, dịu-dàng và nhứt là phải thương yêu chúng nó: bởi vì, thật ra, chúng nó cần tình thương hơn là vật-thực. Trái lại, nếu kẻ làm cha mẹ hay các nhà giáo-dục lại hung-ác, cọc-cằn, nóng-nảy, thì sẽ khêu-gợi những tánh xấu kiếp trước của trẻ em, làm cho chúng nó trở nên xấu thêm; chúng nó sẽ sanh mưu, thiết-kế, sẽ bạo-ngược, tương-tàn. Cả thảy đều do một phần lớn của những người này. Đừng quá dụng quyền-lực của mình đối với trẻ con: vì sự lạm-quyền có thể đem lại cái kết quả khốc hại: trẻ thơ có khi vì quá sợ mà phát điên, khùng, hay loạn óc v.v… Người nào gây ra tội ác nầy sẽ bị quả báo nặng nề!

Chúng ta đã nói ở trên: cái xác thịt thai-nhi tạo ra trước rồi, lúc gần sanh, Chơn-Nhơn mới xuống nhập vào. Khi thai-nhi đủ hình-dạng thì tế-bào cái xác lại hấp-dẫn mãnh-liệt tế-bào cái vía đã tạo sẵn (lúc Chơn-Nhơn sắp đầu-thai). Trước khi cái vía nhập vào xác thịt thai-nhi, thì những tế-bào của nó rải-rác đều. Nhưng khi nhập vào, thì 99 phần trăm tế-bào của nó lại gom trong xác thịt và chỉ còn 1 phần trăm ló ra ngoài, làm hào-quang cái vía mà thôi. Những tế-bào cái trí rút vào cái xác thai-nhi một phần lớn, còn một phần nhỏ, thì ló ra khỏi ra khỏi xác, làm hào-quang cái trí. Cái trí và cái vía cũng tiến-hóa theo xác thịt. Bao giờ cái trí và vía hoạt-động, thì đứa bé biết cảm và biết tưởng. Nếu tế-bào cái trí không thanh thì nó càng khắn-chặt với tế-bào cái vía và dục-tình càng thêm mãnh-liệt.

Trẻ thơ chưa có cái vía và cái trí rõ-ràng với màu sắc đặc-biệt; chúng nó vẫn trắng bạch, mặc dầu có màu sắc xấu, tốt kiếp xưa vẫn còn in dấu. Nếu trẻ thơ ở vào hoàn-cảnh thô-bỉ, thì hai thể nầy sẽ đổi màu xấu, và những tánh độc ác kiếp xưa sẽ nổi dậy. Trái lại, nếu trẻ thơ được ở bên người đạo-đức, có giáo-dục đàng-hoàng, thì những mầm xấu xưa sẽ bị tiêu-diệt, và không còn hiện ra trong kiếp tới nữa.

Trong thời-kỳ ấu-trĩ, Chơn-Nhơn chưa có ảnh-hưởng gì với phàm-nhơn, nó chỉ nhờ cha mẹ giúp nó chủ-trị lấy nó. Do đó mà cha mẹ có bổn phận lớn lao đối với tinh-thần con mình.

Những hạ thể: xác, vía và trí của đứa bé thật dễ uốn nắn, dễ rung-cảm, nên hấp-thụ tất cả sự rung-động bên ngoài, mặc dầu xấu, tốt. Vậy cái tương-lai trẻ con - một phần lớn - ở trong tay cha mẹ, mà nhiều người làm cha mẹ không thể tưởng-tượng nổi cái trọng trách của minh. Đây là một cái thí dụ: một người kia, kiếp trước nghiện rượu; trong vía y đã có ghi dấu nghiện rượu; y có tánh yếu về đó, tuy lúc ở Trung-giới, trong thời-kỳ dọn mình y đã dứt ý-muốn uống rượu. Nếu cha mẹ y là người tốt, đem y vào đường đức-hạnh, thì tự-nhiên cái mầm nghiện rượu xưa sẽ mất hẳn.

Người ta uốn nắn cái xác trẻ thơ rất dễ-dàng, như để làm trò xiệc. Mà nếu uốn nắn cái vía và cái trí của nó, thì lại còn dễ hơn nữa.

Theo nguyên-lý trên đây, người nào ỷ quyền-thề, tiền bạc, hiếp-đáp kẻ dưới tay mình, thì tự tạo một nghiệp-quả hết sức xấu xa. Đáng lẽ gì họ biết thừa lấy địa-vị mình mà giúp ích được bao nhiêu người xung quanh.

Còn một điều trọng-đại nầy trong nền giáo-dục, mà ta cần để ý là: ngày giờ sanh đứa nhỏ rất liên-quan mật-thiết với ảnh-hưởng tinh-cầu, nên mới có danh từ: "Ngôi sao bổn mạng". Chẳng phải ta bị quả xấu là vì thần-lực của ngôi sao xấu xạ đến ta, nhưng tại ta xấu nên mới rút thần-lực xấu mà thôi. Bởi cái ảnh-hưởng của hành-tinh liên-quan với đời con người, nên ta cần phải bốc số tử-vi của con ta đặng tùy theo bẩm-chất của nó mà giáo-hóa nó cho trúng đường.

Còn về ngày giờ lâm-chung, thì thật ra, không có khoa chiêm-tinh nào đoán trúng đặng. Người ta có thể đoán lúc nào suy-nhược - có thể đi đến cõi tử - nhưng không lấy đâu làm chắc. Vậy ta chớ để ý đến điều nầy vô ích.

Sẵn dịp đây, ta nên bàn sơ qua sự sát-sanh mạng người, nghĩa là ta diệt sự sống của một linh-hồn tại thế. Giết một mạng người là cướp cơ-hội tiến-hóa của người ấy dưới cõi trần, mặc dầu kiếp sau y sẽ trở lại nữa; nhưng y phải mất biết bao thì giờ! Đức Nam-Tào Bắc-Đẩu phải cực nhọc lập nền tiến-hóa lại cho kẻ bị giết. Tại sao giết một người lại bị tội trọng hơn giết một con vật? Vì con người có cá-tính riêng-biệt, có sự tấn-hóa riêng-biệt và phải tốn nhiều thì giờ mới đầu-thai đặng. Còn con vật lúc chết rồi chỉ nhập vào Hồn-Khóm; sự tiến-hóa của thú-vật là sự tiến-hóa chung của khóm, nên sự đầu-thai của chúng nó rất dễ-dàng.

Đối với người tiến-hóa, thì thời-kỳ ấu-trĩ làm tổn-phí ngày giờ rất nhiều. Vì lẽ đó, có một vài linh-hồn muốn tránh sự trở ngại ấy, mới mượn xác của vị nào phù-hạp với mình, nghĩa là tiến-hóa gần đồng chạn với mình. Nên lưu-ý sự mượn xác đây chẳng phải như đồng-cốt cho vong-linh mượn xác. Tỷ như một người kia xác thân, mạnh khỏe, nhưng bị bất đắc kỳ tử, như bị chết ngợp, thì vị Chơn-Nhơn nào muốn mượn xác ấy bèn nhập vô liền và cứ mãi luôn luôn trong đấy, cho tới khi bỏ xác mới thôi. Cách mượn xác như vậy cũng có nhiều sự trở ngại. Bởi vì mỗi người đều có tật riêng, nên hồn của người khác khó phù-hợp đặng; mượn xác đứa nhỏ còn dễ phù-hợp, chớ nếu mượn xác người trưởng-thành, thì khó khăn vô cùng.

Bởi tạo ra đặng một cái xác thân mất rất nhiều công-phu cho người và cho Thần, nên ai, vì nản-chí mà quyên-sinh, thì sẽ gây ra một nghiệp-báo chẳng nhỏ ở tương-lai! Vậy không nên vì một lẽ gì mà phải tự-tử, để đoản đời sống của mình tại thế gian. Chỉ trừ một vài trường-hợp bất-thường hết sức quan-hệ cho nước nhà (như sự tử-tiết của ông Phan-thanh-Giản chẳng hạn) thì tất cả sự tự-tử đều đáng trách.

CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI BA: Luật Nhân-Quả

Qui aufrefois peina esclave,
Peut revenir en tant que prince,
Pour sa dignité douce et son mérite acquis.

*

Qui règna comme roi,
Peut errer en haillons,
Pour des actions commises ou omises.

(La Lumière de L'Asie)

Thân nô-lệ, kiếp xưa phải trả,
Dưới roi cùm, lòng chả trách than.
Giúp người, giữ vẹn lòng vàng,
Nay Trời ban phước, sanh hàng Đông-cung,

*

Còn ai kia lòng hung, dạ ác,
Dẫu nay là một bậc Đế-vương,
Nhưng sau ắt phải đoạn-trường,
Lang-thang, rách rưới, trăm đường xót xa,

NGUYỄN-THỊ-HAI

Nhà thông-thái Emerson hiểu rõ luật nhân-quả, khi ông nói rằng: "Mỗi động-lực đều đem lại cái phản-động-lực; động-lực và phản-động-lực không thể chia-ly đặng." Theo ông Emerson, thì động-lực và phản-động-lực cũng là một.

Đức Phật Thích-Ca có chỉ rõ về nhân-quả như vầy: "Không thể nào tách cái nhân ra khỏi cái quả được, cũng tỷ như lúc ta đánh trống, ta không thể chia cái trống riêng ra khỏi tiếng trống đặng. Cái trống đưa ra một tiếng, khi cái dùi khỏ xuống. Khi một việc đã làm, thì trước đó đã sanh ra cái nguyên-nhân động-tác rồi. Ấy vậy, cái nguyên-nhân động-tác đem lại sự động-tác, và sự tác-động đem lại cái kết-quả."

Mỗi hiện-tượng xảy ra vừa là quả vừa là nhân một lượt. Điều nầy người Ấn-độ gọi là Karma hay là Nhân-quả. Người ta cho Karma là luật căn-bản; vì nhờ nó mới có trật-tự, công-bình và tiến-hóa. Bà Annie Besant cũng gọi luật Nhân-quả là luật "Hành-động và Phản-động"

NHÂN-QUẢ VÀ LUẬT TỰ-NHIÊN

Người ta không có thể ngờ vực được luật "Động và Phản-động" vì trái banh liệng vô vách tường, thì nó dội lại, hễ liệng mạnh thì nó dội mạnh, liệng nhẹ thì nó dội nhẹ. Người nào biết về khoa-học, thì không thể không nhìn nhận đặng luật tự-nhiên. Vậy luật tự-nhiên là gì?

Luật tự-nhiên chẳng phải là cái giới-lịnh bắt buộc ta phải làm cái nầy hoặc cái khác, nó chỉ đưa ra một dọc nhân và quả nối tiếp theo thứ-tự nhứt định. Đối với khoa-học, thì luật tự-nhiên nầy căn-cứ ở sự quan-sát và khảo-cứu; chúng nó chỉ là những hiện-tượng nối tiếp với nhau mà thôi.

Về tư-pháp thì ai làm ra luật? Có thể vua và các nhà lập-pháp. Các luật nầy là những lịnh-truyền, ai bất tuân phải bị phạt. Sự hình phạt nầy tăng, giảm là tùy ở quan tòa chiếu theo trường-hợp nặng nhẹ. Vậy sự kết-án và luật-án có lắm khi không đi đôi với nhau. Chớ còn luật tự-nhiên không thế dời đổi. Nó không phải luật bó-buộc, nó để ta tự-do hành-động. Nhưng hễ phạm đến nó, thì bị khổ, không một mũi kim qua lọt. Tỷ như trồng khoai, thì được khoai, trồng đậu thì được đậu. Nếu ta muốn gặt đậu, thì chớ trồng khoai. Đó là luật tự-nhiên. Thánh nhơn có nói rằng: "Luật tự-nhiên không nên phạm: bởi vì sự liên-lạc giữa nhân và quả không thể sửa đổi đặng, các anh chớ hờ-hửng, người ta không thể bỡn đặng với Đấng tạo-hóa. Hễ "Chưởng qua [[23]] thì đắc qua, còn chưởng đậu thì đắc đậu".

Ấy vậy, luật nhân-quả chẳng phải là một luật áp-chế; nó dạy cho ta biết những điều-kiện nào phải giữ để tạo thành một quả tốt và để tránh quả xấu. Tức là ta chuyển bại thành thắng, chuyển họa di phước vậy. Người hiểu đặng luật nhân-quả, thì rán kiểm-soát những hành-vi, để chuyển xấu ra tốt, chớ chẳng bao giờ chịu bó tay trước những luật tự-nhiên: bởi vì con người tự định số mạng của mình.

Luật tự-nhiên không hề ban-thưởng hay hình-phạt. Cái hành-động không hay, thì đem đến cái kết-quả không hay. Bởi cái nhân xấu, thì cái quả tự-nhiên phải xấu, chớ chẳng phải có Đấng cao cả nào thưởng-phạt mình. Cũng như mình đút tay vô lửa, thì bị phỏng, chớ có ai phạt mình đâu. Ấy vậy, người hiểu-biết, thì không làm nô-lệ cho ngoại cảnh, mà lại dùng phương-pháp khéo léo để ngăn cản những cái kết-quả không hay và đi lần đến mục-đích. Ta biết rằng: trong trời đất, vạn-vật đều tuân theo luật thăng-bằng và luật điều-hòa. Nếu ta làm mất sự thăng-bằng và điều-hòa, thì tự-nhiên tạo-vật sẽ phản-động lại, để được quân-bình và điều-hòa như trước. Khoa học gọi đó là: "Luật Quân-Bình". Ấy vậy trong võ-trụ không có chi mất đặng: vì hễ mất đó, thì sẽ được hườn đó.

Cái luật tự-nhiên nầy, nếu nhà khoa-học cứ lấy triệu-chứng hữu-hình mà giảng-giải một cách khô khan thì có thể đem lại sự ngờ vực trong lòng người còn chưa hiểu biết. Người ấy sẽ tự nói rằng: "Bởi đó là luật tự-nhiên, thì tôi cần chi rán sức làm thế nầy hoặc thế khác?"

Tỷ dụ như khi ta giải về luật dẫn-lực ta cho rằng: tất cả đồ-vật, đều luôn luôn bị rút vào trung-tâm trái đất. Nếu ta không giải thêm nữa, thì người chưa hiểu-biết sẽ ngồi tại nấc thang lầu mà nói rằng: "Bởi luật dẫn-lực ngăn không cho tôi xa mặt đất, vậy tôi làm sao bước lên thang lầu được?" Người đang nói đây rất có lý, nhưng y không chịu suy-nghĩ thêm xa chút nữa; đành rằng: luật dẫn-lực rút y vào trung-tâm trái đất, nhưng trong mình y lại có một động-lực khác (do bắp thịt của y) nó phản-đối lại, khiến cho y có thể lìa mặt đất và đứng trên cao đặng. Đó cũng là một nguyên-lý căn-bản đáng chú ý để hiểu luật nhân-quả. Mặc dầu bị luật hấp-dẫn rút vào trung-tâm trái đất, nhưng ta có thể dùng mãnh-lực tự-nhiên trong người của ta, mà làm trái ngược lại. Đó chẳng phải là ta vi-phạm luật tự-nhiên đâu; ta biết cái mãnh-lực của nó, nên ta rán sức để chống lại. Sự chống lại nầy tức là nhận-thức theo nhà khoa-học rằng: "Một luật tự-nhiên không thể vi-bội".

Ta tự-do hoạt-động dưới luật tự-nhiên tùy theo sự hiểu-biết của ta. Ta có thể tin cậy vào nó, vì nó không dời đổi, ta có thể chi dụng năng-lực của ta mà chủ-trị vạn-vật theo lời nhà khoa-học nói: "Nhờ sự khuất-phục mà thắng đặng vạn-vật".

Ta đã nói luật tự-nhiên không cưỡng bách con người phải theo nó vì con người không phải là nô-lệ. Con người sống giữa sự biến-chuyển của các thứ thiên-lực và năng-lực; con người phải tìm hiểu, phải suy-gẫm, và nhờ sự thông-hiểu mà con người chi-dụng chúng nó để làm dụng-cụ cho tinh-thần. Được vậy, thì phải rõ ba định luật phụ-thuộc nầy: 1. Tư-tưởng tạo ra tánh tình: ta tưởng thế nào, thì ta là thế ấy. 2. Sự vọng-ước đưa con người đến vật vọng-ước. 3. Sự sướng hay sự khổ của ta vốn là kết-quả của sự sướng hay sự khổ mà ta đã làm cho người khác.

Nếu con người biết đặng ba định-luật phụ-thuộc nầy, thì sẽ cầm đặng tương-lai mình, và sẽ làm chủ-nhân số mạng của mình.

NHÂN-QUẢ VÀ KHÍ-LỰC

Hễ con người càng hiểu-biết nhiều, thì càng thấy rõ những thiên-luật chi-phối thế-gian. Mỗi thiên-luật, một khi được phát giác rồi, thì đều lại cho ta sự tự-do hoạt-động, chớ chẳng phải một sự cưỡng chế như ta vừa thấy thoáng qua. Vậy tác-động là gì? Là cái kết-quả của các mãnh-lực bên trong, thuộc về giới tình-cảm và tư-tưởng. Cho nên con người cần phải biết định luật để chủ-trị hai giới nầy. Thông-thiên-học chỉ cho ta thấy rõ định-luật của sự động-tác, cho ta biết căn-cội của đời sống bên trong, để chế-ngự hoàn-cảnh, chớ chẳng phải cúi chịu cho hoàn-cảnh chế-ngự lại.

Khoa-học hiện-đại đã làm cho ta quen với ý-niệm nầy là: toàn-thể vũ-trụ chỉ là hiện-tượng của khí-lực. Khí-lực có thể biến-đổi ra điển-khí, nhiệt-lực và từ-điển v.v… Điện-tử là kho chứa khí-lực nhỏ, Ngôi mặt trời là kho chứa khí-lực lớn. Trong trời đất, tất cả sinh-linh (từ khoáng vật, thảo-mộc, thú-cầm cho chí con người) đều là kho chứa khí-lực: bởi vì chúng nó làm bằng những tế-bào, mà những tế-bào là do nguyên-tử làm ra. Khoa-học phân-tách cho ta thấy mỗi nguyên-tử gồm có hai phần:

1) "nhân" chứa dương điện-tử, tỷ như mặt trời.

2) chung quanh "nhân" có những hột âm-điện-tử xây tròn, tỷ như các hành-tinh xây chung quanh mặt trời.

Khoa-học còn cho ta biết rằng: Vật-chất là khí-lực. Một khi khí-lực hiện ra, thì có một số vật-chất tan mất.

*

Vậy con người là kho chứa khí-lực: lúc ăn là lúc thâu khí-lực; đồ ăn sanh ra sự vận-hành, sự vận-hành sanh ra khí nóng, khí-nóng sanh ra khí-lực. Khi khí-lực dùng vào chuyện phải, chuyện lành, thì nó là cái ân-huệ, khi nó dùng vào chuyện quấy, chuyện ác thì nó là cái tai-hại. Trọn đời con người giống như một cái máy biến-điện. Thiên-lực túa xuống trong lòng người, và tùy người biến-đổi và làm cho nó trở thành "tốt" hay "xấu".

Cái luật nhân-quả để thuyết-minh sự liên-quan giữa nhân và quả, một khi mà con người đã biến-đổi cái khí-lực nầy. Cái luật nhân-quả chẳng những chi-phối thế-giới hữu-hình, mà còn chế-ngự thế-giới vô-hình, rộng lớn bao la, chứa đầy năng-lực. Cái thế-giới vô-hình nầy, chính là nơi hoạt-động thật sự của loài người. Cũng như khi ta nheo mắt, ta phóng ra một điển-quang chạm sự quân-bình của các mãnh-lực khác ở cõi ngoại-giới, thì mỗi tư-tưởng mỗi tình-cảm đều biến-đổi địa-diện của võ-trụ, và trái nghịch lại, địa-diện võ trụ cũng có ảnh-hưởng đến tư-tưởng và tình-cảm con người.

Tỷ như ta đấm trên không một cái, quả đấm mặc dầu không đụng chạm ai, nhưng khi ta đấm, ta phóng ra một cái lực đụng với cái lực khác, làm cho mất sự thăng-bằng của chúng nó. Chúng nó sẽ phản-động, đặng trở lại mực quân-bình cũ. Hiểu như vậy, thì ta có thể nói: mỗi lần ta tưởng, ta cảm, hay làm một chuyện chi, thì ta sửa đổi vị-trí của ta đối với võ-trụ và vị-trí của võ-trụ đối với ta.

Khi ta rán tìm hiểu nhân-quả là gì, thì cái nguyên-lý thứ nhứt phải để ý là: ta đang chạm đến vấn-đề khí-lực và những cái kết-quả của nó; nghĩa là ta đang học về cái nhân để đi đến cái quả. Cái khí-lực nầy thuộc về cõi trần hoặc cõi tình-cảm, hoặc cõi tư-tưởng. Ba thứ khí-lực nầy được con người đem ra áp-dụng: xác-thịt chi-dụng khí-lực thứ nhứt (thuộc về cõi hồng-trần) tình-cảm chi-dụng khí-lực thứ nhì (thuộc về cõi Trung-giới), tư-tưởng chi-dụng khí-lực thứ ba (thuộc về cõi trí). Khi ta thả hồn theo mơ mộng, hay đem tâm trí mà phú-dâng cho Đấng Thiêng-Liêng, hoặc khi ta tính toán, nghĩ-suy, cảm-động hay thi-hành một việc gì, thì chính là lúc ta đang sử-dụng khí-lực của ba cõi kể trên. Nếu ta biết sử-dụng một cách chánh-đáng, thì ta giúp cõi Trời, bằng ta sử-dụng một cách ích-kỷ, thì ta làm trở ngại Thiên-Ý. Cái khí-lực mà ta áp-dụng trong mấy cõi đây, tức là Thần-lực của Trời. Ấy vậy, quả thật ta là cái máy biến-điện của Thần-lực nầy. Thiên-Ý muốn ta giúp cơ Tiến-Hóa của Trời. Khi ta giúp cơ Trời được mau thành-tựu là ta làm "phải", còn khi ta làm trở ngại Thiên-Cơ là ta làm "quấy". Và bởi ta luôn luôn áp-dụng Thần-lực của trời, nên mỗi phút, ta đang giúp đỡ hay làm trở ngại Thiên-Cơ.

Con người chẳng phải là một cá-nhân riêng-biệt, mà là một phần-tử của muôn vạn sinh-linh; là một đơn-vị của nhơn-loại; mỗi tư-tưởng, mỗi hành vi, hay mỗi tình-cảm của người nầy đều chạm đến tất cả người khác, mà hễ lân-cận chừng nào, thì chạm nhiều chừng nấy. Mỗi lần ai sử-dụng Thần-lực Thiêng-Liêng nầy để giúp đỡ hay ngăn cản bước đường tiến-bộ của toàn-thể, thì luôn luôn tạo ra một cái Quả, xấu hay tốt.

Đồ hình số 70, ta thấy sơ qua những cái kết-quả của sự áp-dụng Thần-Lực trong đường phải hay quấy. Những hình đen là những quả xấu; chúng nó làm mất thăng-bằng giữa nạn nhơn và võ-trụ mà kẻ gây ra phải đền lại sự thăng-bằng nầy, chớ ngoài y ra, không ai khác làm đặng. Vậy ta mới nói đặng rằng: chưởng khoai thì đắc khoai, chưởng đậu thì đắc đậu, hễ gieo giống nào, thì gặt giống nấy. Nếu ta gieo sự ác, thì ta gặt sự buồn đau; bằng ta gieo sự hiền-lành, đạo-đức thì, ta gặp sự vui mừng và quả phúc.

GIẢI - NGHIA NHỮNG BIỂU - TƯỢNG CỦA SỰ ĐỘNG VÀ SỰ PHẢN - ĐỘNG

Biểu Tượng	Tốc-lực rung-động	Cõi hoạt-động	ĐỘNG VÀ PHẢN - ĐỘNG	
☆	125	Cõi thượng trí	Nguyện vọng thanh cao	Quan niệm
○	25	Cõi hạ trí	Sự hiểu	Cảm hứng
●	25		Bình luận	Phiền lo
△	5	Cõi vía	Tình thân ái	Vui
▲	5		Ác cảm	Khổ
□	1	Cõi hồng trần	Điều lành	Sung sướng
■	1		Điều ác	Đau khổ

Đồ hình số 70

Lại nữa, trong lưới càn-khôn, mỗi thứ khí-lực đều hoạt-động ở cõi riêng của nó. Tỷ như khí-lực thuộc về cái xác thì vận-động tại cõi hồng-trần, còn khí-lực thuộc về tình-cảm thì vận-động tại cõi Trung-giới v. v… Một người kia cho kẻ ăn xin với tình thương xót và dạ mến yêu, còn kẻ khác lại cho với mục-đích che mắt thế-gian, hay để xua đuổi một cách nhã-nhặn: cả hai người đều làm một việc phải, để đem lại sự "sung-sướng" cho người tại cõi trần; nhưng người thứ nhứt thêm một cái quả tốt nữa thuộc về cõi Trung-giới, khiến cho y sẽ gặp được một tình-cảm sung-sướng. Con người thứ nhì không được hưởng thứ tình-cảm ấy.

Muốn cho độc-giả dễ hiểu điều trên đây, chúng tôi xin dùng biểu-tượng của mỗi thứ khí-lực (xem đồ hình số 70). Trong hình ta chỉ thấy vòng tròn ngôi sao hình vuông và tam-giác là những biểu-tượng thôi chớ không có chi khác thường. Một đơn-vị tại cõi Thượng-Trí (ngôi sao) có một sức mạnh 125 lần hơn một đơn-vị tại cõi trần (hình vuông).

Trên cõi Thượng-Trí, linh-hồn ngụ trong Chơn-Thân hoàn-toàn trong sạch, không có chút gì quấy, ác. Trong Chơn-Thân, linh-hồn chỉ nguyện-vọng những điều cao-thượng, và chỉ có quan-niệm thanh-khiết, bởi vì cái Chơn-Thân không thể chứa những gì xấu hèn đặng; linh-hồn bao giờ cũng trong sạch. Phàm-nhơn xấu, chớ linh-hồn không thể xấu đặng. Phàm-nhơn ngụ trong xác thân, đại-diện cho linh-hồn dưới cõi trần. Nếu phàm-nhơn chưa mạnh-mẽ, không có đủ nghị-lực chống chỏi với các thứ dục-tình thì chỉ tỏ linh-hồn còn trẻ quá.

Mỗi người chúng ta sanh ở thế-gian đều có mang theo một cái dĩ-vãng muôn đời, và mỗi khi ta đầu-thai trở lại trần lần nữa, ta đều đem theo cái nhân và cái quả xưa. Ấy vậy, cái nhân-quả - cũng như đã giải ở trên - chỉ tượng-trưng bằng cách ta biến đổi Thần-lực Thiêng-Liêng ra xấu hay tốt.

Trong đồ hình số 71 ta thấy con người là một căn-cứ cho Thần-lực xạ xuống. Những Thần-lực nầy, có thứ tốt và thứ xấu, do con người đã tạo ra. Dòm vào đồ hình, trước hết có lẽ ta sẽ cảm-động mà thấy số "đau đớn", "buồn phiền" và "khổ cực" nhiều hơn số "vui tươi", "sung-sướng"; lại nữa ta chỉ thấy có ba ngôi sao tượng-trưng quan-niệm mà thôi. Song ta đừng quên rằng: những thần-lực ở các cõi khác nhau đều có ảnh-hưởng mạnh bằng nhau: thần-lực thuộc cõi hồng-trần đem lại sự sung-sướng - có thể ít mạnh hơn một trăm lần thần-lực thuộc về cõi trí đem lại một quan niệm. Vậy ta sẽ không nói quá đáng nếu ta cho hệ-số sức mạnh của thần-lực như sau đây: một đơn vị thần-lực hồng-trần ít mạnh hơn một

đơn vị thần-lực trung-giới 5 lần ít mạnh hơn một đơn-vị thần-lực cõi hạ-trí 25 lần và ít mạnh hơn một đơn-vị thần-lực cõi thượng-trí 125 lần. Một người nọ có thể bị nhiều quả-báo đau khổ, buồn lo, mà nếu y có được vài quan-niệm, thì đời y cũng không đến đỗi gì, y sẽ làm nên việc trong vòng cao-thượng; trái lại một người kia, nhờ nhơn quả kiếp xưa, gặp cảnh giàu sang, sung sướng, nhưng không có một quan-niệm nào cả, đời sống chỉ trôi chảy êm-đềm trong vòng nhung lụa trần-gian; nên hóa ra vô ích và hỏng mất! Thật đáng tiếc thay!

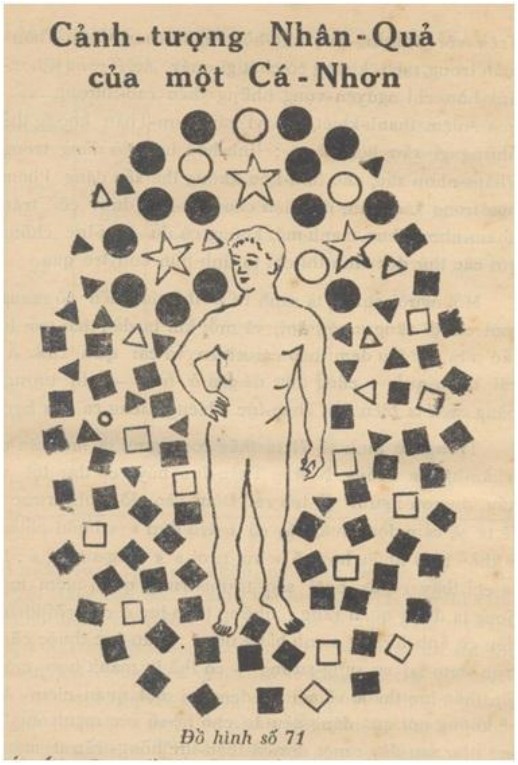

TOÁT-YẾU: Trong đồ hình 71 ta thấy một cá-nhơn với những hiện-tượng của tư-tưởng tốt xấu do sự động và sự phản-động. Những hình ngôi sao tượng-trưng những quan niệm thanh cao; hình tròn trắng tượng-trưng những sự hiểu-biết và cảm-hứng, hình tam-giác trắng là tượng-trưng tình thân-ái và sự vui tươi, hình vuông trắng tượng-trưng sự hiền lành và điều sung-sướng. Còn những hình đen là những tánh trái nghịch lại với những đức tánh đã kể trên.

Trông vào cảnh tượng nầy, ta thấy con người có rất nhiều điểm xấu và rất ít điểm tốt. Như vậy số buồn phiền, khổ cực nhiều hơn số vui tươi, sung-sướng. Bao giờ con người có tu tâm, sửa tánh, thì những điểm xấu ấy sẽ hóa thành điểm tốt, và con người sẽ có đặng sự hạnh-phúc thật-sự.

Ta hãy quan-sát đời sống của mọi người xung quanh ta, thì ta sẽ thấy phần đông đều vất vả, rầu đau mà than rằng:

"Cuộc thành bại hầu cằn mái tóc,
"Lớp cùng thông như đúc buồng gan.
"Bệnh trần đòi đoạn tâm can,
"Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da.
"Gót danh lợi bùn pha sắc sậm,
"Mặt phong-trần nắng nám mùi nâu.
"Nghĩ thân phù thế mà đau,
"Bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê.

Ấy vậy, nhơn-quả người đời xấu nhiều hơn tốt, vì chúng không chịu sống theo đạo-lý, cứ bo bo thu-nhặt những điều giả-tạm, phù-vân, dù cho kẻ khác bị thiệt-thòi cũng mặc. Nhưng mỗi quả-báo đều phải trả, bởi vì "hễ có vay, thì có trả" mà "gieo giống nào, thì gặt giống nấy". Tuy nhiên trong khi "gặt", thì luật nhân-quả rất cân-phân, kỹ lưỡng, để phát một số quả-báo vừa sức người, và cũng để cho người sau khi "gặt" xong, được tiến thêm một bước, dù là ngắn. Tỷ như ta đầu-thai, ta phải mang theo nhiều quả-báo nặng-nề, nếu đời ta chỉ toàn là đau khổ - thì làm sao ta đủ can-đảm để chiến-đấu ở đời, ta sẽ ngã-lòng, rủn-chí trước bổn phận; bởi vậy nên luật quả-báo xen vào, giữa cuộc đời cay đắng của ta, một vài bông hoa xinh đẹp, để cho ta vui ngắm, mà quên hồi đau khổ.

Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu là các vị Thiêng-Liêng có trách-nhậm cầm cân công-bình. Các Ngài không thưởng mà cũng không phạt; các Ngài chỉ sửa chữa cho đúng cách biến-đổi khí-lực của con người, hầu giúp con người tiến thêm một bước nữa. Những đồ hình sau đây sẽ chỉ cho ta thấy sự sửa chữa của các Ngài.

Ông C. Jinarajadasa tượng-trưng số nhân-quả của một cá-nhơn bằng một vòng tròn như dưới đây:

Vòng tròn số 72 tượng-trưng tổng số nhân-quả của một cá-nhơn, (nghĩa là thần-lực đang vận-chuyển trong ranh-giới ấy). Vòng tròn có hai cung-hình: cái trắng và cái có bóng tối. Cung-hình trắng tượng-trưng số quả tốt, còn cung-hình có bóng tối tượng-trưng số quả xấu. Ta phỏng-đoán tổng-số nhân-quả của một cá-nhân kia là 100 đơn-vị: cung hình trắng có 40 đơn-vị, còn cung-hình có bóng tối có 60 đơn-vị. Một trăm đơn-vị nầy là những số nhân-quả tiền kiếp mà người Ấn gọi là Sanchita.

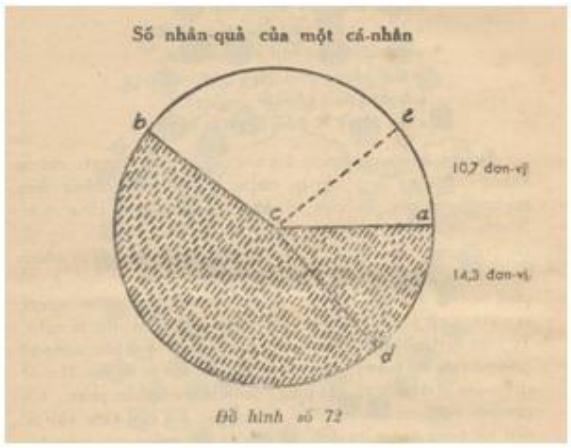

Đồ hình số 72

Đồ hình số 72 tượng-trưng tổng-số nhân-quả xấu và tốt của một cá-nhơn mà ta gọi là "Cọng-Nghiệp"; Vòng cung trắng là số nhân-quả tốt. Vòng cung đen là số nhơn-quả xấu. Tỷ như trong một kiếp con người phải hưởng hoặc trả một phần tư của tổng số nhân-quả là 25 phần trăm. Trong 25 phần trăm ấy, có số quả tốt là (10.7 đơn vị) vòng cung e c a; số quả xấu là (14.3 đơn vị) vòng cung a c d. Số quả xấu gần bằng quả tốt nên kiếp nầy con người cực khổ và sung-sướng gần bằng nhau.

Cái Cọng-Nghiệp đó có tốt lẫn xấu, nhưng phần đông, ta đều gây quả xấu, nhiều hơn quả tốt. Nếu ta phải trả hết bao nhiêu nghiệp-quả trong một kiếp, thì ta sẽ thất-bại, vì rằng: ta chỉ có 60 phần trăm quả xấu mà chỉ có 40 phần trăm quả tốt mà thôi. Nếu quả xấu dồn-dập quá, xác thân ta chịu không nổi phải bỏ cuộc nửa chừng. Bởi đó, Tạo-Hóa có cách sắp đặt mọi việc cho ổn-thỏa, nên trong tổng-số nhơn-quả nầy, Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu mới rút ra một mớ để cho con người trả trong một kiếp ở dưới trần mà ta gọi là "Định-Mạng". Ta phỏng đoán Ngài rút ra một phần tư (100/4=25) tượng-trưng bằng cung-hình e c d. Trong cung-hình e c d, có hai cung-hình nhỏ là e c a (là số quả tốt có 10, 7 đơn-vị) và a c d, (là quả xấu có 14,3 đơn vị). Ta thấy số quả xấu và số quả tốt gần bằng nhau, chớ chẳng phải hai phần ba như trong tổng số (Cọng-Nghiệp). Điều đó làm cho kiếp sống con người hưởng quả tốt nhiều hơn số mình

được hưởng. Ấy vậy, quả báo mà mỗi người mang theo nội kiếp nầy (chẳng phải là cọng-nghiệp) mà ta gọi là định-mạng hay là định-nghiệp. Người Ấn-Độ gọi nó là Prarabdha (hay là quả-báo hiện-tại mà Trời máng vào cổ mỗi người khi đi đầu-thai, theo người Hồi-giáo nói). Và ta phải làm thế nào cho trong một kiếp, ta phải trả cho dứt hết bấy nhiêu quả đó, không thể trốn tránh được. Nhưng rủi thay, trong khi trả quả chưa hết, mà hằng ngày, ta lại tạo nên nghiệp khác! Những nghiệp mới tạo nầy sẽ được góp vào khối Cọng-Nghiệp (đồ hình số 72). Đó chính là ta tạo nên định-mạng cho ta; chớ ngoài ta ra, không có ai cả. Và định-mạng không phải là một cái số kiếp chặt-chẽ, bất-di, bất-dịch. Định-mạng nằm trong tay ta, tức là ta có thể dùng ý-chí mà sửa đổi lại cho dỡ hoá ra hay, xấu trở nên tốt được.

Trong đồ hình số 73 ta thấy số quả báo tốt ở cung-hình f h i g, còn quả xấu ở cung hình f h g : cả hai gần bằng nhau.

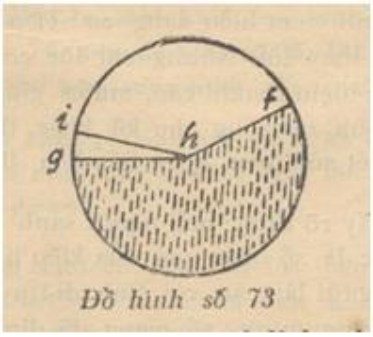

Đồ hình số 73

Đồ hình số 73 tượng-trưng cái định-nghiệp (Prarabdha) tức là số quả-báo phải trả và được hưởng trong kiếp nầy. Cung hình f h g i là số quả tốt. Cung hình f h g là số quả xấu.

Như ta đã nói ở trước, nhân-quả là khí-lực hay thần-lực; hễ thần-lực vận-chuyển, thì sanh ra "động-tác". Động-tác của con người gồm có "động" và "phản-động". "Động" và "phản-động" đem lại cái kết-quả trong đồ hình số 72. Con người càng già thì số quả-báo càng mòn. Nhưng sự động-tác của con người lại dệt ra số quả-báo mới, xấu hay tốt, tùy ở con người hành-động theo Minh-Triết hay Vô-Minh. Nếu con người chịu đau khổ với sự nhẫn-nại và nhơn-ái và nếu sự buồn lo xui cho con người chữa lại lỗi lầm xưa, thì con người trả quả một cách hiểu-biết và khôn-ngoan; số quả báo dệt ra trong kiếp nầy sẽ tốt đẹp. Trái lại, nếu trong lúc trả quả mà căn-nhằn, cự-nự, than Trời, trách đất, gây thảm khổ cho những người xung quanh, thì tức là y đang dệt số quả xấu cho tương-lai. Vậy người hiểu-biết, hễ trả quả, thì quả sạch; còn người không hiểu-biết, hễ trả quả, thì quả lại còn! Ôi! đáng tiếc thay!

Số quả đã gây trong kiếp nầy gọi là Agâmi hay là Kriyamâna nghĩa là quả báo vị-lai. Đồ hình số 74 tượng-trưng số quả báo vị-lai; nó lớn hơn đồ hình73. Khi con người chết rồi (theo phỏng-định ở trước) thì 25 đơn-vị quả-báo (có tốt có xấu) đã tiêu. Bây giời ta hãy phỏng-định lần nữa, để dễ bề giải nghĩa. Tỷ như người ấy, trong khi trả hết quả xưa, lại gây thêm quả mới, tới 36 đơn-vị. Nếu hai đồ hình 74, 73 chồng lên nhau (đồ hình 75) thì ta thấy đồ hình 74 lớn hơn đồ hình 73, 20 đơn-vị. Nhưng số quả tốt lại nhiều hơn số quả xấu. Nếu đem số quả nầy nhập chung với tổng-số, thì ta sẽ thấy tổng-số được tăng (đồ hình số 76). Tuy nhiên số tăng rất đa-thiểu. Bao giờ con người chưa hiểu đặng cơ Tiến-hóa, thì số quả-báo không mấy gì thay đổi. Nhưng chỉ lúc con người ngưỡng về Trời, thì quan-niệm thanh cao, muốn giúp Thiên-Ý, chẳng phải sống cho mình, mà sống cho kẻ khác, thì chừng ấy, con người bước tới hết sức mau lẹ và tiến-hóa theo kỷ-hà cấp-số.

Bây giờ ta thấy rõ rằng: mỗi người sanh ra đều đem theo số mạng mình tức là số nhân-quả của kiếp hiện-tại. Cha mẹ, vợ con, những người lân-cận, với tính di-truyền, chức-vụ đều tạo ra cái số mạng mình, số mạng đã định sẵn và những thần-lực đang vận-chuyển về một căn-cứ, nhưng không có định trước cách trả quả như thế nào, nghĩa là số mạng không bắt buộc con người phải hành-động cách nầy hay cách khác. Dẫu con người có một chút điểm nghị-lực nào, thì nghị-lực ấy cũng được phát-triển tự-do.

Có khi trong lúc ta chống lại với số mạng, ta có thể tạo một quả tốt. Thật ra xung quanh ta có biết bao nhiêu là trở-lực: nào là hoàn-cảnh, nào là gia-đình, nào là xã-hội, nhưng trong lòng ta có cái ảnh-hưởng thiêng-liêng luôn luôn tỏ rạng; và nếu ta can-đảm lên, thì nó sẽ giúp ta cộng-tác với Trời, chớ chẳng phải là một chướng-ngại cho Thiên-Cơ. Nếu có một người sa-ngã, thì những kẻ xung quanh, đã tạo ra hoàn-cảnh ấy, sẽ đồng chia quả với y.

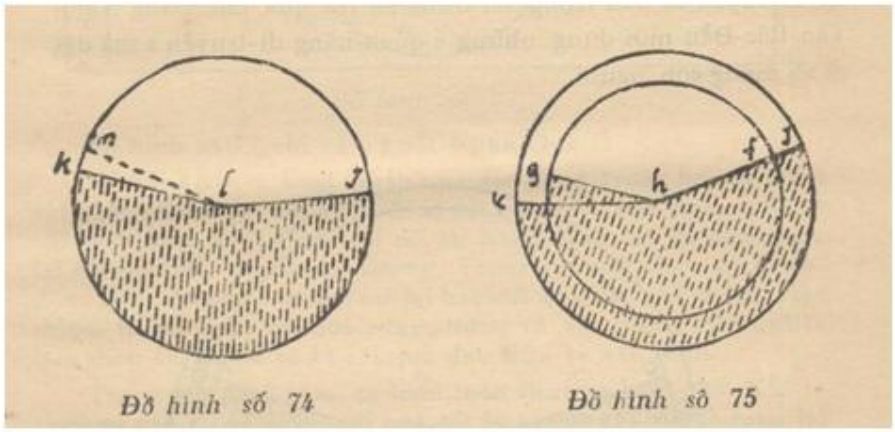

Đồ hình số 74 tượng-trưng số quả-báo vị-lai. Tỷ như cá-nhơn ấy không biết tu-hành, trong khi trả-quả xưa, thì lại gây thêm nghiệp mới. Nếu ta sánh hai cung hình quả xấu trong hai đồ hình 73 và 74 (xem đồ hình số 75) thì ta sẽ thấy cung hình k h j (số 74) lớn hơn cung hình g h f (số 73) 20 đơn-vị.

Đồ hình số 75 tượng-trưng hai đồ-hình 74 và 73 chồng lên nhau để xem số nhân-quả xấu có trội lên chăng. Kết quả là quả xấu trội 20 đơn-vị.

Ta đã nói Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu tùy theo cọng-nghiệp mà định số mạng cho ta, vậy ta nên hiểu phải tuân theo nguyên-lý nào? Đồ hình số 77 chỉ cho ta thấy sơ lược những nguyên-lý đó. Các Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu phải dùng tổng-số quả-báo của con người, để định số mạng, các Ngài không tăng hay giảm vì công-bình là luật của các Ngài. Một người kia, trong nhiều tiền kiếp, có nhân-quả đối với một số người, với một dân-tộc với một quốc-gia nào, thì các Ngài cho y đầu thai tại đó để trả quả. Nhưng các Ngài cũng không quên rằng: kiếp sống của y tại thế là một phút trong đời vô-tận, và một ngày kia y cũng sẽ thành một vị Chơn-Tiên toàn năng, toàn-thiện, giống như hình Kiểu-Mẫu thiêng-liêng (hay Nghi-Hình) mà Đức Thượng-Đế đã tạo ra trong trí Ngài. Cho nên các Ngài tìm cách sửa chữa hoàn-cảnh của y, cho hạp với nhơn-quả, để giúp y càng ngày càng giống với cái Nghi-Hình ấy!

Những hành-vi con người đều tùy thuộc với xác thân một phần lớn; nhưng bởi cái xác thân là do cha mẹ tạo thành, nên sự di-truyền là mối trọng-đại trong sự trả quả. Các Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu mới dùng những "quang-năng di-truyền" mà đặt ra số mạng con người.

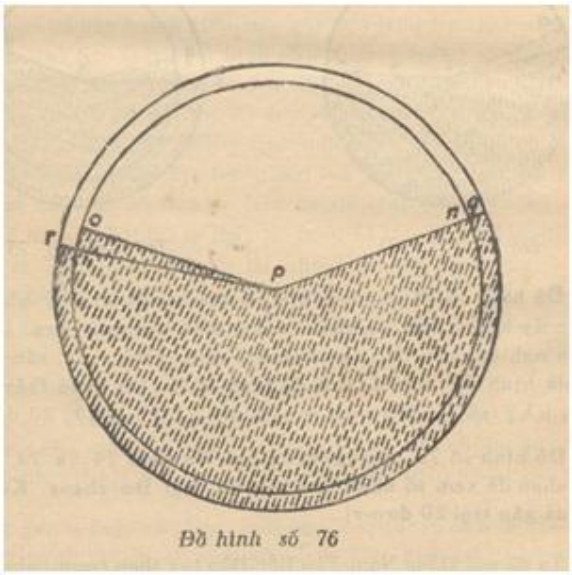

Đồ hình số 76 tượng-trưng cái kết quả của một số quả-báo trong một kiếp qua. Dòm vào ta thấy cá-nhơn ấy đã không tạo thêm phước mà còn gây thêm tội, vì trong cộng-nghiệp lại thêm vào 20 đơn-vị xấu nói ở trước (đồ hình số 74.)

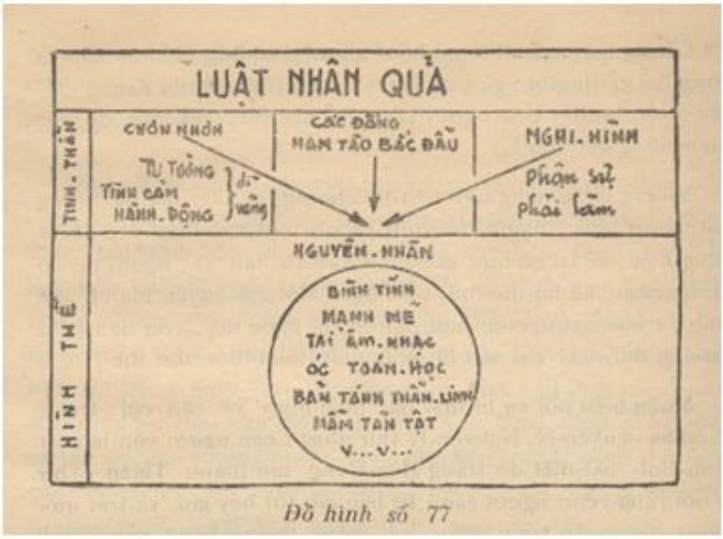

Đồ hình số 77 chỉ rõ "Luật Nhân-Quả".

TOÁT-YẾU: Luật nhân-quả tác-động trong ba cõi: cõi vật chất (thuộc về hành-động tại cõi trần), cõi tình-cảm, và cõi tư-tưởng. Trong mỗi cõi đó, sự hành-động của ta đều mang lại những quả-báo tương-đương. Trong cõi vật-chất, sự hành-động thiện hay ác của ta đem lại hai loại quả-báo; hễ ta làm việc thiện, ta sẽ được cái quả sung-sướng về vật-chất; còn khi ta làm điều ác, thì ta sẽ bị cái quả đau đớn về xác thân.

Trong giới tình-cảm, ta luôn luôn thương hay ghét. Khi ta thương yêu, ta sẽ được cái quả tốt là người khác sẽ thương lại ta. Còn nếu ta ghét bỏ ai, thì ta sẽ gây nên sự thù-nghịch trong lòng của kẻ khác đối với ta. Sự thiện- cảm của ta sẽ đem đến cho sự vui. Còn sự thù hằn sẽ mang đến cho ta điều phiền muộn. Trong cõi trí-tuệ, ta cũng có những tư-tưởng tốt hay xấu. Ta luôn luôn khen-tặng hay kích bác, chê-bai kẻ khác. Cái quả của sự khen thưởng là ta sẽ gặp đặng nguồn cảm-hứng dồi-dào. Còn cái quả của sự công-kích, chê-bai là ta sẽ gặp sự phiền-muộn lo âu.

Đức Nam-Tàu Bắc-Đẩu sẽ do ba loại hành-động của ta trong giới vật-chất, tình-cảm và tư-tưởng mà định số mạng cho ta. Nhưng thật ra, chính là ta định số mạng cho ta, do luật phản-ứng của ba cõi ấy mà tạo ra cái quả-báo tương-đương. Song dù ta có xấu mấy đi nữa, một ngày kia ta cũng sẽ thành một vị Chơn-Tiên, toàn-năng toàn-thiện giống như cái Nghi-Hình hoàn-hảo mà Đức Thượng-Đế đã tạo ra sẵn trong Trí Ngài, trước khi sanh ta ra.

Chung qui, vấn-đề quả-báo gom lại những biến-cố xảy ra trong hai cảnh giới: giới vô-hình và giới hữu-hình. Trong giới hữu-hình, ta thấy con người bằng thể xác (mà thể xác là do các quan-năng kết-thành). Những quan-năng nầy tiện-lợi cho người nầy, mà bất tường cho người khác: người thì sanh ra với một xác-thân đẹp-đẽ và tráng-kiện, kẻ lại có xác thân xấu-xa, tàn-tật; người thì có tai âm-nhạc, kẻ lại đui-mù, câm điếc. Một gia-quyến kia có thể sanh ra bốn người con, một người, thì khỏe đẹp, còn ba người khác lại đui-mù! Tại sao họ phải chịu thiệt-thòi như thế? Muốn hiểu nổi sự bí-mật nầy phải quay về căn cội; trong đó có ba nguyên-lý. Nguyên-lý thứ nhứt: con người vốn là một chơn-linh bất-diệt do Đấng Hóa-Công tạo thành. Thiên-Thơ có nói rằng: con người sanh tự bao giờ tới bấy giờ, và trải qua không biết mấy triệu kiếp, cái mầm thiêng-liêng vẫn có ở trong lòng người."

Con người sống trên thế-gian nhiều kiếp; mỗi kiếp con người hành-động, suy-nghĩ và cảm-kích - tức là làm vận-chuyển Thần-lực xấu hay tốt đối với mình và xung quanh mình, để lần lần hóa thành cái hình kiểu-mẫu kia. Cây cỏ, thảo-mộc cũng có hình kiểu-mẫu như con người vậy. Hình kiểu-mẫu nầy do tư-tưởng của Đức Thượng-Đế phác-họa ra. Mục đích con người sanh xuống thế-gian là phải làm nảy-nở những thiên-lực ẩn-tàng, bằng cách làm phận-sự của mình cho đúng-đắn, trong khi hoạt-động dưới trần.

Mà muốn làm phận-sự mình tại thế, thì cần phải có một cái xác thân. Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu chiếu theo luật Công-Bình: do quả-báo của mình, mà chọn hoàn-cảnh, cha mẹ và địa-vị của mình dưới thế. Các Ngài chỉ dàn xếp những quả-báo xưa cho phù-hạp với sự tiến-hóa nay, hầu giúp con người thực-hiện đặng cái Hình-Kiểu-Mẫu của mình. Dẫu các Ngài đặt để con người trong cảnh vui, buồn, các Ngài cũng vẫn có ý-niệm nầy: mục-đích con người tại thế-gian chẳng phải để sung-sướng hay khổ cực, mà để thực-hiện đặng cái Hình-Kiểu-Mẫu ấy. Về sau, con người đạt được mục-đích rồi, thì sẽ hưởng cảnh phúc-lạc miên-tràng; còn hiện giờ con người đang ở vào thời-kỳ học hỏi và kinh-nghiệm, tức là đang đi trên con đường đau khổ.

Khi cái thai đã đậu rồi, các Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu mới chọn những yếu-tố cho xác thân phù-hạp với linh-hồn sắp đầu-thai bởi linh-hồn không thể tự mình chọn đặng [[24]]. Nếu linh-hồn phải tấn-hóa trong đường âm-nhạc, thì các Ngài chọn cho y những yếu-tố cần ích như: bộ thần-kinh đặc-biệt, hai tai dễ thâu-thinh. Nếu linh-hồn phải tấn-hóa trong đường toán-học, thì Đấng Nam Tào Bắc-Đẩu cũng cho y những yếu-tố cần-ích trong lúc thai vừa mới kết-tinh. Các Ngài cũng phân-phát sự tàn tật cho những ai cần phải tiến-hóa trong vòng đau khổ của sự tàn-tật. Với tình bác-ái vô lượng, với sự Minh-Triết tuyệt-vời, các Ngài đem quả-báo mà ban rải cho người đời, không trái sự công-bình một ly. Bổn phận các Ngài không phải để làm người vui hay khổ, dữ hay hiền, các Ngài chỉ có trách-nhiệm dắt người đến Hình-Kiểu-Mẫu mà thôi. Tiện lợi hay trở ngại, vui hay khổ, may hay rủi, là những viên gạch mà linh-hồn dùng để cất nhà tạm tại cõi thế-gian. Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu không tăng hay giảm gánh nặng của người đời; Ngài chỉ giúp con người bước mau trên thang tiến-hóa, hầu thoát vòng sanh tử luân-hồi.

Tuy nhiên, chớ tưởng rằng: số mạng đã định là quá tuyệt-đối, nghiêm-khắc và không thể sửa đổi đặng. Con người có thể dùng ý-chí mà sửa đổi đặng một phần số mạng mình [[25]] . Tỷ như sự tự-tử không bao giờ có số mạng định trước, mặc dầu có nhiều trường-hợp xui khiến con người quyên-sinh. Theo quan-niệm của ta, thì khi lâm vào cảnh huống, ta phải chống chỏi, chiến-đấu, cho qua cơn dông-tố, lướt cả sự đau đớn buồn rầu, chớ chẳng để cho chúng nó đàn-áp lại. Đối với một người kia bỏ mất cơ-hội tốt để tiến-hóa cũng y như thế. Còn trường-hợp nầy thường xảy ra là: những người xung quanh xúi làm quấy, sự làm quấy nầy không bao giờ định trước ở số mạng. Bổn phận ta phải phân-biện, rồi quyết-định.

Còn một điều đáng chú ý là có nhiều thứ quả báo, một người có thể liên-đới với một hay nhiều thứ quả-báo, nhưng không phải tất cả một lượt. Thường thường người ta bị liên-đới về tình-thương hay oán-hận. Người kia sanh ra trong gia-quyến nào sẽ thọ hưởng một mớ quả xấu hay tốt do gia-tộc gây ra; còn người kia sanh ra trong một nước nào, sẽ thọ hưởng quả báo chung của xứ sở đã gây ra trong mấy thế-kỷ về trước. Cũng có thứ nhân-quả chung, gọi là nhân-quả trong công việc làm của những người cùng một phái - ưa nhau hay ghét nhau. Rồi nhân-quả sẽ hiệp họ lại trong kiếp tới, để cùng làm việc chung.

Vấn đề nhân-quả rất bao quát, khó diễn tả trong một bài ngắn như thế nầy. Mấy lời trên đây chỉ là lời sơ-khai mà thôi. Muốn hiểu nhân-quả cho tận tường phải làm một vị Chơn-tiên mới đặng. Nhưng nếu ta rán suy-gẫm để hiểu nguyên-lý của nhơn-quả, hầu cải thiện đời sống vật-chất và tinh-thần của ta, thì là điều đáng làm vậy.

Luận nhân-quả có thể tóm lại trong bảng dưới đây :

Kiếp dĩ-vãng		Kiếp hiện-tại
Sự giúp đỡ	Tạo ra	Lân-cận tốt
Việc làm hại	—	Lân-cận xấu
Nguyện-vọng và ham-muốn	—	Quan-năng
Tư-tưởng có từ lâu	—	Bẩn-tánh
Thành-công	—	Sự hăng-hái
Kinh-nghiệm	—	Minh-Triết
Biến-cố đau khổ	—	Phát-tâm
Ý muốn giúp đời	—	Ngộ-Đạo

GIEO GIỐNG NÀO GẶT GIỐNG NẤY

CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI BỐN: Luật Nhân-Quả (tiếp theo)

I. Karma không cưỡng-chế ta

Ta đã nói ở trước Karma là một cái luật tự-nhiên. Nhưng ta có thể đi xa hơn nữa mà nói rằng: Nó là Luật-Trời, vì Nó hiện cùng khắp, trong tất cả mọi vật.

Nhà hiền-triết phương Tây gọi là Karma là "Luật Nhơn-quả" và xét mỗi sự xảy ra về hai phương-diện. Sự xảy ra là một cái kết quả vì tự nó có một nguyên-nhân; mà nguyên-nhân nầy cũng là kết-quả của một sự gì đã xảy ra trước kia nữa. Sự xảy ra ấy là nguyên-nhân vì tự nó gây ra một việc mới nữa. Nghĩa là việc gì xảy đến cũng vừa là nhân, vừa là quả: quả của quá-khứ, mà nhân của tương-lai. Cách nối-tiếp, liên-lạc không dứt như sự nầy với sự kia, vật nầy với vật nọ, được ta gọi bằng một danh-từ chung là "Luật nhân-quả". Đó là một luật căn-bản nó khiến ta tin chắc rằng: có cái trật-tự với sự thăng-bằng cùng là cái sức tiến-bộ của nhân-loại, cứ lần lần bước tới chỗ cao xa mãi mãi.

Dù chúng ta có biết hay không, thì điều nầy cũng cứ xảy ra luôn: mỗi lúc, thân, tâm, trí của ta đều phát sanh ra quả. Ta càng hiểu rõ quyền-lực của ta, cùng là ảnh-hưởng của các luật tự-nhiên, thì ta càng có thể tạo ra quả theo ý muốn được, nghĩa là có thể tạo quả tốt và tránh quả xấu.

Karma cũng còn gọi là "Luật phát-động và phản-động". Phát-động và phản-động, hai điều ấy cân nhau và chống chọi với nhau. Ta thử ném một vật gì, vật ấy liền dội lại, tức là cái phản-động-lực của vật-thể chống trả với cái ném. Hãy liệng, một trái banh thun vào tường, nó liền dội trở lại chỗ ta đứng; sức dội cân xứng với sức liệng.

Cùng khắp trong vũ-trụ, nhà thông-thái được gặp cái luật ấy và nhờ đó mà biết trước những kết-quả sẽ đến, mỗi khi có tác-dụng đến vật-chất.

Trong hai danh-từ: "Luật nhân-quả" và "Luật phát-động và phản-động" ta thấy chữ "Luật". Vậy thì, Luật là gì, hay đúng hơn, Luật tự-nhiên là gì?

Ở trước ta đã nói: "Luật tự-nhiên" là cả một dọc nhân với quả, liên-tiếp với nhau, theo thứ tự nhứt-định và không dời đổi. Ta có thể rút cái định-nghĩa nầy lại làm một cái công-thức và nói như vầy: A và B bao giờ cũng kéo theo C. Cộng lại nhiều lực, thì tất gây thành một kết-quả nhứt-định. Nhưng đó không phải là một thứ mạng-lịnh bắt buộc ta: "Phải làm cái nầy đây" hay "Đừng làm cái kia" hoặc: "Anh phải có A và B, thì là được C". Nhưng ta nói "Nếu anh muốn được C thì hãy gắng mà hợp lại A với B" hay là "nếu anh không muốn gặp C thì gắng mà xa A và B"; "nếu anh xa A và B, thì tất nhiên anh sẽ không có C được".

Như vậy, ta có thể nói chắc-chắn rằng: một cái luật tự-nhiên không phải là một mãnh-lực bắt-buộc, hay hạn-chế, mà một cái mãnh-lực giúp ta động-tác. Nó dạy ta biết rành các điều-kiện phải giải-quyết xong, để tạo thành hoặc để tránh khỏi một thứ kết-quả nhứt-định. Nó cũng cưỡng-chế ta, nhưng chỉ cưỡng-chế được là khi nào có phản-động-lực đã đúng kỳ phải đến, không thể không đến được. Cũng vì các mối nhân-quả chằng-chịt nối-tiếp với nhau một cách tự-nhiên như thế, mà người dốt nát phải bó tay chịu bất-lực trước các tự-nhiên ấy. Nhưng càng được hiểu-biết nhiều, thì ta càng có thể kiểm-điểm các thứ động-lực của ta gây ra, hầu tránh khỏi những điều kết-quả đáng tiếc về sau.

Người ta nói: "Những luật thiên-nhiên không thể cưỡng được là vì mối giao-tiếp, từ nhân đến quả, không thể sửa đổi được. Ta có thể cưỡng đến đâu, mặc tình; nhưng rốt lại, luật sẽ bẻ ta, chớ không phải ta sẽ bẻ được luật". Nếu người kia từ trên chót lầu rơi xuống đất mà mang hại, người ấy có cưỡng luật hấp-dẫn đâu; dù y không có nhìn biết luật ấy, chớ cái té đã là bằng cớ rồi.

Tóm lại, Karma do Phạn-ngữ có nghĩa là "sự hành-động" hay là "sự Tác-Động" (Action). Mà Hành-Động là cái Nhân. Nó gây ra cái Quả. Vậy ta có thể gọi Karma là "Luật nhân-quả" hay "Luật phát-động và phản-động" hay "Luật Tự-Nhiên".

II. Karma khởi đầu vào lúc nào?

Nếu nói là một luật tự-nhiên, thì người ta không thể nói nó đã bắt đầu vào hồi nào, và đến chừng nào sẽ kết-cuộc. Phàm ở đâu có những khối vật-chất, thì ở đó tất có lực hấp-dẫn. Cho nên hấp-lực không bắt đầu vào một lúc nào nhứt-định. Hễ khi đã đủ các điều-kiện cần-yếu, thì có lực ấy lưu-hành luôn, Karma là luật vô-thỉ, vô-chung, nghĩa là nó không có chỗ bắt đầu, cũng chẳng có chỗ cuối cùng Karma làm điều-kiện vững bền cho cái Tinh-Thần ở trong vật-chất; nó không khởi đầu vào thuở nào: chẳng tắt dứt vào lúc nào, bởi nó là vô-thỉ, vô-chung vậy.

Cho nên câu hỏi "Karma đã bắt đầu vào lúc nào" đáng lẽ phải sửa ra câu hỏi nầy "Karma của một sanh-vật nhứt-định đã khởi đầu hồi nào?" Người ta mới có thể đáp "Nó khởi đầu chính vào lúc sanh-vật ấy nhập vào cõi biểu-hiện" [[26]]. Khi Chơn-Thần vốn bất-diệt, bất-sanh, từ bỏ cái cõi không sanh, không tử, mà đi vào cõi có sống, có chết, để chịu mang lấy một lớp áo vật-chất rồi, thì khi đó nó bị nhiều điều-kiện chi-phối, và phải tùy-tùng luật Karma. Cái Karma riêng của nó bắt đầu vào lúc mà nó đặt mình trong những điều-kiện chỉ-định. Thì ra, trước hết là cái Karma của Kim-thạch, cái kết-quả của sức động-tác của tinh-lực và vật-chất bao quanh đối với khoáng-vật và sức phản-động của khoáng-vật chống trả lại. Tác-động và phản-động ấy kết thành những khoen đầu-tiên của sợi dây xích Karma khoáng-vật; và cái dây xích nầy sẽ kéo nó sang một cung [[27]] riêng nào đó trong loài thảo-mộc. Ở loài thực-vật, những sự phản-động của nó có tánh chất phức-tạp hơn, cái lưới-nghiệp cũng sẽ rắc-rối hơn, và sẽ đưa nó nhập vào một cung nào đó trong loài cầm-thú. Ở loài động-vật, cái sức cảm-giác của nó phát-triển mà đem ảnh-hưởng trong sự tạo-nhân và những điều đau-đớn của nó gây cho bạn đồng-loại phản-động lại nó.

Phát-động và phản-động đều có nối theo vui hay buồn, sướng hay khổ. Như thế, nó lần lần đi đến một Cung riêng trong loài người. Ở đây tuần tự khai lý-trí, tăng-cường sức mạnh tạo Karma nữa. Động-tác của tư-tưởng thêm vào động-tác của hành-vi và cảm-giác. Nhơn thế, mà bên phản-động-lực cũng được thêm vào một sức mạnh mới, tương-đương với sức mạnh của lý-trí.

Nếu người ta chịu nhớ kỹ rằng: Karma chẳng gì khác hơn là phát-động-lực và phản-động-lực, ứng-đối với nhau trên hết thảy các cõi thiên-nhiên. Sự ứng-đối nầy hằng có mỗi lúc và cùng khắp; nó còn liên-quan với bản-thể của sự vật. Nó nhớ rõ như thế, thì nhiều điều khó hiểu sẽ hóa ra dễ-dàng. Người ta sẽ hiểu rằng; Karma bắt đầu gây ra kể từ lúc ta nhập vào võ-trụ vật-chất: vì bởi ta nhập vào giữa những điều-kiện, mà trong đó Karma hằn có hành-động luôn. Người ta cũng sẽ hiểu rằng: phản-động-lực đồng tánh với phát-động-lực. Vì vậy nên khi người nào lầm lỗi điều gì, mà trong sự lầm lỗi đã có phát-hiện sự suy-cảm và hành-vi, thì cái phát-động-lực tất biểu-lộ trong ba cõi: trần-gian, dục-giới và tư-tưởng. Cái phản-động-lực cũng sẽ biểu-lộ trong ba cõi ấy.

Đáng lẽ cái ý thưởng phạt không nên nói đến, khi người ta nghĩ tới luật Karma. Ví rằng: Ta đứng trước những cái kết-quả, những cái thành-tích của ta đã gây, chớ không đứng trước những sự thưởng phạt của ai ban cho ta. Sự đau khổ là kết-quả của một điều hành-vi sai lỗi trong một cõi nào; chớ chẳng phải là sự hành-phạt của ai bắt buộc ta phải mang chịu. Nỗi đau khổ nó cấu xé ta là vì ta đã chống-chọi lại với luật tự-nhiên, một cái luật không thể chống chọi được.

III. Luật Karma hạn-chế ta đến chừng mực nào?

Phàm đã mang lớp xác thịt rồi, tất nhiên con người đã tự bó buộc trong những điều-kiện, những hạn-chế. Cho nên tự-nhiên người ta không thể bay được; vì bằng muốn dạo chơi trong không-khí, thì phải cần đến thứ máy bay mới được. Hễ càng biết rõ các thứ mãnh-lực tự-nhiên bao vây ta thì càng mở rộng quyền tự-do hành-động của ta đối với các luật ấy. Nhơn thế, ta mới có cơ giải được sức ngăn trở của những luật nào chống chỏi lại bước đường tiến-thủ của ta.

Nhờ sự hiểu-biết, ta có nhiều phương rộng để thoát qua vòng hạn-chế của các điều-kiện thiên-nhiên nhứt-định, và sự hiểu biết của ta càng thâm-bác, thì sự hành-động của ta càng có phần tự-do hơn.

Đối với những điều-kiện tự-nhiên, gọi là Karma, thì cũng y như vậy. Nó hạn-chế sự hành-vi của ta, giống như các điều-kiện tự-nhiên khác. Nhưng ta có thể dùng sự hiểu-biết mà trừ sức ngăn-cản của chúng nó không? Hoặc cao vượt lên trên chúng nó? Sự hiểu-biết càng rộng, thì quyền lực càng cao.

Bởi thế, ta mới thấy rất cần học và hiểu những điều-kiện Karma, cho quyền tự-do của ta cân xứng với sự hiểu-biết của ta vậy.

IV. Mỗi người chúng ta đều có gây trong quá-khứ một cái Karma riêng

Muốn được hiểu cái Karma riêng nầy, ta phải chịu những điều hạn-chế gì? Ta nên hiểu rõ vì đó là một vấn-đề có quan-trọng với sự sống và hạnh-phúc của đời ta vậy.

Ta có thể hiểu rõ được là nhờ học lần lượt sự tác-dụng của Karma dưới ba trạng-thái: tính-tình, thuận-cảnh, trạng-huống, và cùng do ba trạng-thái của ý-thức, tư-tưởng, dục-vọng và hành-vi.

Trong cuộc khảo-cứu nầy, đừng quên rằng chính mình đã gây ra cái Karma ấy, bởi tư-tưởng, dục-vọng và hành-vi của mình, và chính mình là cái ý-thức ấy đang suy-nghĩ, ham muốn và làm việc đây. Người ta thường xét Karma như một sự gì nó phản-động lại ta, chớ ít khi tưởng rằng: hành-vi hiện-hữu của ta cũng có hưởng đến điều-kiện Karma nữa. Vì ta sửa đổi kết-quả tư-tưởng ngày trước bằng những tư-tưởng ngày nay, sửa đổi kết-quả dục-vọng ngày truớc bằng dục-vọng ngày nay, sửa đổi kết-quả hành-vi ngày trước bằng hành-vi ngày nay.

Tác-dụng của nghiệp-duyên chẳng phải là một khối bất-động, mà là một cái ý-thức sanh-hoạt nó phản-động lại Karma và chính nhờ sức phản-động nầy, mà nó sửa đổi Karma ấy. Ta có thể nhận biết cái tánh cách liên-tiếp bị-động của Karma, nhưng ta không rõ cái động-tác ảnh-hưởng đến nó, cho nên ta chỉ thấy Karma không trọn, mà ta chỉ thấy nó dưới trạng-thái nào.

Có xét lần lượt ba trạng-thái của ý-thức: tư-tưởng, dục-vọng, hành-vi, ta mới thấy rõ Karma hạn-chế ta đến một chừng mực nào.

Luật thứ nhứt: "Người tư-tưởng cái gì, thì tất nhiên đồng-hóa với cái đó" nói cách khác, tư-tưởng đào-tạo tư-cách. Ta sanh ra với cái tư-cách mà ta đã chung đúc bằng tư-tưởng trong mấy kiếp trước. Ta không thể tránh khỏi điều ấy. Đó hẳn là một sự hạn-chế rõ-ràng. Hãy tỷ rằng; ta sanh ra năng-lực trí-thức tầm-thường, thì cái năng-lực nầy thì sẽ hạn-chế sức học của ta. Ta phải để 3 giờ học cái bài; mà người lân-cận của ta, thông-minh hơn, chỉ mất mười phút. Để bù cái khiếm-khuyết ấy, ta cứ luyện-tập luôn và theo thời gian ta làm được giỏi hơn, thạo hơn. Lần lần những bờ rào hạn-chế sẽ lui ra xa: sức sáng-tạo của tư-tưởng sẽ cải-thiện tài-năng của ta. Đó là ta nhờ chuyên-cần luyện-tập.

Như thế, ta thấy Karma truyền lại cho ta những món nợ trong quá-khứ làm thành những hạn-chế trong hành-vi; mà nếu ta đã quyết hạ các bờ rào hạn-chế ấy, thì Karma không thể giam cầm ta lâu được. Nhưng khởi đầu, ta phải chịu hãm mình trong đó, rồi mới có phương dời các bờ rào ấy đi.

Luật thứ nhì: "Dục-vọng gây ra cảnh-ngộ". Ta có thể sanh ra đời, thông-minh, sáng-láng, có cơ-hội để thi-thố sự hiểu-biết, mà có khi ta lại không gặp được dịp may, hoặc là công-phu của ta không được kết-quả rực-rỡ vì "vận xấu", "số rủi". Đó là kết quả của sự sai-lầm của ta; ta bị ngăn trở bởi vì một sự hạn-chế mà ta cho là Karma khuấy phá ta. Cũng như ở trên, ta sẽ thắng nhờ kiên-chí và cố-gắng. Ta muốn kỳ đoạt sự thành công, thì sức hạn-chế sẽ thối lui, mà các trở-lực cũng sẽ tiêu tan nữa.

Luật thứ ba: "Hành-vi tạo nên cảnh-ngộ". Trong các thứ hạn-chế, có sự hạn-chế hành-vi do cảnh-ngộ là sự cực-lòng và khó chịu nhứt. Tuy nhiên ta cũng có thể sửa đổi được. Điều đáng làm là hãy có can-đảm mà rước lấy cảnh-ngộ, rồi tùy thời, tùy cảnh mà ăn ở hành-động, bởi chúng ta không thể trốn thoát vòng hạn-chế ấy liền được. Đồng thời, ta rán chống chỏi lại một cách êm-ái mà bền-bĩ, để sửa đổi lần lần. Trước hết, ta hãy đánh đổ lòng tư-kỷ: vì chính nó, ở trong quá-khứ, đã gây ra cảnh bất-hạnh hiện-thời: hễ biến-đổi tạo nhân, thì ta hoán-cải được kết-quả. Như thế, là trong đời nầy, ta đặt cái mầm cho việc lành tương-lai; và trong vòng hạn-chế do quá-khứ tạo ra, ta xây đắp nền tự-do của kiếp sẽ tới vậy. Công-phu của ta trong quá-khứ đã tạo ra số phận ngày nay, thì ta cũng có thể sửa đổi số phận nầy, bằng công phu mới khác.

"Luật Karma hạn-chế ta đến chừng mực nào?" Ta đã thấy "Tư-tưởng tạo ra tư-cách". Tư-tưởng là cái khí-cụ dùng để đoạt cái gì mà ta chưa có. Thử ngồi một buổi sáng trong 5 phút để suy-xét về tánh chơn-thật. Hãy tự bảo: "Chơn-lý là Trời". Tất cả những gì có đây, đều căn-cứ nơi Chơn-lý cả: Trong cái chơn-ngã của tôi; tôi vốn là chơn lý: vì bởi tôi cũng đồng tánh với Trời. Vậy thì nhân-trí của tôi phải là cái thể biểu-hiện của chơn-ngã…" Rồi trót ngày, ta gắng giữ cho tư-tưởng, ngôn ngữ hay hành-vi của ta đừng trái với Chơn-lý. Cứ tập như thế mãi, thì ngày nầy qua ngày nọ, tuần nầy sang tuần khác ta sẽ lập được cái thói-quen, ngay-thật trong ý-tứ, lời nói và sự làm. Rốt lại, ta thấy ta đã trở nên ngay-thật một cách tư-nhiên, không cần tự quản-thúc nữa. Tật xấu đã tiêu tan và cái mỹ-đức chơn-thật đã nhập tâm ta rồi vậy.

Cách trên đây cũng có thể dùng để mở những đức-tánh khác. Phương-pháp rất giản-dị: chỉ nuôi những thứ tư-tưởng tốt lành rồi giữ cho sự ham-muốn và hành-vi của ta hòa-nhịp với thứ tư-tưởng ấy. Như thế, ta sẽ tạo ra được cái tánh-cách của ta trong kiếp tới. Có khi Karma bắt ta sanh ra đời với cái tánh-cách thiếu sự ngay thật dõng-cảm và mềm-mỏng, nhưng không bao giờ nó bắt ta duy-trì tánh-cách ấy mãi được. Ta muốn điều gì là được điều đó, Karma sẽ cho ta cái tánh-tình ngay-thật mềm mỏng và can-đảm nếu ta chịu khó tạo ra các thứ nguyên-nhân đồng-tánh.

Ta nên nhớ: luật ấy rất công-bình, cứ thẳng mà báo-ứng. Ta sẽ đứng trước cơ-hội của ta đã tạo ra, và cơ hội nầy sẽ đem đến cái điều mà ta đã mơ-ước. Nếu trước ta đã không khéo chọn, mà mong mỏi việc xằng, thì cơ-hội đó sẽ cho ta sự thất-vọng, chớ chẳng phải sự vui vẻ đâu.

Ta cũng đã thấy rằng "Hành-vi tạo nên cảnh-ngộ". Nhờ xét rành-rẽ mối liên-quan giữa tánh-cách của ta với hoàn-cảnh của ta đang sống, thì mới biết khéo lợi-dụng những điều-kiện hạn-chế ta đây. Ta vừa lo ban-rải sự hạnh-phúc chung quanh ta, vừa thức cảnh-ngộ để khai mở những tánh nào mà ta còn thiếu. Người nào hiểu Karma, biết lợi-dụng cả mọi việc, mọi cảnh, đồng thời tỏ sức hoạt-động khéo-léo, thông-thạo và bền-dai, kẻ ấy biết dự-bị cái tương-lai của mình vậy.

Karma hạn-chế ta, nhưng ta là kẻ tạo ra Karma và tùy theo sự hiểu biết của ta, ta có thể kiểm-soát Karma được.

Ta nên nhẫn-nại, khoanh tay chịu sức hành-động của Karma hay nên hết sức chống-chỏi lại? Theo lời đã nói trên thì tất nhiên ta phải hết sức chống chỏi lại những thứ khuynh-hướng xấu xa, những điều tập-quán quấy quá, những nết hư tệ của ta, dù tánh nết nầy có bị thâm-nhiễm thế mấy đi nữa. Trong cuộc chiến-đấu ấy, lúc đầu, ta sẽ thường thối-bại; nhưng mỗi một lần khai-công, dầu thật chẳng thắng nước cờ, chớ ta cũng phá bớt được một phần sức lung-lạc; rồi lần lần ta sẽ thắng được ác-nghiệp của ta. Trước kia, ta đã tạo từng sợi nhợ kết thành cái lưới Karma, thì nay ta cũng có thể phá lần từng sợi nhợ đến tan rã cái lưới ấy. Chính người là kẻ tự tạo số phận lấy cho mình, chớ nào phải ai khác gây họa phúc cho đâu. Luật chẳng hề dời đổi; theo luật mà ta đã gây ra điều gì trong cảnh vô-minh, thì cũng theo luật mà ta sẽ phá nát điều ấy, nhờ sự hiểu biết. Không ai cản trở ta được, không ai làm thế cho ta đặng.

Người ta sẽ hỏi rằng: "Ngày nào cũng do ngày trước mà ra, thì kẻ hư nết làm sao trở nên người đức-hạnh được?" Đây là một trong các câu hỏi làm rối trí học-giả. Kẻ hư nết, trải cái đời trong tật quấy, không hề chữa sửa, thì ở kiếp sau, chẳng lại hóa ra hư hèn hơn kiếp trước, rồi cứ mãi như thế chăng? Đây nên xét qua các sức mạnh dùng để cân-đối các sức mạnh khác, như: sự đau khổ và sức tiến-hóa. Đau khổ là kết-quả của sự bất-tuân luật tự-nhiên: sau khi chết, sự đau khổ còn dữ-dội hơn nữa; xác mất rồi, những điều dục-vọng xấu-xa châm chích con người như vùi sắt nhọn. Khi bỏ cõi trung-giới sang cõi thiên-đàng, thì các mầm lành sẽ nảy nở trong người; cái trí thanh-bạch cùng lòng từ-ái phát-triển và lan rộng ra. Khi trở lại trần-gian, người cũng mang theo cái kết-quả của những sự ưu-phiền đã nếm, cái kết-quả nầy sẽ tỏ-hiện bằng sự ghê nhờm trước cái hư, quấy, mà ngày xưa đã phạm.

Con người càng tiến lên cao chớ không phải càng hạ xuống thấp. Chỉ khi nghịch hẳn lại với chơn-tánh là đắm trong vũng bùn. Nhưng đó cũng là tạm trong một lúc mà thôi; rồi cũng tiếp-tục tiến bước.

CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI LĂM: Luật Nhân-quả đối với tư-tưởng, tình-cảm và việc làm (tiếp theo)

1. Tư-tưởng tạo ra tánh-tình

Ở trước ta đã nói về sự hạn-chế của Karma đối với tư-tưởng, tình-cảm và việc làm. Nơi đây ta cũng giải như thế, nhưng trong phạm-vi rộng-rãi hơn, hầu đưa học-giả đi sâu vào vấn-đề.

Từ ngàn xưa, các bậc thánh-nhơn hiền-triết đều chứng-nhận sự thật nầy là: tư-tưởng tạo ra tánh-tình. Kinh Chandogyobanishad có nói rằng "Tư-tưởng thể nào, thì con người thể ấy". Nhà vua hiền-triết Israel cũng nói rằng "Con người thể nào, thì tư-tưởng thể ấy". Kinh Bhagavad-Gita cũng nói giống như vầy "Đức-tin là con người".

Ta có thể kể ra nhiều đoạn kinh sách nói về "tư-tưởng tạo ra tánh-tình", ta sẽ thấy: tất cả triết-lý chánh-đại, tất cả tôn-giáo đều đồng ý ở chỗ nầy.

Vậy, nếu đó thật là một luật tự-nhiên, thì nó có thể kiểm-chứng đặng: bởi vì tất cả lý-thuyết chơn chánh thuộc về luật tự-nhiên ta có thể lấy cái kinh-nghiệm riêng mà thâm-cứu đặng. Đó là trường hợp của ta đang chủ-ý đây. Nếu quí Ngài muốn chứng minh rằng: Tư-tưởng tạo ra tánh-tình, thì nên áp-dụng phương-châm rất đơn-giản nầy.

Trước khi vào đề, ta nên biết rõ: hiện-thời, thiên-hạ luôn luôn lật đật, làm việc gì cũng muốn thấy kết-quả ngay. Nhưng ta nên nhớ rằng: người ta chỉ tìm hiểu đặng là nhờ bền-chí. Tỷ như ta lấy tư-tưởng mà chế-ngự một tánh xấu và tăng-cường một tánh tốt, thì ta cần phải có ngày giờ mới đặng. Ta muốn bớt tánh nóng giận ư? Tánh nầy không phải là một tội trọng: nó chỉ là cái kết-quả của tánh yếu đuối chung của người đời mà thôi. Một khi mà ta đã nhận-định rằng: ta có tánh nóng giận, thì ta lập tức quên đi, và đừng nhớ tới nó nữa: bởi vì nếu "tư-tưởng tạo ra tánh tình" là thực-sự, thì "suy-tưởng đến một tánh xấu" tức là thêm sức mạnh cho nó. Nếu ta tưởng ta giận, thì ta càng thêm giận. Tốt hơn là ta tưởng đến tánh tương-phản, nó là tánh nhẫn-nại. Mỗi buổi sớm mai, ta hãy tham-thiền 5 phút về tánh ấy. Làm như vậy cho đều đều, chớ đừng một bữa làm, năm bữa nghỉ, thì không hiệu-nghiệm chút nào: vì làm như vậy giống như tên lính-tập, cứ đứng một chỗ, dậm cẳng mãi, chớ không đi tới được bước nào. Ta rán tham-thiền về tánh nhẫn-nại, mỗi ngày năm phút đừng cho gián-đoạn: ta suy gẫm theo phương-tiện nào ta thích, vì điều phương-tiện không mấy cần; điều cần nhứt là ta nghĩ đến vấn-đề ấy mỗi ngày. Có một phương-châm hay nhứt là tưởng-tượng rằng: ta là người có tánh nhẫn-nại, là người hoàn-toàn nhẫn-nại. Rồi ta tưởng-tượng ta gần những người đang nóng nảy, họ khêu tức ta, nhưng ta vẫn được thái-độ bình-tĩnh, và dù bị tấn-công một cách bất-công, ta cũng không hề xao-xuyến, ta rán giữ tâm ta đừng có một chút tư-tưởng nóng giận. Tưởng-tượng ta là một người nhẫn-nại hoàn-toàn. Cứ mãi tưởng như vậy trong một tuần lễ, thì ta sẽ thấy tánh nhẫn-nại đã gần thành thói-quen, và trước sự cọc-cằn của kẻ khác, ta không còn phản-động, và đối-phó lại bằng sự cọc-cằn như xưa. Nếu được vậy, thì là ta tham-thiền có kết-quả tốt. Ta đã tạo trong trí ta một đức-tánh nhẫn-nại. Ta cứ tiếp tục và luôn luôn tiếp tục cho tới chừng nào tánh nhẫn-nại đã thành-phần với bản-tánh của ta mới thôi. Trên đây ta thấy rõ: nhờ tư-tưởng tạo ra tánh-tình của ta.

Theo cách ấy, ta trừ lần lần những tật xấu và thay vào những đức tốt. Ta có thể rèn-đúc tánh-tình của ta một cách chắn-chắc, như anh thợ hồ, chồng từng tấm gạch để xây tường vậy. Nếu ta thành-thật công-nhận rằng "tư-tưởng tạo tánh-tình" thì ta sẽ vui lòng bỏ ra mỗi ngày 5 phút, trong vài tháng như vậy, để chủ-trị phàm tánh của ta. Cho nên, thành-công hay thất-bại là, một phần lớn, do vấn-đề ngày giờ và cố-gắng.

Thà ra công điêu-luyện hơn là ngồi khoanh tay than thở. "Ôi! tôi muốn được hiền lành!" Rồi cứ mỗi ngày sa vào lỗi cũ! Như thế có ích gì?

2. Dục-vọng đưa người đến vật sở-vọng

Ta biết rằng: dục-vọng và ý-chí là căn-bản của các sự kiến-thiết. Bất kỳ trong cuộc tạo-tác nào, ý-dục là cần nhứt; trong khoa lý-hóa, chính là cái ý-dục làm cho vật nầy hợp hay kỵ với vật kia. Cái ý-dục là một mãnh-lực trọng-đại trong đời; nó có hai bề: bề trái và bề mặt. Khi cái mãnh-lực nầy ở trong con người đi ra đến vật bên ngoài thì người ta gọi nó là dục-vọng: cái dục-vọng khiến cho ta muốn cái nầy, bỏ cái kia. Bao giờ ta còn bị ngoại-vật xô tới và đẩy lui thì ta ví như con bướm, bay liệng nhởn-nhơ, chập-chờn hết bông nọ, đến bông kia, không mục đích, ta-bà và ảo-mộng. Nhưng thay vì cái mãnh-lực ấy bị ngoại vật lôi cuốn, nó lại tập-trung vào nội-giới; nó hết bị đồ-vật bên ngoài hấp-dẫn, nó lại quay về nội-tâm, bấy giờ nó không còn gọi là dục-vọng nữa, mà lại được gọi là ý-chí. Nhơn đó, mới có người yếu tánh và người cang-cường. Người yếu tánh là người dễ bị vật bên ngoài lôi cuốn: đối với người như vậy làm sao tin-cậy được? Còn trái lại, người có ý-chí, thì chỉ làm theo sự kinh-nghiệm nội-tâm, chớ không chịu ảnh-hưởng ngoại-giới; ta có thể đặt cả tin-cậy vào y. Mỗi người chúng ta đều có ý-muốn gần điều gì mình ưa thích; vật sở-vọng nó hấp-dẫn ta như đá nam châm với miếng sắt mềm. Tại sao có sự hấp-dẫn như thế? Bởi trong lòng vạn vật đều có một luồng năng-lực thiêng-liêng đang linh-động, tức là một sự sống độc-nhứt rung-chuyển tâm-hồn vạn-vật, dù hình-trạng bên ngoài có khác nhau. Cái năng-lực thiêng-liêng nầy luôn luôn tìm hiệp-nhứt. Bao giờ con người sống hoàn-toàn với nguồn sống thiêng-liêng thì hết còn thấy mình khác với người, mặc dầu không giống màu da, tôn-giáo, chủng-tộc, nam nữ, đảng-phái, hay giai-cấp v.v… Nhưng bởi con người còn xa Trời, nên sống với dục-tình nhiều hơn: khi tan khi hiệp bất thường, và cứ như thế mãi! Dục-vọng đưa ta đến vật sở-vọng; nó tạo ra cơ-hội để được thỏa-mãn. Cho nên cần phải chủ-trị nó. Ta hãy xem một người kia, ngày nầy qua ngày nọ, cứ bo bo làm cho có tiền; và khi có tiền rồi lại không biết dụng vào đâu; cứ đâm ra lo lắng sợ cướp bóc, ăn ngủ không yên, lòng buồn rười-rượi! Trước kia, y tưởng có tiền là hạnh-phúc hoàn-toàn, nhưng khi quen thấy tiền rừng, bạc bể, y sanh ra chán nản. Tiền bạc là một phương-tiện để cho mình hưởng hạnh-phúc, chớ nó chẳng phải là hạnh-phúc. Chính trong sự chán-nản nầy có ẩn sự nhiệm-mầu của cơ tiến-hóa. Con người nhờ dục-vọng mà tiến-hóa, và khi đã chiếm đặng vật sở-vọng rồi, thì đâm ra lãnh-đạm, rồi lại vứt đi; bởi vì vật đó hết làm cho người thỏa-thích nữa.

Muốn cho chúng sanh đừng đâm ra say mê những vật phù-vân, quyến-rủ ấy mà các Đấng thiêng-liêng mới khuyên con người mở thiên-thánh còn đang ẩn-tàng. Đời đem đến cho ta nhiều-điều ích-lợi, chẳng phải do những vật sở-hữu của ta làm cho ta vui sướng, mà do sự rán sức của ta để chiếm-đạt chúng nó. Vậy khổ cho ai không còn biết ham-muốn: vì nếu người thường-nhơn chưa có đủ ý-chí mạnh-mẽ của thần-hồn, mà đâm ra lãnh-đạm với tất cả mọi vật bên ngoài, thì làm sao có đặng sức tiến-thủ? Người như thế là người vô-dụng! Hãy biết rằng: không ham-muốn chẳng phải là được giải-thoát; người được giải-thoát là người đã đồng-hóa với Chơn-nhơn tức là Tâm-Linh vậy. Tất cả hình-sắc đều sụp đổ. Chỉ tâm-linh còn tồn-tại mà thôi. Khi con người đã từng trải mọi sự ở đời, mà vẫn thấy mình thiếu thốn, thì tự-nhiên hồi-hướng lại tâm mình để khêu ngọn linh-đăng huyền-diệu, mà tự bấy lâu mình quên lửng! Chính trong lúc ấy con người mới tìm đặng sự an-tĩnh và chơn hạnh-phúc cho.

3. Cái hạnh-phúc hay cái khổ-nàn của bạn là do cái hạnh-phúc hay cái khổ-nàn mà bạn đã tạo cho kẻ khác

Tùy theo sự hành-động của ta đối với kẻ khác mà ta gặt phước hay họa. Nhưng thường khi ta thấy một người ác-nghiệt mà lại được sung-sướng, ta tự hỏi rằng: "Ủa! tại sao một người ích-kỷ, xấu xa như thế, mà lại hưởng muôn cảnh giàu sang?" mà ta quên rằng "sự giàu sang không phải là hạnh-phúc". Bà Annie Besant tỷ-dụ như vầy: Một người kia làm phước, hiến cho nhà nước một số tiền khổng-lồ đặng cất nhà thương hay làm một cái công-viên. Thường thường không phải là do lòng nhân của y, mà là vì y háo danh. Nếu người như vậy, thì quả-báo sẽ ra sao? Sự làm của y đem đến cho người một cái hạnh-phúc vật-chất; nhờ nhà thương mà cả ngàn cả muôn bịnh nhơn được săn-sóc, nhờ công-viên mà bao nhiêu người được sung-sướng. Mặc dầu là háo danh, người làm phước ấy cũng sẽ hưởng cái quả tốt về sau: y sẽ có được cái hoàn-cảnh sung-sướng về vật-chất; y đã làm cho người được sung-sướng về vật-

chất, thì y sẽ được sung-sướng về vật-chất. Nhưng các bạn sẽ nói "Người ấy vì háo-danh kia mà, chớ lòng y có thương tưởng ai đâu?" Vậy làm sao giải-quyết đặng vấn-đề nầy?

Bà Annie Besant giải như vầy: "Người đó gặt quả tốt của sự sung-sướng về vật-chất mà thôi, chớ không phải sự sung-sướng về tinh-thần: mặc dầu y sống trong nhung lụa, y cũng bị đau khổ do tánh ích-kỷ của y. Luật trời không chừa một ai; y đã hành-động với sự ích-kỷ, thì sự ích-kỷ sẽ trở lại với y."

Mỗi hành-vi, cảm-xúc, và tư-tưởng đều đem đến một phản-động-lực liên-đới: luật nhân-quả không quên ai, và cũng không phụ ai!

CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI SÁU: Con người tự định số mạng mình

Biết đặng luật quả-báo rồi, và khi áp-dụng nó, ta sẽ thấy ta có thể định số mạng cho ta. Bởi vì: 1) Tư-tưởng tạo ra tánh-tình. 2) Ý-muốn tạo ra cơ-hội để cho ta đạt sở-vọng của ta. 3) Cái hạnh-phúc về vật-chất, tình-cảm và tư-tưởng đều do cái hạnh-phúc về vật-chất, tình-cảm và tư-tưởng của ta đã tạo ra xung quanh ta.

Ta đã biết đặng ba định-luật nầy và cũng biết làm thế nào để áp-dụng chúng nó, bây giờ ta nên quan-sát kỹ hơn một chút: tất cả dục-vọng, tư-tưởng và hành-vi đều dệt thành số mạng của ta. Vậy làm sao thấu rõ cái ảnh-hưởng của dĩ-vãng đối với cảnh hiện tại? Làm sao biết đặng căn-nguyên của nhân-quả để điều-khiển cuộc đời của ta trên đường sáng-suốt hơn? Nếu ta không biết rõ những định-luật nhơn-quả thì ta hóa ra lãnh-đạm, ta có thể phân bua rằng "Ôi! đó là quả-báo tôi!" chớ nào hiểu rằng "Luật nhân-quả không bao giờ cưỡng-chế; và cái ý-chí con người mạnh hơn số mạng". Có người sẽ hỏi ta như vầy "Tôi không thể tin như vậy được, bởi vì chúng ta đã trải qua bao nhiêu kiếp, chúng ta đã gieo biết bao nhiêu quả-báo, rồi bây giờ làm sao nói đặng rằng Ý-chí của tôi mạnh hơn số mạng?"

Bà Annie Besant trả lời về khoảng ấy như vầy: Muốn hiểu đặng sự nầy ta hãy quan-sát cái kết-quả của sự hành-vi trong một ngày.

Chiều tối, ta hãy kiểm-điểm lại tư-tưởng của ta trong ngày ấy, rồi xem nó có xu-hướng gì? Chắc chắn nó có nhiều xu-hướng lộn-xộn: có thứ tốt, có thứ xấu; đòn cân không ngã hẳn bên nào. Về tình-cảm cũng vậy, chúng nó cũng có nhiều thứ pha lộn nhau. Có thứ tình-cảm cao-thượng, có thứ tình-cảm thấp hèn; ta không thể đo lường đặng một cách phân-minh. Đối với hành-vi của ta cũng vậy: việc làm của ta có gây hạnh-phúc cho người, mà cũng có làm khổ cho người nữa; chung qui, thì bên phải và bên quấy gần bằng nhau.

Vậy đối với số mạng của ta cũng thế. Số mạng ta gồm có phước và họa, do ta dệt ra từ kiếp trước, tức là có nhiều mãnh-lực vô-hình xoay-chuyển đời ta: có thứ mãnh-lực đưa ta đến sự may, có thứ mãnh-lực đưa ta đến cái họa, có thứ mãnh-lực trung-hòa, nhơn đó mà cái kết-quả của các mãnh-lực nầy không đem lại sự gì đặc-biệt. Bởi tất cả chúng nó đều gom vào một trung-tâm điểm là "Cái ta" để đưa ta đến một đặc-điểm gì. Nhưng ta nên nhớ rằng: dầu mãnh-lực ấy do kiếp xưa của ta tạo ra, nhưng nó cũng bị tư-tưởng, tình-cảm và hành-vi hiện giờ của ta thấm-nhuần nó; nói một cách khác hơn là: tư-tưởng, tình-cảm và hành-vi ta có thể lay-chuyển đặng cái mãnh-lực xưa và làm cho nó ngã qua đòn cân nầy, hay đòn cân khác. Nhơn đó mà Đức Bhishma mới nói: "Sự rán sức hơn số mạng."

Kiếp trước ta đã nghĩ, đã cảm và đã làm, nên ta tạo ra số kiếp ngày nay. Còn ngày nay, ta cũng nghĩ, cũng cảm và cũng làm, vì lẽ đó mà ta tăng-gia hay giảm-bớt lực-lượng của kiếp-quả xưa.

Thật ra có nhiều trường-hợp mà quả xấu dồn-dập rất nhiều, dù ta cố gắng bao nhiêu cũng không thể dỡ hỏng đòn cân nặng. Đó là thứ quả muồi - sức ta không thể ngăn nổi. Tuy nhiên, hễ là người hiểu-biết

rồi, thì không bao giờ chịu khoanh tay ngồi ngó: cứ đem bình-sinh, chí-lực chóng chỏi với cái họa, hầu giảm bớt cái ảnh-hưởng xấu đi. Vậy ta hãy lấy ví dụ một người kia kiếp trước, luôn luôn muốn chiếm-hữu những vật không phải của mình; kiếp nầy y sanh ra với cái mầm trộm cướp. Lớn lên, cái ý muốn trộm cướp ấy hiện ra trong lòng y một cách mãnh-liệt; vậy hỏi y phải chìu theo dục-vọng và tự nói như nầy chăng "Tôi phải trộm cướp, tôi không thể làm khác hơn đặng?" Không, không, y phải chiến-đấu kỳ-cùng, phải đem hết bình-sinh, chí-lực chóng-chỏi với trận giặc lòng. Rốt cuộc, có thể y thất bại: y chìu theo dục-vọng mà đi trộm cướp; nhưng mỗi khi y rán sức phản-đối lại tật xấu, thì cái ảnh-hưởng của tật xấu ấy sẽ giảm lần; vậy bữa nay, y có thể thất-bại, ngày mai y có thể đắc-thắng.

Học luật nhân-quả đưa ta đến cái kết-quả nầy là: dù sự quyến-rũ mạnh-mẽ thế nào, ta cũng phải tận-tâm, tận-lực chiến-đấu lại, cho tới chừng nào toàn thắng mới thôi. Người thường-nhơn đứng ngoài, không biết đặng sự cố-gắng trong lòng của ta, họ có thể phán-đoán, nghiêm-khắc khi ta làm quấy; nhưng luật nhân-quả đã ghi công cho ta trên cuốn sổ-vàng!

Một người kia đang túng-bấn hay đau ốm. Nếu thấy thế, rồi ta chỉ nói thầm rằng "Đó là quả-báo của họ, tôi đến giúp họ làm gì?" Xung quanh ta có biết bao là sự đau khổ (mà tất cả sự đau khổ đều do cái kết-quả không hay của dĩ-vãng) nhưng đó không phải là một lý-do cấm ta đem sự hạnh phúc thế vào chỗ đau thương, đem tình yêu vuốt ve lòng tuyệt-vọng. Những tư-tưởng xấu, những tình-cảm thấp hèn những hành-vi độc ác đều tạo ra sự đau khổ hiện-tại hay tương-lai; nhưng chẳng phải vì đó mà ta không đặng có những tư-tưởng tốt đẹp, những tình-cảm thanh cao hay những hành-vi bác-ái, để đổi sự buồn rầu, đau-đớn ấy ra sự vui tươi và hạnh-phúc. Biết rằng: ngày nay là phản-ảnh ngày hôm qua, nhưng ngày mai cũng là phản-ảnh của ngày hôm nay vậy. Ta hãy giúp-đỡ người cần được giúp-đỡ. Ta hãy vỗ-về người đang buồn-thảm. Ta chớ ích-kỷ và làm tay sai cho "hung thần" để gieo thêm sự đau khổ cho người! Hễ ta giúp người, thì đến phiên ta, ta sẽ được người giúp lại. Khi ai ở bên cạnh ta đang đau đớn, ta chớ ngó mặt và trả lời rằng "Số kiếp của y, y phải chịu, y đã gây tội, thì y phải gặt lấy điều dữ, ta hãy để cho y trả quả chớ!" Thật ra, luật công-bình chủ-trị thế-gian không sai lấy một ly, và hễ có vay, thì có trả, có tội, thì có đền. Nhưng ta đây là người, ta đâu có đủ sự sáng suốt; ta hãy tôn-trọng cán cân công-bình của Đấng thiêng-liêng, và ta lo lấy phận ta. Đối với những người xung quanh ta, ta phải là Thiên-Sứ của Trời đem đến cho họ tình nhơn-ái và dạ xót thương. Ta có thể nói rằng: "Nếu luật quả-báo bắt một người kia đau khổ, thì dầu ta có làm thế mấy cũng không ngăn cản đặng." Nhưng, tại sao ta lại dám chắc là ta không có sứ mạng trong sự đau khổ nầy? Rất có thể chính ta đây là tay sai của Đấng Nam-Tào Bắc-Đẩu để đem sự hạnh-phúc cho người, trong lúc quả xấu của người đã đến thời-kỳ tiêu-diệt. Lẽ nào ta lại thối-thoát cái thiên-trách vinh-diệu ấy, và quay mặt chẳng nhìn người đau khổ, mà quả-báo đã đặt ngay trên bước đường của ta? Có phải vì lẽ biết sơ qua luật nhân-quả, rồi ta nghiêm-khắc, lãnh-đạm, và ích-kỷ đối với sự lỗi lầm của kẻ khác chăng? Đó là ta phạm đến sự công-bình, và tăng-gia sự đau-khổ cho nhân-loại. Rồi đến lượt ta đau khổ, trơ-trọi, cô-đơn: vì quả báo không thiên vị một ai!

*

Biết mấy điều trên đây, ta sẽ nhìn đời sống với cặp mắt nhà khoa-học. Ta sẽ không than-van nữa, và ta biết cầm số mạng của ta trong tay: ta sung-sướng hay đau khổ đều do ở ta mà ra cả. Người khoa-học rủi có thất-bại trong phòng thí-nghiệm, thì chỉ có trách mình và tìm lỗi tại đâu.

Ta cũng phải làm như thế mới đặng. Có thể ta không biết tại sao sự biến-cố lại xảy ra, nhưng ta biết mỗi chuyện xảy ra đều có nguyên-nhân cả; nên phải lập tức tập-trung lực-lượng đặng đối phó. Nhờ sự rán sức của ta mà ta thay đổi địa-thế. Dưới trần không bao giờ có sự bất-công, mỗi người gặt cái gì mà mình đã gieo. Thay vì tức giận cho số mạng, ta phải can-đảm và đối-phó để chuyển bại, thành thắng. Cái tư-tưởng rõ-ràng và mạnh-mẽ là món khí-cụ linh-diệu, là cái gia-tài quí giá của tất cả người đàn ông hay đàn bà. Vậy ta hãy mở-mang nó, cho nó trở nên thanh-bai, tinh-khiết và mạnh-mẽ: vì tư-tưởng là mãnh-lực tạo ra tánh-tình. Mà tánh-tình là nền-tảng của số mạng mai sau.

CHƯƠNG THỨ SÁU MƯƠI BẢY: Kết-luận Luân-Hồi và Quả-Báo CÓ ẢNH HƯỞNG GÌ ĐẾN ĐỜI SỐNG TA?

Con người vốn là sinh-linh bất-diệt. Nắm cỏ xanh kia đâu chôn lấp được mảnh hồn-linh?

Vả lại, người thác đi, chớ tác-phẩm vẫn còn lưu hậu-thế. Vậy người hèn-nhát nhứt trong chúng ta cũng đã góp công xây dựng đền lầu Văn-Minh của Nhơn-Loại; nếu thiếu một ai, thì cái Đền lầu ấy đâu được hoàn-toàn? Chính mỗi người, mỗi sanh-vật đều là mỗi tạo-tác-viên trong võ-trụ. Ấy vậy trong mỗi hiện-tượng của sự sống thiêng-liêng, người ta thấy hai phần: 1) phần trường-tồn, bất-diệt và 2) phần mộng-ảo, vô-thường: mới thấy đó, bổng liền tan mất đó.

Người học Đạo là người đang tập phân-tích hai phần-tử ấy để đi đến sự Minh-Triết và khép đời sống mình trong Trật-Tự và Mỹ-lệ.

Ảnh-hưởng của thuyết Luân-Hồi

Một khi đã biết thuyết Luân-Hồi, thì đời sống ta sẽ thay đổi gì chăng? Hẳn nhiên đời ta sẽ thay đổi: ta sẽ nhẫn-nhịn hơn, ta sẽ hòa-hưỡn hơn, dù giữa cõi đời đầy cạnh-tranh, chiến-đấu; ta sẽ không lật-đật, rộn-ràng như trước. Ta đã rõ Luân-Hồi là gì, thì sự địa-ngục đời đời không còn ý-nghĩa nữa. Ta thấy con người luôn luôn có ngõ cứu-rỗi và không bao giờ bị bỏ rơi. Ta thấy sự thắng trận cuối cùng, sự vinh-quang rực-rỡ ở tương-lai của tất cả sinh-linh. Mỗi một hành-vi lương-thiện của ta sẽ đưa ta đến gần sự thành-công vậy. Trong đời có biết bao cơ-hội cho ta làm việc lành?

Nếu thuyết Luân-Hồi đã trở thành một nguyên-lý chánh-đại trong đời ta, thì ta sẽ thấy lòng ta được yên-tịnh và vui tươi: vì ta đã cảm đặng sự trường-tồn của võ-trụ và muôn loài. Ta thấy ta đang sống một ngày của chuỗi ngày vô-tận; chi nên điều gì ta làm không được bây giờ, thì ngày mai ta sẽ thành-công. Ta thấy mình có khả-năng mạnh-mẽ, nghị-lực dồi-dào, hình như không có điều chi mà ta làm không đặng; vì ta sống mãi kia mà; ta có đủ ngày giờ để thực-hành ý-niệm - dù gặp phải cảnh khó-khăn nguy-hiểm vô-biên.

Lại nữa, thuyết Luân-Hồi khiến cho ta thay đổi tư-cách đối với những người xung quanh. Tình thân-mật giữa bạn-bè càng thêm thân-mật, vì cảm thấy bằng-hữu ta là những người mà ta đã thương-yêu kiếp trước; nay hồn ta bắt gặp đặng hồn bạn, ngang qua tấm màng dày đặc của xác thân. Ta vui mừng thấy "Tình yêu bất-diệt" giữa loài người.

Nhưng, than ôi, trong khi ta gặp bạn thân, ta lại gặp kẻ thù. Vậy cuộc diện sẽ thay đổi làm sao?

Mà ai là kẻ thù? Nếu không phải là người kiếp xưa mà ta giết, hại, thì cũng là người chủ-nợ đến đòi món nợ của ta đã thiếu. Vậy ta có nên kết oán với y không? Y là người giúp ta có cơ-hội trả rồi món nợ xưa, thì quả thật y là người giải-thoát ta, đem sự tự-do đến cho ta, chớ chẳng phải là kẻ thù ta. Nếu đứng về phương-diện đó, thì lòng ta đã không còn oán-hận, mà lại biết ơn người đã chịu lãnh nợ xưa, để cho ta thong-thả tiếp-tục tiến bước trên Đường Sáng-Lạng thiêng-liêng.

Ta biết rằng: chẳng ai hại ta đặng, nếu không phải là ta tự hại lấy ta. Kẻ nghịch của ta, là ta vậy: vì chính tự tay ta đánh vào mặt ta; tất cả hành-vi thiện-ác của ta sẽ quay về với ta, chúng nó nâng ta lên cao hoặc dìm ta xuống hố. Ta giận người ư? Ta oán người ư? Tức thị là ta kêu sự giận, sự oán trở về với ta. Chẳng phải sự bất-công của người đối với ta làm cho ta đau khổ, mà chính sự oán-hận cấu xé can-tràng ta, nó là những gai nhọn đâm phủng lòng ta. Ta nên can-đảm rút ra, để chờ cho gánh nghiệp quả-báo xưa trút sạch xuống. Chỉ có tư-cách ấy làm cho ta bình-tâm lại mà thôi.

Thuyết Luân-Hồi còn làm cho ta nhận rõ địa-vị của ta hiện-thời, khiến ta thấy nó rất phù-hạp với sự tiến-hóa của ta.

Có nhiều người nói rằng "Phải chi tôi ở vào hoàn-cảnh khác thì tôi tấn-hóa biết bao!" Nhưng đó là sự rất sai lầm. Chính ở hoàn-cảnh nầy mà ta hữu-ích nhiều nhứt, còn ở vào hoàn-cảnh khác, thì ta sẽ lạc đường. Bao giờ ta đã chủ-trị đặng hoàn-cảnh ấy và lướt qua khỏi nó, thì con đường mới sẽ hiện đến ta.

Ta gặp phải sự khó khăn trong gia-đình ư? Đó là ta phải học bài nhẫn-nại. Ta gặp phải vài chướng-ngại trên đường đời ư? Đó là ta phải cần mở những đức-tánh mà ta không có. Luật Trời rất công-bình và sáng-suốt, cho nên mỗi trường-hợp đều đặc-biệt cho sự tiến-triển riêng của cá-nhơn. Nếu ta nhìn-nhận rõ ràng cái chơn-lý đó rồi, thì đời sống ta sẽ là đời Hòa-Bình; rồi tất cả sự bực lòng, tất cả sự lo-âu đều thi nhau tan mất, và ta không còn muốn thay đổi hoàn-cảnh nữa.

Bao giờ tấm lòng ta hoàn-toàn an-tịnh vui tươi (đó chỉ nghĩa là ta đã học xong bài học rồi) thì hoàn-cảnh tự-nhiên lần lần đổi khác. Chừng đó ta mới nếm đặng cái chơn Hạnh-Phúc cho.

Ngoài ra những điều tốt đẹp trên đây, sự Luân-Hồi còn đi xa hơn nữa. Nó làm cho ta có đặng sự thiện-cảm dồi-dào, một sự khoan-dung vô-lượng, một tánh kiên-nhẫn khôn phai đối với những người lân-cận.

Có nhiều nam nữ thiện-tâm buồn rầu thấy kẻ khác không được tử-tế; họ lấy làm xôn-xao và hết sức cực-nhọc, chẳng phải để sửa đổi họ được tốt đẹp hơn, mà để sửa đổi những người xung quanh! Điều nầy thật là vô-lý và hoài-công! Mỗi người phải tự biết con đường của mình hơn ai hết, mà nếu mình muốn tiến-hóa, thì phải tự mình trau sửa, chớ chẳng phải ai khác làm thế đặng. Có kẻ phản-đối rằng: "Người ta bảo tôi đi con đường của tôi. Nhưng nó xấu quá. Tôi biết làm thế nào bây giờ?" Phải, nó có thể xấu cho phàm-nhơn, nhưng nó tốt cho linh-hồn. Ai biết đặng linh-hồn, ở trong xác thân, muốn học bài học nào? Ai biết đặng tất cả chi-tiết của sự kinh-nghiệm, sự thử-thách, những cuộc chiến-thắng cùng bại-trận của nó, để nói đúng sự nhu-cầu của nó ở kiếp nầy?

Điều thử-thách xem dường nặng-nề, kinh-khủng, nhưng rất phù-hạp với sự tấn-hóa của linh-hồn; còn những cái thất-bại, mà ta cho là chướng-ngại, là rủi-ro, vốn là nền tảng của sự thành công. Ta bị xác thân làm trở ngại, nên không đoán đặng đời sống thực-sự của ta, rồi ta làm sao đoán đặng đời sống của kẻ khác? Dưới trần có thiên hình, vạn trạng, để cho ta thực-nghiệm. Chỉ trong sự dị-đẳng của sắc-tướng, mà tài năng vô-lượng của chơn-ngã mới biểu-lộ mà thôi. Điều mà mắt phàm cho rằng sái, có thể được linh-hồn, trên cõi cao, xem là đúng, là cần. Ta hãy chọn con đường cho ta, tùy sự hiểu-biết và lương-tâm, rồi để cho kẻ khác được tự-do chọn con đường của họ. Ta chớ xen vào.

Người ta có thể phản-đối rằng: "Nói như thế là phải rồi nhưng tôi có bổn phận cho biết ý-kiến và khuyên-lơn". Khuyên-lơn tức là có ý muốn giúp đỡ. Đó là tốt vậy. Điều không nên làm là cố-gắng ép buộc người phải nghe theo mình và bảo: "Bạn phải làm điều nầy, điều nọ". Nếu ta thấy điều gì sái, thì nên tự hỏi: "Chơn-nhơn biểu-lộ như vậy có ý-nghĩa gì?" Chớ đừng phán-đoán và kết-án. Cái tư-cách của người học Đạo phải luôn luôn giống với tư-cách của người học-giả. Trong những chuyện biến-cố ở đời, người học-giả nên tìm thấy bài học cho mình. Với tư-cách xem đời như thế, ta sẽ gặp nhiều hứng-thú và đời ta sẽ hóa ra đời của hiền-giả, dù ta không tự xưng là: kẻ tu-hành.

Ảnh-hưởng của thuyết nhân-quả

Về điểm thứ nhì là thuyết nhân-quả. Vậy ta thử xem thuyết Nhân-quả có ảnh-hưởng gì đến đời sống ta chăng? Người ta thường nói đến luật Nhân-quả nhưng rủi thay ít người chịu đi sâu vào vấn-đề, nên không hiểu rằng: đó là điều tai-hại. Người ta nói đến Nhân-quả hay quả-báo như một gói đồ to lớn rớt xuống ngay đầu con người từ thuở lọt lòng, không thế gì sửa chữa hay trốn tránh được. Đôi khi cũng đúng thế. Nhưng trong nhiều trường-hợp, ta có thể sửa đổi đặng ngay. Cái tư-cách hành-động của ta mỗi ngày sẽ đổi Quả-báo kiếp xưa. Quả-báo luôn luôn tái-tạo chớ chẳng phải là một chướng-ngại để cản bước đường của ta; nó cũng chẳng phải là lưỡi gươm bén treo trên cổ ta để chực hờ cơ-hội đặng rời xuống.

Quả-báo là một số nợ, có thể thay đổi theo mỗi tư-tưởng, mỗi ý-muốn và mỗi hành-vi. Muốn áp-dụng nó, ta phải nhớ ba luật nầy: 1) Tư-tưởng tạo ra tánh-tình, 2) Ý muốn tạo ra cơ-hội, 3) Hành-vi tạo ra hoàn-cảnh.

Ta hãy ngồi im-lặng xét coi ngày hôm qua ta có làm việc gì? Tức thì các tư-tưởng của ta đổ-xô nhau đến: thứ thì tốt, thứ thì xấu. Nếu ta tổng-kê kết-quả, thì ta sẽ thấy khó mà biết đặng cái ảnh-hưởng của nó đối với quả-báo ta. Trong một ngày ta tạo ra nhiều quả lộn-xộn, không rõ-rệt: thứ nhứt quả-báo thuộc về tư-tưởng, thứ nhì quả-báo thuộc về tình-cảm và hành-vi. Rồi người ta cũng cứ đổ thừa cho quả-báo kiếp xưa, được trút gánh nặng, để khỏi trông thấy dòng nước đổ mạnh, ồ ồ lôi cuốn tất cả vật gì nó gặp.

Chính trong dòng nước to ấy, muôn dòng nước nhỏ đổ vào rồi: mỗi dòng nước nhỏ đem mầu sắc mình hòa lẫn với dòng nước "chung". Nếu tất cả dòng nước nhỏ đều trong, thì dòng nước "chung" cũng sẽ vì đó mà trong theo. Cho nên người ta bao giờ cũng có thể làm cho đòn cân quả-báo nghiêng hẳn bên nầy hay bên kia. Dù ở vào hoàn-cảnh nào, ta cũng rán rút lấy bài học hay trong đó. Nếu gặp phải quả-báo xấu nhiều quá cũng mặc; ta cứ cố-gắng và mãi cố-gắng. Và sự cố-gắng nầy sẽ làm cho đòn-cân quả tốt được nặng thêm, rồi từ đó sẽ lần đến chỗ quân-bình. Sự rán sức luôn luôn hữu-ích, dù đối với mắt ta nó là vô-bổ. Thật ra, mỗi sự rán sức đều đem đến một cái kết quả. Lần lần ta trở nên sáng-suốt hơn; mà hễ ta càng sáng suốt, thì ta càng suy-gẫm và hoạt-động. Chính thế, mà ta càng thông luật Nhân-quả.

Có người nói rằng: "Nghiệp tôi nhiều quá, sức tôi có hạn làm sao tôi chống lại nổi?" Nói như thế chỉ tỏ rằng: mình không rán sức trước sự khó khăn. Bởi có khó, mới có khôn, có nhọc-nhằn, mới có thuở vinh-quang. Nghiệp nặng? Đành rồi. Nhưng tại sao không đem hết sức mình để chống lại? Dẫu thất bại thì có hệ gì? Cũng như người đi biển, khi gặp gió ngược, biết rằng: mình không thể xoay chìu gió đặng, nhưng có thể sửa hướng lá buồm. Bằng cách khéo điều-khiển, con tàu cũng có thể lướt sóng và đỗ bến bình-an. Nếu ta không thể đổi đặng số mạng ta, thì hãy đổi "con người" của ta đi. Ta hãy đẽo, gọt cạnh góc cho nó được trơn-tru tốt đẹp. Rồi ta sẽ thành công chắc chắn.

Người ta nói rằng: "Yoga là nghệ-thuật ở hành-vi". Người hiền-giả luôn luôn thực-hành khéo-léo, để thắng định-mạng, chớ chẳng để định-mạng thắng lại mình. Nếu ta nhọc sức mà không thể sửa đổi định-mạng, thì ta cúi đầu, nhượng bước, và rút kinh-nghiệm. Như vậy ta sẽ hái đặng đóa hoa Sáng-Suốt, mà ở vào hoàn-cảnh khác, thuận-tiện hơn, ta chưa chắc gì gặp đặng?

Kết-luận

Một khi ta đã thâm-hiểu thuyết Luân-Hồi và luật Nhân-Quả, thì ta sẽ là người *Biết Sống,* và đời ta sẽ là đời *Phụng-Sự.* Thật ra, nếu ta không phụng-sự thì ta không có quyền sống. Sở dĩ ta sống đến ngày nay là nhờ sự hy-sinh của vô số người. Bổn phận của ta là phải đền đáp, bất kỳ là phương-diện nào. Càng phụng-sự, ta càng đến gần sự Minh-triết. Càng phụng-sự ta càng mau thoát khỏi lớp sương mù của thành-kiến, của sự đắm-mê và vô tiết-độ; như vậy ta tạo quả lành, và tránh biết bao điều tội ác. Vui thay cho người biết sống và biết phụng-sự.

CHUNG

[[1]] Xin lưu ý: Manas viết bằng chữ hoa nghĩa là Thượng-trí còn manas viết bằng chữ thường là hạ-trí.

[[2]] Cái Ta là cái Tâm-thức đang suy nghĩ, đang cảm, đang làm, còn cái "không phải là Ta" là cái gì bị Tâm-thức đem ra suy nghĩ, cảm-xúc và thi-hành.

[[3]] Le fil qui relie le guetteur silencieux et son ombre devient plus fort et rayonne. (Doctrine Secrète)

[[4]] Chúng ta nên ôn lại: Ba trạng-thái Đức Thượng-đế lần lượt phóng ra ba luồng sóng sanh-hoạt: Luồng sóng sanh-hoạt I tạo ra nguyên-tử; luồng sóng sanh-hoạt II lấy các nguyên-tử ấy mà dệt ra hình-hài sắc-tướng; Luồng sóng sanh-hoạt thứ III xạ xuống tới cõi Bồ-Đề rồi đó mà chờ hồn-thú nhô lên đặng đưa nó vào hàng nhơn-loại.

[[5]] Tuy là nói luồng sóng Sanh-hoạt thứ II chớ cũng có luồng sóng Sanh-hoạt thứ I đã nhập lại với nó.

[[6]] Điểm-Đạo là được chứng-nhận một cách xác-định là nhơn-viên trong Quần-Tiên-Hội (Confrérie Blanche ou Grande Fraternité). Người được Điểm-Đạo thấy đặng máy huyền-vi của tạo-hóa, sống một đời thiêng-liêng siêu-việt; phàm–nhơn lần lần được trong sạch và trở nên phản-ảnh hoàn-toàn của Chơn-nhơn. Bấy giờ chơn-nhơn khởi sống theo chơn-thần, hầu hiệp-nhứt với Đức Thượng-Đế.

[[7]] Atma là trạng-thái cõi Niết-Bàn.

[[8]] Ba cái khuôn nầy là hình ảnh của ba thể hết sức đúng không sai một ly. Cái khuôn của xác là cái Phách. Chúng ta biết mỗi người đều có chỉ tay riêng-biệt. Một người kia rủi làm trốc da đầu ngón tay, mà khi lành, lại có một tấm da khác sanh ra thay thế. Nếu bắt y lăn tay, thì ta sẽ thấy dấu tay y không thay đổi một ly. Vì sao vậy? Bởi ngoài đầu ngón tay cái khuôn sẵn có.

[[9]] Các vị thiên-thần Dévarajds (mà ta gọi là mụ-bà) làm ra cái phách (tức là khuôn cho xác-thịt, chớ chẳng phải là do ý muốn của chơn-nhơn).

[[10]] Ta nên nói Đức Phật Thích-Ca chớ đừng dùng chữ Mu-ni: vì chữ Mu-ni do chữ Phạn Muni có nghĩa là bậc Thánh, bậc Hiền. Nếu ta nói: đức Thích-ca Muni chỉ nghĩa là Đức Thích-ca mới bậc Thánh, bậc hiền mà thôi (Muni: sanscrit: sage, ascète, saint (Tự-Điển Rhéa, trương 95)

[[11]] Ta chớ lầm lộn Linh-hồn (hay chơn-nhơn) với chơn-thân.

[[12]] Chơn-thân làm bằng chất Thượng Thanh-khí ở tại cõi Thượng-Thiên. Người ta có thể gọi Chơn-thân là Thượng-Trí.

Chơn-thân sanh tại cõi Tối Đại Niết-Bàn và ngụ tại cõi Đại-Niết-Bàn. Còn Chơn-nhơn là tia sáng của Chơn-thần, xuống cõi Thượng-thiên, ngụ trong chơn-thân. Còn phàm nhơn là tia sáng của Chơn-nhơn xuống cõi trần lấy xác, vía, trí, làm thể. Tóm lại: Chơn-nhơn là phần-tử của Chơn-thần, còn phàm-nhơn là phần tử của Chơn-nhơn.

[[13]] Như ta đã biết: tất cả mọi người, sau khi chết rồi, đều lên cõi Trời, tức là Hạ-Thiên hay Dévakhan bất luận kẻ dữ hay người lành: bởi vì ba hột nguyên-tử trường-tồn của mỗi người đều rút vào Chơn-thân (corps causal) ở cõi Thượng-Thiên. Mà muốn đến cõi Thượng-Thiên phải ở một thời gian tại Dévakhan. Song người lành, thì ví như hoa đã nở, còn người dữ, thì ví như hoa còn búp mà thôi, chớ thật ra, không có ai là ác, ai là thiện cả.

[[14]] Đứa con của ta có thể hiểu và làm theo luân-lý chớ người mọi không thể nào hiểu thông đặng.

[[15]] Mỗi người trước khi đi đầu-thai, thì phải ngụ một thời-gian tại cõi Trời, lâu mau, tùy theo sự tiến-hóa của mình.

[[16]] Người ta cho sự đi đầu-thai xuống thế là đi hành-hương: vì cái mục-đích thiêng-liêng của nó.

[[17]] Chính bà A. Besant và ông C. W. Leadbeater đã thấy đặng những kiếp trước, nên mới xuất-bản nhiều quyển như: La Vie d'Alcyone, L'Homme d'où il vient, où il va; v.v…

[[18]] Bốn người A, B, C, D, nầy là: A) SIRIUS là tiền-kiếp ông C.W LEADBEATER; B) ORION; C) ALCYONE là tiền-kiếp ông KRISHNAMURTI; D) ERATO.

[[19]] Là các vị Đại Thiên-Thần có trách-nhiệm cầm cân công-bình: thưởng phạt phân-minh tùy theo sự lành hay dữ của mình đã gây.

[[20]] Giục-giã chớ không ép-buộc.

[[21]] Đã nói về đường kim-quang-tuyến ở trước. Nó làm bằng chất cõi bồ-đề, màu vàng và chói sáng. Nó rất mỏng-mảnh và thanh-kỳ.

[[22]] Người mình gọi là Mụ-Bà.

[[23]] Qua có nghĩa là trái dưa.

[[24]] Ta đã nói trước kia, linh hồn có thể chọn hoàn-cảnh, xứ-sở, cha mẹ v.v… cho kiếp luân-hồi của mình là khi nào mình đã đi đến bậc tấn-hóa khá cao.

[[25]] Mình sửa đổi đặng quả chưa muồi, chớ quả muồi, thì vô phương: vì hễ trái chin muồi, thì rụng, chớ không làm sao ngăn đặng!

[[26]] Nghĩa là lúc sinh-linh nhập-thế lấy các thể xác.

[[27]] Trong trời đất tuy là có 7 cung chánh mà do sự pha lẫn ảnh-hưởng nên sanh ra rất nhiều cung phụ-thuộc khác (xin xem khoản "Bảy Cung" ở trước).